

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

NGUYỄN HỮU TOÀN

**TỰ Ý THỨC VỀ HÀNH VI PHẠM TỘI
VÀ HÀNH VI CHẤP HÀNH HÌNH PHẠT TÙ
CỦA PHẠM NHÂN**

Chuyên ngành: Tâm lý học chuyên ngành
Mã số: 62 31 03 01

LUẬN ÁN TIẾN SỸ TÂM LÝ HỌC

Người hướng dẫn khoa học:
1. PGS.TS NGUYỄN HỒI LOAN
2. PGS.TS NGUYỄN THỊ HOA

HÀ NỘI, 2014

NHỮNG CỤM TỪ VIẾT TẮT

Chữ viết tắt		Xin đọc là
1.	CHHPT	Chấp hành hình phạt tù
2.	ĐLC	Độ lệch chuẩn
3.	ĐTB	Điểm trung bình
4.	HV	Hành vi
5.	HVCHHPT	Hành vi chấp hành hình phạt tù
6.	HVPT	Hành vi phạm tội
7.	MBTPCMT	Mua bán trái phép chất ma túy
8.	PN	Phạm nhân
9.	TĐCHV	Tự điều chỉnh hành vi
10.	TĐG	Tự đánh giá
11.	TNT	Tự nhận thức
12.	TTATXH	Trật tự an toàn xã hội
13.	TTTPCMT	Tàng trữ trái phép chất ma túy
14.	TTXH	Trật tự xã hội
15.	TYT	Tự ý thức
16.	VCTPCMT	Vận chuyển trái phép chất ma túy

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU.....	5
1. LÝ DO CHỌN ĐỀ TÀI.....	8
2. MỤC ĐÍCH NGHIÊN CỨU	9
3. ĐỐI TƯỢNG VÀ KHÁCH THỂ NGHIÊN CỨU	10
4. NHIỆM VỤ NGHIÊN CỨU	10
5. GIỚI HẠN PHẠM VI NGHIÊN CỨU	10
6. GIẢ THUYẾT KHOA HỌC	11
7. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU	11
8. NHỮNG ĐÓNG GÓP MỚI CỦA LUẬN ÁN.....	12
9. KẾT CẤU CỦA LUẬN ÁN.....	12
CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN NGHIÊN CỨU TỰ Ý THỨC VỀ HÀNH VI PHẠM	
TỘI VÀ HÀNH VI CHẤP HÀNH HÌNH PHẠT TÙ CỦA PHẠM NHÂN	13
1.1. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU VỀ TỰ Ý THỨC VÀ TỰ Ý THỨC VỀ	
HÀNH VI PHẠM TỘI VÀ HÀNH VI CHẤP HÀNH HÌNH PHẠT TÙ.....	13
1.1.1. Tổng quan những nghiên cứu về tự ý thức.....	13
1.1.2. Những nghiên cứu tự ý thức về hành vi phạm tội và hành vi chấp hành	
hình phạt tù.....	19
1.2. MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN CỦA TỰ Ý THỨC VỀ HÀNH VI PHẠM TỘI	
VÀ HÀNH VI CHẤP HÀNH HÌNH PHẠT TÙ CỦA PHẠM NHÂN PHẠM CÁC TỘI VỀ	
MA TÚY	22
1.2.1. Các khái niệm cơ bản	22
1.2.2. Biểu hiện của tự ý thức về hành vi phạm tội và hành vi chấp hành hình	
phạt tù của phạm nhân phạm.....	50
1.3. MỘT SỐ YẾU TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN TỰ Ý THỨC VỀ HÀNH VI PHẠM TỘI VÀ	
HÀNH VI CHẤP HÀNH HÌNH PHẠT TÙ CỦA PHẠM NHÂN.....	57
1.3.1. Các yếu tố ảnh hưởng tới tự ý thức	57
1.3.2. Một số yếu tố ảnh hưởng tới tự ý thức về hành vi phạm tội và hành vi	
chấp hành hình phạt tù của phạm nhân	61
TIỂU KẾT CHƯƠNG 1.....	64
CHƯƠNG 2: TỔ CHỨC VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU	66
2.1. TỔ CHỨC NGHIÊN CỨU.....	66
2.1.1. Tổ chức nghiên cứu lý luận	66
2.1.2. Tổ chức nghiên cứu thực tiễn	67
2.2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU	75
2.2.1. Phương pháp nghiên cứu văn bản tài liệu	75
2.2.2. Phương pháp chuyên gia	76
2.2.3. Phương pháp điều tra bằng bảng hỏi	76
2.2.4. Phương pháp quan sát.....	81
2.2.5. Phương pháp phỏng vấn sâu.....	82
2.2.6. Phương pháp nghiên cứu qua lịch sử cuộc đời.....	83
2.2.7. Phương pháp phân tích trường hợp điển hình	84
TIỂU KẾT CHƯƠNG 2.....	85

CHƯƠNG 3: KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU TỰ Ý THỨC VỀ HÀNH VI PHẠM TỘI VÀ HÀNH VI CHẤP HÀNH HÌNH PHẠT TÙ CỦA PHẠM NHÂN	86
3.1. THỰC TRẠNG TỰ Ý THỨC VỀ HÀNH VI PHẠM TỘI VÀ HÀNH VI CHẤP HÀNH HÌNH PHẠT TÙ CỦA PHẠM NHÂN PHẠM CÁC TỘI VỀ MA TÚY	86
3.1.1. Thực trạng tự ý thức của phạm nhân thể hiện qua tự nhận thức về hành vi phạm tội và hành vi chấp hành hình phạt tù	86
3.1.2. Thực trạng tự ý thức của phạm nhân thể hiện qua tự đánh giá về hành vi phạm tội và hành vi chấp hành hình phạt tù	110
3.1.3. Thực trạng tự ý thức của phạm nhân thể hiện qua tự điều chỉnh hành vi chấp hành hình phạt tù	134
3.2. THỰC TRẠNG MỘT SỐ YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN TỰ Ý THỨC CỦA PHẠM NHÂN VỀ HÀNH VI PHẠM TỘI VÀ HÀNH VI CHẤP HÀNH HÌNH PHẠT TÙ.....	149
3.2.1. Thực trạng ảnh hưởng niềm tin của phạm nhân vào tương lai.....	150
3.2.2. Thực trạng ảnh hưởng của mối quan hệ giữa các phạm nhân.....	153
3.2.3. Thực trạng ảnh hưởng mối quan hệ giữa phạm nhân với gia đình	156
3.2.4. Thực trạng ảnh hưởng mối quan hệ giữa phạm nhân với cán bộ	159
3.2.5. Mối tương quan giữa các yếu tố tác động và các biểu hiện của tự ý thức của PN về hành vi phạm tội và hành vi chấp hành hình phạt tù	162
3.3. TỰ Ý THỨC CỦA PHẠM NHÂN VỀ HÀNH VI PHẠM TỘI VÀ HÀNH VI CHẤP HÀNH HÌNH PHẠT TÙ QUA PHÂN TÍCH TRƯỜNG HỢP ĐIỂN HÌNH.....	166
3.3.1. Trường hợp thứ nhất: PHẠM HỒNG N.....	166
3.3.2. Trường hợp thứ hai: TRẦN XUÂN H	174
KẾT LUẬN - KIẾN NGHỊ	180
1. KẾT LUẬN	180
2. KIẾN NGHỊ.....	182
DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ ĐƯỢC CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ.....	185
PHỤ LỤC	195

DANH MỤC CÁC BẢNG

Thứ tự	Nội dung	Trang
Bảng 2.1:	Độ tin cậy của các thang đo TYT về HVPT và HVCHHPT của PN.....	70
Bảng 2.2:	Tương quan giữa các tiểu thang đo của TYT về HVPT và HVCHHPT	71
Bảng 2.3:	Độ tin cậy của thang đo các yếu tố ảnh hưởng đến TYT về HVPT và HVCHHPT	71
Bảng 2.4:	Tương quan giữa các yếu tố ảnh hưởng đến TYT về HVPT và HVCHHPT	71
Bảng 2.5:	Bảng xếp loại PN qua các năm 2009-2011	72
Bảng 2.6:	Một số đặc điểm nhân khẩu xã hội của mẫu PN.....	73
Bảng 2.7:	Cấu trúc của bảng hỏi hoàn thiện câu dành cho phạm nhân.....	80
Bảng 3.1:	Tự ý thức thể hiện qua TNT về HVPT (theo ĐTB).....	86
Bảng 3.2:	TNT của phạm nhân về nguyên nhân dẫn tới HVPT.....	87
Bảng 3.3:	TNT về nguyên nhân dẫn tới HVPT ma túy của bản thân.....	89
Biểu đồ 3.1:	So sánh ý kiến của quản giáo và TNT của phạm nhân	89
Bảng 3.4:	TNT về hậu quả của HVPT ma túy	94
Bảng 3.5:	Tự nhận thức của phạm nhân về hậu quả của hành vi phạm tội	95
Bảng 3.6:	TNT về hậu quả của HVPT của phạm nhân (Theo giới tính).....	97
Bảng 3.7:	TNT về HVPT vi phạm pháp luật hình sự	99
Bảng 3.8:	TNT của phạm nhân về HVPT có hay không vi phạm pháp luật hình sự ..	101
Bảng 3.9:	Thực trạng nhận thức của phạm nhân về hình phạt tù.....	104
Bảng 3.10:	TNT của phạm nhân về HVCHHPT giữa các nhóm	105
Bảng 3.11:	Tự đánh giá của phạm nhân về hành vi phạm tội là vô ý hay cố ý.....	111
Bảng 3.12:	Tự đánh giá hành vi phạm tội là vô ý hay cố ý giữa các nhóm phạm nhân	113
Bảng 3.13:	Tự đánh giá của phạm nhân về hành vi phạm tội bị xử lý bằng hình phạt tù	118
Bảng 3.14:	Tự đánh giá HVPT bị xử lý bằng hình phạt tù giữa các nhóm phạm nhân	122
Bảng 3.15:	Tự đánh giá của phạm nhân về cảm xúc trong quá trình CHHPT	126
Bảng 3.16:	Tự đánh giá về hành vi đấu tranh với các biểu hiện tiêu cực	128
Bảng 3.17:	Tự đánh giá của phạm nhân về HVCHHPT của các nhóm khác nhau	131
Bảng 3.18:	Tự điều chỉnh hành vi chấp hành hình phạt tù ở các nội dung cụ thể	135
Bảng 3.19:	Tự điều chỉnh hành vi chấp hành lao động của phạm nhân.....	136
Bảng 3.20:	Tự điều chỉnh hành vi chấp hành lao động giữa các nhóm phạm nhân....	138
Bảng 3.21:	Tự điều chỉnh hành vi chấp hành nội quy, kỷ luật trại giam của phạm nhân	139
Bảng 3.22:	Tự điều chỉnh HV chấp hành nội quy, kỷ luật trại giam của phạm nhân ..	143
Bảng 3.23:	Một số yếu tố ảnh hưởng đến tự ý thức về HVPT và HVCHHPT	149
Bảng 3.24:	Thực trạng niềm tin của PN đang CHHPT vào tương lai	151

Bảng 3.25. Thực trạng ảnh hưởng mối quan hệ giữa các PN trong trại giam.....	153
Bảng 3.26. Tần suất và % các lựa chọn của câu hỏi về sự quan tâm của gia đình	156
Bảng 3.27: Thực trạng ảnh hưởng của mối quan hệ giữa PN và gia đình	157
Bảng 3.28. Sự ảnh hưởng của mối quan hệ giữa PN với cán bộ trại giam	160
Bảng 3.29. Mối tương quan giữa các yếu tố ảnh hưởng và các thành phần của.....	163
TYT về HVPT và HVCHHPT	163

DANH MỤC CÁC BIỂU ĐỒ, SƠ ĐỒ

Thứ tự	Nội dung	Trang
Sơ đồ 1:	Khung lý thuyết nghiên cứu TYT về HVPT và HVCHHPT của phạm nhân phạm các tội về ma túy.....	65
Biểu đồ 3.1.	So sánh ý kiến của quản giáo và TNT của phạm nhân	89
Biểu đồ 3.2:	TNT về các mặt hậu quả của HVPT.....	96
Biểu đồ 3.3:	Nhận thức về mức án của bản thân so với mức án tòa tuyên.....	103
Biểu đồ 3.4.	Tự đánh giá hành vi phạm tội của bản thân (vô ý hay cố ý)	112
Sơ đồ 3.2.	Mối tương quan giữa yếu tố thành phần của tự ý thức về hành vi phạm tội và khả năng tự điều chỉnh hành vi chấp hành hình phạt tù của phạm nhân.....	148
Sơ đồ 3.2.	Mối tương quan giữa các yếu tố ảnh hưởng đến TYT của PN.....	158

MỞ ĐẦU

1. LÝ DO CHỌN ĐỀ TÀI

- TYT không những giúp cá nhân TNT về mình mà còn là tiền đề, động lực có tác động trực tiếp đến sự phát triển nhân cách. Thiếu sự TYT là thiếu hiểu biết và thiếu cảm xúc của chính cá nhân về các phương diện của bản thân, dẫn đến việc cá nhân đó không tự điều chỉnh được hành động để hoàn thiện mình. TYT không những điều chỉnh quá trình thực hiện hành động mà còn điều khiển những kích thích hành động, đây là một biểu hiện ở mức độ cao tính chủ thể của nhân cách. Những yêu cầu của xã hội chỉ trở thành yêu cầu bên trong của cá nhân khi cá nhân cảm thấy yêu cầu đó hợp lí, cần thiết cho chính mình. TYT là vấn đề cốt yếu của nhân cách con người ở những tầng bậc khác nhau. Mức độ của TYT quyết định mức độ của tự định hướng, tự điều chỉnh động cơ, tự điều khiển thực hiện, tự điều khiển kiểm tra, đánh giá hành động, hoạt động.

Trong quá trình sống và hoạt động, con người không chỉ dừng lại ở mức độ tự nhận biết về mình mà còn tỏ thái độ và TĐG bản thân mình. Một cơ sở quan trọng để cá nhân tiến tới tự kiểm soát, TĐCHV của mình là cá nhân TĐG đúng mình. Khi TYT không phù hợp sẽ ảnh hưởng tiêu cực tới sự hình thành và phát triển nhân cách. Xu hướng thứ nhất, cá nhân dễ dàng, lí tưởng hoá bản thân, tạo ra sự không tương ứng giữa khát vọng với khả năng bản thân hiện có, nguyên nhân của những xung đột nội tâm. Những xung đột này, một mặt, tự cản trở sự phát triển nhân cách của chính bản thân, mặt khác, gây nên những khó khăn cho mối quan hệ của cá nhân với những người xung quanh. Xu hướng thứ hai, cá nhân không tin tưởng vào năng lực của mình nên tự triệt tiêu khát vọng của bản thân, không có khả năng hoạt động độc lập, sáng tạo.

- Trong mấy năm qua, tình trạng tái phạm tội của những người đã từng bị kết án tù vẫn là vấn đề đáng quan tâm của toàn xã hội. Theo báo cáo tổng kết về công tác thi hành án phạt tù năm 2009 của Tổng cục cảnh sát thi hành án hình sự và Hỗ trợ tư pháp –Bộ Công an cho thấy tỷ lệ tái phạm tội trung bình ở Việt Nam là 20% [1], đối với tội phạm về ma túy thì tỷ lệ này lên tới 40,6% [84, tr.941]. Tình trạng

này do ảnh hưởng của nhiều yếu tố, trong đó TYT của phạm nhân về HVPT và TYT của họ về HVCHHPT có vai trò rất quan trọng. Nó là yếu tố trực tiếp tác động đến HVCHHPT, tức là, ý thức kỷ luật, tinh thần học tập, lao động chuẩn bị cho việc tái hòa nhập cộng đồng. Do vậy, việc phòng ngừa tình trạng tái phạm tội đối với những người bị kết án nói chung, những người bị kết án tù về các tội ma túy nói riêng là một vấn đề rất quan trọng xuyên suốt toàn bộ quá trình thi hành án và “hậu” thi hành án hình sự. Sự chuẩn bị tốt về điều kiện tái hòa nhập cộng đồng đối với những người đã từng phạm tội về ma túy sẽ phát huy được hiệu quả tốt hơn nếu có nghiên cứu đầy đủ về tâm lý của họ, trong đó có TYT về HVPT và HVCHHPT, vì nếu hiểu đúng về TYT về HVPT và HVCHHPT của họ sẽ có những biện pháp giáo dục phù hợp và có hiệu quả.

- Thực trạng vấn đề nghiên cứu TYT và HVCHHPT của phạm nhân dưới góc độ tâm lý học còn rất ít, đặc biệt nghiên cứu TYT về HVPT và HVCHHPT của phạm nhân nói chung và phạm nhân CHHPT các tội phạm về ma túy nói riêng ở nước ta chưa được nghiên cứu một cách có hệ thống.

Về mặt lý luận, nghiên cứu này sẽ bổ sung thêm những vấn đề lý luận về TYT của phạm nhân qua đó góp phần xây dựng lý luận của tâm lý học pháp luật ở nước ta hiện nay nói chung và bổ sung lý luận cho môn học "Tâm lý quản lý giáo dục phạm nhân" nói riêng tại Học viện Cảnh sát Nhân dân. Về mặt thực tiễn, nghiên cứu TYT về HVPT và HVCHHPT của phạm nhân chấp hành án các tội về ma túy góp phần vào việc quản lý giáo dục cải tạo phạm nhân nói chung và những phạm nhân CHHPT các tội về ma túy nói riêng. Xuất phát từ những cơ sở trên, chúng tôi lựa chọn vấn đề: *“Tự ý thức về hành vi phạm tội và hành vi chấp hành hình phạt tù của phạm nhân”* làm đề tài nghiên cứu của mình.

2. MỤC ĐÍCH NGHIÊN CỨU

Chỉ ra thực trạng TYT về HVPT và HVCHHPT của phạm nhân. Làm rõ một số yếu tố ảnh hưởng (niềm tin, mối quan hệ tương tác giữa phạm nhân với phạm nhân, giữa phạm nhân với gia đình, giữa phạm nhân với cán bộ trại giam) và từ đó đề xuất một số biện pháp nhằm nâng cao TYT về HVPT và HVCHHPT của phạm nhân.

3. ĐỐI TƯỢNG VÀ KHÁCH THỂ NGHIÊN CỨU

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Biểu hiện TYT về HVPT và HVCHHPT của phạm nhân.

3.2. Khách thể nghiên cứu

- Phạm nhân đang chấp hành hình phạt tù: 400 phạm nhân
- Cán bộ trại giam: 100 cán bộ trại giam
- Gia đình phạm nhân đang CHHPT các tội về ma túy: 10 gia đình

4. NHIỆM VỤ NGHIÊN CỨU

4.1. Xây dựng cơ sở lý luận nghiên cứu TYT về HVPT và HVCHHPT, như: khái niệm TYT, HVPT, HVCHHPT.

4.2. Nghiên cứu thực trạng vấn đề

Làm rõ thực trạng TYT về HVPT và HVCHHPT của phạm nhân và phân tích một số yếu tố ảnh hưởng đến TYT về HVPT và HVCHHPT của phạm nhân các tội về ma túy.

4.3. Đề xuất một số biện pháp nâng cao TYT về HVPT và HVCHHPT của phạm nhân, nhằm góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động quản lý, giáo dục phạm nhân đang chấp hành hình phạt tù tại các trại giam thuộc Tổng cục Cảnh sát thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp - Bộ Công an (TCVIII-BCA).

5. GIỚI HẠN PHẠM VI NGHIÊN CỨU

5.1. Giới hạn về nội dung

TYT về HVPT và HVCHHPT của phạm nhân là vấn đề rất rộng, trong khuôn khổ nghiên cứu thực tiễn của luận án chúng tôi chỉ tập trung nghiên cứu thực trạng TYT của phạm nhân qua: biểu hiện và mức độ của TYT về HVPT và HVCHHPT trong quá trình cải tạo của phạm nhân phạm các tội về ma túy.

- Có nhiều yếu tố khác nhau tác động đến TYT về HVPT và HVCHHPT của phạm nhân. Tuy nhiên, luận án chỉ phân tích một số yếu tố tác động đến TYT về HVPT và HVCHHPT của họ: niềm tin của phạm nhân vào tương lai; mối quan hệ giữa phạm nhân với phạm nhân; mối quan hệ giữa phạm nhân với gia đình; mối quan hệ giữa phạm nhân với cán bộ trại giam.

5.2. Giới hạn địa bàn nghiên cứu

Đề tài tiến hành nghiên cứu tại 4 trại giam: trại giam Tân Lập - Phú Thọ; trại giam Hoàng Tiến - Hải Dương; trại giam Phú Sơn 4 - Thái Nguyên; trại giam Ngọc Lý – Bắc Giang, thuộc Tổng cục Cảnh sát thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp - Bộ công an (TC VIII-BCA).

5.3. Giới hạn về khách thể nghiên cứu

- Phạm nhân là người Việt Nam phạm các tội về ma túy hiện đang chấp hành hình phạt tù tại 4 trại giam (trại giam Hoàng Tiến, trại giam Ngọc Lý, trại giam Tân Lập, trại giam Phú Sơn 4) có độ tuổi từ 18 trở lên (từ đây trở đi gọi chung là “phạm nhân”).

- Cán bộ trại giam (cán bộ trinh sát, cán bộ giáo dục, cán bộ quản giáo, cán bộ cảnh sát bảo vệ).

- Gia đình của phạm nhân đang CHHPT các tội về ma túy

6. GIẢ THUYẾT KHOA HỌC

6.1. TYT về HVPT và HVCHHPT của phạm nhân các tội về ma túy thể hiện rõ nhất ở TNT, TĐG về HVPT và HVCHHPT, trong đó thể hiện rõ nhất ở mặt: TNT về nguyên nhân và hậu quả của HVPT, TĐG HVPT và hành vi chấp hành lao động, hành vi chấp hành nội quy, kỷ luật trong trại giam.

6.2. Có nhiều yếu tố tác động đến TYT về HVPT và HVCHHPT của phạm nhân. Yếu tố niềm tin của phạm nhân vào tương lai và mối quan hệ giữa phạm nhân và cán bộ trại giam có ảnh hưởng mạnh tới TYT về HVPT và HVCHHPT. Ngược lại, mối quan hệ giữa phạm nhân với phạm nhân ảnh hưởng yếu tới TYT về HVPT và HVCHHPT của phạm nhân.

7. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

7.1. Phương pháp luận

- Nguyên tắc hoạt động: Hoạt động là phương thức hình thành, phát triển và thể hiện TYT nói chung và TYT về HVPT và HVCHHPT nói riêng. Đồng thời TYT của con người là cái giúp mỗi cá nhân hoạt động tự tu dưỡng, TĐCHV của bản thân ở trình độ TYT. Do đó nếu TYT phù hợp về HVPT và HVCHHPT cơ sở để PNCHHPT một cách chủ động, tích cực bằng chính nội lực của bản thân họ. Sự

chấp hành hình phạt tù một cách chủ động, tích cực từ nội lực của phạm nhân sẽ làm thay đổi TYT của họ về chính HVPT của mình.

- Nguyên tắc hệ thống: Để việc CHHPT của PN được tốt hơn thì những yếu tố như nhận thức của PN về hình phạt tù, niềm tin của PN vào bản thân, sự tác động của các bạn tù, của gia đình, cán bộ trại giam là rất quan trọng. Do vậy, cần nghiên cứu thực trạng TYT về HVPT và HVCHHPT của PN trong mối quan hệ tương hỗ của các yếu tố tác động tới TYT của họ.

7.2. Hệ thống phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp nghiên cứu văn bản, tài liệu
- Phương pháp điều tra bằng phiếu hỏi
- Phương pháp phỏng vấn sâu
- Phương pháp quan sát
- Phương pháp nghiên cứu TYT của phạm nhân qua lịch sử cuộc đời
- Phương pháp chuyên gia
- Phương pháp nghiên cứu trường hợp

8. NHỮNG ĐÓNG GÓP MỚI CỦA LUẬN ÁN

Đã có những nghiên cứu về TYT, song chưa có nghiên cứu TYT về HVPT và HVCHHPT của phạm nhân. Do vậy, kết quả nghiên cứu lý luận của luận án góp phần bổ sung các khái niệm TYT về HVPT và HVCHHPT của phạm nhân phạm các tội về ma túy, chỉ ra được những cấu thành tâm lý của các khái niệm trên cho tâm lý học nói chung và tâm lý học pháp luật nói riêng ở nước ta hiện nay.

Kết quả nghiên cứu thực tiễn góp phần làm sáng rõ thực trạng TYT về HVPT và HVCHHPT của phạm nhân phạm các tội về ma túy, là cơ sở giáo dục, cải tạo họ đạt hiệu quả cao hơn.

Kết quả nghiên cứu là tài liệu tham khảo để giáo dục về TYT chấp hành các hành vi cần thiết của phạm nhân ở trong trại giam.

9. KẾT CẤU CỦA LUẬN ÁN

Luận án gồm: Mở đầu, 3 chương, kết luận, kiến nghị và tài liệu tham khảo, danh mục các công trình công bố, phụ lục.

CHƯƠNG 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN NGHIÊN CỨU TỰ Ý THỨC VỀ HÀNH VI PHẠM TỘI VÀ HÀNH VI CHẤP HÀNH HÌNH PHẠT TÙ CỦA PHẠM NHÂN

1.1. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU VỀ TỰ Ý THỨC VÀ TỰ Ý THỨC VỀ HÀNH VI PHẠM TỘI VÀ HÀNH VI CHẤP HÀNH HÌNH PHẠT TÙ

1.1.1. Tổng quan những nghiên cứu về tự ý thức

1.1.1.1. Những nghiên cứu về tự ý thức ở nước ngoài

TYT là một thành tố tâm lý có vai trò quan trọng đối với sự phát triển đời sống tinh thần của con người, vì vậy, nó rất được các nhà tâm lý học quan tâm nghiên cứu. Có một số hướng nghiên cứu chính về TYT sau đây:

- *Hướng nghiên cứu cơ sở hình thành và phát triển của TYT*

+ Một số nhà phân tâm học (Kerberg, Jeammet, S.Freud, A.Adler...) coi trọng và quan tâm nhiều đến vô thức hơn ý thức, trong đó có TYT. Họ cho rằng TYT của con người được hình thành do các xung đột và các rối nhiễu tâm lý trong quá trình sống của chính cá nhân đó. Theo S.Freud, A.Adler, TYT như một cơ chế được hình thành ở cá nhân dưới tác động của sự sợ hãi, không được bảo vệ trước những thù địch của môi trường xã hội [trích theo 22, tr.305]. Như vậy, các nhà phân tâm học đã coi một số khó khăn về tình cảm, cảm xúc, nhu cầu của con người là cơ sở, là cơ chế hình thành TYT. Điều đó có thể chỉ đúng với một số trường hợp nhất định, bởi vì, trong thực tế, TYT là một yếu tố tâm lý được hình thành và phát triển ở tất cả những người có sự phát triển bình thường. Nếu chỉ coi trọng cái vô thức, cái bản năng mà xem nhẹ ý thức, TYT thì mọi HV trong đó có HVPT cũng xuất phát từ vô thức và từ đó sẽ không giải quyết được được TYT về HVPT và HVCHHPT của phạm nhân.

+ Erik H. Erikson lại quan tâm đến mối quan hệ giữa sự phát triển của TYT và những thay đổi diễn ra trong cả đời người. Ông phân chia đời người làm tám giai đoạn phát triển và trong mỗi giai đoạn, cá nhân đều gặp phải một dạng khủng hoảng tâm lý - xã hội nhất định, dẫn tới sự thay đổi các mối quan hệ xã hội. Theo ông, ở giai đoạn thứ năm (độ tuổi từ 12 đến 18 tuổi), lúc này cá nhân bắt đầu có sự

tìm hiểu mạnh mẽ bản thân mình, ở các em thường xuất hiện những câu hỏi như: Mình là ai? Mình sẽ thành người như thế nào? Mình quan tâm nhất đến điều gì. Các em muốn tự khẳng định mình độc lập với người lớn, tách khỏi người lớn, tự suy nghĩ quyết định cho bản thân mình. Do đó, sự quan tâm không đúng mực của gia đình dễ ảnh hưởng tới lòng tự trọng của trẻ. Erikson cho rằng, sự gần gũi chia sẻ động viên của người lớn trong gia đình là cách tốt nhất giúp các em phát triển lòng tự trọng của mình. Trong giai đoạn này, nếu các em bị thất bại cộng với lòng tự trọng bị ảnh hưởng, TYT của các em sẽ phát triển không đầy đủ. Điều đó thể hiện rõ nhất ở việc các em không tự tin vào khả năng của bản thân. Như vậy, tác giả đã chỉ ra các giai đoạn hình thành và phát triển của TYT, ảnh hưởng của sự quan tâm của gia đình tới sự phát triển yếu tố này. Tuy nhiên, ngoài sự quan tâm của gia đình, nhiều yếu tố chủ quan và môi trường khác cũng ảnh hưởng tới TYT của cá nhân chưa được tác giả đề cập đến.

+ Các nhà tâm lý học theo trường phái hoạt động (L.X. Vugotxki, A.N.Leonchiev, X.L.Ruinhstein, P.Ia.Galperin...) cho rằng: con người làm ra chính bản thân mình bằng lao động và hoạt động xã hội [38]. Theo trường phái này thì con người là tồn tại xã hội, tồn tại lịch sử, tồn tại lý trí, tồn tại lao động, tồn tại có tình cảm. HV và tâm lý được hình thành, tồn tại và phát triển trong quá trình hoạt động. Hoạt động là chìa khóa tìm hiểu, đánh giá, hình thành và điều khiển tâm lý, ý thức và TYT. Ý thức và TYT được sản xuất ra bởi các mối quan hệ xã hội giữa con người với thế giới xung quanh thông qua hoạt động và giao tiếp. Sự phát triển của tâm lý, ý thức, TYT trải qua các giai đoạn: bào thai, sơ sinh, nhà trẻ, mẫu giáo, nhi đồng, thiếu niên, thanh niên, trưởng thành, trung niên và già lão. Các nhà tâm lý học như: A.V. Petrovski và M.G. Iarosevski [114], W.W.Purkey, A.N. Leonchiev, R.Franken, S. Harter cho rằng, có mối liên hệ chặt chẽ giữa TYT và cái tôi với các đặc điểm tâm lý khác. Họ cho rằng, khi cá nhân nhận thức, đánh giá đúng và tích cực cái tôi của mình sẽ giúp họ hoàn thành tốt các nhiệm vụ của mình, thành công trong cuộc sống. Như vậy, theo các nhà tâm lý học hoạt động, TYT là cái được hình thành tương đối muộn so với các thành tố tâm lý khác và nó có chi phối khá mạnh tới HV của cá nhân.

Tóm lại, TYT không phải là một yếu tố bẩm sinh, sẵn có từ khi mới sinh ra, nó được hình thành ở những người bình thường tại một giai đoạn lứa tuổi nhất định và phát triển dần dần nhờ sự tham gia của họ vào các hoạt động xã hội. Bởi vậy, chúng tôi kế thừa lý thuyết trường phái tâm lý học hoạt động vào nghiên cứu TYT về HVPT và HVCHHPT của phạm nhân.

- *Hướng nghiên cứu mối quan hệ giữa TYT và một số thành tố tâm lý, một số đặc điểm tâm lý của cá nhân*

+ Tác giả A. Bandura cho rằng, học tập thông qua việc bắt chước các HV mẫu là một dạng điều chỉnh HV không phù hợp trong trị liệu tâm lý [13, tr.18-19]. Ông cũng nhấn mạnh tầm quan trọng của các quá trình TNT trong thực tiễn điều chỉnh HV và đề cao vai trò quá trình cá nhân tự điều chỉnh bản thân. Theo ông, khi cá nhân TNT tích cực về năng lực của mình, họ có sự tự tin về bản thân. Đó là một yếu tố quan trọng giúp họ thành công trong nhiều nhiệm vụ khác nhau [106, tr.489]. Khái niệm “cái tôi hiệu quả” do ông đưa ra được ứng dụng trong nhiều lĩnh vực khác nhau. Theo ông “cái tôi hiệu quả” là cái tôi được chủ thể cho là phù hợp với những hoàn cảnh khác nhau. Ông cho rằng, muốn điều chỉnh HV cần phải giúp cá nhân nhận diện được những nhân tố đang điều khiển HV của họ và từ đó tìm cách loại bỏ chúng. Như vậy, sự hiểu biết về những chuẩn mực, quy định mà cá nhân đã lựa chọn và thừa nhận đóng vai trò quan trọng. Để điều chỉnh TYT cần thực hiện: thứ nhất, xác định những sự kiện và yếu tố tác động tạo ra TYT; thứ hai, xác định những tri thức (sự hiểu biết) là rào cản của sự thay đổi TYT; thứ ba, lựa chọn các phương thức phù hợp để tác động thay đổi TYT theo hướng ngày càng phù hợp với quy tắc HV và chuẩn mực xã hội. A. Bandura đề nghị những cá nhân không bằng lòng về bản thân mình nên thực hiện 3 bước để nâng cao TYT như sau [86]: *thứ nhất*, quan tâm đến việc nhìn lại mình và hãy hiểu về con người thật của mình. Cần có một cái nhìn trung thực về những HV của mình; *thứ hai*, quan tâm đến những tiêu chuẩn phấn đấu của bản thân (không nên đặt tiêu chuẩn quá cao, kỳ vọng quá nhiều để rồi ép mình trở thành người thất bại, nhưng nếu đặt ra tiêu chuẩn thấp quá, chúng sẽ trở thành vô nghĩa); *thứ ba*, quan tâm và tìm cách để tự thưởng

bản thân. Hãy ân cần với chính mình. Hãy chúc mừng gặt hái của bản thân và biết chia tay với thất bại.

Liệu pháp trên của A. Bandura được gọi là liệu pháp tự kiểm soát. Nó được ứng dụng có hiệu quả trong trị liệu những vấn đề tương đối đơn giản như thay đổi một số thói quen không tốt: hút thuốc lá, thói ăn vặt, hay thói quen chệnh mảng và lười biếng trong học tập. Tuy nhiên, đối với những vấn đề như nghiện ma túy, nâng cao TYT về HVPT và HVCHHPT chưa được ông đề cập tới.

+ Trong nghiên cứu về vấn đề nghiện ma túy và khả năng tái nghiện, G.A Marlatt, & J.R Gordon, (1980) [99] thấy rằng, những người có khả năng duy trì thời gian kiêng, không thực hiện các HV nghiện là những người TNT được mình có khả năng đối đầu và ứng phó với các sự kiện diễn ra trong cuộc sống. Ngược lại, sự TNT về bản thân không tích cực, cá nhân cảm nhận mình yếu đuối và bất lực trong cuộc sống, họ không có sự tự tin trong cuộc sống. Những người đó dễ mắc vào sự cám dỗ và tệ nạn xã hội, đó là nguyên nhân dẫn tới sự phạm tội, tù tội và tiếp tục tái phạm tội.

+ Một trong những chuyên gia trong lĩnh vực trị liệu nhận thức ở Mỹ là R.J. Callahan cho rằng, những cảm xúc tiêu cực mà cá nhân TYT được thông qua trải nghiệm thôi thúc một số người sử dụng các chất gây nghiện. Ông đã phát hiện ra mối liên hệ giữa nghiện và lo hãi [87]. Theo ông thì lo hãi là sự hiện diện của cái sợ mà cá nhân TYT được mặc dù không có lý do khách quan bên ngoài để sợ. Những người nghiện dùng chất gây nghiện để có thể cảm thấy bản thân thấy thoải mái, giảm nhẹ những cảm xúc tiêu cực mà họ phải chịu. Nhưng ông cũng lý giải rằng đó chỉ là những cảm giác giả tạo mà cá nhân TYT được để họ thoát khỏi lo hãi. Thực tế họ không hề nhận được một sự giảm nhẹ nào, cái mà họ nhận được chỉ là một hiệu ứng an thần, một sự che đậy tạm thời mà cá nhân tự nhận thấy. Điều này thật nguy hiểm vì sự lo hãi được giải quyết bằng sự an ủi, giảm nhẹ bởi ma túy sẽ bị lặp đi lặp lại và dẫn tới sự nghiện ngập. Từ việc phát hiện ra mối liên hệ giữa lo hãi và nghiện ngập đã giúp Callathan tìm ra một phương pháp chữa trị cho hầu hết các loại nghiện ngập, đó là cách vượt qua sự lo hãi không cần dùng đến những chất gây nghiện.

Nhìn chung, các nhà tâm lý học theo hướng nghiên cứu này đã chỉ ra mối liên hệ chặt chẽ giữa TYT và một số các thành tố tâm lý khác của con người và vận dụng kết quả nghiên cứu đó vào các lĩnh vực ứng dụng tâm lý học như cai nghiện ma túy, trị liệu tâm lý, cũng như giáo dục các kỹ năng giúp con người thành đạt. Chúng tôi sẽ ứng dụng những kết quả này trong quá trình tác động tới phạm nhân có tiền sử nghiện để giúp họ cai nghiện một cách hiệu quả hơn, từ đó giúp họ từng bước nâng cao TYT về HVPT và HVCHHPT của bản thân.

- Hướng nghiên cứu các thành tố của tự ý thức (cấu trúc của tự ý thức)

Các nhà nghiên cứu theo hướng này gồm có: W.W. Purkey, Susan Harter, A.G. Chesnokova, Xtolin, Petrulite, Mironova, Coodiev. Xem xét cấu trúc của TYT, hầu hết các nhà nghiên cứu trên đều cho rằng, TYT là một hệ thống phức tạp, gồm nhiều thành tố có mối liên hệ chặt chẽ với nhau.

A.G. Chesnokova (1977) cho rằng: TYT như một quá trình phức tạp, nhiều bậc, trên cơ sở các quá trình tâm lý (quá trình nhận thức, xúc cảm và ý chí). Cấu trúc TYT có các thành tố: TNT, thái độ cảm xúc, giá trị tự điều chỉnh [2].

V.V. Xtolin (1985) xem xét cấu trúc TYT theo chiều dọc và chiều ngang. Theo chiều dọc, TYT được xác định ở ba cấp độ tích cực của con người như một cơ thể, một cá thể, một nhân cách. Theo chiều ngang, TYT gồm tri thức về bản thân và thái độ đối với bản thân [82].

Cấu trúc thời gian của TYT được trình bày trong các công trình của Petrulite (1985), Mironova (1985), Coodiev (1980) dưới dạng biểu hiện “cái tôi quá khứ”, “cái tôi hiện tại”, “cái tôi lý tưởng”. Các tác giả trên đã đồng nhất các quá trình tâm lý với các yếu tố TYT.

V.V. Xtolin cho rằng: "TYT là thể thống nhất không thể tách rời của ba mặt - TNT, tự tổ thái độ, và tự điều chỉnh bản thân".

Theo Vurgotxki: “TYT là ý thức xã hội được chuyển vào bên trong”. Quan sát sự phát triển TYT ở tuổi thiếu niên, ông cho rằng, trong quá trình tiếp xúc với người lớn, các em “tích cực lĩnh hội từ thế giới người lớn những giá trị khác nhau, những chuẩn mực, phương thức hành động, là những cái tạo thành nội dung mới của ý thức, biến chúng thành những yêu cầu đối với bản thân mình, thành tiêu chuẩn đánh giá và TĐG”. Quan điểm này đã được X.L. Rubinstein và V.P

Levcovic khẳng định. X.L. Rubinstein cho rằng: “Trong sự phát triển của ý thức diễn ra một loạt các mức độ từ sự nhận thức đơn giản về bản thân dẫn tới sự nhận thức bản thân ngày càng sâu sắc hơn”[115]. Theo V.P Levcovic: TYT phát triển tới một giai đoạn nhất định thì TĐG mới hình thành: “TĐG là giai đoạn phát triển cao của TYT, nó bao gồm không chỉ sự nhận thức về bản thân mà cả sự đánh giá đúng sức lực, khả năng và thái độ phê phán đối với bản thân”[113].

Tóm lại, khi đề cập đến cấu thành của TYT, các nhà tâm lý học nước ngoài đề cập đến các thành tố của TYT, đó là: TNT, thái độ, TĐG đối với bản thân và sự TĐCHV của bản thân. Tuy nhiên, họ chưa đề cập nhiều đến mối tương quan giữa các thành tố đó và tương quan của từng thành tố với TYT một cách tổng quát. Theo chúng tôi, khi một cá nhân TĐG về bản thân thì đã thể hiện thái độ của mình trong đó. Do vậy, nhìn một cách toàn diện, TYT được tạo nên từ các thành tố như: TNT, TĐG bản thân, sự tự điều chỉnh HV của bản thân theo chuẩn mực, quy định được cá nhân thừa nhận và lựa chọn.

1.1.1.2. Những nghiên cứu về tự ý thức ở Việt Nam

Một số tác giả như: Lê Như Hoa, Nguyễn Quang Uẩn, Trần Hữu Luyện, Trần Quốc Thành, Phạm Minh Hạc, Lê Đức Phúc nghiên cứu về hướng tiếp cận nhấn mạnh vai trò của chủ thể trong việc hình thành TYT. Theo các nhà tâm lý học trên đây, toàn bộ đời sống tâm lý, ý thức, TYT của con người là sự phản ánh thực tiễn đời sống vật chất của nó. Tâm lý, ý thức được hình thành và biểu hiện qua hoạt động, trước hết là lao động sản xuất và hoạt động xã hội [53, tr.32].

Một số nhà tâm lý học Việt Nam: Phạm Minh Hạc, Lê Đức Phúc, Nguyễn Quang Uẩn, Trần Hữu Luyện, Trần Quốc Thành cũng quan tâm xem xét cấu trúc của TYT. Theo họ, TYT là một hệ thống phức tạp, gồm nhiều thành tố có mối liên hệ chặt chẽ với nhau. Theo Trần Ninh Giang, “Trong hoạt động tâm lý của con người, TYT là một cấu trúc chỉnh thể, thống nhất ở mức tương quan nhất định cả ba hình thức: TNT - thái độ cảm xúc và ý chí” [20, tr.307-308]. Nguyễn Quang Uẩn, Trần Hữu Luyện, Trần Quốc Thành cũng khẳng định thành phần của TYT bao gồm: "Khả năng TNT về mình, tự xác định thái độ đối với bản thân, tự điều khiển, điều chỉnh, tự hoàn thiện mình".

Như vậy, một số nhà tâm lý học Việt Nam nghiên cứu về TYT mới đề cập đến các thành tố xuất hiện sớm của TYT, đó là: TNT, thái độ đối với bản thân và TĐCHV của bản thân. Chưa ai đề cập đến thành tố xuất hiện muộn của TYT là TĐG.

Nhìn chung, từ các nghiên cứu của các nhà tâm lý học trên thế giới và ở Việt Nam, TYT được tạo nên từ các thành tố như: TNT, TĐG và cảm xúc đối với bản thân, sự điều chỉnh hành vi của bản thân. Tuy nhiên, họ chưa đề cập nhiều đến mối tương quan giữa các thành tố đó và tương quan của từng thành tố với TYT một cách tổng quát.

1.1.2. Những nghiên cứu tự ý thức về hành vi phạm tội và hành vi chấp hành hình phạt tù

1.1.2.1. Những nghiên cứu tự ý thức về hành vi phạm tội và hành vi chấp hành hình phạt tù ở nước ngoài

Lĩnh vực TYT về HVPT và HVCHHPT của phạm nhân chưa được nghiên cứu nhiều. Có thể xem xét những nghiên cứu về vấn đề này theo các hướng như:

- Những nghiên cứu liên quan đến tự ý thức về hành vi phạm tội

J.G Hull và cộng sự (1983) đã thực hiện các nghiên cứu về tác động của việc uống rượu đối với TYT. Kết quả nghiên cứu cho thấy, khi uống nhiều rượu, mức độ tự ý thức của chủ thể bị giảm, cụ thể là thiếu chính xác cả về biểu hiện của HV và cả về TĐG các HV đã xảy ra [98, tr.461-473]. Từ kết đó, các tác giả đã đưa ra liệu pháp tâm lý cai rượu và nâng cao TYT của người nghiện rượu một cách hiệu quả. Tuy nhiên, họ mới dừng lại ở việc dự đoán mức độ tác động của rượu đến TYT chứ chưa tìm ra phương pháp có hiệu quả để nâng cao TNT, TĐG của người bị tác động từ rượu.

Eadie, T. & Morley, R. (2003) quan tâm đến sự căng thẳng không được TYT và HVPT. Theo các tác giả này, HVPT được tạo ra bởi ham muốn lợi ích và sự thiếu ý chí của cá nhân [94].

James Q. Wilson khẳng định lương tâm và tự kiểm soát của một người trẻ tuổi có tiềm năng phạm tội là cái thúc đẩy HVPT của họ. Theo ông, những thuộc tính này được hình thành bởi cha mẹ và sự kết hợp với các điều kiện xã hội cụ thể

mà một người đã trải qua. Điều này giải thích tại sao HVPT gây hậu quả nặng nề thường ở những người trẻ tuổi, nam giới, và người nghèo [107].

Theo các nghiên cứu trên, có sự tương tác giữa TYT hoặc thành phần của nó với HV lệch chuẩn và HVPT và ngược lại. Song, các tác giả chưa xem xét mối tương quan giữa TYT với tư cách là một chỉnh thể với HVPT.

- Hướng nghiên cứu về diễn biến tâm lý của phạm nhân trong quá trình chấp hành hình phạt tù

Các nhà nghiên cứu theo hướng này có thể kể đến: A.G. Kovaliev, A.V. Đulov. Trong tác phẩm: *"Cơ sở tâm lý của việc cải tạo người phạm pháp"* [112], A.G. Kovaliev chia quá trình quản lý giáo dục phạm nhân thành 3 giai đoạn có tính tương đối: *giai đoạn thứ nhất* là giai đoạn phạm nhân mới vào trại giam, khi đó, TYT của họ mang tính tiêu cực; *giai đoạn thứ hai* là giai đoạn phạm nhân gia nhập hệ thống các biện pháp giáo dục của trại giam, lúc này xuất hiện sự đấu tranh giữa các quan điểm, lối sống khác nhau; *giai đoạn thứ ba* - giai đoạn cuối quá trình cải tạo, lúc này, TNT và TĐG của họ về bản thân phù hợp hơn. Ông nhấn mạnh rằng, hình thành ở phạm nhân tâm thế cải tạo và có những tác động làm thay đổi TYT, đặc biệt, thay đổi lương tâm của họ về HVPT của mình, mong muốn điều chỉnh HV của bản thân theo hướng có đạo đức là nhiệm vụ chủ yếu của công tác giáo dục phạm nhân ở trại giam [112, tr.233-249].

A.V. Đulôv là một trong những tác giả dành nhiều công sức nghiên cứu vấn đề giáo dục phạm nhân, ông chia quá trình chấp hành án phạt tù của phạm nhân thành bốn giai đoạn: giai đoạn làm quen với môi trường trại giam, giai đoạn xuất hiện sự quan tâm đến các hoạt động ở trại, giai đoạn kết hợp các tác động giáo dục bên ngoài với tự giáo dục, giai đoạn cuối là giai đoạn chuẩn bị tái hoà nhập cộng đồng. Theo ông thì ở giai đoạn làm quen với môi trường trại giam, TYT của phạm nhân có sự biến đổi rõ rệt, họ tự cảm thấy bản thân bị hẫng hụt, ức chế, buồn chán, thiếu kiên nhẫn, tuyệt vọng [109, tr.427-431].

Trong cuốn "Our criminal souciety" (Xã hội tội phạm của chúng ta-TG), Edwin M.Schur đã đưa ra những đánh giá thẳng thắn về tình hình phạm tội trong xã hội Mỹ ở những thập niên 60, 70 của thế kỷ 20. Ông cũng tập trung nghiên cứu

nguyên nhân đưa những công dân Mỹ đến chỗ phạm tội, cơ chế để một con người sau khi phạm tội lấy lại “cân bằng tâm lý”. Từ đó ông chỉ ra rằng, sau khi tham gia vào hoạt động phạm tội con người luôn muốn lấy lại sự cân bằng về mặt tinh thần và cảm xúc [119, tr.286-304].

Các nhà tâm lý học trên đã phân chia các giai đoạn và những diễn biến tâm lý, trong đó, nhấn mạnh sự biến đổi của các thành tố của TYT (TNT, TĐG) của phạm nhân trong quá trình chấp hành hình phạt tù. Tuy nhiên, TYT về HVPT và HVCHHPT của phạm nhân một cách tổng quát và những biện pháp để nâng cao thành tố tâm lý này chưa được tác giả nào xem xét.

- Hướng nghiên cứu những yếu tố tác động đến tâm lý của phạm nhân trong quá trình chấp hành hình phạt tù

Hướng nghiên cứu này gồm các nhà nghiên cứu như: Ph.R. Xundurôv, Iu.V. Chupharôvxki, Edwin M.Schur. Ph.R. Xundurôv nhận định: có mối tương quan chặt chẽ giữa TYT của phạm nhân với tinh thần chấp hành nội quy, quy chế của trại giam. Theo ông thì những phạm nhân có gia đình thường ít có HV tiêu cực, chấp hành nội quy tốt hơn những phạm nhân chưa có gia đình [117].

Iu.V. Chupharôvxki khi đề cập về sự biến đổi tâm lý nói chung, TYT nói riêng của phạm nhân trong thời gian chấp hành ở trại giam, cho rằng, sự biến đổi tâm lý chịu sự tác động của nhiều yếu tố: quy định, nội quy, quy chế và các biện pháp giáo dục của trại giam... và yếu tố gia đình (sự quan tâm của gia đình...), thời gian cải tạo, sự tác động của các phạm nhân khác [108].

Các nhà nghiên cứu theo hướng này đã chỉ ra sự tác động của nhiều yếu tố khách quan đối với sự biến đổi TYT của phạm nhân trong thời gian CHHPT. Thiết nghĩ, nhiều yếu tố khác như: giới tính, trình độ học vấn, niềm tin vào giá trị của các biện pháp cải tạo, nội dung, phương pháp giáo dục của cán bộ trại giam... cũng có tác động nhất định đến diễn biến TYT của phạm nhân. Tuy nhiên, chúng còn ít được quan tâm nghiên cứu.

1.1.2.2. Những nghiên cứu tự ý thức về hành vi phạm tội và hành vi chấp hành hình phạt tù ở Việt Nam

Các tác giả Nguyễn Như Chiến, Nguyễn Đình Đăng Lục, Hoàng Thị Bích Ngọc, Chu Thị Mai, Đỗ Văn Thọ [5] cũng đã chỉ ra thái độ, nhận thức của phạm nhân, trại viên đối với HV vi phạm pháp luật và mức độ trừng phạt của pháp luật đối với họ. Các tác giả này phân chia phạm nhân được thành các nhóm khác nhau: nhóm hoàn toàn hối hận về HV vi phạm của mình, thấy trước được hậu quả, tác hại mà HV của họ gây ra; TYT rằng hình phạt dành cho họ là phù hợp; nhóm không TNT được lỗi và cho rằng hình phạt đối với họ là không phù hợp, họ tỏ ra bất bình, có tư tưởng chống lại các nội quy, kỷ luật trại giam, cơ sở giáo dục [5, tr.14-15]. Về nghiên cứu thực tiễn, theo những tài liệu mà chúng tôi hiện có, ở nước ta, mặc dù có sự đòi hỏi của thực tiễn công tác thi hành án phạt tù, nhưng chưa có công trình nào được tiến hành về vấn đề TYT của phạm nhân nói chung và nhóm những phạm nhân phạm các tội cụ thể nói riêng. Với ý nghĩa của như đã trình bày ở trên trong công tác quản lý và giáo dục phạm nhân tại các trại giam, chúng tôi lựa chọn vấn đề TYT về HVPT và HVCHHPT của phạm nhân phạm các tội về ma túy làm nghiên cứu của mình.

Tóm lại, các nhà nghiên cứu về TYT đã tìm hiểu cơ sở hình thành và phát triển của yếu tố này, chỉ ra các cấu thành và các yếu tố tác động đến nó.

Một số nhà tâm lý học khi nghiên cứu về TYT của phạm nhân đã chỉ ra mối tương quan giữa TYT và diễn biến tâm lý của họ trong quá trình chấp hành hình phạt tù, đề cập đến những yếu tố tác động đến TYT của phạm nhân. Tuy nhiên, chưa có tác giả nào nghiên cứu một cách có hệ thống TYT về HVPT và HVCHHPT của phạm nhân phạm các tội về ma túy ở Việt Nam. Vì vậy, đề tài của luận án là nghiên cứu mới, không trùng lặp với các công trình đã được thực hiện.

1.2. MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN CỦA TỰ Ý THỨC VỀ HÀNH VI PHẠM TỘI VÀ HÀNH VI CHẤP HÀNH HÌNH PHẠT TÙ CỦA PHẠM NHÂN PHẠM CÁC TỘI VỀ MA TÚY

1.2.1. Các khái niệm cơ bản

TYT là mức độ phát triển cao của ý thức. Do vậy khi nghiên cứu TYT chúng tôi tiếp cận trong mối liên hệ với khái niệm ý thức.

1.2.1.1. Ý thức

Ý thức là một phạm trù lớn, vô cùng phức tạp, được nhiều lĩnh vực khoa học xã hội quan tâm nghiên cứu. Trong triết học, đây là một phạm trù cơ bản, là vấn đề trung tâm để giải quyết các vấn đề của lĩnh vực này. Từ góc độ tâm lý học, trong nghiên cứu này, chúng tôi xem xét khái niệm ý thức theo các quan điểm khác nhau của các trường phái tâm lý học.

Các đại diện của tâm lý học duy tâm, nội quan, phân tâm, HV, hiện sinh (V. Vunt, W. Giêmx, Phrót, Tônman, Rôgiơ...) cho rằng: ý thức là cái gì đó ở bên ngoài, không có phẩm chất và cấu trúc, hoặc một cái gì đó trừu tượng - trải nghiệm, thể nghiệm, máy móc và thụ động; tách rời khỏi thế giới đối tượng xung quanh, các quan hệ xã hội và các hoạt động của con người tạo ra thế giới và các quan hệ ấy.

Trái ngược với các quan điểm duy tâm và duy vật siêu hình, tâm lý học mác - xít đã vận dụng sáng tạo các nguyên lý của triết học mác - xít, xây dựng nên một phương pháp luận riêng cho tâm lý học với các nguyên tắc cơ bản: coi tâm lý là hoạt động; tâm lý có tính lịch sử - xã hội và v.v... Trên cơ sở đó, cách tiếp cận vấn đề và giải thích thực sự về tâm lý, ý thức được thay đổi tâm gốc. Phương pháp tiếp cận hoạt động, ngày nay, được thừa nhận là cách tiếp cận chủ yếu để nghiên cứu các quy luật phát triển ý thức, nhân cách con người. Tâm lý học mác xít xem ý thức là sự phản ánh tồn tại khách quan vào não người, ý thức là hình thức đặc thù của tâm lý người, được hình thành trong những hoạt động sống của con người, là sản phẩm của những quan hệ xã hội đã được hình thành trong lịch sử mà con người tham gia vào. Trong quá trình ấy, con người đồng thời là sản phẩm và là chủ thể của sự phát triển của xã hội loài người, với tính cách là một chủ thể hoạt động có ý thức. Ý thức giúp con người đi sâu vào khám phá, hiểu biết một cách sâu sắc, đầy đủ về bản chất của sự vật và hiện tượng, tạo ra những mối quan hệ với thế giới đa dạng phong phú đó.

Khi tìm hiểu về ý thức chúng tôi đồng nhất với quan điểm của các nhà tâm lý học mác xít cho rằng:

Ý thức là hình thức phản ánh tâm lý cao nhất chỉ có ở con người, là khả năng con người hiểu được các tri thức mà họ đã tiếp thu được, là tri thức về tri thức, phản ánh của phản ánh.

** Đặc điểm của ý thức*

- Tính nhận thức của ý thức

Đây là mặt nhận thức của ý thức, là hiểu biết của hiểu biết, gồm các mức độ:

Nhận thức cảm tính: mang lại những tư liệu cho ý thức; cảm giác cho ta hình ảnh từng thuộc tính bên ngoài của sự vật, hiện tượng; tri giác mang lại cho ta những hình ảnh trọn vẹn bên ngoài của sự vật, hiện tượng. Những hình ảnh đó giúp chúng ta thấy được sự tồn tại thật của thế giới khách quan và đó là nội dung ban đầu và cũng là bậc sơ cấp của ý thức.

Nhận thức lý tính: mang lại cho ta hình ảnh khái quát bản chất của thực tại khách quan và mối liên hệ giữa các sự vật và hiện tượng. Đây là nội dung hết sức cơ bản của tri thức. Tri thức là hạt nhân cơ bản của ý thức. Do vậy ý thức là sự hiểu biết về thế giới khách quan.

- Tính đánh giá (tính phê phán) của ý thức

Khi nhận thức thế giới, con người phải lựa chọn và thể hiện các mức độ rung cảm của cá nhân như yêu ghét, hoài nghi, phù hợp hay không phù hợp... Đó là sự đánh giá của cá nhân đối với cái được nhận thức, là sự biểu hiện của ý thức trong những điều kiện cụ thể. Ví dụ, một người có ý thức pháp luật giao thông đường bộ thường có nhận xét, đánh giá về nội dung, quy tắc của luật giao thông đường bộ và từ đó có thể đồng tình hay không đồng tình.

- Tính điều chỉnh (tính hoàn thiện) của ý thức

Ý thức điều chỉnh, điều khiển hoạt động của con người làm cho hoạt động có ý thức. Đó là quá trình con người vận dụng những hiểu biết và tổ thái độ của mình nhằm thích nghi, cải tạo thế giới và cải biến cả bản thân. Một con người có ý thức hay không sẽ được đánh giá qua mặt này của ý thức.

** Các biểu hiện của ý thức*

- Ý thức thể hiện năng lực nhận thức cao nhất của con người về thế giới.

Đó là nhận thức cái bản chất, nhận thức khái quát bằng ngôn ngữ. Từ đó, cá nhân có thể dự kiến trước được kế hoạch, kết quả của HV và làm HV mang tính có chủ định.

- Ý thức thể hiện thái độ của con người đối với thế giới.

Ý thức không chỉ nhận thức sâu sắc về thế giới mà còn thể hiện thái độ đối với thế giới.

- Ý thức thể hiện năng lực điều khiển, điều chỉnh HV của con người.

Trên cơ sở nhận thức bản chất khái quát và tỏ thái độ với thế giới, ý thức điều khiển, điều chỉnh HV của con người đạt tới mục đích đã đề ra. Vì thế ý thức có khả năng sáng tạo.

- TYT là mức độ phát triển cao của ý thức.

Con người không chỉ ý thức về thế giới càng ngày càng sâu sắc hơn mà còn có khả năng TYT, có nghĩa là khả năng nhận thức về mình, tự đánh giá bản thân, tự điều khiển, điều chỉnh, tự hoàn thiện mình.

1.2.1.2. Tự ý thức

Theo từ điển Viện Hàn lâm khoa học Liên Xô, TYT được giải nghĩa là “sự hiểu biết đầy đủ về bản thân mình, về giá trị và vai trò của bản thân mình trong cuộc sống, trong xã hội” [116].

Từ điển Tâm lý học do A.V. Petrovski và M.G. Iarosevski tổng chủ biên định nghĩa: “TYT chính là quan niệm về cái Tôi, hình ảnh cái Tôi của cá nhân” [114]. Đó là “Hệ thống các biểu tượng của con người về bản thân, tương đối ổn định, được trải nghiệm như một hệ thống độc đáo. Trên cơ sở đó, cá nhân xây dựng sự tác động qua lại của mình với những người khác, với thế giới bên ngoài”.

Purkey (1998) định nghĩa TYT là “Tổng thể một hệ thống phức tạp (có tổ chức, có biến động) về các niềm tin, thái độ và ý kiến mà mỗi người cho là sự thật về sự tồn tại cá nhân của mình [102].

Franken (1994) cho rằng khái niệm cái Tôi có liên quan đến sự TYT bản thân. Những người TYT tốt có một khái niệm cái Tôi khá rõ ràng “Khi con người biết mình, họ có kết quả tối đa bởi vì họ biết những gì họ có thể làm và những gì họ không thể làm” [96].

Susan Harter nói về quan hệ giữa cái Tôi và TYT, ông cho rằng cái Tôi được gắn vào một hệ thống các quá trình quan hệ bên trong bao gồm ba phần: Ban đầu là TYT, trẻ biết gì về bản thân chúng và khi nào thì chúng có được sự hiểu biết này? Sự hiểu biết này có quan hệ với sự biểu về những yếu tố khác của môi trường xã hội và thể lực của chúng như thế nào? Phần thứ hai là TĐG, các yếu tố nào ảnh hưởng đến các kinh nghiệm của trẻ về bản thân chúng? Những kinh nghiệm này có ảnh hưởng hoặc có ý nghĩa đối với các HV của chúng hay không? Phần thứ ba là tự điều chỉnh bản thân: Khi nào trẻ em có thể tự kiểm soát bản thân và chúng làm việc đó như thế nào? Yếu tố nào ảnh hưởng tới quá trình này? [97].

Khi nghiên cứu ý thức về cái Tôi, theo quan điểm của A.V. Petrovski thì TYT chính là sự phát hiện ra cái Tôi và là hình ảnh của cái Tôi. Con người khi tham gia vào quan hệ xã hội đã tách biệt bản thân mình khỏi môi trường xung quanh, cảm thấy bản thân là chủ thể của các trạng thái, hoạt động, của các quá trình tâm lý, thể chất của mình. “cái Tôi” tương phản với “người khác” nhưng luôn luôn quan hệ mật thiết với nhau. Xem xét quá trình khám phá ra cái Tôi của nhân cách, I.X.Kon đi đến kết luận là ở tuổi thiếu niên một hệ thống chi tiết TĐG đạo đức xã hội bắt đầu hình thành thông qua kết quả của việc tham gia tích cực vào cuộc sống xã hội và hoạt động lao động, hoàn thành sự phát triển TYT và hình thành hình ảnh “cái Tôi” [110].

Theo A.N. Leonchiev, sự không trùng hợp giữa “cái Tôi” với cái mà chủ thể hiểu biết về bản thân mình là điều đã hoàn toàn rõ ràng. Ngay từ lúc còn rất nhỏ (khoảng 2-3 tuổi) cá nhân đã bắt đầu có những hiểu biết, những biểu tượng về bản thân. Còn ý thức bản ngã, ý thức về “cái Tôi” của mình, là kết quả, là sản phẩm được hình thành của một con người với tư cách là một nhân cách [38]. Như vậy, theo Leonchiev thì có mối quan hệ khá chặt chẽ giữa cái Tôi và TYT, tuy nhiên giữa chúng cũng có sự khác biệt tương đối với nhau.

Theo Vugotxki: “TYT là ý thức xã hội được chuyển vào bên trong”. Từ luận điểm này ông đi đến nhận xét: Thiếu niên trong quan hệ với người lớn đã “tích cực lĩnh hội từ thế giới người lớn những giá trị khác nhau, những chuẩn mực, phương thức hành động, là những cái tạo thành nội dung mới của ý thức, biến chúng thành

những yêu cầu đối với bản thân mình, thành tiêu chuẩn đánh giá và TĐG”. Như vậy theo tác giả, TĐG chỉ xảy ra khi nào có TYT, nhờ có TYT mới có thể có TĐG. Quan điểm này đã được X.L. Rubinstein khẳng định khi ông diễn giải quá trình hình thành TYT. Ông cho rằng: “Trong sự phát triển của ý thức diễn ra một loạt các mức độ từ sự nhận thức đơn giản về bản thân dẫn tới sự nhận thức bản thân ngày càng sâu sắc hơn”[115].

Trong TYT thì TĐG là mức độ phát triển cao, xuất hiện muộn trong sự phát triển tâm lý cá nhân. TYT phát triển tới một giai đoạn nhất định thì TĐG mới hình thành như V.P Levcovic quan niệm: “TĐG là giai đoạn phát triển cao của TYT nó bao gồm không chỉ sự nhận thức về bản thân mà cả sự đánh giá đúng sức lực, khả năng và thái độ phê phán đối với bản thân”[113].

Một số tác giả như Nguyễn Quang Uẩn, Đinh Văn Vang, Nguyễn Văn Lũy cho rằng: “TYT là mức độ phát triển cao của ý thức. TYT là ý thức về mình, có nghĩa là khi bản thân trở thành đối tượng “mở xẻ”, phân tích, lý giải...thì lúc đó, con người đang TYT. TYT được biểu hiện ở những mặt sau: Chủ thể TNT về bản thân mình từ bên ngoài đến nội dung tâm hồn, đến vị thế và các quan hệ xã hội, trên cơ sở đó tự nhận xét, TĐG. Có thái độ rõ ràng đối với bản thân, tự điều chỉnh, điều khiển HV theo mục đích tự giác. Chủ thể có khả năng tự giáo dục, tự hoàn thiện mình”[69].

Khi nghiên cứu về sự phát triển nhân cách của học sinh THCS, Lê Văn Hồng và Lê Ngọc Lan nhấn mạnh: “Do sự phát triển mạnh mẽ của cơ thể, của trí tuệ và đặc biệt, do sự phát triển của các mối quan hệ xã hội và sự giao tiếp trong tập thể mà ở thiếu niên đã xuất hiện nhu cầu quan tâm đến đời sống nội tâm của mình, quan tâm đến những phẩm chất nhân cách riêng, xuất hiện nhu cầu TĐG, so sánh mình với người khác. Mức độ TYT của các em thiếu niên cũng có khác nhau. Ban đầu các em nhận thức HV của mình (những cử chỉ, HV riêng lẻ, sau đến toàn bộ HV nói chung). Tiếp đến là nhận thức những phẩm chất và năng lực của mình trong các phạm vi khác nhau. Trước hết là những phẩm chất liên quan đến việc hoàn thành nhiệm vụ học tập (sự chú ý, chuyên cần, kiên trì...). Rồi đến những phẩm chất thể hiện thái độ đối với người khác và bản thân. Cuối cùng mới là những phẩm

chất phức tạp thể hiện mối quan hệ nhiều mặt của nhân cách (tình cảm trách nhiệm, lòng tự trọng,...)” [27, tr45-46].

Tóm lại, các ý kiến của các tác giả nước ngoài và các tác giả trong nước khi nghiên cứu về TYT đều có điểm chung: TYT là một mức độ phát triển cao của ý thức, được biểu hiện: *thứ nhất*, cá nhân TNT về mình (từ hình thức bề ngoài đến nội dung tâm hồn); *thứ hai*, trên cơ sở TNT về mình cá nhân TĐG chính bản thân mình; *thứ ba*, khả năng tự điều chỉnh HV của mình dựa trên những quy tắc HV mà cá nhân đã thừa nhận và lựa chọn.

Từ những quan điểm và phân tích ở trên chúng tôi đi đến định nghĩa:

Tự ý thức là một dạng phát triển cao của ý thức được cấu thành bởi tự nhận thức, tự đánh giá và tự điều chỉnh hành vi của bản thân theo chuẩn mực, quy định của xã hội được họ thừa nhận và lựa chọn.

Có thể nói rằng, tất cả những gì thuộc về chủ thể đều có thể trở thành đối tượng của TYT. Do đó, TYT có nội dung rất phong phú và đa dạng: ban đầu, cá nhân nhận thức về chính mình từ hình thức bên ngoài, tiếp đến, nhận thức về những đặc điểm nhân cách, vị trí vai trò của mình trong các mối quan hệ xã hội. Trên cơ sở TNT về bản thân và những hiểu biết về thế giới bên ngoài, cá nhân TĐG mình, từ đó, điều chỉnh HV của mình cho ngày càng phù hợp với quy tắc và chuẩn mực được cá nhân thừa nhận và lựa chọn.

Theo chúng tôi, TYT thường được biểu hiện ở:

- TNT về bản thân, ban đầu, thông qua những nhận xét, đánh giá của người khác, thông qua các trải nghiệm trong các hoạt động, cá nhân TNT về các đặc điểm của bản thân, đồng thời, trên cơ sở nhận thức các quy tắc HV, những chuẩn mực xã hội, họ thừa nhận và lựa chọn những điều phù hợp.

- Trên cơ sở đó, cá nhân tiến hành phân tích, đánh giá những đặc điểm của chính mình trong các mối quan hệ xã hội, trong các điều kiện hoạt động cụ thể. Cùng với sự TĐG, ở cá nhân xuất hiện tự bày tỏ thái độ đối với chính mình (có thể là hài lòng với chính mình, cảm thấy tự hào hay hổ thẹn với chính mình...).

- Kết quả trên sẽ dẫn đến tự điều chỉnh, điều khiển các hoạt động của mình cho ngày càng phù hợp hơn với những quy tắc HV, những chuẩn mực xã hội mà mình đã thừa nhận và lựa chọn.

Dấu hiệu đặc trưng của chủ thể TYT thể hiện ở TNT, TĐG và điều khiển - điều chỉnh bản thân chủ thể. Từ đó, chúng ta có thể đo TYT ở các mức độ cao - thấp, ổn định - không ổn định, tích cực - tiêu cực trong các dấu hiệu của nó.

Bản chất tâm lý của TYT là ý thức về chính bản thân chủ thể từ hình thức bề ngoài đến nội dung tâm hồn và sự điều chỉnh hành vi của bản thân..

** Đặc điểm của TYT*

- Tính nhận thức của TYT

Được thể hiện ở chỗ cá nhân TNT về sự hiểu biết của bản thân, TNT về thái độ của bản thân và TNT về HV của bản thân. Tính nhận thức thể hiện sự đúng hay sai, gắn với quy tắc và chuẩn mực xã hội được cá nhân thừa nhận và lựa chọn.

- Tính đánh giá (tính phê phán) của TYT

TĐG là một cơ sở của TYT, nó thể hiện ở chỗ tốt hay xấu dựa trên quy tắc và chuẩn mực mà cá nhân thừa nhận và lựa chọn.

- Tính điều chỉnh (tính hoàn thiện) của TYT

Mỗi cá nhân dựa trên sự TNT về hiểu biết của bản thân từ đó phê phán và dẫn tới tự điều chỉnh để dẫn tới sự hoàn thiện bản thân. Tính tự điều chỉnh là tiêu chí để đánh giá TYT vì điều chỉnh sẽ đem lại kết quả của TYT.

Như vậy, TYT là điều kiện để mỗi cá nhân trở thành chủ thể hành động độc lập, trở thành chủ thể của xã hội.

** Cấu trúc (cấu thành) của tự ý thức*

Vấn đề cấu trúc của tự ý được các nhà tâm lý học Xôviết nghiên cứu nhiều. Chesnokova (1977) xem xét TYT như một quá trình phức tạp, nhiều bậc, trên cơ sở các quá trình tâm lý (quá trình nhận thức, xúc cảm và ý chí). Theo tác giả, cấu trúc TYT có các thành tố: TNT, thái độ cảm xúc, giá trị tự điều chỉnh [3].

Một số nhà khoa học như: Petrulite (1985), Mironova (1985), Coodiev (1980) xem xét cấu trúc về mặt thời gian của tự ý thức. Nó được biểu hiện dưới dạng: “Cái

Tôi quá khứ”, “Cái tôi hiện tại”, “Cái Tôi lý tưởng”. Các tác giả trên đã đồng nhất các quá trình tâm lý với các yếu tố TYT.

Có quan điểm cho rằng TNT khác với TYT ở chỗ TNT là một quá trình hướng vào bản thân, nhận thức những thông tin về chính mình, nghĩa là TNT cần phải xem như là cơ chế hình thành TYT chứ không phải là một thành tố của TYT. Tự điều chỉnh HV cũng không thể coi là một thành tố của TYT vì nó thực hiện chức năng điều chỉnh của TYT trong HV và hoạt động.

Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và thực nghiệm, các nhà tâm lý học đưa ra phân loại các hình thức biểu hiện của TYT. Có ba hình thức biểu hiện chính, với các sắc thái khác nhau đó là:

- Nhận thức - TNT, phân tích, đánh giá biểu tượng về bản thân
- Cảm xúc - thái độ cảm xúc của con người đối với bản thân: Khiêm tốn, tự hào, kiêu hãnh.
- Ý chí - những biểu hiện tâm lý tích cực, gồm cả điều chỉnh có ý thức các HV, hành động của bản thân, thái độ đối với xung quanh: kiềm chế, tự chủ, kỷ luật, tự kiểm soát.

Theo tác giả Trần Ninh Giang thì “Trong hoạt động tâm lý của con người, TYT là một cấu trúc chỉnh thể, thống nhất ở mức tương quan nhất định cả ba hình thức: tự nhận thức, thái độ cảm xúc và ý chí” [20, tr 307-308].

V.V.Xtolin cho rằng: "TYT là thể thống nhất không thể tách rời của ba mặt - TNT, tự tổ thái độ, và tự điều chỉnh bản thân" [120, tr.245].

Từ chỗ xác định TYT là trình độ phát triển cao của ý thức, các tác giả trong nước - Nguyễn Quang Uẩn, Trần Hữu Luyến, Trần Quốc Thành cũng đi đến khẳng định thành phần của TYT bao gồm: "khả năng TNT về mình, tự xác định thái độ đối với bản thân, tự điều khiển, điều chỉnh, tự hoàn thiện mình". Như vậy, cũng như ý thức, cấu trúc của TYT gồm 3 mặt: mặt nhận thức, mặt thái độ và mặt hành động, song ở trình độ phát triển cao.

Kế thừa có chọn lọc quan điểm của các tác giả nghiên cứu TYT đi trước, chúng tôi cho rằng, TYT là một cấu trúc tâm lý phức tạp bao gồm: TNT về bản thân; TĐG bản thân; Tự điều chỉnh HV của bản thân.

- *TYT thể hiện qua TNT về bản thân*

TNT của mỗi cá nhân có được trên cơ sở: thứ nhất, từ những ý kiến nhận xét về các mặt khác nhau của họ, thông qua giao tiếp với những người xung quanh; thứ hai, từ những trải nghiệm của bản thân trong các hoạt động cụ thể, cá nhân có cơ hội kiểm nghiệm những ý kiến nhận xét đó, tự rút ra những điều đúng, những điều chưa đúng, để khẳng định những đặc điểm của mình, đồng thời, tự bản thân họ cũng khám phá, phát hiện thêm nhiều đặc điểm khác của bản thân. TNT là tập hợp những tri thức, hiểu biết của mỗi cá nhân về bản thân bằng nhiều con đường khác nhau trong cuộc sống.

TNT là sự hiểu biết về bản thân (từ những đặc điểm hình thức bên ngoài đến những đặc điểm nhân cách, đạo đức, cả những điểm mạnh và những điểm yếu). TNT cho phép mỗi chủ thể hiểu về người khác, cách người khác cảm nhận về chủ thể cũng như thái độ và phản hồi của chủ thể. Do đó, TNT là cơ sở, nền tảng hỗ trợ cho năng lực tư duy cảm xúc. TNT là cơ sở của TĐG và tự điều chỉnh bản thân, bởi nếu chủ thể không hiểu biết về mình, không hiểu cảm xúc của bản thân thì sẽ không hiểu được cảm xúc của người khác? TNT còn giúp chủ thể biết động cơ và hứng thú, đam mê của mình. Từ đó, hướng chủ thể đến những hoạt động yêu thích, làm việc vui vẻ và có hiệu quả hơn và hài lòng với bản thân hơn. Mức độ hiểu biết bản thân càng rõ ràng, chủ thể càng có khả năng kiểm soát và lựa chọn HV muốn biểu hiện.

Tóm lại, theo chúng tôi hiểu thì *tự nhận thức là nhận biết và hiểu rõ bản thân mình đã biết về những cái gì, cái gì mình chưa biết, những tiềm năng, tình cảm, những mặt mạnh, mặt yếu của mình để có thể xác định mục tiêu phù hợp, ra quyết định đúng.*

- *TYT thể hiện qua TĐG bản thân*

Khi xem xét về những thay đổi của TNT trong quá trình phát triển, Damon và Hart (1982) khẳng định TĐG bản thân thay đổi qua các thời kỳ sống khác nhau. Thực tế cho thấy, trong TĐG của cá nhân ngày càng gia tăng những yếu tố trừu tượng. Khi đề cập đến cái Tôi, cá nhân ngày càng đề cập đến những đặc điểm tâm lý hơn là những đặc điểm về cơ thể [95, tr.51, tr.727-735].

TĐG của cá nhân thể hiện nhận thức của họ về bản thân mình, tổng thể những niềm tin về chính những thuộc tính của bản thân. Nó thể hiện cách cá nhân đánh giá bản thân trong những lĩnh vực quan trọng đối với chính mình. Trong đó, cá nhân có thể có sự đánh giá tích cực bản thân mình ở lĩnh vực này và đánh giá tiêu cực với bản thân ở lĩnh vực khác. Những nghiên cứu khẳng định rằng, mỗi cá nhân có thái độ đối với bản thân một cách tổng thể, phản ánh cách đánh giá giá trị của chính mình một cách khái quát [97]. Như vậy, có thể xem xét thái độ của bản thân của cá nhân là sự TĐG của cá nhân về những thuộc tính và đặc điểm của bản thân về tổng thể cũng như các khía cạnh cụ thể, trong từng hoàn cảnh cụ thể.

Tóm lại, trên cơ sở những hiểu biết về mình, cá nhân TĐG chính mình, thể hiện sự đồng tình hay không hài lòng/phê phán những đặc điểm của bản thân như hình thức bên ngoài, cử chỉ, điệu bộ, lời nói, việc làm của chính mình.

- TYT thể hiện qua tự điều chỉnh hành vi của bản thân

Từ chỗ nhận thức về sự hiểu biết của bản thân, nhận thức những chuẩn mực, quy định đúng và thừa nhận và lựa chọn chúng, cá nhân TĐG bản thân, thể hiện thái độ đồng tình hay phê phán với chính mình. Trên cơ sở đó, họ đưa ra những biện pháp, chiến lược cần thiết để điều chỉnh bản thân cho phù hợp hơn với chuẩn mực mà mình đã thừa nhận và lựa chọn.

Chức năng điều chỉnh bản thân thông qua việc xác định các lựa chọn của chủ thể và các kế hoạch cho tương lai (Maumeister, & Vohs, 2003; Carver & Scheier, 1998) được dựa trên sự TNT bản thân. Con người là giống loài duy nhất có năng lực lập kế hoạch dài hạn và các kế hoạch liên quan đến học hành, gia đình, việc làm đòi hỏi cái Tôi phải có năng lực tự điều chỉnh bản thân. Nguồn năng lượng được huy động cho quá trình tự điều chỉnh bản thân thường có tính chất hạn chế. Các nghiên cứu cho thấy rằng, những người theo chế độ ăn kiêng dễ trở nên yếu hơn vào ban đêm khi họ mệt mỏi. Những người đã từng hút thuốc dễ lặp lại thói quen hút thuốc khi gặp các tình huống khó khăn. Những người bị chứng “nghiện ăn” dễ ăn uống “say sưa” sau một ngày dài tự kiểm soát mình. Năng lực cho sự tự kiểm soát cũng có giới hạn. Mọi người đều cần nghỉ ngơi để hồi phục năng lượng duy trì các mục tiêu về mặt sức khỏe.

Ở một mức độ nào đó, tự điều chỉnh cũng bị quy định bởi yếu tố văn hóa của môi trường xã hội hóa (Dhawan, Roseman, Naidu, Thapa & Rettek, 1995). Cái Tôi độc lập nhấn mạnh đến những gì làm mình khác biệt với những người khác. Tự điều chỉnh bản thân liên quan đến các thành công của cá nhân sẽ được xếp hạng cao như một đặc điểm quan trọng với sinh viên Mỹ. Ngược lại, các sinh viên Nhật thường nhận thức về bản thân theo các vai trò xã hội, trong mối quan hệ với gia đình và xã hội [34, tr.50-51].

Tự điều chỉnh bản thân dựa trên cơ sở TNT, TĐG và tổ thái độ với chính bản thân mình. Ở các cá nhân, tự điều khiển, điều chỉnh bản thân diễn ra ở các mức độ khác nhau và theo các chiều hướng không như nhau, phụ thuộc trước hết vào chính mức độ TNT và sau đó là kết quả TĐG của họ vào đặc điểm nhân cách, đạo đức của bản thân.

** Sự hình thành và phát triển của tự ý thức*

- Sự hình thành tự ý thức

Các nhà tâm lý học mác xít đại diện là các tác giả: X.L Rubinstêin quan niệm: “TYT là sản phẩm tương đối muộn của ý thức, TYT đòi hỏi đưa trẻ phát triển thành chủ thể tách mình khỏi môi trường của nó một cách có ý thức”.

Điều đáng quan tâm là: trong khi chỉ rõ nét đặc trưng của TYT là hướng vào khám phá chính bản thân mình, X.L.Rubinstein đã đồng thời nhấn mạnh nguồn gốc xã hội của TYT. Tác giả cho rằng: Nhận thức và cảm xúc về bản thân không phải cái gì ẩn nấp ở thế giới bên trong mà là sự quan hệ của con người với thế giới bên ngoài. Với quan niệm như vậy, ông đã chia sẻ cách đặt vấn đề của A.N. Leonchiev – người khẳng định bản chất hoạt động và nguồn gốc xã hội của “Ý thức về cái Tôi”: “Nó vốn có một sự vận động bên trong, phản ánh chính đời sống thực tế của chủ thể, mà sự vận động bên trong này giữ vai trò trung giới cho đời sống ấy; chúng ta thấy rằng chỉ trong sự vận động đó các kiến thức mới xác định được tính tương ứng của nó với thế giới khách quan và mới có hiệu lực” [38, tr.267-268].

Cũng dưới góc độ nguồn gốc xã hội của TYT, T.V Đragunova đã khai thác định nghĩa của Vurgoski: “TYT là ý thức xã hội được chuyển vào bên trong” và đi đến nhận xét rằng: Thiếu niên trong mối quan hệ với người lớn đã “tích cực lĩnh hội

từ thế giới người lớn những giá trị khác nhau, những chuẩn mực, phương thức HV, là những cái tạo thành nội dung mới của ý thức, và được biến thành những yêu cầu đối với bản thân mình, thành tiêu chuẩn đánh giá và TĐG" [58, tr.152]. Chúng ta có thể thấy giá trị cốt lõi của quan niệm này là tác giả đã vạch ra được điểm mấu chốt trong cơ chế hình thành TYT trên cơ sở lĩnh hội những yêu cầu, chuẩn mực xã hội và biến chúng thành những yêu cầu đối với bản thân.

Chúng tôi tán thành với các quan niệm của các nhà tâm lý học macxit về sự hình thành và phát triển của TYT. Chúng ta không thể nghiên cứu TYT tách rời với ý thức nói chung; việc bồi dưỡng và phát triển TYT về một mặt nào đó của nhân cách phải gắn trước hết với việc bồi dưỡng ý thức cá nhân về mặt đó.

TYT không có ngay từ khi đứa trẻ mới sinh ra, cũng không do yếu tố bẩm sinh di truyền mà TYT hình thành khi đứa trẻ bắt đầu phân biệt được nó với những người xung quanh.

Ở trẻ em, ban đầu chỉ có biểu tượng về bản thân mình, trên cơ sở sự đánh giá của người khác, sau đó chúng mới dần dần hình thành khả năng phân tích thế giới bên trong của mình [56, tr.64]. Con người xem xét bản thân mình thông qua sự so sánh mình với người khác, so sánh mình với những yêu cầu, chuẩn mực, đạo đức của xã hội. Trong quá trình phát triển của mỗi cá nhân, việc nhận thức người khác luôn xảy ra trước việc nhận thức bản thân. Hơn nữa, nhận thức người khác còn là nguồn gốc là chỗ dựa để nhận biết bản thân.

- Sự phát triển tự ý thức

TYT là mức độ phát triển cao của ý thức. Ý thức của cá nhân được hình thành và phát triển trong hoạt động và giao tiếp của cá nhân với người khác, với xã hội. Sự phát triển của TYT gắn liền với quá trình hoà nhập của cá nhân với môi trường bên ngoài. Theo V.C Merlin thì TYT được phát triển theo 4 giai đoạn, tương ứng với các giai đoạn cuộc đời: giai đoạn 1 “Ý thức và sự đồng nhất” - năm đầu đời - tự phân tách và cho mình nhập cuộc; giai đoạn 2 “Ý thức cái Tôi” - năm thứ 2 đến năm thứ 3 - ý thức bản thân như chủ thể hoạt động; giai đoạn 3 “Ý thức các thuộc tính tâm lý của mình nhờ khái quát những gì tự quan sát được”; giai đoạn 4 “Tự đánh giá đạo đức - xã hội” - tuổi thanh niên [trích theo 20, tr.312].

Theo S.Freud, trẻ em có xu hướng tự đồng nhất mình với người mà em yêu thích thông qua cơ chế bắt chước một cách vô thức. TYT phát triển mạnh mẽ nhất từ giai đoạn trẻ thơ đến khi cá nhân có sự trưởng thành về mặt tính dục. Đó là giai đoạn từ lúc mới sinh tới khoảng 16 tuổi [6, tr.338-339].

Theo A.N. Leonchiev thì “Những hoạt động muôn màu muôn vẻ của chủ thể đan dệt vào nhau và thắt lại thành những đầu mối, do các quan hệ khách quan có bản chất xã hội mà tất yếu chủ thể phải gia nhập vào đó. Những đầu mối này và hệ thống thứ bậc của nó đã tạo thành Trung tâm của nhân cách. Đó chính là “cái Tôi hay ý thức bản ngã” [38, tr.270].

Chúng tôi tán thành với quan điểm của A.N. Leonchiev khi ông cho rằng, TYT không phải bẩm sinh hay di truyền, mà được hình thành và phát triển một cách dần dần từ thấp đến cao, từ đơn giản đến phức tạp, từ chỗ kém hoàn thiện đến chỗ ngày càng hoàn thiện hơn thông qua hoạt động muôn màu muôn vẻ mà chủ thể trực tiếp tham gia vào. Như vậy, có thể nói sự hình thành và phát triển TYT của cá nhân mỗi người được bắt đầu từ khoảng tuổi lên ba kết thúc khi cá nhân từ già cỗi đời. TYT của cá nhân có thể phát triển theo các chiều hướng khác nhau. Thứ nhất, TYT của cá nhân phát triển theo hướng phù hợp với chuẩn mực xã hội; thứ hai cá nhân phát triển TYT theo khuynh hướng không phù hợp với chuẩn mực xã hội (TYT quá cao hoặc quá thấp về bản thân).

1.2.1.3. Hành vi phạm tội

a. Hành vi

Muốn tìm hiểu HVPT trước hết cần tìm hiểu quan niệm thế nào là HV. Những người theo chủ nghĩa HV (Watson, E.C. Tolma, C.L.Hull...) quan niệm HV hết sức đơn giản. Đó là tổ hợp các phản ứng của cơ thể trả lời các kích thích tác động vào cơ thể (S-R). Những người theo thuyết HV mới như B.F.Skinner cho rằng con người còn có sự lựa chọn các kích thích, họ chỉ trả lời các kích thích có lợi cho bản thân mình. Quá trình sống là quá trình cá nhân trả lời các kích thích có lợi cho chính mình. Với quan niệm như vậy về HV, chuẩn mực để đánh giá HV cũng vẫn là mức độ thích ứng của cá nhân với môi trường. Cá nhân nào thích ứng được với môi trường có nghĩa người đó có HV phù hợp với chuẩn mực. Như vậy, các nhà

HV mới vẫn không thoát khỏi ảnh hưởng của những luận điểm có từ thời J.B.Watson [61, tr.171-179].

Trong tâm lý học mác xít, con người được coi là một chủ thể tích cực chứ không phải là một cá thể thích nghi thụ động với môi trường. HV của chủ thể thường bao giờ cũng có mục đích. Nó đảm bảo cho sự tồn tại và phát triển ngày càng cao của con người. Hầu hết HV của con người là HV mang tính chủ động, vì nó tích cực tác động vào môi trường, cải tạo môi trường nhằm thỏa mãn các nhu cầu ngày càng cao hơn. Do HV của con người chịu sự tác động và chi phối của nhiều yếu tố, vì thế, khi xét chuẩn mực HV của một cá nhân phải xét trong một môi trường, một cộng đồng nhất định.

Tiếp thu có chọn lọc các khái niệm HV của các nhà khoa học, chúng tôi kết luận: *HV là cách xử sự của con người trong một hoàn cảnh cụ thể, được biểu hiện ra bên ngoài bằng những hành động nhất định (việc làm, lời nói, cử chỉ, điệu bộ).*

Như vậy, khi xem xét các xử sự của con người trong những hoàn cảnh cụ thể có thể được điều hành bởi ý thức (HV có ý thức), nhưng cũng có những xử sự của con người dưới ngưỡng ý thức (HV vô thức). Như vậy, nói đến HV của con người sẽ bao gồm HV ý thức và HV vô thức.

b. Hành vi phạm tội

Trong đời sống xã hội, xét dưới góc độ pháp luật, HV của con người luôn tồn tại dưới hai dạng cơ bản là HV hợp pháp và HV vi phạm pháp luật.

Trong từ điển luật học, HV vi phạm pháp luật được hiểu là: “Một dạng HV pháp luật thể hiện ở HV của cá nhân, cơ quan, tổ chức không tuân thủ các nghĩa vụ do pháp luật qui định (không thực hiện hoặc thực hiện không đúng các qui định của pháp luật) hoặc đã làm những việc mà pháp luật cấm, gây thiệt hại hoặc dẫn đến nguy cơ gây thiệt hại cho các lợi ích khác nhau” [68, tr.324-325].

Theo giáo sư Võ Khánh Vinh thì “Hành vi phạm tội là một quá trình được diễn ra trong một khoảng không gian nhất định, hàm chứa cả những hoạt động đã được khách quan hóa ra bên ngoài cấu thành nên cấu thành tội phạm cụ thể và lẫn những hiện tượng, quá trình tâm lý diễn ra trước đó đóng vai trò quyết định việc thực hiện các hành động đó” [76, tr.116]. Cũng theo tác giả thì hành vi phạm tội là

một khái niệm rất rộng, khái niệm đó rộng hơn khái niệm tội phạm. “Tội phạm, như mọi hành vi khác của con người suy cho cùng là kết quả của sự tác động lẫn nhau của cá nhân và hoàn cảnh khách quan bên ngoài. Trong sự tác động đó quyết định thực hiện tội phạm được thông qua và được thể hiện trong thực tế” [76, tr.113].

Theo tác giả Lê Minh Tâm “*HV vi phạm pháp luật là HV trái pháp luật và có lỗi do chủ thể có năng lực trách nhiệm pháp lý thực hiện, xâm hại các quan hệ xã hội được pháp luật bảo vệ*” [64, tr.486].

HV vi phạm pháp luật trong xã hội rất đa dạng, căn cứ vào mức độ nguy hiểm cho xã hội, nó có thể được chia thành hai loại cơ bản: HVPT và các HV vi phạm pháp luật khác (HV vi phạm pháp luật hành chính, HV vi phạm luật dân sự, lao động...). Trong nghiên cứu của mình, chúng tôi chỉ quan tâm tới HVPT.

Trên cơ sở các học thuyết về HV, các nhà tâm lý học pháp lý Nga, đại diện là M.I.Enhikev và A.V.Xakharov cho rằng: HVPT là HV có ý thức, có ý chí, nguy hiểm cho xã hội, trái với pháp luật và phải chịu hình phạt [110, tr.323]. Còn theo Iu.Trupharovski, HVPT là một hành động có động cơ, có định hướng, có ý thức và được điều khiển chống đối pháp luật để đạt một mục đích nhất định và hành động đó không thể chia nhỏ được nữa [119, tr.175].

Những nhà khoa học pháp lý hình sự và các nhà Tâm lý học pháp lý tại Việt Nam cũng có những quan điểm khác nhau về khái niệm HVPT.

Các tác giả của cuốn "Những vấn đề cơ bản của tâm lý học tội phạm, tâm lý học điều tra tội phạm và tâm lý học quản lý" cho rằng: HVPT là những HV lệch chuẩn xã hội, vi phạm các quy phạm pháp luật hình sự đến mức phải xử lý bằng hình phạt [57, tr.24].

Dưới góc độ pháp luật thì: *HVPT là HV nguy hiểm cho xã hội, trái pháp luật hình sự, có ý thức, có ý chí và được thể hiện ra bên ngoài bằng hình thức hành động hoặc không hành động.*

Trong nghiên cứu này, chúng tôi cho rằng: *HVPT là cách xử sự của con người trong một hoàn cảnh cụ thể, có nội dung tâm lý riêng, được biểu hiện ra bên ngoài bằng những hành động nhất định (việc làm, lời nói, cử chỉ, điệu bộ), trái với pháp luật hình sự.*

** Đặc điểm của hành vi phạm tội*

Theo chúng tôi, khi xem xét HVPT cần phải dựa vào những đặc điểm sau:

Thứ nhất, HV bị coi là HVPT khi HV đó phải có tính nguy hiểm cho xã hội.

Tính nguy hiểm cho xã hội của HV được thể hiện ở chỗ nó gây thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại cho cá nhân, nhóm, xã hội được luật hình sự bảo vệ. Nếu một HV không được coi là nguy hiểm cho xã hội thì không coi là tội phạm. Nhưng không phải tất cả HV nguy hiểm cho xã hội đều là tội phạm. Những HV tuy có dấu hiệu tội phạm, nhưng tính chất nguy hiểm cho xã hội không đáng kể thì không phải là tội phạm và được xử lý bằng các biện pháp khác. Như vậy, khi xác định tội phạm trước tiên phải xác định tính nguy hiểm cho xã hội của HV.

Tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của HVPT là căn cứ để phân chia tội phạm thành tội phạm ít nghiêm trọng, tội phạm nghiêm trọng, tội phạm rất nghiêm trọng và tội phạm đặc biệt nghiêm trọng.

Thứ hai, HVPT được biểu hiện dưới *hình thức hành động hoặc không hành động*. HVPT được biểu hiện dưới hình thức hành động tức là chủ thể làm một việc mà pháp luật hình sự cấm. Về mặt tâm lý, HV đó làm thay đổi trạng thái bình thường của đối tượng tác động, gây thiệt hại cho quan hệ xã hội được luật hình sự bảo vệ. Ví dụ: HV cướp giật tài sản; HV hiếp dâm; HV trộm cắp tài sản; HV giết người.

HVPT biểu hiện dưới *hình thức không hành động* tức là chủ thể không làm một việc mà pháp luật yêu cầu phải làm, mặc dù người đó có nghĩa vụ và điều kiện để làm, làm biến đổi tình trạng bình thường của đối tượng tác động, gây thiệt hại cho quan hệ xã hội được luật hình sự bảo vệ. Ví dụ HV không cứu giúp người đang ở trong tình trạng nguy hiểm đến tính mạng [48].

Thứ ba, HVPT là HV có ý thức và có ý chí nhằm hướng tới một mục đích nhất định. HVPT bị thúc đẩy bởi động cơ nhằm thỏa mãn nhu cầu nhất định.

Do đó, nếu một HV nguy hiểm cho xã hội được thực hiện bởi một người không có khả năng nhận thức hoặc có khả năng nhận thức nhưng không có khả năng điều khiển được HV của mình vì nhiều lý do khác nhau thì không bị coi là HVPT. Ví dụ: HV nguy hiểm của người bị bệnh tâm thần.

Thứ tư, HVPT là HV trái với quy định của pháp luật hình sự. Một HV gây nguy hiểm cho xã hội nhưng chưa được quy định trong Luật hình sự ở khoản nào, điều nào, chương nào, thì không thể coi là HVPT. Một người thực hiện một HV nguy hiểm cho xã hội đã được Luật hình sự quy định một cách cụ thể mới phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định của Bộ luật hình sự [Điều 2-Bộ luật hình sự].

Thứ năm, HVPT có thể là HV vô ý hoặc HV cố ý. HV vô ý phạm tội là HVPT xét về mặt tâm lý, thì trước khi thực hiện nó, người phạm tội chưa nhận thức rằng nó vi phạm quy định của pháp luật hình sự, họ thực hiện HV đó như các HV bình thường khác. HV cố ý phạm tội là người phạm tội trước khi thực hiện tội phạm đã biết trước HV của mình vi phạm pháp luật hình sự nhưng vẫn thực hiện nó. Tuy nhiên, trong hoạt động phạm tội có HVPT hỗn hợp, ban đầu do vô ý chủ thể thực hiện HVPT, nhưng sau đó chủ thể phát hiện HVPT của mình vi phạm quy định pháp luật hình sự, nhưng không dừng lại và vẫn tiếp tục thực hiện HVPT đến cùng. Hoặc ban đầu chủ thể cố ý thực hiện HVPT sau đó lại vô ý thực hiện một HVPT khác.

Thứ sáu, HVPT bị thúc đẩy bởi động cơ nhất định nhằm đạt mục đích cụ thể. Động cơ phạm tội là động lực bên trong thúc đẩy người phạm tội thực hiện HVPT. Mục đích phạm tội là kết quả người phạm tội mong muốn đạt được bằng cách thực hiện tội phạm

Thứ bảy, HVPT được xử lý bằng hình phạt. Hình phạt là biện pháp cưỡng chế nghiêm khắc nhất của Nhà nước đối với người thực hiện HVPT. Do đó, khi đề cập đến tội phạm thì phải nói đến hình phạt, tội phạm luôn luôn gắn liền với hình phạt.

** Nhu cầu và động cơ của hành vi phạm tội*

- Nhu cầu và việc thỏa mãn nhu cầu của con người là động lực thúc đẩy hoạt động, điều chỉnh HV của cá nhân và nhóm xã hội. Nhu cầu quy định hướng lựa chọn của ý nghĩ, rung cảm, ý chí và hoạt động của con người. Trong lĩnh vực pháp lý hình sự, thì nhu cầu thực hiện chức năng làm động lực thúc đẩy HV của người phạm tội. Chính nhu cầu quy định xu hướng lựa chọn ý định, động cơ, mục đích phạm tội. Ngoài những đặc điểm chung của nhu cầu, nhu cầu của người phạm tội

còn có thể có các đặc trưng sau: tính nhỏ nhen, nghiêng về vật chất, thực dụng; sự lệch lạc so với chuẩn mực xã hội, chống đối lại xã hội; nhu cầu quá cao ngoài khả năng thỏa mãn cho phép; tính đố kỵ, suy thoái. Sự chênh lệch giữa nhu cầu và khả năng thỏa mãn nhu cầu có thể trở thành điều kiện của HVPT. Nhu cầu quá lớn, lòng tham, tính đố kỵ, ý muốn "hơn người" thường dẫn tới HVPT (tham ô, hối lộ, trộm cắp, cướp giật, cưỡng đoạt...).

- Động cơ phạm tội là động lực thúc đẩy người phạm tội hành động để đạt được mục đích đã đề ra. Tất cả những người phạm tội cố ý đều do những động cơ nhất định thúc đẩy. Chỉ trong trường hợp cá nhân vô ý do cầu thả chưa kịp suy nghĩ thì HV của họ không có động cơ phạm tội rõ ràng. Động cơ gắn liền với nhân cách của người phạm tội, vì vậy việc phát hiện động cơ phạm tội và nghiên cứu chúng gắn với nhân cách người phạm tội sẽ có tác dụng lớn trong việc xác định mức độ nguy hiểm của HV cho xã hội, xác định mức độ nguy hiểm của người phạm tội, dự báo khả năng tái phạm tội của cá nhân [57, tr.25].

Bởi vậy, nghiên cứu HVPT và tự ý thức về HVPT và HVCHHPT có mối quan hệ, liên quan làm sáng tỏ động cơ phạm tội. Động cơ phạm tội không phải là yếu tố trực tiếp đưa một cá nhân đến thực hiện HVPT. Sau khi nó xuất hiện ở cá nhân, ở họ còn diễn ra quá trình đấu tranh động cơ. Quá trình đấu tranh động cơ thực chất là quá trình tác động qua lại giữa những yếu tố tâm lý tiêu cực và yếu tố tâm lý tích cực. Những yếu tố tâm lý tiêu cực ở đây chính là mục đích phạm tội, động cơ phạm tội, những yếu tố tâm lý tích cực là những hiểu biết của cá nhân về pháp luật (những kiến thức pháp luật, sợ bị pháp luật trừng trị...), những giá trị đạo đức mà cá nhân lĩnh hội được, những nguyên tắc tôn giáo,... Kết quả của quá trình đấu tranh động cơ là việc cá nhân ra quyết định phạm tội hay từ bỏ phạm tội. Nếu như tâm lý tiêu cực lấn át tâm lý tích cực thì cá nhân sẽ ra quyết định phạm tội, ngược lại, nếu tâm lý tích cực lấn át tâm lý tiêu cực, thì họ sẽ từ bỏ ý định phạm tội của mình. Nói cách khác, sự đấu tranh động cơ thực chất là quá trình cọ sát lẫn nhau giữa cái hơn và cái thiệt, cái đúng- cái sai, cái được- cái mất... Nếu những yếu tố tâm lý tiêu cực mạnh hơn thì HVPT xảy ra và nó được thực hiện đến cùng và tâm lý tích cực thắng thì HVPT không xảy ra hoặc nó không được thực hiện đến cùng.

Quá trình đấu tranh động cơ không những phụ thuộc vào mặt chủ quan (như trên), mà còn phụ thuộc vào mặt khách quan của cá nhân. Mặc dù cá nhân đã ra quyết định phạm tội, nhưng HVPT có diễn ra hay không còn phụ thuộc vào điều kiện khách quan thực hiện phạm tội (điều kiện tự nhiên: thời tiết, địa điểm, thời gian; điều kiện xã hội: sự tuần tra, canh gác của lực lượng bảo vệ, vũ trang, thực tiễn công tác điều tra của cơ quan chức năng, hệ thống pháp luật chặt chẽ và hiệu lực, dư luận xã hội, sự cảnh giác của đối tượng...; điều kiện của bản thân: mê tín, sự căng thẳng, sức khỏe,...). Điều kiện khách quan thay đổi có thể làm thay đổi hoặc xuất hiện ý đồ mới và ý đồ phạm tội có thể biến mất khi không gặp điều kiện khách quan thuận lợi cho việc thực hiện HVPT.

Trong những trường hợp điều kiện khách quan thỏa mãn với kế hoạch phạm tội (đúng theo dự kiến ban đầu đề ra) sẽ củng cố thêm ý chí, tăng thêm ý thức đi ngược lại lợi ích của người khác và lợi ích của xã hội. Vì vậy người gây ra HVPT thường thận trọng xóa đi các dấu vết của hoạt động phạm tội, tạo hiện trường giả, tích cực tìm tòi, suy nghĩ lập kế hoạch cho HVPT mới (đối với những người phạm tội nhiều lần, lì lợm...) chuẩn bị lời khai nếu bị bắt, tạo trạng thái bất cần, thản nhiên.

Trường hợp ăn năn hối hận: hình ảnh về kết quả của HVPT gây nên những cảm xúc nặng nề, ghê sợ ở người phạm tội, có người phạm tội do sợ bị phát giác, bị trừng phạt ngự trị, đã gây ra sự căng thẳng tâm lý và được biểu hiện qua HV bên ngoài như hoạt động không hợp cảnh, giảm khả năng tự điều khiển, giật mình nghi ngờ... Nhiều đối tượng do không chịu đựng nổi đã ra đầu thú trước cơ quan pháp luật; có người phạm tội thì tìm những hoàn cảnh để lãng quên: uống rượu nhiều, xa lánh địa bàn gây án, la cà quán nước, nơi đông người để tìm hiểu quá trình điều tra của cơ quan công an... (đối với người phạm tội lần đầu, phạm tội nghiêm trọng, tính cách nhút nhát...). Nói chung ở người phạm tội đều có tâm lý chung: sợ bị phát giác, sợ bị trừng phạt nên xuất hiện sự căng thẳng tâm lý. Những nhân tố ảnh hưởng đến sự gia tăng trạng thái căng thẳng tâm lý: thứ nhất, nguyên nhân của việc thực hiện HVPT; thứ hai, sự tri giác hậu quả do HVPT gây ra và những cảm xúc trước hậu quả đó; thứ ba, những đánh giá về sự nguy trang che dấu tội phạm và

trách nhiệm hình sự của bản thân trước hoạt động đó. Đối với hành vi phạm tội về ma túy thì động cơ chủ yếu xuất phát từ lợi ích cá nhân của chính chủ thể thực hiện hành vi phạm tội. Đặc biệt động cơ từ lợi ích kinh tế thể hiện rất rõ ở nhóm đối tượng có hành vi phạm tội về ma túy không có tiền sử nghiện.

c. Hành vi phạm tội về ma túy

Ma túy là loại độc dược gây nghiện nên Nhà nước độc quyền quản lý. Nghiêm cấm việc trồng cây thuốc phiện hoặc các loại cây khác có chất ma túy. Nghiêm cấm các hoạt động sản xuất, tàng trữ, mua bán, vận chuyển, chiếm đoạt, sử dụng các chất ma túy cũng như các tiền chất dùng vào việc sản xuất trái phép chất ma túy. Vì vậy, các tội phạm về ma túy xâm phạm chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy; xâm phạm trật tự, an toàn xã hội; xâm phạm sức khỏe và sự phát triển giống nòi của dân tộc.

Các tội phạm về ma túy là HV nguy hiểm cho xã hội, do người có năng lực trách nhiệm hình sự thực hiện, có lỗi, xâm phạm trật tự quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy, chất gây nghiện đáng bị xử lý bằng hình phạt [84, tr.920]. HVPT về ma túy cũng giống như các HVPT khác đều là trái với quy định của pháp luật hình sự. Tuy nhiên, HVPT về ma túy là những HV *xâm phạm trật tự quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy*. (HVPT xâm phạm sở hữu là những HV xâm phạm vào các quan hệ sở hữu được pháp luật hình sự bảo vệ; HVPT xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự con người là HV gây tổn hại hoặc đe dọa đến quyền sống, quyền được bảo hộ về sức khỏe, nhân phẩm, danh dự con người).

Nghiên cứu về HVPT về ma túy chúng tôi hiểu: *HVPT về ma túy là cách xử sự của con người trong một hoàn cảnh cụ thể, có nội dung tâm lý riêng và được biểu hiện ra bên ngoài bằng việc làm, lời nói, cử chỉ, điệu bộ xác định, trái với quy định của pháp luật hình sự về trật tự quản lý của nhà nước về chất ma túy, chất gây nghiện.*

** Biểu hiện của HVPT về ma túy*

Có nhiều biểu hiện của HVPT về ma túy, qua nghiên cứu chúng tôi gộp các HVPT về ma túy thành 5 nhóm HV sau:

- HV trồng cây thuốc phiện hoặc các loại cây khác có chất ma túy;

- Các HV sản xuất, tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép chất ma túy; chiếm đoạt chất ma túy; tổ chức sử dụng, chứa chấp việc sử dụng, cưỡng bức, lôi kéo người khác sử dụng trái phép chất ma túy;

- HV sản xuất, tàng trữ, vận chuyển, mua bán hoặc chiếm đoạt tiền chất dùng vào việc sản xuất trái phép chất ma túy;

- HV sản xuất, tàng trữ, vận chuyển mua bán các phương tiện, dụng cụ dùng vào việc sản xuất hoặc sử dụng trái phép chất ma túy;

- HV vi phạm các quy định về quản lý, sử dụng thuốc gây nghiện hoặc các chất ma túy khác.

Nhìn chung xét về cơ cấu của tình hình tội phạm về ma túy cho thấy: Các HV tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép chất ma túy chiếm tỷ lệ cao nhất (khoảng 81,4%) trong các HVPT về ma túy; tiếp đến là HV tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy chiếm khoảng 15,5%; số còn lại là các HVPT ma túy khác [84, tr.928]. Với thực tiễn trên, trong luận án chúng tôi chỉ nghiên cứu phạm nhân CHHPT các tội về ma túy với các HVPT cụ thể: *Tàng trữ trái phép chất ma túy; Vận chuyển trái phép chất ma túy; Mua bán trái phép chất ma túy; tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy; chiếm đoạt chất ma túy.*

** Người phạm tội*

Trong pháp luật hình sự khái niệm “người phạm tội” dùng để chỉ người đã thực hiện HV được luật hình sự quy định là tội phạm, HV của người đó đã cấu thành tội phạm.

Khái niệm “người phạm tội” là khái niệm chỉ một thực thể khách quan là một người đã thực hiện tội phạm chứ không phải tùy thuộc vào nhận định chủ quan của các cơ quan áp dụng pháp luật. Các cơ quan áp dụng pháp luật có thể nhận định đúng thực thể khách quan, tức là nhận thức đúng người phạm tội, tiến hành khởi tố, truy tố và kết án người phạm tội, nhưng cũng có thể nhận định không đúng thực thể khách quan đó, dẫn đến tình trạng bỏ lọt tội, tuyên bố một người phạm tội là người vô tội v.v... Hiểu phạm tội, người phạm tội như vậy chúng ta mới có căn cứ để xác định các khái niệm khác như phạm tội nhiều lần: tức là phạm tội lần thứ 2 trở đi về tội phạm cùng tính chất nhưng chưa bị xử lý về hình sự và chưa hết thời hạn truy

cứu trách nhiệm hình sự (ví dụ phạm tội trộm cắp tài sản của công dân, chưa bị xử lý hình sự, lại phạm tội trộm cắp tài sản của công dân). Về khái niệm phạm tội nhiều: tức là phạm tội lần thứ 2 trở đi và các lần phạm tội đó đều khác về tính chất và chưa bị xử lý hình sự (ví dụ: đã phạm tội trộm cắp tài sản của công dân, sau đó lại phạm tội cướp tài sản của công dân). Nếu chỉ coi việc một người bị kết tội bằng bản án của Tòa án là căn cứ xác định người đó là người phạm tội thì chúng ta không thể có khái niệm phạm tội nhiều lần, phạm tội nhiều theo cách hiểu trên.

Người phạm tội có thể không bị kết tội bằng bản án của Tòa án nếu phát hiện ra tội phạm đã hết truy cứu trách nhiệm hình sự, tức là trong những trường hợp đó người phạm tội không bị coi là có tội. Trong trường hợp người phạm tội bị Tòa án kết tội bằng một bản án và bản án đó có hiệu lực pháp luật thì người phạm tội bị coi là có tội.

Rõ ràng khái niệm “người phạm tội” và “người bị coi là có phạm tội” là hai khái niệm mang những nội dung khác nhau.

- Người phạm tội là người thực hiện một HVPT được luật hình sự quy định.

- Người bị coi là có tội là người phạm tội bị Tòa án kết tội bằng một bản án và bản án đó đã có hiệu lực pháp luật.

Vì Tòa án nhân danh Nhà nước kết tội một người, coi một người là có tội thông qua bản án kết tội được tuyên bố tại phiên tòa, cho nên có thể nói việc kết tội, coi một người là có tội chính là thể hiện việc áp dụng trách nhiệm hình sự, nhân danh Nhà nước của Tòa án đối với người phạm tội.

- Như vậy, người phạm tội có thể không phải chịu trách nhiệm hình sự, không bị coi là có tội.

- Người bị coi là có tội tức là người phạm tội đã phải chịu trách nhiệm hình sự, chịu một hậu quả pháp lý trước nhà nước về việc thực hiện HVPT của mình, chịu sự lên án của Nhà nước mà Tòa án là người đại diện, thông quan việc áp dụng luật hình sự, kết tội người phạm tội.

Với những phân tích trên, chúng tôi hiểu rằng *người phạm tội là người thực hiện một HVPT được luật hình sự quy định.*

Như vậy, dưới góc độ tâm lý học thì người phạm tội mang nhân cách bị lấn át bởi những nét tâm lý không đáp ứng được các chuẩn mực xã hội, đi ngược lại lợi ích xã hội [5, tr.30]. Dưới sự tác động những tiêu cực của xã hội mà người phạm tội có thể mang nhân cách phạm tội có tính hệ thống hay loại nhân cách phạm tội theo bối cảnh. Người phạm tội có nhân cách phạm tội có hệ thống họ không chỉ lợi dụng hoàn cảnh mà bản thân còn tự tạo ra hoàn cảnh thuận lợi, vượt qua mọi trở ngại để thực hiện HVPT của mình. Người phạm tội mang có nhân cách phạm tội theo bối cảnh thường có HVPT xảy ra trong hoàn cảnh có mâu thuẫn và xung đột.

1.2.1.4. Hành vi chấp hành hình phạt tù của phạm nhân

Để làm rõ HVCHHPT trước hết chúng tôi tìm hiểu thế nào là hình phạt tù. Hình phạt tù (án phạt tù) là một loại hình phạt trong hệ thống hình phạt của pháp luật hình sự. Điều 26 bộ luật hình sự năm 1999 có nêu khái niệm về hình phạt “Hình phạt là biện pháp cưỡng chế nghiêm khắc nhất của Nhà nước nhằm tước bỏ hoặc hạn chế quyền, lợi ích của người phạm tội. Hình phạt được quy định trong Bộ luật hình sự và do Toà án quyết định”.

Hình phạt không chỉ nhằm trừng trị người phạm tội mà còn giáo dục họ trở thành người có ích cho xã hội, có ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống xã hội chủ nghĩa, ngăn ngừa họ phạm tội mới. Hình phạt còn nhằm giáo dục người khác tôn trọng pháp luật, đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm.

Các hình phạt theo quy định của Bộ luật hình sự bao gồm hình phạt chính và hình phạt bổ sung, nội dung cụ thể của các loại hình phạt được quy định tại Bộ luật hình sự 1999 sửa đổi, bổ sung ngày 19/06/2009 như sau:

Hình phạt chính bao gồm: cảnh cáo; phạt tiền; cải tạo không giam giữ; trục xuất; tù có thời hạn; tù chung thân; tử hình.

Hình phạt bổ sung: Cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định; cấm cư trú; quản chế; tước một số quyền công dân; tịch thu tài sản; phạt tiền (khi không áp dụng là hình phạt chính); trục xuất (khi không áp dụng là hình phạt chính).

Như vậy, hình phạt tù là một trong những hình phạt chính, gồm tù có thời hạn và tù chung thân.

- Tù có thời hạn là việc buộc người bị kết án phải chấp hành hình phạt tại trại giam trong một thời hạn nhất định. Tù có thời hạn đối với người phạm tội có mức tối thiểu là ba tháng, mức tối đa là ba mươi năm. Thời gian tạm giữ, tạm giam được trừ vào thời hạn chấp hành án phạt tù, cứ một ngày tạm giữ, tạm giam bằng một ngày tù.

- Tù chung thân là án phạt tù không có thời hạn được áp dụng đối với những người phạm tội đặc biệt nghiêm trọng, nhưng chưa đến mức bị xử phạt tử hình. Không áp dụng tù chung thân đối với những người chưa thành niên.

Như vậy, khi nghiên cứu về HVCHHPT, chúng tôi hiểu: *HVCHHPT là cách xử sự của phạm nhân trong hoàn cảnh môi trường trại giam cụ thể và được biểu hiện ra bên ngoài bằng việc làm, lời nói, cử chỉ, điệu bộ xác định.*

** Biểu hiện của HVCHHPT của phạm nhân phạm các tội về ma túy*

- Thông qua quá trình tiếp nhận sự giáo dục (văn hóa, đạo đức, pháp luật, chính trị, học nghề...)

- Thông qua hoạt động lao động (hoàn thành mức khoán, ngày công lao động và chất lượng sản phẩm lao động).

- Thông qua quá trình chấp hành nội quy, kỷ luật trại giam.

- Thông qua HV đấu tranh với các HV tiêu cực của các phạm nhân khác trong trại giam.

- Thông qua quá trình chấp hành cải tạo, phạm nhân phát hiện ra những thiếu sót từ phía cơ chế quản lý giáo dục cải tạo phạm nhân, từ người thực hiện luật thi hành án hình sự và từ đó có sự đóng góp ý kiến giúp công tác quản lý giáo dục cải tạo phạm nhân đạt hiệu quả tốt hơn.

1.2.1.5. Phạm nhân chấp hành hình phạt tù các tội về ma túy

Theo Điều 3 chương 1, Luật Thi hành án hình sự có hiệu lực từ 1/7/2011 thì phạm nhân được hiểu: *Phạm nhân* là người đang chấp hành án phạt tù có thời hạn, tù chung thân.

Trong phạm vi luận án này chúng tôi hiểu: *Phạm nhân là người đã thực hiện HVPT sau khi bị toà án xét xử và đang thi hành án phạt tù tại trại giam hoặc trại tạm giam.*

Từ đó, theo chúng tôi, *phạm nhân chấp hành án phạt tù các tội về ma túy là những phạm nhân đã thực hiện HVPT về ma túy (mua bán, tàng trữ, vận chuyển, tổ chức sử dụng, sản xuất trái phép chất ma túy...) sau khi bị toà án xét xử và đang thi hành án phạt tù tại trại giam hoặc trại tạm giam.*

Do tính chất, phương thức, thủ đoạn của HVPT về ma túy khác với HVPT của các loại tội phạm khác nên phạm nhân CHHPT các tội về ma túy có những đặc trưng tâm lý khác với các nhóm phạm nhân CHHPT các tội khác.

** Đặc điểm của môi trường sống của phạm nhân*

Nguyên tắc giáo dục trong trại giam trước hết dựa trên sự cưỡng chế, do đó, hầu hết các hoạt động trong trại giam trở nên khác hơn so với môi trường bên ngoài. Cuộc sống của phạm nhân chủ yếu diễn ra trong phạm vi của hoạt động trại giam và chịu sự giám sát nghiêm ngặt của cán bộ quản lý trại giam. Phạm nhân luôn nhận thức rằng họ đang chịu sự quản lý chặt chẽ, trong mọi lúc mọi nơi. Vì vậy, khao khát tự do là một trong những nhu cầu nổi trội ở phạm nhân.

Trong môi trường sống của trại giam, tất cả các điều kiện đều mang tính trật tự cao. Việc tổ chức chặt chẽ và trật tự sẽ tác động thuận lợi đến HVCHHPT của phạm nhân, ngược lại, nếu việc tổ chức sơ hở sẽ ảnh hưởng tiêu cực đến HV này.

1.2.1.6. Tự ý thức về hành vi phạm tội và hành vi chấp hành hình phạt tù của phạm nhân

TYT về HVPT và HVCHHPT của phạm nhân biểu hiện ở: TNT về HVPT; đánh giá về HVPT và tự điều chỉnh bản thân thông qua HVCHHPT của họ. Trong môi trường trại giam, phạm nhân có nhiều thời gian để TNT, đánh giá HVPT của mình. Không những thế, mỗi phạm nhân dù muốn hay không vẫn phải chấp hành những nội qui, qui chế khắt khe của trại giam. Trong thời gian thi hành án ở trại giam họ bị tước quyền tự do và một số quyền công dân và bị hạn chế nhiều quyền công dân khác. Phạm nhân bị giam giữ và quản lý chặt chẽ ở trại giam, họ bị cách ly với xã hội bên ngoài và trong suốt thời gian thi hành án họ phải chấp hành nghiêm chỉnh nội qui, qui chế trại giam. Từ những phân tích trên chúng tôi hiểu:

TYT về HVPT và HVCHHPT của phạm nhân là một dạng phát triển cao của ý thức được cấu thành bởi tự nhận thức, tự đánh giá của họ về HVPT và

HVCHHPT và tự điều chỉnh HVCHHPT theo nội quy, kỷ luật trại giam được phạm nhân thừa nhận và lựa chọn.

Như vậy, bản chất tâm lý của TYT về HVPT và HVCHHPT của phạm nhân là phạm nhân tách HVPT và HVCHHPT của chính mình làm đối tượng để nhận thức và đánh giá, từ đó tự điều chỉnh HV của bản thân theo nội quy, kỷ luật trại giam được phạm nhân thừa nhận và lựa chọn.

** Đặc điểm của TYT về HVPT và HVCHHPT của phạm nhân*

- Tính nhận thức của TYT về HVPT và HVCHHPT

Được thể hiện ở chỗ trên cơ sở HVPT mà phạm nhân đã trải qua, trên cơ sở HVCHHPT mà phạm nhân đã thực hiện. Nhận thức về nguyên nhân, hậu quả, động cơ, mục đích HVPT của bản thân. Nhận thức về mục đích, ý nghĩa của hình phạt tù, nhận thức về hành vi mà phạm nhân đã thực hiện trong quá trình HHPT tại trại giam.

- Tính đánh giá (tính phê phán) của TYT về HVPT và HVCHHPT

Đánh giá về HVPT và HVCHHPT của bản thân là một cơ sở của TYT về HVPT và HVCHHPT của chính họ. Sự TĐG về HVPT và HVCHHPT của bản thân thể hiện ở chỗ phạm nhân đánh giá lại HVPT của bản thân là do họ vô ý hay cố ý phạm tội, có đáng bị xử phạt bằng hình phạt tù hay không; TĐG về HVCHHPT của mình đã thực hiện là đã tích cực hay chưa tích cực dựa trên quy tắc và chuẩn mực mà cá nhân thừa nhận và lựa chọn.

- Tính điều chỉnh (tính hoàn thiện) của TYT về HVPT và HVCHHPT

Mỗi cá nhân dựa trên sự TNT về hiểu biết của bản thân về HVPT và HVCHHPT của mình từ đó phê phán và dẫn tới tự điều chỉnh để dẫn tới sự chấp hành hình phạt tù một cách tự giác, tích cực và chủ động hơn.

** Cấu trúc (cấu thành) của TYT về HVPT và HVCHHPT của phạm nhân*

- TNT về HVPT và HVCHHPT của bản thân theo chuẩn mực được thừa nhận và lựa chọn là khả năng mỗi phạm nhân nhận ra mình đã biết về HVPT và HVCHHPT của mình ở mức nào, cái gì mình chưa biết.

- TĐG về HVPT và HVCHHPT của bản thân (HVPT của tôi đáng bị xử phạt bằng hình phạt tù hay chỉ đáng bị xử phạt hành chính; tôi là người tích cực CHHPT

hay tôi là người chưa tích cực CHHPT). Trên cơ sở những hiểu biết về HVPT và HVCHHPT của bản thân, phạm nhân tỏ thái độ của mình với chính HVPT và HVCHHPT mà mình đã thực hiện như đồng tình hay phê phán, ăn năn hối hận hay không ăn năn hối hận.

- Tự điều chỉnh HV CHHPT của bản thân theo chuẩn mực được thừa nhận và lựa chọn.

Từ chỗ phạm nhân nhận thức về sự hiểu biết của bản thân về HVPT và HVCHHPT của mình, họ tỏ thái độ đồng tình hay phê phán với HV mà mình đã thực hiện. Từ đó, dẫn tới sự TNT bản thân có cần thiết điều chỉnh HV của mình hay không, hoặc mức độ điều chỉnh theo hướng nào cho phù hợp hơn với chuẩn mực mà mình đã thừa nhận và lựa chọn

** Các mức độ của TYT về HVPT và HVCHHPT của phạm nhân*

Mức độ TYT về HVPT: HV vô ý thức, HV do bất chước, HV do xúi dục; HV do có biết nhưng chưa đầy đủ, do biết rõ nhưng đấu tranh động cơ không nổi; HV biết rõ là phạm tội nhưng vẫn quyết tâm thực hiện bằng được để đạt mục đích.

Mức độ TYT về HVCHHPT: chỉ làm theo mệnh lệnh, a dua theo các bạn tù, tự mình suy nghĩ quyết định, tự mình hoàn toàn tự giác làm.

** Mối quan hệ giữa TYT về HVPT và HVCHHPT với HVCHHPT của PN.*

HV CHHPT của phạm nhân không những bị chi phối bởi những nội quy, kỷ luật, sự giám sát của cán bộ trại giam đối với phạm nhân mà còn bị ảnh hưởng bởi TYT về HVPT của họ. Sự ảnh hưởng của TYT về HVPT và TYT về HVCHHPT đối với HV CHHPT diễn ra ở các trường hợp:

- Trường hợp thứ nhất, phạm nhân TYT về HVPT và TYT về HVCHHPT đúng dẫn tới điều chỉnh HVCHHPT phù hợp. Phạm nhân TYT được mình là người có tội, mình phải chịu hình phạt tù tại trại giam một khoảng thời gian nhất định theo quy định của pháp luật do đó bản thân phải tự giác, chủ động chấp hành mọi quy định, kỷ luật của trại giam (học tập, lao động, tuân thủ nội quy trại giam...).

- Trường hợp thứ hai, phạm nhân TYT về HVPT và TYT về HVCHHPT đúng nhưng tự điều chỉnh HVCHHPT không phù hợp. Phạm nhân TYT được mình là người có tội, mình phải chịu hình phạt tù tại trại giam một khoảng thời gian nhất

định theo quy định của pháp luật nhưng bản thân không tự giác chấp hành tốt quy định, kỷ luật của trại giam. Có biểu hiện chống đối, vi phạm nội quy, kỷ luật trại giam.

- Trường hợp thứ ba, phạm nhân TYT về HVPT và TYT về HVCHHPT sai dẫn tới HVCHHPT theo hai xu hướng.

+ Xu hướng thứ nhất: Phạm nhân TYT rằng mình là người vô tội nhưng HV của bản thân chỉ đáng bị xử phạt hành chính chứ không đáng phải chịu hình phạt tù tại trại giam trong một khoảng thời gian nhất định theo quy định của pháp luật. Do đó bản thân họ tiếp nhận nội quy, kỷ luật trại giam một cách thụ động, dẫn tới vi phạm nội quy, kỷ luật trại giam.

+ Xu hướng thứ hai: Phạm nhân TYT rằng mình là người không có tội, HV của bản thân chỉ đáng bị xử phạt hành chính chứ không đáng phải chịu hình phạt tù tại trại giam trong một khoảng thời gian nhất định theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, bản thân vẫn chấp nhận nội quy, kỷ luật trại giam để không bị vi phạm kỷ luật trại giam. Tuy nhiên, họ dễ có những chống đối ngầm khi gặp những điều kiện thuận lợi cụ thể.

1.2.2. Biểu hiện của tự ý thức về hành vi phạm tội và hành vi chấp hành hình phạt tù của phạm nhân phạm

1.2.2.1. Tự ý thức của phạm nhân thể hiện qua tự nhận thức về hành vi phạm tội và hành vi chấp hành hình phạt tù

a. Tự nhận thức của phạm nhân về hành vi phạm tội

TNT về HVPT là một trong những nội dung cơ bản của TYT về HVPT của phạm nhân. TNT về HVPT của phạm nhân phạm các tội về ma túy diễn ra sau khi người phạm tội thực hiện HVPT của họ. TNT về HVPT của phạm nhân CHHPT các tội về ma túy bộc lộ ở các nội dung khác nhau (TNT về nguyên nhân, hậu quả của HVPT, phương thức thủ đoạn phạm tội,...", TNT HVPT về ma túy của bản thân có vi phạm pháp luật hình sự hay không.

TNT về HVPT giúp cho phạm nhân nhìn nhận lại chính HVPT của mình so với chuẩn mực xã hội mà họ đã thừa nhận. Những phạm nhân TNT HVPT của mình là không phù hợp với chuẩn mực của pháp luật hình sự sẽ là cơ sở giúp họ

TĐG HVPT của mình một cách chính xác. Ngược lại, những phạm nhân TNT HVPT về ma túy của mình là phù hợp với chuẩn mực xã hội sẽ có thể dẫn tới TĐG HVPT thiếu chính xác từ đó dẫn tới HVCHHPT một cách thiếu tự giác, một trong những nguyên nhân dẫn tới họ có thể vi phạm nội quy, kỷ luật của trại giam.

Trong nghiên cứu của mình chúng tôi tìm hiểu thực trạng TNT HVPT của phạm nhân đang chấp hành hình phạt tù các tội về ma túy tại trại giam ở một số nội dung: *TNT về nguyên nhân dẫn tới HVPT; TNT hậu quả của HVPT; TNT HVPT của bản thân có vi phạm quy định trong bộ luật hình sự hay không.*

Qua nghiên cứu lý luận chúng tôi thấy TNT về nguyên nhân và hậu quả của HVPT của phạm nhân bao gồm: Nhóm thứ nhất là nhóm bao gồm những phạm nhân nhận thức rất rõ nguyên nhân, hậu quả của HVPT. Nhóm thứ hai là nhóm bao gồm những phạm nhân không nhận thức rõ ràng nguyên nhân, hậu quả của HVPT về ma túy của bản thân. Họ tự nhận thấy HVPT của họ là đúng với chuẩn mực của riêng mình, của nhóm mà họ tham gia, họ chấp nhận sự trừng phạt của pháp luật chứ không chịu sự “trừng phạt” về lương tâm. Nhóm thứ ba là nhóm phạm nhân nhận thức rất rõ nguyên nhân bản thân dẫn tới HVPT về ma túy nhưng họ lại không nhận thức rõ hậu quả của HVPT về ma túy gây ra cho bản thân, gia đình và xã hội mà bản thân thực hiện. Như vậy, mặc dù cùng chấp hành hình phạt tù các tội về ma túy nhưng TNT về HVPT là không như nhau. Điều đó cho thấy, công tác quản lý, giáo dục cần cụ thể đối với từng nhóm phạm nhân phạm các tội về ma túy sẽ đạt hiệu quả tốt hơn đối với quá trình quản lý giáo dục phạm nhân chấp hành hình phạt tù các tội về ma túy.

TNT về HVPT của bản thân có hay không vi phạm quy định trong bộ luật hình sự, được hiểu là phạm nhân chấp hành hình phạt tù các tội về ma túy nhận thức HV của mình như thế nào so với quy định của pháp luật nói chung và pháp luật hình sự nói riêng? HVPT về ma túy của bản thân có vi phạm pháp luật hình sự hay không vi phạm pháp luật hình sự.

b. Tự nhận thức của phạm nhân về hành vi chấp hành hình phạt tù

Trình độ nhận thức nói chung và nhận thức về hình phạt tù nói riêng sẽ ảnh hưởng đến TYT về HVPT và HVCHHPT của phạm nhân. Mặc dù HVPT về ma túy

của phạm nhân xuất phát từ những nguyên nhân tâm lý khác nhau (do lợi nhuận kinh tế, do nghiện ma túy, do bị rửa rê, do thiếu hiểu biết về pháp luật...), nhưng phần lớn phạm nhân trước khi phạm tội họ chưa hiểu biết đầy đủ về hình phạt tù tương ứng với HVPT cụ thể của họ. Nhận thức về hình phạt tù có thể diễn ra ở các mức độ khác nhau. Nhóm thứ nhất là nhóm bao gồm những phạm nhân thường nhận thức hình phạt tù của bản thân thấp hơn so với hình phạt tù mà tòa án tuyên cho HVPT của họ. Ở nhóm này, do việc nhận thức chưa đầy đủ về sự nguy hiểm của HVPT mà bản thân gây ra cho xã hội nên họ đánh giá mức án mà tòa tuyên đối với họ là nặng. Nhóm thứ hai là nhóm bao gồm những phạm nhân nhận thức hình phạt tù của bản thân phù hợp với hình phạt tù mà tòa tuyên cho HVPT của họ. Họ tự thấy hậu quả của HVPT mà họ gây ra đáng bị xử lý bằng hình phạt tù và phù hợp với mức án tòa đã tuyên. Nhóm thứ ba là nhóm bao gồm những phạm nhân nhận thức hình phạt tù cao hơn mức án mà tòa đã tuyên với họ. Với nhóm phạm nhân này họ nhận thấy HVPT của họ gây ra là rất nguy hại cho xã hội và đáng bị xử lý mức hình phạt cao hơn mức hình phạt mà họ đang phải chấp hành. Những phạm nhân phạm các tội về ma túy có mức án tử hình được ân giảm xuống mức chung thân thường nằm trong nhóm thứ ba này.

Mức án mà phạm nhân phải chấp hành có thời gian dài ngắn khác nhau cũng ảnh hưởng không nhỏ tới HV chấp hành cải tạo của phạm nhân. Thời gian đầu, phạm nhân chưa yên tâm cải tạo. Giai đoạn này phạm nhân thường có tâm lý lao động cảm chừng, nghe ngóng tình hình trại giam, tìm hiểu tâm lý cán bộ quản giáo. Họ có những tư tưởng bất an, bất cần do đó dễ dẫn tới việc vi phạm những quy chế trại giam. Thời gian sau khi đã được xét giảm án, đa số phạm nhân bắt đầu tích cực lao động cải tạo với mong muốn mình được giảm án ở mức cao nhất để nhanh được trở về với gia đình, xã hội.

1.2.2.2. Tự ý thức của phạm nhân thể hiện qua tự đánh giá về hành vi phạm tội và hành vi chấp hành hình phạt tù

a. Tự ý thức của phạm nhân thể hiện qua tự đánh giá về hành vi phạm tội

Nghiên cứu TĐG đối với HVPT, có thể phân chia thành những những nhóm phạm nhân TĐG khác nhau đối với HVPT của họ (căn cứ vào mức độ ăn năn, hối

hận với hậu quả của HVPT). Nhóm thứ nhất là nhóm phạm nhân ăn năn, hối hận, thấy tội lỗi về HVPT của bản thân. Đây thường là nhóm phạm nhân nhận thức rõ hậu quả, tác hại mà HVPT của mình gây ra cho bản thân, người khác và cho xã hội. “Họ TYT được họ đã vi phạm pháp luật và phải chịu hình phạt tù là đúng” [5, tr.14]. Vì vậy, họ thường chấp hành tốt những nội quy quy chế trại giam, tiếp nhận tích cực các tác động từ công tác giáo dục ở trại giam. Nhóm thứ hai là nhóm phạm nhân ăn năn, hối hận với HVPT của bản thân nhưng họ đánh giá HVPT của bản thân so với hình phạt là quá nặng đối với họ. Vì vậy, trong quá trình chấp hành án phạt tù, nhóm này thường có thái độ chưa thật sự tiếp nhận các hoạt động (giáo dục, lao động, học tập...) ở trại giam một cách chủ động, tự giác. Nhóm thứ ba là nhóm phạm nhân coi HVPT như một phương thức sống của bản thân [5, tr.14]. Họ có thái độ thờ ơ, không ăn năn và hối hận, không thấy tội lỗi với HVPT của họ. Nhóm phạm nhân này thường là nhóm phạm nhân từng có tiền án, tiền sự. Họ luôn có tâm lý chống lại các quy định của trại giam một cách công khai hoặc ngầm ngấm, không có thái độ tự giác tiếp nhận sự tác động giáo dục của trại giam.

Trong luận án của mình chúng tôi tìm hiểu TĐG với HVPT của phạm nhân bộc lộ qua: *TĐG về HVPT của bản thân vô ý hay cố ý; TĐG HVPT của bản thân có đáng bị xử lý bằng hình phạt tù hay không.*

TĐG về HVPT của bản thân là vô ý hay cố ý tức là tìm hiểu xem phạm nhân TĐG HVPT về ma túy của họ là HV cố ý (đã thấy HVPT của họ gây nguy hiểm cho xã hội nhưng vẫn thực hiện HVPT về ma túy của mình) hay do HV vô ý phạm tội (họ chưa thấy được HVPT của mình gây ra những nguy hiểm cho xã hội).

TNT về HVPT của bản thân có bị xử lý bằng hình phạt tù được hiểu phạm nhân chấp hành hình phạt tù các tội về ma túy đánh giá HVPT của bản thân có đáng bị xử lý bằng hình phạt tù hay không? Theo đánh giá của họ về mức án mà họ đang chấp hành thì mức án đó có tương xứng với HVPT về ma túy của họ không?. Nhóm phạm nhân TNT HVPT của mình đáng bị xử lý bằng hình phạt tù, họ chấp nhận mức án mà họ đang chấp hành. Nhóm phạm nhân TNT HVPT của mình đáng bị xử lý bằng hình phạt tù, nhưng mức án mà họ đang chấp hành là cao so với nhận thức về HVPT của họ. Nhóm phạm nhân TNT HVPT của bản thân chỉ đáng bị xử

phạt hành chính (cảnh cáo, phạt tiền, cho đi cai nghiện bắt buộc) chứ chưa đáng bị lý bằng hình phạt tù.

TĐG về HVPT của bản thân (vô ý hay cố ý, có đáng bị xử lý bằng hình phạt tù hay không) có ảnh hưởng nhất định đến HVCHHPT của phạm nhân nói chung và phạm nhân chấp hành hình phạt tù các tội về ma túy nói riêng. Chỉ khi phạm nhân chấp hành hình phạt tù các tội về ma túy TNT là mình có tội, đánh giá đúng HVPT về ma túy thì việc họ chấp nhận hình phạt sẽ tự giác, tích cực hơn. Ngược lại, những phạm nhân TNT HV của họ (tàng trữ, vận chuyển, mua bán ma túy...) là không có tội và HVPT về ma túy của họ là do vô ý, HVPT của họ chỉ vi phạm pháp luật hành chính chứ không đáng phải bị xử lý bằng hình phạt tù sẽ dẫn tới thái độ không đồng tình mức án mà tòa án đã tuyên. Từ đó dẫn tới HVCHHPT một cách thụ động, chống đối.

b. Tự ý thức của phạm nhân thể hiện qua tự đánh giá đối với hành vi chấp hành hình phạt tù

Trong môi trường trại giam, việc mất tự do, bị hạn chế nhiều quyền lợi, điều kiện vật chất và tinh thần chỉ được đáp ứng ở mức tối thiểu đã ảnh hưởng sâu sắc đến TĐG của phạm nhân về HVCHHPT. Thay đổi điều kiện, hoàn cảnh sống, những thử thách gò bó do nội quy, kỷ luật trại giam, những yếu tố tác động tiêu cực giữa phạm nhân với phạm nhân là những yếu tố cơ bản hình thành TĐG về HVCHHPT của họ. Căn cứ vào TĐG về HVCHHPT có thể chia thành ba nhóm phạm nhân như sau: *Nhóm thứ nhất* là những phạm nhân TĐG tích cực đối với HVCHHPT do họ đã nhận ra tội lỗi trong quá trình điều tra, xét xử. Họ thấy được sự trừng phạt của pháp luật là thỏa đáng đối với HVPT của mình. Những phạm nhân này dễ thích nghi với môi trường trại giam. Họ có thái độ tích cực tham gia đầy đủ các hoạt động của trại giam (học tập, lao động, các phong trào thi đua của tập thể phạm nhân...). *Nhóm thứ hai* là những phạm nhân cho rằng đã bị kết án oan, sai và hình phạt hiện tại đối với họ là quá nặng hoặc hình phạt không công bằng giữa các đồng phạm cùng thực hiện một tội phạm. Số phạm nhân này bề ngoài luôn chấp hành, tuân thủ nội quy, kỷ luật trại giam, tôn trọng cán bộ, nhưng bên trong là sự bất mãn, lạnh nhạt, hờ hững với các tác động giáo dục. Khi gặp điều kiện thuận

lợi, sơ hở của trại giam hoặc ứng xử không hợp lý của cán bộ trại giam họ sẽ chống đối công khai (chống lại cán bộ) hay ngấm ngầm (trốn trại, đánh đồng phạm, không tham gia đầy đủ ngày công và mức khoán lao động...). *Nhóm thứ ba* gồm những phạm nhân luôn TĐG tiêu cực với HVCHHPT. Nhóm phạm nhân này luôn bất hợp tác, chống đối trong hầu hết tất cả các hoạt động của trại giam. Họ có tư tưởng luôn bất bình, luôn tìm cách kích động, lôi kéo phạm nhân khác vi phạm nội quy, kỷ luật trại giam một cách bí mật hoặc công khai (mang vật cấm vào trại giam, đánh đồng phạm, lên kế hoạch trốn trại...). Đây thường là những phạm nhân đã từng đi chấp hành hình phạt tù nhiều lần.

1.2.2.3. Tự ý thức của phạm nhân thể hiện qua tự điều chỉnh hành vi chấp hành hình phạt tù

TYT về HVPT và HVCHHPT của phạm nhân phạm các tội về ma túy được biểu hiện thông qua mức độ tự điều chỉnh bản thân trong việc thực hiện các quy định chấp hành hình phạt tù của trại giam. HV đó bao gồm các nội dung sau:

- Sự điều chỉnh bản thân qua HV chấp hành trong lao động tại trại giam

Có ý thức tham gia lao động, nhận thức về lao động của phạm nhân như thế nào? Trách nhiệm trong lao động. Hiểu ý nghĩa lao động là gì? Lao động để nuôi chính mình và đóng góp một phần cho xã hội. Qua lao động, giáo dục cho phạm nhân thấy được giá trị người lao động chân chính, nhận rõ quá trình lao động để nhằm làm gì? Tự giác rèn luyện kỹ năng để hoàn thành công việc lao động cán bộ giao. Biết thành quả lao động của mình đạt cái gì tốt đẹp nhất. Công việc cán bộ giao tự giác làm, cán bộ không phải đôn đốc, nhắc nhở.

- Sự điều chỉnh bản thân qua HV chấp hành nội quy, kỷ luật trại giam

Trong trại giam để giữ vững kỷ luật trại giam và tạo điều kiện thuận lợi cho việc chấp hành hình phạt tù của phạm nhân, Bộ trưởng Bộ Công an quy định về nội quy trại giam gồm các lĩnh vực cụ thể. Thứ nhất, nghiêm chỉnh chấp hành bản án, quyết định của Toàn án, phục tùng mệnh lệnh, tuân thủ sự hướng dẫn của cán bộ, chiến sỹ trại giam. Thứ hai, thực hiện đúng giờ giấc, hiệu lệnh, lễ tiết tác phong trong sinh hoạt, học tập, lao động, nghỉ ngơi và vui chơi giải trí. Thứ ba, quy định trong giao tiếp qua cách xưng hô, đối với cán bộ, với phạm nhân với nhau và với

khác đến làm việc và thăm trại giam. Thứ tư, quy định về sinh hoạt (chỗ nằm ngủ, giờ giấc sinh hoạt, vệ sinh chỗ ở và nơi công cộng, giữ gìn trật tự vệ sinh trại giam và buồng giam). Thứ năm, quy định về những vật dụng được mang và không được mang sử dụng trong trại giam, ăn mặc trong trại giam. Thứ sáu, quy định về thăm gặp, tiếp xúc với người ngoài. Thứ bảy, quy định về kỷ luật lao động, học nghề, chế độ nghỉ lao động. Thứ tám, quy định về trách nhiệm bảo vệ tài sản của trại giam và của phạm nhân khác. Thứ chín, quy định về bảo vệ tính mạng, nhân phẩm, danh dự, sức khỏe của bản thân và phạm nhân khác (cấm đe dọa, đánh đập, ức hiếp, cưỡng đoạt, hủy hoại thân thể, tự xăm trổ...). Thứ mười, quy định về khen thưởng, xử lý kỷ luật, bồi thường thiệt hại hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự.

Trong quá trình chấp hành án phạt tù, bên cạnh những phạm nhân chấp hành tốt mọi nội quy, quy chế của trại giam, tích cực học tập, lao động là những phạm nhân vi phạm nội quy, quy chế trại giam, có những phạm nhân vi phạm pháp luật hình sự và tiếp tục bị truy tố. Có những phạm nhân kích động, gây rối, lôi kéo phạm nhân khác vi phạm kỷ luật trại giam, có phạm nhân nhin ăn, tự gây thương tích để gây khó khăn cho công tác quản lý giáo dục phạm nhân tại trại giam. HV CHHPT tại trại giam của phạm nhân có mối tương quan với những yếu tố khác nhau, trong đó có yếu tố TYT của phạm nhân về HVPT của mình.

- Sự điều chỉnh bản thân qua HV chấp hành học tập (các lớp học) do trại giam tổ chức

Ngay từ ngày với vào trại giam, mỗi phạm nhân đều được tham gia lớp học về nội quy, quy chế trại giam. Phạm nhân có nghĩa vụ tham gia học tập trong lớp học thông qua giữ gìn trật tự, chăm chú tự giác học tập, đảm bảo thời gian học tập. Tích cực lắng nghe giáo viên giảng bài, ghi chép bài đầy đủ, tích cực phát biểu, tham gia viết thu hoạch, các bài thu hoạch, kiểm tra miệng từ đạt yêu cầu trở lên, tham gia đầy đủ các buổi học tập do trại tổ chức.

- Sự điều chỉnh bản thân qua HV thực hiện nếp sống kỷ luật, trật tự, văn minh tại trại giam

Xây dựng cho bản thân nếp sống lành mạnh, trong quá trình chấp hành án phải tôn trọng danh dự, tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm của bản thân và người khác.

Ngoài ra phải vận động và tạo điều kiện giúp đỡ phạm nhân khác trong học tập, lao động, sinh hoạt nhằm giúp đỡ phạm nhân khác cải tạo tiến bộ.

- Sự điều chỉnh bản thân qua HV đấu tranh chống các biểu hiện tiêu cực, HV vi phạm của các phạm nhân khác trong trại giam

Trong luận án chúng tôi chỉ tập trung tìm hiểu TYT thể hiện qua sự điều chỉnh bản thân của phạm nhân đối với HVCHHPT cụ thể đó là: HV chấp hành lao động qua việc thực hiện ngày công, mức khoán, chất lượng sản phẩm lao động; HV chấp hành nội quy, kỷ luật của trại giam (thông qua việc xếp loại của trại qua các tháng, quý và năm và đã số lần vi phạm nội quy, kỷ luật trại giam mà phạm nhân mắc phải, HV vi phạm nội quy cụ thể). Phạm nhân thường mắc nhiều HV vi phạm nội quy cụ thể của trại giam. Chúng tôi xếp HV vi phạm nội quy, kỷ luật trại giam làm 7 nhóm cụ thể như sau: 1. Đánh nhau; 2. Quan hệ trái phép (với người dân, với phạm nhân ở các đội khác...); 3. Cất dấu vật cấm; 4. Tàng trữ tiền ngân; 5. Các HV liên quan đến ma túy (mang ma túy vào trại giam, sử dụng ma túy trong trại giam, bán ma túy trong trại giam....); 6. Sử dụng điện thoại; 7. Các HV khác (chống lệnh cán bộ, đánh bạc trong trại giam, viết thư trái phép, tự rời khỏi khu giam, nơi lao động, trèo rào khu giam, gây mất trật tự...).

1.3. MỘT SỐ YẾU TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN TỰ Ý THỨC VỀ HÀNH VI PHẠM TỘI VÀ HÀNH VI CHẤP HÀNH HÌNH PHẠT TÙ CỦA PHẠM NHÂN

1.3.1. Các yếu tố ảnh hưởng tới tự ý thức

TYT, cũng như mọi hiện tượng tâm lý khác, bị chi phối và quy định bởi những yếu tố khách quan - những yếu tố xuất hiện và ảnh hưởng tới cá nhân trong quá trình hoạt động và những yếu tố chủ quan - toàn bộ phẩm chất tâm lý, ý thức, nhân cách của cá nhân. Những yếu tố bên trong tác động trực tiếp đến TYT còn yếu tố bên ngoài thông qua hoạt động và giao lưu của cá nhân chuyển thành yếu tố bên trong.

- Những yếu tố chủ quan ảnh hưởng tới TYT

TYT, về bản chất là trình độ phát triển cao của ý thức, ở đó cá nhân ý thức về mức độ tồn tại của các hiện tượng tâm lý bản thân theo những tiêu chuẩn đánh giá của xã hội, nhóm, tập thể mà cá nhân là thành viên. Mọi hiện tượng tâm lý của cá

nhân (xu hướng nhân cách, động cơ, nhu cầu, năng lực, tính cách, tính khí...) đều có liên quan tới TYT. Nhân cách càng phát triển thì những thông tin bên ngoài càng được tiếp nhận một cách gián tiếp thông qua những kinh nghiệm xã hội - lịch sử đã trở thành kinh nghiệm của bản thân. Như vậy, đối với những nhân cách phát triển, chỉ những đánh giá bên ngoài nào đã được thẩm thấu qua nhân cách chủ thể và được phân tích, chọn lọc, khúc xạ qua lăng kính chủ quan của cá nhân mới có ảnh hưởng tới TYT của cá nhân. Các yếu tố bên trong không tự nhiên mà có, nó được hình thành thông qua hoạt động của cá nhân, đặc biệt là hoạt động chủ đạo ở mỗi giai đoạn lứa tuổi khác nhau. Ngoài ra, một loạt các yếu tố tâm lý như nhu cầu, hứng thú của cá nhân, những phẩm chất của tính cách, tính tích cực hoạt động, chiều hướng của tính tích cực và cả trạng thái tâm lý cá nhân...đều có ảnh hưởng tích cực hoặc tiêu cực tới TYT của cá nhân [30, tr.47-48].

Yếu tố tự tu dưỡng, giáo dục có vai trò quan trọng đối với TYT. Đây là hoạt động có ý chí, có quy luật mà ở đó cá nhân tự xây dựng cho mình những phẩm chất tâm lý theo yêu cầu của xã hội. Đó là quá trình cá nhân làm việc tự giác, có hệ thống nhằm loại trừ khuyết điểm, bồi dưỡng ưu điểm của bản thân. Khi ở cá nhân có sự đối chiếu những nhu cầu, hứng thú, năng lực, trình độ... của mình với yêu cầu của xã hội và từ đó dẫn tới tự tu dưỡng. Song đòi hỏi cá nhân phải hiểu rõ được bản thân mình, có quan niệm rõ về cuộc sống, có niềm tin, có ý chí, nghị lực, có tinh thần phê bình và tự phê bình. Tự tu dưỡng là một hiện tượng có qui luật trong sự phát triển tâm lý con người. Tự tu dưỡng của cá nhân là do xã hội quyết định và nó phục vụ lợi ích xã hội. Yếu tố thúc đẩy sự hoàn thiện là hoàn cảnh sống, là sự giáo dục và những kinh nghiệm sống của cá nhân. Bởi vì trong quá trình giáo dục đã hình thành ở cá nhân những cơ sở đạo đức, những quan niệm và khái niệm về đạo đức, niềm tin, thói quen đạo đức có vai trò điều chỉnh HV của cá nhân trong hiện tại và qui định kế hoạch cuộc đời trong tương lai.

Trình độ học vấn có ảnh hưởng rất mạnh mẽ đến sự phát triển TYT. Trình độ học vấn càng cao thì TYT càng tăng và ngược lại khi trình độ học vấn càng thấp thì TYT cũng giảm. Mối quan hệ giữa trình độ học vấn và TYT không chỉ đơn thuần là mối quan hệ một chiều mà đó là mối quan hệ hai chiều. Trình độ học vấn đạt được

chính là kết quả của một quá trình TYT và để đạt được trình độ học vấn càng cao đòi hỏi phải có quá trình phát triển TYT tương xứng. Bên cạnh đó chúng ta cũng nhận thấy rằng việc nâng cao trình độ học vấn không chỉ là trách nhiệm của cộng đồng, của xã hội mà mỗi cá nhân cần có trách nhiệm tu dưỡng để nâng cao trình độ học vấn của mình nhằm thúc đẩy sự phát triển của xã hội.

- Những yếu tố khách quan ảnh hưởng tới TYT

Tổng kết các công trình nghiên cứu lý luận và thực tiễn về TYT của các nhà tâm lý học Xô viết, L.I.Ruvinxki và A.E.Xoloviva đã nhận xét rằng: TYT mang tính xã hội, được đảm bảo bằng các điều kiện xã hội. Nhiều công trình nghiên cứu đã chỉ ra rằng, những chuẩn mực xã hội mà cá nhân đã thừa nhận thường được cá nhân xem như tiêu chuẩn để đánh giá người khác và đánh giá chính bản thân mình. Những yếu tố xã hội ảnh hưởng tới quá trình TYT của cá nhân, về mặt nội dung bao giờ cũng mang tính lịch sử. Chính vì vậy khi xem xét nội dung của những yếu tố này cần đặt nó trong sự vận động cụ thể của xã hội, của mỗi thời kỳ lịch sử, thậm chí trong những lĩnh vực hoạt động xã hội nhất định. Chẳng hạn, đặc điểm nổi bật của xã hội Việt Nam hiện nay là quá trình chuyển từ một xã hội bị quy định bởi cơ chế hành chính - quan liêu- bao cấp sang một xã hội vận động theo cơ chế thị trường có sự định hướng XHCN. Trong một chừng mực nhất định, có thể xem xét ảnh hưởng của sự chuyển đổi cơ chế nói trên đến sự phát triển nhân cách con người trong đó có TYT. Những biến động và sự thay đổi của hệ giá trị xã hội đã dẫn đến sự thay đổi định hướng giá trị nhân cách trong mỗi cá nhân.

Phân tích nguồn gốc chức năng điều chỉnh về mặt xã hội của TYT ở cá nhân, A.V Petrovski nhận định "Nó tích cực lĩnh hội từ thế giới người lớn những giá trị khác nhau, những chuẩn mực và phương thức HV, là những cái tạo thành nội dung mới của ý thức và được biến thành những yêu cầu đối với HV của người khác và đối với bản thân mình, thành tiêu chuẩn đánh giá và TĐG. Về mặt nội dung TYT là ý thức xã hội được chuyển vào bên trong (theo định nghĩa của Vygotski" [58, tr.178].

Như vậy, những yêu cầu xã hội, những quy tắc và chuẩn mực xã hội có vai trò quyết định đối với sự hình thành nội dung của TYT. Mỗi cá nhân chịu ảnh hưởng

sâu sắc của ý thức xã hội, quan điểm của nhóm mà mình là thành viên, của tập thể. Tuy nhiên, mỗi người có TYT không hoàn toàn giống nhau do mỗi người có vốn kinh nghiệm, tính tích cực hoạt động không như nhau.

Nói về yếu tố bên ngoài ảnh hưởng tới sự hình thành và phát triển TYT còn phải nói tới khía cạnh rất quan trọng đó là môi trường sống và hoạt động giao lưu giữa cá nhân này với các cá nhân khác. Một trong những con đường hình thành TYT của cá nhân là nhờ vào sự quan sát người khác, nhận thức người khác; từ đó liên hệ đối chiếu với bản thân, đi đến bày tỏ thái độ với bản thân, điều khiển, điều chỉnh bản thân.

L.I.Bozovic cho rằng: Sự đánh giá từ phía xã hội có vai trò hai mặt trong việc hình thành TYT của thanh thiếu niên. Thứ nhất, nó là tiêu chuẩn đánh giá sự phù hợp giữa HV của cá nhân với những đòi hỏi của những người xung quanh, nó như sự mách bảo cho thanh thiếu niên tính chất mối quan hệ của họ với môi trường xung quanh. Do đó, nó góp phần xác định được thái độ của con người với môi trường cũng như với chính bản thân mình như một chủ thể HV; Thứ hai, nó giúp thanh thiếu niên phân biệt được đối tượng, nội dung của TNT, bày tỏ thái độ, TĐG với bản thân, trong các hành động, hoạt động của mình.

Như vậy, những thông tin bên ngoài không được tiếp thu hoàn toàn một cách rập khuôn, một cách trọn vẹn. Nhân cách nói chung, TYT nói riêng càng phát triển thì những thông tin bên ngoài càng được tiếp thu một cách gián tiếp, có tính chọn lọc hơn.

Tóm lại, TYT của cá nhân chịu ảnh hưởng của các yếu tố bên ngoài và các yếu tố bên trong. Những yếu tố bên ngoài (gia đình, nhà trường, nghề nghiệp, việc làm, nhóm bạn...) liên quan chặt chẽ với TYT đó là những giá trị xã hội, quy tắc HV, chuẩn mực xã hội. Những yếu tố bên trong là các hiện tượng tâm lý, trình độ phát triển nhân cách của chủ thể, đặc biệt là khả năng thu thập và lựa chọn thông tin về bản thân, mức độ phát triển của ý thức ở mỗi cá nhân, quá trình tự giáo dục bản thân. Chỉ có thông qua hoạt động và giao tiếp của cá nhân trong nhóm, tập thể thì các yếu tố bên ngoài được chuyển hoá thành các yếu tố bên trong và từ đó ảnh hưởng trực tiếp tới TYT của cá nhân.

1.3.2. Một số yếu tố ảnh hưởng tới tự ý thức về hành vi phạm tội và hành vi chấp hành hình phạt tù của phạm nhân

Có nhiều yếu tố tác động tới TYT về HVPT và HVCHHPT của phạm nhân. Yếu tố bên trong như tri thức (sự hiểu biết, sự giác ngộ), động cơ phạm tội, ý chí, niềm tin vào bản thân. Yếu tố bên ngoài như mục tiêu của giáo dục, nội dung cải tạo (học tập, rèn luyện, tham gia hoạt động xã hội...), phương thức giáo dục, sự quan tâm của gia đình, cán bộ trại giam....Tuy nhiên, với khách thể là phạm nhân CHHPT các tội về ma túy có những đặc trưng riêng, chúng tôi tập trung nghiên cứu bốn yếu tố tác động đến TYT về HVPT và HVCHHPT của phạm nhân gồm:

1.3.2.1. Ảnh hưởng niềm tin vào tương lai của phạm nhân

Niềm tin là một phẩm chất của thế giới quan, tạo cho con người nghị lực, ý chí để hành động phù hợp với quan điểm mà bản thân đã chấp nhận. Con người có nhiều loại niềm tin khác nhau: niềm tin tôn giáo, niềm tin pháp luật, niềm tin chính trị, niềm tin vào cuộc sống tương lai của mình. Niềm tin tạo cho con người nghị lực, ý chí để hành động theo quan điểm của mình, nó là lẽ sống của con người. Ngược lại, khi con người mất niềm tin vào cuộc sống, niềm tin vào con người thì dễ dẫn đến hiện tượng tiêu cực, bất mãn.

Với phạm nhân họ rất dễ bị hoang mang, lo lắng về tương lai của mình. Việc đi tù chịu hình phạt đối với họ là một sự chịu đựng nặng nề về mặt tâm lý nhưng nỗi lo cho tương lai của bản thân (sự mặc cảm quá khứ tù tội, sự mất mát đổ vỡ gia đình, sự kỳ thị của xã hội, không thích nghi với sự thay đổi của xã hội trong thời gian họ chấp hành hình phạt tù ở trại giam...) dẫn tới họ có thể mất niềm tin, mất sự tự tin để thích nghi với xã hội trong tương lai. Từ đó dẫn tới họ tự nhận thấy cuộc đời mình như đã chấm dứt, như đã bị bỏ đi, tương lai mịt mờ phía trước. Do đó, qua công tác quản lý, giáo dục phạm nhân cũng cần giáo dục niềm tin cho phạm nhân vào tương lai, niềm tin vào sự khoan hồng của Đảng và Nhà nước đối với những người đã có thời gian lầm lỡ nhưng nay biết sửa chữa lỗi lầm của mình. Qua công tác quản lý giáo dục cũng cần hình thành niềm tin ở phạm nhân vào HVCHHPT tích cực của mình, tin vào thái độ biết ăn năn hối hận về HVPT của mình, có tinh thần hướng thiện, gương mẫu và cải tạo tốt sẽ nhận được sự ghi nhận của cán bộ trại giam. Từ đó họ sẽ được hưởng chính sách nhân đạo, sự khoan hồng của Đảng và pháp luật của Nhà nước để được sớm trở về với gia đình và xã hội.

Tóm lại, niềm tin vào tương lai của phạm nhân chính là nhờ vào quá trình quản lý giáo dục tại trại giam và là kết quả, giá trị của quá trình giáo dục, cải tạo phạm nhân. Niềm tin vào tương lai được xây dựng từ chính bản thân phạm nhân sẽ là động lực thôi thúc phạm nhân tích cực thực hiện các hoạt động trong trại giam và từ đó biết kiềm chế bản thân không có HV vi phạm nội quy, quy chế của trại giam. Do vậy, cần xây dựng niềm tin cho phạm nhân, cần hướng họ vào những hoạt động phù hợp để thông qua đó giúp họ thỏa mãn nhu cầu chính đáng của bản thân.

1.3.2.2. Ảnh hưởng của mối quan hệ giữa các phạm nhân trong trại giam

Do hoạt động và giao tiếp trong cùng môi trường trại giam, giữa các phạm nhân luôn có sự tác động lẫn nhau. Mối quan hệ giữa phạm nhân với phạm nhân có thể diễn ra theo hướng cùng động viên, giúp nhau cùng cải tạo tiến bộ nhưng cũng có thể qua mối quan hệ tác động giữa phạm nhân với phạm nhân sẽ dẫn tới sự a dục, bao che, xúi dục, truyền đạt cho nhau kinh nghiệm phạm tội, vi phạm nội quy, kỷ luật trại giam. Sự tác động tâm lý giữa các phạm nhân thông qua các cơ chế khác nhau.

- Cơ chế lây lan tâm lý giữa các phạm nhân

Trong tâm lý học, lây lan được coi như một cơ chế của việc hình thành tâm lý, ý thức nhóm. Hầu hết các nhà nghiên cứu đều thừa nhận ảnh hưởng to lớn của cơ chế lây lan tâm lý đến HV cá nhân trong nhóm. Trong trại giam, sự tác động và lây lan tâm lý có thể diễn ra trong mọi tình huống. Cơ chế lây lan tâm lý có thể *diễn ra một cách từ từ*; chẳng hạn khi mới xuất hiện một cảm xúc nào đó ở một vài phạm nhân, dần dần cảm xúc đó lây lan ra trong nhóm phạm nhân nhất định và có thể sự cộng hưởng cảm xúc tiếp tục lây lan sang các nhóm phạm nhân khác. Hoặc sự lây lan tâm lý sẽ *diễn ra theo kiểu bùng nổ*, đó là khi một số phạm nhân rơi vào tâm trạng căng thẳng cao độ về tinh thần, về cảm xúc, ý thức yếu đi. Sự lây lan tâm lý từ phạm nhân này sang phạm nhân khác cho phép chúng ta giải thích các cao trào cảm xúc, tâm trạng mỗi đội phạm nhân, sự thắng của các yếu tố xúc cảm - tình cảm với ý chí.

Trong công tác quản lý giáo dục phạm nhân, việc xây dựng và giữ gìn, tuân thủ kỷ luật trong trại giam là vấn đề cần được quan tâm. Sự lây lan những cảm xúc tiêu cực là nguyên nhân dẫn đến HV vi phạm nội quy, quy chế trại giam, sẵn sàng chống lại cán bộ trại giam. Chính do lây lan tâm lý mà trạng thái cảm xúc được lan truyền trong đám đông phạm nhân với một cường độ cao và tốc độ nhanh chóng,

dẫn tới các HV có tính bạo loạn, phá phách trại giam, ảnh hưởng rất lớn đến HV chấp hành kỉ luật tại trại giam.

- Cơ chế bắt chước giữa các phạm nhân

Bắt chước là sự mô phỏng, tái tạo, lặp lại các hành động, HV, cách thức suy nghĩ, ứng xử của một người hoặc nhóm người nào đó. Không phải mọi HV bắt chước của phạm nhân trong trại giam đều theo hướng tiêu cực mà còn theo hướng tích cực. Trong nhiều trường hợp, bắt chước giúp cho sự hòa hợp giữa các phạm nhân mới nhập trại với các phạm nhân đã chấp hành án được một thời gian. Từ những HV tích cực, hợp chuẩn ở những phạm nhân hạt nhân điển hình (sự tuân thủ nội quy của trại giam, hoàn thành vượt mức khoán lao động, có tinh thần động viên giúp đỡ các phạm nhân khác cùng tiến bộ...) được các phạm nhân khác coi như là tấm gương và bắt chước theo. Bên cạnh những phạm nhân luôn chấp hành tốt nội quy, quy chế của trại giam thì vẫn có những phạm nhân luôn tìm cách thực hiện những HV trái với nội quy, quy định của trại giam và HV đó có thể được các phạm nhân khác bắt chước. Trong một nhóm phạm nhân gây rối, lúc đầu có một vài phạm nhân hung hăng, sự hung hăng đó của họ dần được những phạm nhân khác bắt chước. Nhóm phạm nhân có thể hung hăng hay hiền lành, vô kỉ luật hay trật tự, chống đối hay không hưởng ứng là do các tHVên bắt chước lẫn nhau. Bắt chước là một trong những con đường ngắn nhất để phạm nhân đồng hóa và thích nghi với nhóm (đặc biệt với nhóm không chính thức). Do đó, khi phạm nhân tham gia hoạt động, giao tiếp trong nhóm họ sẽ dần dần chịu ảnh hưởng (tích cực hoặc tiêu cực) của nhóm đó. Thực tế cho thấy xu hướng phạm nhân bắt chước nhau sử dụng bạo lực để giải quyết mâu thuẫn trong môi trường trại giam có chiều hướng gia tăng, bắt chước nhau trong việc đưa vật cấm vào sử dụng trong trại giam, đặc biệt là việc đưa vào trại giam điện thoại, sử dụng điện thoại di động và ma túy là một trong những vi phạm có chiều hướng tăng ở các trại giam.

Như vậy, mối quan hệ giữa phạm nhân với phạm nhân hình thành và phát triển dựa trên tính lệ thuộc lẫn nhau. Tuy nhiên, động cơ phạm tội của họ xuất phát từ lợi ích cá nhân (có tiền để sử dụng ma túy hoặc làm giàu từ hành vi phạm tội về ma túy) do vậy khi đi CHHPT cũng từ động cơ làm những việc để được giảm án. Bất cứ việc gì gây bất lợi và ảnh hưởng đến việc giảm án thì họ nhất định không làm.

1.3.2.3. Ảnh hưởng mối quan hệ giữa phạm nhân với gia đình

Gia đình là một trong những yếu tố có ảnh hưởng khá mạnh đến TYT về HVPT và HVCHHPT của phạm nhân. Do đó, mỗi biến động lớn nhỏ trong gia đình đều có tác động sâu sắc đến tâm lý của phạm nhân, từ đó ảnh hưởng đến các hoạt động của họ trong quá trình chấp hành hình phạt tù. Vì vậy, sự quan tâm, thăm nom từ phía gia đình là một trong những nguồn động viên vô cùng quan trọng giúp họ yên tâm lao động cải tạo tốt. Những gia đình không quan tâm, động viên, thăm gặp khi người thân của họ đang chấp hành hình phạt tù, điều này cho thấy sự không hoàn thiện của cấu trúc gia đình có ảnh hưởng không tốt đến tâm lý phạm nhân nói chung, HV chấp hành án phạt tù của phạm nhân nói riêng. Từ đó ở những phạm nhân này dễ xuất hiện tâm lý mặc cảm, bị bỏ rơi, họ có cảm giác không còn chỗ bám víu về vật chất cũng như tinh thần. Điều đó cũng ảnh hưởng tới HVCHHPT ở họ. Tuy nhiên nếu sự quan tâm của gia đình không đúng mực, chiều con thái quá, đáp ứng mọi đòi hỏi của con em trong khi họ đang chấp hành hình phạt tù cũng sẽ tạo cho họ tâm lý ỷ lại, dựa giẫm vào gia đình mọi mặt, từ đó dẫn tới không tự giác chấp hành nội quy, kỷ luật trại giam.

1.3.2.4. Ảnh hưởng mối quan hệ giữa phạm nhân với bộ trại giam

Trong môi trường trại giam, chủ thể giáo dục chính là cán bộ trại giam, đội ngũ không những thực hiện nhiệm vụ quản lý trại giam mà còn giữ vai trò giáo dục phạm nhân, giáo dục những con người có những tâm lý tiêu cực, lệch chuẩn trở thành những người có nhận thức, thái độ, HV hợp chuẩn, phù hợp với chuẩn mực xã hội. Tấm gương của các cán bộ trại giam tác động sâu sắc tới nhận thức, thái độ, HV của phạm nhân. Tấm gương đó được thể hiện qua HV cụ thể như lời ăn tiếng nói, phong cách và kỹ năng giao tiếp, sự công minh, giải quyết công bằng giữa các phạm nhân...Ngược lại, nếu cán bộ trại giam có HV thiếu công minh, giải quyết vụ việc không công bằng sẽ dẫn tới tâm lý, không tin tưởng vào cán bộ trại giam và từ đó hình thành tâm lý chống đối ngầm. Tâm lý chống đối, cộng với cơ chế tâm lý lây lan, bắt chước thì những tư tưởng chống đối ngầm sẽ được thể hiện ra thành HV chống đối công khai ở thời điểm khi có một kích thích hoặc một sự kiện nếu thiếu sự quản lý chặt chẽ của cán bộ trại giam.

TIỂU KẾT CHƯƠNG 1

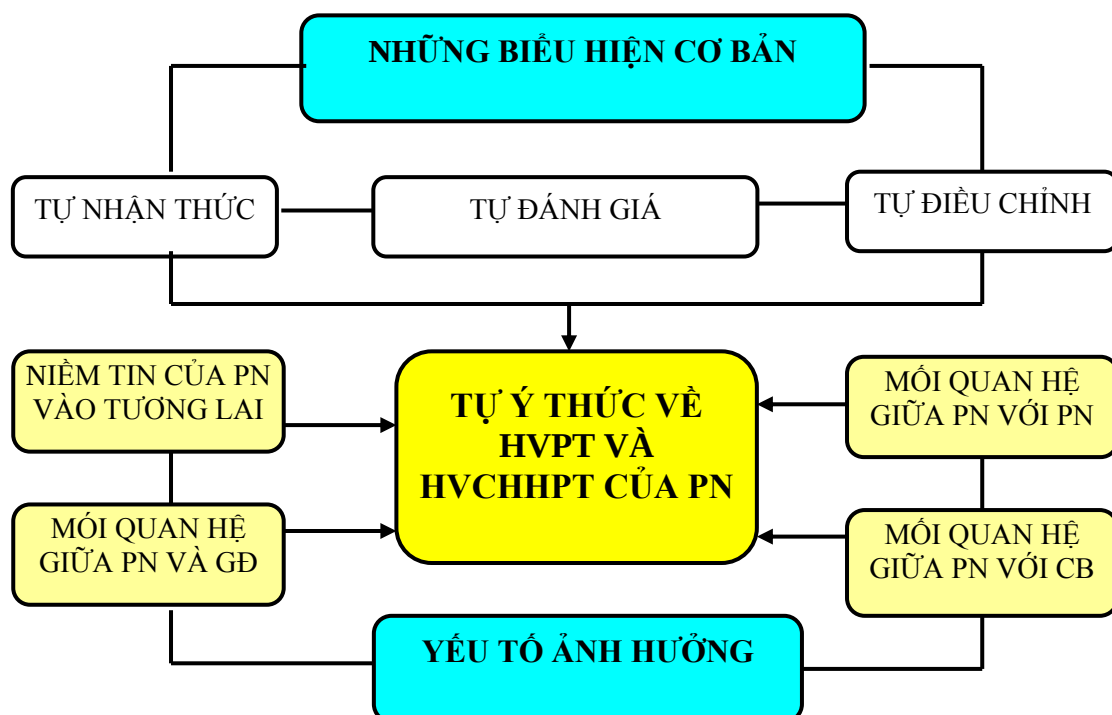
Các công trình nghiên cứu khoa học ở trong và ngoài nước có nhiều cách tiếp cận khác nhau về vấn đề TYT. Tuy nhiên, ở Việt Nam có rất ít công trình

nghiên cứu về TYT của phạm nhân nói chung và TYT về HVPT và HVCHHPT của phạm nhân phạm các tội về ma túy nói riêng. Qua nghiên cứu một cách hệ thống các công trình nghiên cứu ở trong và ngoài nước chúng tôi thấy: TYT về HVPT và HVCHHPT của phạm nhân phạm các tội về ma túy được bộc lộ qua các thành phần: TNT, TĐG của phạm nhân về HVPT và HVCHHPT, quá trình tự điều chỉnh HVCHHPT của họ trong quá trình cải tạo tại trại giam.

Trong nghiên cứu của mình chúng tôi nghiên cứu TYT về HVPT và HVCHHPT của phạm nhân bộc lộ qua: *thứ nhất*, tìm hiểu TNT về HVPT của phạm nhân chấp hành hình phạt tù các tội về ma túy; *thứ hai*, tìm hiểu TĐG về HVPT và HV CHHPT của họ; *thứ ba*, tìm hiểu sự điều chỉnh HV của bản thân thông qua hoạt động chấp hành hình phạt tù.

Có nhiều yếu tố tác động tới TYT về HVPT và HVCHHPT của phạm nhân phạm các tội về ma túy. Tuy nhiên, trong nghiên cứu của mình, chúng tôi chỉ nghiên cứu một số yếu tố ảnh hưởng đến TYT về HVPT và HVCHHPT của phạm nhân các tội về ma túy gồm: ảnh hưởng niềm tin vào tương lai của phạm nhân; ảnh hưởng của mối quan hệ giữa các phạm nhân; ảnh hưởng mối quan hệ giữa phạm nhân với gia đình; ảnh hưởng bởi mối quan hệ giữa phạm nhân với cán bộ trại giam. Có thể mô hình hóa khung lý thuyết nghiên cứu TYT về HVPT và HVCHHPT của phạm nhân như sau:

Sơ đồ 1: Khung lý thuyết nghiên cứu TYT về HVPT và HVCHHPT của phạm nhân phạm các tội về ma túy



CHƯƠNG 2

TỔ CHỨC VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. TỔ CHỨC NGHIÊN CỨU

2.1.1. Tổ chức nghiên cứu lý luận

**** Mục đích của nghiên cứu lý luận***

Xây dựng khung lý thuyết cho việc nghiên cứu về TYT về HVPT và HVCHHPT của phạm nhân các tội về ma túy.

**** Nội dung của nghiên cứu lý luận***

- Tổng quan các nghiên cứu của các tác giả trong và ngoài nước về vấn đề tự ý thức

- Xác định các khái niệm công cụ và các khái niệm liên quan

- Tổng hợp và phân tích các các yếu tố ảnh hưởng đến tự ý thức

**** Phương pháp nghiên cứu lý luận***

Để nghiên cứu lý luận, chúng tôi sử dụng phương pháp nghiên cứu văn bản, tài liệu gồm các giai đoạn như phân tích, tổng hợp, hệ thống hoá và khái quát hoá các nghiên cứu lý luận cũng như những nghiên cứu thực tiễn của các tác giả trong và ngoài nước trên cơ sở những công trình đã được đăng tải trên các sách, báo, tạp chí về những vấn đề liên quan đến đặc điểm TYT, PN.

Ngoài nghiên cứu lý luận chúng tôi sử dụng phương pháp chuyên gia nhằm tiếp thu những ý kiến, kinh nghiệm của các nhà chuyên môn trong lĩnh vực tâm lý học, giáo dục học và những chuyên gia có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực quản lý giáo dục PN. Cụ thể, trong khuôn khổ luận án, chúng tôi đã phát phiếu thăm dò (phụ lục 1) 40 quản giáo có thâm niên nghề từ 5 năm trở lên ở 4 trại giam, phỏng vấn 10 quản giáo và tổ chức buổi góp ý về đề cương nghiên cứu có 6 chuyên gia trong lĩnh vực tâm lý học tham gia.

**** Các bước nghiên cứu lý luận***

Nghiên cứu lý luận bắt đầu từ năm 2009 và bao gồm hai giai đoạn:

- Giai đoạn xây dựng đề cương với những công việc chủ yếu như sưu tầm và nghiên cứu những tài liệu cần thiết, trên cơ sở đó xác định những nội dung chủ yếu, nội dung chi tiết của luận án.

- Giai đoạn hoàn thiện với nhiệm vụ chính là hoàn chỉnh phần cơ sở lý luận với những nội dung đã được xác định.

2.1.2. Tổ chức nghiên cứu thực tiễn

**** Mục đích nghiên cứu thực tiễn***

- Chỉ ra thực trạng TYT về HVPT và HVCHHPT của PN CHHPT các tội về ma túy ở các nội dung: TNT về HVPT và HVCHHPT; TĐG HVPT và HVCHHPT; tự điều chỉnh bản thân thông qua HVCHHPT.

- Phát hiện những yếu tố ảnh hưởng đến TYT về HVPT và HVCHHPT của phạm nhân đang chấp hành hình phạt tù các tội về ma túy

- Đề xuất một số biện pháp giáo dục TYT cho PN CHHPT các tội về ma túy.

**** Nội dung và khách thể của nghiên cứu thực tiễn***

- Thực trạng các mặt biểu hiện của TYT về HVPT và HVCHHPT các tội về ma túy: TNT, TĐG, Tự điều chỉnh bản thân thông qua HVCHHPT

- Các yếu tố ảnh hưởng đến TYT về HVPT và HVCHHPT các tội về ma túy

Tiến trình nghiên cứu lý luận bắt đầu từ năm 2009, gồm hai giai đoạn:

- Giai đoạn xây dựng đề cương với những công việc chủ yếu như sưu tầm và nghiên cứu những tài liệu cần thiết, trên cơ sở đó xác định những nội dung chủ yếu, nội dung chi tiết của luận án.

- Giai đoạn hoàn thiện với nhiệm vụ chính là hoàn chỉnh phần cơ sở lý luận với những nội dung đã được xác định.

**** Các bước nghiên cứu thực tiễn***

Nghiên cứu thực tiễn được thực hiện theo các giai đoạn:

- Giai đoạn thiết kế công cụ nghiên cứu
- Giai đoạn điều tra thử
- Giai đoạn điều tra chính thức
- Xử lý số liệu
- Nghiên cứu trường hợp điển hình
- Viết báo cáo

2.1.2.1. Giai đoạn thiết kế công cụ nghiên cứu

- *Mục đích:* Hình thành nội dung sơ bộ cho bảng hỏi

- *Phương pháp*: Phương pháp chuyên gia, phương pháp nghiên cứu hồ sơ, tài liệu và phương pháp phỏng vấn sâu.

- *Khách thể*: Gồm 12 chuyên gia chuyên gia tâm lý, cán bộ trại giam.

- *Cách tiến hành*: Đề hình thành bảng hỏi sơ bộ, chúng tôi tiến hành nghiên cứu tài liệu, phỏng vấn trực tiếp các chuyên gia tâm lý học nghiên cứu về TYT; các chuyên gia tâm lý học quản lý giáo dục PN; cán bộ chuyên môn có thâm niên, có kinh nghiệm công tác tại trại giam: Cán bộ quản giáo công tác trong các đội trọng điểm (lao động bên trong khu vực trại giam), cán bộ quản giáo đội diện rộng (lao động bên ngoài khu vực trại giam); cán bộ giáo; cán bộ trinh sát; cán bộ trực trại. Đồng thời tìm hiểu thêm các tài liệu pháp lý có liên quan đến công tác quản lý giáo dục phạm nhân hiện nay.

Kết hợp kết quả nghiên cứu tài liệu, phỏng vấn các chuyên gia chúng tôi xây dựng các mệnh đề (item) cho từng nhóm vấn đề nghiên cứu. Trên cơ sở đó, chúng tôi phác thảo phiếu hỏi với các item nhằm tìm hiểu những nội dung cần thiết. Sau khi chỉnh sửa về nội dung và cách diễn đạt, chúng tôi tiếp tục xin ý kiến các chuyên gia để hoàn thiện phiếu hỏi.

- *Các loại phiếu hỏi*

+ Phiếu hỏi dành cho phạm nhân gồm 2 loại: Loại phiếu thứ nhất là phiếu trắc nghiệm hoàn thiện câu (Phụ lục 1.3) và loại thứ hai, bảng hỏi cá nhân (phụ lục 1.4).

+ Phiếu hỏi cán bộ trại giam: Bảng hỏi cá nhân dành cho cán bộ trại giam (Phụ lục 1.2).

2.1.2.2. Giai đoạn điều tra thử

- Mục đích nghiên cứu: Hoàn thiện nội dung của bảng hỏi để tiến hành giai đoạn điều tra.

- Nội dung nghiên cứu: Xác định độ tin cậy của bảng hỏi và chỉnh sửa những câu hỏi chưa đạt yêu cầu.

- Phương pháp nghiên cứu: Phương pháp điều tra và phương pháp thống kê toán học.

- *Khách thể nghiên cứu*: 60 PN CHHPT các tội về ma túy tại trại Hoàng Tiến - tỉnh Hải Dương và trại phạm giam Tân Lập tỉnh Phú Thọ. Phòng vắn sâu 10 cán bộ công tác hai trại giam Hoàng Tiến và trại giam Tân Lập.

- *Xử lý số liệu*: Số liệu thu về từ điều tra thử được xử lý bằng chương trình SPSS, phiên bản 16.0 trong môi trường Window. Ở đây chúng tôi sử dụng 2 kỹ thuật thống kê là phân tích độ tin cậy bằng phương pháp tính hệ số Alpha của Cronbach và phân tích yếu tố để xác định giá trị của bảng hỏi. Kết quả tính độ tin cậy Alpha của bảng hỏi được thể hiện ở bảng 2.1 và bảng hỏi 2.3.

Về độ giá trị của bảng hỏi, kết quả phân tích yếu tố cho thấy hầu hết các items đều có nội dung phù hợp với miền đo và có tương quan ở mức chấp nhận được với thành phần cụ thể của miền đo (Phụ lục 2). Cụ thể như sau:

* *Thang đo TYT thể hiện qua TNT về HVPT và HVCHHPT (Phần I) gồm 29 items*:

- *Nội dung 1: Tự nhận thức của phạm nhân về HVPT gồm 19 items*:

+ Khía cạnh "Tự nhận thức về nguyên nhân dẫn tới HVPT" gồm 6 items: 12, 13, 23, 32, 33, 43.

+ Khía cạnh "Tự nhận thức về hậu quả của HVPT" gồm 6 items: 1, 10, 20, 30, 40, 50.

- Khía cạnh "Tự nhận thức HVPT vi phạm pháp luật hình sự" gồm 7 items: 14, 15, 24, 25, 34, 35, 44.

- *Nội dung 2: Tự nhận thức của phạm nhân về HVCHHPT*

+ Khía cạnh "Tự nhận thức về mức án của bản thân phải chấp hành với mức án tòa tuyên" câu 1 - phần thông tin bản thân (phụ lục 1.3); câu 8- ở bảng hỏi hoàn thiện câu (phụ lục 1.3)

+ Khía cạnh "Tự nhận thức về mục đích, ý nghĩa của hình phạt tù với bản thân" gồm 7 items: 12, 13, 14, 22, 23, 29, 30.

* *Thang đo TYT thể hiện qua TĐG của phạm nhân về HVPT và HVCHHPT (Phần I) gồm 29 items*:

- *Nội dung 1: TĐG của phạm nhân về HVPT gồm 18 items*:

+ Khía cạnh "Tự đánh giá HVPT vô ý hay cố ý" gồm 11 items: 3, 4, 5, 6, 16, 26, 27, 36, 37, 46, 47.

+ Khía cạnh "TĐG của PN về HVPT có đáng bị xử lý bằng hình phạt tù hay không" gồm 7 items: 9, 11, 12, 21, 22, 31, 41.

- Nội dung 2: TĐG của phạm nhân về HVCHHPT gồm 11 items:

+ Khía cạnh "TĐG của PN về cảm xúc trong quá trình CHHPT" gồm 6 items: 51, 52, 53, 54, 55, 56.

+ Khía cạnh "TĐG về hành vi đấu tranh với các biểu hiện tiêu cực trong quá trình CHHPT" gồm 5 items: 4, 7, 17, 26, 27.

* Thang đo TYT biểu hiện qua tính tự điều chỉnh HVCHHPT của bản thân (Phần II) gồm 12 items:

- Nội dung 1: "Hành vi chấp hành lao động" gồm 6 items: 1, 10, 19, 20, 29, 30.

- Nội dung 2: "Hành vi chấp hành nội quy, kỷ luật trại giam" gồm 6 items: 2, 3, 8, 9, 18, 28.

* Thang đo các yếu tố ảnh hưởng đến TYT về HVPT và HVCHHPT (Phần II 6 items và phần III) gồm 42 items:

- Ảnh hưởng của niềm tin của PN vào tương lai (Phần II) gồm 6 items: 5, 6, 15, 16, 24, 25.

- Ảnh hưởng mối quan hệ giữa PN với PN (Phần III) gồm 12 items: 4, 5, 6, 14, 15, 16, 24, 25, 26, 34, 35, 36.

- Ảnh hưởng mối quan hệ giữa PN với gia đình (Phần III) gồm 12 items: 1, 2, 3, 11, 12, 13, 21, 22, 23, 30, 31, 32.

- Ảnh hưởng mối quan hệ giữa PN với cán bộ trại giam (Phần III) gồm 12 items: 7, 8, 9, 10, 17, 18, 19, 26, 27, 28, 29, 33.

Bảng 2.1: Độ tin cậy của các thang đo TYT về HVPT và HVCHHPT của PN

Thang đo	Các nội dung	Hệ số Alpha
Tự nhận thức	Tự nhận thức về HVPT	0,762
	Tự nhận thức về HVCHHPT	0,770
Tự đánh giá	Tự đánh giá về HVPT	0,831
	Tự đánh giá về HVCHHPT	0,872
Tự điều chỉnh	Tự điều chỉnh HVCHHPT	0,698
Tổng (TNT-TĐG-TĐCHV)	TNT- TĐG - TĐCHV	0,832

Kết quả hiển thị bảng 2.1 với hệ số α của các tiểu thang đo và hệ số α của cả thang đo ($\alpha > 0,6$) cho thấy từng item của phép đo có tính đồng nhất và đều đóng góp độ tin cậy của toàn bộ hệ thống.

Để đánh giá độ hiệu lực, luận án dùng phương pháp phân tích nhân tố (factor analysis), kết quả phân tích nhân tố cho thấy hệ thống bảng hỏi có độ hiệu lực khá tốt. Các items trong từng tiểu thang đo có tính đồng hướng (cùng thuộc về một nhân tố). Điểm số các tiểu thang đo có tương quan thuận, khá chặt.

Bảng 2.2. Tương quan giữa các tiểu thang đo của TYT về HVPT và HVCHHPT

Các tiểu thang đo/thang đo	Tự nhận thức	Tự đánh giá	Hành vi
Tự nhận thức	1	0,429**	0,227**
Tự đánh giá	0,429**	1	0,533**
Tự điều chỉnh hành vi	0,227**	0,533**	1
Toàn bộ thang đo	0,612**	0,846**	0,833**

Ghi chú: **: $p < 0,001$

Kết quả trên cho thấy các tiểu thang đo trong toàn bộ hệ thống thang đo TYT của PN về HVPT và HVCHHPT đảm bảo độ tin cậy và tính hiệu lực.

Bảng 2.3: Độ tin cậy của thang đo các yếu tố ảnh hưởng đến TYT về HVPT và HVCHHPT

Thang đo	Các nội dung	Hệ số Alpha
Yếu tố ảnh hưởng	Niềm tin của PN vào tương lai	0,730
	Mối quan hệ giữa PN với PN	0,743
	Mối quan hệ giữa PN với gia đình	0,720
	Mối quan hệ giữa PN với cán bộ	0,738
Tổng	Niềm tin-PN-Gia đình-Cán bộ	0,734

Bảng 2.4. Tương quan giữa các yếu tố ảnh hưởng đến TYT về HVPT và HVCHHPT

Các tiểu thang đo/thang ảnh hưởng sự ảnh hưởng mối quan hệ	PN	Gia đình	Cán bộ TG	Niềm tin vào tương lai
PN với PN	1	0,593**	0,677**	0,570*
PN - Gia đình	0,593**	1	0,673**	0,231**
PN - Cán bộ TG	0,677**	0,673**	1	0,206*
Niềm tin vào tương lai	0,570*	0,231**	0,206*	1
Toàn bộ thang đo	0,620**	0,828**	0,672**	0,592**

Ghi chú: **: $p < 0,001$

Kết quả phân tích trên đây cho thấy, các tiểu thang đo trong toàn bộ hệ thống thang đo đảm bảo độ tin cậy và tính hiệu lực. Sự chỉnh sửa là không đáng kể. Sau chỉnh sửa, độ tin cậy của các phần trong bảng hỏi đã tăng lên. Điều này có thể khẳng định, độ tin cậy và độ hiệu lực của bảng hỏi cho phép sử dụng và điều tra chính thức.

2.1.2.3. Giai đoạn điều tra chính thức

- *Mục đích:* Thu thập thông tin về thực trạng biểu hiện TYT của PN về HVPT và HVCHHPT và một số yếu tố ảnh hưởng đến TYT của PN về HVPT và HVCHHPT.

- *Nội dung:* Đánh giá thực trạng biểu hiện TYT của PN về HVPT và HVCHHPT và đánh giá sự ảnh hưởng của các yếu tố thuộc về niềm tin của PN vào tương lai, mối quan hệ giữa PN và PN, mối quan hệ giữa PN và gia đình, mối quan hệ giữa PN và cán bộ trại giam đến TYT của PN về HVPT và HVCHHPT, từ đó rút ra những kết luận và kiến nghị các giải pháp.

- *Phương pháp:* Ở giai đoạn này, để làm rõ thực trạng biểu hiện TYT của PN về HVPT và HVCHHPT, chúng tôi sử dụng đồng thời nhiều phương pháp nghiên cứu như điều tra bằng bảng hỏi, phỏng vấn sâu, nghiên cứu trường hợp điển hình, phương pháp xử lý số liệu.

- *Khách thể nghiên cứu:*

+ *Phạm nhân*

Mẫu khách thể để điều tra chính thức gồm 400 PN đang chấp hành hình phạt tại 4 trại giam: Trại Giam Hoàng Tiến - xã Hoàng Tiến - thị xã Chí Linh - tỉnh Hải Dương (100 PN); trại giam Ngọc Lý - xã Ngọc Lý - huyện Tân Yên - tỉnh Bắc Giang (100 PN); trại giam Phú Sơn 4 - xã Cổ Lũng - huyện Phú Lương - tỉnh Thái Nguyên (100 PN); trại giam Tân Lập - nằm ở 2 xã Vô Chanh - huyện Hạ Hòa, xã Mỹ Lung - huyện Yên Lập - tỉnh Phú Thọ (100 PN) thuộc Tổng cục thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp (TC VIII)- Bộ Công an).

Bảng 2.5. Bảng xếp loại PN qua các năm 2009-2011

Năm	Tốt		Khá		Trung bình		Kém		Chưa phân loại	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
2009	33	8,2	138	34,5	91	22,8	67	16,8	71	17,8
2010	65	16,2	157	39,2	74	18,5	63	15,8	41	10,2
2011	126	31,5	128	32,0	76	19,0	62	15,5	8	2,0
2012	134	33,5	150	37,5	66	16,5	50	12,5	0	0

Số PN được chọn thuộc các đội: đội khâu bóng, đội làm vàng mã, đội làm đồ mộc, đội xây dựng, đội làm rau xanh, đội may, đội nấu ăn, đội cây cảnh, đội mi mắt. Một số thông tin khác về mẫu PN được phản ánh ở bảng 2.3. Chúng tôi cũng

chọn mẫu PN được chọn có tỷ lệ hợp lý theo các tiêu chí như giới tính, thời gian ở trại, hành vi tội phạm cụ thể, tiền án, hôn nhân, nghề nghiệp, lứa tuổi, mức án... (bảng 2.9).

Bảng 2.6. Một số đặc điểm nhân khẩu xã hội của mẫu PN

Các đặc điểm	Các mức độ	Tần số	%
1. Giới tính	1. Nữ	200	50,0
	2. Nam	200	50,0
2. Trình độ học vấn	1. Mù chữ, cấp 1	78	19,5
	2. Trung học cơ sở	215	53,8
	3. Trung học phổ thông trở lên	107	26,8
3. Tình trạng hôn nhân	1. Chưa lập gia đình	80	20,0
	2. Đã lập gia đình	170	42,5
	3. Đã lập gia đình nhưng đã ly hôn	150	37,5
4. Mức án	1. Dưới 3 năm	72	18,0
	2. Trên 3 đến 7 năm	100	25,0
	3. Trên 7 đến 15 năm	150	37,5
	4. Trên 15 năm	78	19,5
5. Tiền án	1. Có tiền án	127	31,8
	2. Không có tiền án	273	68,2
6. Tiền sử ma túy	1. Chưa từng nghiện ma túy	153	38,2
	2. Đã từng nghiện ma túy	247	61,8

+ Cán bộ trại giam

Cán bộ trại giam là những người quản lý, giáo dục PN nói chung và PN CHHPT các tội về ma túy nói riêng. Tham gia trả lời phiếu trưng cầu ý kiến chuyên gia là những cán bộ đang công tác tại 4 trại giam nơi có PN được chọn vào mẫu nghiên cứu. Người có thâm niên công tác cao nhất là 25 năm, người thấp nhất – 5 năm. Cụ thể chúng tôi lấy phiếu trưng cầu ý kiến 100 cán bộ trại giam gồm 40 cán bộ quản giáo; 20 cán bộ làm công tác giáo dục và 40 cán bộ làm công tác trực trại và trình sát tại 4 trại giam (Hoàng Tiến, Tân Lập, Ngọc Lý và Phú Sơn 4. Chúng tôi phỏng vấn sâu 34 cán bộ trại giam gồm: 8 cán bộ làm công tác giáo dục, 10 cán bộ quản giáo; 8 cán bộ làm công tác trình sát, 8 cán bộ làm công tác trực trại. Do được sự quan tâm của lãnh đạo đơn vị Bộ môn Tâm lý - Học viện CSND nên tôi được cử đi thực tế 9 tháng tại trại giam, thời gian sau đó những lớp vừa làm vừa học tại 4 trại giam có khách thể điều tra đều được lãnh đạo đơn vị bố trí cho tôi về giảng dạy. Qua đó việc phỏng vấn và thu thập số liệu được diễn ra thuận lợi và có kết quả khá khách quan.

2.1.2.4. Giai đoạn xử lý kết quả

Số liệu thu được từ bảng hỏi PN được xử lý bằng chương trình SPSS trong môi trường Window, phiên bản 16.0. Các thông số và phép toán thống kê được sử dụng trong nghiên cứu này là phân tích thống kê mô tả và phân tích thống kê suy luận.

** Phân phân tích thống kê mô tả sử dụng các chỉ số sau:*

- Điểm trung bình cộng (mean) được dùng để tính điểm đạt được của từng mệnh đề và của từng yếu tố.

- Độ lệch chuẩn (Standardized Deviation) tức mức độ phân tán hay mức độ tập trung của các câu trả lời mà khách thể đã lựa chọn.

- Tần suất và chỉ số phần trăm các phương án trả lời của các câu hỏi đóng và các câu hỏi mở.

** Phân phân tích thống kê suy luận sử dụng các phép thống kê sau:*

- *Phân tích so sánh:* Trong nghiên cứu này chủ yếu dùng phép so sánh giá trị trung bình (compare means). Các giá trị trung bình được coi là khác nhau có ý nghĩa về mặt thống kê với xác suất $p < 0,05$. Đối với phép so sánh hai nhóm, chúng tôi sử dụng phép kiểm định T về độc lập giữa hai mẫu T-test. Đối với so sánh giá trị trung bình của 3 nhóm trở lên chúng tôi sử dụng phép phân tích phương sai một yếu tố (One-way ANOVA). Bên cạnh đó chúng tôi sử dụng phương pháp so sánh chéo (Crosstabs). Các giá trị có ý nghĩa thống kê khi xác suất $p < 0,05$.

- *Phân tích tương quan nhị biến:* Dùng để tìm hiểu sự liên hệ bậc nhất giữa hai biến số, nghĩa là sự biến thiên ở một biến số xảy ra đồng thời với sự biến thiên ở biến số kia như thế nào. Mức độ liên kết hay độ mạnh của mối liên hệ giữa hai biến số được đo bởi hệ số tương quan (r). Trong nghiên cứu này, chúng tôi dùng hệ số tương quan Pearson. Hệ số này có giá trị từ -1 đến +1, nó cho biết độ mạnh và hướng của mối liên hệ đó. Giá trị + ($r > 0$) cho biết mối liên hệ thuận (cùng tăng hoặc cùng giảm) giữa hai biến số. Giá trị - ($r < 0$) cho biết mối liên hệ nghịch (biến này tăng thì biến kia giảm) giữa hai biến số. Khi $r = 0$ thì hai biến số đó không có mối liên hệ. Dựa vào hệ số xác suất (p) ta có thể biết mức độ có nghĩa của mối quan hệ. Ở đây, chúng tôi chọn $p = 0,05$ là cấp độ có nghĩa. Khi $p < 0,05$ thì giá trị r được chấp nhận là có ý nghĩa cho phân tích về mối quan hệ giữa hai biến số.

- *Phân tích hồi qui tuyến tính*: Phép phân tích hồi qui cho phép xem xét mối quan hệ giữa một biến số phụ thuộc với một hay nhiều biến số độc lập. Người ta thường dùng phép hồi qui để dự đoán biến số phụ thuộc từ những biến số độc lập. Phân tích hồi qui cho biết khi các biến độc lập biến đổi sẽ kéo theo sự biến đổi của các biến số phụ thuộc như thế nào. Trong nghiên cứu này, chúng tôi xét xem khi niềm tin vào tương lai, mối quan hệ phạm nhân - phạm nhân và mức độ quan tâm của gia đình, mối quan hệ giữa phạm nhân với cán bộ trại giam thay đổi thì mức độ TNT, TĐG về HVPT và HVCHHPT biến đổi như thế nào. Bảng hỏi nhằm thu thập thông tin từ cán bộ trại giam mang tính bổ sung, hỗ trợ, do đó, kết quả từ bảng hỏi này được xử lý bằng những phép toán thống kê đơn giản trong đó chủ yếu là phép tính tỷ lệ % và điểm trung bình.

2.1.2.5. Giai đoạn nghiên cứu trường hợp điển hình

- *Mục đích*: Nhằm làm sáng tỏ biểu hiện TYT về HVPT và HVCHHPT của phạm nhân.

- *Khách thể*: 02 phạm nhân đang CHHPT tại trại giam.

- *Cách tiến hành*: Lựa chọn 01 phạm nhân có tiền sử nghiện ma túy và 01 phạm nhân chưa có tiền sử nghiện ma túy để nghiên cứu làm rõ TYT về HVPT và HVCHHPT của phạm nhân qua TNT, TĐG của họ về HVPT và HVCHHPT, khả năng tự điều chỉnh HVCHHPT.

2.1.2.6. Giai đoạn viết báo cáo kết quả nghiên cứu

Trong giai đoạn này, chúng tôi hoàn thiện các nội dung của cơ sở lý luận, phân tích các số liệu về kết quả nghiên cứu thực tiễn, viết kết luận và kiến nghị.

2.2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.2.1. Phương pháp nghiên cứu văn bản tài liệu

- *Mục đích sử dụng*: Nhằm xây dựng cơ sở lý luận cho luận án, hình thành cơ sở để xây dựng công cụ nghiên cứu thực tiễn.

- *Nội dung*: Hệ thống các quan điểm, lý thuyết và những công trình nghiên cứu của tác giả trong và ngoài nước về các vấn đề liên quan đến đề tài.

- *Cách thức tiến hành*: Phân tích, tổng hợp, hệ thống hóa và khái quát hóa các vấn đề lý luận liên quan đến TYT nói chung và TYT về HVPT và HVCHHPT các

tội về ma túy để xây dựng các khái niệm công cụ, các nội dung tâm lý của đề tài, xây dựng khung cơ sở lý luận, hình thành ý tưởng xây dựng công cụ nghiên cứu thực tiễn TYT của PN về HVPT và HVCHHPT.

2.2.2. Phương pháp chuyên gia

- *Mục tích nghiên cứu:* Nhằm tiếp thu những ý kiến đóng góp của các chuyên gia tâm lý và các cán bộ chuyên môn có kinh nghiệm trong lĩnh vực quản lý giáo dục phạm nhân về tự ý thức nói chung và TYT của phạm nhân phạm các tội về ma túy.

- *Cách thức tiến hành:* Mời một số chuyên gia tâm lý tham gia hội đồng tư vấn đề cương tự ý thức về HVPT và HVCHHPT của phạm nhân phạm các tội về ma túy. Phát phiếu thăm dò 40 quân giáo có thâm niên nghề từ 5 năm trở lên ở 4 trại giam (phụ lục 1), phỏng vấn 10 quân giáo về vấn đề TYT về HVPT và HVCHHPT của phạm nhân phạm các tội ma túy.

2.2.3. Phương pháp điều tra bằng bảng hỏi

- *Mục đích:* Đây là phương pháp chính của đề tài, nhằm tìm hiểu các vấn đề:

+ Thực trạng TYT về HVPT và HVCHHPT của phạm nhân phạm các tội về ma túy, gồm TYT, TĐG và tự điều chỉnh bản thân

+ Các yếu tố ảnh hưởng đến TYT của họ.

- *Cách tiến hành:* Chúng tôi sử dụng 2 loại bảng hỏi (bảng hỏi dành cho phạm nhân và bảng hỏi dành cho cán bộ trại giam).

- *Nội dung:* Bảng hỏi dành cho phạm nhân bao gồm 3 phần:

Phần thứ nhất: Chủ yếu gồm các câu hỏi có thang đo theo 4 mức ý kiến, tương ứng với 4 mức điểm:

+ Hoàn toàn sai, tức hoàn toàn không đồng ý với nhận định được đưa ra, tương ứng với 1 điểm

+ Sai nhiều hơn đúng, tức về cơ bản không đồng ý với nhận định được đưa ra - 2 điểm

+ Đúng nhiều hơn sai, về cơ bản đồng ý với nhận định - 3 điểm

+ Hoàn toàn đúng, hoàn toàn đồng ý với nhận định - 4 điểm

Kết quả ĐTB từng câu và ĐTB các yếu tố được xem xét theo 3 mức dựa trên ĐTB của thang đo (2,97) và ĐLC là 0,29. ĐTB chia 3 mức:

Mức 1 (mức thấp): $1 \leq \text{ĐTB} < 2,68$

Mức 2 (mức trung bình): $2,68 \leq \text{ĐTB} < 3,26$

Mức 3 (mức cao): $3,26 \leq \text{ĐTB} \leq 4$

Ở nội dung "TNT của phạm nhân về HVPT và hành vi HVCHHPT":

TNT ở mức thấp nghĩa là: Phạm nhân hầu như không biết nguyên nhân nào đưa họ đến HVPT, cho rằng HVPT của họ hầu như không gây hậu quả cho bất cứ ai, rằng HVPT của họ là không vi phạm pháp luật hình sự. Họ cho rằng hình phạt tù là không đáng có với họ, nhận thức tiêu cực về hoạt động lao động, về nội quy kỷ luật trại giam và cho rằng việc đấu tranh với những biểu hiện tiêu cực trong trại giam không phải là nghĩa vụ và trách nhiệm của họ.

TNT ở mức trung bình nghĩa là: họ chưa nhận thức rõ nguyên nhân, hậu quả của HVPT về ma túy, chưa TNT rõ HVPT ma túy là vi phạm pháp luật hình sự. Nhận thức về hình phạt tù là chưa thật phù hợp với bản thân, nhận thức chưa tích cực về hoạt động lao động, về nội quy kỷ luật trại giam và chưa nhận thức rõ việc đấu tranh với những biểu hiện tiêu cực trong trại giam là nghĩa vụ và trách nhiệm của họ.

TNT ở mức cao nghĩa là: những phạm nhân nhận thức rõ nguyên nhân, hậu quả của HVPT về ma túy. Nhận thức hành vi về ma túy của bản thân là hành vi vi phạm pháp luật hình sự. Nhận thức về hình phạt tù là phù hợp với bản thân, nhận thức tích cực về hoạt động lao động, về nội quy kỷ luật trại giam và nhận thức rõ việc đấu tranh với những biểu hiện tiêu cực trong trại giam là nghĩa vụ và trách nhiệm của họ.

Ở nội dung "TĐG của phạm nhân về HVPT và HVCHHPT".

TĐG ở mức thấp - TĐG HVPT là vô ý, và không đáng bị xử lý bằng hình phạt tù. Những phạm nhân này tỏ thái độ chưa ăn năn, hối hận với HVPT của bản thân, có thái độ tiêu cực với HVCHHPT (có thái độ chống đối lao động, không chịu chấp hành nội quy-kỷ luật và tỏ thái độ đồng tình với các biểu hiện tiêu cực của phạm nhân khác).

TĐG ở trung bình - TĐG không dứt khoát về HVPT của mình, không cho là cố ý hay vô ý, không cho là nó đáng hay không đáng bị xử lý bằng hình phạt tù. Những phạm nhân này tỏ thái độ chưa thật sự ăn năn, hối hận với HVPT của bản thân, có thái độ chưa thật sự tích cực với HVCHHPT (lao động, chấp hành nội quy-kỷ luật và tỏ thái độ không khoan nhượng với các biểu hiện tiêu cực của phạm nhân khác).

TĐG ở mức cao - tích cực phê phán HVPT của bản thân, TĐG HVPT của họ là cố ý và đáng bị xử lý bằng hình phạt tù. Những phạm nhân này tỏ thái độ rất ăn năn, hối hận với HVPT của bản thân, có thái độ tích cực với HVCHHPT (lao động, chấp hành nội quy-kỷ luật và tỏ thái độ không khoan nhượng với các biểu hiện tiêu cực của phạm nhân khác).

Ở nội dung "Tự điều chỉnh của PN về HVCHHPT":

Tự điều chỉnh HVCHHPT ở mức thấp: Những PN không tự điều chỉnh HVCHHPT theo quy định của trại giam. Không hoàn thành đủ ngày công lao động, không hoàn thành định lượng mức khoán, có hành vi không tuân thủ nội quy - kỷ luật trại giam, xúi giục phạm nhân khác vi phạm nội quy, kỷ luật trại giam.

Tự điều chỉnh HVCHHPT ở mức trung bình: Những PN điều chỉnh HVCHHPT một cách thụ động. Hoàn thành đủ ngày công lao động, hoàn thành định lượng mức khoán, tuân thủ chấp hành nội quy – kỷ luật trại giam nhưng thờ ơ với biểu hiện tiêu cực của phạm nhân khác.

Tự điều chỉnh HVCHHPT ở mức cao: Những phạm nhân điều chỉnh HVCHHPT một cách tự giác, chủ động. Chấp hành tích cực lao động (hoàn thành đủ ngày công lao động, hoàn thành vượt định lượng mức khoán và có chất lượng), tuân thủ chấp hành nội quy - kỷ luật trại giam, luôn luôn đấu tranh với những biểu hiện tiêu cực trong trại giam.

Phần thứ hai. Yếu tố ảnh hưởng đến TYT của PN về HVPT và HVCHHPT

ĐTB của thang đo là 2,35 và DLC là 0,17. ĐTB chia làm 3 mức:

Mức 1 (mức thấp): $1 \leq \text{ĐTB} < 2,18$

Mức 2 (mức trung bình): $2,18 \leq \text{ĐTB} < 2,52$

Mức 3 (mức cao): $2,52 \leq \text{ĐTB} \leq 4$

Ở nội dung "Niềm tin của phạm nhân vào tương lai":

Mức 1 (mức thấp) là những phạm nhân không tin tưởng bản thân sẽ có việc làm, có gia đình ổn định và mất niềm tin rằng sẽ lấy lại được uy tín, danh dự của mình trong tương lai.

Mức 2 (trung bình) là những phạm nhân ít tin tưởng vào bản thân tương lai (sẽ có công việc ổn định, có gia đình hạnh phúc, tin sẽ lấy lại được uy tín, danh dự của mình với mọi người)

Mức 3 (mức cao) là những phạm nhân tin vào tương lai của mình có một gia đình hạnh phúc, có việc làm ổn định, tin sẽ lấy lại được uy tín, danh dự của bản thân. Tin tưởng vào sự khoan hồng của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

Ở nội dung "Mối quan hệ giữa phạm nhân với phạm nhân":

Mức 1 (mức thấp) là những PN đánh giá PN khác không có ảnh hưởng đến TYT về HVPT và HVCHHPT của họ.

Mức 2 (trung bình) là những PN đánh giá PN khác ít có sự ảnh hưởng đến TYT về HVPT và HVCHHPT của họ.

Mức 3 (mức cao) là những PN đánh giá PN khác có ảnh hưởng nhiều đến TYT về HVPT và chấp hành hình phạt tù của họ.

Ở nội dung "Mối quan hệ giữa phạm nhân với gia đình":

Mức 1 (mức thấp) là những phạm nhân đánh giá gia đình không có ảnh hưởng đến TYT về HVPT và HVCHHPT của họ.

Mức 2 (trung bình) là những PN đánh giá gia đình ít có ảnh hưởng đến TYT về HVPT và HVCHHPT của họ.

Mức 3 (mức cao) là những phạm nhân đánh giá gia đình có ảnh hưởng nhiều đến TYT về HVPT và HVCHHPT của họ.

Ở nội dung "Mối quan hệ giữa phạm nhân với cán bộ trại giam":

Mức 1 (mức thấp) là những PN đánh giá cán bộ không có ảnh hưởng đến TYT về HVPT và HVCHHPT của họ.

Mức 2 (trung bình) là những PN đánh giá cán bộ trại giam ít có ảnh hưởng đến TYT về HVPT và HVCHHPT của họ.

Mức 3 (mức cao) là những PN đánh giá cán bộ trại giam có ảnh hưởng nhiều đến TYT về HVPT và chấp hành hình phạt tù của họ.

Phần hai là phần “Hoàn thiện câu” tức bảng hỏi gồm những câu chưa hoàn thiện câu (phụ lục 1.3) với yêu cầu khách thể phải hoàn thiện câu theo ý của họ. Phần này cũng nhằm khảo sát TYT về HVPT và HVCHHPT và tìm hiểu một số yếu tố ảnh hưởng đến TYT của PN về HVPT và HVCHHPT. Những thông tin thu được từ phần này nhằm hỗ trợ thêm cho kết quả thu được từ phần thứ nhất.

Phần này gồm 40 câu chưa hoàn thiện, nhằm làm rõ thêm về các nội dung được thể hiện ở bảng 2.5.

Bảng 2.7. Cấu trúc của bảng hỏi hoàn thiện câu dành cho phạm nhân

Câu hỏi hoàn thiện câu	Các câu	Tổng
TNT về HVPT và HVCHHPT	1, 2, 3, 4, 5, 25, 8, 26, 27, 28, 34	11
TĐG về HVPT và HVCHHPT	6, 11, 12, 13, 22	5
Tự điều chỉnh HVCHHPT	7, 9, 14, 15, 29, 30, 33	7
Một số yếu tố tác động (niềm tin, phạm nhân, gia đình, cán bộ trại giam)	18, 19, 24, 21, 23, 16, 17, 32, 35, 36, 37, 31, 10, 20, 38, 39, 40	17
Tổng		40

- Nội dung: Bảng hỏi dành cho cán bộ trại giam gồm 12 câu hỏi mở.

- Câu 1, 2, 3: về nguyên nhân dẫn tới HVPT, hậu quả của HVPT về ma túy của phạm nhân CHHPT các tội về ma túy.

- Câu 4: về TĐG của PN liên quan đến HVPT của họ (vô ý hay cố ý, mức án mà tòa đã tuyên với họ).

- Câu 5: về thái độ của phạm nhân về HVPT của họ. Thái độ đối với HVPT của phạm nhân chấp hành hình phạt tù các tội về ma túy có gì khác với thái độ của phạm nhân chấp hành hình phạt tù các tội khác.

- Câu 6, 9: về yếu tố tác động đến HVCHHPT của phạm nhân (tác động giữa phạm nhân với phạm nhân, gia đình với phạm nhân, cán bộ trại giam tới phạm nhân).

- Câu 7: về những lỗi mà phạm nhân chấp hành hình phạt tù các tội về ma túy thường vi phạm. Nguyên nhân của sự vi phạm đó.

- Câu 8, 12: về những biện pháp cụ thể tác động đến PN CHHPT các tội về ma túy. Từ đó giúp họ nhận ra được lỗi lầm và chấp hành đúng nội quy, kỷ luật trại giam.

- Câu 10: về diễn biến tâm lý của phạm nhân chấp hành hình phạt tù các tội về ma túy so với diễn biến tâm lý của các phạm nhân chấp hành hình phạt tù các tội khác (giết người, cướp giết tài sản, hiếp dâm...).

Câu 11: về niềm tin của PN vào tương lai có ảnh hưởng như thế nào tới HVCHHPT tại trại giam của họ.

2.2.4. Phương pháp quan sát

- *Mục đích*: Thu thập thông tin từ việc trực tiếp quan sát một cách có mục tiêu, có kế hoạch hành vi của phạm nhân trong học tập, lao động và các hoạt động khác nhằm hỗ trợ cho phương pháp điều tra bằng bảng hỏi.

- *Cách tiến hành*: Trong quá trình thực hiện đề tài, chúng tôi đã quan sát hành vi của phạm nhân trong những hoạt động sau:

+ Trong lao động: chúng tôi quan sát 10 buổi lao động của 10 đội phạm nhân: 1 đội làm mi mắt; 2 đội khâu bóng; 2 đội may; 2 đội làm vàng mã xuất khẩu; 1 đội điêu khắc (tạc tượng đá); 1 đội làm đồ mộc và 1 đội làm nông nghiệp. Chúng tôi quan sát phạm nhân khi đang lao động và khi nghỉ giải lao. Kết quả quan sát được ghi vào biên bản quan sát.

Chúng tôi tập trung vào các dấu hiệu xoay quanh các biểu hiện của HVCHHPT, cụ thể là:

* Hành vi chấp hành lao động (tích cực, không tích cực, sản phẩm được tạo ra như thế nào, có đạt mục đích, có hoàn thành công việc, có đáp ứng yêu cầu hay không...).

* Hành vi chấp hành nội quy, kỷ luật trại giam (các thành viên chấp hành kỷ luật thế nào, có nề nếp, trật tự hay lộn xộn...).

* Hành vi đấu tranh với các biểu hiện tiêu cực (khi phát hiện các hành vi tiêu cực trong lao động, mâu thuẫn giữa các phạm nhân cùng đội, phạm nhân có báo với cán bộ hay không?)

* Hành vi phối hợp giữa các PN trong hoạt động: có sự phối hợp giữa các thành viên trong đội không, nếu có thì nhịp nhàng hay không...;

Ngoài ra, việc quan sát cũng được chúng tôi thực hiện khi phỏng vấn hay tiếp xúc trực tiếp với phạm nhân.

+ Trong hoạt động học tập ở trại: Chúng tôi cùng tham gia 4 lớp học dành cho phạm nhân mới nhập trại (Giáo dục đạo đức, giáo dục pháp luật, giáo dục kỹ năng sống, học về nội quy, kỷ luật trại giam).

2.2.5. Phương pháp phỏng vấn sâu

- *Mục đích:* Nhằm thu thập thông tin ở 20 phạm nhân và 10 quản giáo nhằm bổ sung, làm rõ và kiểm tra những thông tin đã thu được từ phương pháp nghiên cứu định lượng.

- *Cách tiến hành:* trước khi phỏng vấn sâu, chúng tôi đã xây dựng đề cương sơ bộ cho những nội dung cần tìm hiểu

Phỏng vấn được tiến hành trong giai đoạn xây dựng công cụ nghiên cứu, trong khi điều tra chính thức và trong giai đoạn phân tích số liệu.

Để đảm bảo độ tin cậy của thông tin thu được trong phỏng vấn, chúng tôi tuân thủ chặt chẽ những nguyên tắc sau:

- Nghiên cứu hồ sơ và gặp gỡ quản giáo để tìm hiểu về phạm nhân trước khi tiếp cận phỏng vấn riêng từng phạm nhân. Các buổi phỏng vấn được tiến hành tại phòng làm việc của quản giáo, phòng giáo dục phạm nhân, phòng làm việc của trình sát. Khi phỏng vấn chỉ có mặt phạm nhân và người phỏng vấn.

- Quy trình phỏng vấn chúng tôi làm việc theo 3 bước: bước 1 làm quen, giới thiệu, thăm hỏi phạm nhân về sức khỏe, về gia đình, về sở thích của phạm nhân tạo không khí cởi mở và sẵn sàng chia sẻ thông tin về cuộc đời. Bước 2 nói về mục đích buổi phỏng vấn, khi phạm nhân thấy sẵn sàng chia sẻ thông tin thì mới bắt đầu phỏng vấn, nếu phạm nhân thấy chưa tin tưởng người phỏng vấn thì chưa phỏng vấn; bước 3 chúng tôi ghi lại mong muốn, nguyện vọng của phạm nhân, tặng quà cho phạm nhân và hẹn gặp phạm nhân vào những buổi khác (với những phạm nhân hoàn cảnh phức tạp và chưa bộc lộ hết HVPT của họ).

- Ưu tiên sử dụng câu hỏi mở. Trong khi phỏng vấn, chúng tôi cố gắng sử dụng câu hỏi mở, như: Anh (chị) chia sẻ với tôi về nguyên nhân dẫn tới bản thân anh (chị) lại phạm tội về ma túy? Theo anh (chị) thì HVPT về ma túy của mình là vô ý hay cố ý? Anh (chị) hãy chia sẻ cho tôi về thời gian chấp hành cải tạo của anh (chị) trong thời gian vừa qua?...

- Chọn khách thể phỏng vấn: chúng tôi chọn khách thể phỏng vấn từ mẫu nghiên cứu có chú ý đến tỷ lệ nam nữ và phạm nhân tích cực, phạm nhân chưa tích cực chấp hành lao động, chấp hành nội quy, kỷ luật của trại giam (theo kết quả lưu trong hồ sơ phạm nhân và qua phản ánh của cán bộ quản giáo, cán bộ giáo dục, cán bộ trình sát).

Chúng tôi cùng cán bộ quản giáo và cán bộ trình sát gặp gỡ phạm nhân làm công tác tư tưởng cho họ. Yêu cầu phạm nhân viết về lịch sử cuộc đời từ khi họ sinh ra lớn lên đi học và con đường dẫn tới HVPT của họ. Quá trình bị bắt và bị tạm giam, quá trình tòa xét xử và họ đi chấp hành án tại trại giam. Suy nghĩ của họ khi mới vào trại giam, khi mới đi lao động và từ đó đến nay. Với phạm nhân có hành vi vi phạm nội quy, kỷ luật trại giam chúng tôi cũng yêu cầu họ viết rõ nguyên nhân dẫn tới hành vi vi phạm nội quy trại giam, suy nghĩ của họ khi bị xử lý kỷ luật tại trại giam. Mối quan hệ giữa các đồng phạm với nhau, giữa họ với gia đình, giữa phạm nhân với cán bộ trại giam. Họ sẽ làm gì khi chấp hành xong hình phạt tù, tương lai của họ như thế nào?. Qua mỗi bài viết về lịch sử cuộc đời cho chúng tôi thu thập chân dung về một phạm nhân chấp hành hình phạt tù các tội về ma túy: Con đường dẫn tới họ có hành vi lệch chuẩn và HVPT, TNT của họ về HVPT của mình, thái độ đối với HVPT. Biểu hiện của HVCHHPT, niềm tin của họ vào tương lai và sự tác động từ yếu tố phạm nhân, gia đình, cán bộ trại giam tới họ.

2.2.6. Phương pháp nghiên cứu qua lịch sử cuộc đời

- *Mục đích*: Qua bản tự viết về chính cuộc đời PN để rút ra TYT của họ về HVPT và HVCHHPT.

- *Khách thể*: 20 phạm nhân CHHPT các tội về ma túy khác nhau.

- *Cách tiến hành*: Gồm các bước sau:

+ Bước 1: Nghiên cứu hồ sơ để nắm bắt những thông tin về phạm nhân.

+ Bước 2: Gặp gỡ cán bộ quản giáo để xin trực tiếp gặp phạm nhân và làm quen, nói rõ cho họ yêu cầu họ viết về chính cuộc đời của mình từ nhỏ đến thời điểm hiện tại. Thời gian 2 ngày, và không giới hạn về số trang viết.

+ Bước 3: Sau khi PN đã nắm rõ cách viết về lịch sử cuộc đời, xin phép quản giáo cho họ nghỉ 2 ngày lao động để viết về cuộc đời của mình.

+ Bước 4: Thu thập từng bản viết từng cá nhân và nghiên cứu làm tài liệu định tính minh họa cho số liệu định lượng.

2.2.7. Phương pháp phân tích trường hợp điển hình

a. Mục đích: Nghiên cứu và lý giải tỉ mỉ hơn những nội dung cơ bản của đề tài như: Biểu hiện TYT của phạm nhân thể hiện qua TNT, TĐG về HVPT và HVCHHPT thể hiện và tự điều chỉnh HVCHHPT. Các yếu tố ảnh hưởng đến TYT của phạm nhân về HVPT và HVCHHPT.

b. Phương pháp: Phương pháp phỏng vấn trực tiếp

** Lựa chọn khách thể được phỏng vấn:* 02 phạm nhân

Ngoài phỏng vấn trực tiếp phạm nhân, chúng tôi còn lấy thêm thông tin bổ sung và kiểm chứng từ cán bộ quản giáo là người trực tiếp quản lý, giáo dục phạm nhân. Để có nguồn thông tin đa dạng chúng tôi lựa chọn mỗi phạm nhân có hành vi phạm tội khác nhau, kết quả CHHPT không như nhau.

Trường hợp thứ nhất: Phạm Hồng N, sinh năm 1980, học vấn 7/12, sinh năm 1980, đang chấp hành hình phạt tù tại trại giam Ngọc Lý - Bắc Giang. Ngày bắt 4/4/2008, ngày đến trại: 9/9/2008. Thời hạn phạt tù: 12 năm về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Sức khỏe: Không bệnh tật. N là người nghiện ma túy và thường mua ma túy về bán lại cho các đối tượng nghiện khác để kiếm lời.

Có biểu hiện TYT biểu hiện ở TNT về HVPT và HVCHHPT ở mức trung bình. TĐG về HVPT và HVCHHPT ở mức thấp. Khả năng tự điều chỉnh HVCHHPT ở mức thấp. Bản thân mất niềm tin vào tương lai, dễ bị lôi kéo bởi các phạm nhân khác. Đánh giá gia đình ít có ảnh hưởng đến TYT về HVPT và HVCHHPT của N nhưng cán bộ trại giam có ảnh hưởng nhiều đến TYT về HVPT và HVCHHPT của N.

Trường hợp thứ hai: Trần Xuân H, sinh năm: 1954, bị bắt ngày: 25/2/2009, Án phạt: 15 năm tù về tội “Mua bán trái phép ma túy” và “Chứa chấp sử dụng trái phép ma túy”. Hiện đang chấp hành án trại giam Ngọc Lý - Bắc Giang. Không có tiền sử nghiện ma túy.

TYT biểu hiện ở TNT về HVPT và HVCHHPT ở mức cao. TĐG về HVPT và HVCHHPT ở mức cao. Khả năng tự điều chỉnh HVCHHPT ở mức trung bình. Bản thân chưa thực sự tin tưởng vào tương lai, ít bị ảnh hưởng bởi các PN khác. Gia đình và cán bộ trại giam có ảnh hưởng nhiều đến TYT về HVPT và HVCHHPT của H.

Việc phân tích tâm lý được tiến hành với từng trường hợp nhằm khảo sát những biểu hiện về TYT của PN biểu hiện quan TNT, TĐG HVPT và HVCHHPT và tự điều chỉnh HVCHHPT của họ. Những yếu tố ảnh hưởng đến TYT của PN về HVPT và HVCHHPT.

** Nguyên tắc phỏng vấn:*

- Nguyên tắc 1: Thiết lập mối quan hệ để phạm nhân tin tưởng rằng người phỏng vấn không làm gì phương hại đến mọi lợi ích của họ. Họ còn được trừ mức khoán lao động những buổi phỏng vấn. Ngoài ra người phỏng vấn sẽ có nhận xét từng buổi phỏng vấn và có đề xuất với cán bộ quản giáo đội để đánh giá xếp loại vào thi đua của tháng.

- Nguyên tắc 2: Dùng câu hỏi mang tính gợi mở để PN chia sẻ với người phỏng vấn về cuộc đời của họ từ lúc sinh ra và lớn lên. Những bước ngoặt trong cuộc đời được người phỏng vấn khéo léo tìm hiểu sâu hơn bởi những câu hỏi “*Ý anh/chị muốn nói thời gian đó...*”, “*Tôi rất chia sẻ với anh/chị vào lúc đó...*”, “*Anh/chị có thể chia sẻ rõ hơn với tôi về.....*”, “*Anh/chị đang muốn nói rằng...*”, “*Ý anh/chị là...*”. Chú trọng đặt những câu hỏi sâu từ khi khách thể đi con đường dẫn tới hành vi phạm tội đến thời điểm hiện tại.

* Nội dung phỏng vấn: Nội dung phỏng vấn tập trung vào tìm hiểu biểu hiện của TYT của PN về HVPT và HVCHHPT, các yếu tố ảnh hưởng. Tuy nhiên, các câu hỏi cụ thể được đưa ra linh hoạt do đặc điểm, tính cách, thói quen, lứa tuổi, hành vi phạm tội cụ thể của các khách thể không hoàn toàn giống nhau. (Phụ lục 5).

TIỂU KẾT CHƯƠNG 2

Nghiên cứu của chúng tôi được thực hiện theo một quy trình chặt chẽ và có sự phối hợp nhiều phương pháp khác nhau nhằm bổ sung cho nhau hướng tới giải quyết những nhiệm vụ chung của luận án nhằm đạt được mục đích luận án đã đề ra. Phương pháp điều tra bằng bảng hỏi cá nhân; phương pháp phỏng vấn sâu; phương pháp quan sát; phương pháp chuyên gia; phương pháp tham vấn cá nhân. Số liệu thu được chúng tôi xử lý theo phương pháp định lượng kết hợp với phương pháp định tính nhằm thu được kết quả một cách tin cậy, khách quan, có giá trị về mặt khoa học. Kết quả điều tra trên mẫu được kiểm chứng qua một số trường hợp nghiên cứu chân dung tâm lý điển hình, qua phỏng vấn sâu, qua tham vấn tâm lý. Tất cả tổng hợp các phương pháp trên chúng tôi thu được kết quả nghiên cứu một cách khách quan và khoa học.

CHƯƠNG 3

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU TỰ Ý THỨC VỀ HÀNH VI PHẠM TỘI VÀ HÀNH VI CHẤP HÀNH HÌNH PHẠT TÙ CỦA PHẠM NHÂN

Kết quả nghiên cứu thực tiễn của chúng tôi được trình bày theo các nội dung:

- *Thứ nhất*, thực trạng TYT của phạm nhân chấp hành hình phạt tù các tội về ma túy thể hiện qua: TNT về HVPT và HVCHHPT của phạm nhân; tự đánh giá HVPT và HVCHHPT; tự điều chỉnh hành vi thông qua HVCHHPT.

- *Thứ hai*, một số yếu tố ảnh hưởng đến TYT về HVPT và HVCHHPT của phạm nhân: niềm tin của phạm nhân vào tương lai; quan hệ giữa phạm nhân với phạm nhân; quan hệ giữa phạm nhân với gia đình và quan hệ giữa phạm nhân với cán bộ trại giam. Ở đây chúng tôi phân tích vai trò của từng yếu tố đối với TYT về HVPT và HVCHHPT nhằm xác định mức độ ảnh hưởng của chúng.

- *Thứ ba*, phân tích 02 trường hợp điển hình nhằm làm rõ thực trạng TYT về HVPT và HVCHHPT, một số yếu tố ảnh hưởng đến TYT về HVPT và HVCHHPT của phạm nhân.

3.1. THỰC TRẠNG TỰ Ý THỨC VỀ HÀNH VI PHẠM TỘI VÀ HÀNH VI CHẤP HÀNH HÌNH PHẠT TÙ CỦA PHẠM NHÂN PHẠM CÁC TỘI VỀ MA TÚY

3.1.1. Thực trạng tự ý thức của phạm nhân thể hiện qua tự nhận thức về hành vi phạm tội và hành vi chấp hành hình phạt tù

3.1.1.1. Tự ý thức của phạm nhân thể hiện qua tự nhận thức về hành vi phạm tội

TNT về HVPT của phạm nhân phạm các tội về MT được thể hiện ở nhiều khía cạnh khác nhau, nhưng với khuôn khổ luận án của mình chúng tôi chỉ tìm hiểu: TNT về nguyên nhân, về hậu quả của HVPT về ma túy; và TNT rằng HVPT của họ có vi phạm pháp luật hình sự không.

Bảng 3.1. Tự ý thức thể hiện qua TNT về HVPT (theo ĐTB)

TT	Các nội dung của TNT	Mức độ	ĐTB	ĐLC
1	TNT về nguyên nhân dẫn tới bản thân phạm tội ma túy	2	3,11	0,52
2	TNT về hậu quả của HVPT ma túy	3	3,39	0,59
3	TNT HVPT có hay không vi phạm pháp luật hình sự	3	3,62	0,39
4	Chung		3,39	0,29

Ghi chú: Điểm trung bình càng cao thì TNT của phạm nhân càng tốt và ngược lại.

Số liệu ở bảng 3.1 cho thấy, phạm nhân tự nhận thức rõ về hành vi phạm tội của mình (ĐTB=3,39). Cụ thể, phạm nhân tự nhận thức về hành vi phạm tội là có

vi phạm pháp luật hình sự và hậu quả của HVPT và (ĐTB=3,62 và ĐTB =3,39). Tuy nhiên, phạm nhân nhận thức về nguyên nhân dẫn tới HVPT chưa rõ ràng (ĐTB=3,11). Tự nhận thức về hành vi phạm tội của phạm nhân được thể hiện cụ thể như sau:

a. Tự nhận thức của phạm nhân về nguyên nhân dẫn tới hành vi phạm tội

Bảng số liệu 3.2 cho biết, tự nhận thức về nguyên nhân dẫn tới HVPT của phạm nhân chưa sâu sắc (ĐTB=3,11). Nam phạm nhân H.V.T cho biết “Đến giờ tôi cũng không hiểu tại sao tôi lại đi vào con đường phạm tội về ma túy, mặc dù tôi biết nếu đi vào con đường mua bán ma túy thì trước sau cũng không thoát được cảnh đi tù” (H.V.T án 20 năm, tội “mua bán TPCMT”, CHA tại trại giam Tân Lập).

Bảng 3.2. TNT của phạm nhân về nguyên nhân dẫn tới HVPT

(Theo điểm trung bình)

STT	TNT về nguyên nhân dẫn tới bản thân phạm tội	ĐTB	ĐLC
1	Nếu tôi vững vàng và kiên định, tôi không bị lôi kéo vào con đường phạm tội ma túy	3,07	0,80
2	Nếu gia đình tôi gần gũi, quan tâm đến tôi, tôi không trở thành phạm nhân như hiện nay	3,06	0,80
3	Nếu tôi không tình cờ biết rằng buôn bán, vận chuyển ma túy là cách kiếm tiền dễ dàng thì tôi không phạm tội như bây giờ	3,10	0,58
4	Nếu tôi biết trước quy định của pháp luật về hình phạt dành cho người phạm tội ma túy thì tôi không bị phạm tội như hiện nay	3,11	0,72
5	Nếu tôi có nghề nghiệp, việc làm ổn định, tôi không rơi vào con đường phạm tội như bây giờ	3,24	0,73
6	Nếu tôi chịu nghe lời khuyên ngăn của người thân, tôi không bị tù tội như bây giờ	3,11	0,57
	Điểm trung bình	3,11	0,52

Ghi chú: Điểm trung bình càng cao thì TNT của phạm nhân càng tốt và ngược lại.

Chúng tôi tìm hiểu nguyên nhân bên ngoài: bạn bè, gia đình, xã hội và nguyên nhân bên trong từ chính nội lực của bản thân (ý chí, nghị lực, khả năng tự kiểm chế của chính bản thân). Kết quả 93,1% khách thể cho rằng nguyên nhân bản thân phạm tội là do họ bỏ học sớm rồi theo bạn bè lêu lổng và dần dần nghiện ma túy và phạm tội. Nữ PN chia sẻ “Giờ ngồi trong này nghĩ lại tôi thấy cũng vì tôi bỏ học sớm khi học hết lớp 8, từ đó nghĩ ra nhiều thú ăn chơi và dẫn đến mắc nghiện ma túy. Để có tiền tiêu tôi đã mua ma túy và chia nhỏ để bán lấy lợi nhuận” (Nguyễn Thị H, sinh năm 1986, trình độ 8/12, án phạt 52 tháng về tội "TTTPCMT", CHHPT tại trại giam Phú Sơn 4). Có tới 72,7% số khách thể nhận thức do bản thân “Không vững vàng và kiên định và bị lôi kéo vào con đường nghiện ma túy rồi dẫn tới phạm

tội về ma túy". Phạm nhân H chia sẻ “*Người bạn thân của tôi từ nhỏ đi học nghề trên tỉnh và về nghỉ tết, chúng rôi rủ nhau đi chơi rôi trong nhóm có một bạn mới quen rủ thử ma túy để thấy cảm giác như thế nào. Tôi vì tính sĩ diện với bạn bè, không kiên định tư tưởng. Bản thân nghĩ rằng thử một lần cho biết rồi bỏ, rồi có lần một thì tất yếu sẽ có lần thứ hai, khi đã nghiện ma túy thì không trước thì sau sẽ dẫn tới con đường phạm tội chỉ là thời gian ma thôi*” (N.K.H án 11 năm về tội MBTCMT, CHA trại giam Tân Lập). Kết quả cho thấy nhóm nguyên nhân được lựa chọn nhiều nhất tập trung vào nhóm nguyên nhân bên ngoài (không có nghề nghiệp, việc làm ổn định; kiếm tiền dễ dàng) hơn nhóm những nguyên nhân bên trong (bản thân không vững vàng; chưa có lập trường kiên định; không làm chủ được bản thân). Cả nhóm nguyên nhân bên trong và bên ngoài đều có mối liên hệ chặt chẽ, nhất quán với nhau. Những khách thể ban đầu bỏ học sớm, không có nghề nghiệp, không có việc làm ổn định dẫn tới cuộc sống khó khăn (trong số khách thể được nghiên cứu có 54% không có nghề nghiệp và 14,5% nghề không ổn định) nên khi có cơ hội tiếp cận với những hình thức kiếm tiền nhanh và tưởng như dễ dàng (mua bán, vận chuyển ma túy) cộng với sự không vững vàng, kiên định dẫn tới họ khó từ chối được sức hấp dẫn của thú vui, lợi nhuận từ việc mua bán ma túy đem lại. Sự kết hợp của những yếu tố bên trong và bên ngoài là “hoàn cảnh thuận lợi” đưa đẩy họ đến với hành vi phạm tội ma túy.

Kết quả trả lời câu hỏi mở “*Theo anh/chị thì nguyên nhân nào dẫn tới anh/chị thực hiện hành vi phạm tội về ma túy?*” cho thấy: có tới 8 nhóm nguyên nhân khác nhau dẫn đến hành vi phạm tội ma túy và có sự khác biệt rõ rệt trong tự nhận thức về hiểu biết nguyên nhân dẫn tới hành vi phạm tội về ma túy giữa nam phạm nhân và nữ phạm nhân (bảng 3.3). Xét trên toàn mẫu nghiên cứu, số phạm nhân tự nhận thức rằng: không có nghề nghiệp, không có việc làm ổn định/ hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn là yếu tố đưa đẩy họ đến phạm tội ma túy chiếm tỷ lệ lớn nhất. Phạm nhân V.V.Đ chia sẻ “*Hoàn cảnh gia đình tôi rất khó khăn, một mình nuôi sáu miệng ăn, nghề nghiệp thì không ổn định, nay làm thuê cho người này, mai lại đi làm thuê cho người khác. Chính vì không nghề nghiệp mà tôi đã đi vào con đường phạm tội về ma túy*” (Vũ Văn Đ sinh năm 1981, án 7 năm về tội “MBTPCMT”, đang CHA tại trại giam Phú Sơn 4). Tuy nhiên, ít PN lựa chọn nguyên nhân “Do

không làm chủ được bản thân trước cám dỗ của đồng tiền (lợi nhuận cao) /thích làm giàu nhanh” (21,91% số khách thể lựa chọn).

Bảng 3.3. TNT về nguyên nhân dẫn tới HVPT ma túy của bản thân

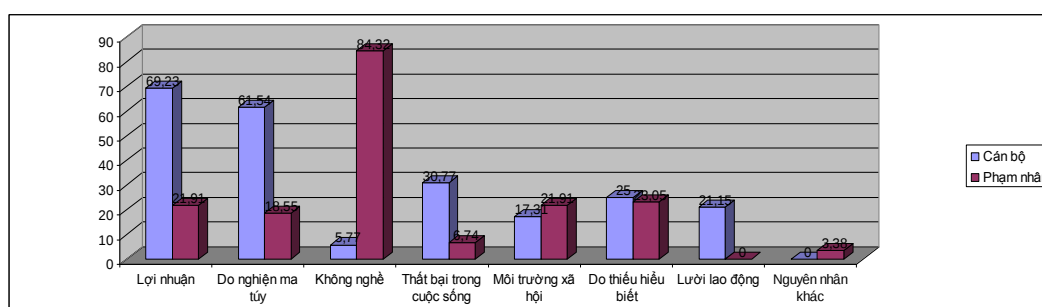
(Xét theo toàn mẫu và theo giới tính từ kết quả câu hỏi mở)

TNT nguyên nhân dẫn tới HVPT của bản thân	Phạm nhân nam		Phạm nhân nữ		Toàn mẫu	
	Phần trăm theo số câu trả lời	Phần trăm theo số người lựa chọn	Phần trăm theo số câu trả lời	Phần trăm theo số người lựa chọn	Phần trăm theo số câu trả lời	Phần trăm theo số người lựa chọn
1. Cần tiền sử dụng ma túy (do bản thân mắc nghiện ma túy)	19,57	36,17	3,03	5,60	9,82	18,55
2. Do bản thân kém hiểu biết về pháp luật/ trình độ học vấn thấp	17,39	32,14	13,64	25,22	12,2	23,05
3. Do không làm chủ được bản thân trước cám dỗ của đồng tiền (lợi nhuận cao) /thích làm giàu nhanh	15,29	28,26	9,1	16,83	11,6	21,91
4. Không có nghề nghiệp/ không có việc làm ổn định/ hoàn cảnh kinh tế của gia đình khó khăn	21,74	40,18	58,54	88,29	44,64	84,32
5. Bị xấu rủ rê/đua đòi dẫn tới nghiện ngập và phạm tội	17,38	32,13	7,58	14,02	11,6	21,91
6. Để quên cảnh buồn chán gia đình	0	0	6,06	11,20	3,57	6,74
7. Do bị bệnh, mua ma túy chữa bệnh	4,35	8,04	0	0	1,79	3,38
8. Nguyên nhân khác (không rõ nguyên nhân, giúp người nghiện)	4,34	8,02	0	0	1,79	3,38

Như vậy, cũng như nghiên cứu định lượng, nghiên cứu định tính cho thấy nguyên nhân bên ngoài có số khách thể lựa chọn nhiều hơn những nguyên nhân xuất phát từ chính ý chí, khả năng làm chủ bản thân. Có kết quả này là do PN mong muốn được sự thông cảm, quan tâm, chia sẻ hơn là sự kỳ thị với họ.

So sánh kết quả thu được từ câu hỏi mở (100 cán bộ công tác tại trại giam): "Từ kinh nghiệm công tác của mình đồng chí cho biết nguyên nhân tâm lý nào dẫn tới một người lại thực hiện hành vi phạm các tội về ma túy" và kết quả câu hỏi mở của phạm nhân (bảng 3.3) chúng tôi có biểu đồ 3.1.

Biểu đồ 3.1. So sánh ý kiến của quản giáo và TNT của phạm nhân



Tỷ lệ phần trăm theo số người lựa chọn thì có sự khác biệt giữa TNT về nguyên nhân dẫn tới HVPT và đánh giá của cán bộ trại giam về nguyên nhân dẫn tới HVPT của nhóm phạm nhân này. Biểu đồ 3.1 cho thấy có tới 84,32% lượt phạm nhân lựa chọn nguyên nhân dẫn tới HVPT về ma túy là *"không có nghề nghiệp ổn định/hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn"* trong khi đó chỉ có 5,77% lượt cán bộ trại giam nhận định điều này. Ở nguyên nhân thu được lợi nhuận cao do ma túy đem lại có 21,91% số lượt phạm nhân lựa chọn trong khi đó có tới 69,23% lượt cán bộ trại giam lựa chọn. Một quản giáo tâm sự *"Theo tôi thì mỗi phạm nhân phạm tội về ma túy có nguyên nhân không hoàn toàn giống nhau, nhưng qua nhiều năm công tác tôi thấy phần lớn một cá nhân dẫn tới HVPT về ma túy là do lợi nhuận ma túy đem lại rất cao cộng với thói ăn chơi, hưởng thụ, họ thường giao du với thành phần xấu và dễ nảy sinh lòng tham muốn làm giàu bằng con đường này"*. (Ng.Đ.T, cán bộ quản giáo Trại Giam Ngọc Lý). Nhận thức về nguyên nhân do bản thân nghiện ma túy thì có 18,55% số phạm nhân lựa chọn trong khi đó có tới 61,54% lượt cán bộ trại giam nhận định điều này. Một cán bộ làm công tác giáo dục chia sẻ *"Nguyên nhân không nhỏ mà nhiều người dẫn tới phạm tội về ma túy là do họ trước đó đã có tiền sử nghiện ma túy, do đó họ mua bán, tổ chức sử dụng, tàng trữ ma túy để phục vụ nhu cầu ma túy cho bản thân"*. *"Số phạm nhân chỉ mua bán ma túy là do kiếm lời từ việc mua bán ma túy (ở Ngọc Vân-Tân Yên-Bắc Giang, số phạm nhân chấp hành hình phạt tù về hành vi mua bán trái phép chất ma túy mà không nghiện họ gọi hành vi này là nghề xóa đói giảm nghèo)"*. (Th.V.H- Cán bộ giáo dục, trại giam Ngọc Lý).

Những cán bộ công tác tại trại giam đánh giá nguyên nhân dẫn tới HVPT về ma túy nghiêng về những nguyên nhân chủ quan (do lợi nhuận ma túy đem lại là rất cao, nguyên nhân do bản thân họ từng nghiện ma túy). Tuy nhiên, về phía phạm nhân họ nhận định nguyên nhân dẫn tới bản thân phạm tội nghiêng về nguyên nhân khách quan hơn chủ quan (không có việc làm, bị bạn bè rủ rê lôi kéo). Như vậy, phạm nhân lựa chọn nhóm nguyên nhân dễ được xã hội chấp nhận hơn là những nguyên nhân đang bị xã hội lên án.

- So sánh TNT về nguyên nhân bản thân thực hiện HVPT về ma túy giữa các nhóm phạm nhân khác nhau.

Có sự khác biệt giữa nam và nữ PN về TNT nguyên nhân dẫn tới HVPT ($p=0,043<0,05$). Sự khác biệt này có ý nghĩa về mặt thống kê. Đối với nữ phạm nhân, yếu tố kinh tế được nhiều người cho rằng đó là nguyên nhân phạm tội của họ. Phạm nhân N.V.L chia sẻ *“Vì không có việc làm, bên cạnh đó do lợi nhuận từ việc mua bán ma túy đem lại quá lớn và tôi biết chỗ để lấy cũng như chỗ để bán, nên tôi đã tự đi mua rồi đi bán lại”* (N.V.L án 8 năm về tội “MBTPCMT”, chấp hành án tại trại giam Ngọc Lý). Cụ thể là phạm nhân nữ cho rằng sự khó khăn của kinh tế gia đình/ không có việc làm/không có nghề nghiệp ổn định là nguyên nhân phạm tội của họ (88,29% số phạm nhân nữ lựa chọn). Bên cạnh đó, sự hấp dẫn không thể chối từ của lợi ích kinh tế từ ma túy, trình độ học vấn thấp và hiểu biết pháp luật không tốt có tỷ lệ nhất định phụ nữ (16,83% và 25,22% số phạm nhân nữ lựa chọn) cho là nguyên nhân dẫn họ đến con đường phạm tội. Những yếu tố khác được rất ít nữ phạm nhân nghĩ đến khi nói về nguyên nhân phạm tội ma túy của họ.

Suy nghĩ và xem xét nguyên nhân phạm tội của mình, nam phạm nhân liên tưởng đến nhiều yếu tố khác nhau hơn nữ phạm nhân. Nguyên nhân đẩy họ đến phạm tội ma túy là do họ không có nghề/ không có việc làm ổn định/ hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn (40,18% số phạm nhân nam lựa chọn); do cần tiền sử dụng ma túy (36,17% số phạm nhân nam lựa chọn); do bị bạn xấu rủ rê/đưa đòi theo bạn và do bản thân kém hiểu biết về pháp luật/ trình độ học vấn thấp (hai nhóm có tỷ lệ như nhau là 32,14% số phạm nhân nam lựa chọn); do không làm chủ được bản thân trước cám dỗ của đồng tiền (lợi nhuận cao)/thích làm giàu nhanh (28,26% số phạm nhân nam lựa chọn) (xem bảng 3.3). Khi trả lời câu hỏi mở về nguyên nhân dẫn tới HVPT, phần lớn phạm nhân lựa chọn nguyên nhân phạm tội của mình rất chung chung như: *“gia đình khó khăn, chồng tôi đi tù, không có tiền nuôi các con ăn học, bạn bè rủ rê, không có công ăn việc làm”*. Có thể nói rằng, phạm nhân không muốn nhắc lại nguyên nhân dẫn tới HVPT của mình, do tâm lý tự vệ của phạm nhân nói chung và phạm nhân chấp hành hình phạt tù về ma túy nói riêng.

Như vậy, phần lớn phạm nhân đánh giá tập trung chủ yếu vào nguyên nhân dẫn họ đến phạm tội ma túy là những nguyên nhân từ bên ngoài hơn là những nguyên nhân từ chính nội lực của họ (ý chí, động cơ, nhu cầu, khả năng tự kiềm chế bản thân). Tuy nhiên, nguyên nhân dẫn tới HVPT ở nam đa dạng hơn là nữ phạm nhân.

- Sự khác biệt của TNT về nguyên nhân dẫn tới HVPT về ma túy giữa nhóm phạm nhân có tiền sử nghiện ma túy và nhóm không có tiền sử nghiện ma túy.

Có sự khác biệt trong TNT nguyên nhân dẫn tới HVPT giữa phạm nhân có tiền sử nghiện và nhóm không có tiền sử nghiện ($p=0,046<0,05$). Điều này qua phỏng vấn sâu chúng tôi thấy rằng: Những phạm nhân có tiền sử nghiện ma túy TNT về nguyên nhân bản thân phạm tội từ nhiều nguyên nhân hơn so với nhóm phạm nhân không có tiền sử nghiện ma túy TNT về nguyên nhân bản thân phạm tội. Cụ thể hơn những phạm nhân có tiền sử nghiện ma túy thường tự nhận thấy nguyên nhân khác nhau dẫn tới bản thân họ phạm tội về ma túy như: Vì cuộc sống không nghề nghiệp, dẫn tới con đường buôn bán ma túy để kiếm lời; trình độ học vấn thấp, không hiểu biết về pháp luật; Do bạn bè rủ rê lôi kéo và tò mò; không rõ nguyên nhân; do bản thân mắc HIV và chán nản; do đua đòi; tôi bị bệnh gan nên phạm tội ma túy để có tiền chữa bệnh; do chơi bời đua đòi dẫn tới phạm tội. Qua trao đổi với quản giáo là người có thâm niên công tác trong lĩnh vực trại giam chúng tôi cũng thu được ý kiến tương tự như "*phần lớn những phạm nhân có tiền sử nghiện ma túy thì bản án phạm tội về ma túy của họ thường là tội tàng trữ trái phép chất ma túy. Do đó nguyên nhân dẫn tới họ phạm tội là đã nghiện ma túy thì cần có ma túy để sử dụng. Với những phạm nhân không có tiền sử nghiện ma túy thì nguyên nhân họ phạm tội về ma túy là do nguyên nhân: Do lợi nhuận ma túy đem lại quá cao, bản thân không vượt qua sự cám dỗ của lợi nhuận về ma túy; quá dễ kiếm tiền; do ý chí nghị lực kém không vượt qua chính mình*". (N.V.N, quản giáo trại giam Hoàng Tiến). Nhóm phạm nhân có tiền sử nghiện ma túy tập trung nhiều hơn ở nhóm nam phạm nhân. Phạm nhân N.V.L cho biết "*Sau khi bỏ học tôi lang thang cùng bạn bè cùng hoàn cảnh, không nghề nghiệp và công ăn việc làm. Rồi cái gì đến nó cũng đến, tôi đã thử và nghiện ma túy, đã nghiện thì như cán bộ biết*

nếu muốn có ma túy dùng tiếp thì phải mua đi bán lại ma túy để có mà sử dụng” (N.V.L sinh năm 1984, án 5 năm tù về tội MBTPCMT, đang CHA tại trại giam Ngọc Lý - Bắc Giang).

Với nhóm phạm nhân không có tiền sử nghiện ma túy thì nhóm nguyên nhân chủ yếu là do lợi nhuận kinh tế rất lớn qua hành vi mua bán ma túy. Nhóm phạm nhân không có tiền sử nghiện ma túy tập trung nhiều hơn ở nhóm nữ phạm nhân. Phạm nhân Th tâm sự *“Mặc dù tôi biết nếu bị bắt thì tội rất nặng, nhưng xung quanh khu vực chỗ tôi ở toàn người nghiện, tôi lại được biết mua ma túy dạng cục rồi mang về chia nhỏ từng tép bán cho những người nghiện đem lại lợi nhuận cao”* (N.T.Th, án 18 năm về tội “MBTPCMT”, đang CHA tại trại giam Hoàng Tiến).

- Không có sự khác biệt về mặt thống kê về TNT nguyên nhân dẫn tới HVPT giữa phạm nhân phạm các tội về ma túy có tiền án và những phạm nhân chưa có tiền án ($p=0,21>0,05$).

Tóm lại, phần lớn phạm nhân CHHPT các tội về ma túy TNT nguyên nhân dẫn tới họ thực hiện HVPT là từ nguyên nhân bên ngoài, nguyên nhân khách quan hơn là chính từ việc bản thân họ nghiện ma túy rồi không làm chủ được bản thân. Số còn lại nhận thức rất rõ từ việc siêu lợi nhuận do hành vi mua bán ma túy đem lại cộng với sự tự tin rằng họ sẽ khéo léo vượt qua được sự ngăn chặn của cơ quan pháp luật đã thúc đẩy họ thực hiện hành vi phạm tội về ma túy. Nhóm phạm nhân có tiền sử nghiện và không có tiền sử nghiện ma túy đều chưa nhận thức rõ ràng nguyên nhân dẫn tới HVPT của họ xuất phát từ động cơ lợi nhuận. Với nhóm PN có tiền sử nghiện họ phạm tội để tiếp tục có ma túy sử dụng, nhóm chưa có tiền sử nghiện phạm tội với mục đích nhanh chóng làm giàu cho bản thân.

** Tự nhận thức về hậu quả của hành vi phạm tội*

Một trong những nội dung TNT về hiểu biết HVPT về ma túy của bản thân được chúng tôi tìm hiểu thông qua TNT của phạm nhân về hậu quả HVPT về ma túy của họ. Số liệu bảng 3.4 cho thấy phạm nhân CHHPT các tội về ma túy tự nhận thấy HVPT của mình gây hậu quả nghiêm trọng cho xã hội (ĐTB=3,60), gây mất trật tự an toàn xã hội (ĐTB=3,44) và HVPT gây thiệt hại đến tính mạng, sức khỏe của nhiều người (ĐTB=3,42).

Bảng 3.4. TNT về hậu quả của HVPT ma túy

TT	TNT về hậu quả của hành vi phạm tội	ĐTB	ĐLC
1*	Tôi thấy HVPT của tôi không gây hậu quả nghiêm trọng gì cho xã hội	2,60	0,72
2	Tôi nhận thấy HVPT của tôi là những hành vi cố ý xâm phạm chế độ quản lý Nhà nước đối với các chất ma túy	3,29	0,94
3	Tôi nhận thấy HVPT của tôi có thể gây thiệt hại đến tính mạng, sức khỏe của nhiều người	3,42	0,89
4	Phạm tội ma túy có nghĩa là tôi đã huỷ hoại cuộc đời mình	3,34	0,89
5	HVPT của tôi đã làm gia đình tôi tan vỡ	3,29	0,88
6	Tất cả các HVPT ma túy là hành vi gây mất trật tự an toàn xã hội	3,44	0,87
	Điểm trung bình	3,39	0,59

*Ghi chú: Những item có dấu * đã được mã hóa lại khi tính ĐTB thang đo cho thuận với thang điểm*

Như vậy, những nội dung gây hậu quả cho xã hội (trật tự xã hội) và gây tổn hại cho sức khoẻ cho người khác được phạm nhân nhận thức rõ hơn những hậu quả huỷ hoại chính cuộc đời của họ (ĐTB=3,34) và làm gia đình tan vỡ (ĐTB=3,29). Kết quả này cho chúng tôi thấy với những nội dung trả lời sẵn về tác hại của HVPT về ma túy thì phạm nhân nhận thức tác hại với người khác, với xã hội ở mức cao hơn tác hại với bản thân họ.

Trên thực tế, một HVPT nào đó, đặc biệt, HVPT ma túy gây ra hậu quả không chỉ với bản thân người thực hiện HVPT, mà còn gây ra hậu quả với gia đình họ, với các gia đình khác và với toàn xã hội, hậu quả không chỉ trong thời điểm hiện tại, mà còn ảnh hưởng đến tương lai lâu dài.

Kết quả thu được (bảng 3.5) cho thấy: nhiều khách thể nhận thấy hậu quả mà HVPT ma túy của họ gây ra cho bản thân, tiếp theo là hậu quả gây ra cho gia đình và cuối cùng là hậu quả cho xã hội. So sánh kết quả thu được từ bảng số liệu 3.4 và bảng 3.5 cho thấy phạm nhân CHHPT các tội về ma túy đều nhận thấy tác hại rất lớn từ hậu quả của HVPT, tuy nhiên ở bảng 3.4 khách thể nghiêng về đánh giá hậu quả của HVPT cho gia đình, xã hội nhiều hơn cho bản thân. Ngược lại, kết quả bảng 3.5 cho thấy khách thể nhận thức hậu quả của HVPT về ma túy cho bản thân nhiều hơn cho gia đình và xã hội.

Bảng 3.5. Tự nhận thức của phạm nhân về hậu quả của hành vi phạm tội*(Xét trên toàn mẫu nghiên cứu qua kết quả thu được từ câu hỏi mở)*

Các mệnh đề	Toàn mẫu		Thứ tự
	Phần trăm theo số câu trả lời	Phần trăm theo số người lựa chọn	
Các hậu quả với bản thân			
1. Sức khỏe giảm sút (đi tù ăn uống rất khổ)	8,33	16,36	6
2. Đánh mất hạnh phúc của bản thân/đánh mất tuổi thanh xuân của mình/đánh mất sự tự do của bản thân/ Mất một thời gian quá dài (trả giá mức án là chung thân)/ Mất đi tư cách con người	21,16	41,57	1
3. Phải đi cải tạo xa gia đình/ Người thân xa lánh	20,51	40,29	2
Các hậu quả với gia đình			
4. Ảnh hưởng đến kinh tế gia đình/ Tạo gánh nặng cho gia đình.	14,74	28,96	3
5. Vợ chồng bỏ nhau	11,54	22,67	4
6. Mất danh dự của gia đình/ảnh hưởng xấu đến gia đình	3,21	6,31	9
Các hậu quả đối với xã hội và người khác			
7. Ảnh hưởng xấu cho xã hội về an ninh, trật tự xã hội	10,9	21,41	5
8. Gây đau khổ cho gia đình khác	5,77	11,34	7
9. Phát sinh tội phạm và các tệ nạn xã hội (trộm cắp, lừa đảo, cướp giật)	3,85	7,56	8

Điều này được giải thích do ở bảng hỏi 3.4 là những câu hỏi đóng, do đó khách thể lựa chọn mức độ nguy hiểm của HVPT theo xu hướng đánh giá chung của xã hội hơn là suy nghĩ thực của bản thân. Kết quả thu được từ bảng hỏi hoàn thiện câu (bảng hỏi 3.5) nên khách thể đánh giá theo suy nghĩ của chính mình chứ không phụ thuộc và các phương án trả lời sẵn (ở câu hỏi đóng) về hậu quả của HVPT về ma túy đối với bản thân. Đó cũng là điều dễ hiểu, vì một cách thông thường, con người quan tâm trước hết đến những lợi ích của bản thân, tiếp đến là lợi ích của người thân, rồi đến những người xa lạ. Phạm nhân CHHPT các tội về ma túy đang trải nghiệm trực tiếp hậu quả do HVPT về ma túy của mình (bị tù), do đó, chắc chắn họ nhận thấy trước hết, rõ ràng hơn hết hậu quả đối với họ so với hậu quả đối với gia đình, người khác và xã hội.

Không những số phạm nhân TNT về hậu quả của HVPT đối với bản thân chiếm tỷ lệ lớn, mà họ còn nhận thức được cụ thể những hậu quả ở nhiều phương diện khác nhau mà họ phải chịu (từ ảnh hưởng xấu đến sức khỏe đến thiệt thòi các giá trị tinh thần khác: tan vỡ hạnh phúc, mất tự do, mất danh dự, mất thời gian tuổi thanh xuân... và ảnh hưởng xấu đến quan hệ với người thân). Ngược lại, phạm nhân TNT về hậu quả của HVPT cho xã hội và cho gia đình thể hiện mang tính chung chung hơn. TNT của họ về hậu quả đối với gia đình sâu sắc hơn TNT về hậu quả đối với xã hội “*tôi rất hối hận vì đã để liên lụy tới gia đình, làm tổn thất kinh tế*

gia đình, bố mẹ tôi đã rất khổ sở vất vả vì tôi”, “tôi thấy HVPT của bản thân gây hậu quả nặng nề cho gia đình nhiều hơn cho xã hội” (nam PN chấp hành án tại phân trại số 1-trại giam Hoàng Tiến, án phạt 7 năm về tội “TTTPCMT”). Kết quả phỏng vấn sâu cũng cho thấy HVPT của họ khiến họ bị giằng vặt lương tâm về trách nhiệm, nghĩa vụ đối với gia đình. “*Vì nể bạn bè rồi đi cùng chúng bạn, mà tôi đã làm liên lụy đến người thân trong gia đình, giờ tôi đi tù không ai chăm sóc mẹ già và các con của tôi*”, “*tôi là đứa con bất hiếu với bố mẹ tôi. Tôi sợ liên lụy đến người thân trong gia đình, tôi sợ bị tịch thu toàn bộ tài sản mình có, ai là người chăm sóc bố mẹ già, các con bị ảnh hưởng*” (Nam phạm nhân, sinh năm 1979, án 16 năm, tội “MBTPCMT”, chấp hành án tại trại giam Ngọc Lý).

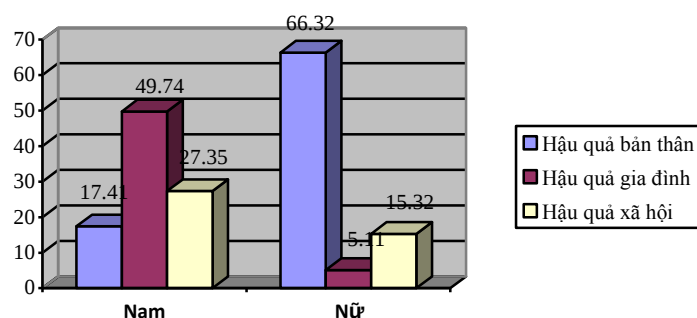
Như vậy, một trong những đặc trưng của PN phạm các tội về ma túy là họ có tính ích kỷ cá nhân cao, tính xã hội và tính chịu trách nhiệm xã hội, trách nhiệm cộng đồng kém. Khi bị bắt rồi đi CHHPT họ tự nhận thức rõ hậu quả của HVPT với bản thân nhưng chưa nhận thức rõ ràng, sâu sắc hậu quả của HVPT của họ đối với gia đình và cộng đồng xã hội.

- So sánh TNT về hậu quả của HVPT về ma túy giữa các nhóm phạm nhân khác nhau.

Có sự khác biệt rõ rệt ở TNT về hậu quả của HVPT giữa nam và nữ phạm nhân (biểu đồ 3.2). Sự khác biệt được thể hiện cụ thể là: TNT về hậu quả ở ba mặt: 1) hậu quả đối với bản thân, 2) hậu quả đối với gia đình và 3) hậu quả đối với xã hội. Trong khi, nhiều nữ phạm nhân nói đến hậu quả đối với bản thân (với 66,32% và 58,68% số người lựa chọn, tương ứng với thứ bậc 1 và 2 theo tỷ lệ số người lựa chọn), thì nhiều nam phạm nhân lại chú ý đến hậu quả đối với gia đình (49,74 số người lựa chọn, xếp thứ bậc 1).

Biểu đồ 3.2: TNT về các mặt hậu quả của HVPT

(Theo giới tính)



Ở phạm nhân nữ, hậu quả đối với gia đình xếp ở vị trí thứ 7 về tỷ lệ số người lựa chọn (tương ứng 5,11% số người lựa chọn).

Bảng 3.6. TNT về hậu quả của HVPT của phạm nhân (Theo giới tính)

TNT về hậu quả của HVPT	Phạm nhân nam		Thứ tự	Phạm nhân nữ		Thứ tự
	% theo số câu trả lời	% theo số người lựa chọn		% theo số câu trả lời	% theo số người lựa chọn	
Các hậu quả với bản thân						
1. Sức khỏe giảm sút (đi tù ăn uống rất khổ)	15,19	29,84	2	1,3	2,55	8
2. Đánh mất hạnh phúc của bản thân/đánh mất tuổi thanh xuân của mình/đánh mất sự tự do của bản thân/ Mất một thời gian quá dài (trả giá mức án là chung thân)/ Mất đi tư cách con người	8,86	17,41	6	33,76	66,32	1
3. Phải đi cải tạo xa gia đình/ Người thân xa lánh	11.4	22,40	4	29,87	58,68	2
Các hậu quả với gia đình						
4. Ảnh hưởng đến kinh tế gia đình/ Tạo gánh nặng cho gia đình.	25,32	49,74	1	2,6	5,11	7
5. Vợ chồng bỏ nhau	11,39	22,38	5	11,69	22,97	3
6. Mất danh dự của gia đình/ảnh hưởng xấu đến gia đình	0	0	9	6,5	12,77	5
Các hậu quả đối với xã hội và người khác						
7. Ảnh hưởng xấu cho xã hội về an ninh, trật tự xã hội	13,92	27,35	3	7,8	15,32	4
8. Gây đau khổ cho gia đình khác	7,59	14,91	7	3,9	7,66	6
9. Phát sinh tội phạm và các tệ nạn xã hội (trộm cắp, lừa đảo, cướp giật)	6,33	12,44	8	1,3	2,55	8

Xem xét TNT của nam phạm nhân và nữ phạm nhân về các hậu quả cụ thể cho thấy, TNT của hai giới về một số hậu quả cụ thể có sự khác nhau rất lớn. Có 29,84% nam phạm nhân cho rằng HVPT của họ ảnh hưởng xấu đến sức khỏe, trong khi đó, chỉ một tỷ lệ 2,55% nữ phạm nhân nói đến hậu quả này. Có tới 49,74% - nam PN nói đến ảnh hưởng HVPT đối với kinh tế gia đình/ là gánh nặng cho gia đình, trong khi chỉ có 5,11% nữ xác nhận điều này. Trái lại, có 66,32 nữ TNT bị mất danh dự, mất hạnh phúc, mất tự do, mất tuổi thanh xuân..., chỉ 17,41% nam tự nhận ra điều đó; 12,77% nữ phạm nhân tự nhận thấy HVPT của mình làm mất danh dự của gia đình, nhưng không nam phạm nhân nào lựa chọn hậu quả này... Chỉ duy nhất TNT về hậu quả đối với sự bền vững của hôn nhân ở hai nhóm có tỷ lệ tương đương nhau.

Sự khác biệt ở TNT về hậu quả của HVPT về ma túy giữa nam và nữ phạm nhân trên đây xuất phát từ các yếu tố khác nhau: *thứ nhất*, nhóm nam phạm nhân chấp hành hình phạt tù các tội về ma túy trong mẫu nghiên cứu có tỷ lệ nghiện ma túy cao hơn ở nữ, họ thường mắc nhiều bệnh hơn ở nữ; *thứ hai*, tại trại giam thì công việc lao động của phạm nhân nam thường nặng nhọc vất vả hơn so với phạm nhân nữ. *Thứ ba*, do đặc điểm về giới nên người phụ nữ thường nặng tính hy sinh vì chồng con, bố mẹ, người thân, họ chịu áp lực của dư luận xã hội vô cùng nặng nề, họ sẽ bị thiệt thòi rất lớn về nhiều mặt trong quãng đời còn lại, gia đình họ cũng phải chịu tiếng xấu lớn hơn rất nhiều so với nam giới cũng có những hành vi tương tự.

Tìm hiểu TNT của phạm nhân phạm tội ma túy về hậu quả HVPT của họ bằng trắc nghiệm hoàn thiện câu: “*Tôi thấy HVPT của mình gây hậu quả là...*” cho kết quả khá nhất quán với kết quả thu được từ câu hỏi mở trên đây. Phạm nhân nói về hậu quả đối với bản thân với tần suất lớn nhất 228 ý kiến chiếm 57% (hại chính bản thân mình, vợ chồng tan vỡ, bản thân bệnh tật...). PN Phạm Phương A tâm sự “*Tôi thấy HVPT của mình gây hậu quả là tôi đã phải chịu bản án như thế này, không biết bao giờ tôi mới được về với gia đình và xã hội. Tôi mang tiếng là một người từng tù tội, tôi đã mất tất cả*” (PN Ph.Ph.A, án 18 năm tù về tội “MBTPCMT”). Tiếp đến là gây hậu quả cho gia đình có 102 ý kiến chiếm 25,5% (gánh nặng cho gia đình, gây thiệt hại kinh tế...). PN Nguyễn Hoài N tâm sự “*Tôi đã làm hại bản thân và gia đình của mình, tôi làm cho bố mẹ tôi luôn lo lắng về tôi, không biết khi tôi về còn được nhìn thấy bố mẹ nữa hay không?*” (Ng.H.N án 7 năm 6 tháng về tội “MBTPCMT”). Cuối cùng là gây hậu quả xấu cho xã hội 70 ý kiến chiếm 17,5% (ảnh hưởng xấu cho xã hội, gây thiệt hại đến tính mạng, sức khỏe người khác, thêm tệ nạn cho xã hội...).

Như vậy, phạm nhân phạm tội ma túy đã nhận thấy được hậu quả của HVPT đối với bản thân họ, với gia đình họ, với những người khác và với xã hội nói chung. Trong đó, nhiều phạm nhân tự nhận thấy rõ hơn hậu quả đối với bản thân. TNT của nam phạm nhân và nữ phạm nhân có nhiều nét khác nhau rõ rệt.

* TNT HVPT có hay không vì phạm quy định trong bộ luật hình sự

Phạm nhân TNT tương đối rõ ràng HVPT về ma túy của bản thân là vi phạm pháp luật hình sự (ĐTB=3,61).

Bảng 3.7. TNT về HVPT vi phạm pháp luật hình sự

(So sánh theo điểm trung bình)

	TNT HVPT của bản thân	ĐTB	ĐLC
1	Tôi tự thấy hành vi phạm tội của tôi là hành vi vi phạm pháp luật	3,85	0,55
2	Tôi thấy bản án dành cho tôi là đúng người, đúng tội	3,31	0,62
3*	Theo tôi, hành vi phạm tội của tôi chỉ cần phạt tiền là đủ	2,53	0,55
4	Tôi tự thấy hành vi phạm tội của mình là hành vi trái với pháp luật hình sự	3,48	0,56
5*	Tôi thấy hành vi có liên quan đến ma túy của tôi cũng như những hành vi bình thường khác, không có gì là sai trái với pháp luật hình sự	2,58	0,54
6*	Tôi thấy hành vi phạm tội của tôi là do bị rủ rê, lôi kéo, thực tình tôi chẳng có tội gì	2,76	0,49
7	Tôi thấy hành vi phạm tội của tôi tương xứng với vi phạm pháp luật hành chính hơn là vi phạm pháp luật hình sự	3,76	0,49
	Điểm trung bình	3,61	0,54

Ghi chú: Những item có dấu * đã được mã hóa lại khi tính ĐTB thang đo cho thuận với thang điểm

Bảng 3.7 cho thấy, đa số phạm nhân nhận thức được hành vi liên quan đến ma túy của bản thân là hành vi vi phạm pháp luật. Họ nhận định “*Tôi tự thấy hành vi phạm tội của tôi là hành vi vi phạm pháp luật*” (ĐTB=3,85). Có kết quả này do PN CHHPT các tội về ma túy đã trải qua các giai đoạn tố tụng cộng với được giáo dục, học tập pháp luật trong trại giam nên họ đã tự nhận thấy hành vi liên quan đến ma túy của bản thân là hành vi vi phạm pháp luật. Có thể giải thích kết quả cụ thể hơn như sau: Hầu hết phạm nhân chấp hành hình phạt tù các tội về ma túy đều nhận thức HVPT của mình là trái với pháp luật hình sự. Có đến 87,5% (350/400 PN) nhận thức HVPT của mình là trái với quy định trong bộ luật hình sự, số còn lại 12,5% (50/400) phạm nhân chưa nhận thức HVPT của bản thân là trái với pháp luật hình sự.

Kết quả thu được từ câu hỏi trắc nghiệm hoàn thiện câu: “*khi thực hiện HVPT anh/chị có biết đó là hành vi vi phạm pháp luật hình sự không?*”. 89,0% trả lời có biết là trái với pháp luật hình sự. Tiếp tục với câu hỏi “*Tại sao biết đó là hành vi vi phạm pháp luật mà anh/chị vẫn thực hiện hành vi đó?*” chúng tôi thu được những câu trả lời: Do bản thân không công ăn việc làm; vì bản thân nghiện nên mua ma túy sử dụng; Mong muốn kiếm được tiền nhanh, có phạm nhân chia sẻ “*không lợi nhuận nào bằng lợi nhuận về ma túy, chỉ mang ma túy từ điểm A đến điểm B chưa đầy 10km cũng thu được tiền triệu mỗi lần*” “*tôi biết hành vi buôn bán trái phép*

chất ma túy là phạm tội nhưng vì lợi nhuận quá cao. Khi lấy vợ và đợi xin việc gần 1 năm chưa được, người tôi như phát điên lên, trong đầu tôi đã phát sinh ý nghĩ phải kiếm tiền thật nhanh và bằng bất cứ giá nào, không thể ngồi chờ việc được nữa. Nhớ đến A.Hải ở Móng Cái người mà tôi quen từ trước, tôi đã điện cho anh ta và như nắm bắt được tâm lý của tôi từ lâu, sau một vài phút nghe tôi trình bày hoàn cảnh, anh ta đã nói luôn là tôi gom tiền đi ra đây lấy thuốc lắc về bán. Anh ta còn chỉ mới đang cần hàng trên Hà Nội và số điện thoại. Tôi lấy 1 viên thuốc lắc với giá 35 ngàn mang về Hà Nội giao là 70 ngàn/ 1 viên. Như vậy tính nhẩm nếu mang 500 viên mỗi lần đã được lãi hơn 15 triệu đồng" (phạm nhân Trần Việt V. sinh năm 1984 tội "MBTPCMT" án 15 năm, chấp hành án tại trại giam Ngọc Lý). Số còn lại trả lời không biết đó là HVPT vì cho rằng: "Tôi nghĩ mình có tiền mua ma túy sử dụng thì cùng lắm bị bắt chỉ bị đi cai nghiện" "Có tiền mua ma túy sử dụng sao lại coi là có tội" hoặc "Tôi chỉ đi cùng bạn bè chứ không biết là nó đi mua ma túy, do đó tôi bị oan" (PN Nguyễn Văn T án 5 năm tội "TTCPCMT", chấp hành án tại trại giam Phú Sơn 4). Với những phạm nhân trước khi thực hiện HVPT chưa nhận thức được HVPT của mình là vi phạm pháp luật hình sự, nhưng qua quá trình điều tra, truy tố, xét xử và hiện đang thi hành án tại trại giam, họ nhận thức được hành vi của mình là có tội nhưng trước những người mới gặp, không phải là cán bộ trại giam, họ vẫn tỏ ra mình bị oan, mình là người vô tội. Về mặt TNT HVPT đây là những phạm nhân chưa chấp nhận với sự thật về HVPT của bản thân. Họ muốn được người khác đánh giá là bản thân họ chỉ là người bị oan, bị và vì do tin bạn bè, vì yếu tố khách quan mà họ phải đi tù chứ không phải do mặt chủ quan của họ.

- So sánh TNT về HVPT so với quy định pháp luật hình sự giữa các nhóm phạm nhân khác nhau.

Bảng 3.8 cho thấy thực trạng TNT HVPT vi phạm pháp luật hình sự ở một số nhóm phạm nhân (trình độ học vấn; mức án) là không như nhau với $p < 0,05$. Kết quả kiểm định TNT HVPT vi phạm pháp luật hình sự với một số nhóm phạm nhân (giới tính; tiền sử nghiện ma túy; tiền án; tình trạng hôn nhân, $p > 0,05$), điều này

cho thấy không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về TNT HVPT vi phạm pháp luật hình sự của các nhóm này.

Bảng 3.8. TNT của phạm nhân về HVPT có hay không vi phạm pháp luật hình sự

(So sánh điểm trung bình ở các nhóm phạm nhân khác nhau)

Phân loại theo các nhóm phạm nhân	TNT hành vi PT	Vi phạm pháp luật hình sự (ĐTB)	So sánh theo ANOVA
	Các nhóm cụ thể		
Trình độ học vấn	Mù chữ - Tiểu học (TB1)	3,59	TB1<TB3, p=0,017 TB2<TB3, p=0,007
	Trung học cơ sở (TB2)	3,65	
	Trung học phổ thông trở lên (TB3)	3,88	
Mức án	Ba năm trở xuống (TB1)	3,66	TB2<TB4, p=0,001 TB3<TB4, p=0,001
	Từ 3 đến 7 năm (TB2)	3,59	
	Từ 7 đến 15 năm (TB3)	3,59	
	Từ 15 năm đến chung thân (TB4)	3,69	

Ghi chú: Trong bảng chỉ hiện thị những khác biệt có ý nghĩa thống kê ($p < 0,05$)

Nhóm phạm nhân chấp hành hình phạt tù có trình độ học vấn THPT trở lên nhận thấy HVPT của bản thân là vi phạm pháp luật hình sự trong khi đó nhóm phạm nhân mù chữ và tiểu học chưa nhận thấy điều này. Qua ý kiến của một số quản giáo có thâm niên công tác cho biết "*những phạm nhân có trình độ nhận thức cao thường biết rất rõ HVPT của mình là trái với pháp luật hình sự, do đó họ cũng chấp hành cải tạo tốt hơn những phạm nhân có học vấn thấp*" (Quản giáo Phạm Thị D - trại giam Ngọc Lý - Bắc Giang). Phạm nhân Ng.Tr.H tâm sự "*Gia đình tôi từ đời cụ tổ đến bố mẹ tôi chưa ai phải đi tù. Tôi rất hối hận vì bản thân được bố mẹ cho ăn học đầy đủ nhưng tôi đã phụ công nuôi dưỡng của gia đình. Cũng vì ham lợi nhuận mà tôi đã phạm tội về ma túy, mặc dù biết trước đây là hành vi pháp luật nghiêm cấm và xử phạt rất nặng. Tôi chẳng biết gì hơn là cố gắng tích cực cải tạo thật tốt để mong được giảm án và hy vọng được hưởng sự khoan hồng của pháp luật sớm trở về với gia đình*" (Ng.Tr.H, án 15 năm, tội "Mua bán TPCMT", đang CHA tại trại giam Hoàng Tiến).

Có sự khác biệt mang ý nghĩa thống kê về nhận thức của phạm nhân ở nội dung "HVPT của bản thân có vi phạm pháp luật hình sự hay không" ($p=0,001$). Cụ thể nhóm phạm nhân có mức án "từ 15 năm đến chung thân" TNT hành vi liên quan đến ma túy của họ là hành vi vi phạm pháp luật hình sự. Tuy nhiên, nhóm phạm nhân có mức án thấp hơn "từ 3 đến 7 năm" và nhóm "từ 7 đến 15 năm"

chưa nhận thấy điều này. Kết quả này theo chúng tôi được lý giải như sau: với nhóm phạm nhân có mức án càng cao thì họ càng thấy quãng thời gian tự do xa vời ở phía trước, kết quả của HVPT của bản thân sẽ gây hậu quả nặng nề về mặt tâm lý đối với họ. Như vậy việc luôn nặng nề về mặt tâm lý với HVPT của bản thân là nguyên nhân họ sẽ càng nhận thức sâu sắc HVPT của mình là trái với pháp luật hình sự. Qua phỏng vấn sâu chúng tôi cũng thu được kết quả đối với những phạm nhân có mức án cao họ thường có thái độ ân hận về HVPT của bản thân hơn những phạm nhân có mức án ngắn. Phạm nhân B.Đ.N.M án 20 năm đang CHA tại trại giam Phú Sơn 4 tâm sự *“Tôi lo nhất sức khỏe của bố mẹ tôi ngày một già yếu, không biết có còn sống đến ngày tôi ra tù hay không. Nếu ra tù mà không báo kịp hiếu được với mẹ ngày nào thì đó là nỗi ân hận nhất cuộc đời tôi”*. Nhóm phạm nhân có mức án dưới 3 năm thường rất thờ ơ với mức án của bản thân, phạm nhân thường dùng từ “án mắc màn” có nghĩa vừa vào trại đã sắp đến ngày ra trại. Phạm nhân N.H.S chia sẻ *“Án của tôi các phạm nhân khác thường gọi là án mắc màn, tôi ở nhà tạm giam gần 6 tháng và lên trại giam đến nay được gần 1 năm, sang năm tầm này là tôi hết thời gian chấp hành án phạt tù rồi. Mức án của tôi là thấp nhất trong các anh phạm nhân ở đội của tôi”*, (N.H.S, sinh năm 1984, văn hóa 12/12, án 2 năm 3 tháng tội “Tàng trữ TPCMT”, CHA tại trại giam Hoàng Tiến).

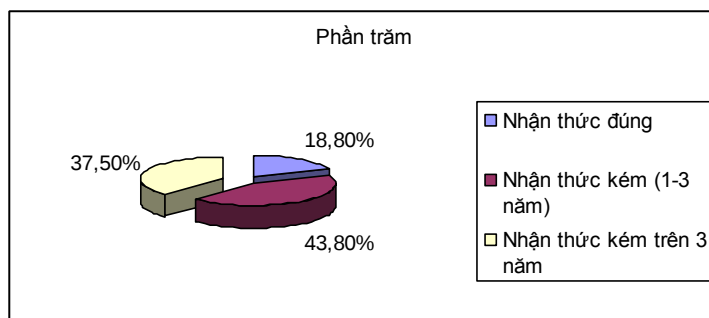
Tóm lại, phạm nhân chấp hành hình phạt tù các tội về ma túy TNT HVPT của bản thân là vi phạm pháp luật. Tuy nhiên ở các nhóm phạm nhân có trình độ học vấn thấp, mức án dưới 7 năm, TNT HVPT của bản thân nghiêng về hướng HVPT của bản thân chưa đến mức vi phạm pháp luật hình sự. Nhóm phạm nhân trình độ học vấn trên THPT, mức án từ 15 năm đến chung thân, nhận thức rất rõ HVPT của bản thân là vi phạm pháp luật hình sự.

3.1.1.2. Thực trạng tự ý thức của phạm nhân thể hiện qua tự nhận thức về hành vi chấp hành hình phạt tù của bản thân

a. TNT về mức án của bản thân phải chấp hành với mức án tòa tuyên

Chúng tôi tìm hiểu TNT của phạm nhân về hình phạt tù và thu được kết quả chỉ có 18,8% phạm nhân nhận thức HVPT của mình tương xứng với mức án tòa đã tuyên đối với họ.

Biểu đồ 3.3: Nhận thức về mức án của bản thân so với mức án tòa tuyên



Số còn lại 81,2% đánh giá mức án mà tòa đã tuyên là nặng hơn với hành vi mà họ phạm tội. Trong đó 43,8% phạm nhân cho rằng mức án của họ thấp hơn từ 1 đến 3 năm so với mức án của tòa đã tuyên, số còn lại 37,5% phạm nhân nhận thức mức án của họ thấp hơn từ 4 năm trở lên so với mức án tòa tuyên đối với họ. Như vậy, có tới hơn 4/5 phạm nhân nhận thức mức án mà tòa đã tuyên là nặng hơn so với HVPT của họ. Đây là cơ chế “*phòng vệ lý luận hóa*” - là khả năng phạm nhân CHHPT các tội về ma túy nhận thức và chuyển đổi trong suy nghĩ từ hình phạt nặng mà tòa tuyên tương ứng với HVPT của họ sang hình phạt nhẹ để họ dễ dàng chấp nhận hơn. Do đó, phạm nhân có xu hướng nhận thức mức án của mình thấp hơn so với mức án mà họ đang chấp hành và điều này gây gánh nặng tâm lý đối với quá trình họ chấp hành hình phạt tù. Bởi vì chỉ khi khách thể nhận thức, đánh giá HVPT của họ tương ứng với mức án mà họ đang chấp hành, họ tỏ thái độ ân hận và chấp nhận với mức án mà tòa đã tuyên đối với họ thì bản thân họ sẽ thấy thanh thản, nhẹ nhàng hơn trong quá trình chấp hành hình phạt tù. TNT được mức án mà tòa đã tuyên là phù hợp với hậu quả của HVPT mà họ đã gây ra (bản thân, gia đình, xã hội) sẽ tạo tâm thế chấp hành hình phạt tù một cách tự giác từ đó giúp họ sẽ cố gắng không vi phạm nội quy, kỷ luật trại giam.

b. Tự nhận thức của phạm nhân về mục đích, ý nghĩa của hình phạt tù

Kết quả ở bảng 3.9 cho thấy nhìn chung khách thể chưa nhận thức đúng về mục đích, ý nghĩa của hình phạt tù đối với bản thân (ĐTB=3,09). Tuy nhiên, có tới 68% phạm nhân trong mẫu nghiên cứu nhận thức “*Tôi thấy, hình phạt tù nhằm bắt tôi lao động tạo ra của cải cho xã hội*”. Phạm nhân H tâm sự “*Đã đi tù thì chấp nhận phải lao*

động bắt buộc, không thể nhàn như khi còn ở ngoài xã hội. Lao động để nuôi sống bản thân và chủ yếu làm ra của cải cho trại giam và cho xã hội” (PN Tr.V.H, sinh năm 1986, trình độ lớp 8, án 12 năm về tội MBTPCMT, đang CHA tại trại Tân Lập).

Bảng 3.9. Thực trạng nhận thức của phạm nhân về hình phạt tù

TT	Nội dung	Mức độ nhận thức (%)				ĐTB	ĐLC
		Hoàn toàn sai	Sai nhiều hơn đúng	Đúng nhiều hơn sai	Hoàn toàn đúng		
1	Tôi thấy, hình phạt tù là sự cần thiết đối với tôi	11,0	19,0	50,5	19,5	2,78	0,88
2	Tôi thấy, hình phạt tù nhằm quản lý, giáo dục tôi trở thành người có ích cho xã hội	8,2	13,8	54,5	23,5	2,93	0,83
3	Tôi thấy, hình phạt tù nhằm răn đe tôi từ bỏ ý định phạm tội	11,0	13,8	49,2	26,0	2,90	0,91
4	Tôi thấy, hình phạt tù nhằm ngăn ngừa tôi có hành vi tiếp tục phạm tội	8,0	17,0	63,0	12,0	2,79	0,75
5	Tôi thấy, hình phạt tù làm cho tôi thấy cực khổ để không dám phạm tội	0,0	19,5	34,5	46,0	3,26	0,76
6	Tôi thấy, hình phạt tù nhằm bắt tôi lao động tạo ra của cải cho xã hội	3,0	4,2	24,8	68,0	3,57	0,71
7	Tôi thấy, hình phạt tù nhằm giúp tôi có ý thức tuân theo pháp luật	1,2	12,2	29,2	57,2	3,42	0,75
	Trung bình					3,09	0,51

Ghi chú: Điểm trung bình càng cao thì TNT của phạm nhân càng tốt và ngược lại.

Đây là nhận thức chưa đúng về mục đích của hoạt động giáo dục thông qua lao động. Thông qua hệ thống các hoạt động trong trại giam để từ đó giáo dục người có HVPT trở thành người có ích cho xã hội mới là mục đích của hình phạt tù. Chỉ có 23,5% phạm nhân cho rằng "*Tôi thấy, hình phạt tù nhằm quản lý, giáo dục tôi trở thành người có ích cho xã hội*". Phạm nhân T chia sẻ "*Tôi phải lao động nặng nhọc trong trại giam nhưng kết quả thu được là không đáng kể vì la lao động chân tay là chính. Tôi thấy hình thức cải tạo thông qua lao động giúp tôi quý trọng sức lao động của bản thân hơn và từ đó coi trọng sức lao động của người khác*" (PN L.V.T, trình độ trung cấp, án 8 năm về tội MBTPCMT, đang CHA tại trại giam Tân Lập). Số còn lại 76,5% phạm nhân chưa nhận thức đúng về mục đích của hình phạt tù. Điều này được chứng minh rõ hơn qua số liệu thu được ở các nội dung về mục đích của hình phạt tù "*Tôi thấy, hình phạt tù là cần thiết với tôi*"; "*Tôi thấy, hình phạt tù nhằm răn đe tôi từ bỏ ý định tiếp tục phạm tội*"; "*Tôi thấy, hình phạt tù nhằm ngăn ngừa tôi có hành vi tiếp tục phạm tội*" có điểm trung bình thấp lần lượt (ĐTB =2,78; 2,90; 2,79). Cụ thể chỉ có 70,0% phạm nhân

TNT "*Tôi thấy, hình phạt tù là sự cần thiết đối với tôi*", số còn lại 30,0% chưa nhận thức được điều này. Tương tự ở nội dung "*Tôi thấy, hình phạt tù nhằm răn đe tôi từ bỏ ý định phạm tội*" chỉ có 26,0% phạm nhân khẳng định nội dung này là "hoàn toàn đúng". 24,8% phạm nhân chưa nhận thức được nội dung này và 49,2% mới dừng lại ở khẳng định "đúng nhiều hơn sai". Như vậy, chỉ có gần 1/3 nhận thức đúng về mục đích, ý nghĩa của hình phạt tù. Số còn lại hơn 2/3 phạm nhân chưa nhận thức đúng về mục đích, ý nghĩa của hình phạt tù nhằm giúp họ "*từ bỏ ý định phạm tội*" và "*tiếp tục thực hiện HVPT*". Nếu nhận thức sâu sắc nội dung này thì việc chấp hành hình phạt tù của phạm nhân cũng sẽ bớt nặng nề hơn đối với họ. Trong thực tế mục đích của hình phạt tù khá nặng đối với HVPT về ma túy không những giáo dục người phạm tội thay đổi nhận thức, đánh giá, thái độ, dẫn tới thay đổi hành vi lệch chuẩn pháp luật hình sự mà còn qua hình phạt nghiêm khắc đối với HVPT về ma túy để tác động tới những người có ý định phạm tội về ma túy sẽ từ bỏ ý định thực hiện HVPT của mình.

- *So sánh tự ý thức của phạm nhân thể hiện qua nhận thức về HVCHHPT giữa các nhóm khác nhau*

Kết quả nghiên cứu bảng số liệu 3.10 chỉ ra có sự khác nhau giữa TNT về HVCHHPT giữa các nhóm phạm nhân (nam và nữ, tiền sử về ma túy, tiền án, tình trạng hôn nhân, với $p < 0,05$). Kết quả kiểm định TNT về hành vi CHHPT ở các nhóm phạm nhân có mức án khác nhau, trình độ học vấn khác nhau, $p > 0,05$, điều này cho thấy không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê.

Bảng 3.10. TNT của phạm nhân về HVCHHPT giữa các nhóm
(Theo điểm trung bình)

Phân loại theo các nhóm phạm nhân	TNT về HVPT Các nhóm cụ thể	Tự nhận thức về HVPT (ĐTB)	So sánh theo ANOVA
1. Giới tính	Nam (TB1)	2,98	TB1 < TB2, $p = 0,000$
	Nữ (TB2)	3,17	
2. Tiền sử ma túy	Đã từng nghiện (TB1)	3,00	TB1 < TB2, $p = 0,000$
	Chưa từng nghiện (TB2)	3,19	
3. Tiền án	Chưa từng có tiền án (TB1)	3,16	TB1 > TB2, $p = 0,000$
	Đã từng có tiền án (TB2)	2,88	
4. Tình trạng hôn nhân	Đã lập gia đình (TB1)	3,20	TB1 > TB2, $p = 0,007$
	Chưa lập gia đình (TB2)	3,04	TB1 > TB3, $p = 0,000$
	Đã lập gia đình nhưng đã ly hôn (TB3)	2,88	

Ghi chú: Trong bảng chỉ hiện thị những khác biệt có ý nghĩa thống kê ($p < 0,05$)

Qua số liệu thống kê giữa nam và nữ có điểm trung bình lần lượt là (ĐTB nam=2,98; ĐTB nữ = 3,17, $p=0,000$) cho thấy có sự khác biệt mang ý nghĩa thống kê giữa TNT của nam và nữ phạm nhân về HVCHHPT. Nữ phạm nhân nhận thức về mục đích, ý nghĩa của hình phạt tù cho bản thân đầy đủ hơn nam phạm nhân. Điều này được giải thích do cả nam và nữ phạm nhân CHHPT các tội về ma túy đều trải nghiệm hậu quả của HVPT về ma túy, tuy nhiên phạm nhân nữ TNT hậu quả của HVPT về ma túy nặng nề hơn nam phạm nhân (kết quả thu được ở nội dung TNT về hậu quả của HVPT). Số liệu cho thấy có 161/200 (80,5%) phạm nhân nữ cho rằng *“Tôi thấy, hình phạt tù với tôi là cần thiết”*, trong khi đó chỉ có 129/200 (64,5%) phạm nhân nam khẳng định điều này. Phạm nhân nữ chia sẻ *“Tôi sinh ra ở vùng nông thôn và lấy chồng rồi theo chồng về Hải Phòng sinh sống, tôi đi vào con đường mua bán ma túy cũng vì để nuôi chồng nghiện và có tiền nuôi gia đình. Từ bản thân và những người thân trong gia đình tôi thấy hình phạt tù là cần thiết với tôi”* (PN Tr.Th.H sinh năm 1990, án 5 năm 6 tháng về tội “MBTPCMT”, đang CHA tại trại giam Hoàng Tiến-Hải Dương). Trong khi đó một PN nam nói rằng *“Tôi từng là con nghiện ma túy từ nhiều năm nay, bản thân tôi là nạn nhân của xã hội. Nên cho tôi phải đi cai nghiện bắt buộc hơn là đi chấp hành hình phạt tù”* (PN Đ.T.Đ sinh năm 1988, án 4 năm về tội TTTPCMT, CHA tại trại Hoàng Tiến - Hải Dương). Ở nội dung *“Tôi thấy, hình phạt tù nhằm ngăn ngừa tôi có hành vi tiếp tục phạm tội”*, có 164/200 (82%) phạm nhân nữ lựa chọn, nhưng chỉ có 136/200 (68%) phạm nhân nam khẳng định điều này.

- Phạm nhân có tiền sử nghiện ma túy và phạm nhân không có tiền sử nghiện ma túy có sự nhận thức về hình phạt tù không như nhau với $p=0,000$. Điều này cho thấy phạm nhân CHHPT không có tiền sử nghiện nhận thức về hành vi CHHPT sâu sắc hơn phạm nhân CHHPT có tiền sử nghiện. Qua tìm hiểu chúng tôi có lời giải số phạm nhân CHHPT không có tiền sử nghiện thường là những phạm nhân án dài (từ trên 15 năm đến chung thân và tử hình xuống chung thân), họ nhận thấy rất rõ hậu quả HVPT. Tuy nhiên, nhóm phạm nhân có tiền sử nghiện ma túy chưa TNT sâu sắc điều này. Họ tự thấy hành vi liên quan đến ma túy của họ đáng bị đi cai nghiện bắt buộc hơn là việc họ bị bắt, bị xử phạt và phải đi chấp hành hình phạt tù.

- Sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa nhóm phạm nhân có tiền án và nhóm phạm nhân chưa có tiền án về nhận thức về hình phạt tù ($p=0,000$). PN chưa có tiền án thấy rằng hình phạt tù giúp họ chuộc lại sai lầm mà họ đã làm, ngược lại nhóm phạm nhân từng có tiền án chưa nhận thức rõ điều này. Khảo sát 127 phạm nhân từng có tiền án trong mẫu nghiên cứu có tới 84 phạm nhân (66,1%) có tiền sử nghiện ma túy, số còn lại 43 phạm nhân (33,9%) chưa có tiền sử nghiện ma túy. Như vậy, gần 2/3 phạm nhân tái phạm có tiền sử nghiện ma túy mà như phân tích ở trên, nhóm phạm nhân có tiền sử nghiện nhận thức không sâu sắc về hình phạt tù bằng nhóm phạm nhân không có tiền sử nghiện ma túy. Mặt khác, do việc nghiện ma túy rồi cai nghiện và tái nghiện nhiều lần, cộng với việc đã vào tù ra tù nên họ “chai sạn” dẫn tới hình phạt tù đối với họ như hiện tại chưa đủ mạnh để răn đe HVPT của họ. Phạm nhân Y chia sẻ *“Tôi đi tăng này là lần thứ 2 rồi, mỗi lần vào trại thì đều nhiều lần vi phạm nội quy trại giam và vào buồng kỷ luật, đối với tôi vào trại thì mất mát lớn nhất là quyền tự do và xa cách con cái. Lao động, kể cả ở trong buồng kỷ luật thì tôi đều thấy bình thường, đối với phạm nhân khác rất sợ đi kỷ luật nhưng với tôi thì không có gì khủng khiếp”* (Phạm nhân Ng.Th.H.Y sinh năm 1975 tiền án 2 về tội “MBTPCMT”, án 10 năm, CHA tại trại giam Ngọc Lý – Bắc Giang). Phạm nhân Y tâm sự *“Điều mà tôi thấy sợ nhất trong trại giam là sống để cho anh/chị phạm nhân khác coi thường”*. Quản giáo H quản lý đội phạm nhân Y chia sẻ, phạm nhân Y đã từng có tiền án về tội “TTTPCMT”, là một phạm nhân liều lĩnh và lý lợm, luôn tỏ ra là đàn chị trong đội phạm nhân.

- Từ kết quả thu được cho thấy có sự khác biệt mang ý nghĩa thống kê về TNT về HVCHHT giữa nhóm phạm nhân đã lập gia đình và nhóm phạm nhân chưa lập gia đình ($p=0,007$), giữa nhóm phạm nhân đã lập gia đình và nhóm phạm nhân đã lập gia đình nhưng đã ly hôn ($p=0,000$). Như vậy, nhóm phạm nhân có đã lập gia đình nhận thấy ý nghĩa của hình phạt tù hơn hai nhóm phạm nhân còn lại.

Nhóm phạm nhân chấp hành nội quy, kỷ luật trại giam được chúng tôi chia ra ở 3 mức khác nhau. Nhóm chưa lần nào vi phạm nội quy, kỷ luật trại giam (chiếm 23,5%), nhóm vi phạm từ 1-2 lần (chiếm 60,8%), nhóm vi phạm từ 3 lần trở lên (chiếm 15,7%). ĐTB nhóm vi phạm 3 lần trở lên là 3,66 so với 3,57 nhóm chưa lần

nào vi phạm nội quy, kỷ luật trại giam ($p=0,026$). Kết quả này chỉ ra rằng nhóm phạm nhân chấp hành hình phạt tù các tội về ma túy trên 3 lần vi phạm nội quy, kỷ luật trại giam nhận thức rất rõ về HVPT của bản thân là vi phạm pháp luật hình sự. Mới tìm hiểu chúng tôi thấy có sự mâu thuẫn tại sao nhóm thường xuyên vi phạm nội quy, kỷ luật trại giam nhận thức rõ HVPT của bản thân là vi phạm pháp luật hình sự. Điều này được phát hiện một cách rất quan trọng: nhóm phạm nhân CHHPT các tội về ma túy thường vi phạm nội quy, kỷ luật trại giam rơi vào nhóm phạm nhân có mức án dài trên 15 năm thì điều kiện được xét giảm thời hạn CHHPT lần đầu (đối với phạm nhân bị phạt tù chung thân thì phải có 4 năm liên tục liền kề được xếp loại cải tạo khá trở lên. Trường hợp án tử hình được ân giảm xuống tù chung thân phải có ít nhất 5 năm liên tục liền kề được xếp loại cải tạo khá trở lên; với phạm nhân bị phạt tù trên 15 năm đến 30 năm phải có ít nhất 3 năm liên tục liền kề được xếp loại cải tạo khá trở lên). Mặc dù số phạm nhân này nhận thức rất rõ HVPT của bản thân là vi phạm pháp luật hình sự nhưng do sự tác động của điều kiện giảm án được quy định chặt chẽ nên có tác động tới HVCHHPT của họ. Ở nhóm phạm nhân này có tâm lý *"mình có cố gắng đến mấy thì cũng còn lâu mới được xét giảm án"*, từ tâm lý đó dẫn tới họ không giữ gìn bản thân và dẫn tới vi phạm nội quy, kỷ luật trại giam. Nhóm phạm nhân thứ hai thường vi phạm nội quy, kỷ luật trại giam là nhóm phạm nhân (tội về ma túy) có mức án ngắn dưới 3 năm. Đây là những phạm nhân có tiền sử nghiện ma túy do đó khi vào trại giam một số vẫn tiếp tục tìm mọi cách để có ma túy sử dụng. Với mức án ngắn nên họ có tâm lý là chẳng bao lâu họ sẽ hết thời gian chấp hành hình phạt tù, dù có vi phạm nhiều lần nội quy, kỷ luật trại giam thì hết thời gian CHHPT cán bộ trại giam cũng không thể giữ họ ở lại trại.

Qua quá trình nghiên cứu sở giáo dục phạm nhân của cán bộ quản giáo, qua phỏng vấn sâu phạm nhân và qua chia sẻ trực tiếp với cán bộ quản giáo chúng tôi thấy: Trong môi trường trại giam, phạm nhân là người có hành vi vi phạm nhiều loại tội khác nhau (các tội phạm về TTXH, các tội phạm về ma túy, các tội phạm kinh tế và chức vụ...). Họ cùng sống và lao động trong một môi trường không thuận lợi về mọi mặt (cả vật chất lẫn tinh thần). Do đó, phạm nhân rất dễ dẫn tới vi phạm

nội quy, kỷ luật trại giam từ những hành vi rất nhỏ như chửi nhau vì dành nước tắm đến va chạm nhau chỗ vệ sinh đến các hành vi lớn hơn (sử dụng ma túy, sử dụng điện thoại, uống rượu, đánh đồng phạm...). Do đó, nhiều phạm nhân tâm sự là rất khó để trong quá trình CHHPT tại trại giam không ít nhất một lần vi phạm nội quy, kỷ luật trại giam. Phạm nhân N.H.C chia sẻ *“Trong trại giam mặc dù tôi cố giữ bản thân nhưng rất khó có thể tránh khỏi sự va chạm cũng như không vi phạm nội quy trại giam. Tuy nhiên với những vi phạm do không cố ý và lỗi rất nhẹ thì thường cán bộ cũng nhắc nhở và viết kiểm điểm hứa không lặp lại lần sau”* (Phạm nhân N.H.C án 12 năm về tội “MBTPCMT” đang CHA tại trại giam Hoàng Tiến). Tuy nhiên, với những vi phạm nhỏ và lần đầu, cán bộ trại giam có thể chỉ yêu cầu ghi bản kiểm điểm và cam đoan không tiếp tục vi phạm chứ không báo cáo với lãnh đạo trại giam để đánh vào thi đua của phạm nhân. (Nếu đánh vào thi đua sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả quá trình chấp hành hình phạt tù của phạm nhân, từ đó ảnh hưởng đến chế độ thăm gặp, xếp loại thi đua và giảm án). Tuy nhiên, có những nhóm phạm nhân vi phạm nhiều lần nội quy, kỷ luật trại giam. Một quản giáo tâm sự *“có phạm nhân trong đội chấp hành hình phạt tù về tội TTTTCMT, phạm nhân này liên tục vi phạm nội quy, kỷ luật trại giam với nhiều hành vi khác nhau: đánh đồng phạm, uống rượu, chống đối lao động...dẫn tới thời gian phạm nhân này ở trong buồng kỷ luật nhiều hơn ở đội”* (N.T.N quản giáo đội vàng mã phân trại số 1 trại giam Phú Sơn 4).

Tóm lại, phạm nhân nhận thức mức án mà họ đang phải chấp hành là nặng hơn so với HVPT mà họ thực hiện. TNT về hiểu biết về mục đích, ý nghĩa của hình phạt tù chưa đầy đủ và có những nội dung nhận thức còn sai về ý nghĩa của hình phạt tù. Có sự khác biệt TNT về HVCHHPT giữa các nhóm phạm nhân (nam và nữ; giữa nhóm có tiền án và chưa có tiền án; giữa nhóm tiền sử nghiện ma túy và nhóm chưa có tiền sử nghiện; giữa nhóm có tình trạng hôn nhân khác nhau).

Nhận xét chung:

Qua nghiên cứu TYT phạm nhân biểu hiện qua TNT về HVPT và HVCHHPT, chúng ta có thể rút ra một số nhận xét sau:

Tự nhận thức của phạm nhân về HVPT

Phạm nhân khi nhìn nhận lại HVPT do nhiều nguyên nhân khác nhau nhưng theo họ thì nhóm nguyên nhân khách quan lấn át nhóm nguyên nhân chủ quan. Đặc biệt, số phạm nhân có tiền sử nghiện ma túy cho rằng họ phạm tội về ma túy là do nguyên nhân bên ngoài, nguyên nhân khách quan trong khi đó những phạm nhân không có tiền sử nghiện lại nhìn nhận HVPT của họ là từ nguyên nhân chủ quan. Khi nhìn nhận lại nguyên nhân dẫn tới HVPT của bản thân thì giữa nam phạm nhân và nữ phạm nhân cũng nhận thức không hoàn toàn như nhau. Nữ phạm nhân nhận thấy hậu quả của HVPT nặng nề hơn nam phạm nhân, do vậy họ nhận thức hành vi liên quan đến ma túy của họ là hành vi vi phạm pháp luật hình sự. Trong khi đó một số nam phạm nhân lại cho rằng hành vi liên quan đến ma túy của họ là hành vi vi phạm pháp luật hành chính hơn là vi phạm pháp luật hình sự, điều đó có nghĩa họ cảm thấy hình phạt là không đáng có với họ.

Tự nhận thức của phạm nhân về HVCHHT

Đa số phạm nhân nhận thấy số năm CHHTPT tòa tuyên là nặng hơn so với suy nghĩ của họ. Phần lớn phạm nhân chưa nhận thức đúng và rõ ràng về mục đích, ý nghĩa của hình phạt tù đối với bản thân họ. Tuy nhiên, nữ phạm nhân nhận thức đầy đủ về mục đích, ý nghĩa của hình phạt tù hơn nam phạm nhân. Nhóm phạm nhân không có tiền sử nghiện ma túy nhận thức về mục đích, ý nghĩa của hình phạt tù đầy đủ và rõ ràng hơn nhóm phạm nhân có tiền sử nghiện ma túy. Những phạm nhân từng có tiền án thấy hình phạt tù không nặng nề như nhóm phạm nhân lần đầu đi CHHTPT.

3.1.2. Thực trạng tự ý thức của phạm nhân thể hiện qua tự đánh giá về hành vi phạm tội và hành vi chấp hành hình phạt tù

3.1.2.1. Thực trạng tự ý thức của phạm nhân thể hiện qua tự đánh giá đối với hành vi phạm tội

a. Tự đánh giá hành vi phạm tội của bản thân do vô ý hay cố ý

Chỉ một tỷ lệ nhỏ PN TĐG HVPT của mình là cố ý (ĐTB=2,73). Cụ thể chỉ có 16,3% (65 PN) phạm nhân TĐG hành vi phạm tội của họ là cố ý, 49,3% (197 PN) TĐG HVPT do vô ý và 34,4% (138 PN) không tự tin để khẳng định HVPT là vô ý hay cố ý. Như vậy, PN TĐG theo hướng có lợi cho bản thân, đa số hoặc cho là vô ý hoặc không thể hiện ý kiến rõ đó là HVPT cố ý hay vô ý, có nghĩa là họ TĐG theo

hướng có lợi cho bản thân, trốn tránh trách nhiệm trước pháp luật. Đây là điều cần được chú ý trong công tác quản lý và giáo dục PNCHHPT. Khi PNCHHPT không muốn nhìn thẳng vào sự thật về HVPT của mình, không tự nhận rõ tội lỗi của mình gây ra thì họ khó có thể tiếp nhận các nội dung giáo dục dành cho họ.

Bảng 3.11. Tự đánh giá của phạm nhân về hành vi phạm tội là vô ý hay cố ý

(Theo điểm trung bình)

STT	Các items	ĐTB	ĐLC
1*	Mặc dù thấy trước hành vi phạm tội của mình là nguy hiểm nhưng tôi vẫn thực hiện hành vi đó	2,26	0,94
2*	Trước khi phạm tội tôi biết rõ hành vi phạm tội của mình gây ra nếu bị bắt sẽ phải đi cải tạo	2,10	0,98
3	Tôi chỉ thấy rõ tác hại và hậu quả mà hành vi phạm tội sau khi tôi đã thực hiện hành vi phạm tội	2,57	0,83
4	Đến bây giờ tôi mới thấy rõ tác hại và hậu quả mà hành vi phạm tội mà mình gây ra.	2,88	1,01
5	Trước khi phạm tội tôi đã không hình dung được trước hậu quả nguy hại của hành vi phạm tội cho chính mình	2,47	0,81
6	Tôi thực sự không mong muốn thực hiện hành vi phạm tội, nhưng đã đâm lao thì phải theo lao mà thôi.	2,42	0,74
7	Tôi tự tin là mình có thể khôn khéo để không bị phát hiện hành vi phạm tội, nhưng tôi đã nhầm.	2,84	0,96
8	Ban đầu tôi đã nhầm, bây giờ tôi tự đánh giá rằng không phải tất cả mọi thứ đều mua được bằng tiền.	2,78	0,81
9	Tôi thấy hành vi phạm tội của mình không gây nguy hiểm cho xã hội như đài báo vẫn đưa tin.	2,84	0,81
10	Nếu ban đầu tôi nhận thức được hậu quả nguy hiểm về hành vi phạm tội của mình thì chắc chắn tôi sẽ không thực hiện hành vi phạm tội đó.	3,11	0,88
11	Bản thân tôi trước khi phạm tội đã không thấy trước được hậu quả nguy hại cho xã hội về hành vi phạm tội của mình	3,04	0,90
	Điểm trung bình	2,73	0,48

Ghi chú: Những item có dấu * đã được mã hóa lại khi tính ĐTB thang đo cho thuận với thang điểm

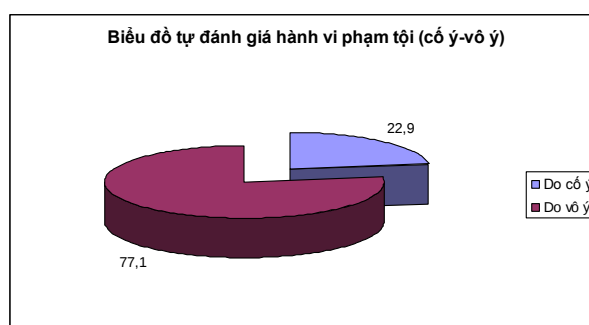
Phân tích kết quả cụ thể hơn cho thấy: khi đánh giá về HVPT của mình, những nội dung thông tin được phạm nhân TĐG rõ ràng hơn, đó là: *Nếu ban đầu tôi nhận thức được hậu quả nguy hiểm về hành vi phạm tội của mình thì chắc chắn tôi sẽ không thực hiện hành vi phạm tội đó* (ĐTB=3,11); *Bản thân tôi trước khi phạm tội đã không thấy trước được hậu quả nguy hại cho xã hội về hành vi phạm tội của mình* (ĐTB=3,04); *Đến bây giờ tôi mới thấy rõ tác hại và hậu quả mà hành vi phạm tội mà mình gây ra* (ĐTB=2,88). Từ kết quả khảo sát này cho thấy, trong TĐG HVPT của phạm nhân, họ nghĩ rằng nếu bản thân biết trước nguy hiểm, tác hại, hậu quả cho bản thân, cho xã hội về HVPT của mình thì họ sẽ không thực hiện HVPT. Chính vì vậy nên ở những items: *Giờ nhìn lại tôi thấy tôi đã biết trước hành vi phạm tội của mình là nguy hiểm nhưng tôi vẫn thực hiện hành vi đó*

(ĐTB=2,26); *Trước khi phạm tội tôi biết rõ hành vi phạm tội của mình gây ra nếu bị bắt sẽ phải đi cải tạo* (ĐTB=2,10). Như vậy, khi nhìn nhận lại hành vi phạm tội của mình, đa số phạm nhân TĐG HVPT của họ là do vô ý để dễ được sự thông cảm, chấp nhận của gia đình, cán bộ và xã hội hơn.

Phạm nhân N.Th.H cho biết *“Tôi đâu có biết gì về heroin, chỉ vì thương bạn mà tôi bán hết đồ trang sức tiếp tế cho H, rồi H rủ tôi cùng đi với H. Tôi đã bị bắt trên đường đi lấy hàng về”* (Phạm nhân N.Th.H, án 15 năm về tội “Mua bán TPCMT”, đang CHA tại trại giam Ngọc Lý - Bắc Giang). Như vậy, H cho rằng vì theo lời người bạn tên Ng.Đ.H dẫn tới H đi vào con đường phạm tội chứ bản thân H không cố ý. Phạm nhân Th chia sẻ *“Giờ nghĩ lại thôi thấy hành vi phạm tội của mình là do bản thân không hiểu biết về pháp luật. Gia đình tôi có điều kiện nên tôi mua ma túy để hút chứ cũng chưa chích lần nào, tôi cũng chưa làm gì để gây nguy hiểm cho xã hội...tôi thấy mình đã vô ý phạm tội”* (Phạm nhân D.Ng.Th, án 4 năm về tội “Tàng trữ TPCMT”, đang CHA tại trại giam Ngọc Lý).

Kết quả thu được qua câu hỏi đóng chỉ có 2 phương án trả lời *“Theo anh/chị thì hành vi phạm tội về ma túy của anh/chị là do vô ý hay cố ý thực hiện?”* cũng phản ánh TĐG của phạm nhân theo xu hướng tương tự như trên: 77,1% số phạm nhân cho rằng HVPT của họ là vô ý, 22,9% cho rằng HVPT của bản thân là do cố ý (biểu đồ 3.4).

Biểu đồ 3.4. Tự đánh giá hành vi phạm tội của bản thân (vô ý hay cố ý)



Đồng chí Q, quản giáo trại giam Hoàng Tiến chia sẻ *“Phạm nhân khi đến trại giam họ đã trải qua nhiều giai đoạn của tố tụng và các cơ quan thi hành pháp luật đã chỉ ra hành vi cố ý phạm tội về ma túy của họ như “MBTPCMT” hay “TTTPCMT” hoặc “VCTPCMT”...Tuy nhiên, do trình độ nhận thức pháp luật còn*

hạn chế, do phần lớn số phạm nhân CHHPT các tội về ma túy thường có tiền sử nghiện nên họ TĐG chưa chính xác về HVPT của mình là cố ý. Một số khác còn cố tình kêu oan, cho rằng do vô ý mà họ dẫn tới HVPT” (Trần Mạnh Q, 15 năm làm cán bộ quản giáo trại giam Hoàng Tiến). Theo chúng tôi, do “Cơ chế phòng vệ chối bỏ” dẫn tới PN không TĐG HVPT của bản thân là cố ý. Cụ thể hơn, sự tự vệ chặn những sự kiện có hại từ bên ngoài, PN CHHPT các tội về ma túy từ chối không chấp nhận với tình huống gây căng thẳng vượt quá khả năng của cá nhân. Họ không giám đốc đầu và chấp nhận sự thật về HVPT của bản thân là hành vi cố ý sẽ tạo điều kiện để những cơ chế tự vệ không lành mạnh khác có cơ hội phát huy. Ví như họ sẽ lý giải về nguyên nhân dẫn tới HVPT của họ từ những nguyên nhân khách quan bên ngoài như đã phân tích ở nội dung 3.1.1.1.

- So sánh tự đánh giá về hành vi phạm tội là hành vi vô ý hay cố ý ở các nhóm phạm nhân khác nhau đang chấp hành hình phạt tù các tội về ma túy.

Qua kết quả thống kê bảng 3.12 cho chúng tôi thấy thực trạng TĐG HVPT (vô ý hay cố ý) ở một số nhóm phạm nhân (chưa có tiền sử nghiện và có tiền sử nghiện ma túy; tiền án; mức án; tình trạng hôn nhân) là không như nhau. Kết quả kiểm định tự đánh giá hành vi phạm tội vô ý hay cố ý ở một số nhóm phạm nhân (trình độ học vấn; giới tính, tình trạng hôn nhân $p>0,05$), điều này cho thấy kết quả này không có ý nghĩa thống kê nên chúng tôi không tìm hiểu thêm.

Bảng 3.12. Tự đánh giá hành vi phạm tội là vô ý hay cố ý giữa các nhóm phạm nhân

(So sánh theo điểm trung bình)

Phân loại theo các nhóm phạm nhân	TĐG hành vi PT		So sánh theo ANOVA
	Các nhóm cụ thể	TĐG HVPT vô ý hay cố ý (ĐTB)	
Tiền sử nghiện ma túy	Chưa từng nghiện (TB1)	2,75	TB1>TB2, $p=0,015$
	Đã từng nghiện (TB2)	2,68	
Mức án	Ba năm trở xuống (TB1)	2,80	TB3<TB4, $p=0,031$
	Từ 3 đến 7 năm (TB2)	2,69	
	Từ 7 đến 15 năm (TB3)	2,69	
	Từ 15 năm đến trung thân (TB4)	2,77	
Tiền án	Chưa từng có tiền án (TB1)	2,70	TB1<TB2, $p=0,008$
	Đã từng có tiền án (TB2)	2,78	

Ghi chú: Trong bảng chỉ hiện thị những khác biệt có ý nghĩa thống kê ($p<0,05$)

- Thực trạng tự đánh giá hành vi phạm tội là vô ý hay cố ý giữa các nhóm phạm nhân chưa có tiền sử nghiện ma túy và có tiền sử nghiện ma túy

Kiểm định sự khác biệt tự đánh giá về hành vi phạm tội (vô ý hay cố ý) giữa nhóm phạm nhân có tiền sử nghiện ma túy và nhóm không có tiền sử nghiện ma túy bằng T-test chúng tôi thu được $p=0,015<0,05$, chứng tỏ có sự khác biệt tự đánh giá về hành vi phạm tội (vô ý hay cố ý) giữa phạm nhân có tiền sử nghiện ma túy và phạm nhân không có tiền sử nghiện ma túy. Điều này được giải thích phạm nhân chưa có tiền sử nghiện ma túy trước khi phạm tội biết rõ hành vi của mình vi phạm pháp luật hình sự, nếu bị bắt sẽ phải đi cải tạo, trong khi đó nhiều phạm nhân có tiền sử nghiện ma túy không suy nghĩ nhiều về điều này, khi đã nghiện thì việc làm đầu tiên của họ là tìm mọi cách để có ma túy sử dụng, họ không bận tâm nhiều đến hành vi của mình có phạm tội hay không phạm tội. Thực tế qua nghiên cứu định tính một số trường hợp cụ thể chúng tôi thấy những phạm nhân có tiền sử nghiện ma túy tự đánh giá hành vi phạm tội của bản thân nghiêng về vô ý nhiều hơn cố ý, phỏng vấn sâu nhóm phạm nhân có tiền sử nghiện trước khi thực hiện hành vi phạm tội chúng tôi càng rõ kết quả trên, một phạm nhân tâm sự "*Cũng chỉ vì nghiện ngập rồi gái gú mà tôi có bản án tù như ngày hôm nay vì tội mua bán trái phép chất ma túy, số hàng trắng đó cũng không phải của tôi mà là của đứa con gái kia, tôi cả nó cặp kè với nhau thuê nhà ở, hai đứa cùng chung sở thích bay lắc, nó bán Heroin từ trước tôi cũng biết nhưng cũng không quan tâm vì tôi cũng chẳng liên quan đến chuyện làm ăn của nó, tôi có nguồn thu riêng của tôi là cửa hàng kinh doanh vòng bi, chẳng liên quan đến kinh tế của nhau, đến với nhau chỉ là thú vui thân xác sau mỗi trận bay về. Cặp với nó được khoảng 5 tháng có đúng hai lần đèo nó đi đưa hàng cho khách cùng nó, và khi bị bắt thì tôi trở thành đồng phạm*" (phạm nhân Phạm Hoài N sinh năm 1980, HKTT Nguyễn Lương Bằng - Nam Đồng - Đống Đa - Hà Nội, án 16 năm, tội "Mua bán trái phép chất ma túy", đang chấp hành án tại trại giam Ngọc Lý - Bắc Giang). Một phạm khác khi nói về HVPT của mình cũng cho rằng mình vô ý phạm tội "*Thực lòng mà nói tôi không buôn bán ma túy mà tôi chỉ nghiện ma túy, nhưng chỉ một lần đi cùng với người buôn bán mà tôi bị liên lụy... sau mỗi lần đi lấy cung ở Công an tôi luôn cãi nhau với điều tra là tôi không có tội, tôi không buôn bán ma túy, chỉ khi ra tòa chủ tọa nói tôi có biết việc mua bán ma túy của anh Ng chị Ph không và tôi trả lời có biết, và tôi cũng nói*

là tôi có mang bánh heroin từ Bắc Giang về Lạng Sơn. Chủ tọa cho biết như vậy tôi là một trong những mắt xích quan trọng trong đường dây buôn bán ma túy do anh Ng cầm đầu" (phạm nhân Nguyễn Văn L sinh năm 1984, hộ khẩu Lạng Sơn, án 23 năm về tội "MBTPCMT", hiện đang cải tạo tại trại giam Ngọc Lý - Bắc Giang). Phạm nhân N "*Mua bán TPCMT*" cho rằng mình vô ý phạm tội với lý do "*Bản thân tôi do tình thương người nên tôi đã nhận lời mua giúp ma túy cho người nghiện vì vậy đã vô tình phạm tội, tôi giúp người khác không có nhu cầu lợi nhuận gì vì lẽ đó bản thân tôi không cố ý phạm tội*" (Nam PN sinh năm 1959, học vấn 7/10, án 7 năm tội "MBTPVMT" đang CHA tại trại giam Ngọc Lý).

Tuy nhiên khi tìm hiểu sâu hơn về TĐG về HVPT chúng tôi thấy trong hồ sơ của phạm nhân ghi có tiền sử nghiện ma túy, nhưng khi phỏng vấn sâu thì có phạm nhân không thừa nhận điều này. Qua tìm hiểu kỹ hơn chúng tôi phát hiện rằng có sự mâu thuẫn đó là vì khi bị bắt và trong lời khai của phạm nhân, họ thừa nhận bản thân có tiền sử nghiện ma túy để mong muốn được xét tình tiết giảm nhẹ với hành vi "TTTTPCMT" để sử dụng cho bản thân. Tuy nhiên, khi đi CHHPT thì phạm nhân lại thấy hối tiếc về lời khai trước đây của họ vì có những phạm nhân đã đủ điều kiện đặc xá nhưng chỉ vì trong hồ sơ họ khai có tiền sử nghiện ma túy mà họ đã mất đi cơ hội đặc xá của mình. Phạm nhân Đ.Ng.A đang chấp hành án tại đội vàng mã trại giam Ngọc Lý cho biết "*Tôi rất lấy làm hối tiếc vì trước đây mặc dù chưa nghiện ma túy nhưng với suy nghĩ nếu khai bản thân có tiền sử nghiện sẽ được xử mức án nhẹ hơn. Tuy nhiên, chỉ vì lời khai đó mà năm vừa rồi tôi đã mất cơ hội đặc xá để trở về sớm với gia đình*". Đồng chí N.V.Đ, cán bộ giáo dục trại giam Hoàng Tiến cho biết "*Trong trại giam, nhiều phạm nhân không có tiền sử nghiện ma túy nhưng khi bị bắt đều khai bản thân bị nghiện ma túy để mong được hưởng mức án nhẹ hơn. Họ chỉ ân hận khi họ chấp hành án đã đủ thời gian để được xét đặc xá, các điều kiện khác đầy đủ nhưng chỉ vì hồ sơ có tiền sử nghiện ma túy mà những phạm nhân này không được xét đặc xá*". Như vậy, PN CHHPT các tội về ma túy có tiền sử nghiện, HVPT của họ thường là "TTCPCMT" với mục đích tàng trữ là chính để có ma túy sử dụng. Ngược lại, nhóm phạm nhân CHHPT không có tiền sử nghiện ma túy TĐG HVPT của họ nghiêng theo hướng hành vi cố ý. Do phần lớn

những phạm nhân không có tiền sử nghiện ma túy, HVPT của họ xuất phát từ lợi nhuận kinh tế, do đó họ đi vào con đường phạm tội về ma túy họ cũng đã xác định cho mình tâm thế nếu bị bắt thì phải chấp nhận đi tù. Họ cũng không thể chối cãi với những chứng cứ về số lượng ma túy cũng như phương thức thủ đoạn phạm tội của họ. Với tâm thế như phân tích ở trên nên thực tế hiện nay những đối tượng thực hiện HVPT về ma túy với động cơ chủ đạo là lợi nhuận về kinh tế thường sẵn sàng “vận chuyển” với số lượng lớn ma túy.

- Thực trạng tự đánh giá hành vi phạm tội (vô ý hay cố ý) giữa các nhóm phạm nhân có mức án khác nhau.

Số năm CHHPT (mức án) - khoảng thời gian ở tù mà phạm nhân phải chấp hành về mặt nguyên tắc (vì phạm nhân có thể được giảm án hoặc đặc xá) - để lại dấu ấn sâu sắc trong TĐG của họ. Qua bảng số liệu 3.15 cho thấy giữa các phạm nhân có mức án khác nhau cũng tự đánh giá về hành vi phạm tội của bản thân (cố ý hay vô ý) không như nhau.

+ Nhóm “từ 15 năm đến chung thân” TĐG HVPT rõ ràng hơn nhóm "từ 7 đến 15 năm" ở cả 3 nội dung tự đánh giá hành vi phạm tội của bản thân "vô ý hay cố ý", "vi phạm pháp luật" và "bị xử lý bằng hình phạt tù".

+ Nhóm “từ 15 năm đến chung thân” TĐG HVPT rõ ràng hơn nhóm "từ 3 đến 7 năm" ở nội dung "vi phạm pháp luật hình sự".

+ Về tổng thể thì nhóm “từ 15 năm đến chung thân” TĐG rõ ràng nhất về HVPT của mình so với các nhóm còn lại. Điều này nói lên rằng nhóm phạm nhân có mức án dài nhất thường đánh giá HVPT của bản thân rõ ràng hơn các nhóm có mức án ngắn.

Nguyên nhân có sự đánh giá HVPT về ma túy (vô ý hay cố ý) giữa nhóm phạm nhân có tội danh khác nhau là do nhóm phạm nhân có mức án dài "từ 15 năm đến chung thân" thường là nhóm có HVPT "VCTPCMT" và "MBTPCMT". Đây là nhóm thực hiện HVPT thường với số lượng ma túy lớn và cấu kết băng nhóm chặt chẽ. Do vậy, với nhóm này họ có sự chuẩn bị rất tinh vi về thủ đoạn để thực hiện hành vi phạm tội, thậm chí kể cả kế hoạch vạch ra phương thức, cách thức chống trả lại lực lượng chức năng khi bị phát hiện.

Ngược lại với nhóm có án dài, nhóm có mức án ngắn từ 7 năm trở xuống thường là nhóm do họ nghiện ma túy và mua ma túy về sử dụng là chính, HVPT của họ thường là “TTTPCMT”. Là nhóm phạm tội với số lượng ma túy không lớn và hoạt động manh mún, nhỏ lẻ. Họ không TYT được rõ ràng về HVPT của bản thân.

- Thực trạng tự đánh giá về hành vi phạm tội (vô ý hay cố ý) giữa nhóm tiền án đầu và nhóm đã có một tiền án trở lên.

Qua số liệu cho chúng tôi thấy có sự khác nhau tự đánh giá giữa phạm nhân phạm các tội về ma túy có tiền án và những phạm nhân chưa có tiền án ($p=0,008<0,05$). Kết quả bảng 3.15 cho thấy những phạm nhân đã từng có tiền án đánh giá rất rõ về HVPT của bản thân trước khi họ thực hiện HVPT về ma túy. Điều này qua chia sẻ của các quản giáo cho thấy, những phạm nhân đã từng có tiền án họ đánh giá rõ về HVPT của bản thân, họ cũng thấy hành vi phạm tội về ma túy không thể có hành vi vô ý phạm tội mà đều xuất phát từ hành vi cố ý (có nghĩa người thực hiện hành vi phạm tội biết trước được tác hại của ma túy nhưng vẫn thực hiện hành vi phạm tội). Do họ phải trải qua quá trình chấp hành hình phạt tù trước đó, được học tập nội quy, kỷ luật trại giam, học về tác hại của ma túy, qua giao tiếp với các phạm nhân khác mà họ nắm bắt rất rõ hành vi phạm tội của bản thân. Đồng chí B, cán bộ trại giam Tân Lập chia sẻ: *“Do đã nhiều lần đi lấy cung, do quá trình đã từng sống giao tiếp, chia sẻ với những phạm nhân khác có cùng hành vi phạm tội từ trong tạm giam đến trại giam nên những phạm nhân tái phạm các tội về ma túy nắm rất rõ hành vi phạm tội về ma túy của mình nếu bị bắt thì sẽ bị xử phạt ứng với điều, khung và khoản nào trong bộ luật hình sự”*. Phạm nhân P.T.A, án 5 năm về tội “MBTPCMT”, đang chấp hành án tại trại giam Tân Lập cho biết *“Trước khi bị bắt về hành vi mua bán trái phép chất ma túy thì tôi đã biết nếu bị bắt sẽ phạm vào khoản 1, điều 194 bộ luật hình sự với mức án tối đa là đến 7 năm tù giam”*. Khác với những phạm nhân đã có tiền án thì những phạm nhân chưa có tiền án thường đánh giá về hành vi phạm tội của bản thân nghiêng theo hướng vô ý phạm tội.

Những phạm nhân có tiền án thường đánh giá nguyên nhân bản thân phạm tội là cố ý, ngược lại những phạm nhân tiền án đầu thường nghiêng về tự đánh giá HVPT của bản thân là vô ý. Trong đó có những phạm nhân còn cho rằng hành vi "tàng trữ ma túy" của bản thân không phải là HVPT với suy nghĩ "*Tôi có tiền tôi mua ma túy để sử dụng chứ bản thân tôi không làm gì ảnh hưởng đến người khác và xã hội*" (Phạm nhân Tr.V.V sinh năm 1984, án 3 năm về tội “Tàng trữ TPCMT”, đang CHA tại trại giam Tân Lập).

Tóm lại, phạm nhân chấp hành hình phạt tù các tội về ma túy TĐG chưa chính xác về hành vi phạm tội của bản thân. Thực tế, hầu hết HVPT về ma túy của PN là cố ý nhưng họ TĐG HVPT của bản thân là do vô ý. Số phạm nhân chưa có tiền sử nghiện, có mức án từ 15 đến chung thân, đã từng có tiền án nghiêng về đánh giá HVPT của bản thân là cố ý, ngược lại nhóm phạm nhân có tiền sử nghiện ma túy, có mức án dưới 15 năm, chưa từng có tiền án nghiêng về đánh giá HVPT của bản thân theo hướng vô ý.

b. TĐG của PN về HVPT có đáng bị xử lý bằng hình phạt tù hay không

Kết quả thu được cho thấy TĐG của khách thể về HVPT của họ theo tiêu chí HV đó có đáng bị phạt tù hay không chưa rõ ràng (ĐTB=2,84).

Bảng 3.13. Tự đánh giá của phạm nhân về hành vi phạm tội bị xử lý bằng hình phạt tù
(Theo điểm trung bình)

TT	Tự đánh giá hành vi phạm tội của bản thân	ĐTB	ĐLC
1	Tôi thấy hành vi phạm tội của mình sẽ bị xử lý bằng hình phạt tù là đúng	3,25	0,58
2	Thông qua các đối tượng cùng tạm giam tại trại tạm giam tôi thấy hành vi phạm tội của mình bị xử lý bằng hình phạt tù	2,67	0,73
3	Đến giờ tôi vẫn chưa hiểu tại sao hành vi phạm tội của mình lại bị xử lý bằng hình phạt tù	1,07	0,81
4	Từ khi bị bắt và được cán bộ điều tra giải thích tôi mới biết mình phạm tội và sẽ bị xử lý bằng hình phạt tù.	2,74	0,77
5	Khi ra trước tòa tôi biết trước hành vi phạm tội của mình bị xử lý bằng hình phạt tù	2,57	0,76
6	Đến khi đi vào trại giam, được cán bộ trại giam giải thích tôi biết mình hành vi phạm tội của bản thân bị xử lý bằng hình phạt tù là đúng	2,69	0,80
7	Tôi tự nhận thấy hành vi phạm tội của mình bị xử lý bằng hình phạt tù là nhờ các bạn tù giải thích cho tôi.	3,05	0,78
	Điểm trung bình	2,84	0,49

Nói cụ thể hơn là họ không muốn khẳng định HVPT của mình đáng bị phạt tù, nhưng cũng không dám thể hiện rõ ý kiến là nó không đáng bị phạt tù.

Do phần lớn PN TĐG HVPT của bản thân là vô ý nên kết quả bảng 3.13. thu được có tới 44,8% phạm nhân TĐG HVPT của họ chưa đáng bị xử lý bằng hình phạt tù; 34,8% - có thể bị xử lý bằng hình phạt tù; 20,5% - đáng bị xử lý bằng hình phạt tù. Như vậy chỉ có 1/5 số PN CHHPT các tội về ma túy TĐG HVPT của họ đáng bị xử lý bằng hình phạt tù, nghĩa là chỉ số ít phạm nhân đó TĐG HVPT của mình theo hướng không có lợi cho họ, đa số TĐG theo hướng có lợi cho họ hơn. Điều này được khẳng định rõ thêm rằng do PN TĐG HVPT của bản thân là vô ý (*Cơ chế phòng vệ chối bỏ*) nhằm tự vệ chặn những đánh giá của pháp luật và xã hội, từ đó họ tiếp tục TĐG về HVPT là không đáng bị xử lý bằng hình phạt tù nhằm cố tình không chấp nhận sự thật về HVPT mà bản thân họ đã gây ra (cơ chế tự vệ không lành mạnh).

Một phạm nhân nữ tâm sự *"trên đường đi đón cháu nội đi học mẫu giáo về, một người quen gửi tôi túi nhỏ nhờ tôi mang về nhà rồi anh ta đến lấy sau, gần về đến nhà tôi bị công an kiểm tra chính túi mà anh người quen gửi và trong đó là 2 bánh heroin mà tôi không biết", "nếu biết trong túi có heroin hoặc vật gì cấm thì chắc chắn tôi sẽ không cầm hộ anh người quen đó", "đến giờ tôi chỉ ân hận là đã tin tưởng cầm hộ túi đồ mà anh người quen gửi trên đường tôi đi đón cháu về chứ thực tình từ nhỏ đến giờ tôi chưa biết heroin là gì"* (Phạm nhân nữ sinh năm 1946, quê quán Lạng Sơn, án 20 năm tội “MBTPCMT”, đang chấp hành án tại trại giam Hoàng Tiến).

Trong nhóm phạm nhân tự đánh giá hành vi phạm tội bị xử lý bằng hình phạt tù thì cũng có phạm nhân chia sẻ *"nếu tôi khôn khéo hơn thì không bị bắt"*. Sự khôn khéo đó cũng được chúng tôi nghiên cứu ở một trường hợp cụ thể *"Cuối tháng 11/2007 phát hiện Ng.Th.M dón tiền để chuẩn bị đi Hòa Bình mua ma túy. Phòng đã cử 4 đồng chí đi xe máy vào thị trấn Hòa Bình, huyện Tương Dương để phục kích, đón lõng đối tượng, cử một tổ trinh sát gồm 3 đồng chí xuống địa bàn xã Giao Tiến, trực tiếp giám sát phát hiện thời điểm, phương tiện đối tượng đi. Các trinh sát đã phát hiện M đi trên xe ô tô khách chạy tuyến Giao Thủy - Hà Nội và đã thông tin cho tổ trinh sát tại Nam Định đón lõng đối tượng. Hai trinh sát lên xe giám sát đối tượng, 4 đồng chí dùng ô tô hỗ trợ. M đến Phủ Lý xuống xe đón xe từ Hà Nội đi*

Nghệ An, đi khoảng 300km đến ngã ba Diễn Châu thì M xuống xe và đón xe ô tô đi tiếp 150km theo đường QL7 vào thị trấn Hòa Bình huyện Tương Dương. Ngay sau khi xuống xe M thuê xe ôm vào xã Lượng Minh. Hai trinh sát đi xe máy bám theo, khi đến đầu bản Minh Phương, xã Lượng Minh thì M đi bộ lên núi nằm ở chòi coi ngô của dân ở bản. Tổ trình sát rút ra cầu xi măng đường từ bản ra theo QL7 để phục kích đối tượng. Qua ba ngày kiên trì phục kích không thấy đối tượng xuất hiện. Trong khi đó tổ trình sát ở xã Giao Tiến thông báo đối tượng đã về địa phương". Khi nghiên cứu hồ sơ của phạm nhân M chúng tôi được biết đối tượng đi từ bản Minh Phương theo đường Sông Cả đến khu vực Khe Bó, xã Tam Quang, sau đó lên bờ thuê xe ôm ra trung tâm huyện Con Cuông - Nghệ AN đón xe ra Diễn Châu - Nghệ an và từ đó đón xe Thái Bình về Nam Định. Khi đến Ninh Bình đối tượng xuống xe thuê xe ôm đi tắt đường Kim Sơn sang huyện Nghĩa Hưng về Giao Tiến. Trên đường về nhà M đã bán xong ma túy. Khi được hỏi phạm nhân M cũng trả lời rất cởi mở "nếu tôi khôn khéo hơn ở lần sau thì tôi cũng chưa bị bắt và phải đi chấp hành án như ngày hôm nay". Nhiều phạm nhân chia sẻ "Tôi tự nhận thấy hành vi phạm tội của mình bị xử lý bằng hình phạt tù là nhờ các bạn tù giải thích cho tôi" (ĐTB=3,05). Mới tìm hiểu chúng tôi thấy như có sự mâu thuẫn về TĐG HVPT của phạm nhân. Khi tìm hiểu sâu hơn chúng tôi thấy: Trước khi đi CHHPT phạm nhân đã trải qua nhiều giai đoạn tố tụng. Mỗi giai đoạn đó giúp họ TĐG lại HVPT của mình, vậy tại sao một nhóm chiếm 81,1% cho rằng họ biết hành vi phạm tội của bản thân bị xử lý bằng hình phạt tù nhờ các bạn tù. Một phạm nhân trong nhóm trên chia sẻ "tôi đi trả án lần này là án đầu, khi mới bị bắt và tạm giam, tôi thực sự chỉ đánh giá được hành vi của bản thân là phạm tội nhưng chưa biết mình sẽ bị khởi tố về tội gì, khung hình phạt và thuộc khoản nào. Tôi rất hoang mang muốn được nhanh chóng biết hành vi phạm tội của mình thì phải đi mấy năm tù, thông qua đồng phạm cùng buồng giam mà tôi biết rõ được mình phạm tội gì và mức án khoảng bao nhiêu năm" (N.X.A sinh năm 1972, án 18 năm tội "MBTPCMT" đang chấp hành án tại trại giam Tân Lập).

- Số phạm nhân tự đánh giá “Trước khi phạm tội tôi đã đánh giá được hành vi phạm tội của mình bị xử lý bằng hình phạt tù” tập trung vào số phạm nhân đã từng

có tiền án tiền sự. Những phạm nhân không có tiền sử nghiện ma túy và nhóm phạm nhân có mức án từ 15 năm đến chung thân. Việc số phạm nhân từng có tiền án không những TĐG hành vi liên quan đến ma túy của họ là HVPT mà họ còn đánh giá sâu sắc và rõ ràng hơn về hành vi của họ được quy định trong điều nào, khoản nào, mức án bao năm trong bộ luật hình sự.

- Số phạm nhân tự đánh giá *“Thông qua các đối tượng cùng tạm giam tại trại tạm giam tôi mới biết rằng hành vi phạm tội của mình bị xử lý bằng hình phạt tù”* tập trung vào số phạm nhân có tiền sử nghiện ma túy, lần đầu tiên đi chấp hành hình phạt tù và nhóm phạm nhân có mức án ngắn (từ 15 năm trở xuống). Giải thích điều này, do những phạm nhân phạm tội lần đầu mặc dù họ tự đánh giá hành vi “mua bán”, “vận chuyển”, “tàng trữ”,...trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật hình sự nhưng họ không TĐG được hành vi của mình phạm vào điều khoản nào và khung hình phạt nào trong bộ luật hình sự. Điều này khác với đánh giá của nhóm phạm nhân đã có tiền án và nhóm không có tiền sử nghiện ma túy.

- Đặc biệt có những phạm nhân tự đánh giá rằng *“Đến giờ tôi vẫn chưa hiểu sao hành vi phạm tội của mình lại bị xử lý bằng hình phạt tù”*, tìm hiểu kỹ hơn chúng tôi thấy rơi vào số phạm nhân chấp hành hình phạt tù về tội ma túy với tội danh “TTTPCMT”. Phần lớn nhóm phạm nhân có tiền sử nghiện ma túy, họ bị bắt quả tang trong hoàn cảnh vừa mua ma túy về để sử dụng. Do đó, họ tự đánh giá hành vi mua ma túy của mình để sử dụng thì đúng ra chỉ bị xử phạt hành chính hoặc cùng lắm là đi cai nghiện là đủ. Họ TĐG việc họ bị bắt và phải đi CHHPT là quá nặng. PN Lương Tuấn Tr tâm sự *“Đến giờ tôi cũng không nghĩ bản thân tôi lại phải đi tù, lần trước tôi bị đi cai nghiện bắt buộc 2 năm tại trung tâm 05 Ba Vì nên lần này tôi nghĩ mình sử dụng lại ma túy thì nếu bị bắt cùng lắm cũng chỉ bị tiếp tục đi cai nghiện”* (PN L.T.Tr án 3 năm về tội “TTTPCMT”, CHA tại trại giam Hoàng Tiến).

- Số liệu thu được qua item *“Chỉ khi bị bắt và được cán bộ điều tra giải thích tôi mới biết mình phạm tội và sẽ bị xử lý bằng hình phạt tù”* rơi vào nhóm phạm nhân có tiền sử nghiện ma túy và số phạm nhân có tiền án đầu. Số phạm nhân có tiền án đầu ngoài việc họ TĐG được HVPT của bản thân sẽ bị xử lý bằng hình phạt

tù qua các phạm nhân khác tại trại tạm giam, ngoài ra họ còn TĐG rõ ràng HVPT của bản thân sẽ bị xử lý bằng hình phạt tù thông qua điều tra viên trực tiếp thụ lý vụ án. Một số phạm nhân cho rằng họ TĐG hành vi phạm tội của mình sẽ bị xử lý bằng hình phạt tù (phạm điều nào, khoản nào và mức án bao nhiêu năm) qua bản kết luận điều tra mà cán bộ điều tra đọc cho bị can. Một số phạm nhân khác cho rằng: “Chỉ khi ra trước tòa tôi mới biết rằng hành vi phạm tội của mình bị xử lý bằng hình phạt tù, còn trước đó tôi chưa tin điều đó” họ chỉ tin HVPT của bản thân sẽ bị xử lý bằng hình phạt tù khi tòa tuyên án. Một số khác lại TĐG HVPT của bản thân khi “Đến khi đi vào trại giam, được cán bộ trại giam giải thích tôi mới biết mình hành vi phạm tội của bản thân bị xử lý bằng hình phạt tù là đúng”.

- So sánh tự đánh giá về hành vi phạm tội “đáng bị xử lý bằng hình phạt tù hay không” ở các nhóm phạm nhân khác nhau

Qua kết quả thống kê bảng 3.14 cho chúng tôi thấy thực trạng TĐG hành vi phạm tội bị xử lý bằng hình phạt tù ở một số nhóm phạm nhân (tiền sử nghiện ma túy; tiền án; mức án) là không như nhau với $p < 0,05$. Kết quả kiểm định tự đánh giá hành vi phạm tội bị xử lý bằng hình phạt tù với một số nhóm phạm nhân với tình trạng hôn nhân cụ thể đề có $p > 0,05$, điều này cho thấy không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê.

Bảng 3.14. Tự đánh giá HVPT bị xử lý bằng hình phạt tù giữa các nhóm phạm nhân

(So sánh điểm trung bình)

Phân loại theo các nhóm phạm nhân	TĐG hành vi PT		So sánh theo ANOVA
	Các nhóm cụ thể	TĐG HVPT bị xử lý bằng hình phạt tù (ĐTB)	
Tiền sử nghiện ma túy	Chưa từng nghiện (TB1)	2,78	TB1 < TB2, $p = 0,000$
	Đã từng nghiện (TB2)	2,94	
Mức án	Ba năm trở xuống (TB1)	2,84	TB3 < TB4, $p = 0,000$
	Từ 3 đến 7 năm (TB2)	2,93	
	Từ 7 đến 15 năm (TB3)	2,75	
	Từ 15 năm đến trung thân (TB4)	2,91	
Tiền án	Chưa từng có tiền án (TB1)	2,70	TB1 < TB2, $p = 0,017$
	Đã từng có tiền án (TB2)	2,78	

Ghi chú: Trong bảng chỉ hiện thị những khác biệt có ý nghĩa thống kê ($p < 0,05$)

- TĐG HVPT của nhóm phạm nhân có tiền sử nghiện ma túy và nhóm chưa có tiền sử nghiện ma túy ($p = 0,000$), điều đó nói lên rằng có sự khác nhau mang ý nghĩa thống kê giữa hai nhóm phạm nhân này khi TĐG về HVPT của bản thân.

Điều này được giải thích trong thực tế những phạm nhân CHHPT các tội về ma túy chưa có tiền sử nghiện nên họ phạm tội về ma túy phần lớn là vì lợi nhuận kinh tế mà HVPT ma túy đem lại. Với nhóm phạm nhân có tiền sử nghiện ma túy thì HVPT ma túy thường phục vụ chính việc sử dụng. Về mặt tâm lý thì những người khi đã nghiện ma túy có tâm lý lệ thuộc rất lớn vào ma túy, khả năng làm chủ hành vi của bản thân kém, do đó dễ bị lôi kéo từ bên ngoài. Chính điều này mà những phạm nhân không có tiền sử nghiện TĐG rất rõ hành vi phạm tội của bản thân bị xử lý bằng hình phạt tù. Ngược lại, nhóm phạm nhân có tiền sử nghiện thì nhiều phạm nhân chỉ đến khi bị bắt và tòa tuyên án mới thấy rõ hành vi phạm tội của mình.

- Số liệu thống kê bảng 3.14 cho thấy có sự khác biệt TĐG HVPT nhóm phạm nhân từng có tiền án và nhóm phạm nhân chưa có tiền án ($p=0,017<0,05$).

Cụ thể, nhóm phạm nhân CHHPT các tội về ma túy đã có tiền án TĐG rất rõ ràng HVPT của mình sẽ bị xử lý bằng hình phạt tù trước khi bản thân họ thực hiện hành vi phạm tội về ma túy. Do những phạm nhân từng có tiền án trong quá trình CHHPT ở những lần trước, họ thường trao đổi với các phạm nhân khác về tội danh và quá trình phạm tội cho đến khi bị bắt và đi CHHPT. Do đó, họ TĐG rất rõ HVPT của bản thân tương ứng với hình phạt tù như thế nào. Tuy nhiên, đối với những phạm nhân này thì thuyết phục hơn với họ là khi điều tra viên đã đầy đủ chứng cứ để buộc họ phải nhận tội của mình.

Qua ý kiến đồng chí Tuấn hiện là cán bộ quản giáo có thâm niên công tác hơn 20 năm tại trại giam Tân Lập - Phú Thọ thuộc TC8-BCA cho biết “*Cán bộ trại giam ngoài công tác chuyên môn còn lo công việc gia đình, con cái, đối nội đối ngoại...nhưng phạm nhân chấp hành hình phạt tù trong trại giam ngoài giờ đi làm, buổi tối và những ngày nghỉ lao động họ thường ngồi tâm sự với nhau về hành vi phạm tội của mình và bản án họ đang chấp hành, do vậy nhiều phạm nhân nắm rất rõ hành vi phạm tội nào tương ứng với khung hình phạt nào quy định trong bộ luật hình sự hơn cả cán bộ trại giam có ít thâm niên công tác*”.

Ngược lại những phạm nhân phạm các tội về ma túy chưa có tiền án TĐG chưa rõ ràng về HVPT của mình trước khi phạm tội Điều đó có nghĩa nhiều phạm

nhân phạm tội ma túy lần đầu thì trước khi thực hiện HVPT họ chưa TĐG hành vi đó sẽ bị xử lý bằng hình phạt tù. Điều này được lý giải như sau:

Thứ nhất, trong quãng thời gian tạm giam phạm nhân phạm tội lần đầu được giam cùng phòng với các phạm nhân khác và qua giao tiếp với những phạm nhân có án ma túy lần hai trở lên mà họ TĐG HVPT sẽ bị nằm trong khung, khoản nào và hình phạt nào trong bộ luật hình sự và sẽ bị đi tù khoảng bao nhiêu năm. *Thứ hai*, qua các lần lấy cung, phạm nhân được điều tra viên giải thích và họ cũng biết được HVPT của bản thân. Qua phỏng vấn sâu nhiều phạm nhân cho biết họ nghiện và mua ma túy sử dụng, hành vi mua ma túy để sử dụng họ không nghĩ sẽ bị xử lý bằng hình phạt tù. Thời gian đầu mới bị bắt họ đánh giá hành vi của họ là vi phạm pháp luật nhưng cũng lắm cũng chỉ đáng bị xử lý hành chính hoặc đi cai nghiện.

- Số liệu bảng 3.14 cho thấy có sự khác biệt TĐG HVPT giữa nhóm phạm nhân án (7 đến 15 năm) và nhóm phạm nhân án (15 năm đến chung thân) với $p=0,000<0,05$. Nhóm phạm nhân mức án (15 năm đến chung thân) TĐG rõ hơn về hành vi phạm tội của mình bị xử lý bằng hình phạt tù. Tìm hiểu sâu hơn chúng tôi có câu trả lời khá thú vị đó là trong nhóm phạm nhân mức án (từ 15 đến chung thân) có nhóm từ án tử hình được ân giảm xuống án chung thân, với nhóm phạm nhân này thì họ từng trải nghiệm tâm lý rất nặng nề những ngày đợi sự ân giảm của Chủ tịch nước. Do đó, họ đánh giá rất rõ HVPT của bản thân bị xử lý bằng hình phạt tù. Một phạm nhân thoát án tử hình đang thụ án tại trại giam Hoàng Tiến (TC8-BCA), D tâm sự *"Đối với tôi, khi nhận được quyết định này đồng nghĩa như được sinh ra lần thứ 2"*. Sau hai lần xét xử, Hà Quang D đều phải nhận mức án Tử hình về tội *"Vận chuyển trái phép chất ma túy"*. D tâm sự *"Sau khi bị tuyên án tử hình, tôi được áp giải về phòng biệt giam của Trại tạm giam công an tỉnh Quảng Ninh. Lúc ấy, tôi rất căng thẳng và bi quan với hình phạt đang đón đợi mình ở phía trước, nỗi lo trĩu nặng về một bản án "dựa cột" đang chờ đợi mình. Tia hi vọng cuối cùng dành cho tôi là viết đơn gửi lên Chủ tịch nước xin tha tội chết. Những ngày tháng đó đối với tôi thật khủng khiếp. Bị cùm chân tay, đối mặt với bốn bức tường giam lạnh lẽo, lúc ấy tôi mới thấy giá trị của sự sống. Ngày qua ngày, nhìn những người bạn bên cạnh khi đã "hết hạn tạm trú" phải ra pháp trường khiến cho*

tôi lạnh gáy... Nghĩ lại cuộc đời mình thấy tủi, vì lòng tham, tôi đã bắt chấp tất cả để gieo rắc cái chết âm ỉ cho đồng loại. Vì thế mà giờ đây tôi đang phải trả giá, phải chôn vùi những năm tháng của nửa cuộc đời còn lại trong chốn lao tù...”, (Hà Quang D, SN 1968, án chung thân, hiện đang CHHPT tại trại giam Hoàng Tiến).

Không có sự khác biệt mang ý nghĩa thống kê về TĐG HVPT giữa nhóm phạm nhân mức án 3 năm trở xuống và nhóm từ 3 đến 7 năm.

Tóm lại, phạm nhân chấp hành hình phạt tù các tội về ma túy TĐG HVPT của họ chưa rõ ràng. Họ thấy HVPT của họ là vô ý hơn cố ý và chưa đến mức bị xử lý bằng hình phạt tù. Tuy nhiên mức độ tự đánh giá ở nhóm phạm nhân khác nhau (tiền sử nghiện ma túy; trình độ học vấn; tiền án; mức án) có sự khác nhau. Cụ thể ở các nhóm phạm nhân có tiền sử nghiện ma túy, mức án dưới 7 năm, TĐG HVPT tội của bản thân là vô ý và không đáng bị xử lý bằng hình phạt tù. Nhóm phạm nhân chưa có tiền sử nghiện ma túy, đã từng có tiền án, có mức án từ 15 năm đến chung thân, TĐG HVPT của bản thân là cố ý và đáng bị xử lý bằng hình phạt tù (đặc biệt nhóm phạm nhân án tử hình được ân xá xuống chung thân).

3.1.2.2. Thực trạng tự ý thức của phạm nhân thể hiện qua tự đánh giá đối với hành vi chấp hành hình phạt tù

a. Thực trạng tự đánh giá của phạm nhân về cảm xúc trong quá trình chấp hành hình phạt tù

Kết quả nghiên cứu cho thấy TĐG của phạm nhân nghiêng về hướng có cảm xúc tiêu cực ở nhiều lĩnh vực của quá trình CHHPT (ĐTB=2,66). Điều này được thể hiện qua tỷ lệ % như sau: 40% phạm nhân TĐG có cảm xúc rất tiêu cực; 46,8% phạm nhân - không rõ ràng về cảm xúc của mình; Chỉ có 13,2% phạm nhân - có cảm xúc tích cực. Khi TĐG về cảm xúc của bản thân trong quá trình CHHPT, những nội dung làm cho khách thể lo lắng nhất đó là “*Tôi sợ vi phạm nội quy, kỷ luật khi ở trong buồng giam hơn là được ra lao động*” (ĐTB=2,92) và “*Tôi thấy lo sợ mỗi khi tôi không hoàn thành công việc cán bộ giao*” (ĐTB = 2,83). Chúng tôi có lý giải khá thú vị ở chỗ trong môi trường trại giam, khi phạm nhân vào những ngày nghỉ theo chế độ (thứ bảy, chủ nhật, ngày lễ, ngày tết...), những ngày mưa bão, những ngày cấm trại vì có phạm nhân trốn trại, phạm nhân không được ra

ngoài lao động, từ đó dễ dẫn tới sự “va chạm” trong trại giam hơn là khi ra lao động.

Bảng 3.15. Tự đánh giá của phạm nhân về cảm xúc trong quá trình CHHPT

(Theo tỷ lệ phần trăm và điểm trung bình)

STT	Mệnh đề	Mức độ đánh giá (%)				ĐTB	Độ lệch chuẩn
		Hoàn toàn sai	Sai nhiều hơn đúng	Đúng nhiều hơn sai	Hoàn toàn đúng		
1	Tôi thấy lo sợ mỗi khi tôi không hoàn thành công việc cán bộ giao	6,0	21,5	55,5	17,0	2,83	0,77
2	Tôi sợ vi phạm nội quy, kỷ luật khi ở trong buồng giam hơn là được ra lao động	7,8	14,0	55,8	22,0	2,92	0,81
3	Tôi thấy lo lắng nếu kết quả xếp loại thi đua của mình đạt loại yếu và trung bình	30,0	34,2	30,2	5,5	2,11	0,90
4	Tôi thấy lo lắng nếu bản thân vi phạm nội quy, kỷ luật trại giam	10,8	15,0	55,5	18,8	2,82	0,86
5	Tôi rất buồn vì bản thân chưa thật sự tích cực đấu tranh với các biểu hiện tiêu cực trong trại giam	30,5	32,8	29,5	7,2	2,13	0,93
6	Tôi lo lắng mỗi khi bị cán bộ nhắc nhở	11,2	21,8	49,5	17,5	2,73	0,88
	Chung					2,66	0,59

Phạm nhân L chia sẻ “Tôi thấy rất bức bối những ngày trại giam cấm trại do có phạm nhân trốn trại, những ngày nghỉ trong buồng giam chẳng biết làm gì rồi sinh ra để ý đến nhau từng lời ăn tiếng nói, dễ nảy sinh mâu thuẫn từ những việc nhỏ. Được ra ngoài lao động, phạm nhân thấy nhanh hết ngày hơn, nhiều khi cán bộ cũng bỏ qua cho phạm nhân nấu thêm bát mì tôm hoặc ăn thêm thức ăn” (Phạm nhân N.T.L sinh năm 1972, án 18 năm về tội “vận chuyển TPCMT” đang chấp hành HPT tại trại giam Tân Lập). Một điều thú vị nữa là khi không hoàn thành công việc cán bộ giao sẽ dẫn đến kết quả xếp loại tuần, tháng, quý của phạm nhân không đạt kết quả khá, tốt. Điều đó ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả CHHPT của phạm nhân. Việc giảm án hay không cũng chính nhờ kết quả phân loại của họ (Phạm nhân chỉ được xét giảm án khi kết quả thi đua của năm đạt mức khá trở lên).

Tuy nhiên, ở những nội dung khác phạm nhân TĐG về cảm xúc ít nặng nề hơn “Tôi rất buồn vì bản thân chưa thật sự tích cực đấu tranh với các biểu hiện tiêu cực trong trại giam” (ĐTB=2,13) và “Tôi thấy lo lắng nếu kết quả xếp loại thi đua của mình đạt loại yếu và trung bình” (ĐTB=2,11). Điều này được lý giải nếu phạm

nhân được ra ngoài lao động và hoàn thành công việc cán bộ giao thì họ có nhiều khả năng sẽ đạt được kết quả xếp loại khá, tốt. Như vậy, họ TĐG tiêu chí “*Tích cực đấu tranh với các biểu hiện tiêu cực trong trại giam*” là phụ so với việc “*hoàn thành công việc cán bộ giao*”. Tiếp nữa với suy nghĩ khi đã hoàn thành công việc cán bộ giao thì cũng không phải lo lắng nhiều về kết quả xếp loại của bản thân. Nam phạm nhân chia sẻ “*Nhiều đêm nằm nghĩ tôi thấy bức xúc với những phạm nhân vi phạm nội quy, kỷ luật trại giam. Nhưng tôi không giám đấu tranh vì những phạm nhân đó thường có bè phái. Nếu nói ra tôi rất sợ bị trả thù rồi gây phiền hà cho bản thân. Tôi chỉ biết tích cực hoàn thành công việc mình được giao để có kết quả thi đua tốt*” (Phạm nhân Ph.M.H, sinh năm 1968, án 7 năm 8 tháng, tội “MBTPCMT”, CHA trại giam Ngọc Lý).

Qua kết quả phỏng vấn sâu chúng tôi thấy những phạm nhân đội lao động (đội gạch, đội xây dựng, đội nông nghiệp) thường TĐG cảm xúc tiêu cực hơn đội phạm nhân làm bếp, đội cây cảnh, đội trực sinh. Điều này cũng dễ dàng thấy với đội lao động nặng (đội gạch, đội xây dựng...) có định mức cụ thể rõ ràng. Do đó, nếu không tích cực thì khó hoàn thành mức khoán được giao. Phạm nhân M tâm sự “*Phạm nhân nào cũng muốn được về đội trực sinh hay đội bếp vì được ăn no và công việc cũng nhẹ nhàng hơn các đội khác. Nhiệm vụ đội bếp là nấu cơm và chia khẩu phần ăn cho các đội phạm nhân khác, do vậy công việc nhẹ nhàng và ai cũng có thể hoàn thành. Còn ở đội đóng gạch tôi phải cố gắng rất nhiều mới có thể hoàn thành công việc của mình được giao*” (PN Tr.V.M án 12 năm 6 tháng, tội “MBTPCMT”). Ngược với đội lao động nặng, nam phạm nhân đội bếp chia sẻ “*Công việc của tôi cũng không vượt quá sức khỏe của bản thân, tôi và các anh em trong đội đều hoàn thành tốt công việc này*” (PN, L.H.A, án 6 năm, tội “MBTPCMT”).

Tóm lại, phạm nhân TĐG luôn có tâm trạng lo lắng trong trại giam ở nhiều lĩnh vực (vi phạm nội quy, kỷ luật trại giam khi ở trong buồng giam và không hoàn thành công việc cán bộ giao). Tuy nhiên PN lo lắng nhất không hoàn thành mức khoán vì ảnh hưởng trực tiếp tới kết quả thi đua và dẫn tới việc họ có được giảm án

hay không. Ở những đội phạm nhân khác nhau thì TĐG về cảm xúc không như nhau do tính chất công việc ở mỗi đội là khác nhau.

b. Tự đánh giá của phạm nhân về hành vi đấu tranh với các biểu hiện tiêu cực trong quá trình chấp hành hình phạt tù

Khía cạnh hành vi đấu tranh chống các biểu hiện vi phạm nội quy, kỷ luật trại giam chưa được phạm nhân đánh giá rõ ràng (ĐTB=2,13). Điều đó cho thấy so với hành vi chấp hành lao động, chấp hành nội quy kỷ luật thì hành vi đấu tranh với các biểu hiện tiêu cực của phạm nhân trong trại giam được phạm nhân thực hiện chưa được tích cực. Các nội dung "đấu tranh với các hành vi vi phạm" (ĐTB=1,88) và "không nhân nhượng với các biểu hiện tiêu cực của phạm nhân khác" (ĐTB=1,92) điều đó cho thấy phạm nhân chưa thực sự tích cực đấu tranh với các biểu hiện tiêu cực, các hành vi vi phạm của phạm nhân khác. Làm rõ hơn điều này qua chúng tôi đưa ra câu hỏi "Anh/chị đã từng nhìn thấy biểu hiện tiêu cực hay hành vi vi phạm nội quy, kỷ luật của đồng phạm hay chưa?" thì thu được kết quả có tới 81,4% phạm nhân trả lời là đã từng nhìn thấy biểu hiện tiêu cực hay hành vi vi phạm nội quy, kỷ luật của các phạm nhân khác.

Bảng 3.16. Tự đánh giá về hành vi đấu tranh với các biểu hiện tiêu cực

STT	Hành vi đấu tranh với các biểu hiện tiêu cực	Mức độ đánh giá (%)				ĐTB	Độ lệch chuẩn
		Hoàn toàn sai	Sai nhiều hơn đúng	Đúng nhiều hơn sai	Hoàn toàn đúng		
1	Tôi luôn đấu tranh với các hành vi vi phạm của phạm nhân khác	47,2	24,5	20,8	7,5	1,88	0,98
2	Bản thân tôi luôn đóng góp ý kiến để hoàn thiện công tác quản lý giáo dục trong trại giam	51,0	36,8	7,5	4,8	1,66	0,81
3	Tôi không nhân nhượng với các biểu hiện tiêu cực của các phạm nhân khác trong trại giam	38,2	36,8	19,0	6,0	1,92	0,89
4	Tôi luôn cố gắng động viên giúp đỡ các phạm nhân khác cùng tiến bộ	40,2	36,0	21,0	2,8	1,86	0,83
5*	Tự mình lo cho chính mình, còn tôi không quan tâm đến những tiêu cực hay vi phạm của phạm nhân khác.	4,5	18,2	17,8	59,5	3,32	0,92
	Chung					2,13	0,49

*Ghi chú: Những item có dấu * đã được chúng tôi mã hóa lại cho thuận với thang điểm*

Một phạm nhân xếp loại thi đua loại khá chia sẻ "Trong môi trường trại giam mặc dù cán bộ quản lý rất chặt chẽ nhưng vẫn có hành vi tiêu cực trái với nội quy,

kỷ luật của trại. Trong quá trình lao động cải tạo ở trại giam được gần 5 năm, tôi từng thấy biểu hiện tiêu cực của phạm nhân trong buồng giam của mình như đánh bạc bằng mỳ tôm, chèn ép đồng phạm và lấy đồ của đồng phạm nhưng tôi không dám báo với cán bộ vì sợ bị trả thù" (Phạm nhân N.V.Q sinh năm 1973 án 13 năm tội "MBTPCMT" đang chấp hành án tại trại giam Hoàng Tiến).

Như vậy, đa số phạm nhân đã ít nhất 1 lần thấy hành vi tiêu cực của đồng phạm, chỉ có 19,6% trả lời chưa lần nào phát hiện hành vi tiêu cực của đồng phạm. Tuy nhiên tìm hiểu kỹ hơn chúng tôi thấy trong số phạm nhân trả lời chưa lần nào nhìn thấy hành vi tiêu cực của đồng phạm thì một số phạm nhân do họ ngại nói ra hành vi tiêu cực của phạm nhân khác với nhà nghiên cứu. Số khác do mới vào nhập trại nên chưa có thời gian để nhìn thấy hành vi tiêu cực của đồng phạm. Tuy nhiên, trong số phần lớn phạm nhân đã từng nhìn thấy hành vi tiêu cực của phạm nhân khác nhưng việc họ có đấu tranh với các hành vi tiêu cực đó hay không thì chúng tôi qua câu hỏi "*Nếu phát hiện ra hành vi tiêu cực của phạm nhân khác vi phạm nội quy, kỷ luật trại giam thì anh/chị làm gì?*". Điều làm chúng tôi ngạc nhiên là có tới 68,9% trả lời "*Tự lo cho chính mình, những tiêu cực hay vi phạm của phạm nhân khác đã có cán bộ xử lý*". Như vậy, hơn 2/3 phạm nhân đã từng phát hiện ra những biểu hiện, hành vi tiêu cực vi phạm nội quy, kỷ luật trong trại giam nhưng lại có hơn 2/3 trong số họ không đấu tranh với các biểu hiện, hành vi tiêu cực đó. Một lần nữa cho thấy có sự đấu tranh động cơ rất căng thẳng giữa việc PN có nên báo với cán bộ về những hành vi vi phạm của PN khác để lấy thành tích hay coi như không biết. Sự lẩn át của lợi ích cá nhân là lo cho bản thân hơn là lo cho sự công bằng chung của đội đã dẫn tới họ chọn phương án im lặng trước những vi phạm của PN khác.

Điều này chúng tôi cũng thu thập được trong câu trắc nghiệm hoàn thiện câu "*Nhược điểm lớn nhất của tôi là....*" thu được 58,46% số phạm nhân cho rằng "*Bản thân còn nhu nhược, chưa dám đấu tranh những hành vi sai trái của phạm nhân khác*". Mặc dù tất cả phạm nhân đều nhận thức được kết quả đánh giá xếp loại hành vi chấp hành cải tạo của mình ngoài việc bản thân nhận ra lỗi lầm, có thái độ ăn năn hối cải, có hành vi chấp hành đúng nội quy, kỷ luật trại giam thì nội dung "*tích cực*

đấu tranh với các biểu hiện, hành vi vi phạm nội quy, kỷ luật trại giam" là một tiêu chí được xét vào thành tích phần đấu của họ. Qua chia sẻ của một số cán bộ trại giam và phỏng vấn phạm nhân chúng tôi đã có câu trả lời nguyên nhân tâm lý dẫn tới phạm nhân chưa tích cực đấu tranh với các biểu hiện, hành vi tiêu cực trong trại giam. Thứ nhất, phạm nhân rất sợ bị đồng phạm trả thù nếu mình phát hiện và báo cáo với cán bộ hành vi vi phạm của phạm nhân khác. Điều này cũng phù hợp với thống kê của chúng tôi có 36 biểu hiện, hành vi vi phạm mà phạm nhân thường mắc phải thì vi phạm "đánh đồng phạm" là một trong những hành vi phổ biến nhất trong trại giam. PN Phạm Văn M chia sẻ "Tôi từng chứng kiến một anh phạm nhân bị nghi làm "chim lợn" (ý muốn nói là làm cơ sở cho cán bộ) và tối về đến buồng khi tắt điện đã bị một nhóm PN khác đánh cho tới thừa sống thiếu chết...tôi cũng rất sợ điều này" (PN Ph.V.M án 6 năm về tội "MBTPCMT). PN Tr.V.T CHHPT tại trại giam Tân Lập đã phải trốn khỏi trại giam khi bắt lại T đã chia sẻ "Tôi rất muốn cộng tác với cán bộ nhưng bị một số PN khác phát hiện và dọa giết nên tôi không còn cách nào khác là phải tìm cách trốn khỏi trại để đảm bảo tính mạng của mình". Thứ hai, một số phạm nhân đã bị "trượt" thi đua, có nghĩa họ thường xuyên vi phạm nội quy, kỷ luật trại giam do đó họ không còn gì để phấn đấu, từ đó dẫn tới tâm lý bất cần, dễ vi phạm và lôi kéo đồng phạm khác vi phạm nội quy, kỷ luật trại giam (sử dụng ma túy, đánh đồng phạm, đánh bạc...) mà phạm nhân khác không muốn "dính dáng" vào những phạm nhân này. Thứ ba, với nhóm phạm nhân chưa vi phạm với suy nghĩ "rồi cũng có lúc mình chẳng may vi phạm sẽ không bị đồng phạm tố giác với cán bộ" dẫn tới che giấu cho nhau những biểu hiện tiêu cực trong trại giam. Thứ tư, là nhóm phạm nhân do chính bản thân họ đã từng có biểu hiện, hành vi vi phạm nội quy, kỷ luật trại giam nhưng chưa bị cán bộ xử lý với tâm lý "nếu mình nói ra vi phạm của đồng phạm thì họ cũng nói ra vi phạm của mình". Tóm lại, phần lớn hành vi đấu tranh chống các biểu hiện tiêu cực, hành vi vi phạm nội quy, kỷ luật của trại giam chưa được phạm nhân tự giác đấu tranh với nguyên nhân tâm lý chủ quan và khách quan.

Tóm lại, phần lớn phạm nhân TĐG được sự cần thiết phải đấu tranh với những biểu hiện và hành vi tiêu cực của phạm nhân khác. Tuy nhiên với những lý

do (sợ bị trả thù, do trượt thi đua...) dẫn tới họ không có hành vi cụ thể đấu tranh với hành vi vi phạm trên.

c. So sánh thực trạng tự đánh giá của phạm nhân về hành vi chấp hành hình phạt tù giữa các nhóm phạm nhân khác nhau

Kết quả bảng số liệu 3.17 chỉ ra thực trạng TĐG của phạm nhân về HVCHHPT giữa các nhóm phạm nhân (nam và nữ; tiền sử nghiện ma túy; mức án; tiền án; tình trạng hôn nhân) có sự khác nhau mang ý nghĩa thống kê với $p < 0,05$.

Bảng 3.17. Tự đánh giá của phạm nhân về HVCHHPT của các nhóm khác nhau

(Theo điểm trung bình)

Phân loại theo các nhóm phạm nhân	TĐG về hành vi CHHPT	HVCHHPT (ĐTB)	So sánh theo ANOVA
	Các nhóm cụ thể		
1. Giới tính	Nam (TB1)	2,57	TB1 < TB2, $p = 0,004$
	Nữ (TB2)	2,75	
2. Mức án	Ba năm trở xuống (TB1)	2,63	TB1 > TB4, $p = 0,003$
	Từ 3 đến 7 năm (TB2)	2,67	TB2 > TB4, $p = 0,023$
	Từ 7 đến 15 năm (TB3)	2,76	TB3 > TB4, $p = 0,001$
	Từ 15 năm đến trung thân (TB4)	2,47	
3. Tiền án	Chưa từng có tiền án (TB1)	2,79	TB1 > TB2, $p = 0,000$
	Đã từng có tiền án (TB2)	2,37	
4. Tình trạng hôn nhân	Đã có vợ/chồng (TB1)	2,79	TB1 > TB2, $p = 0,014$
	Có vợ/chồng nhưng đã ly hôn (TB2)	2,63	TB1 > TB3, $p = 0,000$
	Chưa có vợ/chồng (TB3)	2,46	TB2 > TB3, $p = 0,043$

Ghi chú: Trong bảng chỉ hiện thị những khác biệt có ý nghĩa thống kê ($p < 0,05$)

- Giữa hai nhóm phạm nhân nữ và nam có sự khác biệt mang ý nghĩa thống kê về TĐG đối với HVCHPT ($p = 0,004$). Có sự khác biệt trên do: *Thứ nhất*, nữ phạm nhân CHHPT TNT về HVPT và TNT về HVCHHPT sâu sắc hơn nam phạm nhân (kết quả đã phân tích ở phần 3.1.1.1). *Thứ hai*, do tính chất công việc ở trại giam hiện nay dành cho nữ phù hợp hơn (làm mi mắt giả, làm may, làm vàng mã...). *Thứ ba*, phần lớn phạm nhân nữ tiền án đầu, do vậy HVCHHPT của họ tích cực hơn nam phạm nhân. Qua ý kiến đồng chí Tr.V.H từng là quản giáo cả đội nam và nữ phạm nhân tâm sự “*Qua nhiều năm làm công tác quản giáo ở cả đội nam và nữ phạm nhân tôi thấy chị em phạm nhân có án về ma túy thường có thái độ chấp hành hình phạt tù tích cực hơn nam phạm nhân có án về ma túy. Do nhiều nam phạm nhân án ma túy từng nghiện ma túy, có những phạm nhân bị bệnh tật nặng do từng có thời gian sử dụng ma túy nhiều năm, do vậy họ có thái độ chưa tích cực*

đối với hành vi chấp hành hình phạt tù ở trại giam”. Phòng vấn phạm nhân P là đội trưởng đội bếp đang CHHPT tại trại giam Tân Lập, phạm nhân P cho chúng tôi biết “*Nam phạm nhân CHHPT các tội về ma túy có tiền sử nghiện thường TĐG tiêu cực đối với hành vi CHHPT vì bản thân họ thường không hoàn thành mức khoán lao động, không những thế họ còn thường vi phạm nội quy, kỷ luật trại giam dẫn tới trượt thi đua và từ đó lại sinh ra tư tưởng không yên tâm cải tạo*”. PN trượt thi đua nguyên nhân liên tục vi phạm nội quy, kỷ luật trại giam. Những PN đã trượt thi đua họ có TĐG bản thân mất hết cơ hội được xét giảm án hay đặc xá, một trong những động cơ nổi trội của điều chỉnh HVCHHPT. Do vậy, dẫn tới họ bị rối loạn hành vi, không tự làm chủ được hành vi CHHPT của bản thân và từ đó dễ dẫn đến tiếp tục vi phạm nội quy, kỷ luật trại giam.

- Số liệu bảng 3.17 cho thấy có sự khác nhau mang ý nghĩa thống kê TĐG HVCHHPT giữa nhóm phạm nhân có mức án khác nhau. Cụ thể nhóm phạm nhân có mức án dưới 3 năm và nhóm có mức án từ 3 đến 7 năm TĐG tích cực HVCHHPT hơn nhóm phạm nhân có mức án từ 15 năm đến chung thân. Phạm nhân CHHPT có mức án cao thường TĐG tiêu cực đối với mức khoán lao động, chưa tích cực đấu tranh với các biểu hiện tiêu cực trong trại giam và họ thường có cái nhìn bi quan về tương lai của mình.

- Giữa nhóm phạm nhân chưa từng có tiền án và nhóm phạm nhân có tiền án cũng TĐG HVCHHPT không như nhau ($p=0,000$). Cụ thể hơn nhóm phạm nhân chưa từng có tiền án TĐG tích cực đối với hoạt động lao động cũng như các hoạt động khác của trại giam hơn nhóm phạm nhân có từng có tiền án. Qua tìm hiểu chúng tôi thấy rằng, nhóm phạm nhân CHHPT từng có tiền án thì tiền án trước của họ thường là tiền án về ma túy và thường là những phạm nhân nghiện ma túy. Do vậy, họ chưa tích cực đối với HVCHHPT như đã phân tích ở trên.

- Nhóm phạm nhân có vợ hoặc có chồng TĐG tích cực với hành vi chấp hành hình phạt tù hơn nhóm phạm nhân đã có vợ/chồng nhưng đã ly hôn hoặc chưa có vợ/chồng ($p=0,014$ và $p=0,000$). Điều này được giải thích do nhóm phạm nhân có vợ/chồng thường được sự quan tâm (thăm gặp, động viên, gửi lưu ký) hơn nhóm phạm nhân chưa có gia đình hoặc có gia đình nhưng đã ly hôn. Từ đó dẫn tới tư

tưởng của những phạm nhân có gia đình cũng ổn định hơn hai nhóm còn lại. Họ có mục đích phấn đấu cải tạo tốt để nhanh được trở về với “tổ ấm” của mình. Một phạm nhân chia sẻ *“Tất cả chỉ khi bản thân tôi có cảm giác gia đình không bao giờ bỏ mình, cán bộ không ghét gì mình mà tất cả đang vì tôi, muốn tốt cho tôi. Những lời khuyên, những giọt nước mắt của vợ tôi luôn trông ngóng mong đợi làm tôi nghĩ tới mình cố gắng chấp hành cải tạo tốt để nhanh có ngày về với gia đình. Từ đó tôi tin tưởng và có thái độ tích cực hơn trong lao động và chấp hành hình phạt tù”* (Phạm nhân Ng.V.L sinh năm 1984, án phạt 23 năm về tội “MBTPCMT”, đang chấp hành án tại đội 21 phân trại số 3 trại giam Ngọc Lý). Ngược lại, nhóm phạm nhân đã ly hôn, chưa có vợ/chồng họ thường ít hoặc không có sự quan tâm, động viên từ phía người chồng (vợ), từ đó dẫn tới việc họ có tư tưởng không ổn định khi CHHPT. Phạm nhân H, án 12 năm về tội “Vận chuyển TPCMT” chia sẻ *“Ngày tôi kỷ luật cũng chỉ vì vợ nói lời chia tay. Hận mình sinh ra trên đời, hận chính bản thân mình không nhận ra sai trái rồi để đánh mất tất cả những gì còn sót lại trong cuộc sống”*.

Tóm lại, phạm nhân chấp hành hình phạt tù TĐG HVCHHPT nghiêng theo hướng tiêu cực hơn tích cực. Giữa các nhóm phạm nhân (nam-nữ, mức án khác nhau, tình trạng hôn nhân) TĐG về HVCHHPT của bản thân là không như nhau.

Nhận xét chung: Nghiên cứu TYT của phạm nhân biểu hiện qua tự đánh giá về HVPT và HVCHHPT, chúng ta có thể rút ra một số nhận xét sau:

Tự đánh giá của phạm nhân về HVPT

Nhìn chung phạm nhân TĐG HVPT theo hướng có lợi cho bản thân mình đó là do vô ý hơn cố ý và HVPT của họ không đáng bị xử lý bằng hình phạt tù. Đa số PN CHHPT chưa dám đối mặt với sự thật về HVPT của bản thân. Nhóm phạm nhân có tiền sử nghiện ma túy cho rằng HVPT của họ là vô ý và chưa đáng bị xử lý bằng hình phạt tù. Ngược lại, nhóm những phạm nhân chưa có tiền sử nghiện ma túy, có mức án cao lại đánh giá HVPT của họ do cố ý và đáng bị xử lý bằng hình phạt tù.

Tự đánh giá của phạm nhân về HVCHHPT

Phạm nhân TĐG bản thân luôn có cảm xúc tiêu cực trong quá trình CHHPT ở nhiều nội dung khác nhau. Đặc biệt PN có cảm xúc tiêu cực liên quan đến việc không hoàn thành mức khoán được giao và vi phạm nội quy, kỷ luật trại giam. Mức độ tự đánh giá cảm xúc tiêu cực diễn ra không như nhau ở các đội phạm nhân có tính chất công việc và mức khoán khác nhau. Ở nội dung đấu tranh với các biểu hiện, tiêu cực trong trại giam được đa số PN nhận thấy rất cần thiết. Tuy nhiên có rất ít phạm nhân TĐG bản thân đã thực hiện điều này do họ sợ bị liên lụy đến chính quá trình CHHPT của họ. Nhóm phạm nhân có gia đình có đánh giá tích cực về HVCHHPT, họ có động lực hơn để phấn đấu cải tạo tích cực với niềm tin nhanh được trở về với gia đình.

3.1.3. Thực trạng tự ý thức của phạm nhân thể hiện qua tự điều chỉnh hành vi chấp hành hình phạt tù

Quá trình quản lý giáo dục phạm nhân nhằm giúp họ hiểu đúng những quy định của pháp luật về những hành vi được phép làm và những hành vi không được pháp luật cho phép. Qua quá trình quản lý giáo dục phạm nhân còn giúp họ nhận ra lỗi lầm về hành vi phạm tội của mình. Thông qua các hoạt động cụ thể trong trại giam (giáo dục lao động, học tập, chấp hành nội quy, kỷ luật trại giam, thể dục thể thao và luôn đấu tranh với các biểu hiện tiêu cực, vi phạm của các phạm nhân khác trong trại giam...) nhằm hình thành ở họ nhận thức đầy đủ về pháp luật hình sự, hình thành thói quen và hành vi tuân thủ pháp luật để họ không tái phạm tội khi chấp hành xong hình phạt tù trở về với gia đình và xã hội.

3.1.3.1. Đánh giá chung hành vi chấp hành hình phạt tù của phạm nhân

Thực trạng HVCHHPT của phạm nhân được biểu hiện thông qua rất nhiều nội dung khác nhau (hành vi chấp hành lao động; hành vi chấp hành nội quy, kỷ luật; hành vi chấp hành học tập; hành vi chấp hành thể dục, thể thao; hành vi đấu tranh chống các tiêu cực trong trại giam). Tuy nhiên, trong khuôn khổ luận án của mình chúng tôi tìm hiểu thực trạng hành vi chấp hành hình phạt tù của phạm nhân chấp hành hình phạt tù các tội về ma túy qua 2 khía cạnh: hành vi chấp hành lao động; hành vi chấp hành nội quy, kỷ luật trong trại giam.

Kết quả nghiên cứu cho thấy HVCHHPT của phạm nhân có ĐTB=3,10 (Bảng 3.18). Kết quả trên nói lên rằng nhìn nhận ở bình diện tổng quát thì phạm nhân tự

thấy mình chưa chấp hành hình phạt tù một cách tích cực, mà mới dừng ở mức cầm chừng. Điều này được rõ hơn có 15,2% (61 phạm nhân) CHHPT ở chưa tích cực; có tới 42,0% (168 phạm nhân) CHHPT ở mức trung bình; 42,8% (171 phạm nhân) CHHPT ở mức tích cực trong hoạt động lao động và chấp hành nội quy, kỷ luật trại giam.

Bảng 3.18. Tự điều chỉnh hành vi chấp hành hình phạt tù ở các nội dung cụ thể

STT	Các nhóm hành vi	Mức độ	ĐTB	ĐLC
1	Tự điều chỉnh hành vi chấp hành lao động	3	3,38	0,66
2	Tự điều chỉnh hành vi chấp hành nội quy, kỷ luật	2	2,82	0,50
	Chung	2	3,10	0,46

Xem xét ở từng khía cạnh cụ thể của HVCHHPT chúng tôi thấy có sự khác nhau đáng kể ở từng khía cạnh của HVCHHPT của phạm nhân.

- Hành vi chấp hành lao động của phạm nhân không những là kết quả của quá trình giáo dục lao động của cán bộ trại giam mà còn là kết quả của sự chuẩn bị về mặt tâm lý của chính họ. Hành vi chấp hành lao động và sản phẩm lao động của phạm nhân trong trại giam là một trong những tiêu chí xem xét đánh giá xếp loại quá trình chấp hành hình phạt tù của phạm nhân. Tuy nhiên giáo dục lao động hàm chứa 2 nội dung: *Nội dung thứ nhất*, là thông qua lao động nhằm hình thành tính có mục đích, có kế hoạch nhằm thay đổi nhận thức, đánh giá, tự điều chỉnh của phạm nhân với chính sản phẩm lao động của mình. *Nội dung thứ hai*, đó là việc tổ chức sự phạm các loại hoạt động lao động của phạm nhân để thông qua đó hình thành và phát triển nhận thức, đánh giá, thái độ đúng đắn của họ về sản phẩm của mình, giúp họ tạo thành ý thức lao động, thói quen lao động. Với phạm nhân chấp hành hình phạt tù các tội về ma túy họ thường có nhận thức sai lệch về vai trò lao động, coi thường lao động chân chính. Do đó muốn chiếm đoạt kết quả lao động của người khác, muốn sống bằng những đồng tiền dễ dãi kiếm được do hoạt động phạm tội.

Quá trình tự điều chỉnh hành vi của bản thân thông qua hành vi chấp hành lao động được phạm nhân đánh giá rõ ràng (ĐTB=3,38); còn ở nội dung chấp hành nội quy, kỷ luật trại giam được phạm nhân thấy khó khăn thực hiện hơn (ĐTB=2,82). Có sự khác trên do tính chất cụ thể từng hoạt động trong trại giam không như nhau. Ở nội dung lao động, phạm nhân tự ý thức được bản thân có thể tự điều chỉnh để

hoàn thành mức khoán cũng như chất lượng công việc cán bộ giao. Phạm nhân đội gạch chia sẻ “*Tuy công việc lao động rất vất vả nhưng bản thân tôi luôn ý thức mình phải hoàn thành để mong được xem xét đánh giá kết quả thi đua đạt loại khá trở nên. Trong này không còn con đường nào khác là tự bản thân phải cố gắng lao động*” (Phạm nhân L.Tr.A đội gạch, án 8 năm 6 tháng về tội “MBTPCMT”, CHA tại trại giam Tân Lập). Tuy nhiên, ở nội dung chấp hành nội quy, quy chế trại giam phạm nhân bị thụ động do những yếu tố khách quan đem lại. Nam phạm nhân chia sẻ “*Bản thân tôi luôn ý thức cố gắng không được vi phạm bất cứ nội quy, kỷ luật nào của trại giam. Mặc dù tôi cố gắng như vậy nhưng nhiều khi yếu tố khách quan đem lại nên tôi không giám chắc từ nay đến khi ra trại sẽ không bao giờ vi phạm nội quy, kỷ luật trại giam*” (Ng.T.Th sinh năm 1978, án 20 năm về tội “vận chuyển TPCMT”, CHA trại giam Hoàng Tiên).

3.1.3.2. Biểu hiện tự ý thức thể hiện qua tự điều chỉnh hành vi chấp hành hình phạt tù

a. Biểu hiện TYT thể hiện qua tự điều chỉnh HV chấp hành lao động

Số liệu bảng 3.19 cho thấy phần lớn phạm nhân lựa chọn tự điều chỉnh hành vi CHHPT thông qua hoạt động lao động (ĐTB=3,38).

Bảng 3.19. Tự điều chỉnh hành vi chấp hành lao động của phạm nhân
(Theo điểm trung bình và mức độ phần trăm)

STT	Hành vi chấp hành lao động	Mức độ đánh giá (%)				ĐTB	Độ lệch chuẩn
		Hoàn toàn sai	Sai nhiều hơn đúng	Đúng nhiều hơn sai	Hoàn toàn đúng		
1	Tôi đã tự giác, gương mẫu, tích cực lao động, học nghề	11,8	11,0	7,8	69,5	3,35	1,07
2	Tôi luôn tham gia đầy đủ ngày công lao động	6,5	8,0	10,2	75,2	3,54	0,89
3	Tôi đã luôn hoàn thành chỉ tiêu, định mức được giao	6,5	5,0	5,2	83,2	3,65	0,84
4	Tôi thấy bản thân đã và đang thực hiện tốt yêu cầu an toàn, vệ sinh lao động, bảo vệ môi trường	7,8	5,0	7,0	80,2	3,59	0,89
5	Tôi tự thấy bản thân luôn tích cực trong lao động, học nghề và sự tích cực đó có tác dụng thúc đẩy phong trào thi đua học tập, rèn luyện, học nghề trong phạm nhân	3,8	8,0	7,2	81,0	3,65	0,78
6*	Tôi tự thấy mình chưa làm được gì để thúc đẩy phong trào thi đua lao động, học tập, rèn luyện, học nghề trong phạm nhân	12,0	33,8	45,8	7,0	2,48	0,79
	Chung					3,38	0,66

Ghi chú: Những item có dấu * đã được chúng tôi mã hóa lại cho thuận với thang điểm

Những nội dung được phạm nhân lựa chọn nhằm điều chỉnh hành vi chấp hành lao động "Tôi luôn tham gia đủ ngày công lao động" (ĐTB=3,54) và "Tôi

luôn cố gắng hoàn thành định mức được giao" (ĐTB=3,65). Số liệu trên cho thấy phạm nhân luôn cố gắng điều chỉnh hành vi chấp hành lao động bằng những “sản phẩm” có thể đo được (ngày công lao động và định mức lao động).

Tuy nhiên, ở những nội dung thể hiện tính tự giác chưa được phạm nhân quan tâm nhiều *“Tôi tự thấy mình chưa làm được gì để thúc đẩy phong trào thi đua lao động, học tập, rèn luyện, học nghề trong phạm nhân”* (ĐTB = 2,48); *“Tôi đã tự giác, gương mẫu, tích cực lao động, học nghề”* (ĐTB=3,35). Điều này cũng phù hợp với kết quả thu được qua câu hỏi hoàn thiện câu *“Trong lao động tôi luôn....”*, số phương án trả lời tập trung vào nội dung bên ngoài *“chấp hành đúng công việc được giao”, “cố gắng hoàn thành mức khoán”, “cố gắng hoàn thành chỉ tiêu được quản giáo giao cho”* nhiều hơn những nội dung bên trong *“chú tâm tới chất lượng sản phẩm”, “cố gắng suy nghĩ và có sáng tạo trong lao động”*. Một phạm nhân tâm sự *“Được quản giáo phân công khoán việc làm vàng mã, tôi cố gắng hoàn thành xong phần việc mà cán bộ quản giáo giao cho, nếu có vượt cũng không đáng kể”, “công việc chỉ có vậy nên cũng không cần phải suy nghĩ tìm hiểu gì hơn”* (Nam phạm nhân, án 7 năm 6 tháng tội “MBTPCMT”, CHA tại trại giam Ngọc Lý). Những hành vi *“nâng cao chất lượng sản phẩm”, “tích cực gương mẫu trong lao động”* được phạm nhân đánh giá ở mức trung bình. Phạm nhân án 16 năm về tội “vận chuyển TPCMT” chia sẻ *“thực sự với cán bộ là trong lao động bản thân tôi chưa chú ý tới chất lượng sản phẩm lao động, cố gắng hoàn thiện mức khoán mà cán bộ quản giáo giao là cũng tốt lắm rồi. Đây là môi trường trại giam, mình cố gắng lao động với ngày công đầy đủ, đủ mức khoán để được xếp loại khá rồi từ đó kèm theo các yếu tố khác để được giảm án”*.

Từ kết quả phạm nhân tự điều chỉnh hành vi chấp hành lao động cho thấy, trong suy nghĩ của phạm nhân chấp hành hình phạt tù các tội về ma túy thì họ mới chỉ tập trung vào những nội dung mang tính hình thức, bề ngoài. Mặt khác, suy nghĩ liên quan đến nội dung, bên trong: chất lượng, thẩm mỹ, thúc đẩy phong trào thi đua, chưa được họ chú ý tới nhiều. Điều này cho thấy vì với suy nghĩ đơn giản làm những việc để được giảm án, đặc xá hơn là việc tự tu dưỡng rèn luyện bản thân thông qua lao động. Phạm nhân dừng lại ở mức độ thứ 1 trong 3 mức độ nhận thức

về hoạt động lao động tại trại giam (mức 1: nhận thức đúng đắn việc lao động; mức 2: tôn trọng giá trị lao động; mức 3: có kỹ năng, kỹ xảo trong lao động và biết quản lý lao động).

** So sánh sự khác nhau về tự điều chỉnh hành vi chấp hành lao động giữa các nhóm phạm nhân khác nhau.*

Qua kết quả thống kê bảng số liệu 3.20 cho chúng tôi thấy thực trạng tự điều chỉnh hành vi chấp hành lao động của các nhóm phạm nhân là không như nhau.

Giữa nhóm PN có tiền sử nghiện ma túy và nhóm PN chưa có tiền sử nghiện ma túy TĐG về hành vi chấp hành lao động có sự khác biệt mang ý nghĩa thống kê ($p=0,000$). Điều này có nghĩa PN chưa có tiền sử nghiện MT tự điều chỉnh HV chấp hành lao động tốt hơn nhóm PN có tiền sử nghiện MT. Điều này cũng phù hợp với diễn biến tâm lý người từng nghiện ma túy đang phục hồi. Người đã từng sử dụng ma túy khó kiểm soát và điều chỉnh các hoạt động cụ thể. Khả năng kiềm chế kém dễ dẫn tới họ tiếp tục tái nghiện khi gặp hoàn cảnh thuận lợi.

Bảng 3.20. Tự điều chỉnh hành vi chấp hành lao động giữa các nhóm phạm nhân

(So sánh điểm trung bình)

Phân loại theo các nhóm phạm nhân	TĐG hành vi chấp hành lao động Các nhóm cụ thể	Tự điều chỉnh HV chấp hành lao động (ĐTB)	So sánh theo ANOVA
Tiền sử nghiện ma túy	Chưa từng nghiện (TB1)	3,51	TB1>TB2, $p=0,000$
	Đã từng nghiện (TB2)	3,29	
Mức án	Ba năm trở xuống (TB1)	3,16	TB2>TB1, $p=0,017$
	Từ 3 đến 7 năm (TB2)	3,43	TB3>TB4, $p=0,000$
	Từ 7 đến 15 năm (TB3)	3,53	TB3>TB1, $p=0,000$
	Từ 15 năm đến trung thân (TB4)	3,22	
Tiền án	Chưa từng có tiền án (TB1)	3,58	TB1<TB2, $p=0,000$
	Đã từng có tiền án (TB2)	2,94	

Ghi chú: Trong bảng chỉ hiện thị những khác biệt có ý nghĩa thống kê ($p<0,05$)

Số liệu trên cho thấy nhóm PN có mức án từ 3 đến dưới 15 năm và nhóm PN có mức án từ 15 năm trở lên TĐG về hành vi chấp hành lao động không như nhau (sự khác biệt mang ý nghĩa thống kê ($p=0,000$)). Điều này được giải thích với nhóm phạm nhân có mức án ngắn (dưới 3 năm) có tâm lý không cần tích cực lao động vì thời gian CHHPT ngắn. Nhóm PN có mức án dài (từ 15 năm trở lên) thường có tâm trạng bi quan, ngày mãn hạn tù còn rất xa đối với họ. Ngược lại, nhóm phạm nhân có mức án trung bình (từ 3 đến dưới 15 năm) thường có tư tưởng xác định rõ ràng

hơn. Họ luôn tích cực phấn đấu chấp hành đúng nội quy, kỷ luật trại giam và HV chấp hành lao động để phấn đấu được xét giảm án và đặc xá.

Nhóm PN chưa có tiền án điều chỉnh HV chấp hành lao động tốt hơn nhóm PN đã từng có tiền án (sự khác biệt mang ý nghĩa thống kê với $p=0,000$). Do nhóm phạm nhân đã từng có tiền án thường là những phạm nhân khó giáo dục, hay vi phạm nội quy, kỷ luật trong trại giam. Họ thích nghi với các hình thức kỷ luật trong trại giam. Do vậy, họ thụ động trong việc thực hiện HV chấp hành lao động. Ngược lại, nhóm PN tiền án đầu có tâm lý muốn hướng thiện từ đó họ tự điều chỉnh hành vi của mình phù hợp với nội quy, kỷ luật trại giam. Tự điều chỉnh HV chấp hành lao động theo hướng chủ động, tự giác.

b. Biểu hiện tự ý thức qua tự điều chỉnh hành vi chấp hành nội quy, kỷ luật tại trại giam

Khía cạnh hành vi chấp hành nội quy, kỷ luật trại giam được phạm nhân đánh giá ở mức trung bình ($\overline{DTB}=2,82$), điều đó cho thấy phạm nhân tự điều chỉnh hành vi chấp hành nội quy, kỷ luật trại giam khó thực hiện.

Bảng 3.21. Tự điều chỉnh hành vi chấp hành nội quy, kỷ luật trại giam của phạm nhân

STT	Hành vi chấp hành nội quy, kỷ luật	Mức độ đánh giá (%)				ĐTB	Độ lệch chuẩn
		Hoàn toàn sai	Sai nhiều hơn đúng	Đúng nhiều hơn sai	Hoàn toàn đúng		
1	Tôi tự thấy mình là người luôn tích cực ngăn chặn, đấu tranh chống các hành vi sai phạm của bản thân và các phạm nhân khác	12,2	25,8	41,5	20,5	2,70	0,93
2	Tôi đã và đang nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật, bản án, quyết định của Tòa án, nội quy, quy định của trại giam	5,0	17,4	19,8	57,8	3,30	0,92
3	Tôi luôn thực hiện nếp sống kỷ luật, trật tự, văn minh tại trại giam	4,8	16,8	58,2	20,2	2,94	0,74
4	Tôi thấy bản thân không có lời nói, thái độ, việc làm tiêu cực, gây chia rẽ, mất đoàn kết và ảnh hưởng xấu đến phạm nhân khác từ ngày vào trại đến nay	5,2	16,5	73,5	4,8	2,77	0,61
5	Tôi được cán bộ đánh giá là người luôn tích cực ngăn chặn, đấu tranh chống các hành vi sai phạm của các phạm nhân khác	4,5	35,5	39,2	20,8	2,76	0,82
6*	Tôi tự thấy mình là người chưa tích cực ngăn chặn, đấu tranh chống các hành vi sai phạm của các phạm nhân khác	9,0	49,8	28,8	12,5	2,44	0,82
	Chung					2,82	0,50

*Ghi chú: Những item có dấu * đã được chúng tôi mã hóa lại cho thuận với thang điểm*

Tìm hiểu cụ thể những hành vi chấp hành nội quy, kỷ luật trại giam được phạm nhân dễ tự điều chỉnh “*Tôi đã và đang nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật,*

bản án, quyết định của Toà án, nội quy, quy định của trại giam” (ĐTB=3,30) và “Tôi luôn thực hiện nếp sống kỷ luật, trật tự, văn minh tại trại giam” (ĐTB=2,94). Điều này được lý giải rằng: Trong trại giam, nội quy của trại giam không những được phạm nhân học tập mà những quy định về nếp sống, quy định của trại giam còn được treo ở nhiều nơi trong trại. Phần lớn phạm nhân đều điều chỉnh hành vi của mình cho phù hợp với những quy định cụ thể, rõ ràng trong trại giam. Những phạm nhân bị sai phạm nội quy, quy định của trại giam sẽ có các biện pháp xử lý tương ứng. Ở mức nhẹ sẽ là cảnh cáo trước toàn đội, nặng hơn sẽ bị kỷ luật và cùm trong buồng kỷ luật tới 10 ngày. Trong thời gian phạm nhân bị kỷ luật trong buồng kỷ luật sẽ không được thăm gặp và nhận tiếp tế từ người khác. Tiếp nữa là phạm nhân sẽ bị hạ loại thi đua xuống mức yếu hoặc trung bình, từ đó ảnh hưởng trực tiếp đến việc xếp loại thi đua theo tháng, quý, và năm. Phạm nhân Y tâm sự “Tôi cố gắng để không vi phạm các quy định của trại giam vì nếu vi phạm nội quy, quy định của trại giam ở mức nhẹ là bị cảnh cáo cũng đã ảnh hưởng đến kết quả xếp loại thi đua. Nặng hơn nữa bị đi kỷ luật thì rất khổ vì không những bị cùm chân mà ăn uống cũng kham khổ. Tiếp nữa từ đó ảnh hưởng đến việc xét giảm án” (PN Ng.Th.Y án 6 năm tội “MBTPCMT”) Ngược lại, khả năng điều chỉnh hành vi khó khăn với phạm nhân ở nội dung “Tôi tự thấy mình là người luôn tích cực ngăn chặn, đấu tranh chống các hành vi sai phạm của bản thân và các phạm nhân khác” (ĐTB=2,70) và “Tôi tự thấy mình là người chưa tích cực ngăn chặn, đấu tranh chống các hành vi sai phạm của các phạm nhân khác” (ĐTB=2,44). Việc phạm nhân chưa tự điều chỉnh hành vi đấu tranh với các hành vi sai phạm của phạm nhân khác là do họ sợ bị đánh, bị trả thù. Phạm nhân B chia sẻ “Không phải tôi không muốn đấu tranh với các biểu hiện tiêu cực của phạm nhân khác và của chính mình. Nhưng trong trại giam là môi trường nhỏ nhưng rất phức tạp. Nếu báo cáo vi phạm của đồng phạm với cán bộ tôi rất sợ bị đánh và bị trả thù. Nhiều phạm nhân sợ bị đánh đến mức phải trốn khỏi trại giam mặc dù biết đó là vi phạm pháp luật. Hơn thế nữa có anh phạm nhân và bị trả thù bằng cách những phạm nhân bị đấu tranh sẽ đưa vật cấm vào hòm hay túi quần áo của họ rồi báo với cán bộ” (PN Ph.V.B, án 15 năm tội “VCTPCMT”).

Qua câu hỏi hoàn thiện câu *"Tôi luôn chấp hành nội quy, kỷ luật trại giam bằng cách..."* thì phần lớn phương án lựa chọn nhiều theo hướng *"của riêng tôi"*, *"cố gắng không vi phạm"*,...chứ họ không đưa ra một cách thức cụ thể thực hiện nội quy, kỷ luật trại giam như đã được cán bộ giáo dục hướng dẫn trong tháng đầu họ mới nhập trại cũng như trong quá trình cải tạo. Tại sao phạm nhân án ma túy lại chỉ tập trung vào trả lời những hành vi chấp hành nội quy, kỷ luật trại giam mang tính chung chung mà không chỉ ra cụ thể như *"Thực hiện đúng về giờ giấc, hiệu lệnh, lễ tiết tác phong trong sinh hoạt, học tập, lao động, và vui chơi giải trí"*; *"Không chống đối hoặc cản trở việc chấp hành hình phạt tù của phạm nhân khác"*; *"không đưa và sử dụng các thiết bị máy móc, thiết bị thông tin liên lạc....vào trại giam"*. Điều này được minh chứng là khi nói đến những hành vi cụ thể *"luôn thuộc lòng nội quy, kỷ luật trại giam"* vẫn còn tới 38,0% phạm nhân không tự tin trả lời điều này. Với hành vi *"chưa làm gì gây chia rẽ mất đoàn kết trong phạm nhân"* thì chỉ có 41,3% phạm nhân dám khẳng định điều này, còn lại 58,7% phạm nhân chần trù không dám trả lời dứt khoát.

Như vậy, việc phạm nhân sinh hoạt theo đội là chủ yếu, mỗi đội phạm nhân thường trung bình từ 25-35 phạm nhân. Do các thành viên trong đội không thể tự lựa chọn tập thể và cũng không có quyền tự ý chuyển sang một đội phạm nhân khác (nhiều phạm nhân dùng mảnh khóc cố tình vi phạm để được chuyển đội, được chúng tôi phân tích sau). Việc quyết định phạm nhân phải thi hành án ở phân trại cũng như đội nào là do quyết định của Giám thị trại giam, do đó đội phạm nhân hình thành do cưỡng bức khép kín. Do không được sự lựa chọn đội nên dẫn tới sự khác biệt về độ tuổi, sở thích, mong muốn, thói quen, nhận thức, thái độ. Do đó rất dễ nảy sinh mâu thuẫn giữa các cá nhân trong đội cũng như các nhóm không chính thức trong đội (nhóm đồng hương, nhóm có quen biết trước, nhóm cùng hành vi phạm tội...). Một cán bộ quản giáo chia sẻ về vấn đề này *"Trong mỗi đội phạm nhân luôn phân ra làm các nhóm không chính thức khác nhau, và tất nhiên không thể tránh khỏi sự va chạm giữa các nhóm, sự bênh vực nhau của nhóm, nhiều phạm nhân không muốn vi phạm nội quy, kỷ luật trại giam nhưng để tồn tại trong nhóm không chính thức của mình mà họ vi phạm, do đó là người quản lý cũng cần nắm"*

được phạm nhân ngoài đội chính thức thì còn thuộc nhóm nhỏ không chính thức nào để tác động tới thủ lĩnh của nhóm đó khi họ có biểu hiện vi phạm nội quy, kỷ luật trại giam". Chúng tôi gặp phỏng vấn nam phạm nhân, án 3 năm 6 tháng về tội "TTTPCMT" vừa hết thời gian 10 ngày trong buồng kỷ luật ra và tìm hiểu về nguyên nhân có hành vi đánh đồng phạm thì được biết *"Thực tình tôi cũng chẳng có mâu thuẫn gì với phạm nhân Tuấn Anh, nhưng vì phạm nhân này hôm trước trong khi lao động đã mâu thuẫn và ghì cổ đánh một em phạm nhân cùng đội với tôi".* Tiếp tục tìm hiểu chúng tôi được biết "em" mà phạm nhân này nhắc tới là một phạm nhân cùng nhóm đồng hương, cùng có hộ khẩu ở TP Hải Phòng. Như vậy, trong môi trường trại giam, việc tước đoạt tự do và hoạt động trong một không gian nhất định với sự thiếu mối quan hệ xã hội nên dễ gây cho phạm nhân tâm trạng bất mãn, bức xúc từ đó dễ dẫn tới hành vi gây hấn với đồng phạm.

- *So sánh sự khác nhau giữa các nhóm phạm nhân về tự điều chỉnh hành vi chấp hành nội quy, kỷ luật trại giam*

Qua kết quả thống kê bảng 3.22 cho chúng tôi thấy thực trạng tự điều chỉnh hành vi chấp hành nội quy, kỷ luật ở một số nhóm phạm nhân khác nhau (giới tính; tiền sử nghiện ma túy; mức án; tiền án; tình trạng hôn nhân) là không như nhau ($p < 0,05$).

- Giữa nhóm nữ PN và nam PN, có sự khác biệt mang ý nghĩa thống kê ($p = 0,038 < 0,05$). Qua số liệu cho thấy nữ PN tự điều chỉnh hành vi chấp hành nội quy, kỷ luật trại giam tích cực hơn nam PN. Có tới 87% (174/200 phạm nhân nam) ít nhất một lần đã từng vi phạm nội quy quy chế trại giam, trong khi đó số phạm nhân nữ vi phạm nội quy quy chế trại giam là 66% (132/200 phạm nhân).

Tìm hiểu kỹ hơn chúng tôi còn thấy, cùng hành vi vi phạm nội quy, kỷ luật trại giam nhưng tính chất và mức độ vi phạm nội quy, kỷ luật của nam phạm nhân phức tạp, mạnh động hơn ở nữ phạm nhân. Thông qua ý kiến các cán bộ trại giam cho rằng, nữ phạm nhân chấp hành "thuần hơn" so với nam phạm nhân. Một cán bộ giáo dục chia sẻ *"Vi phạm nội quy, kỷ luật trại giam thì ở đội phạm nhân nam và đội nữ phạm nhân đều có, và có thể diễn ra ở các đội khác nhau như đội khâu bóng, đội làm mi giả, đội vàng mã, đội nông nghiệp...tuy nhiên ở đội phạm nhân*

nam thì tính chất mức độ vi phạm mang tính mạnh động hơn rất nhiều so với vi phạm ở đội phạm nhân nữ. Ví dụ cùng hành vi đánh đồng phạm nhưng ở đội nữ thường chỉ cào cấu, dứt tóc nhau, nhưng với hành vi đánh đồng phạm ở nam thì thường sử dụng vật sắc nhọn hoặc vật cứng để đánh nhau và gây thương tích nặng cho đồng phạm" (Chia sẻ với đồng chí đội trưởng đội giáo dục trại giam Hoàng Tiến).

Bảng 3.22. Tự điều chỉnh HV chấp hành nội quy, kỷ luật trại giam của phạm nhân

(So sánh điểm trung bình giữa các nhóm khác nhau)

Phân loại theo các nhóm phạm nhân	Tự điều chỉnh HV Các nhóm cụ thể	Hành vi chấp hành nội quy, kỷ luật TG (ĐTB)	So sánh theo ANOVA
Giới tính	Nam (TB1)	2,75	TB1<TB2, p=0,001
	Nữ (TB2)	2,89	
Tiền sử nghiện ma túy	Đã từng nghiện (TB1)	2,76	TB1<TB2, p=0,000
	Chưa từng nghiện (TB2)	2,92	
Mức án	Ba năm trở xuống (TB1)	2,79	TB2>TB1, p=0,034
	Từ 3 đến 7 năm (TB2)	2,84	TB3>TB1, p=0,014
	Từ 7 đến 15 năm (TB3)	2,88	TB2>TB4, p=0,033
	Từ 15 năm đến trung thân (TB4)	2,71	TB3>TB4, p=0,005
Tiền án	Chưa từng có tiền án (TB1)	2,93	TB1>TB2, p=0,000
	Đã từng có tiền án (TB2)	2,58	
Hôn nhân	Đã có gia đình (TB1)	2,89	TB1>TB2, p=0,035 TB1>TB3, p=0,000
	Đã có gia đình nhưng đã ly hôn (TB2)	2,80	
	Chưa có gia đình (TB3)	2,69	

Ghi chú: Trong bảng chỉ hiện thị những khác biệt có ý nghĩa thống kê ($p<0,05$)

- Có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa nhóm phạm nhân có tiền sử nghiện ma túy và nhóm chưa có tiền sử nghiện ma túy ($p=0,000$). Phạm nhân có tiền sử nghiện ma túy thường mắc vi phạm nội quy, kỷ luật trại giam hơn số chưa có tiền sử nghiện ma túy. Điều này được lý giải: *Thứ nhất*, một số phạm nhân trong quá trình CHHPT vẫn chưa cai được ma túy do đó họ vẫn tìm mọi cách để có ma túy sử dụng, từ đó dễ vi phạm nội quy quy chế trại giam. *Thứ hai*, những phạm nhân có tiền sử nghiện ma túy khả năng làm chủ bản thân kém, tâm lý thụ động dễ ảnh hưởng bởi yếu tố bên ngoài, do vậy khi có sự rủ rê, lôi kéo của phạm nhân khác thì họ dễ thực hiện cùng và dẫn tới dễ vi phạm nội quy, kỷ luật trại giam.

- Điều chỉnh hành vi chấp hành nội quy, kỷ luật trại giam giữa nhóm PN mức án khác nhau là không như nhau ($p<0,05$). Qua số liệu thống kê, nội dung chấp hành nội quy, kỷ luật trại giam ở nhóm PN có mức án ngắn (dưới 3 năm) và nhóm

PN có mức án dài (từ 15 đến chung thân) không tự giác bằng nhóm PN có mức án từ 3 đến dưới 15 năm. Tìm hiểu kỹ hơn chúng tôi thấy với nhóm phạm nhân có mức án "dưới 3 năm" thường được lao động ở diện rộng (đội phạm nhân làm ngoài khu vực trại giam) do đó họ dễ có điều kiện vi phạm nội quy, kỷ luật trại giam (mang vật cấm vào trại giam, uống rượu, đun nấu trái phép...). Một bộ phận trong số phạm nhân này với suy nghĩ mình có mức án "ngắn" nên có vi phạm nội quy, kỷ luật trại giam thì hết thời gian chấp hành hình phạt tù cũng không có thể giữ thêm họ ở lại, trong khi họ cũng hết thời gian giảm án. Do động cơ HHPT khá, tốt dễ được giảm án, nhóm phạm nhân mức án "từ 15 năm đến chung thân" sau khi được học giáo dục công dân thì họ biết rõ là với mức án này điều kiện về thời gian xem xét giảm thời hạn CHHPT lần đầu lâu hơn so với các nhóm còn lại từ đó ảnh hưởng đến khả năng tự điều chỉnh hành vi chấp hành nội quy, kỷ luật của họ. (Đối với phạm nhân bị phạt tù chung thân: Phải có 4 năm liên tục liền kề được xếp loại cải tạo khá trở lên. Trường hợp án tử hình được ân giảm xuống tù chung thân phải có ít nhất 5 năm liên tục liền kề được xếp loại cải tạo khá trở lên. Trường hợp phạt tù trên 15 năm đến 30 năm phải có ít nhất 3 năm liên tục liền kề được xếp loại cải tạo khá trở lên). Ngoài ra phạm nhân ở mức án dài "từ 15 đến chung thân" cho rằng dù có chấp hành nội quy, kỷ luật tốt thì họ cũng chưa được xét đặc xá (vì theo quy định của luật thi hành án hình sự thì phạm nhân chỉ được xét đặc xá khi phần cứng là đã chấp hành được 1/3 bản án với tù có thời hạn). Do vậy, nhiều phạm nhân án dài lúc đầu mới vào trại họ cũng tích cực lao động, chấp hành tốt nội quy, kỷ luật trại giam nhưng chỉ sau một thời gian họ nhận thức được dù có lao động tích cực và chấp hành tốt nội quy, kỷ luật nhưng họ không được xét giảm án khi chưa chấp hành tối thiểu đủ 1/3 mức án. Do đó, họ tự điều chỉnh HVCHHPT của mình, họ lao động cầm chừng giữ sức khỏe. PN Vũ Tiến M chia sẻ *“Thời gian ở trại của tôi còn nhiều, tôi cần giữ gìn sức khỏe để còn có ngày trở về với xã hội. Thời gian này tôi có tích cực lao động bao nhiêu thì cũng chưa đủ thời gian để được xét giảm án chứ chưa nói gì đến được xét đặc xá”* (V.T.M án 20 năm về tội “VCTPCMT”). Những phạm nhân đã chấp hành được hơn 1/3 mức án, họ đã được vào diện xét giảm án mỗi năm thì họ lao động tích cực hơn. Điều này phù hợp với con số thống kê, số

phạm nhân vi phạm nội quy, kỷ luật tại trại giam thuộc nhóm mức án "dưới 3 năm" và nhóm có mức án "từ 15 năm đến chung thân" cao hơn số phạm nhân có mức án "từ 3 đến 15 năm". Chia sẻ của đồng chí quản giáo *"Xét về thời gian CHHPT thì những phạm nhân án dài trên 15 năm và nhóm án ngắn dưới 3 năm thường tự điều chỉnh HVCHHPT của họ kém hơn so với nhóm PN mức án từ 3 đến 15 năm. Nhóm PN án dài thường bị quan không biết bao giờ mới được trở về với xã hội, họ cảm thấy rất nặng nề mỗi ngày ở tù. Với nhóm phạm nhân án ngắn thì với suy nghĩ rằng chẳng mấy chốc là họ sẽ lại hết án và trở về với xã hội"* (Ph.V.B cán bộ giáo dục trại giam Tân Lập)

- Nhóm phạm nhân chưa có tiền án có mối quan hệ có ý nghĩa thống kê với nhóm phạm nhân từng có tiền án ($p=0,000$) về khả năng tự điều chỉnh hành vi chấp hành nội quy, kỷ luật trại giam. Qua số liệu bảng 3.22 cho thấy nhóm phạm nhân chưa có tiền án CHHPT tích cực hơn nhóm phạm nhân đã từng có tiền án. Tìm hiểu từng nội dung cụ thể chúng tôi thấy ở nội dung *"chấp hành lao động"*, nhóm PN *"chưa có tiền án"* lao động tích cực hơn nhóm PN *"đã có tiền án"* với mối quan hệ mang ý nghĩa thống kê ($p=0,000$). Điều này qua tìm hiểu chúng tôi thấy nhóm phạm nhân *"chưa có tiền án"* thường hoàn thành và hoàn thành vượt mức khoán lao động, ít sai sót trong lao động và ít chống đối lao động. Ngược lại nhóm *"từng có tiền án"* thương lấy lý do mệt, ốm để được không ra lao động. Trao đổi với cán bộ giáo dục và cán bộ quản giáo có kinh nghiệm trong công tác quản lý giáo dục phạm nhân chúng tôi được biết: Do những phạm nhân đã từng chấp hành hình phạt tù trong trại giam khi mãn hạn tù họ lại tiếp tục phạm tội và phải tiếp tục đi chấp hành hình phạt tù thì đây là những phạm nhân khó cải tạo. Họ vẫn coi phương thức phạm tội để giúp cuộc sống mưu sinh của mình, sự trừng trị của pháp luật chưa đủ để răn đe họ. Trong quá trình CHHPT họ chưa thay đổi định hướng giá trị của bản thân. Do đó, lần phạm tội lần sau thường *"mưu mẹo, thủ đoạn tinh vi"* hơn những lần trước. Cũng như họ CHHPT lần sau sẽ dễ mắc vi phạm nội quy, kỷ luật hơn lần trước. Bị kỷ luật khi vi phạm nội quy của trại giam đối với nhóm này ít có tác dụng răn đe với họ. Qua phỏng vấn sâu nữ phạm nhân cho biết *"Tôi đi trả án đây là lần thứ 3, lần đầu tôi trả án tại trại giam Quyết Tiến (Vĩnh Phúc), lần hai và lần ba tôi*

trả án tại đây (TG Phú Sơn 4-Thái Nguyên),...tôi thấy bình thường khi bị kỷ luật trong buồng kỷ luật, tôi đã vào đó nhiều lần và quen rồi. Tôi chỉ sợ nhất là mình sống mà để phạm nhân khác không tôn trọng (ý nói là để bị bắt nạt)" (Nữ PN Th.Th.Ph.Ng sinh năm 1966, án 20 năm tội "MBTPCMT" đang chấp hành án tại trại giam Phú Sơn 4).

- Có sự khác biệt mang ý nghĩa thống kê về khả năng tự điều chỉnh HV chấp hành nội quy, kỷ luật trại giam giữa nhóm "đã có vợ/chồng" và nhóm "chưa có vợ/chồng" ($p=0,000$). Giữa nhóm "đã có vợ/chồng" và nhóm "đã có vợ/chồng nhưng đã ly hôn" ($p=0,035$). Điều này có nghĩa nhóm phạm nhân "có gia đình" chấp hành hình phạt tù tích cực hơn hai nhóm còn lại. Tìm hiểu kỹ hơn chúng tôi thấy nhóm "đã có vợ/chồng" ngoài sự quan tâm của những người thân trong gia đình thì còn có sự động viên rất quan trọng của vợ hoặc chồng. Sự động viên này rất có ý nghĩa để phạm nhân đang chấp hành hình phạt tù yên tâm cải tạo, phấn đấu chấp hành đúng mọi nội quy, kỷ luật trại giam. Họ thấy bản thân mặc dù là người phạm tội nhưng người thân, đặc biệt vợ/chồng thông cảm và đang đợi họ nhanh trở về với xã hội. Họ tự điều chỉnh hành vi thông qua hoạt động lao động tích cực, chấp hành tốt mọi nội quy, kỷ luật trại giam để được giảm án và đặc xá nhanh trở về xã hội. Ngược lại, nhóm phạm nhân "đã có vợ/chồng nhưng đã ly hôn" được chia làm hai nhóm: *Nhóm thứ nhất* là nhóm "ly hôn" sau khi họ đi trả án thường là nhóm phạm nhân có mức án dài, hoặc họ đã tái phạm tội dẫn tới sự mất niềm tin về khả năng trở thành người lương thiện; *Nhóm thứ 2* là nhóm "đã ly hôn" trước khi họ phạm tội thì đây là những phạm nhân nghiện ma túy và mặc dù được vợ/chồng nhiều lần giúp đỡ họ cai nghiện nhưng cuối cùng họ vẫn không dứt được "ma túy". Do vậy, người vợ/chồng đã ly hôn vì hết hy vọng và hết niềm tin rằng họ sẽ trở thành người có ích cho gia đình và con cái. Tuy nhiên, việc ly hôn lại đẩy nhóm phạm nhân có tiền sử nghiện thêm sự chán nản và khó kiềm chế bản thân trong quá trình CHHPT. Phạm nhân Đỗ Ngọc H, sinh năm 1984, án 3 năm tội "TTTPCMT" trong quá trình phỏng vấn, phạm nhân này bật khóc mỗi khi nhắc đến vợ của mình, hiện nay vợ phạm nhân đã ly hôn sau khi phạm nhân đi CHHPT và đi xuất khẩu lao động tại Liên Bang Nga, phạm nhân tâm sự có đoạn "*tôi dường như mất tất cả khi*

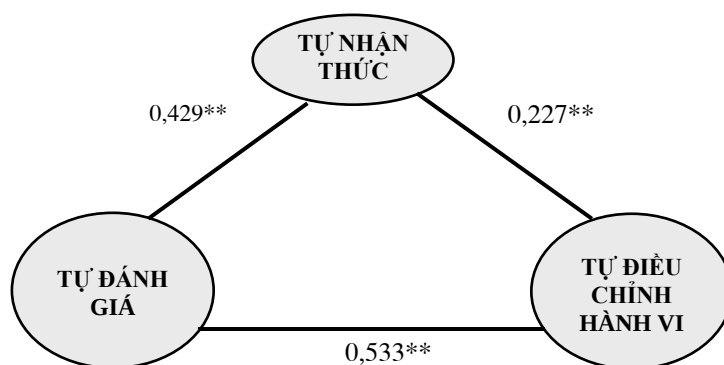
mà vợ tôi viết đơn ly hôn, tôi có lỗi rất nhiều với cô ấy, giờ tôi thấy mình chẳng còn gì cả, không gia đình người thân, không còn gì để phấn đấu". Qua cán bộ quản giáo chúng tôi được biết lúc mới vào trại phạm nhân H chấp hành lao động tích cực, không có biểu hiện gì tiêu cực trong chấp hành nội quy, kỷ luật trại giam. Từ khi vợ xin ly hôn và đi xuất khẩu lao động thì phạm nhân này lao động cầm chừng, nhiều công không đủ mức khoán, thường lý do ốm đau để không phải đi lao động. Đã 2 lần vi phạm nội quy, kỷ luật trại giam là uống rượu và sử dụng ma túy. Đồng chí quản giáo đã giải thích, thuyết phục, động viên nhiều lần và kể cả việc đề xuất kỷ luật phạm nhân H, nhưng đến tại thời điểm nghiên cứu 2011 thì phạm nhân này chưa có tiến bộ nhiều. Đồng chí Định cán bộ trình sát trại giam Hoàng Tiến chia sẻ "Phạm nhân vi phạm nội quy trại giam thì phải xử lý không những cho họ thấy đã vi phạm là bị xử lý. Tuy nhiên, biện pháp xử lý vi phạm cũng cần linh động chứ không được cứng nhắc. Ngoài ra còn thông qua xử lý vi phạm nội quy, kỷ luật còn nhằm để giáo dục, phòng ngừa sự vi phạm nội quy, kỷ luật trại giam những phạm nhân khác. Hình thức kỷ luật phạm nhân là con dao hai lưỡi, có những phạm nhân sau khi bị kỷ luật thấy sợ và cố gắng không vi phạm nội quy trại giam nhưng cũng có phạm nhân khi bị kỷ luật thì họ cảm thấy mất hy vọng được xét giảm án trong thời gian tới, do vậy nảy sinh tâm lý chán trường, bất cần, coi như không có gì để mất và dễ tiếp tục vi phạm nội quy trại giam ngay sau khi hết thời gian đi buồng kỷ luật".

Tóm lại, phạm nhân tự điều chỉnh HVCHHPT khá tốt ở số ngày công lao động và mức khoán lao động. Tuy nhiên về chất lượng cũng như sự sáng tạo trong lao động thì chưa có nhiều phạm nhân chú ý tới. Phạm nhân khó khăn về tự điều chỉnh bản thân trong việc thực hiện nội quy, kỷ luật trại giam. Khả năng điều chỉnh HVCHHPT ở các nhóm phạm nhân khác nhau (giới tính; tiền sử nghiện ma túy; mức án; tiền án; tình trạng hôn nhân; chấp hành nội quy, kỷ luật trại giam) là không như nhau.

3.1.3.4. *Mối tương quan giữa các yếu tố thành phần tự ý thức của phạm nhân về hành vi phạm tội và hành vi chấp hành hình phạt tù*

- Sơ đồ 3.2 cho thấy giữa 3 nội dung của tự ý thức của phạm nhân về HVPT và HVCHHPT (tự nhận thức; TĐG; tự điều chỉnh HV CHHPT) có mối quan hệ khá chặt chẽ với nhau. Tuy nhiên, TĐG của phạm nhân về HVPT và HVCHPT có ảnh hưởng mạnh tới HV CHHPT ($r=0,533$, $p<0,001$) theo hướng thuận chiều. Điều này có nghĩa nếu PN TĐG HVPT và HVCHHPT theo hướng tích cực thì HVCHHPT sẽ được cải thiện theo hướng tích cực và ngược lại TĐG của phạm nhân về HVPT và HVCHHPT theo hướng tiêu cực sẽ kéo theo HVCHHPT hướng tiêu cực (không tích cực lao động, vi phạm nội quy, kỷ luật trại giam).

Sơ đồ 3.2. *Mối tương quan giữa yếu tố thành phần của tự ý thức về hành vi phạm tội và khả năng tự điều chỉnh hành vi chấp hành hình phạt tù của phạm nhân*



Ghi chú: R - hệ số tương quan nhị biến Pearson, R* khi $p<0,05$; R** khi $p<0,01$

Giữa TNT và TĐG của phạm nhân về HVPT và HVCHHPT có mối quan hệ thuận ($r=0,429$, $p<0,001$). Điều này cho thấy khi phạm nhân TNT đúng về HVPT và HVCHHPT dẫn tới họ TĐG rõ ràng về HVPT và HVCHHPT của bản thân. Ngược lại, phạm nhân CHHPT chưa TNT đúng về HVPT và HVCHHPT dẫn tới TĐG của họ chưa rõ ràng, chính xác về HVPT và HVCHHPT.

Số liệu sơ đồ 3.2 cũng cho chúng tôi thấy có mối tương quan giữa TNT về HVPT và HVCHHPT của phạm nhân với khả năng tự điều chỉnh HVCHHPT của họ ($p=0,227$ và $r<0,001$). Như vậy, khi phạm nhân TNT đúng và về HVPT và HVCHHPT sẽ là cơ sở để họ tự điều chỉnh HVCHHPT theo hướng chủ động và tự giác. Ngược lại, nếu phạm nhân chưa TNT đúng về HVPT và HVCHHPT của bản

thân, dẫn tới khả năng tự điều chỉnh hành vi CHHPT bị thụ động. Khi nếu thiếu sự giám sát của cán bộ trại dẫn tới vi phạm nội quy, kỷ luật trại giam (đánh bạn tù, chây lười lao động, đánh bạc trong buồng giam, trốn trại, mang vật cấm vào trại giam...).

Giữa TĐG về HVPT và HVCCHPT có mối tương quan thuận với khả năng tự điều chỉnh HVCHHPT ($p=0,533$, $r<0,005$). Có nghĩa khi phạm nhân TĐG rõ ràng về HVPT và HVCHHPT của bản thân sẽ dẫn tới khả năng tự điều chỉnh HVCHHPT một cách tốt hơn. Ngược lại, nếu phạm nhân TĐG HVPT và HVCHHPT chưa rõ ràng sẽ dẫn tới khả năng tự điều chỉnh HVCHHPT một cách thụ động.

Nhận xét: Có thể nhận thấy cả 3 mặt biểu hiện cơ bản của TYT của phạm nhân về HVPT và HVCHHPT có mối quan hệ khá chặt chẽ với nhau, cùng tồn tại trong một chỉnh thể chung. Trong đó, TYT biểu hiện qua mối quan hệ giữa TĐG và tự điều chỉnh HVCHHPT có mối quan hệ khăng khít và gắn bó mật thiết hơn. Điều này cũng nói lên rằng, để nâng cao khả năng tự điều chỉnh HVCHHPT của phạm nhân diễn ra một cách tự giác, chủ động thì ngoài việc giáo dục TNT về HVPT và HVCHHPT là cần thiết nhưng bên cạnh đó đặc biệt cần chú ý tới giáo dục TĐG về HVPT và HVCHHPT cho phạm nhân.

3.2. THỰC TRẠNG MỘT SỐ YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN TỰ Ý THỨC CỦA PHẠM NHÂN VỀ HÀNH VI PHẠM TỘI VÀ HÀNH VI CHẤP HÀNH HÌNH PHẠT TÙ

Có nhiều yếu tố ảnh hưởng đến TYT của PN về HVPT và hành vi CHHPT. Trong phần điều tra thực tiễn, chúng tôi khảo sát ảnh hưởng của 4 yếu tố: niềm tin của PN vào tương lai; mối quan hệ giữa PN với PN; quan hệ giữa PN với gia đình và quan hệ giữa PN với cán bộ trại giam (cán bộ quản giáo; cán bộ giáo dục; cán bộ cảnh sát bảo vệ).

Bảng 3.23. Một số yếu tố ảnh hưởng đến tự ý thức về HVPT và HVCHHPT

(Số liệu tổng quát)

STT	Các yếu tố ảnh hưởng	Mức độ	ĐTB	ĐLC
1	Niềm tin của PN vào tương lai	2	2,38	0,45
2	Mối quan hệ giữa các PN trong trại giam	3	2,80	0,34
3	Mối quan hệ giữa PN và gia đình	1	1,99	0,37
4	Mối quan hệ giữa PN và cán bộ trại giam	2	2,24	0,35
5	Trung bình		2,35	0,17

Số liệu bảng 3.23 cho thấy các yếu tố nghiên cứu có ảnh hưởng đáng kể đến TYT của PN về HVPT và HVCHHPT (ĐTB=2,35). Kết quả điều tra chỉ ra mối quan hệ giữa các PN trong trại giam có ảnh hưởng rất lớn đến TYT về HVPT và HVCHHPT của họ (ĐTB=2,80). Điều này được giải thích chúng tôi nghiên cứu TYT của PN về HVPT và HVCHHPT ở thời điểm họ đang CHHPT tại trại giam. Do vậy, mối quan hệ trực tiếp và hàng ngày diễn ra chủ yếu giữa các PN với PN. Qua hoạt động cùng nhau trong nhiều hoạt động (lao động, học tập, sinh hoạt...) hàng ngày nên PN bắt chước, ám thị, lây lan tâm lý của nhau rất rõ rệt. Nữ PN chia sẻ *“Giữa các chị em trong đội có ảnh hưởng rất lớn đến nhau. Ngoài xã hội thì còn gia đình và người thân quen bạn bè để nhờ cậy. Ở đây (ý nói trong trại giam) chỉ có các chị em PN với nhau nên cùng giúp đỡ, động viên lẫn nhau chấp hành tốt nội quy, kỷ luật trại giam để nhanh được giảm án để sớm trở về xã hội”* (Ng.Th.Ch, sinh năm 1946, án 5 năm tù về tội “MBTPCMT”, CHA trại Hoàng Tiến). Còn PN M chia sẻ *“Chúng tôi coi chị em trong đội như người thân của mình. Mỗi khi có chuyện buồn của một người là cả đội cũng buồn theo. Chỉ biết động viên nhau để vượt qua nỗi buồn chứ cũng chẳng giúp được gì hơn)* (Ng.Th.M, án 20 năm về tội “VCTPCMT” đang CHA trại Ngọc Lý). Tuy nhiên, mối quan hệ giữa PN và gia đình ít có ảnh hưởng đến TYT về HVPT và HVCHHPT của họ (ĐTB=1,99). Nguyên nhân do phần lớn PN CHHPT các tội về ma túy có tiền sử nghiện ma túy. Họ sớm thoát khỏi sự ràng buộc của gia đình và gần bó, gần gũi với nhóm bạn cùng cảnh ngộ. Khi nghiên cứu nhật ký thăm gặp chúng tôi thấy nhiều PN án ma túy ít được gia đình thăm gặp và gửi quà. PN D chia sẻ *“Tôi vào trại đã được hơn năm năm nhưng gia đình đi thăm được 3 lần. Năm đầu tiên gia đình đi thăm hai lần nhưng những năm sau đó thì cả năm gia đình tôi cũng không đến thăm. Tôi có bạn bè trong đội và cán bộ giúp đỡ, tôi cũng quen cảnh sống không gần gia đình từ khi bỏ học năm lớp 9”* “PN Tr.V.D, án 8 năm tội “MBTPCMT” CHA trại giam Tân Lập).

3.2.1. Thực trạng ảnh hưởng niềm tin của phạm nhân vào tương lai

Qua bảng số liệu 3.24 cho thấy PN chưa thật sự tin tưởng vào tương lai của mình (ĐTB=2,38). Cụ thể có 13,3% (53/400 PN) hoàn toàn mất hết niềm tin vào tương lai, 68,5% (274/400) chưa tin tưởng nhiều bản thân sẽ có một tương lai. Số

còn lại 18,2 (73/400) PN tự tin rằng họ sẽ lấy lại được uy tín, danh dự với gia đình, bạn bè, hàng xóm, họ sẽ có một việc làm ổn định và có một gia đình hạnh phúc trong tương lai. Như vậy có tới 81,8% (327/400) PN không tin tưởng và chưa tin tưởng nhiều vào tương lai của mình. Từ kết quả nghiên cứu cho thấy, nội dung được PN tin tưởng nhất về tương lai “*Tôi tin rằng mình sẽ có công việc ổn định khi tôi mãn hạn tù*” (ĐTB=3,12).

Bảng 3.24. Thực trạng niềm tin của PN đang CHHPT vào tương lai

(Theo điểm trung bình và tỷ lệ phần trăm)

TT	Nội dung	Mức độ niềm tin (%)				ĐTB	ĐLC
		Hoàn toàn sai	Sai nhiều hơn đúng	Đúng nhiều hơn sai	Hoàn toàn đúng		
1	Tôi tin tương lai tôi sẽ lấy lại được uy tín, danh dự của bản thân với gia đình	17,2	50,5	21,0	11,2	2,26	0,87
2	Tôi tin tương lai tôi sẽ lấy lại được uy tín, danh dự của bản thân với bạn bè, hàng xóm	21,2	52,8	17,2	8,8	2,13	0,84
3	Tôi tin tương lai tôi sẽ có một gia đình hạnh phúc	24,5	46,8	17,5	11,2	2,15	0,92
4	Tôi tin tương lai mọi người sẽ bỏ qua những lỗi lầm mà tôi đã mắc phải	11,0	62,0	18,8	8,2	2,24	0,75
5	Tôi tin rằng mình sẽ có công việc ổn định khi tôi mãn hạn tù	1,5	23,0	37,0	38,5	3,12	0,81
6	Tôi sẽ có một tương lai tốt hơn khi tôi trở về với gia đình	11,2	48,5	33,2	7,0	2,36	0,77
	Trung bình					2,38	0,54

Qua tìm hiểu chúng tôi thấy trong quá trình CHHPT trong trại giam, một trong những hoạt động mà PN phải chấp hành đó là tham gia hoạt động lao động. Lao động trong trại giam công việc rất cụ thể và với mức khoán rõ ràng, PN bắt buộc phải hoàn thành mức khoán của mình và chịu trách nhiệm với mức khoán của mình trước quản giáo. Do vậy, qua hoạt động lao động tại trại giam đã rèn cho PN thói quen lao động, trách nhiệm với lao động, ý nghĩa của lao động. Do vậy, với suy nghĩ rằng trong trại giam công việc vất vả họ còn làm được thì tương lai khi hết thời hạn tù trở về với xã hội thì không có lao động nào họ không thể làm được. Một PN chia sẻ “*Công việc trong trại giam đã rèn cho tôi thói quen lao động, lúc đầu tôi thường xuyên không đạt mức khoán lao động do thói quen không chịu lao động ngay từ còn ngoài xã hội. Chỉ đầu tư vài triệu để mua ma túy rồi chia nhỏ bán cho “con nghiện” là tôi có lãi vài triệu đồng. Giờ đây dù công việc lao động trong trại*

giam có vất vả nặng nhọc nhưng tôi cũng cố hoàn thành. Do vậy, tôi nghĩ là việc lao động trong trại giam mình còn làm được thì sau này mãn hạn tù mình có thể làm được bất cứ công việc lao động nào mà xã hội chấp nhận" (PN L.Ph.A, sinh năm 1982, án 11 năm tội "VCTPCMT", đang CHA tại trại giam Hoàng Tiến).

Ở những nội dung "*lấy lại uy tín, danh dự gia đình*", "*lấy lại danh dự, uy tín với bạn bè, hàng xóm*" và "*có gia đình hạnh phúc*" có điểm trung bình thấp (ĐTB lần lượt là 2,26; 2,13 và 2,15). Điều này cho thấy PN thiếu tự tin khi nhận định về việc lấy lại "*danh dự, uy tín*" trong tương lai của mình, không có hy vọng bản thân sẽ có một gia đình hạnh phúc, một cuộc sống tươi sáng trong tương lai. Chúng tôi tự hỏi tại sao hơn 2/3 số PN không tin tương lai sẽ lấy lại "*uy tín, danh dự*", "*có một gia đình hạnh phúc*". Điều này nhiều PN cho rằng họ đã đánh mất hết uy tín và danh dự của bản thân, khi ra trại lại thêm mang tiếng là đã "*vào tù, ra tội*" thì không ai tin tưởng vào họ. Đã không tin tưởng thì họ cũng khó mong muốn mình có một gia đình hạnh phúc.

Cũng từ câu hỏi "*Tôi thấy tương lai của mình...*" chúng tôi thu được kết quả, 82,1% PN CHHPT đánh giá về tương lai theo hướng tiêu cực, bi quan, chán nản như "*Cuộc đời của tôi coi như đã hết, tôi không còn tương lai*", "*tôi thấy tương lai của tôi mờ mịt ở phía trước*", "*Không biết tôi có ngày trở về hay không*", "*Tôi không biết gia đình còn tin tưởng bản thân mình hay không*". Chỉ có 17,9% PN đánh giá tương lai theo hướng tích cực "*Tôi sẽ có một gia đình hạnh phúc*", "*Tôi sẽ lấy lại được uy tín của bản thân*", "*Tôi sẽ làm lại từ đầu*". Tìm hiểu sâu hơn nguyên nhân này chúng tôi thấy hơn một nửa (57,0%) PN có mức án khá cao "*từ trên 7 năm đến chung thân*". Số còn lại tuy có mức án thấp nhưng phần lớn trong đó là những PN có tiền sử nghiện ma túy do vậy trước khi phạm tội họ không có công ăn việc làm. Do đó, họ TYT bản thân là nhóm yếu thế trong xã hội (không trình độ, không nghề, nghiện ma túy, gia đình không tin tưởng). Họ rất dễ tái nghiện khi gặp sự rủ rê, mời sử dụng ma túy từ người khác. Nam PN tâm sự "*Bây giờ thì bản thân tôi thấy mình phải quyết tâm cố gắng cải tạo tốt, tránh xa ma túy, lấy lại niềm tin với gia đình và người thân. Nhưng khi mãn hạn tù, công ăn việc làm không có, sự kỳ thị của xã hội đối với tôi, bên cạnh đó nhóm bạn cũ lại rủ rê tôi không dám chắc mình có thể vượt qua được sự cám dỗ đó*" (PN V.Th.H.H, án 7 năm 8 tháng tội

“TTTPCMT”, CHA trại giam Phú Sơn 4). Một nữ PN chia sẻ *"Tuổi của tôi mỗi ngày một nhiều, gia đình tôi đã tan nát tất cả, khi ra tù còn thêm tiếng tù tội nên tôi không có hy vọng gì tương lai có người đàn ông hiểu và chia sẻ với mình. Tôi thấy mình có lỗi với cha mẹ rất nhiều, thật tình nói về tương lai tôi chỉ mong ngày trở về với gia đình tôi chăm sóc cha mẹ mình được ngày nào hay ngày đấy chứ tôi không mong mình có cuộc sống hôn nhân tốt đẹp vì mong muốn cũng chẳng được"* (PN Tr. Th.H, sinh năm 1975, án 3 năm 6 tháng về tội "MBTPCMT", đang CHA tại trại giam Hoàng Tiến - BCA).

Tóm lại, PN chấp hành hình phạt tù các tội về ma túy hình dung trước khó khăn mà họ rất khó vượt qua khi chấp hành xong hình phạt tù. Sự định kiến của xã hội, sự mất uy tín với người thân, khó tìm được công việc để nuôi sống bản thân và họ không dám mơ ước sẽ có một gia đình hạnh phúc.

3.2.2. Thực trạng ảnh hưởng của mối quan hệ giữa các phạm nhân

Do PN trực tiếp cùng lao động, học tập, ăn, ở và sinh hoạt với nhau theo đội, buồng giam nên có sự ảnh hưởng liên nhân cách. Kết quả bảng 3.25 cho thấy sự ảnh hưởng giữa PN với PN rất lớn ở nhiều nội dung khác nhau (ĐTB=2,80).

Bảng 3.25. Thực trạng ảnh hưởng mối quan hệ giữa các PN trong trại giam

(Theo điểm trung bình và tỷ lệ phần trăm)

TT	Nội dung	Mức độ niềm tin (%)				ĐTB	ĐLC
		Hoàn toàn sai	Sai nhiều hơn đúng	Đúng nhiều hơn sai	Hoàn toàn đúng		
1	Bạn tù luôn giúp đỡ kinh tế cho tôi	38,0	41,5	18,0	2,5	1,85	0,79
2	Bạn tù là chỗ dựa tinh thần để tôi luôn yên tâm cải tạo tốt	7,2	24,0	35,0	33,8	2,95	0,93
3	Bạn tù giúp tôi phần đầu hoàn thành vượt mức khoán lao động	4,5	22,0	35,2	38,2	3,07	0,88
4	Bạn tù giúp tôi an tâm chấp hành hình phạt tù	5,8	24,8	37,8	31,8	2,95	0,89
5	Bạn tù giúp tôi không vi phạm nội quy, kỷ luật trại giam	10,0	27,8	39,8	22,5	2,74	0,91
6	Bạn tù luôn chỉ ra khuyết điểm mà tôi mắc phải trong trại giam	40,8	31,2	25,8	2,2	1,89	0,86
7	Bạn tù là người hiểu tôi hơn mọi người	7,0	11,5	49,8	31,8	3,06	0,84
8	Bạn tù luôn động viên tôi chấp hành cải tạo tốt	7,5	13,0	55,2	24,2	2,96	0,82
9	Bạn tù luôn lắng nghe mỗi khi tôi muốn chia sẻ	2,8	21,5	39,8	36,0	3,09	0,82
10	Bạn tù cho tôi lời khuyên bổ ích để tôi cải tạo tốt	7,5	35,0	46,5	11,0	2,61	0,78
11	Bạn tù luôn an ủi, động viên khi tôi gặp khó khăn	4,0	25,5	38,5	32,0	2,98	0,85
12	Bạn tù là người giúp tôi nhận ra hành vi phạm tội của mình	3,5	8,8	26,8	61,0	3,45	0,79
	Trung bình					2,80	0,34

Từ kết quả thu được ở bảng số liệu cho thấy sự tác động mạnh từ phía các bạn tù được thể hiện ở một số nội dung "*Bạn tù là người giúp tôi hiểu ra hành vi phạm tội của mình*" (ĐTB=3,45), "*Bạn tù luôn lắng nghe mỗi khi tôi chia sẻ*" (ĐTB=3,09), "*Bạn tù là người hiểu tôi hơn mọi người*" (ĐTB=3,06), "*Bạn tù luôn an ủi, động viên khi tôi gặp khó khăn*" (ĐTB=2,98). Qua tìm hiểu cho thấy, mặc dù nội quy, kỷ luật trong trại giam rất cụ thể và chặt chẽ bởi sự giám sát trực tiếp của cán bộ trại giam (cán bộ quản giáo, cán bộ trinh sát, cán bộ giáo dục, cán bộ trực trại...), và đội trưởng. Tuy nhiên, qua nghiên cứu thực tiễn chúng tôi thấy trong mỗi đội PN đều có những nhóm PN hình thành tự phát (cùng đồng hương, cùng hành vi phạm tội, cùng mức án, cùng nhóm từ khi chưa đi CHHPT). PN đánh giá cao về sự giúp đỡ của nhóm không chính thức mà họ tham gia. Kết quả trên cũng phù hợp với kết quả quan sát của chúng tôi qua hoạt động tổ chức họp phân loại thi đua PN theo "tuần – tháng - quý". Rất ít những "*khuyết điểm*" được nêu ra trong cuộc họp đội. Theo phạm nhân việc chỉ ra khuyết điểm của PN này với PN khác sẽ dẫn tới sự mâu thuẫn giữa các nhóm PN với nhau trong cùng một đội hoặc cùng một buồng giam.

Chúng tôi tự đặt câu hỏi tại sao có tới 87,8% PN cho rằng "*bạn tù là người giúp tôi nhận ra hành vi phạm tội của mình*" chứ không phải từ cơ quan pháp luật và cán bộ trại giam. Chúng tôi thấy điều khá thú vị, chủ đề mà PN thường chia sẻ đầu tiên là về HVPT và mức án sau đó mới tới các nội dung khác. Qua tâm sự trao đổi thông tin cho nhau một cách trung thực mà họ hiểu nhau rất rõ về HVPT và HVCHHPT. Hơn thế nữa, qua giao tiếp hàng ngày, PN không những nhận thức rõ hơn về HVPT của bản thân mà còn hiểu các hành vi phạm tội khác. Tuy nhiên qua giao tiếp sẽ giúp PN nhận thức sâu sắc hơn về hình phạt tương ứng với các tội danh cụ thể về ma túy, giúp phạm nhân tích cực, tự giác chấp hành nội quy, kỷ luật của trại giam. Mặt khác, sự trao đổi thông tin về hành vi phạm tội cũng làm cho PN nhận thức thêm những phương thức, thủ đoạn mới để không bị cán bộ trại giam phát hiện cũng như tăng niềm tin của họ vào khả năng bản thân sẽ không bị phát hiện nếu họ tiếp tục có HVPT khi mãn hạn tù. Nữ PN chia sẻ "*Hôm đó tôi thật tình chủ quan nên đã giao ma túy tại nhà của mình nên bị bắt tại nhà. Nếu hiểu biết như*

bây giờ thì chắc chắn lực lượng công an tỉnh chưa thể bắt tôi về tội mua bán trái phép chất ma túy" M.Th.H, sinh năm 1974, án 16 năm về tội "MBTPCMT", CHA trại giam Phú Sơn 4). Tìm hiểu rõ hơn nội dung “*biết như bây giờ*” PN H cho biết nhờ qua kinh nghiệm của bạn tù thì một nguyên tắc là không bao giờ được giao “thuốc” tại nhà. Không những thế phải thường xuyên thay đổi địa điểm cũng như phương thức cách thức “*giao hàng*” thì lực lượng công an mới không thể phát hiện và bắt giữ. Phỏng vấn những PN có mức án dài và tiền sử không nghiện ma túy cũng được kết quả “*nếu với hiểu biết như lúc này thì tôi chưa bị bắt*”. Có tới 62,3% PN cho rằng “*Bạn tù giúp tôi không vi phạm nội quy, kỷ luật trại giam*” và 69,6% cho rằng “*Bạn tù giúp tôi an tâm chấp hành hình phạt tù*”. Điều này một lần nữa cho thấy sự “*giúp đỡ*” nhau giữa PN với PN thường là những kinh nghiệm trong việc thực hiện HVPT, những phương thức, cách thức che đậy những biểu hiện, hành vi tiêu cực trong trại giam. Kết quả này phù hợp với kết quả đã phân tích ở nội dung “*Hành vi chấp hành nội quy, kỷ luật trại giam*”, có tới 76,6% PN từng vi phạm nội quy, kỷ luật trại giam. Tuy nhiên phát hiện ra số PN vi phạm nội quy trại giam phần lớn là nhờ các biện pháp nghiệp vụ, số ít vi phạm nhờ qua thông tin từ PN khác. Đồng chí đội trưởng đội giáo dục chia sẻ “*Hiện nay nhiều PN phát hiện ra vi phạm của bạn tù cùng đội hoặc cùng buồng giam nhưng không dám đấu tranh với biểu hiện và hành vi tiêu cực đó. Một mặt họ sợ bị trả thù từ chính nhóm PN đó, mặt khác có thể người vi phạm lại là bạn cùng với nhóm của họ*” (Ng.Đ.Ph cán bộ giáo dục trại giam Hoàng Tiến)

Những nội dung được PN thấy ít bị ảnh hưởng từ phía bạn tù đó là “*Bạn tù là người luôn chỉ ra khuyết điểm mà tôi mắc phải trong trại giam*” (ĐTB=1,89). Điều này phù hợp với phân tích ở trên là phần lớn PN ít khi chỉ ra những khuyết điểm của PN khác vì cùng nhóm bạn hoặc sợ bị trả thù.

Tóm lại, sự ảnh hưởng giữa PN và PN trong quá trình CHHPT diễn ra khá mạnh trong suốt thời gian PN CHHPT. Tuy nhiên sự ảnh hưởng đó theo hướng tiêu cực nhiều hơn tích cực. Đây là một chú ý để cán bộ trại giam trong giáo dục có sự định hướng nội dung và mục đích trong giao tiếp giữa PN và PN.

3.2.3. Thực trạng ảnh hưởng mối quan hệ giữa phạm nhân với gia đình

a. Mối quan tâm của gia đình tới phạm nhân qua sự thăm gặp

Thực trạng sự quan tâm của gia đình được xem xét từ hai khía cạnh: tần suất thân nhân thăm gặp PN và khía cạnh đánh giá của PN về mức độ quan tâm của gia đình đối với họ.

Bảng 3.26. Tần suất và % các lựa chọn của câu hỏi về sự quan tâm của gia đình

TT	Tần suất thân nhân thăm gặp và gửi quà	N	%
1	Chưa bao giờ thăm gặp và gửi quà	57	14,2
2	Ít thăm gặp và gửi quà (từ 1 đến 3 lần/năm)	284	71,0
3	Thường xuyên thăm gặp và gửi quà (4 đến 12 lần/năm)	59	14,8
Tổng		400	100

Bảng số liệu 3.26 cho thấy chỉ có 14,8% PN chấp hành hình phạt tù các tội về ma túy được gia đình thường xuyên thăm gặp và gửi quà (từ 4-12 lần/năm). Số còn lại 71,0% PN ít được gia đình đi thăm và gửi quà. 14,2% PN chưa lần nào được gia đình thăm gặp và gửi quà. Nhiều nguyên nhân PN không được quan tâm và gửi quà từ gia đình (không còn người thân; có người thân nhưng bị "bỏ rơi"). PN B.Th.Nh sinh năm 1963, án 16 năm tội "MBTPCMT" đang CHA tại trại giam Ngọc Lý tâm sự *"Tự không có tiếp tế gì từ phía gia đình. Cả nhà tôi đều dính vào con đường tù tội vì liên quan đến ma túy, em gái tôi đang trả án cũng tại trại giam Ngọc Lý, chồng tôi đang trả án tại trại giam Xuân Nguyên với mức án 30 năm. Hai cô con gái lớn đều đang trả án tại trại giam Phú Sơn 4, cô con gái út thì đang còn là học sinh"*. Là người có thâm niên công tác lâu năm trong trại giam, đồng chí quản giáo Đ.V.N công tác tại trại giam Phú Sơn chia sẻ *"Riêng với nhóm PN phạm tội về ma túy vì động cơ nhanh kiếm nhiều tiền thì thường họ kéo cả gia đình, họ hàng vào con đường mua bán ma túy. Chính vì vậy khi bị bắt thì cả gia đình, và nhiều người họ hàng của họ đều dính vào vòng pháp luật. Do vậy, trong trại họ thường viết thư qua lại để hỏi thăm nhau, hoặc phải đợi người mãn hạn tù trước sẽ đến thăm người mãn hạn tù sau. Với nhóm đã vào tù ra tội nhiều lần, không cai được nghiện ma túy, đã gây hậu quả nặng nề về cả vật chất lẫn tinh thần cho gia đình thì nhiều gia đình không còn quan tâm thăm nom và gửi quà cho họ"*. PN Ng.V.H chia sẻ *"Tôi bị nghiện ma túy là do lái xe đường dài và hay chạy đêm, rồi bạn bè cùng cảnh lái xe với nhau nói sử dụng heroin với lượng vừa phải sẽ tỉnh táo không buồn ngủ. Tôi dùng và nghiện trong hoàn cảnh đó. Lúc đầu mới nghiện thì vẫn còn có tiền mang về nhà, nhưng rồi mỗi tháng lại đưa vợ tiền ít hơn. Đến khi tôi không có tiền gửi về gia đình nữa cũng là lúc tôi bị đuổi việc. Rồi gia đình phát hiện và đưa tôi đi cai*

hết lần này đến lần khác nhưng tôi vẫn tái nghiện. Đến khi tôi bị bắt về tội mua bán trái phép chất ma túy thì gia đình quá thất vọng về tôi. Gia đình đã coi tôi như người bỏ đi. Vợ tôi cũng đã bỏ tôi và đi xuất khẩu lao động ở Đài Loan ” (PN Ph.V.H, sinh năm 1983, văn hóa 12/12, án 5 năm tội “MBTPCMT” đang CHA tại TG Hoàng Tiến).

Như vậy, mối quan tâm của gia đình và số lần thăm gặp và gửi lưu ký của gia đình không những ảnh hưởng đến HVPT mà còn ảnh hưởng nhất định tới tư tưởng CHHPT của phạm nhân.

b. Thực trạng ảnh hưởng của mối quan hệ giữa PN và gia đình

Bảng số liệu 2.27 cho thấy PN nhận định ít được quan tâm và giúp đỡ từ phía gia đình (ĐTB=1,99).

Bảng 3.27: Thực trạng ảnh hưởng của mối quan hệ giữa PN và gia đình

(Theo điểm trung bình và tỷ lệ phần trăm)

TT	Nội dung	Mức độ niềm tin (%)				ĐTB	ĐLC
		Hoàn toàn sai	Sai nhiều hơn đúng	Đúng nhiều hơn sai	Hoàn toàn đúng		
1.	Gia đình luôn giúp đỡ kinh tế cho tôi	17,2	35,0	29,5	18,2	2,48	0,98
2.	Gia đình là chỗ dựa tinh thần để tôi luôn yên tâm cải tạo tốt	17,8	48,8	23,0	10,5	2,26	0,87
3.	Gia đình giúp tôi phấn đấu hoàn thành vượt mức khoán lao động	33,0	36,8	22,8	7,5	2,04	0,92
4.	Gia đình giúp tôi an tâm chấp hành hình phạt tù	47,2	34,8	14,5	3,5	1,74	0,83
5.	Gia đình giúp tôi không vi phạm nội quy, kỷ luật trại giam	25,0	49,2	20,5	5,2	2,06	0,81
6.	Gia đình luôn chỉ ra khuyết điểm mà tôi mắc phải trong trại giam	37,2	37,0	18,2	7,5	1,96	0,92
7.	Gia đình là người hiểu tôi hơn mọi người	31,2	41,5	18,0	9,2	2,05	0,93
8.	Gia đình luôn động viên tôi chấp hành cải tạo tốt	44,2	28,0	21,0	6,8	1,90	0,96
9.	Gia đình luôn lắng nghe mỗi khi tôi muốn chia sẻ	48,5	38,2	8,8	4,5	1,69	0,81
10.	Gia đình cho tôi lời khuyên bổ ích để tôi cải tạo tốt	35,8	38,0	20,5	5,8	1,96	0,89
11.	Gia đình luôn an ủi, động viên khi tôi gặp khó khăn	38,2	38,0	21,2	2,5	1,88	0,83
12.	Gia đình là người giúp tôi nhận ra hành vi phạm tội của mình	37,8	39,2	20,8	2,2	1,87	0,81
	Trung bình					1,99	4,37

Ở nội dung “*Gia đình luôn giúp đỡ về kinh tế*” và “*Gia đình là chỗ dựa tinh thần để tôi an tâm cải tạo tốt*” lần lượt có điểm trung bình (ĐTB=2,48 và 2,26).

Điều này cho thấy PN bị ảnh hưởng cả mặt kinh tế và mặt tinh thần từ phía gia đình. Những tin tức của gia đình luôn được PN tiếp nhận và ảnh hưởng đến cảm xúc theo hướng tích cực hay tiêu cực ở họ. Một số PN có hành vi chống đối lao động, vi phạm nội quy trại giam, trốn trại cũng là do tiếp nhận những tin tức tiêu cực từ phía gia đình. PN Ng.Th.H, án 5 năm về tội "MBTPCMT" đang chấp hành hình phạt tù tại trại giam Ngọc Lý đã trốn trại do nhận được tin chồng ở nhà có hành vi thô bạo với con gái riêng của mình. PN L.V.N án 3 năm 6 tháng tù về tội "MBTPCMT", CHA tại trại giam Tân Lập trốn trại vì nhận được tin từ một bạn tù mãn hạn trước cho biết vợ của N có quan hệ bất chính với một cán bộ xã. N đã quyết tâm trốn trại để về *"Dạy cho vợ và tình nhân của vợ một bài học"*. Quản giáo H.V.H đang công tác tại trại giam Ngọc Lý chia sẻ *"Một số PN phạm các tội về ma túy bị tác động rất lớn bởi gia đình. Những PN có án dài thường là những đối tượng buôn bán ma túy với số lượng lớn và là đối tượng có tiền. Do vậy, khi họ đi chấp hành hình phạt tù ít nhiều họ cũng đã nhận bớt tội hoặc để một phần tài sản cho người thân. Vì vậy, nếu không được sự thăm gặp và tiếp tế từ gia đình sẽ dẫn tới họ có tư tưởng là người thân phụ công của họ, từ đó rất dễ nảy sinh ý nghĩ trốn trại. Ngược lại với những PN có tiền sử nghiện ma túy thì trước đó họ đã từng nghiện và cai nghiện nhiều lần, có những đối tượng vào tù ra tội không ít lần, do đó nhiều gia đình gần như đã bỏ rơi họ. Những PN này thường chịu sự tác động từ phía bạn tù hơn là từ phía gia đình của họ"*. Số liệu kiểm định T-test cũng cho thấy có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về sự tác động từ phía gia đình giữa nhóm PN có tiền sử nghiện ma túy và nhóm chưa có tiền sử nghiện ma túy với $p=0,006$. Điều này có nghĩa nhóm PN chưa có tiền sử nghiện ma túy đánh giá được gia đình quan tâm cả về mặt vật chất và tinh thần hơn nhóm PN đã có tiền sử nghiện ma túy.

Ở nội dung PN thấy ít được quan tâm từ gia đình như: *"Gia đình luôn lắng nghe mỗi khi tôi muốn chia sẻ"* (ĐTB=1,69) và *"Gia đình giúp tôi nhận ra hành vi phạm tội của mình"* (ĐTB=1,87). Qua tìm hiểu chúng tôi thấy đối với những PN có gia đình họ luôn muốn được chia sẻ, cảm thông từ phía gia đình đối với HVPT của họ. Tuy nhiên, nhiều lý do khác nhau mà gia đình không đáp ứng được ý muốn của

họ. Hơn thế nữa, PN đánh giá người giúp họ nhận ra hành vi phạm tội là từ phía bạn tù hơn là từ phía gia đình.

Qua nghiên có một số ảnh hưởng như sau từ phía gia đình tới PN: Nhóm PN có gia đình quan tâm không đúng mực (quá quan tâm về vật chất và tìm mọi cách lo lót cho con em họ được giảm án, đặc xá), từ đó ảnh hưởng đến TYT của PN tiêu cực hơn tích cực. Nhóm PN được gia đình quan tâm đúng mực (thăm gặp, gửi lưu ký và lắng nghe, chia sẻ, động viên hợp lý) sẽ giúp PN thay đổi TYT theo hướng tích cực. Nhóm gia đình bỏ rơi PN (ít thăm gặp và gửi lưu ký...) sẽ dẫn tới họ thấy bản thân không có tương lai. Nhiều PN còn hận chính người thân và gia đình của mình.

Nhóm PN ít được gia đình quan tâm, thăm gặp động viên là do:

- Họ có tiền sử nghiện ma túy, có từng có tiền án nên nhiều lần đi cai nghiện, làm mất hết niềm tin ở người thân trong gia đình.
- Những gia đình kinh tế khó khăn, cộng với trại giam thường không gần trung tâm, đường quốc lộ dẫn tới họ ít được gia đình thăm gặp, tiếp tế.
- Những PN người thân đều đi CHHPT hoặc không còn gia đình

Nhóm PN thường được gia đình quan tâm là nhóm gia đình có điều kiện kinh tế thuận lợi, do họ phạm tội lần đầu và những gia đình có một mình là con trai, đã lập gia đình.

Tóm lại, PN CHHPT các tội về ma túy rất mong muốn được sự quan tâm, thăm gặp, động viên từ phía gia đình nhưng thực tế có rất ít gia đình quan tâm, thăm gặp, động viên họ. Từ đó dẫn tới họ gia nhập vào những nhóm bạn tù để bù đắp lại sự thiếu hụt về tinh thần.

3.2.4. Thực trạng ảnh hưởng mối quan hệ giữa phạm nhân với cán bộ

Số liệu bảng 3.28 cho thấy sự thực trạng sự ảnh hưởng của PN tới cán bộ không lớn (ĐTB=2,24).

Kết quả nghiên cứu chỉ ra những nội dung thấy PN đánh giá mối quan hệ với cán bộ trại giam thể hiện rõ nhất ở nội dung “*Cán bộ luôn chỉ ra khuyết điểm mà tôi mắc phải trong trại giam*” (ĐTB=3,01), tiếp đến là ở nội dung “*Cán bộ luôn động viên tôi chấp hành cải tạo tốt*” (ĐTB=2,98), “*Cán bộ luôn ai ủi, động viên khi*

tôi gặp khó khăn” (ĐTB=2,61). Có kết quả trên là do yêu cầu của công tác quản lý giáo dục PN. Cảnh sát quản giáo phải nghiên cứu hồ sơ và thực hiện 4 (bốn) biết: Biết mặt (đặc điểm, nhận dạng, khuôn mặt, dáng đi, giọng nói...); biết họ, tên (họ, tên khai sinh, bí danh, bí số...); biết lý lịch, tội danh (quê quán, địa chỉ thường trú, bố, mẹ, anh, chị em ruột, vợ hoặc chồng, các con, bạn bè thân thiết, quá trình hoạt động của bản thân, nguyên nhân, hoàn cảnh, điều kiện phạm tội...); biết diễn biến tư tưởng (quan điểm, lối sống, thái độ đối với bản án và việc chấp hành án...) của từng PN.

Bảng 3.28. Sự ảnh hưởng của mối quan hệ giữa PN với cán bộ trại giam

(Theo điểm trung bình và tỷ lệ phần trăm)

TT	Nội dung	Mức độ (%)				ĐTB	ĐLC
		Hoàn toàn sai	Sai nhiều hơn đúng	Đúng nhiều hơn sai	Hoàn toàn đúng		
1	Cán bộ luôn giúp đỡ kinh tế cho tôi	38,0	41,5	18,0	2,5	1,85	0,79
2	Cán bộ là chỗ dựa tinh thần để tôi luôn yên tâm cải tạo tốt	33,8	35,0	24,0	7,2	2,04	0,93
3	Cán bộ giúp tôi phấn đấu hoàn thành vượt mức khoán lao động	38,2	35,2	22,0	4,5	1,92	0,88
4	Cán bộ giúp tôi an tâm chấp hành hình phạt tù	31,8	37,8	24,8	5,8	2,04	0,89
5	Cán bộ giúp tôi không vi phạm nội quy, kỷ luật trại giam	36,0	39,8	21,5	2,8	1,91	0,82
6	Cán bộ luôn chỉ ra khuyết điểm mà tôi mắc phải trong trại giam	2,2	25,8	31,2	40,8	3,01	0,86
7	Cán bộ là người hiểu tôi hơn mọi người	19,2	54,8	17,0	9,0	2,15	0,83
8	Cán bộ luôn động viên tôi chấp hành cải tạo tốt	4,8	19,0	49,0	27,2	2,98	0,80
9	Cán bộ luôn lắng nghe mỗi khi tôi muốn chia sẻ	24,2	55,2	13,0	7,5	2,03	0,82
10	Cán bộ cho tôi lời khuyên bổ ích để tôi cải tạo tốt	22,5	39,8	27,8	10,0	2,25	0,91
11	Cán bộ luôn an ủi, động viên khi tôi gặp khó khăn	7,5	35,0	46,5	11,0	2,61	0,78
12	Cán bộ là người giúp tôi nhận ra hành vi phạm tội của mình	32,0	38,5	25,5	4,0	2,01	0,85
	Trung bình					2,24	0,35

Từ đó kịp thời động viên, an ủi khi PN gặp chuyện buồn về gia đình, chán nản cuộc sống hoặc có tư tưởng chưa an tâm cải tạo. Tuy nhiên, thực tế hiện nay do thiếu cán bộ có kinh nghiệm ở hầu hết các trại giam hiện nay, nên có những đội cán bộ quản giáo kiêm nhiệm cho quản giáo chính đi học tập, nhiều đội PN đông thì

việc cán bộ thực hiện 4 biết là rất khó khăn. Không những do tính chất công tác nghề nghiệp vất vả, môi trường giao tiếp hạn hẹp (chỉ có giao tiếp chủ yếu giữa cán bộ với PN) dẫn tới khi có điều kiện chuyển công tác thì nhiều cán bộ trại giam chuyển sang công tác ở lĩnh vực khác. Từ kết quả khảo sát cho thấy trong suy nghĩ của PN, cán bộ trại giam là người luôn chú ý tới HVCHHPT của họ hơn là tìm hiểu, khơi gợi, nhắc lại những quá khứ về HVPT của họ.

Những khía cạnh về kinh tế, về vượt mức khoán lao động, chấp hành nội quy trại giam được PN đánh giá ít ảnh hưởng từ mối quan hệ với cán bộ cụ thể: “*Cán bộ luôn giúp đỡ về kinh tế cho tôi*” (ĐTB=1,85); “*Cán bộ giúp tôi không vi phạm nội quy, kỷ luật trại giam*” (ĐTB=1,91) và “*Cán bộ giúp tôi phấn đấu hoàn thành vượt mức lao động*” (ĐTB=1,92). Điều này được giải thích PN hưởng các tiêu chuẩn sinh hoạt theo quy định của pháp luật. Mặt khác PN có mong muốn được cán bộ giúp đỡ về mặt kỹ năng để không vi phạm nội quy, kỷ luật trại giam. Tuy nhiên, về phía cán bộ trại giam với tâm lý là PN đã được học về các nội quy, kỷ luật trại giam. Cộng với bảng nội quy trại giam được treo ở nhiều bảng tin trong trại giam nên không cần giải thích gì thêm cho PN. Về mức khoán lao động nhiều PN với mong muốn vượt mức khoán để có thành tích tốt xếp loại. Tuy nhiên, cán bộ thường đánh giá mức khoán tổng thể của cả đội hơn là chú ý tới sự cố gắng của mỗi cá nhân. Ngoài những nội dung đã phân tích ở trên, khi tìm hiểu thực tiễn cho thấy, mối quan hệ giữa PN với cán bộ trại giam ảnh hưởng rất lớn đến tư tưởng CHHPT của họ. Nghiên cứu trường hợp PN H.L. H, sinh năm 1962, án 8 năm về tội “MBTPCMT”, đang chấp hành hình phạt tù tại trại giam Phú Sơn 4 - Thái Nguyên có hành vi “*Chống đối lao động*”, theo phản ánh của cán bộ quản giáo mới về nhận đội thì PN H trước đây rất chịu khó lao động và luôn hoàn thành vượt mức khoán. Không hiểu nguyên nhân tại sao mà khi quản giáo mới về nhận đội được hơn hai tuần thì PN có hành vi chống đối lao động, không hoàn thành mức khoán, lấy lý do ốm xin đi trạm xá để không phải lao động. Mặc dù quản giáo tìm hiểu nhưng chưa phát hiện được nguyên nhân PN H chống đối lao động. Chúng tôi đã gặp PN H tại trạm xá của trại và đến buổi gặp thứ 2 PN H đã chia sẻ nguyên nhân có tư tưởng không muốn ra lao động chính vì từ cán bộ quản giáo mới nhận đội đã có lời nói

không đúng với PN H. Qua giao việc cán bộ H đã xưng hô "tao mày" với PN H. Thậm chí còn có lời nói mà PN H cảm nhận là xúc phạm như *"mày là con tù mà còn đòi ưu sách"*. Như vậy, mặc dù chỉ là giao tiếp qua lời nói của cán bộ cũng có tác động tới tư tưởng PN từ đó có thể dẫn tới hành vi chấp hành hình phạt tù của họ. Việc thực hiện cách xưng hô theo đúng quy định giữa cán bộ và PN là điều cần ghi nhớ cho mỗi cán bộ làm công tác quản lý trại giam, đặc biệt phải được nhấn mạnh đối với những cán bộ mới nhận công tác. Qua chia sẻ của đồng chí đội trưởng đội giáo dục phân trại số 1 trại giam Hoàng Tiến *"Cán bộ trại giam có tác động rất lớn đến tư tưởng và hành vi chấp hành hình phạt tù của PN. Để làm tốt công tác giáo dục những người có hành vi phạm tội thì trước tiên mỗi cán bộ phải tự giáo dục chính bản thân mình từ lời nói, kỹ năng giao tiếp ứng xử với PN và lời nói đi đôi với việc làm. Mỗi cán bộ trại giam đều là nhà sư phạm, là tấm gương để khuất phục PN"*. PN Ng.Ph.L chia sẻ *"Khi mới vào trại giam tôi được phát hai bộ quần áo PN, nhưng vì hai bộ quần áo quá rộng nên tôi đã tháo ra và sửa lại cho vừa hơn mà không biết như vậy mình đã vi phạm quy định của trại giam. Tuy nhiên, được cán bộ giải thích và nhắc nhở và bỏ qua vi phạm này cho tôi tôi cảm thấy rất mang ơn cán bộ quản giáo. Tôi tự hứa với cán bộ sẽ không lặp lại hành vi này và sẽ chỉ làm những gì cán bộ cho phép"* (PN Ng.Ph.L, án 5 năm 6 tháng về tội "MBTPCMT"). Sự ảnh hưởng mối quan hệ giữa PN với cán bộ trại giam còn thể hiện rõ sự thiếu tin tưởng đối với những PN có tiền sử nghiện, đã từng cai nghiện nhiều lần và lại tái nghiện. Nguyên nhân chính PN này mất niềm tin không những đối với gia đình mà ngay những cán bộ làm công tác trại giam. Ngoài ra do tâm lý PN CHHPT các tội về ma túy có tiền sử nghiện ma túy thường có tâm lý lệ thuộc vào sự tác động từ bên ngoài.

3.2.5. Mối tương quan giữa các yếu tố tác động và các biểu hiện của tự ý thức của PN về hành vi phạm tội và hành vi chấp hành hình phạt tù

a. Mối tương quan giữa các yếu tố ảnh hưởng và các thành phần của TYT của PN về HVPT và HVCHHPT

Kết quả bảng 3.29 cho thấy mối tương quan tương đối chặt chẽ giữa các yếu tố ảnh hưởng và các thành phần của TYT về HVPT và HVCHHPT của PN. Niềm

tin về tương lai có mối quan hệ tỷ lệ thuận với các thành phần TYT của PN về HVPT và HVCHHPT lần lượt (“Niềm tin” và “TNT” với $r=0,036$, $p<0,001$; “Niềm tin” và “TĐG” với $r=0,552$, $p<0,001$; “Niềm tin” và “Tự điều chỉnh hành vi” với $r=0,775$ với $p<0,001$).

Bảng 3.29. Mối tương quan giữa các yếu tố ảnh hưởng và các thành phần của TYT về HVPT và HVCHHPT

TT	Yếu tố ảnh hưởng Nội dung TYT	Niềm tin	Quan hệ PN-PN	Quan hệ GD-PN	Quan hệ cán bộ - PN
1	Tự nhận thức	$r=0,336^{**}$	$r=0,465^{**}$	$r=0,336^{**}$	$r=0,261^{**}$
2	Tự đánh giá	$r=0,552^{**}$	$r=0,290^{**}$	$r=0,072$	$r=0,690^{**}$
3	Tự điều chỉnh hành vi chấp hành hình phạt tù	$r=0,775^{**}$	$r=0,232^{**}$	$r=0,350^{**}$	$r=0,620^{**}$
	TYT về HVPT và HVCHHPT	$r=0,737^{**}$	$r=0,394^{**}$	$r=0,300^{**}$	$R=0,650^*$

Ghi chú: R - hệ số tương quan nhị biến Pearson, r^* khi $p<0,05$; r^{**} khi $p<0,01$

Cụ thể nếu PN tin tưởng vào tương lai có công việc ổn định, một gia đình hạnh phúc, sẽ lấy lại được uy tín với gia đình và bạn bè thì họ sẽ nhận thức rõ ràng hơn về nguyên nhân và hậu quả của HVPT, TĐG theo hướng tích cực về HVPT và HVCHHPT và khả năng tự điều chỉnh HVCHHPT tự giác chủ động hơn. Ngược lại, khi PN mất niềm tin vào tương lai họ sẽ TNT kém chính xác về nguyên nhân và hậu quả của HVPT, TĐG HVPT và HVCHHPT theo hướng tiêu cực hơn tích cực và dẫn tới khả năng tự điều chỉnh HVCHHPT một cách thụ động.

Mối quan hệ giữa PN với PN có tác động theo chiều thuận với các thành phần TYT của PN về HVPT và HVCHHPT, lần lượt (Giữa “PN” và “TNT” với $r=0,465$, $p<0,01$; giữa “PN” và “TĐG” với $r=0,290$, $p<0,001$; giữa “PN” và “Tự điều chỉnh hành vi” với $r=0,232$, $p<0,001$). Điều đó có nghĩa khi PN có mối quan hệ tích cực, đồng viên và giúp nhau cùng tiến bộ thì TNT của PN về HVPT và HVCHHPT rõ ràng hơn, TĐG của PN về HVPT và HVCHHPT theo hướng tích cực, khả năng tự điều chỉnh HVCHHPT một cách chủ động. Ngược lại, khi PN có mối quan hệ theo hướng tiêu cực hơn tích cực, bao che cho nhau những vi phạm nội quy trại giam thì TNT của PN về HVPT và HVCHHPT không rõ ràng, TĐG của PN về HVPT và HVCHHPT theo hướng tiêu cực, khả năng tự điều chỉnh HVCHHPT một cách thụ động.

Mối quan hệ giữa gia đình với PN có ảnh hưởng theo chiều thuận tới TYT của PN về HVPT và HVCHHPT lần lượt (“Gia đình” và “TNT” với $r=0,336$, $p<0,001$; “Gia đình” và “Tự điều chỉnh hành vi” với $r=0,350$ với $p<0,001$; “Gia đình” và “Tự đánh giá” không có mối quan hệ mang ý nghĩa thống kê. Như vậy, khi PN có sự quan tâm đúng mực của gia đình qua sự thăm gặp, động viên, chia sẻ để xóa sự mặc cảm của họ là người tội lỗi sẽ tác động đến TNT của PN theo hướng tích cực. PN điều chỉnh HVPT và VCHHPT theo hướng tự giác và chủ động. Ngược lại, thiếu sự quan tâm hoặc sự quan tâm không đúng mực của gia đình sẽ tác động tới TNT của PN theo hướng tiêu cực, họ dễ điều chỉnh hành vi CHHPT của bản thân theo hướng thụ động, từ đó dẫn đến sự vi phạm nội quy, kỷ luật trại giam.

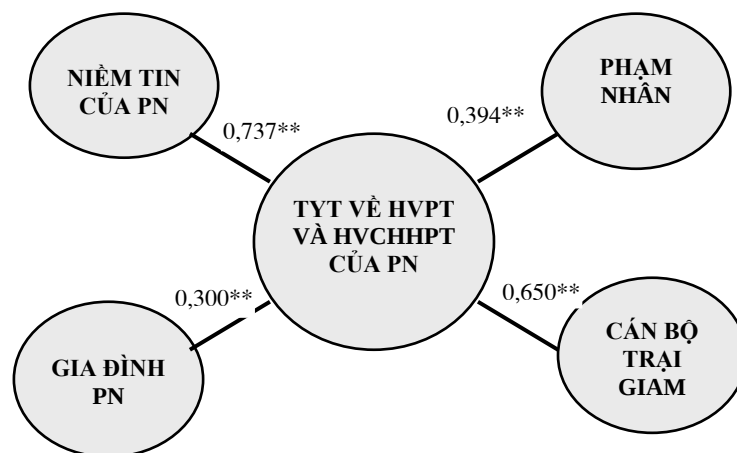
Tấm gương và phương pháp giáo dục của cán bộ trại giam có ảnh hưởng theo chiều thuận TYT của PN về HVPT và HVCHHPT lần lượt (“Cán bộ” và “TNT” với $r=0,261$, $p<0,001$; “Gia đình” và “Tự đánh giá” với $r=0,690$, $p<0,001$; “Cán bộ” và “Tự điều chỉnh hành vi” với $r=0,620$, $p<0,001$).

Số liệu trên có nghĩa nếu cán bộ trại giam có sự quan tâm, động viên, giải đáp mọi thắc mắc cho PN sẽ dẫn tới TNT của họ rõ ràng hơn về nguyên nhân và hậu quả của HVPT, TĐG theo hướng tích cực về HVPT và HVCHHPT và khả năng tự điều chỉnh HVCHHPT tự giác chủ động hơn. Ngược lại, khi thiếu sự quan tâm, động viên, coi PN là người không thể giáo dục dẫn tới PN TNT về HVPT và HVCHHPT không rõ ràng, TĐG HVPT và HVCHHPT theo hướng tiêu cực, từ đó dẫn tới khả năng tự điều chỉnh HVCHHPT một cách thụ động, không có sự chủ động, tích cực một cách tự giác trong việc điều chỉnh hành vi CHHPT của bản thân.

b. Mối tương quan giữa các yếu tố ảnh hưởng và TYT của PN về HVPT và HVCHHPT của PN

Các yếu tố ảnh hưởng đến thực trạng tự ý thức về HVPT và HVCHHPT của PN gồm có yếu tố niềm tin của PN vào tương lai, yếu tố thuộc về gia đình PN, yếu tố thuộc về mối quan hệ giữa PN với PN và yếu tố thuộc về phía cán bộ làm công tác giáo dục. Các yếu tố đó đều có mối tương quan thuận, chặt chẽ và có ý nghĩa thống kê với TYT về HVPT và HVCHHPT của PN.

Kết quả ở sơ đồ 3.5 chỉ ra mối tương quan khá chặt chẽ giữa các yếu tố tác động và tự ý thức của PN về hành vi phạm tội và hành vi chấp hành hình phạt tù.



Ghi chú: **, khi $p < 0,01$

Sơ đồ 3.2. Mối tương quan giữa các yếu tố ảnh hưởng đến TYT của PN

Trong các yếu tố ảnh hưởng đến TYT của PN, yếu tố thuộc về niềm tin ảnh hưởng mạnh mẽ hơn các yếu tố còn lại ($r=0,737$, $p<0,01$). Tiếp theo là những yếu tố thuộc về cán bộ trại giam ($r=0,650$, $p<0,01$). Những yếu tố thuộc về mối quan hệ giữa PN với PN và gia đình với PN cũng có mối quan hệ khá mạnh tới TYT về HVPT và HVCHHPT của PN lần lượt ($r=0,394$, $p<0,001$ và $r=0,300$). Như vậy, TYT về HVPT và HVCHHPT của PN sẽ phát triển theo hướng tích cực nếu PN có niềm tin vào tương lai của mình tốt đẹp hơn (có công việc làm, có gia đình hạnh phúc và lấy lại được uy tín, niềm tin với mọi người), quan hệ PN với nhau, quan hệ giữa gia đình và cán bộ trại giam có sự quan tâm, động viên, chia sẻ, giúp đỡ họ đúng mực về cả tinh thần lẫn vật chất. Tuy nhiên, mối quan hệ giữa PN với PN phải dựa trên tinh thần giúp đỡ nhau hướng thiện. Ngược lại, những PN mất niềm tin vào tương lai, thiếu sự quan tâm đúng mực của gia đình, thiếu sự giúp đỡ, giáo dục của cán bộ, tham gia vào những nhóm PN có hành vi vi phạm nội quy, kỷ luật trại giam có xu hướng phát triển TYT về HVPT và HVCHHPT theo hướng tiêu cực. Điều này cũng phù hợp với lý thuyết đã phân tích về các yếu tố ảnh hưởng đến HVPT và HVCHHPT của PN.

Tóm lại, xét trên bình diện chung thì các yếu tố (niềm tin, tác động từ bạn tù, từ gia đình, từ cán bộ quản giáo) đều có ảnh hưởng tới tự ý thức về HVPT và HVCHHPT của PN theo chiều thuận và mang ý nghĩa thống kê. TYT về HVPT và HVCHHPT là một chỉnh thể từ tự nhận thức đến tự đánh giá và tự điều chỉnh HVCHHPT của họ. Kết quả trên cho thấy, muốn thay đổi TYT của PN về HVPT và HVCHHPT cần có sự quan tâm đồng bộ: tạo cho PN có niềm tin vào tương lai, mối quan hệ giữa phạm nhân theo hướng tích cực, sự quan tâm đúng mực của gia đình, sự động viên, chia sẻ của cán bộ trại giam. Trong đó, tập trung hơn vào việc giáo dục, tác động tâm lý để nâng cao niềm tin của phạm nhân vào tương lai sẽ có công việc ổn định, có gia đình hạnh phúc và lấy lại được uy tín của mọi người.

3.3. TỰ Ý THỨC CỦA PHẠM NHÂN VỀ HÀNH VI PHẠM TỘI VÀ HÀNH VI CHẤP HÀNH HÌNH PHẠT TÙ QUA PHÂN TÍCH TRƯỜNG HỢP ĐIỂN HÌNH

Để tìm hiểu sâu hơn về TYT của phạm nhân về HVPT và HVCHHPT và các yếu tố ảnh hưởng đến TYT về HVPT và HVCHHPT của họ, đề tài đã nghiên cứu sâu bốn trường hợp điển hình. Kết quả nghiên cứu bốn trường hợp này được trình bày cụ thể, chi tiết ở phụ lục 4 và phụ lục 5 của luận án. Trong phần này, chúng tôi chỉ trình bày một cách tóm lược những vấn đề cơ bản nhất của 2 trường hợp điển hình.

3.3.1. Trường hợp thứ nhất: PHẠM HỒNG N

3.3.1.1. Vài nét về bản thân và gia đình N

Phạm Hồng N, sinh năm 1980, học vấn 7/12, sinh năm 1980, đang chấp hành hình phạt tù tại trại giam Ngọc Lý - Bắc Giang. Ngày bắt 4/4/2008, ngày đến trại: 9/9/2008. Thời hạn phạt tù: 12 năm về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Sức khỏe: Không bệnh tật. N là người nghiện ma túy và thường mua ma túy về bán lại cho các đối tượng nghiện khác để kiếm lời. *Tóm tắt hành vi phạm tội theo bản án:* Sáng ngày 4 tháng 4 năm 2008, N đã chở Nguyễn Thị P (là người tình của N) trên đường đi bán ma túy thì bị lực lượng công an quận Đống Đa bắt giữ.

Bố mẹ N đã ly dị năm N lên 6 tuổi, dưới N còn có em gái sinh năm 1982. Sau khi chia tay cả bố N và mẹ N đều đi thêm bước nữa và có con riêng. N đã lấy vợ lúc 25 tuổi (2005) và có con trai đầu sinh năm 2006 và con gái thứ hai sinh năm

2008 trước khi N bị bắt. Từ lúc bố mẹ chia tay, lúc thì N ở với mẹ và lúc thì ở với bố.

3.3.1.2. Biểu hiện tự ý thức của N về hành vi phạm tội và hành vi chấp hành hình phạt tù.

a. Biểu hiện tự ý thức của N qua tự nhận thức về hành vi phạm tội và hành vi chấp hành hình phạt tù

** Biểu hiện tự ý thức của N qua nhận thức về hành vi phạm tội*

- Nguyên nhân dẫn tới N phạm tội theo hiểu biết của N: N tâm sự do bản thân nghiện ma túy, đã nghiện ma túy thì luôn cần có tiền để tiếp tục mua ma túy sử dụng, để có tiền lo cho nhu cầu chơi bời của mình. Do đó, con đường kiếm tiền bằng cách mua rồi bán ma túy là nhanh nhất. Phạm vi quan hệ bạn bè cũng toàn người nghiện ma túy, do đó việc mua và bán ma túy cũng dễ dàng. Đã nghiện ma túy thì không còn thiết nghĩ đến làm ăn hay lao động mà chỉ nghĩ đến việc có tiền để mua ma túy sử dụng. Theo N thì cách có tiền nhanh và nhẹ nhàng nhất là mua ma túy rồi chia nhỏ thành từng tép bán lại cho bạn nghiện lấy lời. Theo chúng tôi nguyên nhân dẫn tới N phạm tội là do N nghiện ma túy nhưng với N lại nhận thức do bản thân không có việc làm nên dẫn tới phạm tội.

- Hậu quả của hành vi phạm tội theo hiểu biết của N: N tự thấy hành vi phạm tội ma túy dẫn tới bản thân phải tù tội, đánh mất thời gian vô ích vì phải ở trong trại giam, không chăm lo được cho bố mẹ già (bố N đã ngoài 90 tuổi, mẹ đã ngoài 80 tuổi). Hành vi phạm tội gắn liền với việc nghiện ma túy, do đó tác hại của ma túy là giảm trí nhớ. N lấy ví dụ có những lúc mình không nhớ nổi những việc mình đã làm hoặc dự định làm. Chỉ khi vào trại giam, cai được ma túy thì lúc đó N mới nhớ những việc mình đã làm trước đây. N chỉ tập trung vào hậu quả ma túy gây ra cho bản thân như giảm trí nhớ, hậu quả với gia đình là không chăm sóc được cha mẹ đã già. PN N tâm sự “*Chắc khi tôi hết hạn để về với gia đình thì cha mẹ không còn nữa*”. Khi nói đến hậu quả với xã hội với người khác thì PN N cũng tâm sự là khi đã nghiện và buôn bán ma túy thì tôi không nghĩ tới hậu quả cho bất cứ ai “*kệ mọi người*”, bản thân tôi chỉ biết bán ma túy để có tiền sử dụng tiếp ma túy.

- Hiểu biết của N hành vi phạm tội của mình có vi phạm pháp luật hình sự hay không: Theo N, mục đích của N chỉ mua ma túy sử dụng sau đó để lại cho bạn một phần để lấy lại tiền gốc và có ma túy sử dụng chứ không phải N muốn làm giàu bằng “nghề” mua bán ma túy như những người khác. N nhận thức hành vi “mua bán ma túy” của bản thân chưa đến mức vi phạm pháp luật hình sự với nhận thức của N *“Tôi là người nghiện ma túy mà người nghiện ma túy chỉ là nạn nhân của tệ nạn buôn bán ma túy”*.

** Biểu hiện tự ý thức của N qua nhận thức về hành vi chấp hành hình phạt tù*

- TNT về mức án của bản thân phải chấp hành với mức án tòa tuyên

N nhận thấy mức án của mình là cao so với suy nghĩ của N lúc mới vào trại. Với N thì mức án của N chỉ dưới 3 năm là đủ hoặc cho N đi cai nghiện là phù hợp nhất. N cho rằng *“những người nghiện là nạn nhân của xã hội hơn là tội phạm”*, N suy nghĩ nếu không có người bán ma túy nữa thì bản thân N cũng như những người nghiện sẽ cai được ma túy hoàn toàn.

- TNT về mục đích, ý nghĩa của hình phạt tù với bản thân

N đang được phân công vào đội làm vàng mã, N tự thấy mức khoán lao động là hơi cao với sức khỏe bản thân. Tuy nhiên theo N thì nếu cố gắng N cũng sẽ hoàn thành được mức khoán sản phẩm của mình. Công việc làm vàng mã không quá phức tạp, N được phân công ở khâu đầu là phân loại giấy mã. Nhận thức về hành vi chấp hành nội quy của mình thì N cho rằng đã vào đến trại giam thì dù muốn hay không cũng phải chấp hành nội quy, quy chế của trại giam.

N nhận thức các hoạt động (học tập pháp luật, học giáo dục công dân, học nghề, lao động, ...) là cần thiết nhưng hiện nay N bị tập trung vào lao động là chủ yếu và ít được tham gia vào các hoạt động khác. N nhận thức dù có tích cực lao động, học tập và chấp hành tốt nội quy, quy chế trại giam thì N cũng chỉ được giảm án khi đủ điều kiện về thời gian chấp hành án phạt tù, hoàn thành các hình phạt bổ sung và án phí hình sự. N biết mình không được vào diện xét đặc xá do N là đối tượng nghiện ma túy. Khi nói về điều này N rất buồn vì dù N có cố gắng CHHPT đến mấy thì cũng không có cơ hội được đặc xá.

b. Biểu hiện tự ý thức của N qua tự đánh giá về hành vi phạm tội và hành vi chấp hành hình phạt tù.

** Biểu hiện tự ý thức của N qua tự đánh giá về hành vi phạm tội*

- Tự đánh giá hành vi phạm tội của bản thân do vô ý hay cố ý

N cho rằng bản thân thực hiện hành vi phạm tội là do vô ý. N chia sẻ “*Cũng chỉ vì gái gú mà tôi có bản án như ngày hôm nay...số hàng trắng đó cũng không phải của tôi mà là của đứa con gái tôi cặp kè và hai đứa cùng thuê nhà ở với nhau vì cùng sở thích bay lắc. Tôi biết nó bán Heroin nhưng tôi không quan tâm vì tôi cũng không liên quan đến chuyện làm ăn của nó, tôi có nguồn thu nhập riêng của tôi là cửa hàng kinh doanh vòng bi. Chẳng liên quan gì đến kinh tế của nhau, đến với nhau chỉ là thú vui thân xác sau mỗi trận bay về. Cặp với nó khoảng được năm tháng và có đúng hai lần đèo nó đi đưa hàng cho khách và tôi đã bị bắt và trở thành đồng phạm*”. Với N, nếu là cùng ăn chia lãi với nhau mới là cố ý. Còn N chỉ là người đèo P, giúp cho P đi giao ma túy chứ N không tham gia vào việc mua bán ma túy.

- Tự đánh giá hành vi phạm tội có đáng bị xử lý bằng hình phạt tù hay không

N đánh giá hành vi của N chở P đi giao ma túy lẽ nếu bị phạt thì chỉ đáng bị xử phạt hành chính chứ không đáng bị xử bằng hình phạt tù. Với hiểu biết của N rằng mặc dù N là “con nghiện” nhưng N không cùng P kiếm tiền bằng việc bán ma túy mà chỉ mình P thực hiện. N chỉ là người giúp P không công mà thôi.

** Biểu hiện tự đánh giá của N qua hành vi chấp hành hình phạt tù*

- Tự đánh giá của N về cảm xúc trong quá trình chấp hành hình phạt tù

N đánh giá có cảm xúc tiêu cực ở mọi hoạt động trong trại giam. Khi ra lao động thì N sợ bản thân không hoàn thành mức khoán lao động. Khi vào trại giam N rất sợ mâu thuẫn và dẫn tới vi phạm nội quy, kỷ luật trại giam. Nghĩ đến mức án thì thấy còn lâu mới được trở về với gia đình. Cảm xúc tiêu cực gần như bao trùm trong mọi thời gian và không gian đối với N. N tự thấy hối tiếc thời gian vô ích, đã để tuổi trẻ trôi qua một cách vô ích. Ân hận với cha mẹ, đặc biệt là người mẹ, vì khi N đưa ra xét xử, bà mẹ đã đi xe đẩy ra gặp con tại tòa do sức khỏe yếu.

- *Tự đánh giá của N về hành vi đấu tranh với các biểu hiện tiêu cực trong quá trình N chấp hành hình phạt tù*

N tự đánh giá bản thân chưa tích cực đấu tranh với các biểu hiện tiêu cực trong trại giam. Mặc dù N biết đó là một trong những tiêu chí để xét thi đua đối với phạm nhân. N tâm sự “*Tôi biết mình cần phải giữ gìn bản thân để không vi phạm nội quy, kỷ luật trại giam. Tuy nhiên trong môi trường trại giam thì rất khó nói vì mình có thể vi phạm bất cứ lúc nào*”. “*Những phạm nhân khác thì đã có cán bộ và đội trưởng lo, tôi cũng không muốn gây nghi ngờ cho anh em phạm nhân khác*”. Khi nói về việc đấu tranh với các biểu hiện và hành vi tiêu cực của PN khác trong trại giam N chia sẻ “*Đó là việc của đội trưởng và các cán bộ trại giam*”.

N biết nếu bản thân phát hiện biểu hiện tiêu cực và báo với cán bộ sẽ được cán bộ ghi nhận nhưng không biết bản thân có giữ được thi đua không vì trong môi trường trại giam rất phức tạp. Theo N thì “*cảnh ném đá giấu tay*” là chuyện bình thường. Ý N nói khi mình tích cực đấu tranh với các biểu hiện tiêu cực sẽ gây thù oán cho những PN khác có biểu hiện và hành vi tiêu cực, từ đó họ có thể trực tiếp hoặc gián tiếp trả thù lúc nào mà N không hay.

c. Biểu hiện tự ý thức của N qua tự điều chỉnh HVCHHPT

** Biểu hiện tự ý thức của N qua hành vi chấp hành lao động trong trại giam*

N cho rằng do bản thân N bị nghiện ma túy, lại bị bệnh tật (đau bụng, vô hỏa đốt sống lưng, tiền sử bệnh phổi...) nhưng trong trại giam thiếu thốn về mọi mặt, thuốc chữa bệnh, công việc mức khoán lại cao đối với N. Với N việc hoàn thành mức khoán được giao là sự cố gắng rất lớn, còn chất lượng của sản phẩm chưa được chú ý đến. Mặc dù lo lắng không hoàn thành lao động nhưng N cũng không cần cố gắng lắm vì dù có cố gắng hoàn thành vượt mức khoán để được xếp loại khá và tốt thì N vẫn không thuộc diện được đặc xá (do có tiền sử nghiện ma túy).

Từ khi vào trại đến nay (từ 9/9/2008 đến 1/2/2010), PN N không tỏ ra tích cực trong việc nhận và hoàn thành mức khoán lao động nhưng cũng không phải là đối tượng có biểu hiện chống đối lao động. N tham gia đầy đủ ngày công lao động, tuy nhiên chưa được đánh giá thuộc những PN tích cực trong đội.

** Biểu hiện tự ý thức của N qua hành vi chấp hành nội quy, kỷ luật trại giam*

N tâm sự trong trại giam do thiếu thốn về mọi mặt nên PN rất dễ đi từ vi phạm nhỏ đến vi phạm lớn hơn, do vậy N cố giữ mình để không vi phạm nội quy, quy chế trại giam. Khi nghiên cứu hồ sơ của N chúng tôi thấy N bị xếp loại thi đua kém vào năm 2009 (với lý do đánh nhau với đồng phạm N bị kỷ luật trong buồng giam 1 lệnh 7 ngày). N tâm sự chỉ do một PN trong đội nói N là “con nghiện” mà dẫn đến ẩu đả nhau. Được cán bộ giáo dục nên N đã nhận ra vi phạm của mình và hứa sẽ không tiếp tục vi phạm. Tuy nhiên N cũng không giám chắc bản thân có thể giữ được bao lâu vì môi trường trong trại giam là vô cùng phức tạp. N tâm sự những ngày được ra lao động thì tư tưởng thoải mái hơn những ngày mưa bão hay do có phạm nhân bỏ trốn cả trại nghỉ lao động.

3.3.1.3. Một số yếu tố ảnh hưởng đến tự ý thức của N về hành vi phạm tội và hành vi chấp hành hình phạt tù.

Qua nghiên cứu hoàn cảnh và bản thân N cho thấy có một số yếu tố ảnh hưởng nhiều đến TYT về HVPT và HVCHHPT của N đó là:

a. Niềm tin của N vào tương lai

Khi nói về tương lai, N không tự tin bản thân sẽ có một tương lai tốt đẹp. N lúc nào cũng nghĩ bản thân đã đi tù, rồi tiền sử nghiện ma túy. Càng suy nghĩ về quá khứ của bản thân thì N càng thấy tương lai của mình là mù mịt.

- Niềm tin của N vào có công việc làm ổn định: N nghĩ rằng người bình thường xin việc cũng đã khó chứ nói gì đến người từng nghiện ma túy lại đi tù thời gian dài.

- Niềm tin của N vào có một gia đình hạnh phúc: N nghĩ là khó có thể có một gia đình hạnh phúc vì cứ mỗi khi nói về quá khứ của mình “con gái chạy xa rồi”.

- Niềm tin của N sẽ lấy lại được uy tín của mọi người: N nghĩ không còn ai tin vào N có thể từ bỏ được ma túy vì N đã cai và tái nghiện nhiều lần. N luôn nghĩ mình đã đánh mất hết niềm tin ở người thân, gia đình và xã hội. Ngay cán bộ trại giam N cũng cảm thấy cán bộ không tin tưởng vào N.

b. Mối quan hệ của N với PN khác ảnh hưởng tới TYT về HVPT và HVCHHPT của N

N chia sẻ các PN khác có ảnh hưởng đến N rất nhiều nhưng toàn là những ảnh hưởng tiêu cực hơn tích cực. Nhiều kinh nghiệm mua bán ma túy, cách trốn tránh

cơ quan công an được chia sẻ trong trại giam. Theo N thì những PN cùng hành vi phạm tội về ma túy thường hay chia sẻ với nhau nhiều hơn. Trong đội của N có anh PN đã đi tù lần này là tầng 4 (tái phạm lần thứ 3) nói cho N nhiều kinh nghiệm từng trải ngoài cuộc sống và cách sống trong trại giam sao để anh em phải nề. Cách giữ gìn bản thân vì vào trong tù không thể như ngoài xã hội được.

c. Mối quan hệ của N với gia đình ảnh hưởng tới TYT về HVPT và HVCHHPT của N.

N tâm sự rất thương mẹ, rất hối hận với việc mình đã làm cho mẹ đau khổ. Trộm cắp tài sản gia đình, cấm quán, đặt đồ của người khác và mẹ là người phải đi chuộc về. N thấy hành vi phạm tội của mình gây hại cho trí nhớ của bản thân, xa cách gia đình, không gần gũi được các con. N rất buồn vì nếu còn cửa hàng vòng bi ngoài chợ thì khi chấp hành xong án trở về sẽ có việc làm. Nhưng cũng vì nghiện ngập rồi chơi bởi nợ nần mà mẹ N phải bán cửa hàng để trả nợ cho N.

Từ ngày vào trại giam đến nay (5/2010), gia đình mỗi năm đi thăm N được 2 đến 3 lần nhưng vẫn thường gửi bưu phẩm cho N. N rất thương yêu mẹ và vợ con nhưng theo N thì mẹ đã yếu nên N không hy vọng mẹ thường xuyên đi thăm N. Sau khi đi trại được 1 năm N cảm thấy tình cảm của vợ N như có vẻ nhạt dần. N nghĩ rồi cô ấy sẽ bỏ N, vì theo N thì vợ N còn trẻ. Nhiều lúc N cũng rất bị tư tưởng vì gia đình mẹ đã yếu, cảnh N tù tội không biết vợ N có đợi N đến ngày về hay không.

d. Mối quan hệ của N với cán bộ ảnh hưởng tới TYT về HVPT và HVCHHPT của N

Khi nói về mối quan hệ giữa N và cán bộ trại giam N không tâm sự nhiều, N chỉ nói về cán bộ quản giáo cũng quan tâm tới các PN trong đội. Chúng tôi hiểu điều này vì trong môi trường trại giam thì PN và cán bộ có những khoảng cách nhất định. Nếu có gì chưa hài lòng với cán bộ thì N sẽ để trong lòng và không nói ra với chúng tôi.

Chia sẻ với các cán bộ trại giam chúng tôi cũng thấy rằng, việc động viên, khích lệ N làm công tác phát hiện vi phạm của PN khác trong trại giam và báo cho cán bộ trại giam hiện nay là rất khó khăn. Một mặt do N cùng ăn, ở sinh hoạt với nhau trong trại giam nên họ dễ phát hiện ai là người báo với cán bộ những vi phạm

của họ, từ đó dẫn tới sự trả thù. Mặt khác, công tác bảo vệ những PN tích cực trong phát hiện đấu tranh với biểu hiện và hành vi tiêu cực trong trại giam chưa thật sự làm cho những PN tích cực tin tưởng, an tâm cái đúng, lẽ phải, sự tích cực luôn được bảo vệ.

N tâm sự cũng từng phát hiện vi phạm của PN khác trong trại giam nhưng do bị đối tượng trả thù nên N không giám báo với đội trưởng cũng như cán bộ trại giam.

Kết luận:

Qua nghiên cứu các biểu hiện TYT của N về HVPT và HVCHHPT có thể khái quát như sau:

N chưa nhận thức rõ nguyên nhân, hậu quả của hành HVPT về ma túy, chưa TNT rõ HVPT ma túy là vi phạm pháp luật hình sự. Nhận thức về hình phạt tù là chưa thật phù hợp với bản thân, nhận thức chưa tích cực về hoạt động lao động, về nội quy kỷ luật trại giam và chưa nhận thức rõ việc đấu tranh với những biểu hiện tiêu cực trong trại giam là nghĩa vụ và trách nhiệm của họ.

N TĐG HVPT là vô ý và không đáng bị xử lý bằng hình phạt tù. N tỏ thái độ chưa ăn năn, hối hận với HVPT của bản thân, có thái độ tiêu cực với HVCHHPT. N không tự điều chỉnh HVCHHPT theo quy định của trại giam. Không hoàn thành đủ ngày công lao động, không hoàn thành định lượng mức khoán, có hành vi không tuân thủ nội quy - kỷ luật trại giam.

Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến TYT của N về HVPT và HVCHHPT cho thấy:

N không tin tưởng bản thân sẽ có việc làm, có gia đình ổn định và mất niềm tin rằng sẽ lấy lại được uy tín, danh dự của mình trong tương lai. N đánh giá PN khác có ảnh hưởng nhiều đến TYT về HVPT và HVCHHPT nhưng ảnh hưởng theo hướng tiêu cực hơn tích cực. N đánh giá gia đình ít có ảnh hưởng đến TYT về HVPT và HVCHHPT và N đánh giá cán bộ trại giam có ảnh hưởng nhiều đến TYT về HVPT và HVCHHT của mình.

3.3.2. Trường hợp thứ hai: TRẦN XUÂN H

3.3.2.1. Vài nét về bản thân và gia đình H

Trần Xuân H, sinh năm: 1954, học vấn 10/10, án phạt: 15 năm tù, bị bắt ngày: 25/2/2009, Tội danh: “Mua bán trái phép ma túy” và “*Chứa chấp sử dụng trái phép ma túy*”. Hiện đang chấp hành án tại trại giam Ngọc Lý - Bắc Giang.

Bố nguyên là cán bộ quân đội, mẹ làm nông nghiệp. Năm 1971 đi thanh niên xung phong rồi sau 1975 về học tại Đại học Y Hà Nội. Khi ra trường xin về sở Y tế tỉnh Bắc Ninh công tác, đến 1992 làm đơn xin về nghỉ chế độ và đến 1994 mở phòng khám tư nhân và xây dựng gia đình lần 2 với 1 giáo viên tiểu học và có với nhau 2 người con (1 trai, 1 gái). Sau 10 năm mở phòng khám, kinh tế gia đình ngày càng khấm khá. Cũng vì có phòng khám mà H đã bán xi lanh cho đối tượng nghiện ma túy, rồi chích ma túy hộ người nghiện. Cuối cùng H đã mua heroin để bán lại cho những đối tượng nghiện ma túy và bị bắt khi đang cho 02 đối tượng chích ma túy tại phòng khám.

3.3.2.2. Biểu hiện tự ý thức của H về hành vi phạm tội và hành vi chấp hành hình phạt tù.

a. Biểu hiện tự ý thức của H qua tự nhận thức về hành vi phạm tội và hành vi chấp hành hình phạt tù

** Biểu hiện tự ý thức của H qua nhận thức về hành vi phạm tội*

H tự thấy mình là người được đào tạo ngành Y là một trong những ngành học tập vất vả nhưng thu nhập lại không cao. Nhìn thấy một số người giàu có một cách nhanh chóng do lợi nhuận từ ma túy. Nhìn lại thấy bản thân có phòng khám tư nhân là điều kiện thuận lợi để H có thể mua bán ma túy. Lúc đầu H chỉ bán xi lanh cho các đối tượng nghiện, dần dần H đã mua heroin về và chia nhỏ để bán cho những người nghiện ma túy. H biết đó là hành vi vi phạm pháp luật hình sự nhưng vì với nhận thức “*lãi xuất cao mà không phải mất vốn nhiều nên tôi cứ dần dần đi vào con đường tội lỗi đó mà bất chấp cả pháp luật*”. H có suy nghĩ đến hậu quả của HVPT nhưng chỉ ân hận vì phải ngồi tù hơn là nghĩ đến hậu quả của HVPT của bản thân gây ra cho người khác.

** Biểu hiện tự ý thức của H qua nhận thức về hành vi chấp hành hình phạt tù*

H tự thấy mức án mà tòa tuyên phù hợp với hành vi phạm tội về ma túy của bản thân nên H không có bản luận gì thêm về mức án 15 năm tòa tuyên cho mình. Tuy nhiên, khi mới vào trại giam, ban đầu H rất sợ phải phân vào đội làm gạch hay đội xây dựng vì những đội đó công việc rất vất vả. H thấy từ trước đến nay không quen lao động chân tay và không có sức khỏe như thanh niên nên khó hoàn thành được định mức khoán được giao.

b. Biểu hiện tự ý thức của H qua tự đánh giá về hành vi phạm tội và hành vi chấp hành hình phạt tù.

** Biểu hiện tự ý thức của H qua tự đánh giá về hành vi phạm tội*

H cho rằng bản thân cố ý thực hiện hành vi phạm tội và nếu bị bắt sẽ bị xử lý bằng hình phạt tù. Tuy nhiên, H tâm sự đã nhiều lần muốn từ bỏ, anh em bạn bè khuyên can nhưng H không nghe. H chia sẻ “Lợi dụng phòng khám tư nhân để tôi hành nghề mua bán ma túy, từ chỗ mua ít một. Bán hết xong lại mua nên không cần bỏ vốn nhiều mà vẫn lãi cao. Đồng tiền làm tôi mờ mắt quên cả việc làm đó là phạm pháp. Nhiều lần tôi đã bỏ bằng cách đi chơi thật xa nhưng khi về lại nuối tiếc, mà nhu cầu những đồ dùng cần thiết như xe hơi, điều hòa, máy lạnh... khiến tôi lại xa vào con đường kiếm tiền bằng mua bán trái phép ma túy. Thật sung sướng khi hết ngày tiền đếm mỗi tay, số tiết kiệm ở ngân hàng cứ dày lên mãi”.

** Biểu hiện tự đánh giá của H qua hành vi chấp hành hình phạt tù*

Ban đầu lo lắng vì sợ bản thân không đảm bảo sức khỏe lao động và hoàn thành mức khoán được giao nếu bị phân vào đội làm gạch và đội xây dựng. Sau khi được cán bộ trại giam phân vào đội làm bạc và ở khâu quét hộc nên H cố gắng hoàn thành định mức nhưng cũng thấy phải cố gắng rất nhiều. Nhiều hôm rất lo lắng không hoàn thành định mức khoán. Sau một năm H được chuyển về đội giúp việc ở bệnh xá của phân trại vì có chuyên môn. Lúc đầu H nghĩ ở đội giúp việc tại trạm xá đỡ vất vả nhưng khi về đội mới thấy công việc rất vất vả. Ở đây rất phức tạp và khó khăn, nhiều lúc H nghĩ không thể vượt qua được và muốn được chuyển đổi. Công việc vừa đòi hỏi chuyên môn cộng với phải là người không ngại khó, ngại khổ, không sợ bản thân, lây bệnh mà còn phải biết thương yêu đồng phạm. Nhiều lúc chịu nhằn nhẹn hết lòng vì bệnh nhân mới làm được việc này.

H chia sẻ, ban đầu nhìn bề ngoài nghĩ hai buổi giúp cán bộ phát thuốc cho phạm nhân, báo số phạm nhân ốm cho trực trại xong và về bệnh xá tiếp tục tiêm chọc, thay băng và rửa vết thương cho phạm nhân, giúp phạm nhân kiểm tra nhiệt độ, huyết áp để cán bộ phát thuốc, vào sổ thuốc của gia đình phạm nhân gửi, trả thuốc đầy đủ cho phạm nhân theo đúng phác đồ điều trị và cập nhật số liệu sáng chiều báo cáo cho cán bộ. Giúp cán bộ cấp cứu phạm nhân không kể ngày hay đêm...

Khi làm được một thời gian H cũng thấy thích nghi với công việc này H chia sẻ “*Công việc vất vả nhưng cũng vui, nhanh chóng hết ngày hết tuần*”. Tuy nhiên, công việc này phải 3 cùng với phạm nhân bị bệnh (cùng ăn, cùng ở và cùng buồn vui với họ”. Những phạm nhân nhiễm HIV và bị AIDS giai đoạn cuối, phạm nhân lao, tâm thần, lúc đầu tiếp xúc H cũng thấy sợ nhưng dần dần rồi quen. H chia sẻ “Trại cải tạo là nơi để cho tôi rèn luyện tính kiên trì và biết lựa chọn mọi cách xử trí khi phải cùng một lúc giúp việc cho bốn cán bộ quản giáo”. Mỗi cán bộ là một tính không ai giống ai nên tôi phải hiểu và làm quen với phong cách của từng cán bộ.

c. Biểu hiện tự ý thức của N qua tự điều chỉnh HVCHHPT

** Biểu hiện tự ý thức của N qua hành vi chấp hành lao động*

H chia sẻ: làm ở đội bạc có sự vất vả của đội bạc nhưng công việc đơn thuần hơn. Làm việc ở trạm xá của phân trại có tính chất phức tạp và có thể rất dễ vi phạm vào nội quy, quy định của trại giam. Phạm nhân nào cũng muốn được quan tâm và phát đủ thuốc. Có phạm nhân vào trạm xá vì muốn trốn tránh lao động, có phạm nhân do vay nợ và đến ngày phải trả nên không dám ra lao động mà báo ốm để vào trạm xá nằm đợi tiếp tế từ gia đình lên. Tiếp xúc với nhiều phạm nhân bệnh tật và họ rất dễ vi phạm nội quy, kỷ luật trại giam tôi luôn động viên họ bằng tấm lòng chân thành. Được cán bộ quản giáo tin tưởng nên tôi cố gắng không để bản thân mình có bất cứ hành vi gì vi phạm nội quy, kỷ luật trại giam. Vì công việc tôi đang làm nếu tư tưởng không vững vàng thì rất dễ vi phạm.

** Biểu hiện tự ý thức của H qua hành vi chấp hành nội quy, kỷ luật*

Với suy nghĩ bản thân cũng là những phạm nhân có tuổi trong đội, được cán bộ tin tưởng nên H cố gắng chấp hành tốt mọi nội quy, kỷ luật của trại giam. H chia sẻ: tôi thật sự không muốn làm gì để cán bộ nhắc nhở đến bản thân. Tôi luôn tự thấy mình cần giữ gìn và chấp hành cải tạo tốt để còn có cơ hội nhanh được trở về với gia đình và xã hội. Chúng tôi chia sẻ với cán bộ quản giáo đội phụ trách H cũng được biết “*Phạm nhân H là người có tinh thần tự giác trong đội, rất ăn năn hối hận với hành vi phạm tội của bản thân, có tư tưởng hướng thiện cao và luôn chấp hành tốt nội quy, kỷ luật trại giam*”.

3.3.2.3. Một số yếu tố ảnh hưởng đến tự ý thức của H về hành vi phạm tội và hành vi chấp hành hình phạt tù.

Qua nghiên cứu hoàn cảnh và bản thân H cho thấy có một số yếu tố ảnh hưởng nhiều đến TYT về HVPT và HVCHHPT của H đó là:

a. Niềm tin của H vào tương lai

Khi nói về tương lai, H chưa thực sự tự tin bản thân sẽ có một tương lai tốt đẹp vì H chia sẻ “Sau nhiều năm sống trong trại giam, khi tôi ra trại chắc bên ngoài cuộc sống có nhiều thay đổi mà tôi chưa tưởng tượng ra được, với nữa lúc đó mình cũng đã là người nhiều tuổi. Mong ước của tôi là được ở nhà trông cháu cho các con đi làm và đó là việc mình làm có ích rồi”. H cũng chia sẻ mặc dù bản thân là người có tội nhưng khi trở về gia đình, hàng xóm dần dần sẽ lấy lại uy tín với mọi người.

b. Mối quan hệ của H với PN khác ảnh hưởng tới TYT về HVPT và HVCHHPT của H

H chia sẻ không bị ảnh hưởng nhiều từ phạm nhân khác. Mặc dù trong trại giam rất phức tạp nhưng H chia sẻ là tất cả là do từ chính bản thân mình mà ra. Nếu mình không làm gì sai thì đã không ở trong này. Nhưng quan trọng hơn là biết sai và biết sửa. H tâm sự nhiều phạm nhân vào trại giam rồi vẫn nghiện ma túy và luôn đổ nguyên nhân họ nghiện lại là buồn chán từ gia đình, từ bệnh tật. H nghĩ mọi lý do đổ lỗi cho bên ngoài và khách quan đều không được chấp nhận vì tất cả là do chính bản thân mình.

c. Mối quan hệ của H với gia đình ảnh hưởng tới TYT về HVPT và HVCHHPT của H

H chia sẻ lúc mới bị bắt thì nghĩ về vợ và con cũng ảnh hưởng rất nhiều đến tư tưởng trong quá trình tạm giam và thời gian đầu đi trả án tại trại giam. Nhiều đêm H không ngủ được với suy nghĩ rồi tương lai của các con H ra sao khi người cha là một phạm nhân án ma túy. Thời gian đi chấp hành án quá dài, cộng với tuổi của H cũng không còn ít để khi ra khỏi trại giam làm lại từ đầu. Tuy nhiên, nghĩ thế nào thì H cũng phải sống và phải chấp nhận sự thật, được gia đình thường xuyên quan tâm, động viên và lên thăm. Công việc lao động của H trong trại giam dần dần cũng thấy quen nên H yên tâm cải tạo.

d. Mối quan hệ của H với cán bộ ảnh hưởng tới TYT về HVPT và HVCHHPT của H

H chia sẻ khi còn làm ở đội bạc thì chỉ có từ một đến hai cán bộ quản giáo và cán bộ thường xuyên quản lý ở đội nên H biết rõ hơn về cán bộ. Nhưng từ khi về đội phục vụ trạm xá thì H được tiếp xúc với nhiều cán bộ quản giáo ở những đội khác nhau. Tiếp xúc với các cán bộ ở y tế là nhiều, do đó H chỉ gặp cán bộ quản lý đội của mình có 1 tháng/1 lần nên H có thời gian tiếp xúc với cán bộ y tế nhiều hơn tiếp xúc với quản giáo quản lý đội của H.

Kết luận:

Nghiên cứu cho thấy H nhận thức rõ nguyên nhân, hậu quả của hành HVPT về ma túy. Nhận thức hành vi về ma túy của bản thân là hành vi vi phạm pháp luật hình sự. Nhận thức về hình phạt tù là phù hợp với bản thân, nhận thức tích cực về hoạt động lao động, về nội quy kỷ luật trại giam và nhận thức rõ việc đấu tranh với những biểu hiện tiêu cực trong trại giam là nghĩa vụ và trách nhiệm của họ. Luôn tích cực phê phán HVPT của bản thân, TĐG HVPT của mình là cố ý và đáng bị xử lý bằng hình phạt tù. H tỏ thái độ rất ăn năn, hối hận với HVPT của bản thân, có thái độ tích cực với HVCHHPT. Luôn cố gắng hoàn thành đủ ngày công lao động, hoàn thành định lượng mức khoán, tuân thủ chấp hành nội quy, kỷ luật trại giam.

H chưa thật sự tin tưởng vào tương lai (sẽ có công việc ổn định, có gia đình hạnh phúc, tin sẽ lấy lại được uy tín, danh dự của mình với mọi người). H đánh giá

PN khác ít có sự ảnh hưởng đến TYT về HVPT và HVCHHPT. H đánh giá gia đình có ảnh hưởng nhiều đến TYT về HVPT và HVCHHPT của họ. H đánh giá cán bộ trại giam có ảnh hưởng nhiều đến TYT về HVPT và chấp hành hình phạt tù của họ, đặc biệt là những cán bộ được H giúp việc hàng ngày tại trạm xá của phân trại.

Nhân xét: Qua phân tích 02 trường hợp điển hình trong số 20 trường hợp (Phụ lục 5), TYT của phạm nhân về HVPT và HVCHHPT chúng ta có thể rút ra một số nhận xét sau:

- TYT của phạm nhân về HVPT và HVCHHPT được thể hiện rõ qua nội dung tự nhận thức, tự đánh giá và tự điều chỉnh HVCHHPT trong thời gian PN đang chấp hành hình phạt tù.

- Có sự thống nhất trong kết quả nghiên cứu thực trạng TYT của phạm nhân về HVPT và HVCHHPT với kết quả nghiên cứu 02 trường hợp điển hình.

Qua nghiên cứu 02 trường hợp điển hình chúng tôi nhận thấy TYT của PN về HVPT và HVCHHPT chịu ảnh hưởng của yếu tố niềm tin của phạm nhân vào tương lai, mối quan hệ giữa phạm nhân với các phạm nhân khác, mối quan hệ giữa phạm nhân với gia đình và mối quan hệ của phạm nhân với cán bộ trại giam. Những yếu tố trên vừa có ảnh hưởng tích cực lẫn tiêu cực đến TYT của phạm nhân về HVPT và HVCHHPT. Ví dụ như sự ảnh hưởng của niềm tin của phạm nhân vào tương lai: khi phạm nhân mất niềm tin vào tương lai, họ coi cuộc đời mình là hết khi phải đi tù từ đó dẫn tới họ thụ động trong quá trình CHHPT. Ngược lại, nếu phạm nhân tin tưởng họ có việc làm ổn định khi mãn hạn tù, bản thân sẽ lấy lại được uy tín, danh dự với mọi người và sẽ có gia đình hạnh phúc, từ đó là động lực thúc đẩy họ tích cực chủ động trong các hoạt động lao động, học tập trong trại giam. Hoặc mối quan hệ giữa phạm nhân với cán bộ trại giam theo hướng tích cực có nghĩa mỗi cán bộ thông qua chương trình, các biện pháp, cách thức giáo dục chung giáo dục riêng để phạm nhân TYT được bản thân họ là người có tội nhưng không phải là người vô ích đối với gia đình và xã hội. Qua giáo dục để PN tự nhận thức về chính họ, tự đánh giá lại họ và từ đó điều chỉnh hành vi CHHPT cho chủ động và tích cực.

KẾT LUẬN - KIẾN NGHỊ

1. KẾT LUẬN

1.1. Về kết quả nghiên cứu lý luận

Trên cơ sở kế thừa, hệ thống hóa những vấn đề lý luận của các nhà khoa học nghiên cứu tự ý thức để làm rõ khái niệm TYT của phạm nhân về HVPT và HVCHHPT. Bản chất TYT của phạm nhân về HVPT và HVCHHPT là quá trình phạm nhân tách HVPT và HVCHHPT của chính mình làm đối tượng nhận thức, đánh giá và điều chỉnh hành vi trong quá trình CHHPT tại trại giam.

- TYT về HVPT của phạm nhân các tội về ma túy được bộc lộ qua: TNT về HVPT của phạm nhân chấp hành hình phạt tù các tội về ma túy; TĐG về HVPT và HV CHHPT của họ; điều chỉnh HV của bản thân thông qua hoạt động chấp hành hình phạt tù.

- TYT về HVPT và HVCHHPT có giá trị chi phối, định hướng và điều chỉnh HVCHHPT của phạm nhân. Phạm nhân càng ý thức rõ và sâu sắc về HVPT và HVCHHPT của mình bao nhiêu sẽ giúp họ chủ động, tích cực trong quá trình CHHPT bấy nhiêu.

- TYT của phạm nhân về HVPT và HVCHHPT bị ảnh hưởng của nhiều yếu tố khác nhau nhưng đặc biệt hơn đó là niềm tin của phạm nhân vào tương lai, mối quan hệ giữa phạm nhân với nhau trong trại giam, mối quan hệ giữa phạm nhân với gia đình, mối quan hệ giữa phạm nhân với cán bộ trại giam.

1.2. Về kết quả nghiên cứu thực tiễn

Kết quả nghiên cứu cho thấy TYT của phạm nhân về HVPT và HVCHHPT biểu hiện rất rõ ở ba khía cạnh cơ bản:

- Nghiên cứu biểu hiện của TNT của phạm nhân về HVPT và HVCHHPT được thể hiện rất rõ qua TNT về nguyên nhân, hậu quả của HVPT và TNT của phạm nhân về HVPT có hay không vi phạm pháp luật hình sự. Đa số phạm nhân nhận thức đúng về hậu quả của HVPT và TNT đúng rằng HVPT của bản thân là hành vi vi phạm pháp luật hình sự. Tuy nhiên, phạm nhân TNT chưa đúng về nguyên nhân dẫn tới HVPT. PN TNT HVPT do nguyên nhân bên ngoài, nguyên

nhân khách quan chứ không nhận thức thấy HVPT xuất phát từ việc do bản thân thiếu nghị lực, thiếu ý chí.

PN chưa nhận thức đúng và rõ ràng về mục đích, ý nghĩa của hình phạt tù đối với bản thân họ. Đa số phạm nhân TNT số năm họ phải đi cải tạo ít hơn so với số năm họ phải chấp hành cải tạo hiện nay. Những PN lần đầu đi CHHPT nhận thấy hình phạt tù rất nghiêm khắc đối với họ, nhưng ở PN đã từng đi CHHPT thì họ chỉ thấy đi tù là mất tự do chứ không có gì là nghiêm khắc.

- TĐG về HVPT và HVCHHPT của phạm nhân cũng được thể hiện rõ ở sự đánh giá HVPT là vô ý hay cố ý và có đáng bị xử lý bằng hình phạt tù hay không. Nhóm phạm nhân có tiền sử nghiện ma túy cho rằng HVPT của họ là vô ý và không đáng bị xử lý bằng hình phạt tù. Ngược lại, nhóm những phạm nhân chưa có tiền sử nghiện ma túy, có mức án cao lại đánh giá HVPT của họ do cố ý và đáng bị xử lý bằng hình phạt tù.

Phạm nhân luôn có cảm xúc tiêu cực trong quá trình CHHPT ở nhiều nội dung khác nhau. Đặc biệt PN có cảm xúc tiêu cực liên quan đến việc không hoàn thành mức khoán được giao và vi phạm nội quy, kỷ luật trại giam. Mức độ tự đánh giá cảm xúc tiêu cực diễn ra không như nhau ở các đội phạm nhân có tính chất công việc và mức khoán khác nhau. Ở nội dung đấu tranh với các biểu hiện, tiêu cực trong trại giam được đa số PN nhận thấy rất cần thiết. Tuy nhiên có rất ít phạm nhân TĐG bản thân đã thực hiện điều này do họ sợ bị PN khác trả thù.

- Phạm nhân tự điều chỉnh HVCHHPT thụ động, họ chỉ cố gắng đảm bảo số ngày công lao động và mức khoán lao động. Về chất lượng cũng như sự sáng tạo trong lao động thì chưa có nhiều phạm nhân chú ý tới. Phạm nhân khó khăn về tự điều chỉnh bản thân trong việc thực hiện nội quy, kỷ luật trại giam. Khả năng điều chỉnh HVCHHPT ở các nhóm phạm nhân khác nhau (giới tính; tiền sử nghiện ma túy; mức án; tiền án; tình trạng hôn nhân) là không như nhau.

- Các yếu tố: niềm tin vào tương lai, mối quan hệ phạm nhân với phạm nhân, mối quan hệ giữa phạm nhân với gia đình, mối quan hệ giữa phạm nhân với cán bộ trại giam đều có ảnh hưởng đáng kể đến TYT về HVPT và HVCHHPT của

phạm nhân. Trong đó yếu tố niềm tin vào tương lai và mối quan hệ giữa phạm nhân với cán bộ trại giam có ảnh hưởng mạnh nhất.

- Nghiên cứu hai trường hợp điển hình cho thấy nếu cán bộ Cảnh sát trại giam được đào tạo chuyên sâu hơn về kiến thức tâm lý - giáo dục và được tập huấn về kiến thức, kỹ năng tham vấn tâm lý sẽ giúp họ làm tốt hơn công tác nâng cao ý thức chấp hành nội quy, kỷ luật trại giam của nhóm phạm nhân CHHPT các tội về ma túy.

2. KIẾN NGHỊ

Trên cơ sở những kết luận được rút ra từ nghiên cứu thực tiễn của luận án, chúng tôi đưa ra một số kiến nghị sau đối với các cơ quan có thẩm quyền về công tác giáo dục, cải tạo phạm nhân CHHPT các tội về ma túy:

2.1. Đề xuất với tổng cục VIII - Bộ công an

- Do công việc tại trại giam rất vất vả nên cần có chế độ ưu tiên hơn với cán bộ đang làm công tác trực tiếp tại trại giam. Tăng cường đủ chỉ tiêu biên chế cho cán bộ trại giam, tránh sự kiêm nhiệm phụ trách đội dẫn tới đưa cán bộ quản giáo chưa có kinh nghiệm quản lý đội PN.

- PN CHHPT các tội về ma túy có đặc trưng tâm lý riêng, do vậy cần phân loại và có biện pháp quản lý, giáo dục cụ thể đối với nhóm PN này. Tổ chức tốt công tác hướng nghiệp, dạy nghề gắn với thực tế sự phát triển của xã hội. Kết hợp với các tổ chức xã hội khác tạo công ăn việc làm để đảm bảo cuộc sống và sự tái hòa nhập cộng đồng của phạm nhân sau khi mãn hạn tù.

- Tiếp tục có những nghiên cứu về công tác triển khai luật thi hành án hình sự, từ đó có những văn bản hướng dẫn thi hành một cách cụ thể đến từng trại giam và tập huấn đến từng cán bộ trại giam.

2.2. Đề xuất với lãnh đạo trại giam

- Tách riêng nhóm phạm nhân phạm tội lần đầu với những PN có nhiều tiền án, tiền sự nhằm tránh sự lây lan, bắt trước hành vi, thói quen, cảm xúc tiêu cực lẫn nhau. Không để hình thành tâm lý bất ổn và tiềm ẩn những nguy cơ tác động tiêu cực từ những PN có nhiều tiền án, tiền sự tới PN phạm tội lần đầu. Nhóm phạm

nhân có tiền sử nghiện ma túy cần được cai nghiện trước khi đưa họ vào tham gia các hoạt động cùng với nhóm phạm nhân khác.

- Kết hợp chặt chẽ và tạo điều kiện thuận lợi cho gia đình được quan tâm, động viên giáo dục phạm nhân qua thăm gặp, gửi quà, gửi thư cho người thân của họ đang CHHPT. Tuy nhiên, phải có sự thống nhất sự phối hợp giữa gia đình và trại giam để đảm bảo đúng định hướng giáo dục phạm nhân. Tránh sự thiếu quan tâm hoặc quan tâm quá mức của gia đình phản tác dụng của biện pháp giáo dục.

- Quản giáo trước khi nhận đội không những phải là người có thời gian làm quản giáo phụ cho quản giáo chính mà còn được lãnh đạo trại giam thành lập ban kiểm tra trình độ, kỹ năng trước khi được phân công phụ trách chính thức đội phạm nhân.

- Ngoài việc không ngừng đào tạo nâng cao trình độ pháp luật, chuyên môn nghiệp vụ, giáo dục chính trị, tư tưởng cho cán bộ, chiến sỹ công tác trong lĩnh vực trại giam, cần thiết lập và duy trì các lớp bồi dưỡng chuyên đề, các lớp tập huấn chuyên sâu về kiến thức tâm lý cho cán bộ trại giam, đặc biệt là cán bộ Cảnh sát giáo dục, cán bộ Cảnh sát quản giáo. Mỗi trại giam nên có một phòng tham vấn tâm lý, mỗi phân trại ít nhất có một cán bộ tâm lý trong biên chế trong tổ giáo dục nhằm ứng dụng kiến thức tâm lý vào công tác giáo dục, cải tạo phạm nhân nói chung và nhóm phạm nhân CHHPT các tội về ma túy nói riêng.

2.3. Đề xuất với cán bộ trại giam

- Thông qua các biện pháp giáo dục cụ thể hình thành ở PN có nhận thức đúng về nguyên nhân bản thân dẫn tới thực hiện HVPT là do từ chính nghị lực, ý chí của bản thân. Xây dựng mối quan hệ lành mạnh trong tập thể đội phạm nhân và giữa phạm nhân với phạm nhân. Tạo sự công bằng trong đội phạm nhân để tránh gây sự mâu thuẫn trong đội.

- Công khai, minh bạch những nội dung: tiêu chuẩn, điều kiện được đặc xá, giảm thời hạn, tạm đình chỉ để phạm nhân và gia đình PN được biết. Cán bộ cảnh sát trại giam cần tạo cho PN cơ hội gặp gỡ để nói lên những nguyện vọng, trao đổi những suy nghĩ của bản thân. Có biện pháp cụ thể để khuyến khích những phạm

nhân dám đứng ra tố giác những hành vi vi phạm nội quy, kỷ luật của phạm nhân khác trong trại giam.

- Xây dựng niềm tin cho phạm nhân vào tương lai bằng cách

- + Thông qua hoạt động hướng nghiệp, dạy nghề giúp PN có niềm tin vào chính khả năng của họ sẽ có công việc ổn định khi mãn hạn tù. Phối hợp với các tổ chức xã hội khác có chính sách tuyển dụng lao động đối với những PN sắp chấp hành xong hình phạt tù phù hợp với nghề họ đã được đào tạo.

- + Thực hiện sự công bằng trong công tác phân công, tổ chức thực hiện các hoạt động lao động, học tập, sinh hoạt của PN trong trại giam. Đảm bảo mọi PN đều bình đẳng trước pháp luật và công bằng trong việc thực hiện nội quy, kỷ luật trại giam.

- Cần chú ý đến việc cung cấp thông tin, giải thích để phạm nhân CHHPT các tội về ma túy hiểu được bản chất, mục đích, ý nghĩa của các hoạt động cụ thể ở trại giam, chú ý đến mối quan hệ phạm nhân - phạm nhân ở trại, xây dựng những tập thể (tổ, đội, buồng) phạm nhân lành mạnh, cùng động viên giúp nhau yên tâm cải tạo tốt, phấn đấu để đạt tiêu chuẩn xếp loại khá, tốt, nhanh được xét giảm án.

- Có sự phối hợp giữa cán bộ quản giáo, cán bộ giáo dục, cán bộ trình sát cần trong công tác giáo dục cá biệt với những phạm nhân bị “trượt” thi đua, những phạm nhân có rồi nhiều hành vi. Qua đó giúp họ lấy lại niềm tin vào chính bản thân, tin vào chính sách khoan hồng của pháp luật.

- Các cơ sở thực thi công tác thi hành án phạt tù cần có sự quan tâm riêng đến những phạm nhân có tiền sử nghiện ma túy và bị nhiễm HIV, những phạm nhân có mức án dài, những phạm nhân đã lập gia đình nhưng ly hôn hoặc ly thân, những phạm nhân không có người thăm nuôi để kịp thời phát hiện và có biện pháp giúp họ giải quyết những vấn đề về tinh thần, động viên họ yên tâm cải tạo.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ ĐƯỢC CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ

1. Nguyễn Hữu Toàn. Một số đặc điểm tự ý thức của thanh niên tái nghiện ma túy - Tạp chí khoa học giáo dục số 9, tháng 6 năm 2006. (tr.56-58).
2. Nguyễn Hữu Toàn - Lê Bích Ngọc. "Một số rối loạn hành vi ở thanh thiếu niên dẫn tới hành vi phạm tội trong giai đoạn hiện nay". - Tạp chí Cảnh sát nhân dân. Chuyên đề thông tin tội phạm học số 1/2012.
3. Nguyễn Hữu Toàn. Tự nhận thức về hành vi phạm tội của phạm nhân đang chấp hành hình phạt tù về tội giết người. Tạp chí Cảnh sát nhân dân. Chuyên đề Thông tin tội phạm học số 1 (41)/2013, [tr.31-34].
4. Nguyễn Hữu Toàn. Một số yếu tố tâm lý tác động đến hành vi chấp hành hình phạt tù của phạm nhân. Tạp chí nghiên cứu lý luận, nghiệp vụ, khoa học - Học viện Cảnh sát nhân dân. Số 5 (84)/2013.
5. Nguyễn Hữu Toàn. Tự đánh giá về nguyên nhân và hậu quả của hành vi phạm tội ở phạm nhân đang chấp hành hình phạt tù các tội về ma túy. Tạp chí Tâm lý học số 9 (tháng 9/2013) [tr.88-99].

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tài liệu tham khảo tiếng Việt

1. Báo cáo tổng kết năm 2011 của Tổng cục cảnh sát thi hành án hình sự và Hỗ trợ tư pháp – Bộ Công an (2011), Bộ Công An, Hà Nội.
2. Chesnocova I.I (1977), Vấn đề tự ý thức trong tâm lý học, Matxcova.
3. Codiev V.N (1980), Phân tích tâm lý sự tự ý thức nghề nghiệp của người thầy giáo, Tâm lý học Leningrat.
4. Văn Thị Kim Cúc (2003), Những tổn thương tâm lý của thiếu niên do bố mẹ ly hôn, Khoa học xã hội, Hà Nội.
5. Hoàng Cung (2003), Tâm lý hoạt động quản lý giáo dục phạm nhân, trại viên, học sinh trường giáo dưỡng, Học viện Cảnh sát Nhân dân, Hà Nội.
6. Vũ Dũng (2000), Tâm lý học xã hội, Khoa học xã hội, Hà Nội.
7. Vũ Dũng (2008), Từ điển Tâm lý học, Từ điển bách khoa, Hà Nội.
8. Đặc điểm tâm lý tự ý thức của lứa tuổi thiếu niên (1980), Trường Đại học Kiép, Matxcova.
9. Điomín V.G. (1977), Các vấn đề lý luận nhân cách, Trường Đại học Tổng hợp Mátxcova, Mátxcova.
10. Chu Văn Đức (2009), Nghiên cứu sự thích ứng của phạm nhân với chế độ sinh hoạt và chế độ lao động tại trại giam, Luận án tiến sỹ Tâm lý học, Viện Tâm lý học, Hà Nội.
11. Franz S. (1979), Nghiên cứu khả năng tự đánh giá phù hợp của học sinh lớp 5, lớp 7, lớp 9 với thái độ học tập và thái độ tập thể..
12. Phạm Hoàng Gia (1982), Sách giáo khoa dùng cho các trường CDSP, Giáo dục, Hà Nội.
13. Lưu Song Hà (2005), Hành vi lệch chuẩn của học sinh trung học cơ sở và mối tương quan giữa nó với kiểu quan hệ cha mẹ-con cái, Luận án Tiến sỹ Tâm lý học, Viện Tâm lý học, Hà Nội
14. Việt Hà (2000), Tìm hiểu bản thân tự hoàn thiện mình., Tổng hợp Đồng Nai, Đồng Nai.
15. Phạm Minh Hạc (1989), Hành vi và hoạt động, Giáo dục, Hà Nội.
16. Phạm Minh Hạc (2001), Nghiên cứu con người và nguồn nhân lực đi vào công nghiệp hóa, hiện đại hóa, Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
17. Phạm Minh Hạc (1980), Nhập môn tâm lý học, Giáo dục, Hà Nội.
18. Phạm Minh Hạc (2002), Tuyển tập tâm lý học, Giáo dục, Hà Nội.

19. Phạm Minh Hạc, Lê Khanh và Trần Trọng Thuỷ (1988), Tâm lý học, tập 1, Giáo dục, Hà Nội.
20. Phạm Minh Hạc và Lê Đức Phúc (2004), Một số vấn đề nghiên cứu nhân cách, Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
21. Hồ Ngọc Hải và Vũ Dũng (1996), Các phương pháp của tâm lý học Xã hội., Khoa học xã hội, Hà Nội.
22. Lê Văn Hảo (1999), "Về độ ứng nghiệm và độ tin cậy của các công cụ nghiên cứu", Tâm lý học. 9 (5).
23. Nguyễn Thị Hoa (2004), Ảnh hưởng của nhóm bạn không chính thức tiêu cực đối với hành vi vi phạm pháp luật của trẻ em vị thành niên, Luận án Tiến sĩ Tâm lý học, Viện Chiến lược và Chương trình giáo dục, Hà Nội.
24. Lê Như Hoa (2001), Văn hóa gia đình với việc hình thành và phát triển nhân cách trẻ em, Văn hóa thông tin, Hà Nội.
25. Nguyễn Ngọc Hoà (1999), Từ điển giải thích luật học, Công an Nhân dân, Hà Nội.
26. Vũ Văn Hòa (2009), Nguyên nhân, điều kiện phạm nhân trốn khỏi nơi giam và một số giải pháp phòng ngừa, Hà Nội.
27. Lê Văn Hồng và Nguyễn Văn Thành (2001), Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm., Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 249.
28. Bùi Văn Huệ (2000), Giáo trình Tâm lý học., Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
29. Zhang Lyhai Hunkai (2001), "Nhân cách lý tưởng của thời đại kinh tế tri thức", Thanh niên. 14.
30. Đào Lan Hương (2000), Nghiên cứu sự tự đánh giá thái độ học tập môn toán của sinh viên cao đẳng Sư phạm Hà Nội, Luận án tiến sĩ Tâm lý học, Trường Đại học sư phạm Hà Nội, Hà Nội.
31. Phan Mai Hương (2002), Tìm hiểu đặc điểm nhân cách, hoàn cảnh xã hội của thanh niên nghiện ma túy và mối tương quan giữa chúng, Luận án tiến sĩ Tâm lý học, Viện Tâm lý học, Hà Nội.
32. Đỗ Ngọc Khanh (2005), Nghiên cứu sự tự đánh giá của học sinh trung học cơ sở Hà Nội. Luận án tiến sĩ Tâm lý học, Viện Tâm lý học, Hà Nội
33. Nguyễn Công Khanh và Nguyễn Văn Liệu (2000), Hướng dẫn sử dụng SPSS for Windows: Xử lý và phân tích dữ liệu trong các nghiên cứu về giáo dục, y tế, tâm lý và xã hội, Hà Nội.
34. Knud S.L. và Lê Văn Hảo (2010), Tâm lý học xã hội, Từ điển bách khoa, Hà Nội

35. Nguyễn Lâm (2002), Từ điển từ và ngữ Hán Việt, Từ điển Bách Khoa,, Hà Nội.
36. Leonchiev A.N. (1972), Các vấn đề phát triển tâm lý, Tư tưởng, Mátxcova.
37. Leonchiev A.N. (1988), "Các tư liệu về ý thức", Tạp chí khoa học “Bản tin Trường Đại học Tổng hợp Mátxcova”. 3.
38. Leonchiev A.N. (1989), Hoạt động, ý thức, nhân cách, Giáo dục, Hà Nội.
39. Leonchiev A.N và Enconhin D.B. (1975), Nhu cầu hoạt động, Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội.
40. Nguyễn Văn Liệu, Nguyễn Đình Cử và Nguyễn Quốc Anh (2000), SPSS - ứng dụng phân tích dữ liệu trong quản trị kinh doanh và khoa học tự nhiên - xã hội, Giao thông vận tải, Hà Nội.
41. Nguyễn Hồi Loan và Đặng Thanh Nga (2004), Tâm lý học pháp lý, Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
42. Lômpốp B.F. (2000), Các vấn đề lý luận và phương pháp luận tâm lý học, Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
43. Đỗ Long (1998), Hoạt động với tư cách là phương thức phát triển tâm lí và nhân cách con người, tạp chí Tâm lí học (2), tr. 7-13.
44. Đỗ Long (1999), Nhân cách, những vấn đề đang đặt ra để tiếp tục nghiên cứu, Tâm lý học. 4.
45. Đỗ Long (2002), "Ý thức - trình độ phát triển cao nhất của tâm lý người", Tâm lý học. 1.
46. Nguyễn Hữu Long (1992), "Mô hình hóa hệ thống phương pháp nghiên cứu nhân cách", Tạp chí đại học và Giáo dục chuyên nghiệp 12.
47. Nghiêm Xuân Minh (2013), Nghiên cứu đặc điểm phạm nhân đang chấp hành án hình sự về ma túy phục vụ công tác phòng ngừa tội phạm của lực lượng Cảnh sát Nhân dân. Luận án Tiến sỹ, HVCSND 2013.
48. Luật hình sự Việt Nam (phần chung) (2005), Học viện Cảnh sát Nhân dân, Hà Nội.
49. Mác C. và Anghen F. (1954), Toàn tập, 2, Vol. 1, Matxcova.
50. Một số bản kết luận điều tra án ma túy của lực lượng cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy (2008), Học viện Cảnh sát Nhân dân, Hà Nội
51. Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về tái hòa nhập cộng đồng của công dân sau thời gian cải tạo, giam giữ (2001), Thông tin khoa học pháp lý. 4.
52. Mironova T.L (1985), Sự phát triển tự ý thức của học sinh trường nghề trong quá trình đào tạo nghề nghiệp, Tâm lý học Leningrat.
53. Phan Trọng Ngọ (2001), Tâm lý học trí tuệ, Đại học quốc gia Hà Nội.

54. Hoàng Thị Bích Ngọc (2004), Giao tiếp và giao tiếp của phạm nhân, Công An Nhân Dân, Hà Nội.
55. Hoàng Thị Bích Ngọc (2010), Đặc điểm tâm lý của người phạm tội về ma túy, Công an Nhân dân, Hà Nội. Nhập môn lý luận chung. (1986), Sự sai lệch chuẩn mực xã hội (tập 1), Thông tin lý luận, Hà Nội.
56. Vũ Thị Nho (1999), Tâm lý học phát triển., Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
57. Những vấn đề cơ bản của tâm lý học điều tra tội phạm và tâm lý học quản lý (2011), Học viện cảnh sát nhân dân, Hà Nội.
58. Petrovski V.A (1982), Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm (tập 1), Giáo dục, Hà Nội.
59. Petrovski V.A (1986), Tâm lý học đại cương., Giáo dục, Hà Nội.
60. Petrovski V.A và Đặng Xuân Hoài (1982), Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm., (tập 2), Giáo dục, Hà Nội.
61. Nguyễn Ngọc Phú (2004), Lịch sử tâm lý học, Đại học Quốc gia Hà Nội
62. Lê Đức Phúc (2001), Một sự chuyển biến cơ bản trong tâm lý học hiện đại, Tâm lý học. Hà Nội.
63. Thực tiễn – lý luận đấu tranh các chuyên án về ma túy giai đoạn 1997-2007 (2007), Bộ Công An, Hà Nội.
64. Lê Minh Tâm (Chủ biên-2001), Giáo trình lý luận nhà nước và pháp luật, NXB Công an nhân dân, Hà Nội.
65. Tội phạm học Việt Nam- Một số vấn đề lý luận và thực tiễn. (2000), Công an nhân dân, Hà Nội.
66. Trần Trọng Thủy (1992), Khoa học chẩn đoán tâm lý., Giáo dục, Hà Nội.
67. Thái Duy Tuyên (1994), Tìm hiểu về định hướng giá trị của thanh niên Việt Nam trong điều kiện kinh tế thị trường, Hà Nội.
68. Từ điển luật học (2006), Từ điển Bách khoa, Hà Nội.
69. Nguyễn Quang Uẩn, Nguyễn Văn Luyện và Đinh Văn Vang (2003), Giáo trình tâm lý học đại cương., Đại học sư phạm, Hà Nội.
70. Nguyễn Quang Uẩn, Trần Hữu Luyện và Trần Quốc Thành (2003), Tâm lý học đại cương, Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
71. Nguyễn Quang Uẩn, Nguyễn Thạc và Mạc Văn Trang (1995), Đề tài KX 07 - 04: Giá trị - Định hướng giá trị nhân cách và giáo dục giá trị (chương trình khoa học công nghệ cấp Nhà nước KX - 07). Hà Nội.
72. Lê Ngọc Văn (1996), Gia đình với việc điều chỉnh hành vi lệch chuẩn ở trẻ em, Khoa học về phụ nữ. 1.

73. Nguyễn Đình Văn (2004), Tổ chức quản lý, giam giữ phạm nhân, trại viên, học sinh trường giáo dưỡng, Học viện Cảnh sát Nhân dân, Hà Nội
74. Võ Khánh Vinh (2010), Quyền con người tiếp cận đa ngành và liên ngành Luật học Khoa học xã hội, tập 2, Hà Nội.
75. Võ Khánh Vinh (2012), Bình luận khoa học bộ luật tố tụng hình sự Việt Nam. Nhà xuất bản Tư Pháp, Hà Nội.
76. Võ Khánh Vinh, Ngô Ngọc Thủy, Lý Văn Quyền (2000), Giáo trình tội phạm học. Nhà xuất bản Công an Nhân dân, Hà Nội.
77. Võ Khánh Vinh, Nguyễn Mạnh Kháng, Phạm Hồng Hải (2006), Pháp luật thi hành án hình sự Việt Nam - Những vấn đề lý luận và thực tiễn, Tư pháp, Hà Nội.
78. Nguyễn Khắc Viện (2001), Từ điển Tâm lý học, Văn hóa thông tin, Hà Nội.
79. Vurgótxki L.X. (1997), Tuyển tập tâm lý học, Nhà xuất bản Đại học quốc gia Hà Nội, Hà Nội
80. Xpirkip A.C (1972), Ý thức và tự ý thức, Matxcova.
81. Xtôlin V.V (1983), Tự ý thức của nhân cách, Đại học Tổng hợp, Matxcova.
82. Xtôlin V.V (1985), Nhận thức bản thân và thái độ đối với bản thân trong các cấu trúc tự ý thức nhân cách., Tâm lý học.
83. Nguyễn Xuân Yêm (2001), Tội phạm học hiện đại và phòng ngừa tội phạm, Công An Nhân Dân, Hà Nội.
84. Nguyễn Xuân Yêm (2013), Tội phạm học Việt Nam (tập 2), Công an Nhân dân, Hà Nội, tr.920
85. Nguyễn Xuân Yêm và Hoàng Thị Bích Ngọc (2012), Khoa học hình sự Việt Nam, Vol. 5, Công an nhân dân, Hà Nội.

Tài liệu tham khảo tiếng Anh

86. Bandura A. (1997), Self-efficacy: The exercise of control. New York: WH Freeman.
87. Callahan R.J (1995), Addition - anxiety conection, USA
88. Callahan R.J. (1995), The anxiety-addiction connection: Eliminate your addictive urges with TFT (Thought Field Therapy), TFT Training Center, La Quinta, CA.
89. David J.Cain, and Seeman, J. (2002), Humanistic Psychotherapies: Handbook of Research and Practive, 2 ed, American Psychological Association, Washington, DC.
90. Corsini R.J. (1999), The Dictionary of Psychology, Brunnerly Mazel, Taylor and Francis Group.

91. Coopersmith, S. (1967), *The antecedents of self-esteem*, W.H. Freeman and company, USA.
92. Coopersmith, S. (2002). *Self-esteem inventories manual*. Mind Garden, Inc.
- Felson, R.B., & Zielinski, M.A. (1989). "Children's self-esteem and parental support", *Journal of Marriage and the Family*, tr.51, 727-735
93. Deihl, L.M, Vicary, J.R, and Deike, R.C (1998), "Longitudinal Trajectories of Self-Esteem from early to middle adolescence and related psychosocial variables among rural adolescents", *Journal of research on adolescence*. 7(4).
94. Eadie, T. & Morley, R. (2003) "Crime, Justice and Punishment" in Baldock, J. et al (eds) *Social Policy* (3 rd edn.) Oxford: Oxford University Press.
95. Erik E.H. (1964), *Childhood and Society*, W. W. Norton & Company, New York.
96. Franken, R. (1994), *Human motivation*, 3 ed, Cole Publishing Co., Pacific Grove, CA.
97. Harter, S (1979), *Perceived Competence Scale for children*, University of Denver., Denver.
98. Hull, Jay G, (1983), *Journal of Personality and Social Psychology*, Vol 44(3), 461-473.
99. Marlatt, G.A and Gordon, J.R (1980), *Determinants of relapse: Implications for the maintenace of behavior change*, Alcoholism & Drug Abuse Institute, Seattle.
100. Mearns, D. (2003), *Developing Person-Centred Counselling*, 2 ed, Sage Publications, London.
101. Pettijohn, T.F. (1997), *Sources: Notable Selections in Psychology*, Dushkin/McGraw-Hill Companies Inc, USA.
102. Purkey, William W. (1988), *An Overview of Self-Concept Theory for Counselors. Highlights: An ERIC/CAPS Digest.*, Editor^Editors, ERIC Clearinghouse on Counseling and Personnel Services, Ann Arbor.
103. Rice, P.L (1999), *Stress and Health*, 3 ed, Brooks/Cole Publishing Company, California.
104. Roberts, I.E and Monroe, S.M (1992), "Vulnerable self-esteem and depressive symptoms: Prospective findings comparing three alternative conceptualizations", *Journal of Personality and Social Psychology*. 62 pg.
105. Roy F.Baumeister và John Tierney (2011), "Willpower – Rediscovering the greatest human strength", 304 pg.
106. Vasta, R., Haith, M.M., and Miller, S.A. *Child Psychology: The Modern Science*, 2 ed, John Wiley & Sons, Inc, USA.

107. Walklate, S (2003) Understanding Criminology – Current Theoretical Debates, 2nd edition, Maidenhead: Open University Press

Tài liệu tham khảo tiếng Nga

108. Дао Чи Ук (1986), Борьба с преступностью несовершеннолетних Социалистической Республике Вьетнам, Издательство Наука, Главная редакция Восточной литературы, Москва.
109. Долгова А.И. (1975), “Исследование личности несовершеннолетнего преступника”. В сборнике Социально-психологическая характеристика личности несовершеннолетнего преступника, М.
110. Еникеев М. И. (1996), Основы общей и юридической психологии, Издательство "Юристъ", Москва с.323.
111. Кон, И.С. (1984), В поисках себя: личность и ее самосознание. М, Политиздат.
112. Ключникова Л.В.(2002), “Взаимосвязь социально-психологической адаптации переселенцев и межгруппового восприятия в новых социальных условиях” Современная психология состояние и перспективы исследования, М. tr.233-249.
113. Левкович В. (1973), Самооценка и её роль в процессе формирования личности, Советская Педагогика, No. 6/1973.
114. Петровский, А. В & Ярошевский (1990), Психология словарь Москва.
115. Рувинский, Л. И Соловьева, А. Е (1982), педагогика самовоспитания, Москва.
116. Словарь Русского языка (1984), Академия наук СССР институт Русского языка. Т.4. Изд Русский язык.
117. Сундуrow Ф.Р, (1976) Социально-психологические и правовые аспекты исправления и перевоспитания правонарушителей. Изд. Казанского Уни.
118. Столин В.В, (1983) Самосознание личности. Изд, Московского Университета.
119. Чуфаровский Ю.В. (1997), Юридическая психология. Изд. Право и Закон М., с.286-304.

Tài liệu tham khảo tiếng Đức

120. Weiheim, and Basel (1986), Bản dịch sang tiếng Đức của Bentz Verley, trong Educational Psychology (1984) by Houghton Mifflin Copany.

PHỤ LỤC

MỤC LỤC PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1. CÁC LOẠI BẢNG HỎI.....	195
PHỤ LỤC 1.1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ TRAO ĐỔI VỚI CHUYÊN GIA	195
PHỤ LỤC 1.2. PHIẾU TRƯNG CẦU Ý KIẾN CHUYÊN GIA.....	197
PHỤ LỤC 1.3. TRẮC NGHIỆM HOÀN THIỆN CÂU	200
PHỤ LỤC 1.4. PHIẾU TRAO ĐỔI Ý KIẾN	203
PHỤ LỤC 1.5. MỘT SỐ NỘI DUNG PHỎNG VẤN SÂU	211
PHỤ LỤC 1.6. MỘT SỐ NỘI DUNG QUAN SÁT	212
PHỤ LỤC 2. ĐỘ TIN CẬY CỦA BẢNG HỎI	214
2.1. TỰ NHẬN THỨC VỀ HVPT VÀ HVCHHPT	214
2.2. TỰ ĐÁNH GIÁ VỀ HVPT VÀ HVCHHPT.....	215
2.3. HÀNH VI CHẤP HÀNH HÌNH PHẠT TÙ	217
2.4. CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN TYT VỀ HVPT VÀ HVCHHPT.....	217
PHỤ LỤC 3 : CÁC LỖI VI PHẠM NỘI QUY, QUY CHẾ TRONG KHI CHẤP HÀNH HÌNH PHẠT TÙ TẠI TRẠI GIAM	221
PHỤ LỤC 4: KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU LỊCH SỬ CUỘC	222
PHỤ LỤC 5: KẾT QUẢ PHỎNG VẤN SÂU	271
PHỤ LỤC 6: THỰC NGHIỆM TÁC ĐỘNG.....	294

PHỤ LỤC 1. CÁC LOẠI BẢNG HỎI

PHỤ LỤC 1.1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ TRAO ĐỔI VỚI CHUYÊN GIA

1. Trao đổi về một số vấn đề liên quan đến đặc điểm nhân thân

- Tình hình phạm nhân chấp hành hình phạt tù hiện nay nói chung và phạm nhân chấp hành hình phạt tù các tội về ma túy nói riêng.

- Độ tuổi phạm tội, nghề nghiệp, trình độ, giới tính, hành vi phạm tội về ma túy phổ biến hiện nay.

2. Trao đổi về vấn đề liên quan đến hành vi phạm tội và hành vi chấp hành hình phạt tù tại trại giam.

- Nhận định về những nguyên nhân dẫn tới hành vi phạm tội, nguyên nhân phổ biến, hậu quả của hành vi phạm tội về ma túy của phạm nhân chấp hành hình phạt tù các tội về ma túy theo nhận định của chuyên gia. Phạm nhân nhận thức về hậu quả của hành vi phạm tội của họ như thế nào đối với bản thân, gia đình và xã hội. Phạm nhân chấp hành hình phạt tù các tội về ma túy nhận thấy hành vi phạm tội của họ có vi phạm pháp luật hình sự không, thông thường họ nhận thức được từ khi nào (trước, trong hay sau khi thực hiện hành vi phạm tội hay đến khi vào trại giam mới thấy).

- Nhận định của cán bộ trại giam (cán bộ quản giáo, cán bộ giáo dục và cán bộ trinh sát) về tự nhận thức của phạm nhân (phạm nhân chấp hành hình phạt tù các tội về ma túy về ma túy) liên quan đến hành vi phạm tội của họ (vô ý hay cố ý, họ có nhận thấy hành vi của họ có đáng bị xử lý bằng hình phạt tù hay không và có bằng lòng với mức án mà tòa đã tuyên với họ hay không?).

- Tìm hiểu ý kiến của cán bộ trại giam nhận định về khả năng tự đánh giá của phạm nhân về hành vi phạm tội của họ. Họ có đánh giá về hành vi chấp hành hình phạt tù như thế nào. Có gì khác khả năng tự đánh giá hành vi phạm tội và hành vi chấp hành hình phạt tù giữa phạm nhân chấp hành về án ma túy so với phạm nhân có hành vi phạm tội khác.

3. Trao đổi về một số yếu tố ảnh hưởng đến hành vi chấp hành hình phạt tù của phạm nhân

- Đánh giá của cán bộ trại giam về yếu tố ảnh hưởng đến hành vi chấp hành hình phạt tù của phạm nhân (niềm tin của phạm nhân vào tương lai; mối quan hệ giữa phạm nhân với phạm nhân, mối quan hệ giữa phạm nhân và gia đình và mối quan hệ giữa phạm nhân và cán bộ trại giam). Mối quan hệ nào có ảnh hưởng nhiều nhất tới tự ý thức về hành vi chấp hành hình phạt tù của phạm nhân.

- Nhận định của cán bộ trại giam về diễn biến tâm lý của phạm nhân chấp hành hình phạt tù các tội về ma túy so với diễn biến tâm lý của các phạm nhân chấp hành hình phạt tù các tội khác (giết người, cướp giật tài sản, hiếp dâm...).

- Nhận định của cán bộ trại giam về những lỗi mà phạm nhân chấp hành hình phạt tù các tội về ma túy thường vi phạm. Nguyên nhân của sự vi phạm đó.

- Nhận định của cán bộ trại giam về niềm tin tương lai của phạm nhân chấp hành hình phạt tù các tội về ma túy có ảnh hưởng như thế nào tới hành vi chấp hành hình phạt tù tại trại giam của họ.

4. Trao đổi về một số biện pháp quản lý giáo dục phạm nhân

- Quan điểm của cán bộ trại giam về những biện pháp quản lý, giáo dục chung và biện pháp quản lý, giáo dục cụ thể đối với phạm nhân chấp hành hình phạt tù các tội về ma túy. Biện pháp nào hiệu quả nhất giúp phạm nhân nhận ra được lỗi lầm và chấp hành đúng nội quy, kỷ luật trại giam.

- Sự kết hợp giữa gia đình với cán bộ trại giam trong công tác quản lý, giáo dục diễn ra cụ thể như thế nào. Kết quả tổng kết đánh giá rút kinh nghiệm ra sao.

PHỤ LỤC 1.2. PHIẾU TRƯNG CẦU Ý KIẾN CHUYÊN GIA

Để phục vụ cho công tác nghiên cứu và giảng dạy, chúng tôi tiến hành nghiên cứu đặc điểm tự ý thức của phạm nhân. Là cán bộ có kinh nghiệm thực tiễn mong đồng chí vui lòng trả lời các câu hỏi dưới đây. Những kinh nghiệm của đồng chí sẽ giúp chúng tôi rất nhiều trong quá trình nghiên cứu và giảng dạy sau này.

Xin chân thành cảm ơn!

Đồng chí vui lòng cho biết

Họ và tên: Đơn vị công tác:

Lĩnh vực đang công tác : Số năm công tác :

1. Từ kinh nghiệm thực tiễn trong công tác ở trại giam, đồng chí cho biết nguyên nhân dẫn tới một cá nhân thực hiện hành vi phạm tội về ma túy là do đâu?

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

2. Qua công tác thực tiễn, đồng chí cho biết phạm nhân phạm đang chấp hành hình phạt tù các tội về ma túy gây ra hậu quả như thế nào đối với bản thân họ, gia đình của họ và cho xã hội ?

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

3. Qua kinh nghiệm công tác của mình, đồng chí cho biết phạm nhân đang chấp hành hình phạt tù các tội về ma túy **nhận thức** về hành vi phạm tội của họ có gì khác với **nhận thức** về hành vi phạm tội của các phạm nhân chấp hành hình phạt tù không phải về các tội liên quan đến ma túy?

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

4. Theo kinh nghiệm của đồng chí thì phạm nhân chấp hành hình phạt tù các tội về ma túy thường đánh giá hành vi phạm tội về ma túy của họ do vô ý hay cố ý. Họ đánh giá như thế nào về hình phạt tù mà tòa án đã tuyên đối với hành vi phạm tội của họ?

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

.....

.....

5. Qua kinh nghiệm công tác của mình, đồng chí cho biết phạm nhân chấp hành hình phạt tù các tội về ma túy có **thái độ** như thế nào đối với hành vi phạm tội của họ. Thái độ đối với hành vi phạm tội của những phạm nhân chấp hành hình phạt tù các tội về ma túy có gì khác với thái độ của các phạm nhân chấp hành hình phạt tù các tội không liên quan đến ma túy.

.....

.....

.....

.....

.....

6. Theo đồng chí có những yếu tố nào tác động đến tâm lý chấp hành án phạt tù của phạm nhân phạm các tội về ma túy hiện nay? Theo đồng chí thì yếu tố nào là quan trọng nhất?

.....

.....

.....

.....

.....

7. Là người có kinh nghiệm thực tiễn, theo đồng chí: Phạm nhân phạm các tội về ma túy thường vi phạm những nội quy nào của trại giam nhiều nhất trong quá trình họ chấp hành hình phạt tù? Theo đồng chí, nguyên nhân nào dẫn tới sự vi phạm nội quy, kỷ luật trại giam của phạm nhân chấp hành hình phạt tù các tội về ma túy

.....

.....

.....

.....

.....

8. Để phạm nhân phạm các tội về ma túy đang chấp hành án ở trại giam tự nhận được lỗi lầm trong quá khứ của mình, tham gia chấp hành đúng nội quy, quy chế trại giam, theo đồng chí chúng ta cần có những biện pháp cụ thể nào?

.....

.....

.....

.....

.....

9. Theo đồng chí, các yếu tố khách quan tác động từ: gia đình; cán bộ trại giam; giữa các phạm nhân ảnh hưởng như thế nào đến tâm lý cải tạo của phạm nhân chấp hành hình phạt tù các tội về ma túy. Trong các yếu tố trên thì yếu tố nào tác động nhiều nhất nhất ?. Theo đồng chí thì tại sao yếu tố đó lại ảnh hưởng nhiều nhất đến tâm lý cải tạo của phạm nhân ?

.....

.....

.....

[illegible]

10. Qua kinh nghiệm công tác của mình, đồng chí cho biết diễn biến tâm lý trong quá trình chấp hành án của phạm nhân phạm các tội về ma túy có gì khác với diễn biến tâm lý trong quá trình chấp hành án phạt tù của phạm nhân phạm các tội không liên quan đến ma túy.

[illegible]

11. Theo đồng chí: một số yếu tố: Nhận thức về hình phạt tù; niềm tin của phạm nhân vào tương lai có tác động như thế nào tới hành vi chấp hành hình phạt tù của phạm nhân phạm các tội về ma túy?

[illegible]

12. Từ kinh nghiệm thực tiễn công tác của mình, theo đồng chí có những biện pháp cụ thể nào để quản lý, giáo dục những phạm nhân phạm các tội về ma túy có hiệu quả tối ưu nhất giúp họ chấp hành tốt nội quy, quy định trại giam?

[illegible]

Cảm ơn sự tham gia trao đổi kinh nghiệm của các đồng chí !

PHỤ LỤC 1.3. TRẮC NGHIỆM HOÀN THIỆN CÂU

Các anh (chị) thân mến!

Mỗi người có hành vi phạm tội về ma túy cũng như hành vi chấp hành hình phạt tù là không hoàn toàn như nhau. Với hoàn cảnh mà mình đã trải qua, anh (chị) suy nghĩ và hoàn thiện các câu hỏi đang bỏ dở dưới đây phù hợp với trường hợp của mình nhất. Sự tham gia của anh (chị) giúp chúng tôi rất nhiều trong công tác khoa học. Khi hoàn thiện câu anh (chị) chú ý:

- Đọc và hoàn thiện lần lượt từng câu.
- Trả lời trung thực suy nghĩ của mình
- Để đảm bảo khách quan anh chị không ghi tên của mình vào phiếu này

Xin chân thành cảm ơn!

1	Tôi nhận thấy bản thân tôi phạm tội là do
2	Nguyên nhân bản thân tôi phạm tội
3	Tôi nhận thấy hành vi phạm tội của tôi gây hậu quả
4	Tôi thấy hành vi phạm tội của mình
5	Giờ nghĩ lại hành vi liên quan đến ma túy của mình tôi thấy
6	Tôi thấy xấu hổ với
7	Kết quả lao động tại trại giam của tôi...
8	Tôi thấy hình phạt hiện nay đối với tôi
9	Tôi tự thấy trong quá trình chấp hành hình phạt tù tôi đã
10	Với biểu hiện tiêu cực trong trại giam tôi thấy mình là người
11	Điều làm tôi hối hận nhất là
12	Hành vi liên quan đến ma túy đã làm cho tôi
13	Giờ nghĩ lại hành vi liên quan đến ma túy tôi thấy
14	Trong lao động ở trại tôi
15	Kết quả xếp loại của tôi trong 3 tháng qua
16	Nghĩ về tương lai của mình, tôi thấy
17	Tương lai tôi sẽ có 1 gia đình
18	Cán bộ quản giáo đã giúp tôi
19	Cán bộ giáo dục đã giúp tôi
20	Người tác động nhiều nhất đến tôi hiện nay
21	Tôi thấy sự quan tâm của gia đình
22	Điều làm tôi hối hận nhất
23	Từ khi vào trại đến nay, gia đình
24	Từ khi vào trại đến nay, cán bộ trại giam
25	Hậu quả mà hành vi phạm tội về ma túy của tôi gây ra là
26	Tôi thấy hành vi phạm tội của mình so với quy định trong bộ luật hình sự
27	Tôi thấy hành vi phạm tội của tôi là do tôi
28	Tôi tự đánh giá hành vi phạm tội của tôi là

29	Hành vi chấp hành lao động tại trại giam của tôi
30	Hành vi chấp hành các nội quy của tôi
31	Bạn tù là người giúp tôi
32	Tôi thấy tương lai của mình
33	Khi thấy phạm nhân khác vi phạm nội quy, kỷ luật trại giam tôi
34	Hành vi liên quan đến ma túy của tôi chỉ đáng bị xử lý bằng
35	Tôi tin tương lai tôi sẽ lấy lại được
36	Tôi tin tương lai mọi người
37	Tôi tin tương lai công việc của tôi
38	Hình phạt tù là cần thiết đối với
39	Tôi thấy hình phạt tù đã giúp tôi
40	Tôi hiểu hình phạt tù nhằm

Anh (chị) cho biết đôi điều về bản thân

1. Anh/chị án phạt số năm..... năm vào trại năm.....
2. Anh/chị có tiền án, tiền sự ☐ Có ☐ Chưa lần nào ☐
3. Chấp hành nội, quy quy chế trại giam: 3.1. Số lần vi phạm nội quy, quy chế trại giam: ☐ lần

Số lần vi phạm	3.2. Tên lỗi vi phạm	3.3. Hình thức kỷ luật
Lần 1 về lỗi		
Lần 2 về lỗi		
Lần 3 về lỗi		
Lần 4 về lỗi		
Lần 5 về lỗi		
Lần 6 về lỗi		

4. Trong các kỳ xếp loại vừa qua, anh/chị đ- ọc xếp loại nào trong các loại sau?

STT	Xếp loại 2009	Xếp loại 2010	Xếp loại 2011	Xếp loại 6 tháng đầu năm 2012
1	Tốt	Tốt	Tốt	Tốt
2	Khá	Khá	Khá	Khá
3	Trung bình	Trung bình	Trung bình	Trung bình
4	Kém	Kém	Kém	Kém

5. Giới tính Nam: ☐ Nữ: ☐
6. Sinh năm..... Là con thứ..... trong gia đình có..... anh chị em
7. Trình độ học vấn (lớp cao nhất đã học).....

8. Nghề nghiệp trước khi tôi vào trại giam:

- | | |
|--|--|
| 8.1. Không nghề nghiệp ☐ | 8.5. Công nhân ☐ |
| 8.2. Làm nông nghiệp ☐ | 8.6. Công chức nhà nước ☐ |
| 8.3. Lao động tự do ☐ | 8.7. Nghề khác ☐ |
| 8.4. Kinh doanh, buôn bán ☐ | |

9. Nơi ở và làm của anh/chị trước khi phạm tội:

- 9.1. Nông thôn ☐ 9.3. Thành phố ☐ 9.5. Nơi khác ☐
 9.2. Thị trấn, thị xã ☐ 9.4. Miền núi ☐

10. Anh chị đang chấp hành án về tội:.....

11. Ai là người thường đi thăm nuôi anh/chịsố lần...../1 năm...

Ai là người đi thăm nuôi nhiều nhất..... số lần...../ 01 năm.....

12. Tôi phạm tội lần đầu năm Lúc đó tôituổi

13. Tình trạng hôn nhân của tôi (Chọn 1 ý phù hợp nhất)

1. Đã có vợ/chồng	
2. Có vợ/chồng nhưng đã ly hôn	
3. Chưa có vợ/chồng	
4. Đã có con	

14. Những yếu tố sau ảnh hưởng như thế nào đến tư tưởng chấp hành án phạt tù của anh chị:

(Mỗi tác động anh/chị đánh dấu X vào ô trống phù hợp với mình nhất)

TT	Ảnh hưởng từ phía khách quan	Hoàn toàn không ảnh hưởng	Chỉ tác ảnh hưởng một phần	Có ảnh hưởng rất nhiều
1	Gia đình			
2	Nhóm bạn tù trong buồng, đội			
3	Cán bộ trại giam			

15. Anh/chị là:

15.1. Con thứ.....

15.2. Trong gia đình có tổng số.....anh/chị em

16. Đã từng nghiện ma túy : Đã từng nghiện ☐ Chưa từng nghiện ☐

Ý kiến khác (anh/chị ghi rõ).....

17. Từ ngày chấp hành án phạt tù đến nay, anh/chị đã từng mắc những lỗi nào trong các lỗi sau đây? (Nếu có anh/chị đánh dấu X vào ô trống tương ứng).

17.1. Đánh nhau ☐

17.2. Quan hệ trái phép (với dân, với phạm nhân đội khác...) ☐

17.3. Cất dấu vật cấm ☐

17.4. Tàng trữ tiền ngân ☐

17.5. Các hành vi liên quan đến ma túy (mang ma túy vào trại giam, sử dụng ma túy trong trại giam, bán ma túy trong trại giam....) ☐

17.6. Sử dụng điện thoại ☐

17.7. Các hành vi khác (chống lệnh cán bộ, đánh bạc trong trại giam, viết thư trái phép, tự rời khỏi khu giam, nơi lao động, trèo rào khu giam, gây mất trật tự...). ☐

Một lần nữa xin cảm ơn anh (chị) !

PHỤ LỤC 1.4. PHIẾU TRAO ĐỔI Ý KIẾN

Các anh/chị thân mến ! Chúng tôi đang thực hiện nghiên cứu đề tài về tâm lý của phạm nhân nhằm mục đích giúp đỡ anh/chị tự nhận biết tâm lý của mình để thích nghi dễ dàng hơn khi tái hòa nhập cộng đồng. Chúng tôi nhờ của anh/chị cộng tác bằng cách hoàn thành bảng hỏi này theo đúng suy nghĩ thực của mình. Tất cả các câu trả lời của anh chị được giữ bí mật. Anh/chị không cần ghi tên họ, địa chỉ của mình hay bất cứ ai vào phiếu hỏi này.

Cảm ơn anh/chị đã tham gia !

Anh/chị đọc từng câu suy nghĩ, cân nhắc kỹ từng ý rồi đánh dấu (X) vào ô t-ong ứng với từng câu có ý phù hợp với suy nghĩ của bản thân mình nhất.

I. Bảng hỏi TYT về hành vi phạm tội và hành vi chấp hành hình phạt tù

TT	Các nội dung cụ thể	Hoàn toàn sai	Sai nhiều hơn đúng	Đúng nhiều hơn sai	Sai nhiều hơn đúng
1	Tất cả các hành vi phạm tội mà túy là hành vi gây mất trật tự an toàn xã hội				
2	Tôi thất vọng với chính bản thân mình đã gây ra hành vi nguy hiểm cho xã hội				
3	Giờ nhìn lại tôi thấy tôi đã biết trước hành vi phạm tội của mình là nguy hiểm nhưng tôi vẫn thực hiện hành vi đó				
4	Tôi thực sự không mong muốn thực hiện hành vi phạm tội, nhưng đã đâm lao thì phải theo lao mà thôi.				
5	Đến giờ tôi thực sự đã nhận thấy hành vi phạm tội của bản thân mình đã gây ra hậu quả nguy hiểm cho chính mình				
6	Bản thân tôi trước khi phạm tội đã không thấy trước được hậu quả nguy hại cho xã hội về hành vi phạm tội của mình				
7	Tôi đã hình dung được trước hậu quả của hành vi phạm tội của mình có thể xảy ra trước khi phạm tội				
8	Tôi không hối hận về hành vi phạm tội của mình vì đó là quá khứ rồi thì tôi cho qua luôn				
9	Tôi tự nhận thấy hành vi phạm tội của mình bị xử lý bằng hình phạt tù là nhờ các bạn tù giải thích cho tôi.				
10	Hành vi phạm tội của tôi đã làm gia đình tôi tan vỡ				
11	Đến khi đi vào trại giam, được cán bộ trại giam giải thích tôi biết mình hành vi phạm tội của bản thân bị xử lý bằng hình phạt tù là đúng				
12	Thông qua các đối tượng cùng tạm giam tại trại tạm giam tôi thấy hành vi phạm tội của mình bị xử lý bằng hình phạt tù				
13	Nếu tôi biết trước quy định của pháp luật về hình phạt dành cho người phạm tội mà túy thì tôi không bị phạm tội như hiện nay				
14	Tôi thấy hành vi phạm tội của tôi tương xứng với vi phạm pháp luật hành chính hơn là vi phạm pháp luật hình sự				

15	Theo tôi, hành vi phạm tội của tôi chỉ cần phạt tiền là đủ				
16	Nếu ban đầu tôi nhận thức được hậu quả nguy hiểm về hành vi phạm tội của mình thì chắc chắn tôi sẽ không thực hiện hành vi phạm tội đó.				
17	Trước khi phạm tội tôi đã không hình dung được trước hậu quả nguy hại của hành vi phạm tội cho chính mình				
18	Đã làm và đạt được cái mình muốn rồi thì sao lại phải hối hận				
19	Tôi tự trách bản thân vì đã phạm tội				
20	Phạm tội ma túy có nghĩa là tôi đã hủy hoại cuộc đời mình				
21	Khi ra trước tòa tôi biết trước hành vi phạm tội của mình bị xử lý bằng hình phạt tù				
22	Tôi thấy hành vi phạm tội của mình sẽ bị xử lý bằng hình phạt tù là đúng				
23	Nếu tôi không tình cờ biết rằng buôn bán, vận chuyển ma túy là cách kiếm tiền dễ dàng thì tôi không phạm tội như bây giờ				
24	Tôi thấy hành vi phạm tội của tôi là do bị rủ rê, lôi kéo, thực tình tôi chẳng có tội gì				
25	Tôi thấy bản án dành cho tôi là đúng người, đúng tội				
26	Tôi thấy hành vi phạm tội của mình không gây nguy hiểm cho xã hội như đài báo vẫn đưa tin.				
27	Đến bây giờ tôi mới thấy rõ tác hại và hậu quả mà hành vi phạm tội mà mình gây ra.				
28	Đối với tôi không có cái gì gọi là hối hận vì việc gì có lợi cho mình thì mới làm				
29	Tôi thấy rất xấu hổ về hành vi phạm tội mà mình đã gây ra				
30	Tôi nhận thấy hành vi phạm tội của tôi có thể gây thiệt hại đến tính mạng, sức khỏe của nhiều người				
31	Từ khi bị bắt và được cán bộ điều tra giải thích tôi mới biết mình phạm tội và sẽ bị xử lý bằng hình phạt tù.				
32	Nếu tôi chịu nghe lời khuyên ngăn của người thân, tôi không bị tù tội như bây giờ				
33	Nếu gia đình tôi gần gũi, quan tâm đến tôi, tôi không trở thành phạm nhân như hiện nay				
34	Tôi thấy hành vi có liên quan đến ma túy của tôi cũng như những hành vi bình thường khác, không có gì là sai trái với pháp luật hình sự				
35	Tôi tự thấy hành vi phạm tội của tôi là hành vi vi phạm pháp luật				
36	Ban đầu tôi đã nhầm, bây giờ tôi tự đánh giá rằng không phải tất cả mọi thứ đều mua được bằng tiền.				
37	Tôi chỉ thấy rõ tác hại và hậu quả mà hành vi phạm tội sau khi tôi đã thực hiện hành vi phạm tội				

38	Có lúc tôi như tuyệt vọng vì hành vi phạm tội của mình gây ra				
39	Bản thân tôi rất hối hận về hành vi phạm tội của mình				
40	Tôi nhận thấy hành vi phạm tội của tôi là những hành vi cố ý xâm phạm chế độ quản lý Nhà nước đối với các chất ma túy				
41	Đến giờ tôi vẫn chưa hiểu tại sao hành vi phạm tội của mình lại bị xử lý bằng hình phạt tù				
42	Nếu tôi có nghề nghiệp, việc làm ổn định, tôi không rơi vào con đường phạm tội như bây giờ				
43	Nếu tôi vững vàng và kiên định, tôi không bị lôi kéo vào con đường phạm tội ma túy				
44	Tôi tự thấy hành vi phạm tội của mình là hành vi trái với pháp luật hình sự				
45	Tôi tự nhận thấy do bản thân không suy nghĩ cẩn thận nên tôi đã không nhận thức được khả năng gây thiệt hại cho xã hội của hành vi phạm tội				
46	Tôi tự tin là mình có thể khôn khéo để không bị phát hiện hành vi phạm tội, nhưng tôi đã nhầm.				
47	Trước khi phạm tội tôi biết rõ hành vi phạm tội của mình gây ra nếu bị bắt sẽ phải đi cải tạo				
48	Tôi thấy làm nhục nhã vì mình đã gây ra tội lỗi				
49	Tôi rất buồn vì đã gây ra hành vi nguy hiểm cho xã hội				
50	Tôi thấy hành vi phạm tội của tôi không gây hậu quả nghiêm trọng gì cho xã hội				
51	Tôi rất buồn vì bản thân chưa thật sự tích cực đấu tranh với các biểu hiện tiêu cực trong trại giam				
52	Tôi thấy lo lắng nếu bản thân vi phạm nội quy, kỷ luật trại giam				
53	Tôi thấy lo sợ mỗi khi tôi không hoàn thành công việc cán bộ giao				
54	Tôi thấy lo lắng nếu kết quả xếp loại thi đua của mình đạt loại yếu và trung bình				
55	Tôi lo lắng mỗi khi bị cán bộ nhắc nhở				
56	Tôi sợ vi phạm nội quy, kỷ luật khi ở trong buồng giam hơn là được ra lao động				
57	Tôi thấy mức khoán lao động hiện nay là phù hợp đối với khả năng của tôi				

II. Thực trạng tự điều chỉnh hành vi chấp hành hình phạt tù

TT	Các nội dung cụ thể	Hoàn toàn sai	Sai nhiều hơn đúng	Đúng nhiều hơn sai	Sai nhiều hơn đúng
1	Tôi thấy bản thân đã và đang thực hiện tốt yêu cầu an toàn, vệ sinh lao động, bảo vệ môi trường.				
2	Tôi luôn thực hiện đúng nội quy, kỷ luật trong trại giam				

TT	Các nội dung cụ thể	Hoàn toàn sai	Sai nhiều hơn đúng	Đúng nhiều hơn sai	Sai nhiều hơn đúng
3	Tôi chưa làm việc gì gây chia rẽ mất đoàn kết trong đội phạm nhân				
4	Tôi luôn cố gắng động viên giúp đỡ các phạm nhân khác cùng tiến bộ				
5	Tôi tin rằng mình sẽ có công việc ổn định khi tôi mãn hạn tù				
6	Tôi tin tưởng lại tôi sẽ lấy lại được uy tín, danh dự của bản thân với bạn bè, hàng xóm				
7	Tôi không nhân nhượng với các biểu hiện tiêu cực của các phạm nhân khác trong trại giam				
8	Tôi không có thái độ gây chia rẽ mất đoàn kết trong đội				
9	Tôi luôn thuộc lòng nội quy, kỷ luật của trại giam				
10	Tôi đã luôn hoàn thành chỉ tiêu, định mức được giao				
11	Hình phạt tù nhằm giúp phạm nhân có ý thức tuân theo pháp luật				
12	Hình phạt tù làm cho người phạm tội thấy cực khổ để không dám phạm tội				
13	Hình phạt tù đối với người phạm tội nhằm răn đe người có ý định phạm tội từ bỏ ý định phạm tội				
14	Hình phạt tù là sự cần thiết đối với người có hành vi phạm tội về ma túy				
15	Tôi tin tưởng lại mọi người sẽ bỏ qua những lỗi lầm mà tôi đã mắc phải				
16	Tôi tin tưởng lại tôi sẽ lấy lại được uy tín, danh dự của bản thân với gia đình				
17	Bản thân tôi luôn đóng góp ý kiến để hoàn thiện công tác quản lý giáo dục trong trại giam				
18	Tôi thấy bản thân không có lời nói ảnh hưởng xấu đến phạm nhân khác từ ngày vào trại đến nay				
19	Tôi tự thấy mình chưa làm được gì để thúc đẩy phong trào thi đua lao động, học tập, rèn luyện, học nghề trong phạm nhân				
20	Tôi luôn tham gia đầy đủ ngày công lao động				
21	Hình phạt tù nhằm bắt người có hành vi phạm tội lao động tạo ra của cải cho xã hội				
22	Hình phạt tù nhằm ngăn ngừa người có hành vi phạm tội tiếp tục phạm tội				
23	Hình phạt tù nhằm quản lý, giáo dục người có hành vi phạm tội trở thành người có ích cho xã hội				
24	Tôi sẽ có một tương lai tốt hơn khi tôi trở về với gia đình				
25	Tôi tin tưởng lại tôi sẽ có một gia đình hạnh phúc				
26	Tự mình lo cho chính mình, còn tôi không quan tâm đến những tiêu cực hay vi phạm của phạm nhân khác*				

TT	Các nội dung cụ thể	Hoàn toàn sai	Sai nhiều hơn đúng	Đúng nhiều hơn sai	Sai nhiều hơn đúng
27	Tôi luôn đấu tranh với các hành vi vi phạm của phạm nhân khác				
28	Tôi luôn thực hiện nếp sống kỷ luật, trật tự, văn minh tại trại giam				
29	Tôi tự thấy bản thân luôn tích cực trong lao động, học nghề và sự tích cực đó có tác dụng thúc đẩy phong trào thi đua học tập, rèn luyện, học nghề trong phạm nhân.				
30	Tôi đã tự giác, gương mẫu, tích cực lao động, học nghề				

III. Một số yếu tố ảnh hưởng đến TYT về HVPT và HVCHHPT

TT	Các nội dung cụ thể	Hoàn toàn sai	Sai nhiều hơn đúng	Đúng nhiều hơn sai	Sai nhiều hơn đúng
1	Gia đình luôn an ủi, động viên khi tôi gặp khó khăn				
2	Gia đình là người hiểu tôi hơn mọi người				
3	Gia đình giúp tôi phấn đấu hoàn thành vượt mức khoán lao động				
4	Bạn tù là người giúp tôi nhận ra hành vi phạm tội của mình				
5	Bạn tù luôn động viên tôi chấp hành cải tạo tốt				
6	Bạn tù giúp tôi an tâm chấp hành hình phạt tù				
7	Cán bộ cho tôi lời khuyên bổ ích để tôi cải tạo tốt				
8	Cán bộ là người hiểu tôi hơn mọi người				
9	Cán bộ giúp tôi an tâm chấp hành hình phạt tù				
10	Cán bộ luôn giúp đỡ kinh tế cho tôi				
11	Gia đình cho tôi lời khuyên bổ ích để tôi cải tạo tốt				
12	Gia đình luôn chỉ ra khuyết điểm mà tôi mắc phải trong trại giam				
13	Gia đình là chỗ dựa tinh thần để tôi luôn yên tâm cải tạo tốt				
14	Bạn tù luôn an ủi, động viên khi tôi gặp khó khăn				
15	Bạn tù là người hiểu tôi hơn mọi người				
16	Bạn tù giúp tôi phấn đấu hoàn thành vượt mức khoán lao động				
17	Cán bộ luôn lắng nghe mỗi khi tôi muốn chia sẻ				
18	Cán bộ luôn chỉ ra khuyết điểm mà tôi mắc phải trong trại giam				
19	Cán bộ giúp tôi phấn đấu hoàn thành vượt mức khoán lao động				
21	Gia đình luôn lắng nghe mỗi khi tôi muốn chia sẻ				
22	Gia đình giúp tôi không vi phạm nội quy, kỷ luật trại giam				
23	Gia đình luôn giúp đỡ kinh tế cho tôi				
24	Bạn tù cho tôi lời khuyên bổ ích để tôi cải tạo tốt				
25	Bạn tù luôn chỉ ra khuyết điểm mà tôi mắc phải trong trại giam				
26	Bạn tù là chỗ dựa tinh thần để tôi luôn yên tâm cải tạo tốt				
26	Cán bộ luôn an ủi, động viên khi tôi gặp khó khăn				
27	Cán bộ luôn động viên tôi chấp hành cải tạo tốt				
28	Cán bộ giúp tôi không vi phạm nội quy, kỷ luật trại giam				
29	Cán bộ là chỗ dựa tinh thần để tôi luôn yên tâm cải tạo tốt				
30	Gia đình là người giúp tôi nhận ra hành vi phạm tội của mình				
31	Gia đình luôn động viên tôi chấp hành cải tạo tốt				
32	Gia đình giúp tôi an tâm chấp hành hình phạt tù				

TT	Các nội dung cụ thể	Hoàn toàn sai	Sai nhiều hơn đúng	Đúng nhiều hơn sai	Sai nhiều hơn đúng
33	Cán bộ là người giúp tôi nhận ra hành vi phạm tội của mình				
34	Bạn tù luôn lắng nghe mỗi khi tôi muốn chia sẻ				
35	Bạn tù giúp tôi không vi phạm nội quy, kỷ luật trại giam				
36	Bạn tù luôn giúp đỡ kinh tế cho tôi				

IV. Anh/chị vui lòng cho biết thêm một số thông tin về bản thân

1. Anh/chị án phạt số năm..... năm vào trại năm.....
2. Anh/chị có tiền án, tiền sự Có ☐ Chưa lần nào ☐
3. Chấp hành nội, quy quy chế trại giam:
 - 3.1. Số lần vi phạm nội quy, quy chế trại giam: ☐ lần
 - 3.2. Tên lỗi vi phạm.....
 - 3.3. Hình thức kỷ luật
4. Trong c, c n m xỐp lo'i vĩa qua, anh/chĐ ®-íc xỐp lo'i nựo trong c, c lo'i sau?

STT	Xếp loại 2009		Xếp loại 2010		Xếp loại 2011		Sáu tháng đầu năm 2012	
1	Tốt		Tốt		Tốt		Tốt	
2	Khá		Khá		Khá		Khá	
3	Trung bình		Trung bình		Trung bình		Trung bình	
4	Kém		Kém		Kém		Kém	

5. Giới tính Nam: ☐ Nữ: ☐
6. Sinh năm.....
7. Trình độ học vấn (lớp cao nhất đã học).....
8. Nghề nghiệp trước khi tôi vào trại giam:
 - 8.1. Không nghề nghiệp ☐
 - 8.2. Làm nông nghiệp ☐
 - 8.3. Lao động tự do ☐
 - 8.4. Kinh doanh, buôn bán ☐
 - 8.5. Công nhân ☐
 - 8.6. Công chức nhà nước ☐
 - 8.7. Nghề khác ☐
9. Nơi ở và làm của anh/chị trước khi phạm tội:
 - 9.1. Nông thôn ☐
 - 9.2. Thị trấn, thị xã ☐
 - 9.3. Thành phố ☐
 - 9.4. Miền núi ☐
 - 9.5. Nơi khác ☐
10. Anh chị đang chấp hành án về tội:.....
11. Ai là người thường đi thăm nuôi anh/chịsố lần...../1 năm...
 Ai là người đi thăm nuôi nhiều nhất.....số lần...../ 01 năm.....
12. Tôi phạm tội lần đầu năm Lúc đó tôituổi
13. Tình trạng hôn nhân của tôi (Chọn 1 ý phù hợp nhất)

1. Đã có vợ/chồng	
2. Có vợ/chồng nhưng đã ly hôn	
3. Chưa có vợ/chồng	
4. Đã có con	

14. Những yếu tố sau ảnh hưởng như thế nào đến tư tưởng chấp hành án phạt tù của anh chị:

TT	Ảnh hưởng từ phía khách quan	Hoàn toàn không ảnh hưởng	Chỉ tác ảnh hưởng một phần	Có ảnh hưởng rất nhiều
1	Gia đình			
2	Nhóm bạn tù trong buồng, đội			
3	Cán bộ trại giam			

15. Anh/chị là:

15.1. Con thứ.....

15.2. Trong gia đình có tổng số.....anh/chị em

16. Đã từng nghiện ma túy :

Đã từng nghiện ☐ Chưa từng nghiện ☐

Ý kiến khác (anh/chị ghi rõ).....

17. Từ ngày chấp hành án phạt tù đến nay, anh/chị đã từng mắc những lỗi nào trong các lỗi sau đây?) (Anh/chị đánh dấu X vào ô trống tương ứng với lỗi mình từng mắc phải)

- 17.1. Đánh nhau ☐
- 17.2. Quan hệ trái phép (với dân, với phạm nhân đội khác...) ☐
- 17.3. Cắt đầu vật cấm ☐
- 17.4. Tàng trữ tiền ngân ☐
- 17.5. Các hành vi liên quan đến ma túy (mang ma túy vào trại giam, sử dụng ma túy trong trại giam, bán ma túy trong trại giam....) ☐
- 17.6. Sử dụng điện thoại ☐
- 17.7. Các hành vi khác (chống lệnh cán bộ, đánh bạc trong trại giam, viết thư trái phép, tự rời khỏi khu giam, nơi lao động, trèo rào khu giam, gây mất trật tự...). ☐

Một lần nữa cảm ơn sự cộng tác của anh/chị!

PHỤ LỤC 1.5. MỘT SỐ NỘI DUNG PHÒNG VẤN SÂU

(Dành cho phạm nhân)

5.1. Phòng vấn sâu về bản thân

5.1.1. Một số thông tin cá nhân

- Họ tên, tuổi
- Giới tính, trình độ
- Nghề nghiệp trước đây
- Địa chỉ gia đình
- Là con thứ mấy trong gia đình

5.1.2. Về hoạt động cải tạo

- Đã chấp hành hình phạt được mấy năm
- Hành vi phạm tội cụ thể
- Đã từng tham gia làm ở đội nào (giấy, bóng, ruộng, gạch....)
- Vi phạm quy chế trại giam, mức độ vi phạm và hình thức kỷ luật

5.1.3. Tự ý thức về HVPT và HVCHHT

* Tự nhận thức (1)

- Nguyên nhân dẫn tới hành vi phạm tội
- Hậu quả của hành vi phạm tội
- Hành vi phạm tội của bản thân có vi phạm pháp luật hình sự hay không, tại sao ?
- Số năm tòa tuyên và số năm theo đánh giá của bản thân khách thể phải chấp hành
- Nhận thức về hiểu biết về mục đích, ý nghĩa của hình phạt tù. Mục đích của hoạt động lao động, kết quả lao động và những nội quy, kỷ luật của trại giam.
- Nhận thức về hiểu biết của bản thân về chế độ dành cho phạm nhân, điều kiện để được thăm gặp gia đình, điều kiện giảm án, đặc xá.

* Tự đánh giá (2)

- Đánh giá lại hành vi phạm tội của bản thân (mục đích, động cơ, nhu cầu...)
- Đánh giá lại hành vi phạm tội của bản thân là vô ý hay cố ý, tại sao khách thể lại đánh giá hành vi phạm tội của mình là vô ý hoặc cố ý.
- Khách thể đánh giá lại hành vi phạm tội của mình có đáng bị xử lý bằng hình phạt tù hay không?
- Đánh giá lại quá trình chấp hành hình phạt tù của bản thân (tích cực, ch- a tích cực, lý do. Các hoạt động trong trại bản thân thích nghi như thế nào?)
- Đánh giá của khách thể về mức án tòa tuyên đối với bản thân họ
- Đánh giá của khách thể về cảm xúc của bản thân trong quá trình chấp hành hình phạt tù
- Đánh giá của khách thể về hành vi đấu tranh với các biểu hiện tiêu cực trong trại giam

* Tự điều khiển, điều chỉnh bản thân (3)

- Khả năng điều chỉnh bản thân trong việc thực hiện hoạt động lao động
- Khả năng điều chỉnh bản thân chấp hành nội quy, kỷ luật trại giam
- Khả năng điều chỉnh bản thân sau khi chấp hành xong hình phạt

5.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến tự ý thức về HVPT và HVCHHT

5.2.1. Niềm tin của khách thể vào tương lai

- Niềm tin khi chấp hành xong hình phạt tù khách thể có công việc ổn định
- Niềm tin khi chấp hành xong hình phạt tù khách thể lấy lại được niềm tin, uy tín với gia đình và người thân
- Niềm tin có một gia đình hạnh phúc trong tương lai hay không ?

5.2.2. Mối quan hệ giữa khách thể với phạm nhân khác

- Đối với các phạm nhân khác trong buồng giam
- Với các phạm nhân trong cùng đội

5.2.3. Mối quan hệ giữa khách thể với gia đình

- Sự quan tâm, thăm nom, gửi bưu phẩm từ gia đình
- Sự thông cảm, chia sẻ từ phía gia đình

- 5.2.4. Mối quan hệ giữa khách thể với cán bộ trại giam
- Phong cách quản lý, giáo dục của cán bộ trại giam
 - Sự quan tâm, gần gũi, công bằng của cán bộ

PHỤ LỤC 1.6. MỘT SỐ NỘI DUNG QUAN SÁT

(Dành cho phạm nhân chấp hành hình phạt tù các tội về ma túy)

Phiếu ghi biên bản quan sát

Ngày.....tháng.....năm 2011.

Họ và tên khách thể:.....Giới tính Nam, Nữ.

Dân tộc:.....Thành phần gia đình:.....

Ng-òì quan sát:.....

Thời gian quan sát:.....

Tình huống quan sát:

Stt	Nội dung quan sát	Biểu hiện cụ thể	Kết quả quan sát	Ghi chú
1	- Qua quá trình thăm gặp của gia đình phạm nhân	- Thời gian trong bao nhiêu phút:..... - Nội dung cuộc nói chuyện - Chủ đề trao đổi - Thái độ của phạm nhân đối với gia đình		
2	Qua th- của phạm nhân gửi cho gia đình và gia đình gửi cho phạm nhân	- Nội dung trao đổi trong th- - Vấn đề phạm nhân quan tâm và mong đợi từ gia đình		
3	- Qua hoạt động lao động và sinh hoạt	- Bầu không khí hoạt động - Thái độ lao động - Chấp hành mức khoán lao động - Kết quả lao động		
4	Sự thể hiện cảm xúc trong giao tiếp với các phạm nhân khác cùng đội	- Chân thành, cởi mở - Rụt rè, e ngại - Kín đáo, ít nói - Ngụ ý tạo, che đậy		
5	Giao tiếp với cán bộ trại giam trong các buổi sinh hoạt đội	- Kín đáo, ít nói - Thẳng thắn, cởi mở - Không muốn trao đổi		
6	Sự thể hiện cảm xúc trong giao tiếp với cán bộ tham vấn tâm lý	- Tích cực ghi chép - Tích cực phát biểu, trao đổi - Rụt rè, hồi gì thì nói cho qua - Không có ý kiến gì		

Nhận xét				

PHỤ LỤC 2. ĐỘ TIN CẬY CỦA BẢNG HỎI

2.1. TỰ NHẬN THỨC VỀ HVPT VÀ HVCHHPT

2.1.1. Tự nhận thức về HVPT

Reliability Statistics

Cronbach's Alpha	Cronbach's Alpha Based on Standardized Items	N of Items
.762	.758	19

Item-Total Statistics

	Scale Mean if Item Deleted	Scale Variance if Item Deleted	Corrected Item-Total Correlation	Cronbach's Alpha if Item Deleted
TNT nguyên nhân phạm tội	119.5775	91.438	.079	.764
TNT nguyên nhân phạm tội	119.5875	89.922	.179	.760
TNT nguyên nhân phạm tội	119.5525	91.792	.103	.762
TNT nguyên nhân phạm tội	119.5475	91.527	.091	.763
TNT nguyên nhân phạm tội	119.4100	90.764	.144	.761
TNT nguyên nhân phạm tội	119.5450	91.838	.104	.762
TNT về hậu quả HVPT	119.0525	90.581	.160	.760
TNT về hậu quả HVPT	119.3650	87.425	.281	.755
TNT về hậu quả HVPT	119.2350	87.483	.301	.754
TNT về hậu quả HVPT	119.3150	85.254	.442	.747
TNT về hậu quả HVPT	119.3650	89.034	.210	.758
TNT về hậu quả HVPT	119.2125	89.200	.201	.759
TNT hành vi PT_Vi phạm PLHS	118.7000	92.070	.243	.759
TNT hành vi PT_Vi phạm PLHS	119.3475	90.794	.179	.759
TNT hành vi PT_Vi phạm PLHS	119.1225	90.283	.259	.757
TNT hành vi PT_Vi phạm PLHS	119.1750	90.862	.199	.759
TNT hành vi PT_Vi phạm PLHS	119.0725	90.864	.210	.758
TNT hành vi PT_Vi phạm PLHS	118.8900	91.221	.197	.759
TNT hành vi PT_Vi phạm PLHS	118.8950	91.382	.181	.759

2.1.2. Tự nhận thức về HVCHHPT

Reliability Statistics

Cronbach's Alpha	Cronbach's Alpha Based on Standardized Items	N of Items
.770	.763	7

Item-Total Statistics

	Scale Mean if Item Deleted	Scale Variance if Item Deleted	Corrected Item-Total Correlation	Cronbach's Alpha if Item Deleted
Nhan thuc PN ve hanh vi CHHPT	18.7750	9.433	.657	.704
Nhan thuc PN ve hanh vi CHHPT	18.6275	9.688	.652	.707
Nhan thuc PN ve hanh vi CHHPT	18.6575	8.912	.742	.681
Nhan thuc PN ve hanh vi CHHPT	18.7700	10.012	.672	.707
Nhan thuc PN ve hanh vi CHHPT	18.2950	10.589	.523	.736
Nhan thuc PN ve hanh vi CHHPT	18.0725	12.413	.140	.806
Nhan thuc PN ve hanh vi CHHPT	18.1625	12.537	.113	.811

2.2. TỰ ĐÁNH GIÁ VỀ HVPT VÀ HVCHHPT

2.2.1. Tự đánh giá về HVPT

Reliability Statistics

Cronbach's Alpha	Cronbach's Alpha Based on Standardized Items	N of Items
.731	.730	20

	Scale Mean if Item Deleted	Scale Variance if Item Deleted	Corrected Item-Total Correlation	Cronbach's Alpha if Item Deleted
TDG hanh vi PT vo y-co y	119.9150	85.421	.401	.748
TDG hanh vi PT vo y-co y	119.7550	84.155	.450	.745
TDG hanh vi PT vo y-co y	120.0850	87.401	.335	.752
TDG hanh vi PT vo y-co y	119.7750	84.796	.403	.748
TDG hanh vi PT vo y-co y	119.9500	83.286	.464	.744
TDG hanh vi PT vo y-co y	120.1850	87.840	.318	.753
TDG hanh vi PT vo y-co y	120.2300	90.538	.156	.760
TDG hanh vi PT vo y-co y	119.8150	86.281	.342	.752
TDG hanh vi PT vo y-co y	119.8725	88.994	.238	.757
TDG hanh vi PT vo y-co y	119.8125	88.233	.288	.755
TDG hanh vi PT vo y-co y	119.5425	85.888	.403	.749

TDG hanh vi PT vo y-co y	119.6125	87.215	.310	.753
TDG hanh vi PT vo y-co y	120.2200	90.337	.218	.758
TDG HVPT bi xu ly bang HPT	119.4025	90.286	.242	.757
TDG HVPT bi xu ly bang HPT	119.9800	91.779	.069	.764
TDG HVPT bi xu ly bang HPT	119.7175	90.133	.163	.760
TDG HVPT bi xu ly bang HPT	119.9100	90.689	.136	.761
TDG HVPT bi xu ly bang HPT	120.0775	90.598	.147	.761
TDG HVPT bi xu ly bang HPT	119.9575	91.600	.069	.764
TDG HVPT bi xu ly bang HPT	119.6050	89.493	.214	.758

2.2.2. Tự đánh giá về HVCHHPT

Reliability Statistics

Cronbach's Alpha	Cronbach's Alpha Based on Standardized Items	N of Items
.872	.776	11

Item-Total Statistics

	Scale Mean if Item Deleted	Scale Variance if Item Deleted	Corrected Item-Total Correlation	Cronbach's Alpha if Item Deleted
Tu danh gia ve cam xuc	18.4625	19.913	.518	.867
Tu danh gia ve cam xuc	18.7200	19.009	.638	.855
Tu danh gia ve cam xuc	18.6350	17.496	.840	.833
Tu danh gia ve cam xuc	19.4425	20.227	.355	.886
Tu danh gia ve cam xuc	18.7325	17.379	.810	.835
Tu danh gia ve cam xuc	18.6500	17.622	.832	.834
Tu danh gia HV dau tranh chong tieu cuc	45.9950	33.945	.202	.696
Tu danh gia HV dau tranh chong tieu cuc	46.2200	34.753	.190	.695
Tu danh gia HV dau tranh chong tieu cuc	45.9525	33.995	.232	.692
Tu danh gia HV dau tranh chong tieu cuc	46.0175	34.985	.155	.699
Tu danh gia HV dau tranh chong tieu cuc	44.5575	40.954	.387	.757

2.3. HÀNH VI CHẤP HÀNH HÌNH PHẠT TÙ

Reliability Statistics

Cronbach's Alpha	Cronbach's Alpha Based on Standardized Items	N of Items
.698	.706	17

Item-Total Statistics

	Scale Mean if Item Deleted	Scale Variance if Item Deleted	Corrected Item-Total Correlation	Cronbach's Alpha if Item Deleted
Hanh vi chap hanh lao dong	44.5300	30.876	.435	.666
Hanh vi chap hanh lao dong	44.3375	30.836	.563	.653
Hanh vi chap hanh lao dong	44.2275	30.557	.636	.646
Hanh vi chap hanh lao dong	44.2825	30.048	.647	.642
Hanh vi chap hanh lao dong	44.2250	31.017	.643	.649
Hanh vi chap hanh lao dong	45.3875	36.068	.055	.708
Hanh vi chap hanh noi quy	45.1775	33.555	.261	.689
Hanh vi chap hanh noi quy	45.1175	34.164	.246	.690
Hanh vi chap hanh noi quy	44.9400	33.029	.425	.673
Hanh vi chap hanh noi quy	45.1025	33.917	.413	.677
Hanh vi chap hanh noi quy	44.5775	32.084	.407	.671
Hanh vi chap hanh noi quy	45.4325	36.482	.007	.713

2.4. CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN TYT VỀ HVPT VÀ HVCHHPT

2.4.1. Yếu tố niềm tin của phạm nhân vào tương lai

Reliability Statistics

Cronbach's Alpha	Cronbach's Alpha Based on Standardized Items	N of Items
.730	.722	6

Item-Total Statistics

	Scale Mean if Item Deleted	Scale Variance if Item Deleted	Corrected Item-Total Correlation	Cronbach's Alpha if Item Deleted
Niem tin pham nhan vao tuong lai	12.0175	6.629	.716	.610
Niem tin pham nhan vao tuong lai	12.1450	6.821	.695	.619
Niem tin pham nhan vao tuong lai	12.1250	6.435	.714	.607
Niem tin pham nhan vao tuong lai	12.0375	7.309	.671	.636

Niem tin pham nhan vao tuong lai	11.1550	10.658	-.132	.840
Niem tin pham nhan vao tuong lai	11.9200	8.781	.271	.743

2.4.2. Yếu tố ảnh hưởng giữa phạm nhân với phạm nhân

Reliability Statistics

Cronbach's Alpha	Cronbach's Alpha Based on Standardized Items	N of Items
.500	.483	12

Item-Total Statistics

	Scale Mean if Item Deleted	Scale Variance if Item Deleted	Corrected Item-Total Correlation	Cronbach's Alpha if Item Deleted
Anh huong giua pham nhan - pham nhan	31.7850	18.550	-.450	.621
Anh huong giua pham nhan - pham nhan	30.6825	12.137	.476	.389
Anh huong giua pham nhan - pham nhan	30.5625	12.482	.454	.401
Anh huong giua pham nhan - pham nhan	30.6800	12.474	.448	.402
Anh huong giua pham nhan - pham nhan	30.8875	13.273	.296	.448
Anh huong giua pham nhan - pham nhan	31.7400	16.133	-.113	.557
Anh huong giua pham nhan - pham nhan	30.5725	13.920	.232	.468
Anh huong giua pham nhan - pham nhan	30.6725	13.594	.302	.450
Anh huong giua pham nhan - pham nhan	30.5450	12.615	.478	.400
Anh huong giua pham nhan - pham nhan	31.0250	13.889	.274	.458
Anh huong giua pham nhan - pham nhan	30.6500	15.536	-.027	.536
Anh huong giua pham nhan - pham nhan	30.1825	15.027	.070	.509

2.4.3. Yếu tố ảnh hưởng giữa phạm nhân với gia đình

Reliability Statistics

Cronbach's Alpha	Cronbach's Alpha Based on Standardized Items	N of Items
.720	.731	12

Item-Total Statistics

	Scale Mean if Item Deleted	Scale Variance if Item Deleted	Corrected Item-Total Correlation	Cronbach's Alpha if Item Deleted
Anh huong giua gia dinh-pham nhan	21.4375	27.901	-.128	.769
Anh huong giua gia dinh-pham nhan	21.6625	25.557	.138	.730
Anh huong giua gia dinh-pham nhan	21.8775	26.434	.025	.746
Anh huong giua gia dinh-pham nhan	22.1825	23.348	.434	.691
Anh huong giua gia dinh-pham nhan	21.8650	23.952	.366	.700
Anh huong giua gia dinh-pham nhan	21.9650	23.407	.365	.700
Anh huong giua gia dinh-pham nhan	21.8725	22.944	.419	.692
Anh huong giua gia dinh-pham nhan	22.0225	21.456	.582	.667
Anh huong giua gia dinh-pham nhan	22.2325	22.981	.500	.683
Anh huong giua gia dinh-pham nhan	21.9625	22.056	.560	.673
Anh huong giua gia dinh-pham nhan	22.0450	22.284	.586	.671
Anh huong giua gia dinh-pham nhan	22.0500	22.378	.584	.672

2.4.4. Yếu tố ảnh hưởng giữa phạm nhân với cán bộ trại giam

Reliability Statistics

Cronbach's Alpha	Cronbach's Alpha Based on Standardized Items	N of Items
.558	.541	12

Item-Total Statistics

	Scale Mean if Item Deleted	Scale Variance if Item Deleted	Corrected Item-Total Correlation	Cronbach's Alpha if Item Deleted
Anh huong giua can bo-pham nhan	25.0950	13.976	.539	.464
Anh huong giua can bo-pham nhan	24.8975	12.363	.703	.401
Anh huong giua can bo-pham nhan	25.0175	13.356	.574	.446
Anh huong giua can bo-pham nhan	24.9000	12.642	.694	.411
Anh huong giua can bo-pham nhan	25.0350	13.187	.664	.429
Anh huong giua can bo-pham nhan	23.8400	17.192	-.014	.590
Anh huong giua can bo-pham nhan	24.7875	16.604	.078	.569
Anh huong giua can bo-pham nhan	23.9575	17.815	-.093	.602
Anh huong giua can bo-pham nhan	24.9075	16.796	.055	.573
Anh huong giua can bo-pham nhan	24.6925	16.770	.030	.583
Anh huong giua can bo-pham nhan	24.3350	18.945	-.253	.629
Anh huong giua can bo-pham nhan	24.9300	17.439	-.047	.597

PHỤ LỤC 3 : CÁC LỖI VI PHẠM NỘI QUY, QUY CHẾ TRONG KHI CHẤP HÀNH HÌNH PHẠT TÙ TẠI TRẠI GIAM

STT	Hành vi vi phạm	STT	Hành vi vi phạm
1	Đánh đồng phạm	24	Lấy trộm phiếu lưu ký
2	Chống lệnh cán bộ	25	Sử dụng điện thoại di động trái phép
3	Nhận tiền ngân sách trái phép từ gia đình	26	Quan hệ với dân trái phép
4	Đánh bài trong buồng giam	27	Cắt giấu điện thoại trái phép
5	Cắt đầu vật cấm	28	Tắm trong buồng giam
6	Sử dụng thuốc	29	Sử dụng vật cấm trong buồng giam
7	Cắt đầu điện thoại di động	30	Chống đối lao động
8	Viết thư trái phép với nội dung vu khống cán bộ	31	Uống rượu
9	Sang khu giam khác	32	Tự hủy hoại thân thể
10	Lưu giữ tiền ngân	33	Chây lười lao động
11	Mang thuốc tân dược trái phép vào trại giam	34	Đánh bạc trong buồng giam
12	Tự ý rời khỏi khu giam giữ	35	Tuyệt thực đòi ưu sách
13	Trêu rào khu giam	36	Gửi thư trái phép
14	Vô lễ với cán bộ	37	Sử dụng trái phép thuốc tân dược
15	Gây mất trật tự trong nhà giam	38	Cho vay tiền lưu ký (nặng lãi)
16	Săm trổ lên thân thể phạm nhân khác	39	Bao che việc làm sai của phạm nhân khác
17	Gửi thư trái phép	40	Đun nấu trong buồng giam
18	Sử dụng vật cấm trong buồng giam	41	Tự hủy hoại cơ thể (cắt ven)
19	Hủy hoại thân thể người khác	42	Bắt phạm nhân cùng buồng tự vả vào mặt
20	Trốn khỏi hiện trường lao động	43	Tự ý đổi buồng giam
21	Tự ý rời khỏi vị trí lao động	44	Tự ý thay đổi, sửa chữa quần áo được phát
22	Gọi hỏi sang buồng giam khác	45	Nằm không đúng vị trí trong buồng giam
23	Quan hệ trái phép với phạm nhân khác	46	

Các lỗi trên được nhóm thành các nhóm lỗi vi phạm sau:

1. Đánh nhau
2. Quan hệ trái phép (với dân, với phạm nhân đội khác...)
3. Cắt đầu vật cấm
4. Tàng trữ tiền ngân
5. Các hành vi liên quan đến ma túy (mang ma túy vào trại giam, sử dụng ma túy trong trại giam, bán ma túy trong trại giam....)
6. Sử dụng điện thoại
7. Các hành vi khác (chống lệnh cán bộ, đánh bạc trong trại giam, viết thư trái phép, tự rời khỏi khu giam, nơi lao động, trêu rào khu giam, gây mất trật tự...).

PHỤ LỤC 4: KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU LỊCH SỬ CUỘC

(Nghiên cứu 20 phạm nhân ở 4 trại giam khác nhau)

MỤC LỤC

1. Phòng vấn trường hợp: Ph.H.N (giới tính: Nam)	222
2. Phòng vấn trường hợp: Tr.X.H (Giới tính: Nam).....	84
3. Phòng vấn trường hợp: H.M.T (Giới tính: Nam)	229
4. Phòng vấn trường hợp: Ng.V.L (Giới tính: Nam).....	230
5. Phòng vấn trường hợp: Ng.Th.H (Giới tính: Nữ).....	233
6. Phòng vấn trường hợp: Tr.A.N (Giới tính: Nam).....	236
7. Phòng vấn trường hợp: H.Ph.Tr.C (Giới tính: Nam).....	240
8. Phòng vấn trường hợp: D.Ng.Th (Giới tính: Nam).....	243
9. Phòng vấn trường hợp: Ph.Th.TH (Giới tính: Nam)	246
10. Phòng vấn trường hợp: Ng.Th.Kh (Giới tính: Nữ).....	248
11. Phòng vấn trường hợp: Ng.H.T (Giới tính: Nam).....	249
12. Phòng vấn trường hợp: Ng.V.Ph (Giới tính: Nam)	252
13. Phòng vấn trường hợp: V.V.Đ (Giới tính: Nam).....	254
14. Phòng vấn trường hợp: Ph.T.A (Giới tính: Nữ)	255
15. Phòng vấn trường hợp: Ng.Th.H (Giới tính: Nữ).....	256
16. Phòng vấn trường hợp: Tr.V.V (Giới tính: Nam).....	258
17. Phòng vấn trường hợp: Đ.Đ.A (Giới tính: Nam).....	262
18. Phòng vấn trường hợp: Tr.Th.H (Giới tính: Nữ).....	265
19. Phòng vấn trường hợp: Ng.V.H (Giới tính: Nam).....	266
20. Phòng vấn trường hợp: Ng.H.C (Giới tính: Nam).....	267

1. Phòng vấn trường hợp: Ph.H.N (giới tính: Nam)

Thời gian: Tháng 9 năm 2012

Địa điểm: Trại giam Ngọc Lý - Bắc Giang

Người được phỏng vấn: Ph.H.N

Người phỏng vấn: N.H.T

Họ và Tên: Ph. H. N (giới tính: Nam), sinh năm: 1980, học vấn 7/12.

HKĐKTT: quận Đống Đa - Hà Nội

Can tội: Mua bán trái phép chất ma túy.

Ngày bắt: 4/4/2008, án phạt 12 năm, đang chấp hành hình phạt tù tại trại giam Ngọc Lý - tỉnh Bắc Giang.

Tóm tắt hành vi phạm tội theo bản án

N là đối tượng nghiện ma túy và thường mua ma túy về để bán lại cho các đối tượng nghiện khác để kiếm lời. Sáng ngày 4 tháng 4 năm 2008, N đã chở P (là người tình của N) trên đường đi bán ma túy thì bị lực lượng công an quận Đống Đa bắt giữ.

Lịch sử cuộc đời

Sau đây tôi xin tự bạch đôi lời về cuộc đời tôi: Tôi sinh ra trong một gia đình hoàn cảnh kinh tế không quá khó khăn. Nhà tôi có 4 người gồm: bố mẹ, em gái và tôi. Bố mẹ tôi kinh doanh buôn bán vòng bi nên cuộc sống của tôi từ bé luôn tương đối đầy đủ. Mẹ tôi là người phụ nữ nhanh nhẹn tháo vát, còn bố tôi là người đàn ông năng động lắm tài và có rất nhiều nghề trong tay, nếu bố tôi không cục cằn thô lỗ và nóng tính, không hay đánh đập mẹ tôi thì có lẽ giờ này bố mẹ tôi vẫn còn ở bên nhau và cuộc đời tôi cũng không như ngày hôm nay. Bố mẹ tôi chia tay nhau năm tôi lên 6 tuổi, em gái tôi được 4 tuổi. Và cuộc đời tôi bắt đầu xáo trộn từ đây. Lúc ra tòa mẹ nhận nuôi cả 2 anh em tôi nhưng bố tôi không đồng ý và tòa án phân chia mỗi người nuôi một người. Tôi về sống cùng mẹ còn em gái sống cùng bố tôi. Cũng

trong năm đó mẹ xin cho tôi học lớp 1 tại trường Cát Linh gần nhà bà ngoại tôi. Từ ngày tôi sống với mẹ, bố vẫn thỉnh thoảng lên thăm tôi và gặp mẹ để níu kéo mẹ suy nghĩ lại và quay trở về nhưng mẹ nhất quyết không quay lại và đi theo một người đàn ông khác. Bố tôi cũng vì quá yêu mẹ mà chuyển thành sang hận mẹ. Đến cuối năm lớp 1 vào lúc tôi được nghỉ hè thì tôi bị ốm một trận nằm ở nhà bà ngoại, lúc đó bố có lên chơi vô tình nhìn thấy tôi bị ốm mà không có mẹ ở nhà, bố liền tức giận chửi rửa mẹ ầm ĩ cả phố nhà bà ngoại, tôi vẫn còn nhớ mãi trong ký ức tuổi thơ mình bận đó, bố liền thu xếp hết quần áo và bế tôi về nhà bà nội nơi bố tôi và em gái sinh sống. Nói là về ở với bố nhưng thực chất là hai anh em tôi sống trong sự bao bọc của ông bà nội thì đúng nghĩa hơn. Từ ngày bố mẹ tôi bỏ nhau bố tôi trước chịu khó làm ăn bao nhiêu nay lại sinh ra chán nản suốt ngày cờ bạc rượu chè thâu đêm suốt sáng. Nói là sống với bố nhưng có mấy khi bố có ở nhà đâu, cứ chiều chiều hai anh em tôi lại chơi đầu ngõ nhà bà nội để ngóng bố về ăn cơm. Có hôm bố về ăn xong chốc lát rồi bố lại bỏ đi ngay, tôi khóc, em gái khóc chạy theo bảo bố đừng đi, bố lừa bố đi một tí rồi bố về ngủ cùng hai anh em mà có mấy khi thấy bố về đâu. Bà nội mắng bố suốt ngày mãi chơi bời không chịu làm ăn quan tâm đến anh em tôi. Nói mãi bố vẫn thế, bà thương hai anh em tôi thiếu thốn tình thương của cha mẹ thành ra bà vừa làm bố vừa làm mẹ chiều chuộng chăm sóc anh em tôi hết mức có thể. Cuộc sống gia đình bà nội đều trông vào gánh bún ngan mà bà phải dậy từ 4 giờ sáng cặm cụi cần mẫn nuôi sống ông bà và bác trai tôi nay lại thêm 3 bố con tôi nữa. Mẹ cũng thỉnh thoảng ghé qua thăm anh em tôi và đưa cho bà ít tiền gọi là đỡ dần hết trách nhiệm xong rồi mẹ lại đi. Bố đi biệt lập, mẹ cũng chẳng đoái hoài gì mấy, anh em tôi lớn lên trong tình thương của ông bà nội. Rồi đến năm lớp 4 tôi lên 9 tuổi thì bố tôi lấy người đàn bà khác và là mẹ kế của tôi bây giờ. Bà tôi cũng vừa mừng vừa lo, mừng là từ nay có người thay bà đỡ dần chăm sóc 3 bố con tôi, nhưng bà cũng lo không biết liệu mẹ kế có đối xử tốt và thương yêu anh em chúng tôi như chính con đẻ không? và bà cũng đồng ý cho bố tôi lấy người mẹ kế này và bà mua cho bố tôi 1 căn nhà riêng để bố tôi ổn định cuộc sống sau này. Tôi lại có cuộc sống mới, một gia đình mới gồm 5 người, 3 bố con tôi, mẹ kế và con riêng của bà cũng bằng tuổi tôi nhưng là con gái. Từ ngày lấy vợ bố cũng chăm chỉ kiếm tiền lo cho gia đình. Cuộc sống cũng dần đi vào ổn định, những chuyện vặt vãnh trẻ con xích mích trong anh em tôi và con riêng của bà mẹ kế xảy ra như cơm bữa là điều khó tránh, mẹ kế thì vẫn là mẹ kế mà thôi không bao giờ là người rút ruột để ra mình được, lúc nào tôi cũng là người sai không bao giờ đúng. Tôi không thể nhớ nổi bao nhiêu lần bị bố đánh vì những chuyện không đầu không cuối đây. Rồi tôi vào lớp 5 do sức học kém nên bố cho tôi ở nhờ nhà ông anh ruột của bà nội mà bố tôi phải gọi là bác ruột. Vậy là tôi phải chuyển trường. Đó là trường Nhân Chính nơi tôi học cuối cấp 1 và đầu cấp 2. Hết lớp 6 tôi lại chuyển về trường Cát Linh ngày xưa để học lớp 7. Còn bây giờ tôi xin nói lại quá trình học lớp 5 và 6 ở Trường Nhân chính thì được sự kèm cặp của ông bà bác của bố thì tôi học rất tốt nếu không nói là giỏi thì hơi quá vì ông bà cũng là nhà giáo ngày xưa nên ông bà cũng nhận dạy học thêm cho rất nhiều học sinh đến học cả ngày ở đó, tôi bắt đầu một cuộc sống xa nhà, phải ở hẳn nhà ông bà để học. Tất cả mọi sinh hoạt ăn uống và tiền đóng học phí thì hàng tháng bố tôi gửi cho ông bà, cứ chiều thứ 7 cuối tuần thì bố mới lên đón tôi về thăm nhà rồi đến sáng thứ 2 lại đưa tôi thẳng đến trường. Ở nhà ông bà tôi ngủ với bác trai, hồi đó bác ý mới ngoài 20 nên hay đi chơi về muộn, lắm lúc tôi nằm ngủ một mình chờ mãi đến gần 11 giờ đêm rồi mà bác vẫn chưa về, nằm trong căn phòng rộng đã sợ ma thì chớ mà ông bà bắt tắt đèn làm sao mà có thể chợp mắt được, thành ra cứ phải chờ bác về thì mới ngủ ngon được. Tuổi thơ tôi cứ thế trôi qua trong sự thiếu thốn tình cảm của cha mẹ, có nhà mà cũng không được ở cùng bố mẹ. Nay bà ngoại, mai bà nội, rồi có nhà riêng của bố lại phải ở nhà ông bà bác của bố, nhìn người ta có cha mẹ quan tâm tôi thấy tủi thân vô cùng. Và đến năm lớp 7 mẹ lại đón tôi về ở cùng mẹ, lại chuyển về trường Cát Linh, mẹ cũng có nhà riêng nhưng lại gửi tôi ở nhà bà ngoại vì nhà mẹ xa trường nên tiện cho việc đi học tôi đành phải ở nhà bà ngoại. Vì bận cuộc sống riêng của mẹ, mẹ cũng phó thác lại cho ông bà, cùng các cậu các dì, nhà bà ngoại tôi đông người, bà ngoại tôi có 11

người con, trên mẹ có 2 bác trai và gái còn dưới mẹ tôi thì toàn các cậu các dì cả, cũng chẳng ai quan tâm quản lý tôi. Tôi cần tiền thì mẹ đáp ứng, cũng chẳng cần biết tôi học hành ra sao, cũng chẳng ai kèm cặp sát sao nên tôi bắt đầu hư từ lúc ở với mẹ. Tôi suốt ngày trốn học tụ tập công trường đánh nhau, tập hút thuốc lá, uống rượu, cái gì hư đều xâm nhập vào đầu tôi hết, bỏ tiết học nhiều quá bị cô giáo mời phụ huynh, tôi nhờ cả ông xích lô giả làm bố lên để gặp cô giáo. Nói chung tôi là học sinh cá biệt phải đúp lại lớp 7. Thấy tôi học hành như thế bố lại lên đón tôi về ở với bố và học lại lớp 7. Nhưng cũng bắt đầu của sự chai lì vì đòn roi của bố đối với tôi, tôi đã hư rồi, vẫn bỏ học, vẫn đàn đúm chơi bời về nhà tìm mọi cách nói dối, nhưng vẫn bị bố đánh, mai tôi lại vẫn thế. Cuối năm đó tôi lại lưu ban ở lại lớp 7 và tôi cũng xin bố là không đi học nữa mà đi học nghề. Năm tôi 15 tuổi tôi học nghề cửa hoa cửa xếp là nghề đầu tiên trong đời tôi, nhưng tôi lại không được ở nhà cùng bố mà bố lại gửi tôi sang Đông Anh nhà chú họ là em họ với bố. Bố muốn cách ly xa cho tôi ở hẳn bên Đông Anh nửa tháng mới cho tôi về thăm nhà 1 lần, cho tôi vừa học nghề vừa để quên hết những thói hư tật xấu nơi thành phố. Ở bên Đông Anh được một năm tôi không chịu nổi cuộc sống tẻ nhạt buồn chán của vùng ngoại thành nên tôi liền bắt xe khách trốn về Hà Nội, nhưng tôi không dám về nhà mà lang thang đi bụi tụ tập cùng đám bạn cũ. Chú tôi gọi điện về báo bố tôi và bố tôi đi tìm tôi khoảng chục ngày sau mới tóm được tôi ở ngoài ga Trần Quý Cáp và lôi tôi về đánh cho một trận thừa sống thiếu chết và xích chân tôi lại, ở nhà được thời gian tôi lại bỏ đi, hết tiền tôi ra chợ mẹ bán hàng để xin tiền tiêu, mẹ thấy xin nhiều thì không cho, mẹ không đưa thì tôi lấy trộm của mẹ, có tiền tôi lại đi bụi, bố đi tìm chán, đánh chán rồi bởi tôi quá lý lợm thành ra cũng mặc kệ, hết tiền tôi lại về. Cuộc sống của tôi cứ thế trôi qua, năm 2000 tôi đã thử hút Hêrôin do thằng bạn mời. Hút mãi thành nghiện, mật độ xin tiền mẹ nhiều hơn, nhìn thân hình tiều tụy gầy còm mẹ cũng sinh nghi, mới đầu mẹ không biết nhưng về sau mẹ cũng biết và không thể giấu được nữa nên tôi cũng báo mẹ cho tôi cai, mẹ đưa tôi vào trung tâm cai nghiện của tư nhân cai tự nguyện, lần đầu tiên cai cũng không quá khó khăn vì lúc đó tôi mới nghiện nên cũng không thấy khó cai lắm, được một thời gian ngắn coi thường tác hại của ma túy tôi lại chơi lại, và lần cai này vất vả hơn 1 tý, rồi những lần sau lại khó hơn nữa, tôi cứ cai xong lại nghiện, nghiện lại cai được khoảng 2 năm sau đến năm 2002 thì tôi bị công an phường nơi tôi ở với bố bắt đi cai nghiện bắt buộc tại trung tâm cai nghiện 06 Ba Vì. Lúc ở trung tâm tôi cũng tự hứa với bản thân mình phải đoạn tuyệt hẳn với ma túy để sau này về làm lại cuộc đời. Đến khi mãn hạn tù về, quyết tâm là thế nhưng cũng chỉ được 3 tháng là đến tháng 10 năm 2003 tôi lại nghiện lại. Lúc mới ở trung tâm về thì tôi bắt đầu về nhà bố ở dưới Nam Đồng và hàng ngày thì lên phố Hàng Cháo nơi mẹ bán hàng để mẹ dạy cho buôn bán kinh doanh, thời gian đầu mới về tôi cũng chăm chỉ quyết tâm sửa đổi bản thân và tu chí làm ăn lắm, bắt đầu có sự tin tưởng của mọi người trong gia đình nội ngoại, có tiền rủng rỉnh tôi lại lồi cũ ta về, được 3 tháng sau khi ra trại tôi chính thức nghiện lại, lúc này trong gia đình nội ngoại đều nhìn tôi bằng ánh mắt không mấy thiện cảm, chỉ còn ngoài mẹ và bà nội còn curu mang cho tiền dăm dúi, mỗi lần cho tiền là mỗi lần mẹ chửi mắng không tiếc lời còn bà không nỡ mắng tôi vì bà cũng biết cuộc đời tôi có như ngày hôm nay cũng là do một phần lỗi của bố mẹ tôi, sống có bố mà không có mẹ, có mẹ mà không có bố thành ra thiếu thốn sự chăm sóc giáo dục anh em tôi mới ra nông nổi như ngày hôm nay mà thôi, bà vẫn khuyên bảo tôi nhẹ nhàng cố gắng bỏ đi còn có tương lai cháu ạ. Rồi tôi lại xin mẹ cho đi cai trung tâm tư nhân, lần này tôi quyết tâm lắm rồi phải cai cho bằng được để cho bà nội và mẹ đỡ khổ về tôi vì tôi chỉ có bà nội là người luôn luôn che chở bảo vệ bệnh vực tôi, còn mẹ thì thương tôi theo cách riêng, có như thế nào thì mẹ vẫn là người sinh ra tôi trên cõi đời này. Còn tôi và bố thì không bao giờ ngồi nói chuyện với nhau được quá 5 phút, cứ có bố ở nhà thì tôi bỏ đi, bố đi thì tôi mới về, hai bố con như nước với lửa nói chung là không hợp. Sau khi cai được 1 tháng tự nguyện tôi lại về ở với bố và lại lên chợ buôn bán cùng mẹ. Đến đầu năm 2004 chính thức vào ngày 1/4/2004 tôi quen một người con gái và yêu sau này là vợ của tôi bây giờ. Lúc này là tôi đã đoạn tuyệt hẳn với ma túy, tôi còn đang uống thuốc chống tái nghiện của bệnh viện

Bạch Mai theo chương trình của bệnh viện, cứ đúng 8 giờ sáng là có mặt ở bệnh viện để y tá phát thuốc uống xong rồi về chợ bán hàng. Uống trong vòng 6 tháng liên tục ngày nào cũng uống không được bỏ kể cả mưa bão cũng phải lên viện để uống thuốc. Đây cũng là thời gian tôi bỏ hẳn ma túy vì tôi có niềm vui trong cuộc sống, tôi có vợ kèm cặp tôi vì tình yêu của vợ dành cho tôi và tương lai nên tôi quyết tâm nhiều lắm. Sau đợt điều trị chống tái nghiện 6 tháng của bệnh viện Bạch Mai tôi đã thay đổi rất nhiều, mọi người rất mừng cho tôi thấy tôi béo tốt hồng hào ai cũng mừng. Lúc này ai cũng muốn tôi lấy vợ để cho yên bề gia thất, nhưng phía gia đình vợ tôi ngăn cản không cho vợ tôi qua lại với tôi vì tai tiếng ở phố tôi ở gia đình vợ đều biết hết, nhà vợ tôi ở gần nhà tôi mà cách nhau chưa đầy cây số nên biết hết tiểu sử của tôi. Nhưng càng ngăn cản vợ tôi càng quyết tâm đến với tôi nhiều hơn, thôi thì trời không chịu đất thì đất cũng phải chịu trời mà, bố mẹ vợ cuối cùng cũng đành đồng ý với bố tôi và mẹ kế sang nói chuyện cho 2 đứa tôi qua lại. Và ngày Noel năm 2005 tôi chính thức cưới vợ, đám cưới của tôi tổ chức tại nhà, nhưng không có mặt của mẹ vì bố hận mẹ nên không cho mẹ đến. Chỉ có thiếu mỗi mẹ không được chứng kiến ngày hạnh phúc của tôi thôi, còn bà nội thì khỏi phải nói là bà vui mừng biết nhường nào khi thằng cháu đích tôn của bà cũng đã có gia đình. Tôi là cháu đích tôn vì anh ruột bố tôi không có con trai mà có 2 đứa con gái, tôi cháu thứ thành cháu trưởng. Lấy vợ xong mẹ bảo 2 vợ chồng lên buôn bán ở chỗ mẹ, vợ tôi lúc đó đang bán mỹ phẩm cho 1 công ty Hàn Quốc thành ra có mỗi mình tôi lên chợ bán hàng. Cuộc sống vợ chồng tôi cứ êm đềm trôi đi như thế nếu không có 1 lần đầu năm 2006 tôi trốn vợ đi chơi lên sân nhảy vì lúc đó vợ tôi đang mang bầu đứa con trai đầu của tôi, tối hôm đó tôi lên sân nhảy cùng đám bạn dự sinh nhật thằng bạn thân của tôi, không biết nó mua thuốc lắc lúc nào khi mọi người đông đủ hết rồi nó mới lấy trong túi quần bỏ ra và để vào đĩa hạt dưa và bảo ai cắn được bao nhiêu viên thì cứ thoải mái, nó quay sang hỏi tôi có bay không, không hiểu sao trí tò mò nó lại thôi thúc tôi phải cắn kẹo để cho biết mùi thế nào là thuốc lắc. Đây là lần đầu tiên trong đời tôi biết thế nào là thuốc lắc, cái cảm giác phê phê lâng lâng quay cuồng theo điệu nhạc nó làm tôi hưng phấn đến tột cùng, bỏ được Hêrôin tôi lại tìm niềm vui sang một thú chơi mới, có lần một ắt có lần hai chơi mãi cũng thành quen, thành thích nên không có thì nhớ như thiếu cái gì đó, nó không như Hêrôin không có thì vật vờ, người ngơ mớ mớ nhưng thuốc lắc thì khác nó là thú chơi sành điệu bây giờ như thể hiện đẳng cấp dân chơi. Khi có niềm vui chết người này tôi kiếm được bao nhiêu tiền đều đem lên sân thác loạn nhảy nhót hết, đắm chìm trong những tia đèn Laze, quay cuồng theo điệu nhạc chất chúa. Hôm đưa em này, mai đi em khác, khách sạn nhà nghỉ là bến đỗ cuối cùng của tôi, vợ tôi lúc đầu còn nhẹ nhàng khuyên bảo và sau có to tiếng cũng thấy tôi chẳng thay đổi nên cũng phát chán cũng chẳng buồn nói hay góp ý nữa. Vợ tôi sinh 2 đứa con đều không có mặt tôi ở nhà đưa đi mà toàn là bố tôi bắt taxi đưa vợ đi đẻ, đến khi nhắn tin đẻ rồi tôi mở máy di động mới biết vợ đẻ đang nằm trong viện mới mò vào viện chăm vợ, lần đầu vợ đẻ đứa con trai tôi vừa vào với vợ thì gặp 2 bà mẹ, một là mẹ vợ và 2 là mẹ tôi mắng cho tôi té tát cái tội mãi chơi còn tắt máy gọi mãi mà không được, đến lần thứ 2 sinh đứa con gái thì khi nhìn thấy mặt của tôi là 2 bà chỉ còn biết mà lắc đầu ngao ngán thở dài. Nói mãi vẫn thế, vợ tôi chiến tranh lạnh với tôi, mặc kệ tôi muốn về thì về đi thì đi kệ. Cưới nhau hơn 2 năm thời gian tôi ở nhà thì chẳng là mấy, tôi như con ngựa bất kham không ai thuần hóa được. Lắm lúc tôi cũng tự nghĩ không hiểu vợ tôi yêu tôi cái điểm gì nhỉ? Chắc là yêu cái điểm gì đấy thì mới chịu đựng được đến bây giờ chứ còn không thì chắc chia tay lâu rồi, mà tôi cũng chẳng hiểu nổi vợ tôi sao lại yêu tôi đến thế, cái gì xấu nhất tôi cũng có, nào là đầu tiên nghiện ngập, cờ bạc, rượu chè, bay lắc, gái gú.

Cũng chỉ vì gái gú mà tôi có bản án tù như ngày hôm nay vì tội mua bán trái phép chất ma túy, số hàng trắng đó cũng không phải của tôi mà là của đứa con gái kia, tôi cả nó cặp kè với nhau thuê nhà ở, hai đứa cùng chung sở thích là bay lắc, có bán Hêrôin từ trước tôi cũng biết nhưng cũng không quan tâm vì tôi cũng chẳng liên quan đến chuyện làm ăn của nó, tôi có nguồn thu nhập riêng của tôi là cửa hàng kinh doanh vòng bi, chẳng liên quan đến kinh tế của

nhau, đến với nhau chỉ là thú vui thân xác sau mỗi trận đi bay về. Cặp với nó được khoảng 5 tháng có đúng 2 lần đèo nó đi đưa hàng cho khách cùng nó, và khi bị bắt thì trở thành đồng phạm với nó là như thế. Tôi bị bắt đầu tháng 4/2008 cho đến bây giờ là cuối năm 2012 cũng được gần 5 năm rồi, thời gian cải tạo ở trong trại giam tôi cũng suy nghĩ rất nhiều về cuộc đời mình, như thế cũng quá đủ để mình sau này khi bước chân ra trại phải suy nghĩ lại. Khi tôi bị bắt đứa lớn mới gần 2 tuổi, đứa nhỏ mới có được 8 tháng còn đang ẵm ngửa, đến lúc về 2 đứa đều cấp sách tới trường rồi, tuổi thơ tôi đã sống thiếu thốn tình cảm rồi, tôi không thể để 2 đứa con tôi giống tôi ngày xưa, cái tôi ân hận nhất là không được gặp mặt bà nội và ông nội lần cuối trước lúc nhắm mắt lìa xa cõi trần, ra đi mà lòng bà không được thanh thản vẫn luôn nhắc về tôi, lúc nào bà cũng lo cho tôi, lúc bé đến khi lớn trưởng thành rồi lấy vợ sinh con mà bà vẫn không thôi lo lắng cho thằng cháu đích tôn hư đốn mãi chơi này. Tôi cũng đã tự hứa với lòng mình sau này trở về tôi sẽ thay đổi, phải thay đổi để cho bà được mỉm cười nơi chính suối, còn bây giờ nằm trong trại giam tôi luôn nỗ lực cố gắng cải tạo tốt không vi phạm nội quy quy định của trại giam. Hàng ngày nằm ngủ vắt tay lên trán suy nghĩ về gia đình vợ con mà tôi đã không làm tròn trách nhiệm người chồng, người cha, để dồn hết lên đôi vai gầy của vợ, vừa phải thăm nuôi tiếp tế cho chồng, lại phải chăm sóc 2 đứa con nhỏ và phụng dưỡng bố chồng ở nhà, tôi cảm thấy vừa phục vừa thương vừa thấy không xứng với tình yêu của vợ dành cho tôi. Tôi thấy đã làm mất hết niềm tin vào mọi người thân trong gia đình. Nhưng đây cũng là động lực thúc đẩy tôi trong quá trình cải tạo để tôi cố gắng và sớm được hưởng chính sách khoan hồng của Đảng và nhà nước, trở về đoàn tụ cùng gia đình xây dựng hạnh phúc và hướng về một tương lai tươi sáng./.

2. Phỏng vấn trường hợp: Tr.X.H (Giới tính: Nam)

Thời gian: Tháng 9 năm 2012

Địa điểm: Trại giam Ngọc Lý - Bắc Giang

Người được phỏng vấn: Tr.X.H

Người phỏng vấn: N.H.T

Họ và tên: Tr.X.H (giới tính: Nam), sinh năm: 1954

Quê quán: Xuân Lai – Gia Bình – Bắc Ninh

Chỗ ở hiện tại trước khi bị bắt: Xuân Lai – Gia Bình – Bắc Ninh

Bị bắt ngày: 25/2/2009

Tội danh: Mua bán trái phép ma túy và Chứa chấp sử dụng trái phép ma túy

Án phạt: 15 năm tù

Lên trại: 4/9/2009

Hiện đang chấp hành án tại trại giam Ngọc Lý - Bắc Giang

Lịch sử cuộc đời

Tôi sinh ra và lớn lên trong một gia đình có truyền thống cách mạng và hiếu học. Cha tôi là cán bộ quân đội tham gia cách mạng từ trước năm 1945. Mẹ tôi cũng vậy, thay chồng ở nhà làm ruộng nuôi con. Tôi được lớn lên trong khi miền Bắc được hòa bình, tuy kinh tế còn nhiều khó khăn song với lòng hiếu học từ nhỏ nên tôi đã hoàn thành hết lớp 10 phổ thông. (Ngày xưa là lớp 10). Sau khi học hết lớp 10, đất nước còn chiến tranh, năm 1971 theo lời kêu gọi của Đảng, Bác Hồ, sau khi thi đại học thì tôi xung phong đi thanh niên xung phong. Sau 3 năm tôi quay về trường Đại học Y Hà Nội khi đất nước đã sạch bóng quân thù. Tự hào về những đóng góp của mình cho đất nước. Tôi lao vào học tập say sưa nhằm tiếp thu kiến thức để sau này có thể phục vụ nhiều cho dân, cho nước. Những năm tháng học tập và sinh sống tại thủ đô Hà Nội, tôi mới thấy một điều là những công nhân ở các tỉnh lẻ thật là thiệt thòi về nhiều mặt. Nên tôi quyết tâm phải ở lại Hà Nội công tác và xây dựng gia đình làm nền tảng cho các thế hệ sau này. Tôi đã làm được điều ấy bằng việc lấy vợ vàng một cô vợ ở Hà Nội và về Sở y tế Hà Nội công tác. Sự thiếu chín chắn trong tình yêu đã làm tôi phải trả giá sau 10 năm chung sống chúng tôi đã có 1 cháu trai thông minh và khỏe mạnh. Chúng tôi đã ly hôn và chia tay. Tư tưởng chán nản tôi xin về quê công tác. Vì tính thẳng thắn và cương trực nên tôi

va chạm với lãnh đạo. Lại không được xếp làm việc với đúng chuyên khoa học tại trường, nên tôi càng chán nản khi thấy năng lực chuyên môn của mình không được sử dụng. Lương bổng những năm 1980 – 1990 quá thấp lại sống tự do nên tôi thấy xã hội của mình lúc bấy giờ bị đất quá. Tôi tự xem lại mình và thấy rằng. Những người có năng lực và kiến thức thì ở đâu chẳng sống nổi. Từ năm 1992 tôi làm đơn xin nghỉ một cục.

Nhân lúc cơ quan cho giảm biên chế nên đến năm 1993 tôi được cơ quan cho nghỉ chế độ về nhà. Năm 1994 tôi quyết định mở phòng khám tư nhân và xây dựng gia đình lần 2 với người vợ là giáo viên tiểu học. Cuộc sống gia đình cũng ổn định vì việc chữa bệnh của tôi đã chiếm được lòng tin của dân chúng quanh vùng. Cộng với đồng lương ít ỏi của vợ giúp chúng tôi cũng quên đi nỗi vất vả những năm tháng đã qua.

Ngày qua tháng lại, sau hơn 10 năm mở phòng khám tư nhân kinh tế ngày càng khá, vợ chồng tôi lại có thêm 2 cháu, một trai, một gái nên kinh tế phải chi thêm nhiều việc kiếm tiền để sinh hoạt càng khiến tôi suy nghĩ. Tôi tự đi học sử dụng máy siêu âm và vay thêm tiền để mua máy sử dụng, nên cũng đỡ khó khăn về kinh tế. Ở vùng quê Gia Bình – Bắc Ninh những năm đó có rất nhiều thay đổi. Nhiều lúc đi giao lưu với bạn bè, đồng nghiệp, đồng môn, tôi thấy mình thua kém về kinh tế quá. Nhìn những nhà cao tầng, những tiệm vàng lấp lánh, hay những chiếc ô tô bóng nhoáng, mà chủ nhân của nó hỏi ra là những người rất bình thường, nhưng nhờ có ma túy (buôn bán) mà có được. Có những người cách đây không lâu họ còn đón tôi xuống nhà hay đến nhà khám chữa bệnh vẫn còn đi xe đạp, nhà tranh, vách lát. Tiền thuốc còn chịu nay đã xe máy đắt tiền đi, nhà thì mua nhà đất ở thị trấn, vào sông bạc thì có thể đặt cả trăm triệu một lúc. Tôi thật bất ngờ vì sự giàu có của họ là nhờ ma túy. Tôi lại tự dần vật mình, mình có học y khó thể còn học được, thì sao mình không học làm giàu bằng ma túy như họ nhỉ, vì họ chỉ là học hết lớp 5, lớp 7 thôi. Mặt khác phòng khám tư nhân của tôi lại xuất hiện một số con nghiện đến mua xilanh để tiêm chích. Lúc đầu chỉ mua, sau đây biết tôi biết tiêm nên nhờ chích hộ, sau đến nhờ tôi mua rồi đến chích hộ. Thấy lãi suất cao lại không phải mất vốn nhiều nên tôi cứ xa dần vào tội lỗi đó, mà tôi lại xem thường pháp luật. Lợi dụng phòng khám tư nhân để hành nghề mua bán ma túy, từ chỗ mua giúp tôi thấy lợi nhuận cao nên thường xuyên liên lạc với những kẻ có Heroin để mua ít một. Bán hết xong lại mua nên không cần bỏ vốn nhiều mà vẫn lãi cao. Đồng tiền làm tôi mờ mắt quên cả việc làm đó là phạm pháp. Nhiều lần tôi đã bỏ bằng cách đi chơi thật xa nhưng khi về thì lại tiếc, mà nhu cầu những đồ dùng cần thiết như xe hơi, điều hòa, máy lạnh... khiến tôi lại tiếp tục xa lầy vào con đường kiếm tiền bằng mua bán trái phép chất ma túy, thật là sung sướng khi hết ngày tiền đếm mỗi tay, số tiết kiệm ở ngân hàng cứ dày lên mãi. Sự ham muốn vật chất sức mạnh của đồng tiền thật là mãnh liệt. Năm lần bảy lượt tôi quyết định bỏ. Anh em bạn bè khuyên can nhưng không được. Rồi cái gì đến sẽ phải đến. Màn kịch mà đạo diễn là các đồng chí Công an PC45 Bắc Ninh dựng đã kết thúc quá đẹp khi bắt quả tang tại nhà tôi có 2 con nghiện đến mua thuốc và trích tại nhà. Tôi choáng váng và xác định đây là sai lầm tất yếu của tôi phải trả là 2 tội: một là mua bán trái phép chất ma túy, hai là chứa chấp sử dụng chất ma túy, cộng lại là 15 năm tù.

Từ tháng 9/2009 tôi tới trại giam Ngọc Lý cải tạo, tuy có những giai đoạn tư tưởng bất an nhưng tôi đã nhận thấy sai lầm của mình, những hạn chế về hiểu biết pháp luật, coi thường pháp luật nên tôi phải chấp nhận, việc đầu tiên của tôi là phải an tâm, tin tưởng vào chế độ chính sách của Đảng và Nhà nước, chế độ nội quy của nhà giam, mà quên hết quá khứ, chấp nhận hiện tại. Mơ đến tương lai tươi đẹp. Mục đích là sớm trở về với gia đình và cộng đồng xã hội. Là một người ít khi phải lao động chân tay nên khi lên trại tôi rất sợ phải phân vào đội làm gạch hay xây dựng lao động nặng vì tuổi tôi sức khỏe đã giảm sút, mắt cũng đã kém nên sợ không hoàn thành định mức lao động. Tôi được cán bộ trại cân nhắc và phân về đội làm bạc, mắt kém nên tôi được cán bộ xếp cho vào bộ phận quét hộc nên tôi cũng cố gắng để hoàn thành định mức nhưng thực sự là vất vả và cố gắng nhiều khi chuyển giấy lên xe trong những ngày nóng bức người như muốn ngã khi vác giấy vất lên ô tô nhưng không giám kêu. Thử

thách ở đội bạc được một năm tôi được chuyển về giúp cho bệnh xá vì có biết ít chuyên môn. Cứ tưởng về cải tạo ở đó nhàn hơn, ít mệt hơn, xong ở đây rất phức tạp và khó khăn, nhiều khi tôi nghĩ tôi không thể vượt qua được và muốn xin chuyển đội. Nó không chỉ đòi hỏi người giúp việc phải có chút chuyên môn mà còn phải là người không ngại khó, ngại khổ, không sợ bẩn thỉu, lây bệnh mà còn phải biết thương yêu đồng phạm, chịu nhin hết lòng vì bệnh nhân thân yêu thì mới làm được công việc này. Nhìn bề ngoài thì cứ tưởng ngày hai buổi giúp cán bộ phát thuốc cho phạm nhân đi lao động xong thì về nào ngờ đâu còn phải giúp cán bộ quản lý phạm nhân, ốm báo cho trực trại xong, về bệnh xá tiếp tục tiêm chọc, thay băng, rửa vết thương cho phạm nhân giúp phạm nhân kiểm tra nhiệt độ, huyết áp để cán bộ cho thuốc, xong lại phải vào sổ thuốc của gia đình phạm nhân gửi, khi họ lấy lại phải trả cho họ đầy đủ không nhầm lẫn, không mất mát, khi có phạm nhân nào lấy thuốc phải phát cho họ đúng phác đồ điều trị hàng ngày phải cập nhật số liệu sáng chiều, quân số ốm ở hàng ốm lên C4, còn lại ở bệnh xá.

Thuốc cấp hàng ngày từng loại vào sổ cấp phát để cuối tháng tổng hợp. Ngoài giờ khi trại có phạm nhân ốm, cấp cứu người giúp cũng phải giúp cán bộ cấp cứu cùng phạm nhân không kể ngày hay đêm... công việc chuyên môn đã vậy. Vất vả nhưng cũng vui, nhanh chóng hết ngày hết tuần để mau hết án. Cái khó nữa là ở công việc cải tạo này là phải 3 cùng với phạm nhân bệnh tật đó là: cùng ăn, cùng ở và cùng buồn vui với họ. Những phạm nhân AIDS, SIDA, Lao, tâm thần, nói ra ai cũng sợ, cũng quan hệ nhưng với tôi việc tiếp xúc với họ lúc đầu tôi cũng cảm thấy sợ, xong vì lương tâm, trách nhiệm, 3 năm qua tôi đã như người lái đò đưa hết chuyên này đến chuyên khác, vui có, buồn có, bẩn thỉu có, mất ngủ có nhưng lòng tin và trách nhiệm đã giúp tôi qua được những khó khăn, thử thách này và làm cho họ yên tâm khi có tôi ở bên cạnh. Trại cải tạo là nơi để cho tôi rèn luyện tính kiên trì và biết lựa chọn mọi cách xử trí khi phải cùng một lúc giúp việc cho 4 cán bộ là quản giáo. Nếu ở đội sản xuất hay làm bạc thì chỉ có một quản giáo thôi chứ ở bệnh xá thường có từ 2 đến 3 cán bộ. Mỗi cán bộ một tính, một thói quen làm việc nên khi tôi giúp việc phải hiểu và làm quen với phong cách của từng cán bộ. Mặc dù bị quở trách nhiều, xong tôi lấy đó làm kinh nghiệm để giúp cán bộ cho tốt hơn. Hàng tháng tôi lại phải xếp loại tại đội 12 với một quản giáo mà chúng tôi ít tiếp xúc, chỉ hàng tháng mới gặp nhau một lần nên nhiều lúc mình cũng chỉ hiểu cán bộ qua giao tiếp hàng ngày mà thôi. Bởi vậy, rất khó cho công việc của người phạm nhân giúp việc cho công việc y tế tại trại giam. Những năm tháng qua là cả quá trình rèn luyện, khắc phục sai lầm của bản thân tôi đã gây ra. Tôi không ân hận gì cả vì những hy sinh hay vất vả gian khổ của mình đã làm sao bù đắp lại những hậu quả do hành vi phạm tội gây ra.

Trên đây là những tự sự của bản thân tôi từ khi còn nhỏ đến những ngày cải tạo tại trại giam Ngọc Lý. Tôi cũng có những cảm nghĩ và tự suy nghĩ rút ra bài học cho mình và kinh nghiệm cho mọi người nên lấy đó mà tránh để đỡ mắc phải. Là một công chức nhà nước. Do có những mưu cầu cá nhân mà không thể vượt qua được những khó khăn, thiếu thốn của bản thân từ đó đã buông lỏng sự quản lý của cơ quan, đoàn thể, thiếu hiểu biết về pháp luật. Do lòng tự kỷ, ganh tỵ trong cuộc sống, bất chấp pháp luật, làm ăn phi pháp để nhanh chóng làm giàu cho cá nhân dẫn đến vi phạm pháp luật phải vào trại cải tạo. Tôi cũng mong rằng mọi người đừng vì lợi ích vật chất mà vi phạm pháp luật hãy sống và làm việc theo hiến pháp và pháp luật, tự mình làm nên sự nghiệp bằng hai bàn tay và khối óc của mình thì sẽ hạnh phúc và tự hào với thành quả của mình tạo dựng nên.

Trong cuộc sống của một xã hội phải có pháp luật nó là cơ sở để mang lại sự công bằng cho mỗi công dân, trong đó có mình. Khi biết mình vi phạm pháp luật, hãy tự giác chấp hành bản án do tòa án phán quyết để yên tâm rèn luyện, tu dưỡng, tích cực lao động cải tạo, hoàn thành tốt công việc được giao. Trong trại cải tạo, thiếu thốn về tinh thần, vật chất, mọi người hãy lấy đó làm hình phạt cho mình để mình chuộc lại những lỗi lầm mà mình đã gây ra. Đoàn kết, thương yêu nhau để vượt qua những khó khăn đó, tích cực phấn đấu để được những chính sách khoan hồng của nhà nước như giảm án, khoan hồng xét tha... không nên có những hành

vì vi phạm làm ảnh hưởng đến bản thân và những người khác. Bạn hãy quên quá khứ đó, bằng lòng với hiện tại, và nghĩ về tương lai, chúng ta sẽ trở về với chính ta và gia đình. Sau những năm tháng dài cách ly với xã hội với tư cách của một công dân tốt. Đây là một bài viết về tự sự của tôi những cái được và chưa được của mình. Những bài học xương máu cho cuộc đời của một con người đáng nhẽ rất tươi đẹp nếu như sóng gió của cuộc đời không vùi dập nó.

3. Phỏng vấn trường hợp: H.M.T (Giới tính: Nam)

Thời gian: Tháng 9 năm 2012

Địa điểm: Trại giam Ngọc Lý - Bắc Giang

Người được phỏng vấn: H.M.T

Người phỏng vấn: N.H.T

Họ và tên: N.H.T (giới tính: Nam). sinh năm: 1977

HKĐKTT: Huyện Tân Yên – tỉnh Bắc Giang.

Phạm tội: Mua bán trái phép chất ma túy.

Ngày bắt: 30/6/2006, án phạt 16 năm. Hiện đang cải tạo tại đội 7 phân trại số 3 – trại giam Ngọc Lý - Bắc Giang

Tóm tắt hành vi phạm tội theo bản án

Chiều ngày 30/6/2006 T và Việt đang thuê phòng ở khách sạn Kim Long thuộc thị xã Móng Cái tỉnh Quảng Ninh, thì bị Công an ập vào bắt quả tang trong phòng có một bánh heroin.

Tóm tắt theo lịch sử cuộc đời

Tôi sinh ra ở Hà Bắc quê mẹ tôi. Đến năm 1981 tôi được 4 tuổi thì bố mẹ tôi chia tay nhau. Tôi theo Bố và Sài Gòn sinh sống (Bố tôi là thương binh, an dưỡng ở trại điều dưỡng Hà Bắc). Lúc đó tôi còn nhỏ không nhiều lắm. Tôi chỉ nhớ loáng thoáng là tôi rất buồn và khóc rất nhiều khi phải xa mẹ và em trai. Thời gian đầu, tuy là tôi rất nhớ mẹ và em nhưng bù lại tôi có cảm nhận được tình yêu thương của Bố dành cho tôi. Cho đến một ngày khi tôi sắp vào lớp 1 thì có 1 sự kiện xảy ra phần nào đó ảnh hưởng đến cuộc đời của tôi. Đó là một hôm có một người phụ nữ hay đi cũng bố tôi và nhà tôi. Tôi chưa đủ nhận thức là chuyện gì đang xảy ra chỉ biết bố tôi bảo tôi gọi là má. Tôi không đồng ý và chỉ gọi là cô nhưng không lâu sau đó bố tôi cũng được toại nguyện bằng những món đồ chơi mà thời đó vào tầm tuổi của tôi ít ai có được. Thế là tôi bằng lòng gọi là má.

Một hôm bố tôi cho tôi mặc quần áo đẹp rồi đưa tôi đến một nơi. Tại đó tôi làm quen vài đứa trẻ con và cùng nhau chơi đùa vô tư. Lúc sau có một người bảo với tôi là : “Về mà chụp ảnh đi, bố mày là chú rể mà mày cứ ở đây chơi thế à” Tuy còn nhỏ nhưng tôi cũng hiểu thế nào là “Chú rể” nên tôi giật mình chạy vào xem và cố kéo bố tôi về, không ai có thể ngăn tôi được. Sau đó bác Tư Cang là người rất thương tôi, đã để cho một chú đưa tôi đi chơi, đến tối đưa tôi về thì nhà tôi đã có thêm một thành viên mới. Và mọi chuyện tiếp diễn như nó vẫn thế. Chỉ khác là bây giờ, tôi có nhiều thời gian có một mình hơn. Họ dạy tôi tự lập từ nhỏ khi học lớp 1 tôi phải tự giặt quần áo của mình và dần dần làm thêm vài việc vặt như lau quét nhà, rửa bát đĩa... Tôi sợ nhất là rửa bát đĩa vì đánh vỡ là sở trường của tôi mà mỗi lần như thế thì lại bị đòn và mắng là cố tình làm thế để lần sau không ai bảo làm nữa.

Đến năm 1986 thì mẹ kể tôi đẻ ra một em bé. Thế là tôi thêm việc trông em và đưa văng những lúc em ngủ. Nói chung tôi rất khó chịu và không có thời gian đi chơi. Và vì nhiều lí do tôi cũng bị đánh đòn nhiều hơn vì thế lúc đó tôi đã thích ra ngoài nhiều hơn về nhà. Còn việc học hành thì suôn sẻ đến năm lớp 4. Năm đấy mẹ tôi vào thăm và đón tôi ra bắc chơi một năm và tôi học lớp 5 ở trường tiểu học Ngô Sĩ Liên gần chợ thiết bị TX Bắc Giang. Sau đó quay vào Sài Gòn học tiếp lớp 6 và không lên được lớp 7 nên tôi nghỉ học, và không ai có ý kiến gì. Tôi hay trốn nhà đi chơi và mỗi lần bị đánh tôi đã biết bỏ đi bụi. Một hai lần đầu thì bố tôi đi tìm về. Sau rồi quen cứ nhìn thấy khả năng sắp bị đánh tôi lại ra đi làm quen với vài thằng không gia đình, nhà cửa ở ga Sài Gòn. Chúng tôi lang thang khắp nơi, làm đủ mọi việc

mà người ta vẫn thường gọi là “đồ lưu manh, bụi đời” để sống. Mỗi lần đi khoảng một tuần hoặc hơn, có lần lâu nhất là một tháng, đến năm 15 tuổi thì tôi không hay đi nữa và đi xin việc làm nuôi sống bản thân (làm bánh mỳ, phụ xẻ gỗ và sau đó thì phụ quay phim đám cưới tại các nhà hàng, khách sạn trong Sài Gòn).

Đến năm 1998 mẹ tôi gọi ra bắc để sống với Mẹ. Ra được gần một năm mà tôi vẫn chưa thể quen với nhịp sống ở quê, nên một lần có người rủ tôi đi Trung Quốc thế là đi. Cũng không biết thế có đúng không chỉ mong làm sao để tránh cảnh lấy vợ rồi ra đồng ngày ngày vì tôi không biết làm gì cả nên tôi rất ngại. Sang Trung Quốc vào thành phố Thẩm Quyển xin vào một công ty điện tử, lúc đầu rất ngỡ ngàng vì tôi không giao tiếp được. Cứ như là người câm điếc suốt 4 -5 tháng đầu. Sau đó tôi cũng có thể nói chuyện được và nhận biết một số chữ thông dụng. Rồi tôi nghỉ việc ở đó và đi Quảng Châu làm, một thời gian tôi quen một số dân buôn người Việt. Họ cho đi theo hàng (Điện tử, quần áo) về biên giới làm ăn một thời gian đến năm 2001 thì tôi về Việt Nam. Mẹ tôi không muốn tôi đi nữa nên nhất quyết ép tôi lấy vợ để ổn định cuộc sống. Giữa năm 2002 tôi lấy vợ - Tôi lấy người vợ này mẹ tôi có ý định ngăn cản vì bà đã nhầm vào chỗ khác. Nhưng tôi quyết tâm lấy nên bà và con dâu cũng hay có những xích mích nên tôi quyết định ra ở riêng. Vợ tôi buôn bán lặt vặt còn tôi sửa chữa và mua bán đồng hồ nên sống cũng tạm ổn. Cuộc sống trôi đều đều đến giữa năm 2006. Em rể của vợ tôi (Đồng hao với tôi) đến hỏi vay 10 triệu bảo là trong 10 ngày sẽ trả. Hai hôm sau Việt đến nhà tôi mang về một cục ma túy bảo là: “Em mới lấy ở Mộc Châu, bây giờ em mang đi Quảng Ninh để bán”. Tôi đòi đi theo vì sợ xảy ra chuyện gì Việt sẽ không trả được tiền cho tôi. Đó là tiền tôi chuẩn bị lấy hàng về nhà để làm ăn. Tôi không cho vợ tôi biết là Việt mượn nên cũng hơi lo. Ra đến Móng Cái vào chiều ngày 29/6/2006 thuê phòng ở khách sạn Kim Long ở đến chiều ngày 30 thì Việt mang hàng ra ngoài bảo là đi giao cho người ta. Tôi ở lại phòng một lúc thì Công an ập vào bắt. Tòa xử tôi 16 năm còn Việt 17 năm và đi cải tạo ở Trại giam Thanh Phong – Thanh Hóa.

Thời gian đầu lên trại tôi ở đội làm đất thuê rất vất vả cộng thêm tư tưởng chán nản nên tôi luôn thiếu khoán và luôn luôn ở mức cải tạo xếp loại trung bình. Sau đó tôi vào làm ở đội mây đan, rồi sang đội làm đá mỹ nghệ, tư tưởng lúc đó có phần tiến triển hơn nên đã được xếp loại cải tạo khá. Đến ngày 18/04/2008 tôi chuyển trại về trại giam Ngọc Lý và vào đội dán bạc. Được sự quan tâm của các cán bộ và BGT sắp xếp cho việc phù hợp với sức khỏe nên tôi đã cố gắng cải tạo thật tốt và luôn luôn được xếp loại khá liên tiếp 4 năm liền. Kết quả là vào quý 1 năm 2012 tôi được giảm án lần đầu (3 tháng). Nhưng vì nhận thức chưa được tốt nên tôi có cất giấu và sử dụng máy nghe nhạc (Tôi rất thích nghe nhạc) tôi bị cán bộ phát hiện và giải thích cặn kẽ hành vi vi phạm nội quy đó của tôi. Tôi đã nhận ra sai lầm, tôi rất hối hận nhưng vi phạm thì phải bị xử lý, đó là điều tất nhiên. Vì tôi vi phạm lần đầu và thành khẩn nhận lỗi nên BGT và HDCB đã xem xét cho tôi hình thức xử lý nhẹ là cảnh cáo. Như vậy là chỉ vì sở thích bản thân mà tôi mắc sai lầm. Đáng ra tôi sắp được giảm vào đợt tới, nay thì hết rồi, tôi rất buồn và giận bản thân mình nhiều lắm. Chỉ kính mong BGT và hội đồng cán bộ tạo điều kiện cho tôi sửa sai lầm lại. Tôi sẽ cố gắng để không phụ lòng của các cán bộ đã giáo dục tôi. Và cố gắng để hướng sự khoan hồng của pháp luật. Để sớm trở về với gia đình và xã hội./.

4. Phỏng vấn trường hợp: Ng.V.L (Giới tính: Nam)

Thời gian: Tháng 9 năm 2012

Địa điểm: Trại giam Ngọc Lý - Bắc Giang

Người được phỏng vấn: Ng.V.L

Người phỏng vấn: N.H.T

Họ và tên: Ng.V.L (giới tính: Nam), sinh năm: 1984

HKĐKTT: Khu Hòa Bình II – TT Đồng Mỏ - Huyện Chi Lăng – tỉnh Lạng Sơn

Can tội: Mua bán ma túy + tiền giả

Ngày bắt: 29/12/2007

Án phạt: 23 năm tù, hiện đang cải tạo ở đội 21, phân trại số 3, trại giam Ngọc Lý

Tóm tắt hành vi phạm tội theo bản án

Vào hồi 8h sáng ngày 29/12/2007 công an bắt ngờ khám xét trong người L và thu được gần 10 triệu trong đó có hơn 1 triệu là tiền giả. Công an đã bắt L vì tội mua bán ma túy và mua bán tiền giả.

Lịch sử cuộc đời

Tôi sinh ra và lớn lên tại một thị trấn miền núi. Tại nơi quê hương đó tôi có một mái ấm gia đình như bao nhiêu mái nhà khác, là con một trong gia đình có 4 thế hệ, tôi luôn được cưng chiều, thời gian cứ âm thầm trôi cho đến khi tôi học hết 12 tôi thi trượt vào đại học cũng là ngã rẽ cuộc đời bắt đầu từ đây. Tôi học cách làm người lớn, luôn cho mình là thông minh với nguồn máu lạnh chảy trong người. Bước chân ra xã hội với bao cạm bẫy của đời sống bon chen cùng với sự giả dối. Tôi tự cho phép mình làm những gì mình thích, tôi cũng luôn cho mình là nhất bằng cách phá phách, gây rối đánh nhau hoặc xử lý những gì mình cho nó là ngứa mắt, ở trong thời gian đó ba mẹ tôi ly hôn cũng là lúc tôi chia tay ở nơi thị trấn nhỏ bé bước theo mẹ lên thành phố Lạng Sơn đầy sự phồn vinh và tấp nập. Tôi như chim được xổ lồng đến vùng đất mới, quen rất nhiều bạn bè anh em trong giới mặt trái của xã hội. Ngựa non háu đá, ngày ở mấy tháng đầu sống trên thành phố tôi đã tự lập cho mình một loạt thành tích đi thanh toán cũng anh em với các nhóm khác để chiếm những đường dây làm ăn. Đã bao lần mẹ phải đi xin xỏ, bồi thường cho những lần tôi gây chuyện, thời gian đó việc mẹ làm cho tôi cũng chỉ tôn cho tôi thêm sự kiêu hãnh và sĩ diện với anh em vì tôi cũng đâu hiểu được lòng mẹ thương con như nào. Có những lúc tôi đi gây chuyện bị người ta chém nhập viện, lúc đó tôi cũng đâu nhìn thấy và hiểu được những giọt nước mắt của mẹ đã lặng lẽ rơi. Với những thành tích cùng uy tín tôi cũng đã được chủ hàng và anh em buôn hàng từ Trung Quốc về tin tưởng nhường cho một dây hàng tự làm, tự ăn, tuổi trẻ đầy nhiệt huyết cùng nôn nóng làm giàu, sau một thời gian làm ăn bằng cách cho anh em chuyển hàng lậu từ Trung Quốc về Hà Nội là những kiện hàng điện tử và tạp hóa quần áo Trung Quốc sản xuất.

Đến năm tôi 21 tuổi, tôi đã lập gia đình, tôi lấy vợ ở thị trấn Đồng Đăng nằm cách biên giới Việt – Trung vài trăm mét. Cuộc sống của tôi cũng thay đổi từ đó, ngày ngủ đêm thức, gần như con người tôi chỉ sống về đêm, công việc của tôi là vậy, ngày ngủ đêm chuyển hàng lậu để tránh tất cả các cơ quan chức năng, cuộc đời là thế, “Cái gì cũng có quy luật của nó”. Những đồng tiền tôi kiếm được thật nhiều thì cũng là lúc các cuộc chơi thâu đêm đến sáng cùng những người mình cho là huynh đệ, những cuộc vui bằng rượu chè, ma túy với các cô gái trẻ thì những cuộc chơi sòng đĩa thông ngày thâu đêm. Từ đó tôi cũng bỏ bê công việc làm ăn cùng với mái ấm gia đình nhỏ mà mình cho đó là hạnh phúc sang một bên. Ở trong gia đình thì tôi đâu được chiều chuộng đúng ý như ở với những cô gái trẻ hay với các anh em đang tôn sùng mình. Vào một ngày giữa đông 29/12/2007 cũng là ngày định mệnh của cuộc đời sau bao nhiêu sóng gió thăng trầm, tôi đã sa lưới pháp luật theo vòng lao lý tưởng chừng như đã chết. Vào hồi 8h sáng ngày hôm đó tôi bị công an thành phố bắt trong sự mệt mỏi của nhiều đêm thức trắng, khi khám xét trong người tôi lúc đó có tiền mặt gần 10 triệu trong đó có hơn 1 triệu là tiền giả tối hôm trước tôi vừa đánh bạc được, trong thời gian tạm giam để lấy lời khai thì công an tỉnh xuống đưa tôi về trụ sở khi thông báo tôi có dính líu liên quan đến một vụ buôn bán ma túy. *Trong đầu tôi chỉ nghĩ được khi ấy là “Mình không buôn bán thì mình không sợ có tội”*. Thực lòng mà nói tôi không buôn ma túy nhưng nhờ sự tiếp tay nên pháp luật chặt chẽ đâu để có lỗ hổng cho tôi thoát. Vụ buôn bán ma túy đo cách lúc tôi bị bắt khoảng 5 đến 6 tháng. Tôi cùng anh Ngọc và chị Phương là cô bồ của anh Ngọc đi xuống Bắc Giang lấy ma túy, đó cũng là lần đầu tiên tôi được nhìn thấy một bánh ma túy nguyên vẹn như thế nào. Bản thân tôi chỉ nghĩ rằng: “Đi để biết và sau này có mối thì tự làm”. Với sự nông nổi ít suy nghĩ của tuổi trẻ tôi như bị ma xui quỷ khiến cầm bánh ma túy đi hàng trăm cây số từ Bắc Giang về Lạng Sơn rồi chúng tôi hẹn nhau ở nhà máy xi măng thuộc thành phố Lạng Sơn đưa lại bánh ma túy cho anh Ngọc và chị Phương đi cùng trên một xe máy, còn bản thân tôi phi xe thẳng về Đồng Đăng mà không một sự đòi hỏi tiền hay chia đều lợi nhuận nếu như bán

xong bánh ma túy đó. Trong đầu tôi lúc đó chỉ suy nghĩ “Lợi nhuận quá nhiều mình lại biết chỗ lấy, sau này có người mua thì mình sẽ tự lấy, tự bán”. Chỉ như vậy thôi thì một người công dân bình thường làm sao có thể nắm pháp luật rõ ràng nguy hiểm và tội ác của ma túy ghê thế được, nữa lại là tôi, một thanh niên mới lớn đầy sự ngang ngược nông nổi.

Sau những lần đi lấy cung ở Công an tôi luôn cãi nhau với điều tra là: Tôi không có tội, tôi không buôn bán. Chỉ đến khi ngày đầu tiên ra tòa xử, chủ tọa nói: anh có biết việc mua bán của anh Ngọc và chị Phương không, Tôi nói tôi có biết. Anh có mang bánh Heroin từ Bắc Giang về Lạng Sơn không? Tôi trả lời một cách hồn nhiên như chẳng có chuyện gì là “Có và tôi để bánh ma túy ở yếm xe máy”. Chủ tọa chỉ cười cho sự ngây thơ của tôi “Như vậy là anh có liên quan đến việc mua bán ma túy và anh là một trong những mắt xích quan trọng trong đường dây buôn bán ma túy của anh Ngọc cầm đầu. Bạn có biết cảm giác của tôi lúc đó ra sao không? Tôi cảm thấy choáng váng hai mắt tối sầm lại vì tôi lại là người có tội, đồng nghĩa khi đó tôi đã biết chính xác như điều tra đã nói lúc tôi đi cung “Anh sẽ ở khoản 4 từ 20 năm đến trung thân tử hình”. Đứng trước vành móng ngựa của phiên tòa đôi chân như muốn khụy xuống đất và biết chắc rằng cuộc đời tôi một dấu chấm hết từ đây. Tôi không nhận tội nhưng tất cả đã an bài với bản án 20 năm tù cộng 3 năm tội tiền giả, bao nhiêu hoài bão cùng mơ ước của tôi đã bị sụp đổ ngay trước mắt, những giọt nước mắt đau thương của gia đình, những giọt nước mắt của anh em bạn bè đầy sự nuối tiếc cho tôi tại phiên tòa cũng như những giọt lệ của chính bản thân theo sự ngu muội và hối hận quá muộn màng khi nghe tòa tuyên án.

Trong thời gian ở lại trại giam công an tỉnh chờ đi trại cải tạo tôi luôn mang trong mình lòng trắc ẩn muốn được chết thật nhanh, với bản án không còn ngày về thì thật tàn nhẫn với tuổi trẻ đang khát vọng như vậy, đời trai sống như tôi lúc này chỉ làm thêm gánh nặng cho vợ con và gia đình thôi. Nhưng số đời thì dễ quyết định cho chính số phận mình, chỉ khi bắt đầu suy nghĩ đến cái chết thì trong tôi luôn hiện lên hình ảnh của cậu con trai hơn 2 tuổi gọi ba, tôi luôn dẫn đo đầu tranh trong tư tưởng sự sống và cái chết cách nhau không đầy một gang tay. Tôi quyết định đi trại cải tạo xong được gặp vợ con thoải mái đàng hoàng thì mình sẽ ra đi trong im lặng, là người ai chẳng phải chết một lần, gia đình vợ con chỉ đau một lúc rồi thời gian cũng làm cho mọi người quên mau, vết thương rồi cũng sẽ lành.

Ngày 3/12/2008 Tôi đã bước chân xuống vùng đất mới và mong muốn gặp gia đình vợ con xong, mình sẽ chấm dứt tất cả những ngày tháng còn lại bản thân cho là vô nghĩa. Nhưng với lòng bao dung tình thương của gia đình, tình yêu của người vợ trẻ thật lớn lao cùng những lời động viên và những giọt nước mắt như đang thấu hiểu được tâm tư của con người lầm lỗi này đang suy nghĩ gì. Tôi bắt đầu lại tiếp tục cho chính mình lựa chọn cơ hội để sống, sự tình khi ấy trong tôi chỉ nghĩ “Trước hay sau vợ con gia đình sẽ bỏ thôi”. Vì bản thân tôi đã thấy bao nhiêu phạm nhân khác ở cùng buồng hay khác buồng gia đình không xuống thăm nữa rồi.

Thời gian cứ thế trôi đi lặng lẽ theo quy luật của nó, con người cũng vậy, bản thân tôi luôn có những tư tưởng bất cần và chưa từng có suy nghĩ là mình mang bản án dài như vậy sẽ không có ngày về, chưa từng và không bao giờ nghĩ tới. Tôi ở trong một môi trường khép nép nề nếp nhất của đất nước hay nói tóm lại là đường cùng của cái xã hội mà mình đang sống, tôi chưa bao giờ chấp hành hay nghe lời cán bộ ở trại, lúc đó với tôi vi phạm nội quy hay kỷ luật chỉ làm tôi thấy đỡ nhàm chán hơn thôi. Cán bộ thực tâm giáo dục tôi cảm thấy thật buồn cười, một bản án dài, một con người đang chờ một ngày để chết thì giáo dục còn có ý nghĩa gì. Tất cả chỉ khi bản thân tôi có cảm giác gia đình không bao giờ bỏ mình, cán bộ không gét gì mình mà tất cả đang vì mình muốn tốt cho mình. Những lời khuyên, những giọt nước mắt của người vợ trẻ luôn trông ngóng mong đợi là mình vẫn có ngày về và làm lại, tôi đã bắt đầu tin vào điều đó, một niềm tin tôi chưa bao giờ nghĩ đến, hai chữ tự do quả là có ý nghĩa trong tôi, lúc bấy giờ. Nhưng từ chính bản thân tôi ông trời luôn muốn trêu tôi thì phải, vẫn biết ông trời không cho ai hoàn hảo hết hay lấy hết của ai hết bất cứ thứ gì, với tuổi trẻ ham chơi tôi lại vi phạm vào nội quy trại giam về tội đánh bạc đi kỷ luật. Biết rằng mình chẳng thể trách ai chỉ tự trách bản thân mình không tốt, cán bộ cũng vì công việc của cán bộ nên bắt buộc xử lý, khi đó

tôi cũng cảm thấy hối hận khi bản thân chuẩn bị đi kỷ luật lắm chứ, làm đàn ông với hình thức kỷ luật hay gọi khổ sai tôi vẫn chịu được mà, nhưng nếu như với phạm nhân án dài cán bộ mở tâm lòng từ bi kỷ luật tôi bằng sự giáo dục một con người có lẽ sẽ cho tôi một con đường sống nhiều hơn. Tư tưởng mọi phạm nhân đều muốn cải tạo thật tốt, mau sớm trở về nhưng với tôi từng đó là không thể và 5/9/2011 nữa rồi. Ngày tôi ra kỷ luật cũng là tháng đó gia đình vợ con xuống thăm, một ngày buồn của cuộc đời tôi. Gia đình chán nản, vợ thì nói lời chia tay, chỉ còn với hai từ anh em ở ngoài xã hội đến thăm theo đúng nghĩa chột nhớ, chột thương thôi. Hận mình sinh ra trên đời, hận chính bản thân mình không nhân ra sai trái rồi để đánh mất tất cả những gì còn sót lại trong cuộc sống vô nghĩa này. Có những lúc tôi tự hỏi tôi là ai? Tôi đang làm gì thế này? Sao tôi lại để cho nhiều người buồn, nhiều người khóc vì tôi đến vậy?

Cuộc đời là vậy, mỗi khi vấp ngã tự biết đứng dậy sẽ khiến cho con người ta nhìn nhận xa hơn, một năm vừa qua tôi sống trong dần vật cùng suy nghĩ về việc mình đã làm, trong lúc cảm thấy chán trường nhất cũng là lúc ông trời cho tôi một tia hy vọng khác, một ánh nắng bình minh có lẽ cũng là lúc tôi bắt đầu làm lại với một ngã rẽ cho cuộc đời mới có niềm vui và hạnh phúc dần dần, từ ngày tôi được ban giám thị và cán bộ nâng loại cải tạo cũng là lúc tôi lại nhìn thấy những giọt nước mắt của mẹ của vợ rơi, giọt nước mắt không phải là giọt nước mắt trách móc hay buồn tủi mà là giọt nước mắt của vui sướng và hạnh phúc khi thấy tôi ngoan ngoãn làm lại cuộc đời. Đến lúc này tôi đây tôi không biết cảm ơn cuộc đời hay số phận mà chỉ biết rằng: “Không ai ghét bỏ mình cả mà chỉ tại mình chưa biết cách thương yêu chính bản thân mình thôi hồi ký a”. Thời gian gần đây tư tưởng tôi luôn cảm thấy thoải mái và ổn định, tinh thần phấn chấn hẳn lên. Chắc tôi đã thay đổi thật rồi, suy nghĩ chín chắn hơn trước rất nhiều, không còn sự đua ghen trong môi trường trại giam này nữa, tôi mặc kệ tất cả các phạm nhân khác làm gì hay nghĩ gì, tôi cúi đầu cải tạo bằng chính cái tâm trong con người tôi cho là đúng, tôi không muốn người thân yêu của tôi phải buồn, phải rơi những giọt lệ vì tôi thêm lần nào nữa. Tất cả giờ đây với tôi như bắt đầu một màu hồng, tôi được sự giúp đỡ của Cán bộ trại giam, một ngày mới có nhiều niềm vui sẽ đến với tôi khi sự kiêu hãnh của 1000 phạm nhân chỉ có 100 phạm nhân được tham dự đại hội gia đình trại tổ chức, đã năm năm tôi không được ăn một bữa cơm cùng gia đình cho đúng nghĩa, lần này cán bộ tạo điều kiện cơ hội cho tôi làm lại, đó cũng là niềm vui của gia đình sau 5 năm tôi không có mặt ở nhà. Con đường của tôi là cải tạo niềm tin trong tôi là cán bộ, tương lai của tôi là vợ con, hạnh phúc trong tôi đang hướng tới ngày đại hội gia đình./.

5. Phỏng vấn trường hợp: Ng.Th.H (Giới tính: Nữ)

Thời gian: Tháng 9 năm 2012

Địa điểm: Trại giam Ngọc Lý- Bắc Giang

Người được phỏng vấn: Ng.Th.H

Người phỏng vấn: N.H.T

Họ và tên: Ng.Th.H (giới tính: Nữ), sinh năm: 1980

Quê quán: Lê Lợi – Bắc Giang

Tên danh: Mua bán trái phép chất ma túy

Ngày bắt: 03/4/2003

Án phạt: 15 năm

Nhập trại: 2/1/2004

Hiện đang ở đội 24, phân trại số 1, trại Ngọc Lý

1. Tóm tắt lịch sử cuộc đời

Tôi sinh ra và lớn lên ở tỉnh Bắc Giang nơi con sông Thương đầy thơ mộng, gia đình tôi có 4 anh chị em, tôi là con thứ 3 trong gia đình, Bố mẹ tôi nuôi nấng cho tôi, chăm sóc cho tôi đến năm tôi 2 tuổi thì bản thân tôi ốm đau, với căn bệnh “Viêm đa cơ, nhiễm trùng phổi”, tôi đã và được gia đình, đó là bố, mẹ tôi đã và đưa tôi đến một bệnh viện lớn nhất ở Hà Nội để điều trị và chữa trị cho tôi. Vất vả và cực nhọc, bố tôi và mẹ tôi lặn lội thay phiên, đến chăm sóc cho tôi. Mẹ tôi cũng làm trong ngành bác sỹ, nhưng mẹ tôi lại chuyên khoa mắt, còn bố

tôi thời chiến tranh đóng quân ở cầu Hàm Rồng, thuộc y tá trong quân đội, vì sự sống của tôi bố mẹ tôi đã phải ở lại Bệnh viện nhi Thụy Điển cùng tôi, trong suốt thời gian dài số phận lại mỉm cười với tôi, cho tôi được khỏe mạnh, như bao trẻ em khác, và lớn lên tôi được bố mẹ nâng đỡ cho tôi biết trân trọng, cho tôi cái chữ, để học hành đến nơi đến chốn. Tôi học đến lớp 12 chuẩn bị cho mình: 1: sự lựa chọn, 2: con đường cho bản thân: 1 là theo ngành bố mẹ, 2 là xuất ngoại nơi phương xa quê hương. Tôi đã quyết định ở lại và học sơ cấp “dược”, thuộc quân đoàn II cách nhà tôi gần 20 cây, và tôi đã hoàn thành xong khóa học của mình, và được công nhận và cấp bằng dược cho tôi, trong thời gian tôi chờ làm việc.

Qua sự quen biết của 2 gia đình bố mẹ tôi và bố mẹ bạn tôi, cùng làm trong ngành nhưng lại khác về chuyên môn, mẹ bạn tôi làm bác sỹ trong khoa nhi, bệnh viện Bắc Giang do sự tán thành của hai gia đình đã cho tôi và bạn tôi, Nguyễn Đăng Hoàng để tìm hiểu và yêu thương nhau. Gần một năm tôi đã phát hiện ra bạn tôi, Nguyễn Đăng Hoàng dùng chất ma túy, tôi khuyên ngăn và không tán thành cho đến một ngày vào tháng 10 năm 2002 tôi lên chơi và đi chợ cùng chị gái tôi ở Lạng Sơn. Bạn tôi Nguyễn Đăng Hoàng đã lên đó tìm tôi, thuê nhà ở trên đó rồi buôn bán chất ma túy, cùng rất nhiều số đối tượng khác. Chị gái tôi Nguyễn Thị Vinh và anh rể tôi Nguyễn Văn Nam ngăn cản và không cho tôi được dính dáng đến chất ma túy, quản lý tôi từng bước.

Vào một ngày đầu năm 2003 bạn tôi Nguyễn Đăng Hoàng đã bị bắt, tôi vì lòng thương hại bạn tôi Nguyễn Đăng Hoàng không có ai thăm và tiếp tế, gia đình bố mẹ bạn bè cũng không lên thăm, bản thân tôi lúc đó cũng không có tiền vì sự quản lý của anh chị tôi, tôi đã và giấu diếm anh chị tôi, bán hết số đồ trang sức của tôi, tiếp tế và gặp mặt bạn tôi Nguyễn Đăng Hoàng đã chỉ đường cho tôi những mối hàng vẫn thường lấy ma túy, rồi cho đến ngày 3/4/2003 tôi đã bị tổ trình sát phòng C26 của Sở công an tỉnh Lạng Sơn bắt tôi về hành vi phạm tội của bản thân tôi.

* Bản thân tôi nhìn lại:

- Đã gần 10 năm rồi, cho đến ngày hôm nay, tôi đã và ôn lại những quá khứ và lỗi lầm của mình, nhìn lại và đánh giá chỉ vì những phút nông nổi của bản thân, không nghĩ được hậu quả đã xảy ra cho bản thân mình.

* Những nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội của tôi.

- Chỉ vì lòng thương có tiền tiếp tế cho bạn tôi vì gia đình không thăm, đã dẫn tôi vào con đường phạm tội mua bán trái phép chất ma túy.

- Trong thời gian qua tôi đã thấu hiểu được thế nào là sự đau khổ, thế nào là mất mát đối với tôi, tôi đã mất đi những tháng ngày cố gắng, học tập và cô gắng phấn đấu, đã có những ngày tháng tôi đánh mất đi chính bản thân mình, và giờ đây cho những ngày tiếp theo của bản thân tôi, thời gian còn lại của tôi chấp hành tốt và sớm được những ngày tháng tự do cho bản thân tôi.

- Trong suốt thời gian qua bản thân tôi đã và đang lao động ở nơi đây, thời gian đầu tôi mãi chơi và rất lười trong lao động, nhưng cho đến 3 năm nay tôi đã và rất phấn đấu lao động thật tốt cho bản thân mình, hoàn thành chỉ tiêu cán bộ giao cho.

* *Cuộc sống sinh hoạt từ khi tôi đi chấp hành án đến nay.*

- Thời gian mới xuống trại vì suy nghĩ nhiều và do tôi vẫn còn nông nổi nên tôi rất lười lao động. Cuộc sống sinh hoạt của tôi giờ đây tôi đã thấu hiểu, rèn luyện cuộc sống cho mình thật tốt hơn.

* *Tôi đã từng vi phạm nội quy, quy chế trại giam cụ thể như sau:*

- Lần thứ 1: Vào năm 2005 tôi đi thăm gặp gia đình, em trai tôi có gửi cho tôi một chiếc dây chuyền. Qua sự kiểm tra của cán bộ đã phát hiện và xử lý và kỷ luật tôi.

- Lần thứ 2: Vào năm 2007, tôi không theo sự sắp đặt của cán bộ quản giáo, tôi đã có hành vi vi phạm nội quy, chống đối không lao động và đã bị kỷ luật.

- Lần thứ 3: Vào năm 2007 tôi đã hủy hoại bản thân và đã bị xử lý, kỷ luật.

- Lần thứ 4: Vào năm 2008 tôi sử dụng điện thoại trái phép trong buồng giam.

- Những ưu điểm: Thời gian cũng đã thấm thoát gần 10 năm qua đối với tôi. Những ưu điểm của tôi đã và đang cố gắng cho mình học hỏi những điều hay, những cái tốt, những cái ích, những cái có lợi cho bản thân. Cách đối nhân xử thế đối với con người đã và đang cùng chung số phận như tôi.

- Nhược điểm của bản thân: Trong quá trình tôi chấp hành án phạt tù ở nơi đây, những nhược điểm của bản thân tôi là: ăn nói không khéo trong giao tiếp với chị em phạm nhân và những nhược điểm của tôi luôn luôn ức chế cho mình. Tôi sẽ cố gắng khắc phục và rèn luyện cho bản thân mình tốt hơn.

** Khó khăn gặp phải của tôi trong quá trình tôi cải tạo ở nơi đây:*

- Thời gian tôi đã và đang cải tạo ở nơi đây, khó khăn nhất trong tôi bây giờ và những ngày tiếp theo của quá trình tôi đang cố gắng cho mình, giữ gìn 4 tiêu chuẩn thi đua chấp hành án phạt tù. 15 điều nội quy trong trại giam. Khó khăn của tôi là mỗi một con người có tính cách và cách cư xử khác nhau, trong giao tiếp và trong ứng xử. Khó khăn gặp phải là những con người không biết trân trọng tình cảm, luôn luôn chia rẽ và gây mất đoàn kết để có những phút suy nghĩ hiểu lầm về bản thân tôi.

** Những lo lắng của bản thân tôi:*

- Thời gian còn lại của tôi ở nơi đây cũng không còn dài, nhưng bản thân tôi cũng rất lo lắng cho mình vì sức khỏe của tôi không được như trước, tôi lại mang cho mình những thứ bệnh vào đây tôi mới phát sinh ra, vì sự suy nghĩ nông nổi của bản thân tôi và giờ đây tôi lo lắng nhất cho tôi là có cùng chung số phận của bệnh xã hội không?

** Ước nguyện của tôi muốn và rất muốn với cán bộ trại giam:*

- Tạo điều kiện cho thời gian sắp tới của tôi là vòng giảm án lần thứ 2 của tôi, bao sự cố gắng kiên nhẫn trong tôi đã và đang chờ đợi mong mỗi vòng giảm án lần này được giảm cho tôi đỡ thiệt thòi. Vì những phút sai lầm và những lần tôi vi phạm cũng đã qua, bao sự cố gắng, phấn đấu cho bản thân tôi được niềm tin và hi vọng.

6. Phỏng vấn trường hợp: Tr.A.N (Giới tính: Nam)

Thời gian: Tháng 11 năm 2012

Địa điểm: Trại giam Tân Lập - Phú Thọ

Người được phỏng vấn: Tr.A.N

Người phỏng vấn: N.H.T

Họ và tên: Tr.A.N (giới tính: Nam), sinh năm: 1968

HKĐKTT: Nam Định

Ngày bắt 21/12/2008, án phạt 18 năm tù

Can tội: Mua bán trái phép chất ma túy

Hiện nay đang cải tạo tại phân trại số 3 trại giam Tân Lập - Phú Thọ

Lịch sử cuộc đời

Tôi sinh ra trong một gia đình mẹ là công nhân xí nghiệp bông vải sợi Nam Định, bố là thương binh chống Pháp. Gia đình tôi có 6 anh chị em, bản thân tôi là thứ 4 trong gia đình. Năm 1972 giặc Mỹ bắn phá miền Bắc, gia đình tôi từ thành phố Nam Định sơ tán xuống quê ngoại tôi là làng Nam Điền xã Điền Xá đến cuối năm 1975 gia đình tôi trở lại thành phố thì khu phố Hàng Dầu là nơi gia đình tôi sinh sống đã bị tàn phá không còn nhà cửa gì, gia đình tôi lại phải chuyển đến ở nhờ nhà của một người bà con họ hàng xa. Cuộc sống cả gia đình là 8 người ở sinh hoạt trong một gian gác xép nhỏ khoảng chừng 15-16m². Cuộc sống chật hẹp lại khó khăn bố tôi lại tái phát vết thương ở đầu, gia đình tôi đã khó khăn lại gặp khó khăn hơn. Đến tháng 2 năm 1976 cơ quan của mẹ tôi thấy hoàn cảnh gia đình tôi khó khăn lại phải ở nhờ nên đã phân cho gia đình tôi một gian hộ tập thể nhà tranh vách đất tại khu Trường Thi thành phố Nam Định nay thuộc phường Trường Thi thành phố Nam Định. Trong thời gian chuyển về ở khu tập thể, bệnh của bố tôi càng ngày càng nặng, đến tháng 6 năm 1976 thì bố tôi mất. Hoàn cảnh gia đình đang khó khăn anh trai cả tôi phải gửi về quê ngoại để ăn học còn lại 5 chị em tôi cùng mẹ ở lại thành phố. Vào một buổi tối đầu tháng 12 âm lịch 1976 tai họa ập xuống khi đó mẹ tôi đang chuẩn bị đi làm ca đêm thì có một tiếng kêu thất thanh của cô hàng xóm ở gian nhà kế bên kêu lên: bác Lành ơi nhà e bị cháy rồi, khi đó tôi mới được 8 tuổi và đang đắp chăn chuẩn bị ngủ thì thấy mẹ tôi kéo chăn và nói nhà bị cháy rồi các con ơi mau chạy ra ngoài. Lúc đó tôi còn nhỏ nhưng cũng nhận thức được đó là tai họa nên kéo tay các em trai và ôm được cái ảnh thờ bố chạy ra được khu đất ở bên ngoài, lúc đó ngọn lửa đã cháy lan sang hết mái nhà tôi rồi. Các em trai tôi mếu máo hỏi mẹ tôi: mẹ ơi tối nay mình ngủ ở đâu trong khi mọi người lao vào dập lửa thì 5 chị em tôi chỉ bầu vùi vào nhau sợ hãi nhìn ngọn lửa thiêu đốt gian nhà mà gia đình đang sống trong khi đó tết nguyên đán sắp đến. Gia đình tôi bị cháy không còn gì cả sau đó gia đình tôi cũng được các bác các cô chú cùng cơ quan mẹ tôi giúp đỡ người thì cho vài bộ quần áo cũ, người thì cho gạo, người thì giúp chăn màn sau đó gia đình tôi lại được phân một gian nhà tập thể khác cũng ở gần đó. Sang năm 1973 tôi mới được 9 tuổi đã vừa học văn hóa lại phải học khâu chăn bông cùng với chị gái tôi để phụ giúp thêm cho mẹ. Từ đó đến năm 1980 gia đình tôi vẫn ở nhà tập thể đến giữa năm 1980 khu nhà tôi ở lại phải chuyển đi khu khác vì khu đó lại quy hoạch xây dựng nhà máy dệt Dân Sinh. Gia đình đã khó khăn lại liên tục phải chuyển chỗ ở nên việc học hành của tôi cũng không được thuận tiện. Sau khi chuyển về chỗ ở mới tôi vẫn phụ giúp gia đình khâu chăn thuê buổi sáng, buổi chiều thì đi học và tôi cũng cố gắng học xong hết lớp 7, lúc đó là hết cấp 2 và tôi cũng nghỉ học luôn vì hoàn cảnh gia đình nên không học tiếp được. Đến đầu năm 1985 lúc đó tôi được một người hàng xóm giới thiệu để đi làm đậu thuê, tuy cuộc sống lao động kiếm được đồng tiền cũng khá hơn là việc khâu chăn ở nhà nhưng công việc lại phải làm đêm từ 7h tối cho đến 8h sáng ngày hôm sau. Công việc cứ kéo dài được khoảng 5 tháng thì tay chân tôi bị nước đậu ăn nên lở loét hết cả chân tay nên tôi đành phải bỏ việc để chữa bệnh, lúc đó mẹ cũng đã nghỉ hưu tôi lại theo mẹ đi tàu vào thành phố Thanh Hóa để mua bán vài bao măng và một số loại hàng hoa quả từ Thanh Hóa ra bán kiếm lời sinh sống. Tôi theo mẹ rong rã nửa năm đi theo mẹ tôi để mang vác đỡ cho mẹ tôi lên xuống tàu. Sau đó

cuộc sống theo tàu buôn bán cùng mẹ tôi cũng vất vả nhưng tiền lời lãi cũng chẳng được là bao nhiêu. Đến đầu năm 1986 tôi được bạn bè rủ đi làm phụ hồ (thợ xây dựng), đến tháng 3/1986 tôi nhận được giấy gọi nhập ngũ, khi nhập ngũ chúng tôi được đưa vào Trung Đoàn 411 và huấn luyện tại dốc Lã Hưng Yên, đến tháng 6/1986 sau khi huấn luyện xong chúng tôi chuyển về đơn vị mới, tôi được điều về đơn vị Công Binh (C17, E14, F313 Quân khu II). Đơn vị tôi nằm tại km số 6 đường Hà Giang lên Thanh Thủy. Sau khi về đơn vị mới được 2 ngày thì đơn vị tôi chuyển lên chốt Thanh Thủy Vị Xuyên, đến đó chúng tôi lên đến Hang Dơi là nơi tập kích của đơn vị đang thay đổi quân số, trời đêm mù mịt pháo của Trung Quốc lại liên tục bắn sang. Bản thân tôi lúc đó là tân binh mới lên chốt rất hoang mang nhìn cảnh tượng qua ánh đèn pin le lói tôi hỏi các anh em đi trước là: tại sao đèn pin phải bật vài? Các đồng đội cũ của tôi nói là che vào để ánh sáng nếu thấy đèn sáng là pháo của Trung Quốc bắn vào ngay, lúc đó tôi thấy các đồng đội của tôi người thì khiêng liệt sĩ người thì công thương binh xuống, tôi thấy cảnh đó cũng rất sợ nhưng sau đó cũng dần dần bình tĩnh lại được. Sau khi đơn vị tôi tập kết đội hình được 2 ngày thì tiểu đội của tôi được điều vào chốt (Đồn Cô Ích) và làm nhiệm vụ gài mìn dải trông và củng cố các hầm của các tiểu đội Bộ Binh bị hỏng do bị pháo cối của Trung Quốc bắn hỏng. Đến đầu tháng 10/1986 Trung Quốc lại dồn một đợt tấn công bắn pháo 3 ngày đêm, các đơn vị bạn cũng hy sinh và thương vong rất nhiều, tiểu đội của tôi có 8 người trong đó có cả tôi trong khi làm nhiệm vụ thì có 2 người bị chúng đạn pháo hy sinh và một anh người Hải Phòng bị thương. Sau đợt đó tôi được điều ra ngoài tổ đội gác bom, đêm đến dùng thuyền cao su chở đạn, lương thực qua sông Lô cho các đơn vị đóng chốt phía bên kia bờ sông Lô. Đến tháng 2 năm 1987 sau khi lên chốt chiến đấu và phục vụ chiến đấu chúng tôi được đổi quân xuống Hậu cứ tại km số 6 để củng cố quân số cũng như củng cố doanh trại, lúc đó tôi được đơn vị giao nhiệm vụ Tiểu Đội Trưởng. Đến tháng 10/1987 đơn vị tôi lại chuyển doanh trại xuống cây số 15 khu vực Cầu má đường từ thị xã Hà Giang về Hà Nội, Đơn vị chúng tôi lại phải tập trung vào làm doanh trại mới sau khi củng cố doanh trại xong chúng tôi lại bước vào huấn luyện. Lúc đó đơn vị lại thiếu cán bộ sĩ quan tôi lại được đề bạt nhận trọng trách của Trung Đội Trưởng vừa huấn luyện vừa làm kinh tế. Tôi nhận trọng trách đó cho đến tháng 10/1989 thì tôi hoàn thành nghĩa vụ và trở về địa phương. Khi về địa phương lại là một bước ngoặt của cuộc đời tôi. Khi về công ăn việc làm thì không có, gia đình thì 2 anh và chị gái đã xây dựng gia đình, mẹ tôi thì phải vay nợ lãi để lo cưới vợ cho 2 anh của tôi, nợ nần thì lãi mẹ đẻ lãi con, cuộc sống lại càng khó khăn hơn. Bản thân tôi cũng rất buồn và thương mẹ tuổi đã cao mà qua bao năm tôi đi bộ đội mẹ tôi vẫn lặn lội đi Thanh Hóa để buôn bán vật và để lo cho gia đình cuộc sống, lúc đó mẹ tôi đi chợ cũng không đủ trả lãi, anh cả tôi và anh thứ 3 cùng chị gái tôi thì đã có gia đình riêng lại là công nhân lương 3 cọc 3 đồng cũng chẳng giúp gì được, mẹ tôi thì già cả, 2 em vẫn còn ăn học cộng thêm tôi xuất ngũ trở về việc làm thì chưa có nên hoàn cảnh gia đình tôi lúc đó cực kỳ khó khăn. Tôi cố gắng đi tìm việc làm rồi cuối cùng tôi cũng theo một cánh thợ xây dựng đi làm, vừa làm vừa học hỏi kinh nghiệm và tôi cũng hỏi được để trở thành thợ xây dựng và tự đứng lên đi nhận các công trình tư nhân để làm, sau đó công trình thì ít đi, công việc thì cũng chỉ đủ làm và tạm tháo gỡ được khó khăn cho gia đình, làm được đồng nào thì cũng chỉ đủ được trả lãi cho mẹ và lo cho bữa ăn hàng ngày cho 2 em. Rồi mùa mưa bão của năm 1991 lại đến, công việc xây dựng lại không có tôi lại rơi vào cảnh không công ăn việc làm, tiền thì không có, cho mãi tới tháng 6/1991 tôi được bạn bè cùng đi bộ đội về góp cho tôi được 30.000đ tôi sử dụng số tiền để ăn và trốn vé tàu từ Nam Định lên đến Lạng Sơn. Khi lên đến Lạng Sơn tôi tìm hỏi đến người nhà họ hàng của mẹ tôi và ở lại đó được 2 ngày, sau đó tôi hỏi đường và đi nhờ ô tô chở than để vào thị trấn Lộc Bình để tìm việc làm, khi vào đến thị trấn Lộc Bình trong túi tôi chỉ còn vền vền 2500đ. Tôi vào một quán nước để nghỉ và uống nước, trong khi ngồi uống nước chị chủ quán thấy tôi là người lạ mới đến thì hỏi chuyện tôi, tôi cũng nói chuyện hoàn cảnh gia đình và quê quán nay đang đi tìm việc làm, sau khi nói chuyện chị chủ quán chị cũng là người ở Phủ Lý lên đây công tác ở trên đó, sau đó bỏ việc và lấy chồng ở đây và mở quán bán nước, chồng chị ấy thì

làm bốc vác thuê, chị nói với tôi nếu chú chưa có việc làm thì ở đây đi bốc vác hàng cùng với anh. Tôi rất mừng và cảm động, khi một người xa lạ mà qua câu chuyện của tôi mà có lòng giúp đỡ tôi như vậy. Đêm đầu tiên vào khoảng 10h30 thì anh chị ấy cùng tôi thu dọn hàng vào nhà, tuy nói là nhà nhưng nó chỉ vền vền khoảng 10m2 chỉ đủ kê một chiếc giường và để hàng hóa, bếp sinh hoạt, đằng trước nhà có một cái lán lợp, một mái để làm quán bán hàng, khi đó bán hàng chỉ bằng một cái xạp bằng tre diện tích thì bằng một cái giường cá nhân, anh chị cho tôi mượn cái chiếu, một cái màn đơn và một cái chăn chiên để ngủ ở đó. Sáng thì 4h30 tôi đã phải dậy giúp anh chị đó dọn hàng ra để bán, tôi và chồng chị ấy lại đi tìm việc bốc vác để làm, cũng may mắn cho tôi là giai đoạn cửa khẩu Chi Ma mới mở thông thương nhưng đường đi từ Lộc Bình vào đến cửa khẩu thì chưa làm được, các xe chở hàng chỉ lên đến Lộc Bình thì phải chuyển hàng sang xe 3 cầu mới đi vào được nên tôi cũng có việc làm bình thường. Trung bình một lao động như tôi cũng phải bê vác qua vai vào khoảng 7-8 tấn hàng, bỏ từ xe này sang xe khác. Công việc kéo dài được khoảng 5 tháng thì đường vào cửa khẩu cũng làm xong, việc làm lại không có, tôi lại phải đi tìm việc. Sau đó tôi cũng tìm được việc sửa chữa, quét vôi ve cho một số gia đình, qua quan hệ tôi nhận được sửa chữa tu sửa cho bệnh viện Huyện Lộc Bình. Khi nhận được việc làm tôi lại về Nam Định để đón một số anh em bạn cùng làm xây dựng với tôi đang thất nghiệp lên làm cùng. Trong thời gian tôi làm bốc vác tôi cũng dành dụm được 12 triệu đồng, khi về quê đón thợ lên để làm tôi đã sử dụng 8 triệu vào việc trả nợ cho gia đình, số còn lại dùng vào tiền đi xe và ăn uống cho anh em lên làm cùng với tôi. Công việc từ đó cũng đủ để 20 người làm, hàng ngày tôi vừa làm vừa đi làm việc cùng anh em. Đến tháng 2/1994 thì tôi xây dựng gia đình, vợ tôi là người ở thị trấn Lộc Bình, công việc của tôi cũng đủ việc làm, sau đó vợ chồng tôi sinh được một cháu gái, tôi lại lên thị trấn Đồng Đăng để nhận việc làm đến 7/1996 thì vợ tôi lại thi vào học ở trường Trung cấp Nông Nghiệp Việt tỉnh Bắc Giang. Trong khi đó con thì nhỏ, vợ thì học ở xa, tôi đành giao lại công trình cho chú em trai để ở nhà chăm lo cho con gái để cho vợ tôi đi học. Khi đó em trai tôi lại mãi chơi không quán xuyến được công việc, công trình lại bị thua lỗ, tôi lại phải lần lữa ra để làm trả nợ, cuối cùng tôi cũng phải bỏ nghề xây dựng ở nhà nuôi con nhỏ và học về sửa chữa ô tô. Sau đó tôi vừa sửa chữa xe vừa học lái. Đến tháng 6/1999 vợ tôi cũng học xong, khi học xong về lại không xin được việc làm tôi đành bàn với vợ là ở nhà chăm sóc cho con gái còn tôi vay mượn gia đình cùng anh em bạn bè mua được một chiếc công nông đầu ngang do Trung Quốc sản xuất để đi chở vật liệu xây dựng và chở hàng thuê từ Trung Quốc về thị trấn Lộc Bình, từ đó cuộc sống của vợ chồng tôi cũng đỡ vất vả hơn. Sau khi có vốn tôi đầu tư vào để vợ tôi ở nhà chăn nuôi lợn gà, tôi thì vẫn đi xe cho đến năm 2002 vợ chồng tôi lại sinh thêm cháu thứ 2, tôi đã tích lũy được một số vốn, tôi lại bán chiếc xe công nông đi và mua một chiếc ô tô nhãn hiệu Dai u để đi chở khách và chở hàng thuê từ cửa khẩu Chi Ma ra thành phố Lạng Sơn. Thấy vợ chồng tôi cũng vất vả lẫn lộn để làm ăn trong khi đó lại ở căn nhà cũ, tường cũ của bố mẹ vợ. Bố mẹ vợ tôi bàn chuyện và cho vợ chồng tôi 150m2 đất để làm nhà. Sau khi được bố mẹ cho đất đến đầu năm 2004 vợ chồng tôi cũng cố gắng làm được nhà tuy không khang trang nhưng cũng đảm bảo cho che mưa che nắng trong khi đó tôi vẫn đi chở khách và nhận hàng từ Trung Quốc mang về Lạng Sơn cho các chủ hàng, công việc của tôi rất ổn định. Rồi đến một buổi chiều đầu tháng 12 năm 2008 tôi nhận được một cuộc điện thoại và người ở đầu máy bên kia tự giới thiệu là cháu của một chị họ bên vợ tôi hẹn để gặp tôi có công việc để bàn: mới đầu tôi nghĩ chắc chị ấy có hàng để thuê tôi tới chở nên tôi cũng hẹn gặp chị ấy ở tại thị trấn Lộc Bình, tôi nhớ là khoảng ngày 7 hay ngày 8 tháng 12 năm 2008 thì tôi gặp chị ấy và chị ấy giới thiệu với tôi là chị ấy tên là Chuyên là giáo viên. Sau khi trò chuyện tôi hỏi chị ấy là có việc gì, chị ấy chỉ ập ứng, tôi bảo có việc gì cứ nói nếu tôi giúp được thì tôi sẽ giúp, cuối cùng thì chị ấy hỏi tôi là đi lại nhiều có biết ai bán ma túy không, tôi nói với chị ấy là em không mua bán cái hàng đấy đâu, sau đó chị ấy kể với tôi là nhận tiền của chủ hàng Trung Quốc để về mua ma túy mấy lần nhưng đều bị lừa, nếu chị không tìm được hàng cho nó thì chủ hàng Trung Quốc nó sẽ tìm cách hại chị. Tôi thấy chị Chuyên nói vậy thì

tôi cũng bảo: Bọn nghiện em cũng chơi nhiều để em hỏi họ nếu được em báo chị đi mà mua. Rồi vào buổi tối ngày 16/12/2008 tôi mang tiền sang Trung Quốc để mua hàng mang về Lạng Sơn để bán, khi lên chợ tôi gặp A Cố là người quen lại là con nghiện, tôi đem chuyện ra nói là có biết chủ hàng người Việt Nam nào bán ma túy không thì giới thiệu cho, tao đang tìm để mua giúp cho một người bạn. Ngồi uống nước được một lúc, khoảng 15 phút thì A Cố nói với tôi là vừa rồi tao lấy được một bánh hàng của chủ Việt Nam, tôi hỏi tên thì A Cố không nói, sau đó A Cố nói với tôi là chủ hàng cũ nó mới bị bắt nên không vào lấy hàng được, nếu tôi cần thì nó bán lại cho tôi để lấy lại vốn. Lúc đó tôi hỏi nó là bán bao nhiêu nó bảo tôi là nó mua vào 75.000 NDT sau đó tôi nói với nó là bây giờ tao chỉ có 50.000 NDT nếu mày bán cho tao nợ lại 25.000NDT, tao giao hàng cho người ta xong thì tao sang trả nốt, vì tôi liên tục sang Trung Quốc mua hàng nên A Cố đồng ý bán lại cho tôi, sau đó A Cố bảo tôi ra đường giáp ranh giữa Trung Quốc và Việt Nam để chờ A Cố mang ma túy ra, đến khoảng 11h đêm thì A Cố mang một bánh ma túy ra cho tôi, tôi trả trước cho A Cố 50.000 NDT sau đó tôi cho bánh ma túy vào cặp quần đi theo đường mòn về Chi Ma và đi nhờ xe chở hàng về sau nhà đi cất giấu. Ngày hôm sau tôi gọi điện cho chị Chuyên và bảo là đã tìm được hàng cho chị rồi đây, chị Chuyên điện lại cho tôi là để chị điện cho chủ hàng người Trung Quốc để lấy. Đến khoảng 4h chiều ngày 20/12/2008 thì chị Chuyên điện lại cho tôi và bảo chủ hàng Trung Quốc đang đi vào Ai Diêm (chợ ở cửa khẩu) để lấy hàng và hẹn tối mang ma túy lên khu vực cầu Pò Lợi thuộc thị trấn Lộc Bình để giao ma túy, Khoảng 7 tối ngày 20/12 thì tôi mang bánh ma túy lên cho chị Chuyên, sau khi đưa ma túy cho chị chuyên xong tôi chờ chị Chuyên mang đi giao cho chủ hàng người Trung Quốc và mang tiền về cho tôi. Đợi khoảng 2h đồng hồ tôi không thấy chị Chuyên quay lại, tôi gọi điện hỏi chị Chuyên sao lâu thế hay chị lừa tôi, thì chị Chuyên điện lại nói là chủ hàng Trung Quốc chưa vào đến nơi. Thế là tôi về nhà đến 5h sáng ngày 21/12 tôi đi làm cỗ hộ đám cưới thì khoảng 6h30 sáng chị Chuyên điện thoại cho tôi là muốn gặp tôi vì có việc trực trực, lúc đó tôi đang hộ đám cưới nên không về được, đến khoảng 10h sáng thì tôi về và gọi điện cho chị Chuyên, chị Chuyên hẹn gặp tôi ở khu vực cầu Ông Mán thuộc địa bàn thị trấn Lộc Bình. Khi tôi tới vào đến nơi thì bị lực lượng công an huyện Lộc Bình bắt giữ và đưa về trụ sở Công An huyện để làm rõ sự việc. Sau khi được cán bộ điều tra phân tích tôi đã nhận ra việc làm của mình vì háms lợi nhuận mà vi phạm pháp luật, tôi đã thành khẩn khai báo lại toàn bộ hành vi phạm tội của tôi, đến ngày 8/1/2009 tôi được chuyển ra Công An tỉnh Lạng Sơn và được đưa vào trại giam Yên Thịnh trong thời gian chờ đợi bản án. Đến 30/5/2009 tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn đưa tôi ra xét xử: tại phiên tòa Sơ Thẩm tôi bị tòa án tuyên phạt mức án 18 năm tù giam và đến ngày 20/10/2009 thì tôi được chuyển về trại giam Tân Lập, tôi được phân về đội 16 phân trại giam số 3 để học tập và lao động cải tạo. Trong thời gian đó tôi đã nhận rõ tội lỗi và luôn luôn cố gắng phấn đấu cải tạo để được sự khoan hồng của Đảng và Nhà nước. Đến tháng 11/2010 tôi được sự tín nhiệm của Ban giám thị, Hội Đồng cán bộ cũng như tập thể phạm nhân số 16 bầu tôi làm Đội trưởng Đội 16, trong thời gian từ khi xuống trại đến tháng 5/2012 tôi luôn cố gắng cải tạo và hoàn thành trách nhiệm mà cán bộ quản giáo giao cho, và tôi cũng được Ban Giám thị cùng Hội đồng cán bộ quản giáo khen thưởng 2 năm cải tạo lao động xuất sắc liền. Vào Thời điểm giữa tháng 4 sang tháng 5 trại giam lại thành lập thêm một số đội lao động sản xuất, nhu cầu đáp ứng nước khuấy hồ và nước uống cho phạm nhân không đủ tôi phải sử dụng một xoong nhôm nhỏ để sử dụng cho việc đun nước khuấy hồ cho đội và tổ đội phạm nhân số 16 cũng hợp bàn đóng góp để nhờ cán bộ mua giúp cho 10 bình nước lọc để uống ở xưởng lao động, sự việc trên vì là vi phạm nội quy nên tôi không ghi rõ ở đây, đó là điều rất tệ nhị. Đến 15/6/2012 nhận được phản ánh của các phạm nhân khác Hội đồng cán bộ đã kiểm tra Lò và Hòm đựng bạc phát hiện trong hòm đựng bạc của đội do tôi quản lý có để 500.000 đồng ở trong và đã thu giữ một chiếc xoong đun nước để khuấy hồ và một bếp tự tạo bằng xi măng, sau đó tôi bị Ban giám thị cùng Hội Đồng Cán bộ sử lý với hình thức cảnh cáo, lưu hồ sơ cải tạo. Sau khi bị sử lý kỷ luật tư tưởng của tôi rất chán nản, tôi chỉ nghĩ một điều vì công việc, vì trách nhiệm mà tôi

mắc sai phạm nêu trên. Qua những sự việc của tôi, tôi cũng mong muốn Ban Giám thị cùng Hội Đồng xem xét các vi phạm đối với những phạm nhân làm tròn trách nhiệm và các phạm nhân có hướng phấn đấu cải tạo bằng các biện pháp giáo dục cho hợp lý, bởi vì những phạm nhân có những mức án dài trong môi trường cải tạo này không thể giữ nổi vi phạm trong một thời gian cải tạo dài mười mấy năm được, vì thế dẫn đến một số phạm nhân án dài như chúng tôi tư tưởng không ổn định, vì một vi phạm nhỏ cũng dẫn đến kỷ luật mà phải phấn đấu lại từ đầu, thế thì mức án dài như chúng tôi cũng chẳng bao giờ có cơ hội được giảm án mà trở về cả. Qua những dòng đời và dòng suy nghĩ của tôi, tôi cũng mong muốn Đảng, Nhà nước, Ban Giám thị, cùng Hội Đồng cán bộ xem xét, để tạo cho chúng tôi một hướng cải tạo, tinh thần khoan hồng để chúng tôi có hướng phấn đấu để trở về gia đình và xã hội. Còn trong thời gian tôi bị kỷ luật tôi cũng được cán bộ Thắng gặp gỡ và động viên tôi cũng như cán bộ Linh là cán bộ quản giáo của đội 36 động viên và giúp đỡ tôi để tôi ổn định lại được tư tưởng và có hướng để mà phấn đấu cải tạo.

7. Phỏng vấn trường hợp: H.Ph.Tr.C (Giới tính: Nam)

Thời gian: Tháng 11 năm 2012

Địa điểm: Trại giam Tân Lập - Phú Thọ

Người được phỏng vấn: H.Ph.Tr.C

Người phỏng vấn: N.H.T

Can tội: tàng trữ, vận chuyển và mua bán trái phép chất ma túy.

Ngày bắt: 25/7/2010

Án phạt: 34 Tháng, lên trại: 16/5/2011, đang thụ án tại trại giam Tân Lập - Phú Thọ

Tiền sử nghiện ma túy

Tóm tắt hành vi phạm tội theo bản án

C là đối tượng tàng trữ, vận chuyển và mua bán trái phép chất ma túy. Vào 11h trưa ngày 25/7/2010 khi C đang ở nhà nghỉ thì lực lượng công an Bắc Giang kiểm tra hành chính và bắt quả tang trong phòng nghỉ của C 2 gói ma túy đá (ma túy tổng hợp) có tổng trọng lượng là 5g

Lịch sử cuộc đời

Sau đây tôi xin tự bạch đôi lời về bản thân: Vào mùa hè năm 1985 tôi được sinh ra tại bệnh viện tỉnh Bắc Giang, đến năm 1991 tôi bắt đầu đi học lớp 1 ở trường Lê Hồng Phong và học ở đó cho đến hết cấp 1. Đến năm 1996 tôi bước vào cấp 2 tại trường Trần Nguyên Hãn, đến năm lớp 9 tức năm 1999 tôi có giao du với một vài bạn bè thuộc thành phần bất hảo của các trường khác, vì hồi học THCS hay bị các bạn khác bắt nạt và bắt đầu từ đó tôi thay đổi thành một người hoàn toàn khác. Trong khoảng thời gian này tôi cũng bị số bạn bè này rủ rê chơi thử heroin 2 lần, nhưng tôi không thấy có cảm giác gì nên sau lần đó tôi không dùng nữa. Đến năm 2000 tôi bước vào cấp 3 bắt đầu học lớp 10 tại trường THPT dân lập Nguyên Hồng. Khi học hết học kỳ 2 thì tôi được xếp học lực khá, hạnh kiểm yếu và phải thi lại môn Toán và Văn, môn Toán thì tôi thi trôi chảy, nhưng đến buổi chiều thi môn Văn do buổi trưa hôm đó tôi đi chơi game và nhờ bạn vào thi hộ rồi bị phát hiện vậy là tôi phải học lại lớp 10. Mùa hè năm đó do một phần chán nản về việc học nên tôi bị thằng hàng xóm rủ chơi heroin nhưng do mấy lần trước chơi thử không có cảm giác gì, không biết là chơi chưa đủ hay thế nào nên tôi không hút, vài hôm sau nó rủ tôi chích thử và tôi đã đồng ý. Tôi còn nhớ như in rõ buổi chiều hôm đó, sau khi tôi chích thử một mũi do phê quá hay thế nào mà tôi nôn mửa như người say rượu và tôi về nhà và rồi bị ốm mất một tuần. Sau lần đó tôi thề là sẽ không bao giờ dùng ma túy nữa và đúng là không bỏ nó dễ như thế được. Người bạn tôi đã nói đúng: “nếu mày đã chích một lần, thì tao dám lấy đầu ra bảo đảm khoảng từ 3 đến 5 tháng nữa mày sẽ lại chích, vì mày không còn sợ nó như lần chơi trước nữa rồi”. Và đúng là chưa đầy 3 tháng, được khoảng hai tháng tôi đã chích lần thứ hai, lần này tôi rút kinh nghiệm để tránh bị phê quá như lần trước tôi đã giảm bớt liều lượng và đúng như dự đoán tôi đã không bị nôn và thay vào đó là một cảm giác lạ. Khi rút kim ra tôi thấy có một mùi thơm chua chua giống mùi vải thiều để

trong tủ lạnh lâu lâu tôi mở tủ lạnh sẽ chợt thấy sức lên mũi như vậy, phải vài năm sau tôi mới thấy được điều này. Rồi cảm giác lơ mơ, mặt mũi thấy dậm dậm như bị dính mạng nhện trên mặt và vuốt mặt, dụi mũi liên tục, nói năng thì luyên thuyên, lúc đó tôi thấy cảm giác thật lạ và sáng khoái. Nhưng khi tôi bỏ được rồi và nhìn những người nghiện heroin chơi xong đều như vậy khi đó nhìn vào thì thấy thật ghê tởm và ghê sợ nghĩ lại mà nổi da gà.

Quãng thời gian đó cứ 3- 4 ngày hoặc một tuần tôi chơi một lần, lúc nào thích thì chơi, không thì thôi nên tôi nghĩ nó không đáng sợ như mọi người vẫn tuyên truyền nên tôi không sợ nó nữa. Một tháng sau... tôi bắt đầu đi học lại lớp 10, một tuần đầu đến lớp tôi chỉ lẩn ra ngủ, lúc đó tôi biết mình đã bắt đầu bị ngấm nhưng tôi vẫn không thấy sợ nó vì lúc đó tôi thấy nó không khó bỏ như mọi lời tuyên truyền, lúc đó tôi chỉ muốn bỏ nó để chú tâm vào việc học. Và học kỳ I năm lớp 10 thứ 2 tôi đã học rất khá đạt học lực khá, hạnh kiểm khá. Nhưng đúng lúc đó nhà trường thay đổi hiệu trưởng, tôi còn nhớ khi đó ông Siêu lên thay ông Cốc làm hiệu trưởng và đã đuổi hơn 50 học sinh cá biệt, trong đó có cả tôi. Vì bố tôi quá quan tâm sợ tôi bị bạn bè xấu lôi kéo, bỏ học đi hút hít nên bố đã nói với cô giáo chủ nhiệm và chú bảo vệ để ý đến tôi, nếu tôi bỏ học thì báo ngay cho bố tôi, và chính điều đó đã đến tai ông hiệu trưởng rồi tôi bị đuổi học. Thời gian đó tôi ở nhà đã rất chán nản và ức chế vì tôi luôn nghĩ “đánh kẻ chạy đi chứ ai đánh người chạy lại”, tôi đã rất cố gắng làm lại tất cả và đã làm rất tốt nhưng kết cục thì ngược lại hoàn toàn. Tôi càng buồn và chán nản hơn khi biết các bạn trong lớp làm đơn xin cho tôi đi học và bị chối từ, các bạn nữ trong lớp thì ôm nhau khóc vì hồi đi học tôi luôn bảo vệ các bạn nữ từ chỗ để xe, chỗ vui chơi và đồ vật của các bạn nên được các bạn nữ rất quý. Sau đó tôi lại thay đổi và lao vào các cuộc chơi bời, ầu ẩu ở các trường trung học rồi chơi ma túy ngày càng nhiều hơn. Khoảng 2 tháng sau bố tôi xin cho tôi xuống học ở trường THPT dân lập Yên Dũng, lúc này chỉ còn là nghĩa vụ để làm bố mẹ vui lòng. Nhưng lần đi học này tôi không bỏ ma túy như lần trước, vì học ở xa nhà nên bố tôi cho tôi chiếc xe Dream Thái để đi học và mua cho điện thoại di động để quản lý xem tôi đi đâu mỗi lần ông cần biết, chính điều đó đã giúp cho tôi càng đi chơi nhiều hơn. Khi học hết cấp III mẹ tôi muốn tôi vào bộ đội nhưng tôi không nghe, chú tôi và bố tôi muốn tôi vào công an vì lúc đó chú tôi đang làm Phó Ban giám thị trại giam Kê. Lúc đó tôi không nghe ai cả và đã thú nhận với bố mẹ là đã nghiện ma túy heroin suốt mấy năm học trung học, và bố tôi đã nhờ bạn bè tôi cai tại nhà nhiều lần nhưng đều không được. Bố tôi lúc đó đành bắt lực vì quá nhiều lần mang đồ của nhà đi cầm cố để lấy tiền hút chích, nên bố tôi đành cho tiền đi mua về nhà chơi, có lần tôi đã đi mua nhưng không về nhà ngay mà đi chơi 2 ngày sau mới về, sau lần đó bố tôi muốn tôi chỉ ngồi ở nhà bố khắc đi mua về cho chơi. Nhiều hôm mưa bão bố tôi không cho tôi đi và ông đi mua về cho tôi chơi, sau khoảng nửa tháng tôi thấy thương bố mẹ thì đúng lúc đó có một người bạn của chị hàng xóm nói ở Vĩnh Yên, Vĩnh phúc có một nhà cai nghiện rất giỏi. thường thì người nghiện ma túy khi vật vã thì không thể ngủ được, có người uống 26 viên thuốc ngủ G10 (đây là loại thuốc ngủ cực mạnh) cũng không ngủ được mà lại tỉnh, đỡ vật vã hơn, còn người bình thường mà uống vài viên chắc phải đi cấp cứu. Nhưng nhà ông Lĩnh trên Vĩnh Phúc có một loại thuốc lạ là chỉ tiêm một mũi là ngủ được 3 ngày, mà người nghiện heroin chỉ bị vật khoảng 3 ngày đầu nên tôi đã quyết định lên đó cai nghiện. Và đúng như vậy sau khi tôi tiêm xong mũi thuốc khoảng 10 phút sau tôi đã ngủ thiếp đi gần 3 ngày sau tôi tỉnh dậy, bình thường mọi người phải mất 4-5 ngày truyền nước và đấm thì mới tỉnh táo lại bình thường nhưng tôi chỉ mất 2 ngày đã tỉnh vì sau khi tỉnh lại tôi đã ăn rất khỏe. Ở đó người ta chỉ một tuần là được về và người ta lấy 5 triệu, nhưng hết một tuần tôi thấy trong người rất thèm và nhớ ma túy nên tôi nghĩ nếu về nhà trong lúc này là không thể giữ được mình. Tôi đã nói thẳng với bố như vậy, và bố tôi đã nói chuyện với ông bà chủ cho tôi ở lại một thời gian và đóng tiền ăn. Ba tháng sau tôi thấy tâm lý đã ổn định, không thấy thèm muốn ma túy như lúc mới cai dứt cơn xong nữa thì tôi xin bố tôi cho tôi về nhà. Khi về đến nhà thì mọi chuyện vẫn ổn và tôi nghĩ là đã bỏ được hẳn rồi, nhưng khi đã ra đường, đi qua những chỗ mình đã từng ngồi chính và gặp những thằng nghiện bỗng tôi thấy nổi da gà và nhất là khi gặp thằng

nghiện bên cạnh nhà, chính cái thằng nó đã rủ tôi chích và hay chơi cùng tôi nhất thì tôi thấy trong đầu bỗng thêm muốn và nhớ ma túy quá, nhưng lần này tôi sẽ không để nó rủ rê mình nữa, tôi liền chạy vào nhà và gọi bố về rồi kể cho bố nghe những điều đó và xin bố cho quay lại Vĩnh phúc một lần nữa. Lần này quay lại đó, nhà ông đó có một loại thuốc chống tái của Pháp, giá 80 nghìn/viên và sáng nào cũng phải uống một viên, uống liên tục trong một năm. Nhưng khi tôi uống ở đó được 3 tháng thì tôi biết ở bệnh viện Bạch mai cũng có thuốc chống tái giá 30 nghìn/viên nên tôi xin bố tôi cho ra Hà Nội học nghề tạo mẫu tóc, để đi uống thuốc. Thuốc chống tái này người ta không bán nhiều viên một lúc nên sáng nào cũng phải đến khoa chống độc của Bệnh viện Bạch Mai để uống một viên, khi uống người ta rặn nếu chơi ma túy vào thì sẽ chết ngay vì ma túy sẽ phản ứng với thuốc chống tái. Khi tôi uống được khoảng 3 tháng thì tôi thấy có người nói uống thuốc này vào nếu chơi ma túy thì cũng chẳng bị làm sao. Nên tôi đã quyết định chơi thử, mới đầu là hít sau đó là chích thì tôi thấy trong người có cảm giác phê pha phấn khích như lần đầu tiên mới chơi. Tôi đã quyết định không uống thuốc nữa và kể hết với bố tất cả, và tôi khẳng định với bố tôi rằng sẽ bỏ được ma túy mà không cần uống thuốc chống tái nữa. Lúc đó bố tôi đã rất tin tưởng tôi và ông đã đồng ý với ý kiến của tôi. Thời gian sau đó tôi không bao giờ động đến ma túy nữa, tôi học làm tóc được một năm ở Hà nội. Đến mùa hè năm 2006 tôi vào thành phố Hồ Chí Minh học nâng cao và thi lấy bằng tạo mẫu tóc quốc tế, dự định của tôi sang Đức làm tóc. Nhưng thời gian học trong Sài Gòn 10 tháng tôi rất nhớ nhà nên tôi quyết định không đi nước ngoài nữa mà sẽ về Hà Nội làm tóc, nhưng tính tôi thích chơi hơn thích làm, được nửa năm sau thì tôi mang tiền lên các sới bạc cho vay tín dụng mỗi ngày cũng kiếm lời được 2 – 3 triệu. Đến năm 2009 tôi thuê một cửa hàng trên đê Trần Khát Chân (đê Lương Yên cũ), quận Hai Bà Trưng – Hà Nội để mở quán nét bằng tiền của bố tôi. Đến năm 2010 vì lô đề tôi đã phá sản và bán hết quán nét, trả cửa hàng tôi sang quận Đống Đa thuê nhà trong ngõ Xã Đàn 2. Thời gian này tôi bắt đầu chơi đá, một loại ma túy tổng hợp phổ biến lúc đó ở Hà Nội, tên hóa học của nó là Methamamin. Tôi biết chơi ma túy tổng hợp nó không khó bỏ như Heroin. Tôi đã từng chơi thuốc lắc giữa năm 2007, được vài tháng tôi chán mà không chơi nữa. Đầu năm 2008 tôi chơi ketamin đây là một loại thuốc giảm đau và gây mê trong phẫu thuật cực mạnh, người chơi sẽ có những ảo giác lạ và đẹp theo tiếng nhạc riêng của nhạc ke. Nếu người chơi sử dụng nhiều sẽ dẫn đến hỏng giác mạc và giảm trí nhớ dẫn đến hỏng giác mạc và giảm trí nhớ dẫn đến trầm cảm và lòa mắt. Nhưng tôi chơi được vài tháng lại cảm thấy chán và không chơi ke nữa. Nên đến lúc chơi đã tôi cũng nghĩ nó sẽ như vậy nếu không thích thì lại thôi, nhưng không phải như thế... Đá là một chất đúng hơn là một tạp chất rất độc hại nó lôi cuốn con người vào mọi việc mà người sử dụng đá chỉ cần nghĩ là làm, nó làm tăng ham muốn dục vọng và người sử dụng nhiều sẽ bị đá làm nhũn não và trở nên điên dại... Đến đầu năm 2010 tôi không thuê nhà nữa, do đánh lô đề hay trúng quả đậm nên tôi chuyển ra thuê khách sạn ở để tụ tập chơi đá và đánh lô đề cho tiện. Đến giữa năm 2010 thì vận đen đến, thua tha nhiều lúc đó lại chuẩn bị đến ngày kỷ niệm 2 năm yêu nhau giữa tôi và bạn gái tôi (3/9/2008 đến 3/8/2010), nên tôi đã mua 15 gam ma túy đá ở bến xe Lương Yên để mang về Bắc Giang bán lẻ. Tôi mua 15 gam đá với giá 20 triệu nếu trót lọt bán lẻ được hết chỗ đá này thì sẽ lời ra 20 triệu nữa, nhưng về tới Bắc Giang tôi thấy không khả quan lắm, tôi thuê một nhà nghỉ ở gần nhà tôi đến ngày thứ 3 thì bị bắt, tôi không nhớ là đã bán được bao nhiêu khi cán bộ công an gõ cửa tôi đã cầm hết đá vào nhà vệ sinh để xả đi, nhưng còn 2 gói to không trôi đi được tổng trọng lượng của 2 gói đó là 5 gam và tôi đã bị bắt. Suốt 3 ngày tạm giữ ở công an thành phố tôi chỉ nằm ngủ và không thấy vật vớ gì cả, đến ngày thứ 5 tôi không còn ngủ li bì nữa nhưng trong người thấy mỏi mệt và tôi được chuyển lên trại tạm giam Kế ngày 1/8/2010. Tôi mang ma túy đá về đến Bắc giang lúc 6 giờ sáng ngày 23/7/2010 đến ngày 25/7/2010 thì bị bắt lúc 11 giờ.

Lúc đầu tôi chỉ nghĩ bỏ đá chỉ mất vài hôm đến một tuần như khi tôi ở trại tạm giam Kế tôi thấy phải mất 3 tháng thì tâm lý mới hoàn toàn ổn định không còn ham muốn hay nhớ nhung gì đến ma túy đá nữa. Một phần vì tâm lý tôi đã muốn bỏ từ lúc chưa bị bắt và để

chuẩn bị cuối năm đó thì cưới vợ. Nhưng một lần nữa tất cả những gì tôi làm cho bạn gái tôi lại bị đập đổ, đến ngày 16/2/2011 là hôm tôi xử phúc thẩm và cũng là lần cuối cùng tôi gặp người yêu tôi. Tôi thề từ sau khi mãn hạn tù lần này tôi sẽ không vì bất kỳ ai mà làm những điều ngu ngốc để rồi phải trả giá đắt như thế này. Đến lúc đó tôi chỉ còn biết cố gắng sống tốt và chấp hành nội quy thật tốt để sớm về với xã hội và làm lại tất cả tất nhiên là không phải bán ma túy lại mà sẽ làm những công việc lương thiện và sống thật đàng hoàng để cho mọi người biết tôi không phải là một người xấu hay là một đồ bỏ đi,

Ngày 16/5/2011 tôi bắt đầu được chuyển lên trại giam Tân Lập, sau mấy hôm tôi được học nội quy rồi được phân về đội 13, đội của tôi trồng rau và nuôi cá, nuôi lợn. Trong thời gian ở đây tôi đã nhận được rất nhiều sự quan tâm của trại cũng như của thầy quản giáo, tôi thấy rất yên tâm để cải tạo. Về phần tôi, tôi luôn nỗ lực cố gắng phấn đấu, và luôn đạt loại cải tạo khá từ lúc lên trại đến giờ. Tôi đã biết tội lỗi của mình và tôi mong những gì tôi làm bây giờ, để mong rằng sẽ chuộc lại một phần nào tội lỗi của mình đã gây ra cho xã hội và để sớm được về với gia đình và xã hội. Tôi sẽ cố gắng trở thành một công dân tốt và luôn sống và làm việc theo hiến pháp và pháp luật, để không bao giờ lầm đường, lạc bước như thế này một lần nữa./.

8. Phỏng vấn trường hợp: D.Ng.Th (Giới tính: Nam)

Thời gian: Tháng 11 năm 2012

Địa điểm: Trại giam Tân Lập - Phú Thọ

Người được phỏng vấn: D.Ng.Th

Người phỏng vấn: N.H.T

Tội danh: Mua bán trái phép chất ma túy

Ngày bắt: 26/3/2009

Án phạt: 16 năm

Tiền án tiền sự: Không

Ngày lên trại: 25/11/2009

Hiện đang cải tạo tại đội Trại giam Tân Lập - Phú Thọ

Sau đây tôi xin trình bày quá trình cuộc đời của tôi từ nhỏ đến bây giờ!

Được bố mẹ sinh ra, nuôi ăn học từ nhỏ năm lên 6 tuổi tôi được học tại trường PTCS cấp 1 và tiếp theo sang học cấp 2 cũng trường THCS Hoàng Thanh, được bố mẹ chăm lo, quan tâm tương đối đầy đủ - vì tôi sinh ra trong một gia đình có 5 anh em trai, tôi là con út trong nhà. Bố mẹ và các anh tôi đều quan tâm đến tôi, từ cái nhỏ đến cái lớn. Từ đó tôi cũng được thầy cô dạy bảo đến nơi đến chốn. Cho nên tôi liên tục là học sinh khá và những năm đó đều được giấy khen. Không bị lưu ban năm nào, cho đến khi thi chuyển cấp tôi đã trúng tuyển vào trường PTTH cấp 3 số 1 Hiệp Hòa, 3 năm ăn học ở đây cũng vậy, tôi thường xuyên là học sinh khá, luôn chấp hành nghiêm chỉnh nội quy của nhà trường, không vi phạm và có làm công tác Đoàn và một số việc của lớp.

Sau khi học xong tôi không đăng ký dự tuyển vào các trường, có bằng tốt nghiệp tôi nghỉ học ở nhà giúp bố mẹ, gia đình làm ruộng và chăn nuôi. Trong quá trình những năm tháng ở nhà tôi thấy gia đình làm nông nghiệp cũng vất vả mà bản thân tôi đã trưởng thành. Tôi có giao lưu, quan hệ bạn bè bên ngoài. Qua đây tôi biết giá cả một số mặt hàng có thể mua đi bán lại có %, trong đó là mặt hàng thuốc tây mua của một số anh em đi nước ngoài đem về. Chuyển đi miền nam lấy thuốc là du lịch (Trắng + Giấy cuộn thuốc, mì chính) đem ra ngoài này giao cho các đại lý kiếm lời. Thời gian đi lại tôi cũng kiếm được một chút đồ đạc cho gia đình. Song song thời gian này vào những năm 1981 thị trường biến đổi. Nhu cầu người dân quê tôi đã có đủ của ăn của dùng, tôi chuyển sang buôn xe máy và tivi... Thông qua một số thợ ở TP Bắc Giang trong đó có anh: Nguyễn Đình Chiến hiện đang cải tạo tại đội 21 phân trại số 3. Những năm tháng này là tôi thành đạt nhất mà không có vấn đề gì xấu, bên cạnh đó tôi còn làm thuê một số việc như chạy vật tư như: lân, đạm từ Phú Thọ - Hải Phòng về đổ cho các HTX quê tôi. Cho đến năm 1986 tôi lấy vợ và vợ tôi là giáo viên dạy trường

THCS cấp 2 xã nhà. Năm 1987 vợ chồng tôi sinh cháu đầu, vẫn công việc buôn bán như vậy và năm 1990 đẻ cháu thứ 2, cuộc sống nó có vất vả hơn do các anh đã ở riêng nên phần nào cũng vất vả vì công việc, kinh tế. Vậy tôi đã cùng em vợ chạy xe công nông, chở vật liệu lấy công để giúp vợ con gia đình, được một thời gian, bố đẻ tôi lâm bệnh hiểm nghèo, các anh tôi bảo tôi nghỉ chạy xe để trông nom bố tôi cùng mẹ già. Vì 4 anh tôi đang công tác không có nhà. Sau 5 tháng bố tôi mất, ổn định công việc. Tôi và em vợ không làm xe, mà vẫn làm công việc buôn bán xe pháo như cũ, cho đến năm 2000 (Công ty khai thác thủy nông sông cầu) tuyển một lớp ngắn hạn tại Bắc Ninh, anh cả tôi đã xin cho tôi đi học một lớp học tại Phố Và, lúc đó lớp học có 9 người. Tôi làm lớp trưởng, 3 tháng học ở đây tôi luôn chấp hành nghiêm túc đến khi thi tôi đã có bằng khá, về nhà trong lúc chờ xin việc, tôi không đi đâu cả chỉ trông nom con cho vợ đi dạy học, đến đầu năm 2001 tôi được tuyển vào công ty khai thác thủy nông Sông Cầu. Được phân về: Xí nghiệp khai thác thủy nông Phú Bình. Làm ở đây cho đến đầu năm 2003 tôi được Ban Giám đốc điều về xí nghiệp khai thác thủy nông Hiệp Hòa. Được phân công về Cụm thủy nông Gia Tự, phụ trách hợp đồng theo dõi, dẫn nước tưới tiêu cho 2 xã là Hoàng Lương và Hoàng Thanh. Đồng thời thanh toán hợp đồng (Thu tiền thủy lợi phí) của 2 xã trên. Nói chung công việc đều diễn ra bình thường cho đến khoảng giữa năm 2003 mẹ tôi lại bị ung thư gan vào giai đoạn cuối. Mà 4 anh trên tôi vẫn đang công tác, vợ tôi cũng vậy hơn thế mẹ tôi vẫn ở cùng tôi, cho nên cần có sự quan tâm chăm sóc của các con, tôi lại là con út nên cũng là người ở cùng từ nhỏ, mang nặng tình cảm của mẹ đối với con, mà công việc so với 4 anh và vợ xin nghỉ là thuận lợi hơn. Lúc đó anh cả tôi đang làm Bí thư huyện xin cho tôi nghỉ một thời gian, để trông nom mẹ tôi cho đến đầu tháng 12 vào ngày mùng 8 âm năm 2003 mẹ tôi đã mất. Công việc lo cho mẹ tôi xong, sau tết tôi lại đi làm bình thường. Nhưng nỗi đau mà mẹ tôi qua đời là một tổn thất rất lớn về mọi mặt trong đó ngoài tình cảm máu mủ mẹ con thì còn phần tổn thất kinh tế. Lý do lúc đó mọi người dân xóm tôi đều biết các anh tôi có chút ít điều kiện về mọi mặt. Nên các anh tôi chiều tôi, giúp tôi rất nhiều về mặt kinh tế cũng như tình cảm bảo ban tôi làm ăn chân chính. Nỗi buồn nối tiếp nỗi buồn, trong quan hệ bạn bè, yêu đương, mất mát lại mất mát, tôi không vượt qua được sự hẫng hụt này. Không tự chủ được mình vậy tôi bảo anh Cầu tôi (em xin thôi việc). Anh tôi đồng ý tôi, phân tích cho tôi điều hơn lẽ thiệt. Nhưng tôi vẫn không đồng ý, thế là tôi viết đơn xin thôi việc và hưởng chế độ một lần. Có số tiền này và còn số vốn của gia đình tôi vẫn chăn nuôi gà và làm ruộng bình thường. Tôi nuôi gà từ nhỏ đến lúc được thịt với số lượng vài trăm con một lần. Do thiếu kinh nghiệm trong chăn nuôi cộng thêm sự không may mắn nữa nên số gà đã chuẩn bị xuất thì có đợt dịch, thế là đàn gà chết gần như hết, giống, vốn... đều ra đi. Các anh cũng có gia đình con cái riêng, nên phần nào cũng không bằng lúc mẹ tôi còn sống ở với tôi được. Đánh rằng có công việc chính đáng, làm nhà, học hành của con tôi các anh vẫn giúp kẻ cả cho tôi. Sự mất mát về chăn nuôi này là cú sốc đầu tiên về làm ruộng và chăn nuôi. Tôi thấy tiếc tiền cũng như công sức thực của mình đã bỏ ra. Bản thân tôi lại không muốn công việc trước thất bại mà tôi lại làm lại. Vì thế tôi lại vay mượn thêm ngoài vốn và còn chút ít của nhà, tôi lại buôn xe và môi giới xe máy cũng như các mặt hàng khác nữa. Miễn là có tiền lời, để có tiền cùng vợ tôi nuôi 2 con gái tôi ăn học. Mong muốn của tôi lúc đó là 2 con tôi được ăn học bằng người. Thời gian đó con gái lớn của tôi đã học xong cấp 3 thi đỗ vào trường cao đẳng Ngô Gia Tự - Bắc Giang. Còn đứa thứ 2 đang học cấp 3 nên kinh tế mỗi ngày một lớn hơn. Tôi vẫn làm ăn như vậy thuận lợi không vướng mắc gì cho lắm. Cho đến năm 2008 đứa con lớn sắp ra trường. Thì đứa thứ 2 của tôi thi đỗ và đại học thì chi phí lại tốn hơn cho việc học và xin việc làm cho cháu đầu. Tôi thấy buồn, vui lẫn lộn, vui là con mình đã thành đạt như mong muốn. Buồn là nếu như bản thân người bố vẫn còn công tác, đồng lương có ít nhưng con cái tự hào hơn. Nhưng tôi vẫn an ủi mình và động viên gia đình nhất là vợ tôi. Tôi vẫn làm ăn bình thường như trước. Cho đến cuối năm 2008 tôi đi ăn cỗ ở dưới xã Ngọc Vân, Tân Yên nhà thằng em tôi, lúc đó tôi có quen biết một người ít tuổi hơn tôi là cùng xóm chơi với chú em tôi. Người đó là Bùi Thế Yên ở thôn Hội Phú dưới, qua tiếp xúc nói chuyện, tôi

biết anh Yên có buôn bán Heroin. Sau bữa tiệc đó anh bảo tôi có làm ăn thì anh tạo điều kiện giúp. Miễn là có chỗ giao hàng. Vốn có nhiều thì làm nhiều, có ít thì làm ít, và anh Yên hứa sẽ giúp thêm vốn nếu tôi thiếu vốn. Tôi có bảo tôi không có nhiều tiền để làm. Hơn thế nữa sợ vi phạm hay các anh tôi biết thì các anh mắng. Yên bảo nếu không anh có nhiều quan hệ. Chỗ nào họ lấy cứ bảo em, em sẽ đem cho người ta, miễn là người ta là quen với anh, anh tin tưởng là được. Còn em sẽ cắt % cho anh. Còn cái tôi sợ là vi phạm pháp luật Yên bảo tôi. Anh giới thiệu không sao cả, vì anh có đi lấy và giao hàng đâu mà sợ. Trước khi ra về ở nhà Yên tôi đồng ý là có khách tôi giới thiệu hay gọi điện cho. Đồng thời lấy số điện thoại của Yên còn giá cả thì trao đổi qua điện thoại.

Vào một buổi sáng đầu năm 2009 trên đường ra phố Thắng chơi, sang đến đất Hoàng Lương thì gặp Hoàng Chí Hiếu, hiện đang cải tạo tại đội 16. Tôi và Hiếu có dừng xe nói chuyện hỏi han nhau qua về công việc làm ăn. Xong chia tay nhau và Hiếu bảo tôi mai em lên anh chơi, anh có nhà không, tôi bảo mai cứ lên. Sáng hôm sau Hiếu có lên và qua nói chuyện Hiếu hỏi tôi là anh có làm cái kia không, tức là Heroi không, tôi bảo không làm và không có tiền để mà làm, sợ dính pháp luật lắm. Hiếu bảo em có thằng bạn đi bỏ đội cùng bây giờ nó ở nhà nó vẫn làm hàng này với số lượng một vài cây một lần. Tôi bảo Hiếu nếu làm thì tao bảo thằng em ở Ngọc Văn nó vẫn làm còn giá cả, số lượng do chúng nó tự thỏa thuận với nhau. Mình ở giữa cắt phần trăm là được, qua buổi nói chuyện này, bây giờ tôi mới thấy, bản thân tôi không hiểu biết gì về ma túy. Nhất là bộ luật quy định xử phạt như nào. Hôm sau khoảng gần trưa tôi thấy Hiếu cùng một người thanh niên nữa, mỗi người một xe lên nhà tôi. Hiếu tự giới thiệu người cùng đi tên là Ngh, Ngô Khắc Ngh (hiện đang cải tạo tại đội 16K3). Nghiệp muốn lấy hàng lúc này tôi hỏi lấy nhiều hay lấy ít. Nghiệp bảo lấy hơn 2 cây, tôi hỏi Nghiệp có tiền chưa, Nghiệp bảo có rồi, tôi bảo tôi không làm mà chỉ có chú em nó làm cần thì anh chỉ giúp thôi, còn giá cả...anh không biết đâu. Nghiệp đồng ý và bảo anh cứ giúp em, được em không quên các anh đâu. Vậy là tôi điện luôn cho Yên hỏi có hàng chưa. Giá bao nhiêu cho anh biết ngay để thông báo cho khách, khách đang ngồi nhà anh mà. Vậy Yên thông báo có và giá 19 triệu một cây. Nghiệp đồng ý và nói luôn nếu xong mỗi cây cho tôi và Hiếu 1.500.000đ. Hai bên thỏa thuận xong. Khoảng 1h sau Yên đi cùng một người thanh niên trẻ tuổi lên nhà tôi bằng một chiếc xe máy màu đỏ, lên đến nơi, tôi giới thiệu xong, tôi ra ngoài vệ sinh, khi vào trong nhà thì Yên bảo tôi công việc chúng em đã thống nhất rồi. Bây giờ hai chú cháu em đem hàng xuống nhà Nghiệp giao và lấy tiền, anh cứ ở nhà xong em sẽ quay lại gặp anh sau. Lúc này cả 4 người Nghiệp, Hiếu cùng chú cháu Yên ra đi, lúc đó khoảng giữa trưa, tôi chờ mãi không thấy hỏi âm gì, cho đến đầu chiều cùng ngày mới thấy hai chú cháu Yên quay trở lại nhà tôi và thông báo mất hết hàng rồi. Lý do xuống đến nơi Nghiệp bảo 3 anh em cầm lấy 10 triệu đồng chờ ở nhà để Nghiệp đem hàng ra dốc Bách Nhẫn đưa hàng và lấy tiền về trả. Một lúc sau khi đó chúng em đang ngồi nhà bố Nghiệp thấy công an đi xe vào nhà Nghiệp thế là chúng em nổ xe chạy luôn về đây, còn Hiếu về nhà rồi. Sau buổi hôm đó, hôm sau Hiếu lên nhà tôi thông báo Nghiệp đã bị bắt ngay, còn anh em mình như nào chưa biết. Tôi bảo chắc mình cũng chẳng làm sao đâu, cùng lắm là công an đi cùng Nghiệp, Nghiệp nói đến anh em mình thì mình sẽ gọi lên làm chứng thôi. Cho đến mấy ngày sau tôi nhận được tin Hiếu cũng bị bắt. Còn tôi, tôi nghĩ không sao, tôi vẫn đi lại bình thường như không có tội (Lý do là tôi không hiểu về luật ma túy) cho đến ngày 26/3/2009 đang ngủ trưa tôi thấy mấy anh công an đi cùng công an xã vào nhà tôi. Vào đến nhà các anh giới thiệu là công an đội phòng chống ma túy PC17 của tỉnh, xuất trình đọc lệnh bắt và khám xét khẩn cấp mong tôi và gia đình tạo điều kiện. Qua khám xét gia đình không có bất cứ một cái gì của dấu hiệu buôn ma túy cả. Sau đó tôi được dẫn giải về công an tỉnh lấy cung luôn. Mọi cái diễn ra không vướng mắc gì, đều thuận lợi. Cho đến khoảng 19h cùng ngày Công an tỉnh đưa tôi về trại tạm giam ở Kế để hoàn thành thủ tục hồ sơ. Cho đến ngày 31.8.2009 Tòa án tỉnh mở phiên tòa xét xử chúng tôi. Tòa án tuyên phạt Nghiệp 18 năm, Hiếu 18 năm, còn tôi 16 năm cho đến ngày 25/11/2009 tôi được chuyển về trại giam Tân Lập, ở phân trại số 3 cho đến nay.

Về đây tôi cũng như mọi phạm nhân khác được học nội quy, quy chế trại, 20 điều nếp sống văn hóa và 4 tiêu chuẩn thi đua chấp hành án phạt tù. Qua đây tôi thấy và hiểu rõ hơn luật, nội quy... của Cục cũng như trại giam, để xác định cũng như hướng phấn đấu cho bản thân mình. Một tuần học xong tôi được phân về đội 16 dán bạc cho đến ngày 01/04/2009 tôi được chuyển về đây. Về đây tôi luôn hoàn thành công việc cán bộ quản giáo phân công, bên cạnh tôi vẫn là phạm nhân trực tiếp giúp cán bộ ghi biên bản, chấm công... Tôi luôn gương mẫu không hề vi phạm điều gì cho đến 7/5/2012 không hiểu lý do gì mà tôi lại chuyển về đội 35 dán bạc, mặc dù tuổi ngoài 50 sức khỏe có hạn, tôi cũng rất buồn, được cán bộ phân công giấy hồ và biên bản giấy tờ... và vẫn dán hơn ½ mức khoán vào giấy, chân yếu lưng đau, đã nhiều lần tôi ý khiến cán bộ quản giáo đổi việc cho tôi không vác giấy nữa, mà chỉ bóc giấy đưa cho anh em vào. Nhưng vẫn chưa được quản giáo chuyển cho. Mà bản thân tôi không vi phạm, luôn gương mẫu đi đầu, chưa bao giờ phải nhắc nhở. Trong khi đó có một số phạm nhân khác trẻ tuổi không bệnh tật lại vi phạm, lại làm công việc nhẹ hơn tôi.

9. Phỏng vấn trường hợp: Ph.Th.TH (Giới tính: Nam)

Thời gian: Tháng 11 năm 2012

Địa điểm: Trại giam Tân Lập - Phú Thọ

Người được phỏng vấn: Ph.Th.Th

Người phỏng vấn: N.H.T

Bị bắt ngày 24/4/2008

Án phạt: 8 năm tù giam, tội: Mua bán trái phép chất ma túy

Lịch sử cuộc đời.

Tôi được sinh ra tại mảnh đất Trại Mía của thị xã Bắc Giang – tỉnh Hà Bắc nay là Thành phố Bắc Giang.

Bố tôi tên là Phạm Thanh L, Mẹ tôi tên là Nguyễn Thị Th cả 2 bố mẹ tôi đều là thanh niên xung phong hòa tuyến (sau này tôi đi dò hỏi mới biết là có công việc như vậy) và cả hai bố mẹ tôi và tôi đều bị trúng bom ở tại Ga Bắc Giang năm 1967- 1968 gì đó, tôi may mắn thoát chết và nằm viện Xanhpon Hà Nội, rồi nhi Thụy Điển Quảng Ninh, rồi được một người đàn ông có tên là Khánh đưa về xã Phương Đông – Yên Dường – Quảng Ninh để nuôi dưỡng, sau tôi gọi là cậu và vợ ông ta là mẹ. Hai cậu mẹ tôi sau này đều vào trong mỏ than Vàng Ranh, mót nhặt than đá để bán lấy tiền nuôi tôi và 3 đứa con của cậu mẹ tôi, tôi bản thân từ nhỏ cùng anh Tuấn tôi và cậu mẹ hàng ngày vào trong mỏ để nhặt than bán, đến năm tôi 12 tuổi, cậu mẹ tôi có tiền mua thuyền để buôn bán vôi và cả nhà đều xuống thuyền ở (Bán nhà ở xã Phương Đông) và từ đó thuyền nhà tôi lúc thì neo đậu ở cọc 6, phà rừng, lúc thì về bến Kiên hoặc cảng mới Hải Phòng, nay đây mai đó, rồi đến năm 14 tuổi tôi mới tâm sự và rò hỏi về bố mẹ đẻ của tôi thì bố mẹ nuôi mới nói cho tôi biết, là cậu tôi cùng tiểu đội thanh niên xung phong và cùng lớp tuyến đường từ nhà máy phân đạm đi Uông Bí - Quảng Ninh (Chuyên san lắp mặt bằng để lắp đường sắt, để cho tàu hỏa đi) tôi bị gãy cột sống, nhưng may mắn thoát chết còn bố mẹ tôi cùng kíp làm đêm đó tại ga Bắc Giang đều bị trúng bom, tôi xin cậu mẹ nuôi về Bắc Giang, gõ cửa tất cả các cơ quan hành chính họ đều trả lời không rõ (vì tôi lại không biết chữ), tôi mới biết chữ năm 2002 (xóa mù chữ tại Vĩnh Quang).

Tôi không ở với cậu mẹ nữa, tôi sắm đồ đi bán nước chè chén ở tàu Bắc Giang – Uông Bí – Quảng Ninh, xa đâu là nhà, ngã đâu là giường, thỉnh thoảng tôi lại về thăm cậu mẹ tôi, sau đó tôi cũng có ít vốn đi Sài Gòn, vừa bán chè chén vừa mua bắt kẻ loại mặt hàng gì như: thuốc lá sợi, chè, nhựa thông hoặc chân bàn máy khâu hay vòng bi dây culoa, đem vào Sài Gòn, khi ra, cũng bắt kẻ hàng gì mà ngoài Bắc này cần mà có lãi. Ví dụ như các loại (xoa vôi) của Sài Gòn, đem bán cho các cửa hàng ở Hà Nội để họ cất áo dài thêu rồng, phượng để bán cho người nước ngoài làm đồ lưu niệm hoặc phụ tùng xe máy, xe đạp..vv...

Cho đến đầu năm 1990 tôi về Quảng Ninh vào xí nghiệp mỏ than Vàng Ranh 22, tôi thu mua chì và đồng đỏ, thì tôi quen một người phụ nữ kém tôi 5 tuổi tên là Hiền, cũng vào đó thu gom phế liệu, nhà ở cách mỏ than Vàng Ranh 3km, chúng tôi thương nhau và về ở với nhau,

tôi đưa về Hải Phòng, lúc này cậu mợ nuôi tôi không đi thuyền nữa và lên bờ mua một căn nhà ở dưới khu bờ đê cầu Niệm để buôn tre nứa (Nay về Tân Tiến ở với con trai).

Xin phép gia đình đi hỏi vợ và làm mâm cơm hai gia đình gặp mặt và cho chúng tôi về ở với nhau, rồi vợ tôi có thai, gần 3 tháng thì xin phép cậu mợ tôi về thăm anh vợ tôi – anh Hoằng ở Quảng Ninh gần mỏ Vành Ranh, rồi chuyện buồn xảy ra với vợ chồng tôi. Vợ tôi ra vườn vật na không may ngã sảy thai. Về cậu mợ tôi thương tôi, tiếc mất đứa cháu nên hay day nghiến vợ tôi, vợ tôi sau khi sảy thai lại bị bệnh hậu sản, tôi đang thuốc men chạy chữa, thì vợ tôi xin về Quảng Ninh nói có người chữa giỏi, về đó chữa chạy. Khi về được 2 tháng thì tôi gọi vợ tôi về, vợ tôi nói sợ cậu mợ không về, tôi đành phải bảo vợ cùng tôi về quê tôi. Nhưng không có nhà, tôi đi thuê nhà, ở nhà máy nước đá Bắc Giang, ở được gần 3 tháng (về Bắc Giang 1-7-1991 đến 22-10-1991) thì tôi mua căn nhà ở 189 Chi Ly –Trần Phú – Bắc Giang với giá 5 chỉ vàng, không biết làm gì để sống, tôi mở một quán bán nước, bán cả đêm ở cách ga Bắc Giang 50m và đến ngày 1-9-1992 tôi chỉ cho một người bán một số phụ tùng xe máy Min khờ đêm hôm trước thì chiều tối hôm sau tôi bị bắt lên đồn công an thị xã để xét hỏi về người bán số phụ tùng đó. Tôi không biết người đó ở đâu, tên là gì, chỉ biết người đó vào quán uống nước và hỏi chỗ để bán, còn tôi thì gọi cửa người cần mua giúp vậy thôi ngoài ra người bán đó cũng không cho gì tôi, người mua một điều thuốc Vina và một chén nước và trả cho vợ tôi một nghìn, vậy mà tôi bị giam 5 tháng 15 ngày mới được trả lại tự do. Tôi vào giam cứu và được một người cùng buồng tên là Minh truyền đạt cho một số mảnh lới trộm cắp và một vài chỗ tiêu thụ ở tại Bắc Giang. Khi hết án về, tôi quen biết một số thanh niên lêu lổng ở Bắc Giang, và từ đó tôi đi sâu vào con đường trộm cắp, đến ngày 13-5-1993 tôi cùng anh Tiệp, anh Minh, anh Đức bị bắt, tôi can tội chủ mưu đầu vụ tòa án xử 8 năm. Tôi lên trại Ngọc Lý phân trại số I gọi là KHA cải tạo được 3 năm thì lại chuyển đi trại Thạch Cầm – Thanh Hóa ở trong đó 4 năm thì tôi được đặc xá 30-4-2000 và trở về, thì hàng xóm người ta nói rằng, vợ tôi bỏ đi theo một người ở trên Thái Nguyên, tôi thực sự thấy bi quan và chán trường, nhưng cuộc sống vẫn phải sống, tôi mở cửa hàng bán nước và sửa chữa xe đạp ngay tại cửa nhà. Tôi tồn tạo dần và mua thêm được một cái hồ rác ở ngay sau nhà cho người ta đổ rác và khi thành mặt bằng tôi bán được 20 triệu, gửi về cho cậu mợ tôi thêm vào vốn để thu mua sắt vụn, rồi tôi lại gặp một tai nạn, có 2 thanh niên vào quán tôi uống nước, khi đứng dậy không có tiền, hai thanh niên liền gửi lại một đôi gương chiếu hậu và một cái xích xe con loại có tạ và vay thêm tôi 400 nghìn nói đi một lúc sẽ quay lại chuộc, nhưng không quay lại chuộc mà đi mất, một tuần sau tôi đem đi bán cũng được 400 nghìn, rồi cũng chẳng có chuyện gì xảy ra với những ngày tiếp theo, rồi có một chị ở Yên Dũng lên khu nhà tôi làm thuê, thỉnh thoảng vào quán tôi sửa xe đạp và uống nước, thấy tôi sống côi cút một mình thì mấy miệng hỏi chuyện và vui mồm bảo giới thiệu cho tôi một cô gái ở gần nhà, và dẫn tôi về nhà chị ở, Xã Đồng Rau – Yên Dũng. Sau khi sang thăm mặt và quen biết qua lại một thời gian vài tháng, gia đình người con gái có tên là Nghiêm đồng ý cho tôi ăn hỏi và sau đó một tuần thì cưới (Cô gái tên Nghiêm này sinh năm 1977) tôi còn nhớ 18-2-2001 thì tôi nhờ mấy người hàng xóm như chú Hằng, cô Bôi, anh Thiết con bác Vinh ngay cạnh nhà đi sang bên nhà gái, nói chuyện và tính chuyện làm đám cưới, thì chiều ngày 19-2-2001, tôi có giấy triệu tập ra đồn Công an thị xã và tôi được cán bộ xét hỏi bảo rằng: Anh đi chuộc cái xích và gương chiếu hậu về trả cho ông Hiệu trưởng trường Đảng, tôi lần đó bị kết án một năm và lên trại Ngọc Lý cải tạo tại đội 9 khu B, (ngày đó cán bộ Hồng (Bát Vãn) là quản giáo) 19-2-2002 tôi hết án về, cô vợ cưới trượt đó, biết tin tôi bị bắt thì 3 tháng sau lấy chồng và hiện nay đang xúc cát thuê (làm mướn) cho con gái ông Xung ở ngay đầu cầu. Trong lòng tôi cũng như tư tưởng càng thấy bất mãn với số phận của tôi, và tôi đi chơi đêm tìm gái làng chơi, và tôi đã gặp một cô gái tên là Hương (ở trên Bằng kép) đã đề nghị cho cô ấy thuê nhà để ngủ ban ngày còn ban đêm thì cô ấy tự ra đường đi tìm khách mua hoa, tôi liền đồng ý với giá thỏa thuận 30 nghìn một ngày cả ăn uống tắm rửa điện nước, rồi cô ấy đưa về thêm 2 cô bạn cùng cảnh về và cũng thuê như vậy, được 2 tháng thì một cô bạn của cô Hương, tên là Điệp đã đánh lừa tôi đi ra phố

mua cho cô ấy một ít bao cao su, khi tôi về thì cô ta đã dẫn một người đàn ông xuống dưới nhà bếp cuối đất nhà tôi, cách chỗ ở của tôi 25m, và nói em xuống vệ sinh một tí rồi sẽ lại ra ngoài đường đón khách, tôi vô tình không để ý đóng quán đi nằm xem tivi, lúc đó khoảng 8h30 phút tối. Bất chợt tôi thấy có chó sủa đèn pin loang loãng, tôi mở cửa sổ nhìn xuống nhà bếp thì có tới 6, 7 người và ngoài cửa có cảnh sát khu vực gọi cửa, tôi mở cửa thì cả ngoài lẫn trong ập vào bắt tôi và đưa tôi xuống nhà dưới nhìn tận mắt một đôi trai gái lỏa thể đã bị khóa, tôi có khai đầu đuôi như vậy, nhưng cán bộ điều tra vẫn kiến nghị với viện kiểm soát cho tôi đi tù 6 năm, tôi lên trại Vĩnh Quang cải tạo 5 năm 9 tháng được giảm 3 tháng và về ngày 25-1-2008 ở trại Vĩnh Quang tôi có quen một số đối tượng buôn bán ma túy ở Bắc Giang đi tù cùng với tôi cho nên khi tôi về các anh này đến nhà chơi thăm hỏi, bản thân tôi cũng không có suy nghĩ hoặc dám buôn bán ma túy. Nhưng tai nạn lại đến với tôi, ngày tôi về thì nơi đây là một cái chợ bán lẻ ma túy, tôi về lại sửa xe và bán quán nước, khách ăn uống hàng ngày của tôi chủ yếu là những tay bán lẻ ở khắp nơi trong thành phố Bắc Giang xuống ngồi gần nhà tôi để bán ma túy cho các con nghiện và một ngày có 3 giờ bán chính: 5h30p sáng, và 11h30p trưa và 7h30 phút tối, còn cả vài người bán lẻ vật vờ để bán vào các giờ cho những con nghiện nhớ bữa thì ở lại còn những tay bán khách đúng bữa thì hết giờ thì tìm chỗ giấu thuốc hoặc ai tin tưởng thì gửi nhà bán hộ, trả phần trăm. Và tôi là người mà đã được một tay chủ bán lẻ có tên là Hưng nói là người ở trong khu cổng sau nhà máy phân đạm, Hưng nói cho tôi mấy con nghiện là khách thường ngày của Hưng là anh Cường (Trung) và anh Kỳ (Vượng) đến thì bán, đúng như lời dặn, vào khoảng 8h tối ngày 24-4-2008 anh Cường và anh Kỳ đến hỏi mua, tôi có hỏi có phải anh Hưng bảo đến không thì anh Cường bảo cứ vào trong nhà hãy nói chuyện, tôi vô tình cho các anh vào trong nhà và anh Cường đưa cho tôi 100 nghìn hai tờ 50 nghìn nói bán cho một cái loại 100 tôi có được anh Hưng chỉ gửi lại có hai loại 50 nghìn, anh Cường bảo cũng được và bỏ một cái ra cho vào giấy bạc đốt hít, sau đó xin phép mở cửa đi ra và mở cửa thì Công an đồn thành phố ập vào bắt, anh Cường và anh Kỳ khai là vừa mới mua của tôi 100 nghìn hai cái thuốc và đã dùng một cái còn lại một cái. Khi ở Công an điều tra thành phố tôi khai báo thành khẩn, như những gì xảy ra và công an và Viện kiểm soát đã xử tôi 8 năm tù, tôi hiện nay đã đi cải tạo được 54 tháng và hiện nay chỉ biết rằng phần đầu cải tạo tốt để được sự khoan hồng của nhà nước và tình thương cảm của Ban giám thị cùng hội đồng cán bộ sau này có ngày về sẽ làm lại quãng đời còn lại này./.

10. Phỏng vấn trường hợp: Ng.Th.Kh (Giới tính: Nữ)

Thời gian: Tháng 11 năm 2012

Địa điểm: Trại giam Tân Lập - Phú Thọ

Người được phỏng vấn: Ng.Th.Kh

Người phỏng vấn: N.H.T

Can tội: Mua bán trái phép chất ma túy

Ngày bắt 14/8/2011, án phạt 20 năm, tội “MBTPCMT”

Tóm tắt hành vi phạm tội theo bản án

Nguyễn Thị Kh và Vũ Đức D có mối quan hệ quen biết. Khoảng 8h ngày 14/8/2011, Dân đặt vấn đề nhờ Khánh mang ma túy đi tiêu thụ, nhưng khi đến khu vực ngã ba đường Lê Lợi - Ngô Quyền, phường Vĩnh Trại, thành phố Lạng Sơn thì bị lực lượng Công an phát hiện bắt giữ.

Tóm tắt theo lịch sử cuộc đời

K sinh ra và lớn lên tại huyện Gia Lương bây giờ là huyện Gia Bình - Bắc Ninh. Đang học gần hết lớp 7 thì Đảng và nhà nước kêu gọi thanh niên đi xung phong thì họ đưa K vào Quảng Bình, đợt đi cùng K có 12 người. Có một anh bây giờ cũng trên K một tuổi bị cụt một tay, và K bây giờ là còn sống. Tất cả bạn bè cùng đợt đi đều chết ở Quảng Bình. Khi chiến tranh kết thúc K trở về nhà vì hoàn cảnh éo le, K lấy chồng ở Lạng Sơn thì không được nhờ

gia đình nhà chồng. Khi hết nghĩa vụ trở về thì K được chuyển công tác làm công đoàn ở Hà Bắc. K lấy chồng khi đi thanh niên xung phong trở về và chuyển ngành khác. K lấy chồng là người Lạng Sơn, chồng làm công nhân địa chất. Trong hoàn cảnh khi đó chuyển ngành và công tác tại Huyện Sơn Động tỉnh Hà Bắc, khi đoàn địa chất về thăm dò mỏ than ở Hà Bắc. K gặp, yêu và lấy chồng, sau khi lấy chồng thì K theo chồng về Lạng Sơn ở cùng gia đình nhà chồng. Gia đình ở nông thôn sống khác hơn người ở thành phố, K về ở gia đình nhà chồng có nhiều lỗi éo le. Gia đình thì gia trưởng sống tác phong như kiểu quân đội. K ở với bố mẹ chồng một thời gian xong sau đó được cấp nhà và ra ở riêng. K công tác được 18 năm 8 tháng thì thời gian đó có chỉ tiêu giảm biên chế nên K xin về một cục.

K sinh được 4 người con, con gái đầu của K tên là Hương sinh năm 1972, đang thụ lý tại trại giam Xuân Nguyên, đi tù từ năm 2004, án 20 năm, can tội mua bán trái phép chất ma túy. Con trai thứ 2 tên là Kiên sinh năm 1974 mất năm 2007, mất do nghiện và bị bệnh xã hội. Con thứ 3 tên là Thành, sinh năm 1978 mất năm 2010, mất do nghiện ma túy và bị bệnh xã hội, con trai út tên là Công sinh năm 1982 cũng nghiện ma túy và đang cai bắt buộc tại trung tâm tỉnh Lạng Sơn. Trước lúc chưa bị bắt K phải nuôi cháu con của người con thứ 2 tên là Kiên, năm nay cháu vào lớp 11 sinh năm 1996 và con của Công (tức con trai út) năm nay mới được 2 tuổi. Hai đứa cháu nội của 2 người con trai đều ở với K. Con gái lớn của K tên là Hương đi tù năm 2004 thì năm 2007 chồng Hương mất do bị tai biến mạch máu não. Hương được một đứa con trai sinh năm 1987 tên là Hiệp, con của Hương cũng học hết lớp 12. Bây giờ ở với ông bà nội, do không có việc làm và suốt ngày đi giao du với các bạn bè xấu nên Hiệp suốt ngày đua đòi và chơi ma túy tổng hợp. Bây giờ Hiệp suốt ngày chơi bời nên đã bị ông bà nội đuổi đi ra khỏi nhà và đi lang thang.

Thời gian vào tháng 8 năm 2011 thì có một người đàn ông tên là Dân đến chơi, trước kia thằng Thành và thằng Kiên còn sống thì nó cũng hay đến nhà chơi và ăn cơm uống rượu với nhau tại nhà thì K coi nó như con cháu trong nhà. Sáng ngày 14/8/2011 K trên đường đi đón cháu nội thì tình cờ gặp Dân bạn của con mình nói cầm hộ một cái túi. Do vội đi đón cháu nên K nói mảy cứ vứt vào giỏ xe. K đi được một đoạn đường khoảng 300m thì thấy hai anh cảnh sát chặn xe lại và yêu cầu kiểm tra cái giỏ xe. Lúc đó K mới ngã ngửa ra là trong gói ở giỏ xe có chứa 2 bánh heroin. Sau đó công an đưa cả hai bà cháu K lên sở cảnh sát làm việc. Sau khi lấy lời khai và đối chứng thì công an kết luận: K và Vũ Đức Dân có mối quan hệ quen biết. Khoảng 08h ngày 13/8/2011, Dân đặt vấn đề nhờ K bán hộ 2 bánh heroin, K đồng ý rồi liên lạc với một người phụ nữ tên là L để bán ma túy. Khoảng 19h40 ngày 14/8/2011, K mang ma túy đi tiêu thụ, nhưng khi đến ngã ba đường Lê Lợi - Ngô Quyền, phường Vĩnh Trại, thành phố Lạng Sơn thì bị lực lượng công an Lạng Sơn phát hiện bắt giữ.

11. Phỏng vấn trường hợp: Ng.H.T (Giới tính: Nam)

Thời gian: Tháng 11 năm 2012

Địa điểm: Trại giam Phú Sơn 4 - Thái Nguyên

Người được phỏng vấn: Ng.H.T

Người phỏng vấn: N.H.T

Họ và tên: Ng.H.T (giới tính: Nam), sinh năm: 1960

Quê quán: Đình Bảng – Từ Sơn – Bắc Ninh

Nơi ĐKKHKT: A2 – P105 – Trung Tự - Đống Đa – HN

Bị bắt ngày 3/8/2009

Can tội: Tàng trữ trái phép ma túy

Án phạt: 15 Năm

Hiện nay đang cải tạo tại đội PN18 K3 Phú Sơn 4 - Thái Nguyên

Tóm tắt hành vi phạm tội theo bản án

Trưa ngày 3/8/2009 lực lượng công an ập đến yêu cầu tôi cho kiểm tra người và xe, qua kiểm tra lực lượng chức năng đã phát hiện trong túi tiền để trên xe của tôi 02 bịch màu trắng. Qua giám định của bộ công an thì đây đúng là chất ma túy dạng cokein loại được dùng

cho bào chế được phẩm, loại ma túy bị cấm và quản lý nghiêm ngặt. Tôi bị bắt về tội tàng trữ trái phép chất ma túy.

Lịch sử cuộc đời

Trước tiên tôi xin giới thiệu đôi nét về nơi tôi sinh ra. Nằm cách trung tâm Hà Nội khoảng 17km theo quốc lộ 1 về hướng Bắc; là một làng quê yên bình như bao làng quê khác trên dải đất Việt. Chỉ có hơi khác một chút là trên mảnh đất địa linh nhân kiệt này chính là nơi phát tích của các vị vua đời Lý. Nơi sản sinh ra những con người cách mạng trung kiên với các phong trào, sự kiện đấu tranh anh dũng được ghi vào sử sách của cách mạng cận đại. Dòng họ, gia đình tôi là một điển hình cho những con người kiên trung đó, khi cách mạng tháng 8 thành công, đều giữ những trọng trách quan trọng trong các cơ quan đảng, chính quyền, từ trung ương xuống địa phương... Bản thân tôi được may mắn sinh ra từ dòng họ với gia đình này. Từ bé đã được sống trong môi trường giáo dục nghiêm khắc, cho nên bản thân luôn nghĩ phải sống học tập cho thật tốt để không phụ lòng kỳ vọng của gia đình, vào khoảng giữa thập niên 60 của thế kỷ trước; khi đế quốc Mỹ đẩy mạnh chiến tranh xâm lược tổ quốc ta. Bố và mẹ tôi được tổ chức phân công vào miền nam làm công tác định hậu. Lúc đó tôi còn nhỏ, nên bố mẹ phải gửi tôi cho ông bà nội, ngoại chăm sóc. Đến năm 1976 được sự quan tâm của các bác các chú lãnh đạo Bộ công an cho tôi vào trường Thiếu Sinh Quân của Bộ để tiện chăm sóc học hành... khi nhập trường, một môi trường hoàn toàn khác lạ với ở nhà nhưng được sự thương yêu đùm bọc của các cô chú, nên cuộc sống học tập cũng dần hòa nhập cùng với các bạn. Ở đây tôi cùng các bạn được học văn hóa, học quân sự và được trang bị bản lĩnh chính trị sơ khai. Là hành trang ban đầu để bước vào quá trình chuyên nghiệp hóa ngành nghề.

Đầu thập niên 80, sau khi cơ bản học xong chương trình Thiếu Sinh Quân, tôi được thi vào đại học chuyên ngành an ninh. Kết quả kỳ thi đạt điểm cao nên được cho theo học tại Học Viện An Ninh của Liên Xô cũ. Thời điểm đó cũng là thời điểm cao trào của chiến tranh lạnh, cho nên khi theo học, tôi luôn được những cán bộ có kinh nghiệm của nước bạn chỉ bảo, được chăm sóc sức khỏe, ăn ở đảm bảo rất tốt. Năm 1986 về nước nhận công tác, do có thành tích học tập ổn định, nên được các bác lãnh đạo của Bộ giao nhiệm vụ làm thư ký mảng chuyên ngành cho bác Trần Quyết là thứ trưởng thường trực của Bộ lúc bấy giờ. Được khoảng 3 năm sau bác Trần Quyết được điều sang làm viện trưởng kiểm sát tối cao thì tôi được điều về cục nghiên cứu chiến lược thuộc tổng cục An Ninh nay được gọi là tổng cục V Bộ Công An. Ở đây được sự dìu dắt của các bác, các chú cộng với kiến thức chuyên ngành được đào tạo, tôi nhanh chóng đảm nhiệm và hoàn thành các nhiệm vụ từ đơn giản đến phức tạp và được lãnh đạo tin tưởng quý mến. Đó chính là phần thưởng quý giá của cuộc đời tôi lúc bấy giờ. Cũng khoảng thời gian đó, vào năm 1992 được sự cho phép của tổ chức đơn vị, tôi đã lấy vợ và sinh được một cháu trai kháu khỉnh năm 1993 trong tôi ngập tràn hạnh phúc, lúc đó lại được các bác lãnh đạo Bộ quan tâm, phân cấp cho tôi một căn nhà mà hiện nay chính là địa chỉ thường trú của tôi như đã kể trên. Năm 1994 tôi được biệt phái sang công tác tại bộ phận đối ngoại thuộc văn phòng Chính Phủ. Ở đây tôi được trực tiếp giúp việc cho bác Đoàn Mạnh Giao nguyên phó chủ nhiệm văn phòng chính phủ phụ trách đối ngoại. Cũng chính tại nơi đây tôi được tiếp xúc và làm việc trực tiếp cùng các bác lãnh đạo Đảng, chính phủ, được tiếp xúc làm việc cùng các quan khác tại các nước. Kể từ đó thông qua công việc, tôi đã có ít nhiều uy tín, có được mối quan hệ gần gũi với các bác lãnh đạo trung ương.. Điều đó đương nhiên là có nhiều lãnh đạo của các địa phương, Bộ ngành muốn thông qua tôi để thiết lập mối quan hệ thân thiết với lãnh đạo trung ương. Bản thân tôi lúc đó rất hạnh diện, gia đình, bạn bè cũng tự hào vì tôi đã thành công phần nào trong công việc và cuộc đời. Những năm tiếp theo, sự thành công trong mọi mặt từ quan hệ đến làm ăn của tôi phải tạm nói rằng đã đến độ viên mãn. Rồi dừng một cái, vào khoảng năm 1999 cũng vì quan hệ với các lãnh đạo địa phương mà tôi đã bỏ qua nguyên tắc của công việc, Trích sao những nội dung đầu tư mà thủ tướng chính phủ đang gửi báo cáo thường vụ Bộ chính trị để xin ý kiến chỉ đạo. Những nội dung của

báo cáo này chứa đựng những thông tin “tối mật” mà ngay cả những lãnh đạo cấp trung ương, địa phương không phải ai cũng có thể tiếp cận những thông tin kiểu trên. Tôi đã cho một số lãnh đạo các tỉnh biết một số danh mục đầu tư của Trung ương đang dự kiến triển khai nhằm mục đích đón hướng đầu tư. Sự việc diễn ra tưởng không sao. Nhưng các bộ phận chức năng khác tại các địa phương phát hiện ra và báo cáo lên Trung ương. Như vậy cũng có nghĩa là việc tôi làm sai bị phát hiện và bị xử lý theo quy định của pháp luật lúc bấy giờ với tội danh: chiếm đoạt tài liệu mật, giả mạo tài liệu của cơ quan tổ chức, với hình phạt là 8 năm 6 tháng tù. Tôi đã thụ án tại trại giam Thanh Xuân. Sự thật cay đắng này do tôi gây nên làm cả gia đình, họ hàng, bạn bè, người thân đều ngỡ ngàng, không ai tin việc đó lại là sự thật. Bản thân thì hụt hẫng như rơi vào một hố thẳm vô định, cảm giác buồn chán, thất vọng xâm chiếm lấy tôi, nhưng khi vào trại giam, được ban giám thị, cán bộ trại tạo điều kiện, đồng viên, giúp đỡ tôi đã hòa nhập cùng các phạm nhân khác, lao động, cải tạo và tham gia tích cực vào các phong trào bổ ích do trại tổ chức và phát động. Thời gian cứ thế trôi đi, rồi đến đầu năm 2007 tôi được đảng nhà nước tha trước thời hạn.

Khi trở về với gia đình cũng như tôi được sinh ra lần thứ hai vậy. Nhiều dự định làm ăn cùng với mối quan hệ trong và ngoài nước của các doanh nghiệp, họ đã mời tôi làm. Nhưng tôi chỉ nhận lời để suy nghĩ rồi tính sau. Bởi lẽ về khía cạnh bản thân thì tôi cũng chưa thật sự lấy được cân bằng về mặt tâm lý, hơn nữa lúc ra tù thì cũng là lúc vợ con cũng rời xa, tình cảm trống vắng hẫng hụt, thế rồi tình cờ trong một lần theo bạn bè đi nghỉ mát, tôi gặp lại một cô bạn thân của vợ tôi từ trước, chẳng hiểu sao chỉ một thời gian ngắn sau, qua trao đổi tin nhắn, điện thoại, hẹn hò ăn uống, chúng tôi đã có quan hệ với nhau theo kiểu già nhân già non vợ chồng. Mối quan hệ đó cứ diễn ra ngày càng mặn nồng, việc cô ấy làm ăn gì với ai tôi chẳng mấy quan tâm. Còn về phía tôi sau khi mua xe ô tô tôi đã quay lại trường An Ninh để học bổ túc tay lái rồi lấy bằng lái xe chính thức. Khi có xe rồi, nhiều lúc cô bồ của tôi rủ tôi đi công chuyện thường xuyên, việc cô ấy làm tôi cũng không quan tâm... Đôi lúc bạn bè tôi làm ở các doanh nghiệp mời tôi đi làm ăn ký kết hợp đồng, qua đó cũng là những lý do mà họ muốn hỗ trợ tôi phần nào về phần chi tiêu. Trong tôi đã định hình ra công việc làm ăn chính đáng cho mình và tôi nghĩ không bao giờ mắc lại sai lầm đáng tiếc mà tôi phải trả giá vừa qua. Thế rồi cho đến một ngày đầu tháng 8/2009 cô bồ rủ tôi sang Bắc Ninh chơi và thanh toán tiền hàng của cô ấy. Lúc đi tôi thấy cô ấy cho 02 bịch ny lông đựng chất bột trắng cho vào trong túi tiền rồi sách ra xe tôi chở đi sang Bắc Ninh, khi đi đến một nhà nghỉ ở gần khu vực Yên Phong – Bắc Ninh thì cô ấy bảo tôi ngồi ở dưới để cô ấy lên trên nhà nghỉ gặp người quen. Khi cô ấy vừa đi được một lúc thì tôi thấy lực lượng công an ập đến yêu cầu tôi cho kiểm tra người và xe, qua kiểm tra lực lượng chức năng đã phát hiện trong túi tiền để trên xe của tôi 02 bịch màu trắng như tôi đã nêu kê ở trên và được nghi là ma túy. Tôi được đưa về trụ sở của phòng cảnh sát ma túy công an tỉnh. Qua giám định của bộ thì đây đúng là chất ma túy dạng cocaine loại được dùng cho bào chế được phẩm loại may túy bị cấm và quản lý nghiêm ngặt.. Tôi bị bắt, tạm giam về tội tàng trữ trái phép chất ma túy. Một thời gian sau có giám định của viện kỹ thuật giám định hình sự Bộ công an, xác định và kết luận đúng là ma túy, có độ tinh khiết tương đương 85g. Tôi đã được đưa ra xét xử tại tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh về tội tàng trữ trái phép chất ma túy với mức án 15 năm tù. Tôi đã được thụ án tại trại giam Phú Sơn 4 - Thái Nguyên. Với lần tù tiếp theo khi lần trước vừa mãn hạn chưa lâu, không cần nói ra thì thâm tâm tôi chán nản tuyệt vọng vô cùng, không thể trách ai được mà chỉ tự nguyện rửa bản thân sao ngu muội thế mà thôi. Thực tình thì khi vào trại giam lần thứ 2 tôi cũng có ít nhiều sự nếm trải của lần trước, nên sự ngỡ ngàng không như lần đầu, đã bắt nhịp được ngay với cuộc sống cải tạo. Tuy có chán nản, bi quan về tương lai của bản thân, xong niềm hy vọng làm lại cuộc đời trong tôi vẫn cao, cho dù cũng không phải tuổi đời còn ít nữa. Bản thân tôi vẫn luôn mong mỗi cùng phạm nhân khác chấp hành nghiêm chỉnh quy định và cơ bản hoàn thành định mức công việc được giao. Ngoài ra tôi cũng thiết tha được mang những điều tôi đã được ăn học phục vụ cho trại với khát khao chuộc lại lỗi lầm do bản thân

gây ra, luôn hướng tới mọi điều tốt kể cả trong cuộc sống cải tạo thường ngày. Để rồi sẽ có ngày tôi cũng sẽ được trở về đoàn tụ cùng gia đình, cho dù những ngày đó có thể không được dài cho lắm./.

12. Phỏng vấn trường hợp: Ng.V.Ph (Giới tính: Nam)

Thời gian: Tháng 11 năm 2012

Địa điểm: Trại giam Phú Sơn 4 - Thái Nguyên

Người được phỏng vấn: Ng.V.Ph

Người phỏng vấn: N.H.T

Họ và tên: Ng.V.Ph (giới tính: Nam), sinh năm: 1977

HKĐKTT: Thái Nguyên

Can tội: Tàng trữ trái phép chất ma túy.

Ngày bắt: 3/7/20012, án phạt 42 tháng, đang chấp hành án tại trại giam Phú Sơn 4 - Thái Nguyên.

Tóm tắt hành vi phạm tội theo bản án

P là đối tượng nghiện ma túy nặng và có tiền sử về nghiện tương đối lâu. P thường mua ma túy về để chơi. Sáng ngày 3 tháng 7 năm 2012 sau khi ngủ dậy phong ra khỏi nhà và đi mua ma túy về để dùng. Trên đường đi về nhà thì bị công an phường làm công tác kiểm tra và bắt quả tang trong người P có tàng trữ ma túy.

Tóm tắt lịch sử cuộc đời

P sinh trong một gia đình hoàn cảnh kinh tế cũng không quá khó khăn. Bố mẹ P kinh doanh buôn bán hoa quả ở chợ nên cuộc sống của gia đình nhà P cũng không đến mức khó khăn. Nhà P có 3 anh em trai. Anh trai cả của P bị suy thận và mất vào năm 2002. Nhà bây giờ chỉ còn P và một cậu em trai. Trước kia là do P mới lớn lên thì nhà có hai ông chú đi làm bãi bờ cũng nghiện và hút thuốc phiện ở nhà, P suốt ngày gần gũi ở nhà, do tuổi mới lớn lên nên bị ảnh hưởng và đua đòi bạn bè lên chơi. Năm 1995 khi P mới 18 tuổi. Vì mãi chơi, lần đầu tiên do uống rượu ngà ngà say và bốc đồng P đã thử hút thuốc phiện do người bạn rủ. Sau đó P chơi nhiều lần tiếp theo thì thành nghiện. Đến khi gia đình biết P nghiện thì đã cho P cai ở nhà sau đó P lại tái nghiện và P bị đi cai nghiện bắt buộc tại Trung tâm cai nghiện của tỉnh Thái Nguyên được một thời gian thì về. Sau đó về được một thời gian ngắn P nghiện lại không giữ được. Vì cứ nghiện đi nghiện lại nhiều lần mà P phải ra tù rồi lại vào tù. Lần thứ nhất P bị đi tù ở trại giam Ngọc Lý vì tội lợi dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản. Lần thứ hai bị bắt và bị giam ở trại Phú Sơn về tội tàng trữ trái phép chất ma túy. Lần thứ ba thì đang thụ án ở trại Phú Sơn 4. Trong quá trình chấp hành hình phạt tù, P luôn tỏ ra là người hiểu biết vì P đi chấp hành hình phạt tù lần này là lần thứ 3 rồi. P luôn cố gắng trong lao động vì mức án của phương cũng không quá lâu. Nhưng ý thức và suy nghĩ của P thì vẫn không thể nào quên được sự thèm nhớ của ma túy. P cũng có quyết tâm là sau khi ra tù sẽ cố gắng không chơi ma túy nữa nhưng lần nào ra tù xong P cũng không thể chiến thắng sự lệ thuộc vào ma túy. P thừa nhận nguyên nhân P dẫn tới hành vi phạm tội là do nguyên chủ quan (Bản thân biết mình nghiện và tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng để đáp ứng cơn nghiện của mình nên vẫn đi mua về để sử dụng). P thừa nhận là do bản thân mình mình thích dùng thì mới mua để dùng. (Lúc đầu là thuốc phiện đen sau đó có ma túy thì chuyển sang dùng ma túy. P thừa nhận hậu quả của việc dùng ma túy đã làm giảm sức khỏe, mất niềm tin ở gia đình (từ ông bà đến bố mẹ và anh em họ hàng). P nói nguyên nhân phạm tội ma túy của mình (do rủ rê được một lần chứ bản thân tôi không muốn dùng thì không ai ép được. Do bản thân tôi thích dùng thì tôi mới mua ma túy để dùng). Theo chúng tôi có thể do P có thời gian nghiện qua lâu năm và cai nghiện nhiều lần rồi lại tái nghiện, bản thân P lại có suy nghĩ do dùng ma túy lâu rồi và quen cảm giác phê phê của ma túy. Nên nhiều lần đi cai và vào tù ra, khi về đến xã hội do bản tính không bỏ được ma túy và vẫn còn ma túy và những người bạn nghiện nên P có những hành vi vi phạm pháp luật.

P nói về tác hại của ma túy là đã xác định chơi vào thì không đem lại ích lợi gì cho bản thân mà chỉ hại bản thân thôi. Trước tiên là hại cho sức khỏe, mất thời gian và kinh tế, mọi cái đều là đi xuống chứ không đi lên. Sau đó là kết cục là dính vào pháp luật. Cái cuối cùng là dính vào ma túy là không thể tránh khỏi pháp luật. Gia đình nào có điều kiện chu cấp cho chơi hàng ngày để chơi để mình khỏi đi ra ngoài làm việc nọ việc kia thì còn đỡ. Nếu gia đình nào không có mà bản thân cũng không có công ăn việc làm thì không có nguồn thu nhập để đáp ứng cơn nghiện thì chắc chắn là phải dẫn đến phạm tội như: trộm cắp, cướp bóc, buôn bán ma túy để lấy tiền đáp ứng việc chơi ma túy, để đáp ứng nhu cầu cho bản thân mình. Kết cục là sẽ dẫn đến là vào tù và không tránh khỏi. P nói bản thân mình không dứt ra khỏi được ma túy là do cái cảm giác, chơi nó vào nó có cảm giác phê và say. Chắc nó phải ghê ghớm nên mới gọi là ma. Bây giờ nghiện vào rồi thì bắt buộc phải chơi, chơi để cho nó hết cơn đói thuốc. Nếu như chơi nhiều để hưởng thụ thì cảm giác của nó rất là sướng cho nên P không dứt ra được. P nói tâm sự về cái sung sướng, độ phê và cảm giác là: Khi tiêm hay hút vào đủ thuốc trong người đến lúc phê và say thì người lúc nào cũng giác nâng nâng như đang bay, thở ra trong mũi thì rất là thơm như kiểu mùi hoa quả. Nói chung là người lúc nào cũng phê phê nâng nâng, cảm giác cũng khó tả. P nói lúc dùng đủ thuốc thì tinh thần rất minh mẫn và thoải mái. P còn nói khi khi dùng ma túy thì mình hoàn toàn minh mẫn chứ không như ma túy tổng hợp, ma túy tổng hợp thì P không chơi nhưng nghe người ta kể chơi vào thì mình không làm chủ được bản thân, còn chơi ma túy vào thì mình vẫn làm chủ được bản thân, đầu óc hoàn toàn tỉnh táo. Chỉ có cái người mình cứ cảm thấy nâng nâng, ngứa ngáy. Nói chung là nhiều cảm giác khó tả. P kể hôm P bị bắt lượng ma túy có trong người P lúc đây có 0,44g, P mua về để sử dụng, còn tiền lấy để mua thì ngày hôm trước P đi ra chợ vì bố mẹ P bán hoa quả ở chợ thì P ra chợ làm bốc vác ở chợ cho người khác và giúp bố mẹ kiếm được mấy trăm nghìn. Sáng hôm sau đi mua ma túy còn chưa kịp về đến nhà thì bị tổ công tác công an phường làm công tác kiểm tra bắt quả tang. P tự đánh giá lại hành vi phạm tội của mình là hoàn toàn xứng đáng với tội trạng của mình. (P nói vì cái ma túy này là cái tệ nạn chung của cả thế giới). Với người khác thì P không nói nhưng với P cái hành vi bị bắt của mình là hoàn toàn xứng đáng. Bởi vì cái số lượng đề truy tố thì thừa rồi. Theo như P được biết thì số lượng 0,11g là đủ để truy tố hơn nữa P lại tàng trữ trong người là 0,44g. Ngược lại P là người có tiền án tiền sự rồi nên hoàn toàn xứng đáng. P nói pháp luật xử đúng người đúng tội không có gì P thấy là oan sai cả. Khi đánh giá hành vi phạm tội của mình P cho rằng với hành vi của mình thì P cho rằng là hoàn toàn xứng đáng với tội danh của mình. P tâm sự rằng pháp luật nên xử nặng với những người mua bán, còn những người vì nghiện mà họ phải bỏ tiền túi ra để mua về sử dụng mà lần đầu tiên bị bắt thì nên xử phạt hành chính, giáo dục người ta theo hình thức chỉ là đi chữa bệnh thôi, còn số lượng ít quá thì không đáng để truy tố pháp luật. Ví dụ như với cái mức án 2 đến 3 năm chẳng hạn. Theo P thì cũng nên có phương án để cho người ta có con đường làm lại. Còn P nói về bản thân thì không nói làm gì vì P đã quá nhiều lần phạm tội rồi. P biết mình nghiện và đi mua ma túy để sử dụng thì sẽ có ngày P bị bắt và bị đi tù. Nhưng lúc đây cơn nghiện lên thì bắt buộc P phải đi mua bằng mọi cách để đáp ứng cho bản thân mình. Trước tiên để thỏa mãn cơn đói thuốc. P cũng tâm sự mỗi lần nghiện lại và đi cai thì P mất khoảng gần một tháng thì người mới trở lại trạng thái gần như bình thường. Trong tháng đầu tiên cai nghiện cảm giác của P cảm thấy vật vã mệt mỏi, khoảng 10 ngày đầu P phương và những người khác thì chỉ nằm bẹp một chỗ, không ăn uống được gì nhiều. Bản thân phương 9 ngày đầu bị bắt thì đưa bất cứ một thứ gì vào mồm cũng nôn ra hết, ngoài nước lã uống vào là không nôn, còn cái gì ăn uống vào cũng nôn ra hết. P nói lúc đầu cai thì vật vã khổ lắm. Khoảng một tháng thì người mới cảm thấy ăn uống được, cắt cơn được không còn vật vã. Sau hai tháng thì hồi phục trở lại bình thường nhưng vẫn còn cảm giác nhớ và thèm thuốc. P nói với người khác thì P không biết nhưng với bản thân P thì P không thể quên được sự thèm nhớ ma túy ngay cả những lúc P còn đang thụ án ở trong trại giam. Phương kể về hành vi phạm tội của mình là tàng trữ sử dụng trái phép chất ma túy là do cố ý.

Trong quá trình chấp hành hình phạt tù, P luôn tỏ ra là người hiểu biết vì P đi chấp hành hình phạt tù lần này là lần thứ 3 rồi. P luôn cố gắng trong lao động vì mức án của phương cũng không quá lâu. Nhưng ý thức và suy nghĩ của P thì vẫn không thể nào quên được sự thèm nhớ của ma túy. P cũng có quyết tâm là sau khi ra tù sẽ cố gắng không chơi ma túy nữa nhưng lần nào ra tù xong P cũng không thể chiến thắng sự lệ thuộc vào ma túy. Thái độ sau nhiều lần vi phạm pháp luật và phạm tội thì P cảm thấy hổ thẹn với những người khác vì mình thua kém họ về mọi mặt. Và thấy mặc cảm về bản thân và không muốn gần gũi người khác vì sợ gần gũi người khác thì người ta lại khinh rẻ mình hay có một hành động nào đấy coi thường mình. P không cảm thấy hổ thẹn với các phạm nhân ở cùng mình. Mà phương cảm thấy có lỗi với gia đình, và anh em họ hàng của P. Về lương tâm thì P không được sống thanh thản vì nghĩ mình là người đã từng nghiện ngập. Mặc dù P chưa bao giờ lấy đồ đạc của nhà đi bán để lấy tiền chơi thuốc phiện nhưng trong tâm tư của P vẫn luôn tự dằn vặt mình. Với gia đình mỗi lần ra thăm gặp gia đình P luôn vui vẻ nói chuyện và tâm sự cùng gia đình của mình về cuộc sống ở trong trại để gia đình được biết và yên tâm làm ăn. P luôn động viên gia đình cứ yên tâm vì ở trong trại P sẽ luôn cố gắng để cải tạo tốt để sớm trở về với gia đình. Ở trong trại giam P là người đã từng vào tù ra khám nên P rất hiểu biết và khôn khéo với các bạn tù khác. P sống ở trong trại rất khôn khéo nên được nhiều bạn tù tôn trọng. Vì án của P cũng không lâu nên P cũng không tranh giành “quyền lực”. P sống hài hòa với tất cả bạn tù trong buồng giam. Đối với P những bạn bè anh em thân của P thì P luôn tâm sự và động viên nhau cùng cố gắng cải tạo tốt để sớm được trở về với xã hội. Ở trại thì P luôn luôn chấp hành nội qui qui chế của trại đặt ra. Chính vì vậy P luôn luôn được các cán bộ trong trại giam giúp đỡ và chia sẻ. Các cán bộ trong trại giam cũng luôn giáo dục động viên P cố gắng rèn luyện và lao động cải tạo tốt và giúp P về mặt tâm lý vì P vào trại giam lần này là lần thứ 3 cũng chỉ vì nhiều lần nghiện lại và tái tù trong trại giam. Các cán bộ cũng luôn động viên P về mặt tinh thần và giúp P chia sẻ để sau lần ở trại giam này trở về sẽ không quay trở lại con đường nghiện ngập và vi phạm pháp luật.

13. Phỏng vấn trường hợp: V.V.Đ (Giới tính: Nam)

Thời gian: Tháng 11 năm 2012

Địa điểm: Trại giam Phú Sơn 4 - Thái Nguyên

Người được phỏng vấn: V.V.Đ

Người phỏng vấn: N.H.T

Họ và tên: V.V.Đ (giới tính: Nam), sinh năm: 1981

HKĐKTT: Bắc Sơn - Lạng Sơn

Can tội: mua bán trái phép chất ma túy

Ngày bắt: 17/6/2006, án 7 năm đang chấp hành hình phạt tù tại trại giam Phú Sơn 4 - tỉnh Thái Nguyên.

Tóm tắt hành vi phạm tội theo bản án

Đ là đối tượng mua bán trái phép chất ma túy, Đ mua ma túy về và chia lẻ ra để bán cho các đối tượng nghiện khác để kiếm lời. Ngày 17/6/2006 khi Đ đang bán lẻ ma túy thì bị công an Lạng Sơn bắt quả tang và bắt giữ.

Tóm tắt theo lịch sử cuộc đời

Đ sinh ra trong một gia đình hoàn cảnh kinh tế khó khăn thiếu thốn đủ mọi thứ. Bố mẹ Đ tuổi già sức yếu ở nhà nên cuộc sống của anh em Đ luôn thiếu thốn về mọi mặt. Đ tâm sự “anh em Đ lớn lên trong hoàn cảnh thiếu thốn đủ mọi thứ. Đến khi xây dựng gia đình, trong quá trình làm ăn thì Đ suy nghĩ nông cạn nên dẫn tới phạm tội”. Gia đình Đ có 4 anh em. Bố mẹ tuổi già sức yếu ở nhà. Đ là anh lớn trong gia đình, dưới Đ là một em trai và hai em gái. Em trai của Đ sinh năm 1984, em gái sinh năm 1986 và một em gái sinh năm 1988. Tất cả đều đã xây dựng gia đình. Bản thân Đ vì hoàn cảnh gia đình nghèo quá không có tiền để đi học, nên học đến lớp 5 thì Đ phải nghỉ học ở nhà đi rừng làm gỗ và lấy nấm về bán sống qua ngày. Lớn lên vì hoàn cảnh khó khăn, bố mẹ Đ suốt ngày cãi vã, cuộc sống trong gia đình luôn

căng thẳng chỉ vì thiếu thốn về mặt kinh tế. Vì hoàn cảnh khó khăn lên Đ chán nản đã theo anh em bạn bè rủ đi chơi đây đó vào Nam ra Bắc rồi quay về gặp gỡ anh em chơi bời cùng trang lứa. Đ đi theo anh em buôn gỗ, buôn lạc, thì bị anh em bạn bè chơi bời rủ rê. Đ tâm sự “Đầu tiên nó bảo tôi đi vào lấy ma túy cho nó thì nó cũng cho tôi được 5 trăm nghìn. Lần sau tôi thấy có lợi nên lấy về bán thì cũng thấy kiếm lời được và dư ra được chút ít nên tôi tham tiền mới tiếp tục mua đi bán lại ma túy”. Trong quá trình bán lẻ ma túy thì Đ bị công an Lạng Sơn bắt quả tang ngày 17/6/2006 và bị tuyên án 7 năm tù giam. Trong quá trình chấp hành hình phạt tù, Đ luôn tỏ ra lì lợm và hay vi phạm nội quy. Trong quá trình chấp hành hình phạt tù Đ đã nhiều lần phải chuyển đội và bị đi kỷ luật. Đ thừa nhận nguyên nhân Đ dẫn tới hành vi phạm tội là do nguyên nhân khách quan (Vì hoàn cảnh gia đình khó khăn, trình độ hiểu biết ít nên suy nghĩ chưa được chín chắn, nên Đ mới mua bán ma túy). Đ chỉ thừa nhận hậu quả của việc bán lẻ ma túy. Đ không đề cập nhiều đến vấn đề bán ma túy sẽ ảnh hưởng gây mất an ninh trật tự và gây hậu quả nghiêm trọng với xã hội. Theo chúng tôi có thể do Đ học thấp nên chưa nhận thức được nhiều đến hậu quả nghiêm trọng đối với xã hội. Đ thừa nhận bản thân mình phạm tội, tuy nhiên khi nghiên cứu hồ sơ phạm nhân chúng tôi thấy từ giai đoạn điều tra đến giai đoạn xét xử thì Đ cũng đã thừa nhận mình có mua bán ma túy nhiều lần. Khi đánh giá hành vi phạm tội của mình thì Đ cho rằng với hành vi của mình thì cùng lắm Đ cũng chỉ bị khoản 1 thôi. Chỉ khoảng 2 đến 3 năm thì được về thôi, chứ bị xử 7 năm là quá nặng. Đ có thái độ hối hận và tự trách bản thân không biết làm người mẫu mực cho gia đình, cố gắng làm để con cái có tương lai. Từ việc Đ nhận thức về pháp luật còn kém nên Đ không thừa nhận bản thân đi 7 năm tù là xứng đáng, không tự nhận thấy được hậu quả của hành vi phạm tội dẫn tới chưa có thái độ tích cực về hành vi phạm tội và hành vi chấp hành hình phạt tù của bản thân. Từ đó có hành vi chống đối lao động, thường xuyên vi phạm nội quy, kỷ luật của trại giam. Với gia đình thì Đ ít được gia đình đến thăm nuôi, may chăng thì một năm đến thăm Đ được một hoặc hai lần. Các em của Đ thì lấy chồng ở xa và cũng hoàn cảnh. Vợ Đ thì từ khi Đ vào tù thì cũng lên thăm được 1 hoặc 2 lần rồi không thấy lên thăm nữa. Ở trong trại giam Đ là người lì lợm, hay gây sự với các bạn tù khác. Đ không đoàn kết với các bạn tù khác trong buồng giam và Đ phải chuyển đội làm việc liên tục. Đối với Đ những bạn bè anh em thân của Đ thì Đ mới tâm sự. Đ sống không hòa đồng với các bạn tù trong buồng giam. Ở trong trại thì Đ luôn luôn chứa đồ vi phạm và hay gây gỗ đánh nhau và vi phạm nội quy quy chế của trại. Đ cũng nhiều lần phải đi kỷ luật ở buồng giam mấy lần vì gây gỗ đánh nhau với bạn tù. Chính vì vậy Đ luôn luôn được các cán bộ trong trại giam gặp riêng và giáo dục Đ. Các cán bộ trong trại giam cũng luôn giáo dục động viên Đ cố gắng rèn luyện và lao động cải tạo tốt và giúp Đ về mặt tâm lý vì Đ mới học chưa hết lớp 5 nên nhận thức của Đ có hạn.

14. Phỏng vấn trường hợp: Ph.T.A (Giới tính: Nữ)

Thời gian: Tháng 11 năm 2012

Địa điểm: Trại Giam Phú Sơn 4 - Thái Nguyên

Người được phỏng vấn: Ph.T.A

Người phỏng vấn: N.H.T

Họ và tên: Ph.T.A (giới tính: Nữ), sinh năm: 1988

HKĐKTT: Thượng Oai, Uy Lỗ, Đông Anh, Hà Nội

Can tội: Mua bán trái phép chất ma túy.

Ngày bắt: 5/4/2011, án phạt 3 năm, đang chấp hành án tại trại giam Phú Sơn 4 - Thái Nguyên.

Tóm tắt về lịch sử cuộc đời

A sinh ra trong một gia đình có hoàn cảnh kinh tế không quá khó khăn. Bố mẹ A bỏ nhau khi A đang học lớp 4. Sau đó A ở với bố, đến năm 1999 thì bố A đi lấy vợ 2. Bố mẹ A bỏ nhau vì bố A hay chơi cờ bạc, rượu chè và chửi mắng đánh đập mẹ A. Do không chịu đựng được mẹ A đã làm đơn ra tòa bỏ bố A. Sau đó mẹ A bỏ đi Trung Quốc làm ăn. Bố A lấy vợ 2 và sinh được một em trai sinh năm 2000. Do bố mẹ bỏ nhau nên A chán nản và suốt ngày

chơi bời. A học hết lớp 9 thì nghỉ học. Bố và mẹ kể của A khuyên can A rất nhiều lần quay lại trường học nhưng A không nghe lời và không chịu đi học tiếp. Sau khi nghỉ học thì A bỏ lên Thái Nguyên với một người bạn trai quen qua mạng. Mới đầu lên Thái Nguyên thì A đi học cắt tóc gội đầu và sau đó làm cắt tóc gội đầu, làm được một thời gian thì A nghỉ việc và ở nhà người bạn đó nuôi. Người bạn của A lúc đó vừa đi làm vừa đi học trường trung cấp Y. Khi biết tin A đang ở trên Thái Nguyên với người yêu thì bố A cùng gia đình lên Thái Nguyên tìm và bắt A về nhà. Bố A nói yêu nhau thì cứ về nhà và qua lại với nhau, đừng viên nhau làm ăn tử tế, vì sao lại phải bỏ nhà đi. Ở nhà được một tháng thì A lại trốn lên Thái Nguyên với người yêu. A yêu và ở với người yêu từ năm 2001 đến năm 2003 thì chia tay. Sau khi chia tay nhau với người yêu, A về nhà ở Đông Anh được một thời gian thì bố A và mẹ kể hỏi A thích làm nghề gì. A nói thích làm nghề cắt tóc gội đầu, sau đó bố và mẹ kể mở cho A một cửa hàng làm cắt tóc gội đầu. Trong thời gian mở quán làm cắt tóc gội đầu A có quen một người bạn trai ở gần nhà và yêu. Người A yêu lúc này đã có vợ và làm bằng lô đề cờ bạc. Sau một thời gian yêu nhau thì có nhiều người nói người yêu A bị nhiễm HIV, A nghi ngờ và đi thử. Sau khi thử người ta nói A đã bị nhiễm HIV và tư vấn cho A về mặt tâm lý. Từ khi biết mình đã bị HIV do lo lắng và hoảng sợ nên A không dám về nhà và lại bỏ lên Thái Nguyên. Vì trước đây yêu người yêu ở trên Thái Nguyên A có quen mấy người bạn gái trên đó. Sau đây A gặp một người bạn gái cùng cảnh và do chán nản lên cùng rủ nhau vào trong miền Nam qua một người bạn trai quen biết trước đó dẫn vào Vũng Tàu. Khi vào đến Vũng Tàu thì A và bạn của A bị bán vào quán Karaoke. A làm ở quán Karaoke được 2 năm 6 tháng thì lại quay ra miền Bắc. Sau đó A về nhà và cũng mua được quà và mua được một số đồ dùng cho gia đình. Lúc đó bố A có nói với A là bây giờ ở nhà và đi làm với cô em họ. Vì lúc đây A cũng chưa nghĩ ra được và tu tỉnh. A có xin bố 300.000 và bỏ đi lên Thái Nguyên thuê nhà trọ ở. Do mãi chơi và buồn chán về gia đình và bản thân bị nhiễm HIV lên A đã bị bạn bè rủ chơi thuốc phiện, sau đó nghiện và ở đây cứ mua đi bán lại để có thuốc chơi và có tiền tiêu hàng ngày. A bán được hơn một năm thì bị bắt vào cuối năm 2009. Khi đó A bị xử phạt 2 năm tù giam về tội mua bán trái phép chất ma túy. Đi tù được hơn một năm thì A được về vì cải tạo tốt. Ra tù A về nhà ở Đông Anh ở, ở được gần một tháng thì có một người bạn bên Hà Nội cũng vừa ra tù về gọi điện rủ A sang Hà Nội chơi. A xin phép bố thì bố A đồng ý cho A đi chơi. A sang Hà Nội chơi và ở đến sáng hôm sau thì bố A gọi điện cho A hỏi thế bao giờ A về đến nhà. A nói sáng A về thì A lại đến trưa mới về. Bố A cứ đợi, đợi cho đến lúc A về thì bố A mới cáu và quát mắng A. Khi mắng bố A lại động đến mẹ A nói là “mày lại chuẩn bị giống con mẹ mày rồi đấy”. Thế là A tức quá bỏ đi luôn, lúc đòi bỏ đi thì bố A không giữ nhưng mẹ kể của A có giữ lại nhưng A vẫn cứ đi. A ra ngoài bán điện thoại được 1.300.000đ và bắt xe ôm lên Thái Nguyên. Lên đến Thái Nguyên A đi lấy heroin và thuê một nhà nghỉ rồi vào đây chơi. Thời gian tiếp theo do chán nên A cứ trượt dốc vào con đường nghiện ngập. A lại tiếp tục lấy ma túy về bán để có tiền chơi và tiêu sài hàng ngày. Bán được mấy tháng thì vào ngày 5/4/2011 A bị bắt vì tội mua bán trái phép chất ma túy và bị xử 3 năm tù.

Trong quá trình chấp hành hình phạt tù, từ lúc lên trại đến giờ A ở K này là ca thứ 3 rồi. A luôn tỏ ra lì lợm và không hoàn thành mức khoán. A mất niềm tin vào tương lai, buồn chán và coi cuộc đời mình đã bỏ đi. Trong quá trình chấp hành hình phạt tù A đã 2 lần vi phạm nội quy, kỉ luật của trại giam. Lần thứ nhất A vi phạm là do dùng ma túy và chịu mức kỷ luật trong nhà kỷ luật 10 ngày. Lần thứ 2 là do A đánh đồng phạm trong trại và chịu mức kỷ luật trong nhà kỷ luật 10 ngày.

15. Phỏng vấn trường hợp: Ng.Th.H (Giới tính: Nữ)

Thời gian: Tháng 11 năm 2012

Địa điểm: Trại giam Phú Sơn 4 - Thái Nguyên

Người được phỏng vấn: Ng.Th.H

Người phỏng vấn: N.H.T

Họ và tên: Ng.Th.H (giới tính: Nữ), sinh năm: 1980

HKĐKTT: Tổ 4 Đồng Quang - Thái Nguyên

Bắt ngày 20/9/2010

Can tội: Tàng trữ trái phép chất ma túy

Án phạt: 3 năm, đang chấp hành hình phạt tù tại trại giam Phú Sơn 4 - Thái Nguyên

Lịch sử cuộc đời

H sinh ra và lớn lên ở Thái Nguyên, H học hết lớp 8 rồi bỏ học ở nhà giúp bố mẹ buôn bán, sau đấy đi học nghề. Năm 1997 H theo bố đi làm ăn, vì hám lợi nên H mua bán vận chuyển trái phép chất ma túy về bán để kiếm lời. Năm 1998 lúc đấy H 18 tuổi thì H vào Sài Gòn sinh sống.

Nhà H có 3 chị em, H là chị cả trong gia đình, sau H là em gái đã lấy chồng và ở Thái Nguyên và một em trai út đang công tác trong Sài Gòn. H vào Sài Gòn vì hám lợi nên H vẫn liên lạc và mua ma túy về bán lẻ. Đến năm 2003 thì H quen và yêu một người đàn ông hơn H 22 tuổi, sau này là chồng của H. Khi yêu H cũng thành thật kể với người yêu biết hết H là con người như thế nào, chứ không phải là loại gái lăng lơ, cũng không phải nay anh này mai anh khác. Mục đích của H bán ma túy chỉ là kiếm tiền. Người yêu H cũng khuyên H dừng lại nếu xác định đi đến tương lai. Đến cuối năm 2003 thì H bị bắt vì tội: buôn bán trái phép chất ma túy và bị xử 3 năm tù. Trong thời gian bị bắt người yêu H rất tốt, anh ấy lo cho H hết từ A đến Z và trong thời gian 3 năm ở tù trên Tây Ninh. Năm 2006 H mãn hạn tù trở về và gặp người yêu, người yêu H nói (“nếu yêu để xác định thì anh ấy yêu chứ cặp với nhau thì anh ấy không cặp mà H phải suy nghĩ kĩ nếu mà quay lại con đường cũ thì tốt nhất là mình không quen nhau nữa. Coi như từ trước đến giờ chỉ giúp đỡ H thôi”). Nếu mà xác định thì người yêu H sẽ lo cho H một cửa hàng để làm ăn. H tâm sự, H từ một con người rất là ngỗ ngược, dễ thuận hóa được tất cả là do anh ấy. Lúc đó H cảm thấy rất là ngại, ngại vì tất cả quán xá là do một mình người yêu xây dựng lên. Sau đó người yêu H có thử thách H không cho H quan hệ qua lại với bất kì ai, bạn bè đến chơi cũng không muốn cho gặp và tiếp xúc. Vì sợ H hám lợi và tham tiền rồi lại quay về con đường cũ. Đến năm 2007 thì H và người yêu cưới nhau. Sau đó đến năm 2008 thì H sinh được một bé trai. Năm 2009 thì vợ chồng H nẩy sinh một số mâu thuẫn vì chồng H bỏ bịch nên H ghen tuông nên H chán nản. Từ đó H chơi bởi cờ bạc và thua nhiều nên H tự ý bỏ về Bắc chẳng nói gì. Thời gian đầu ra ngoài Bắc H có đi dự sinh nhật cùng bạn bè, sau đó đi sà và bị bạn bè rủ hút ma túy. Lúc đầu họ bảo hút ma túy vào để quên đi mọi sự buồn chán và dễ ngủ nên H đã sử dụng. Thời gian đầu chơi H còn giấu gia đình nhưng khoảng mấy tháng sau thì nhà H phát hiện ra và gọi chồng H ra ngoài Bắc để giải quyết chuyện gia đình. Chồng H cũng khuyên can và nói thôi thì đã chơi rồi thì bỏ đi. Nhưng H vẫn không thừa nhận là H có chơi bởi ma túy gì cả mà chỉ là lời đồn đại thôi. H có thừa nhận là chỉ đi chơi sà thôi chứ ma túy thì H không chơi. H thanh minh với gia đình là có quá nhiều gương về ma túy rồi như: Cô, Gi, Chú, Bác... nói chung là trong họ có rất nhiều người nghiện như thế và chính bản thân H không ưa gì và H đã từng báo cho công an bắt những người thân của mình để cho đi cai nghiện. Lúc đấy H không dám thú thật là H nghiện. Thời gian này H vẫn đang đi buôn bán hoa quả từ Lạng Sơn về Thái Nguyên. Công việc làm ăn của H vẫn ổn định nhưng do H chơi bởi và không bỏ được ma túy. Đến ngày 20/9/2010 khi vừa đi mua ma túy về để sử dụng thì H bị bắt. Khi H bị bắt thì con trai của H mới được hơn 2 tuổi. Lúc bị bắt H được hưởng chế độ toại ngoại vì con còn nhỏ nhưng H vẫn quyết đi trả án vì nghĩ rằng mình nghiện thôi thì đi trả án cũng là để bản thân đi cai nghiện luôn.

Thời gian đầu bị bắt H cảm thấy vật vờ và mệt mỏi không ăn được gì, đêm thì không ngủ được. Đến ngày thứ 7 H mới ăn được một ít cơm và thấy trong người đỡ mệt mỏi hơn. Sau khi tòa tuyên án H bị xử phạt 3 năm tù giam thì H được chuyển lên trại giam Ngọc Lý và được phân về đội dán bạc. Từ khi lên trại H cũng tự nhận thức được rằng hành vi phạm tội của mình không trước thì sau thì cũng bị bắt. Nhưng vì đã nghiện vào rồi mỗi lần lên cơn vật vờ không chịu được và lại phải đi lấy ma túy về để thỏa mãn cơn nghiện. Từ khi vào ở trong trại giam đến nay H đã 2 lần vi phạm nội quy quy chế của trại. Lần thứ nhất H vi phạm

nội quy là hôm ra thăm gặp H có cầm một chiếc nhíp nhỏ lông mày cầm đút vào túi áo mang vào thì cán bộ khám và thấy cái nhíp. Sau đó H bị cảnh cáo lưu vào hồ sơ và bị hạn kiểm kếm mất mấy tháng. Lần thứ hai bị vi phạm nội quy quy chế và bị đi kỷ luật 5 ngày trong nhà kỷ luật vì tự ý cắt và sửa lại quần áo trại. Khi bị đi kỷ luật về bản thân H cảm thấy rất ngại vì những việc làm sai trái của mình.

Từ ngày vào trại đến giờ thì chồng H cũng vào thăm H được ba bốn lần. Vừa rồi chồng H cũng mới vào thăm H và có động viên H ở trong trại cố gắng chấp hành tốt để sớm được về để gặp con và làm ăn. Mẹ H và em gái H cũng vào thăm H thường xuyên hàng tháng, còn em trai H vì làm ở xa lên vào thăm H được có một lần. Mỗi lần vào thăm H mọi người trong gia đình H đều động viên H yên tâm cố gắng cải tạo tốt để sớm được về. Ở trong trại H sống hòa nhã với tất cả các chị em trong buồng giam. Nhiều khi H cũng tâm sự với các bạn của mình về tương lai sau này về sẽ từ bỏ hẳn ma túy và làm lại từ đầu, sẽ sống tốt hơn để không vi phạm pháp luật và cố gắng làm ăn để nuôi con. Nhiều lúc H nghĩ về bản thân mình và thấy rất xấu hổ vì đã làm cho gia đình buồn, cảm thấy có lỗi với chồng và với con mình vì con mình còn quá nhỏ mà mình không ở nhà để chăm sóc cho con. Ở trong trại giam H cũng được các cán bộ quan tâm hỏi han và động viên H cố gắng lao động cải tạo tốt, cố gắng hoàn thành mức khoán để sớm trở về với gia đình.

16. Phỏng vấn trường hợp: Tr.V.V (Giới tính: Nam)

Thời gian: tháng 10 năm 2012

Địa điểm: Trại giam Hoàng Tiến - Hải Dương

Người được phỏng vấn: Tr.V.V

Người phỏng vấn: N.H.T

Họ và tên: Tr.V.V (giới tính: Nam), sinh năm: 1984

HKĐKTT: Tổ 43 – Khu 3 – Phường Cẩm Trung – Cẩm Phả - Quảng Ninh

Tội danh: MBTPCMT

Ngày bắt: 17/12/2008, Án phạt: 180 tháng

Đến trại: 11/06/2009, hiện đang cải tạo tại Trại giam Hoàng Tiến.

Tóm tắt hành vi phạm tội theo bản án

Khoảng 9h sáng ngày 17/12/2008 V đi từ Cẩm Phả, mang theo số ma túy đã mua để đi đến địa chỉ đã hẹn với Tuấn là ngã 3 Tiền Trung – Hải Dương bán lại cho Tuấn. Trên đường đi đến địa phận TP Uông Bí – QN Tuấn điện thoại cho V bảo là Tuấn đang đợi ở cổng khu công nghiệp Đại An – Hải Dương. Khoảng 3h chiều sau một vài lần nghỉ uống nước V đã đến chỗ hẹn. Đến nơi, trong lúc đang thực hiện hành vi mua bán với Tuấn, V đã bị CA điều tra tỉnh Hưng Yên bắt quả tang và thu giữ 443 viên ma túy tổng hợp.

Lịch sử cuộc đời

Tôi sinh ra và lớn lên trên vùng mỏ Cẩm Phả - QN. Trong một đại gia đình tương đối là cơ bản và nề nếp. Tất cả mọi người từ ông bà, bố, mẹ, cô, chú, cậu dì hai bên nội ngoại đều là cán bộ công nhân viên chức công tác trong ngành than (Trước là tổng công ty than Việt Nam, nay là Tập đoàn Công nghiệp than khoáng sản VN - TKV). Trên tôi, còn có một anh trai hiện đang công tác tại VP Công ty Than Quang Hanh – Cẩm Phả - QN. Anh em tôi được ông bà nội yêu chiều, chăm sóc từ nhỏ, vì đầu sao cũng là cháu đích tôn (Ba tôi là trưởng nam mà). Tuổi thơ tôi cũng có những trưa hè nắng cháy, cùng đám bạn rong ruổi thả diều, đánh khăng, đánh đáo. Cũng có lời ru vãn thơ câu chuyện cổ xưa bà theo tôi vào mỗi giấc ngủ. Bên cạnh những kí ức êm đềm đó, tôi cũng không thể nào quên ngày ông ngoại tôi mất... Ngày đó tôi còn nhỏ lắm, khoảng lên 3 hay 4 gì đó. Khi ấy tôi chưa cảm nhận được nỗi mất mát, đau thương của gia đình để mà có thể rơi nước mắt, nhưng chí ít tôi cũng biết ngồi ngoan ngoãn trong lòng mẹ, đưa mắt nhìn mọi người và tự đặt câu hỏi: “Ông đi đâu mà cứ để bà và mẹ ngồi khóc rồi gọi ông về thế?”. Tôi còn nhớ mẹ tôi ôm tôi vào lòng, cầm bàn tay phải bé xíu

của tôi có một mụn cơm to xu xì bằng đầu đũa, mọc trên ngón tay cái, cọ nhẹ nhẹ vào nắp áo quan của ông và bảo: “ Con ơi! Con nói ông ơi, ông mang đi cho cháu đi con!”.

Tôi đã làm theo để rồi sau đó rúc vào lòng mẹ và khóc trong sợ hãi.

Thời gian tiếp tục trôi đi, thêm mấy năm đi nhà trẻ và mẫu giáo. Năm 1991, tôi chấp chững bước vào lớp 1 tại trường Tiểu học Cẩm Đông – Cẩm Phả - Quảng Ninh. Ngày đầu tiên đến lớp của tôi lạ lẫm...Nó là một chút e dè, một chút xấu hổ, một chút sợ sệt và cả những cảm xúc gì đó nửa đan xen, không sao tôi có thể diễn tả bằng lời, nó làm cho tôi mất hết cả tự tin, can đảm để có thể nhận chức lớp trưởng mà cô chủ nhiệm tên là Phương (Từng là bạn học của ba tôi) giao phó. Và lúc đó...tôi đã khóc, khóc như lần đầu ba đưa tôi đi nhà trẻ. Tôi cũng chẳng hiểu tại sao nữa...Có lẽ, tôi đã không chịu được áp lực của bao con mắt đổ dồn về phía mình, khi mà cô Phương, người mà tôi quen gọi là bác trong những lần ba tôi đưa đến nhà chơi, nhìn tôi triu mến: “Trần Việt Vương làm lớp trưởng nhé!”. “Dạ...!dạ...cháu không làm đâu Bác ạ !”. Tôi đã trả lời vậy đấy! Cả lớp cười ồ lên. Đầu tôi lập tức nóng ran, mặt mũi đỏ ửng...Thật sự lúc đó tôi chỉ muốn mình biến khỏi lớp học. Thế rồi, với sự dạy dỗ tận tình của cô Phương cộng với sự kèm cặp của ông nội, năm học đầu đời của tôi cũng trôi qua thật mau với kết quả cũng đủ để làm hài lòng ông bà, bố mẹ: Học lực giỏi, hạnh kiểm tốt. Năm 1992, tôi lên lớp 2A, dưới sự chỉ bảo của cô chủ nhiệm khác tên là Phượng, tôi vẫn đạt được kết quả học tập như trên. Nhưng cũng đúng vào kỳ nghỉ hè năm đó, gia đình tôi có một sự thay đổi. Chẳng là, Công ty than Thống Nhất có cấp cho ông nội tôi một mảnh đất khi ông còn đang công tác ở cương vị: Phó giám đốc ban quản lý công trình 4 – Trục thuộc Công ty, tại địa chỉ: Tổ 43 – phường Cẩm Trung – Cẩm Phả - QN. Mảnh đất đó rộng hơn 400 m², một nửa đã được ông cho chú ruột thứ 4 của tôi là : Trần Quang Anh – Hiện đang là cán bộ Công ty xây dựng hầm lò cơ bản – TKV, xây nhà lập gia đình. Nửa còn lại, ông cho ba tôi và động viên ba mẹ tôi chuyển đến địa chỉ đó để ở vì đầu sao nó cũng nằm trung tâm của thị xã Cẩm Phả. Vậy là, từ khi sinh ra cho đến hè năm 1992, tôi phải xa ông bà nội từ địa chỉ: Tổ 2 – Khu Lán Ga – phường Cẩm Đông – Cẩm Phả - QN để theo ba mẹ tôi đến nơi ở mới tại đại chỉ như đã nêu trên.

Vào năm học mới 1993, tôi học tiểu học tại trường tiểu học Cẩm Trung – Cẩm Phả - QN, cho đến năm 1995, tôi kết thúc bậc tiểu học tại mái trường này. Năm 1996 – 1997, do có thành tích học tập là học sinh giỏi cấp tỉnh lớp 5 – môn Văn, nên tôi đã được vào học cấp II tại mái trường có tên: Trường THCS Trọng Điềm – Cẩm Phả - QN. Mái trường này có điều kiện học tập tốt nhất thị xã lúc bấy giờ, cụ thể là có đội ngũ giáo viên trình độ chuyên môn giỏi, học sinh được vào trường học tối thiểu phải có 1 tiêu chuẩn: Học lực khá + hạnh kiểm tốt. Cùng thời điểm đó, vào cuối năm 1996, tức là lúc tôi đang học lớp 6, gia đình tôi lại có thêm một chuyện buồn: Đó là về vấn đề sức khỏe của mẹ tôi. Sau nhiều lần đang làm việc, huyết áp tăng, hạ đột ngột mẹ tôi bị ngất, khó thở phải đưa đi cấp cứu tại bệnh viện phải nằm điều trị và được chuẩn đoán ban đầu do: Cơ nhịp nhanh + Ngoại tâm thu (Bệnh tim) như những cú sét giáng xuống gia đình tôi. Nó khiến cho suy nghĩ của đứa trẻ mới lớn như tôi dao động rất nhiều, phần thì thương mẹ lắm, phần thì lại chán nản, chểnh mảng học hành. Mẹ tôi đau ốm, kinh tế gia đình tôi sa sút trầm trọng. Lúc ấy, Ba tôi cũng đã về nghỉ hưu sớm và đang đi làm cho một công ty tư nhân, nhưng công việc cũng bấp bõm, nay chỗ này, mai chỗ kia. Ba tôi cũng suy nghĩ nhiều lắm, nhiều lúc ông ngồi trầm tư một mình như đang cố gắng tìm ra một giải pháp để tháo gỡ nào đó...đầu óc non nớt của tôi cũng chỉ cảm nhận vậy thôi, nói tóm lại những lúc đó tôi biết: Ba buồn!

Sang đến năm 1997, lại một cú sét nữa giáng xuống gia đình tôi. Nó làm cho ba mẹ tôi gần như gục ngã. Đó là việc anh trai tôi đang học lớp 9 bị tụ máu sọ não phải mổ gấp tại bệnh viện Việt Nam – Thụy Điển – Uống Bí – QN. Tôi còn nhớ, mẹ tôi thì đang mang bệnh trong người không thể mổ vì không có tiền, mà theo như lời bác sĩ nói bệnh của mẹ tôi muốn khỏi phải phẫu thuật (Một ca mổ tim lúc đó tại Bệnh viện Việt Đức – HN cho mẹ tôi là điều không tưởng). Ông nội tôi lúc đó đã cho họp cả gia đình lại, ông vừa khóc vừa nói rằng: “Việc cần

làm ngay lúc này là tất cả mọi người trong đại gia đình phải chung tay để cứu lấy cháu bố!” Đó là anh Trần Công Thành – anh trai tôi. Cả đại gia đình tôi, ai cũng khóc, tôi cũng không cầm được nước mắt. Tôi chẳng bao giờ thấy ông khóc cả, đây là lần đầu tiên. Sau lần đó, tôi càng cảm nhận được tình thương yêu của ông dành cho anh em tôi bao la biết nhường nào. Mọi việc được thống nhất rất nhanh, sau đó kế hoạch đưa anh tôi đi mổ được triển khai tại bệnh viện VN – Thụy Điển – Uông Bí – QN. Người trực tiếp mổ cho anh tôi là GS – chuyên gia người Thụy Điển, kết quả thành công ngoài mong đợi. Sau gần một tháng phẫu thuật, anh tôi có thể tiếp tục đi học bình thường. Cũng từ đây, không hiểu sao tâm lý của tôi thay đổi hoàn toàn. Thay vì trước đây tôi chẳng bao giờ cáu gắt, chửi bới các bạn ở trường, lúc nào cũng vui vẻ, hòa nhã, vậy mà giờ đây tôi luôn có tâm trạng mặc cảm, tự ti, bỏ bê học hành. Để rồi suốt ngày quậy phá, đánh lộn và đỉnh điểm là thầy hiệu trưởng đã mời gia đình tôi lên và yêu cầu tôi chuyển trường. Vậy là vào năm 1998, phải nhờ một người ông họ của tôi đứng ra bảo lãnh tôi mới được nhận vào học lớp 8 tại một trường khác: Trường THCS Cẩm Thành – Phường Cẩm Thành – Cẩm Phả - QN với một học bạ năm lớp 7: Học lực khá + Hạnh kiểm trung bình. Năm 1999 tôi học hết lớp 9 và tốt nghiệp cấp II cũng tại mái trường trên. Từ năm 2000 – 2002 tôi học cấp III tại trường THPT dân lập Lương Thế Vinh – CP – QN. Tốt nghiệp cấp III với tấm bằng loại khá, tôi cũng đăng kí dự thi một trường đại học và một trường cao đẳng đó là: Đại học văn hóa HN và CĐ VHNT và dân lập Quảng Ninh.

Tôi không đỗ đại học nhưng lại đỗ cao đẳng. Ngày tôi cầm giấy báo nhập học cũng là ngày bố mẹ tôi vừa mừng vừa lo. Mừng vì tôi thi đỗ một trường cao đẳng, nhưng lo là không biết khi là sinh viên sống xa nhà, xa bố mẹ, tôi có làm chủ và tự lo cho mình được không? Bố mẹ tôi lo lắng là hoàn toàn có cơ sở bởi tôi vốn dĩ đã nghịch ngợm, quậy phá. Nay tôi lại sống xa nhà không bị quản lý, môi trường học lại là một trường nghệ thuật, cuộc sống sinh viên ở đây khá phức tạp. Và rồi lần vấp ngã lớn nhất đầu tiên trong đời tôi đã bắt đầu tại đây. Đó là sau một vài tháng nhập học tại trường tôi đã ăn chơi, đua đòi chúng bạn tụ tập uống rượu, đi săn nhây... Khi điều kiện gia đình không có, mỗi tháng ba mẹ chỉ cho tôi đủ tiền nhà trọ, tiền ăn và tiền học là tôi biết ba mẹ đã cố gắng lắm rồi, trong đó cả anh tôi cũng đang học Đại học nữa. Để đáp ứng cho nhu cầu ăn chơi của bản thân tôi đã phạm tội: Trong một ngày gần cuối năm 2002 tôi đã từ trường về nhà ở Cẩm Phả và đột nhập vào một nhà dân, cạy cửa vào nhà lấy trộm 2 bộ hồ sơ hợp đồng bảo hiểm nhân thọ và một đôi hoa tai bằng vàng tây. Sau đó, đôi hoa tai tôi bán được 120.000 và viết một tờ giấy với nội dung đòi tiền chuộc 2 bộ hồ sơ, rồi buổi tối cùng ngày hôm đó tôi vút vào nhà tôi đã lấy trộm. Chủ nhà đã báo công an, và sau ngày lấy trộm tôi đã trở lại trường học bình thường. Một tuần sau khi tôi đang học thì có 2 cán bộ điều tra công an thị xã Cẩm Phả triệu tập tôi về trụ sở công an thị xã. Lúc đó tôi cũng nghĩ rằng việc học của mình thế là hết. Sau khi đã thành khẩn nhận tội tại CATX, tôi được gia đình bảo lãnh cho tại ngoại, lúc đó cũng đã là những ngày sát tết nguyên đán, sau đó, sợ cảm giác phải đi tù cộng với mặc cảm của bản thân đối với gia đình, bạn bè, tôi đã bỏ nhà trốn vào Sài Gòn.

Trong suốt thời gian trốn chạy ở Sài Gòn từ tết nguyên đán năm 2002 cho đến tháng 5 năm 2004, tôi đã làm đủ mọi việc để sống qua ngày như: Phụ hồ, rửa xe máy, phụ bếp... Tôi cũng có một đến hai lần liên lạc về nhà nhưng tuyệt đối không cho gia đình địa chỉ cụ thể, mà chỉ nói con đang ở Sài Gòn. Tháng 6 năm 2004 tôi lên tàu trở về nhà và được gia đình đưa đến cơ quan công an đầu thú. Tháng 7/2004 TAND thị xã Cẩm Phả xử phạt tôi 9 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 tháng. Vậy là tôi đã có cơ hội để làm lại cuộc đời. Tháng 12 năm 2004, lại một lần nữa tôi dính vào vòng lao lý. Nhưng lần này tôi bị ra tòa với tư cách là nhân chứng không thể vắng mặt trong một vụ án giết người do xích mích trong khi điều khiển phương tiện giao thông. Bị cáo là hai người bạn chơi với tôi từ nhỏ là: Nguyễn Đại Sơn – SN: 1983 (xử 7 năm) và Lê Văn Thanh. SN: 1984 (xử 5 năm) cùng trú tại phường Cẩm Đông – Cẩm Phả - QN. Năm 2005, tôi đăng ký, nộp hồ sơ học nghề tại trường cao đẳng nghề mỏ Hồng Cẩm với ngành nghề đào tạo: Vận hành máy xúc thủy lực. Lần học này tưởng rằng

sẽ được đến nơi đến chốn, chỉ cần học xong có tấm bằng nghề là tôi sẽ được đi làm ngay, bởi vì trước khi đi học chú ruột tôi đã sắp xếp một chỗ làm việc cho tôi sau khi ra trường tại Công ty than Mông Dương – TKV – Cẩm Phả - QN, nơi có một người bạn của chú tôi làm Giám đốc Công ty. Vậy mà, khi gần thi tốt nghiệp sau khi đã hoàn thành 3 tháng thực tập trong khai trường mỏ. Không hiểu ma xui quỷ khiến thế nào, trong một lần ra chơi với một người bạn tên Cường, thường gọi là Cường “Cao” tôi đã không muốn quay về để chuẩn bị thi tốt nghiệp nghề nữa mà muốn ở lại thành phố Móng Cái – Mảnh đất vùng biên giới, nơi Cường “Cao” đang sống để kiếm tiền. Và cũng tại đây, trong một lần được bạn đưa sang Đông Hưng – Trung Quốc chơi tại quán bar VV8 bằng đường tiểu ngạch tôi đã làm quen được với một người đàn ông Trung Quốc nói tiếng Việt Nam rất giỏi tên là: A. Hải. Theo như A.Hải nói thì anh ta đã làm ăn với người Việt cũng đã khá lâu nên mới nói tiếng Việt giỏi như vậy. Trong lần đó tôi đã uống rượu và nói chuyện với anh ta khá lâu, và cũng trong lần đó, tôi đã biết thế nào là thuốc lắc. Sau lần gặp đó, A Hải đã cho tôi số điện thoại của anh ta và nói nếu có việc gì cần anh ta giúp thì cứ gọi.

Thời gian sau ở Móng Cái, tôi được một anh bạn tên Toàn “mập” là lái xe Congtenno chở hàng Móng Cái – Hải Phòng và ngược lại, gọi tôi đi phụ xe cùng anh ta cho khuây khỏa, tôi đã đồng ý. Cũng chính từ đây, tôi lại thích nghề lái xe và mong muốn được học để lấy bằng. Và trong thời gian này, sau mỗi chuyến hàng từ Móng Cái về cảng Chùa Vẽ - Hải Phòng. Tôi và anh Toàn “Mập” lại đến nhà bạn anh tên là Hưng ở Tô Hiệu – Hải Phòng ăn uống và nghỉ ngơi. Cũng chính tại nhà anh Hưng, tôi và vợ tôi đã quen và yêu nhau. Vợ tôi lúc đó làm cùng chị Quỳnh – vợ anh Hưng tại Công ty XNK Thịnh Phát – HP. Chính chị Quỳnh đã làm cầu nối cho tôi và vợ tôi quen nhau, bởi vì chị rất quý tôi và coi tôi như em trai, ngược lại tôi cũng rất quý và trân trọng chị. Tôi đã tâm sự với chị rất nhiều, chị nói với tôi và vợ tôi rằng: “Hai đứa mày đều là em của chị! Nếu chúng mày thực sự yêu thương nhau thì cứ lấy nhau đi, làm kinh tế sau cũng được. Nếu gia đình không cho tiền làm đám cưới, sang chị cho vay”. Một thời gian sau, vợ tôi bảo vợ tôi đã có bầu, tôi đưa vợ tôi đi siêu âm tại bệnh viện phụ sản Hải Phòng, bác sĩ nói thai đã được hai tuần tuổi. Đến lúc này tôi mới đưa vợ tôi về thông báo với gia đình và xin bố mẹ cho chúng tôi lấy nhau. Bị tôi đặt vào sự đã rồi, bố mẹ tôi và mọi người bắt buộc phải chấp nhận. Vậy là đến tháng 3/2007 tôi chính thức lập gia đình với vợ tôi là: Nguyễn Thị Sen – SN : 1984. Trong suốt khoảng thời gian vợ tôi mang bầu, vợ chồng tôi sống rất hạnh phúc. Ngoài việc phụ vợ tôi bán hàng giải khát cùng với bố mẹ để có một khoản dành dụm cho vợ tôi lúc sinh nở, tôi còn được bố mẹ tôi một lần nữa cho đi học lái xe tải hạng C tại trung tâm dạy nghề lái xe Nam Triều – Hải Phòng. Tháng 9/2007 vợ tôi sinh con gái đầu lòng: Trần Thị Hà Vy cũng là lúc tôi có tấm bằng lái xe tải hạng C. Cô ruột tôi lúc đó hứa sẽ xin việc cho tôi vào lái xe tại Công ty của cô là Công ty than Dương Huy – TKV. Trong khoảng thời gian chờ việc từ tháng 9/2007 cho đến tháng 9/2008 người tôi như muốn phát điên lên. Tôi đã làm tất cả mọi việc nhà từ: Chăm con, dọn dẹp, giặt giũ, nấu ăn...thứ nhất để khỏi phải tiêu cực, thứ 2 để vợ tôi có thời gian phụ mẹ tôi bán hàng kiếm tiền trang trải cho cả gia đình. Thời gian đó tôi thấy mình vô dụng lắm, mang tiếng đàn ông đã có gia đình mà không có lấy nổi một xu dính túi. Ba mẹ tôi đã quá khổ vì tôi, giờ đây lại còn phải nuôi cả con tôi nữa. Chính trong thời gian này, trong đầu tôi đã phát sinh một ý nghĩ: Phải kiếm tiền thật nhanh bằng bất cứ giá nào, không thể ngồi chờ việc được nữa rồi. Nhớ đến A.Hải ở Móng Cái, tôi đã lục tìm danh bạ và gọi cho anh ta. Như đã nắm bắt được tâm lý của tôi từ lâu, sau một vài phút nghe tôi trình bày hoàn cảnh, A. Hải nói luôn “ Mày gom tiền đi ra đây lấy thuốc lắc về mà bán tao để mồi cho” “Có thằng Tuấn ở Hà Nội nó điện cho tao, nó đang cần hàng đấy!” “Tao để cho mày giá 35N/1 viên, mày đổ cho nó giá 70N/viên, ok!”. Tôi gạt đầu đồng ý ngay và nói với A.Hải khi nào có tiền sẽ điện lại, Và với lý do vợ đẻ, đang rất khó khăn tôi đã vay mượn được một số bạn bè tôi ở Cẩm Phả vào đầu tháng 12/2008 với số tiền là 45 triệu đồng. Tôi điện cho A.Hải và nói tôi đã xoay đủ tiền để có thể lấy tối thiểu 1000 viên thuốc lắc với giá 35N/viên. A.Hải bảo tôi: “Tao điện cho thằng Tuấn rồi, nó bảo chỉ

còn đủ tiền để lấy khoảng 500v thôi” “ Thôi nếu nó chỉ lấy 500v thì tao sẽ bớt cho mày 5N/1 viên” “Mày lấy chỗ tao giá 30 về đồ cho nó 70 được chưa!”. Tôi đồng ý và A.Hải đã cho tôi số điện thoại của Tuấn để tôi nói chuyện hẹn ngày giao dịch. Tôi đã định ra lấy hàng chỗ A.Hải trước rồi mới điện thoại cho Tuấn, nhưng hình như A.Hải cho Tuấn số điện thoại của tôi. Tuấn điện thoại cho tôi và nói là bạn của A.Hải và đang muốn lấy 500v thuốc lắc, tôi và Tuấn thỏa thuận giá cả là 70N/viên và hẹn ngày giao hàng là 17/12/2008 tại Hải Dương.

Ngày 15/12/2008 tôi điện thoại cho A.Hải bảo là sẽ lấy hàng vào ngày 16/12 để ngày 17/12 đi Hải Dương chuyển tiền cho Tuấn luôn. A.hải đồng ý. Ngày 16/12 Tôi bắt xe khách Cẩm Phả - Móng Cái để ra chỗ A.Hải lấy hàng. Đến bến xe khách Móng Cái tôi điện thoại cho A.Hải thì A.Hải bảo tôi đi taxi xuống thẳng bến cảng Lục Lâm tôi lại điện thoại cho Hải. A.Hải bảo tôi xuống xe, rồi lại vào xe đóng cửa lại ngồi chờ. Lát sau tôi thấy có một người phụ nữ bịt khăn kín mặt đi đến và hỏi tôi có phải là bạn của A.Hải không? Tôi nói phải, người phụ nữ đó liền đưa cho tôi một hộp điện thoại 1200 (NOKIA). Tôi mở ra xem và thấy hàng trong đó, cùng lúc đó A.Hải gọi cho tôi và bảo tôi cứ đưa tiền cho người phụ nữ đó. Tôi đồng ý và đưa cho người phụ nữ đó 15 triệu đồng. Sau khi lấy thuốc xong, tôi đi thẳng về Cẩm Phả, về đến Cẩm Phả tôi kiểm tra lại số thuốc lắc đó thì chỉ thấy có 443 viên, thiếu mất 57 viên, tôi điện thoại ngay lại cho A. Hải. A.Hải nói “Chỗ hàng lẻ anh cũng không để ý, thôi để lần sau ra anh bù” Tôi hậm hực rồi cúp máy và định bụng cũng không báo lại cho Tuấn biết. Khoảng 9h sáng ngày 17/12/2008 tôi đi từ Cẩm Phả, mang theo số ma túy đã mua để đi đến địa chỉ đã hẹn với Tuấn là ngã 3 Tiền Trung – Hải Dương bán lại cho Tuấn. Trên đường đi đến địa phận TP Uông Bí – QN, Tuấn điện thoại cho tôi bảo là tôi đang đợi ông ở cổng KCN Đại An – Hải Dương. Tôi bảo Tuấn cứ chờ ở đó. Khoảng 3h chiều sau một vài lần nghỉ uống nước tôi đã đến chỗ hẹn. Đến nơi, trong lúc đang thực hiện hành vi mua bán với Tuấn tôi đã bị CA ĐT tỉnh Hưng Yên bắt quả tang.

Theo bản án số 14 của TAND tỉnh Hưng Yên ngày 22/4/2009 tôi đã bị xử phạt 180T tù giam, Ngày 11/6/2009 tôi được chuyển đến CHAPT tại phân trại số 3 – TG Ngọc Lý. Ngày 5/2/2010, sau hơn 7 tháng cải tạo tại đây, tôi đã được BGT tạo điều kiện chuyển lên phân trại số 2 để CHA tại Đ19. Tháng 4/2011 tôi được PN tín nhiệm bầu vào BTT TQ phạm nhân nhiệm kỳ 2011 – 2012. Tháng 4/2012 tôi vẫn tiếp tục được PN tín nhiệm bầu vào BTTTQPN nhiệm kỳ 2012 – 2013. Với thành tích gặt hái được trong năm 2011 đó là: Đạt giải nhất toàn trại hội thi “PN kể chuyện về tấm gương đạo đức HCM”, Đạt danh hiệu “PN tiêu biểu xuất sắc” năm 2011, cho nên bắt đầu từ tháng 2 của quý 1-2012 cho đến nay cộng với sự nỗ lực không ngừng của bản thân, tôi đã được xếp loại cải tạo tốt. Để có được thành quả đó, tôi xin bày tỏ lòng cảm ơn chân thành nhất đến BGT cùng HĐCB đã tạo điều kiện cho tôi trong suốt thời gian qua. Xin cảm ơn tới các cán bộ, cho phép tôi được gọi bằng chữ “Thầy. Kính chúc các thầy cùng gia đình luôn mạnh khỏe và hạnh phúc./.

17. Phỏng vấn trường hợp: Đ.Đ.A (Giới tính: Nam)

Thời gian: Tháng 10 năm 2012

Địa điểm: Trại giam Hoàng Tiến - Hải Dương

Người được phỏng vấn: Đ.Đ.A

Người phỏng vấn: N.H.T

Họ và tên: Đ.Đ.A (giới tính: Nam), sinh năm: 1985

NĐKHKTT: Thổ Quan – Đống Đa – Hà Nội

Can tội: Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy

Án phạt: 84 tháng

Ngày bắt: 10/08/2007

Tiền án: không Tiền sự: Không

Hiện đang cải tạo tại đội 25 phân trại số 3 trại giam Hoàng Tiến

Lịch sử cuộc đời

Tôi sinh ra trong một gia đình có hoàn cảnh cũng khó khăn. Bố làm trong quân đội, còn Mẹ thì đi làm công nhân. Từ nhỏ bố tôi đã phải thường xuyên xa nhà, chỉ còn lại mình mẹ tôi vất vả nuôi hai chị em tôi. Đến năm tôi bắt đầu đi học lớp 1 cũng là lúc Bố tôi không còn làm trong quân đội nữa, và cả nhà tôi lại được đoàn tụ bên nhau.

Từ nhỏ nhờ có sự dạy bảo, quan tâm của bố mẹ mà tôi luôn luôn được học sinh giỏi. Cho đến năm cấp 2 tôi bắt đầu mải chơi theo mấy bạn ở lớp mà tình hình học tập của tôi ngày một sa sút đi. Cho đến năm thi sang cấp 3, tôi thi được điểm rất kém thì cũng là lúc bố mẹ rất buồn vì tôi, Bố mẹ tôi dạy bảo tôi rất nhiều, mắng có, đánh có nhưng tất cả cũng chỉ nhập vào trong trí óc của tôi được vài ngày xong rồi đầu lại vào đó. Cũng may cho tôi là trong thời gian này, bạn bè hư hỏng của tôi đua nhau chơi cái thứ bột màu trắng mà người ta gọi là Heroín, bạn bè tôi rủ tôi chơi rất nhiều lần nhưng tôi nhất quyết không chơi. Bởi vì, tôi thấy bạn tôi dùng xong toàn nôn mửa, tôi cũng thấy sợ nên không dám chơi và từ đó tôi cũng tránh xa những người bạn này. Sang học cấp 3, lúc đó tôi cũng thấy mình trưởng thành hơn, suy nghĩ cũng khác trước nhiều hơn. Tôi lại chăm chú học hành chăm chỉ. Nhưng tôi không biết có phải lí do vì cấp 2 tôi mải chơi mà quên bài vở hay không mà lúc này tôi học không thể nào nhập tâm được. Tôi làm bài mà không thể ra kết quả. Bắt đầu tôi thấy việc học khó khăn với mình quá. Lúc này, bố mẹ và những người thân của tôi cũng khuyên bảo và định hướng cho tôi rất nhiều, không học thì mai sau sẽ chẳng làm nên trò trống gì cả. Tôi cũng suy nghĩ nhưng vẫn không thể nào nhập tâm được và lúc này tôi đành buông thả, thôi sau này đến đâu thì đến vậy, cuối cùng tôi cũng hoàn thành xong được cấp 3 và nhận được một tấm bằng khá. Nó chẳng giúp gì được cho tôi cả, nó chẳng khác gì một tấm bằng xóa mù chữ và chẳng giúp gì được cho cuộc đời tôi sau này. Dù sao tôi cũng không thể chấp nhận mình là một thằng đi làm thuê, một anh bảo vệ hay một anh công nhân được. Và tôi lại tiếp tục đi học. Lúc này bố tôi đang làm kinh doanh và bố tôi cũng định hướng cho tôi trong công việc và cuộc sống sau này. Tôi bắt đầu vào học trường cao đẳng tin học, nhưng bản tính mải chơi trong tôi lại trỗi dậy, càng lớn, tôi càng chơi bời, nghịch ngợm hơn trước. Tôi đã bắt đầu biết đi chơi đêm, bắt đầu biết chơi cờ bạc và cuối cùng học được 6 tháng thì tôi lại bỏ học và lang thang với các bạn bè xấu. Lúc này bố mẹ cũng mắng tôi rất nhiều, nhưng bản tính tôi càng lớn càng ngoan cố, khó bảo. Mỗi lần bố mẹ mắng tôi là tôi lại bỏ nhà đi lang thang mấy ngày, cho đến khi nào hết tiền mới lại quay về nhà. Những ngày đi lang thang là những ngày tôi càng nhiễm thói hư hỏng vào người hơn. Cho đến lúc tôi gần 20 tuổi, vào một ngày có một người bạn tên Tuấn, cũng mải chơi lâu lóng có rủ tôi hút tài mả. Lúc này tôi cũng không hút vì tôi thấy những người bạn tôi hồi trước chơi heroin bê tha lắm và cũng bị xã hội tẩy chay. Nhưng Tuấn bảo tôi yên tâm loại này không giống Heroín, không nghiện được, hút vào chỉ vui cười suốt mà thôi, không vật vã, cuồng loạn như hàng trắng đâu. Nhưng tôi vẫn không dám hút. Và sau một thời gian, tôi thấy rất nhiều thanh niên chơi loại này và tôi thấy tác hại của nó cũng không đáng kể lắm, và lần sau Tuấn có rủ tôi chơi và tôi chơi. Đây là lần đầu tiên tôi sử dụng ma túy. Và sau lần chơi đó, tôi cũng thấy thích thích cảm giác đó, nhưng chơi cũng được mà không chơi cũng chẳng sao. Dần dần cảm giác đó cũng ăn sâu và trong tâm trí tôi, càng ngày tôi càng sử dụng nhiều hơn, Hể bạn bè rủ là tôi đều đi. Tôi cũng không nghĩ nhiều về tác hại của nó. Tôi chỉ cảm thấy thích, vui thì chơi còn không thì thôi. Đến một thời gian tôi cảm thấy chán hút tài mả mà vì lúc đó tôi có nghe nói đến một số tác hại của nó. Tôi bắt đầu ngừng không hút nhiều nữa. Thời gian đầu cũng cảm thấy nhớ nhớ nhưng dần dần rồi cũng quen. Nhiều lúc tôi cũng trầm nghĩ rồi chẳng biết mình sẽ thế này được bao lâu nữa. Bạn bè đua thì đi làm, đua thì vẫn đang học. Còn tôi học hành thì bỏ, suốt ngày đi chơi đêm. Thỉnh thoảng chơi cờ bạc được thì lại lang thang đến lúc hết tiền thì lại quay về xin bố mẹ. Bố mẹ có hỏi xin tiền làm gì thì lại lừa dối bố mẹ cần làm việc này việc khác. Nhưng rồi lại lao vào những cuộc chơi vô bổ, cuộc chơi hủy hoại thân xác và tâm hồn. Còn những lúc nào hết đường xoay sở thì lại quay về nhà. Những lúc như thế này tôi chẳng biết phải làm sao nữa. Tôi đành chấp nhận đi làm thuê, tất nhiên là qua sự giới thiệu của những người thân của mình. Chứ tôi nghĩ một thằng bắt tài như

mình tự đi xin việc cũng chẳng ai thèm nhận. Đi làm được hai tháng, với bản tính ham chơi của mình, tôi không thể chấp nhận đi làm chân chính để kiếm những đồng tiền ít ỏi này được. Tôi đi làm mà tiền lương không đủ lo cho bản thân mình, vẫn suốt ngày phải xin thêm tiền tiêu vặt. Tôi bắt đầu cảm thấy chán công việc này lắm rồi. Và tôi lại bỏ việc ở nhà ăn bám vào gia đình. Tôi lại quay về tiếp tục chơi với những người bạn lêu lổng, chơi bởi không biết ngày mai của mình. Và vào thời điểm đó, lúc tôi gần 21 tuổi, cũng là lúc cả thành phố rầm rộ chơi thuốc lắc. Trong số bạn bè tôi chơi đã có người rủ tôi chơi thuốc lắc. Và lần đầu tiên tôi biết đến viên thuốc lắc là do người bạn tôi tên Dũng cho tôi uống. Tôi nhìn nó như viên thuốc tây và cách sử dụng như uống một viên thuốc tây. Hôm đó tôi cảm thấy mình rất phê và nghe nhạc rất hay. Tôi cũng không biết nhiều về tác hại của nó nhưng cũng chỉ nghe nói là một loại ma túy tổng hợp nhưng không nghiện. Sau lần sử dụng thuốc lắc, tôi cũng thấy thích cảm giác phê của nó. Nhưng do lúc đó tiền không có nên không thể sử dụng được. Mà mỗi lần sử dụng như vậy cần nhiều tiền hơn là hút tài mà. Thế là thỉnh thoảng khi nào có tiền anh em, bạn bè chơi với nhau góp tiền lại đi chơi. Ngày đó ở Hà Nội chơi thuốc lắc là một phong trào của thanh niên. Đi đến đâu tôi cũng nghe chuyện nói về thuốc lắc. Từ quán café, trên Internet đến cả quán trà đá cũng bàn tán, Từ con trai đến cả con gái, cứ có tiền là lại rủ nhau đi chơi thuốc lắc. Bởi vì lúc đấy tôi cảm thấy đi chơi thuốc lắc là cuộc chơi vui nhất rồi. Đồng tiền bỏ ra cho cuộc chơi là xứng đáng. Nó đưa con người ta đến đỉnh điểm của sự sung sướng. Còn tác hại về sức khỏe và tinh thần thì lúc đó tôi đâu có biết. Cuộc vui đến lúc rồi cũng sẽ tàn. Hết tiền thì ai lại quay về nhà đấy. Sau những cuộc chơi tôi trở về với thân xác hoang tàn, Bố mẹ cũng thương tôi lắm, khuyên bảo tôi nhiều nhưng tôi vẫn chứng nào tật ấy. Tôi cũng có những người bạn tốt, khuyên tôi rất nhiều, nhưng do chơi bởi với bạn bè quen rồi. Tôi cảm thấy không hợp với những người bạn học hành chăm chỉ và biết suy nghĩ của tôi. Ngày xưa có câu: “Nguu tầm ngu, mã tầm mã” quả không sai, bản tính tôi chơi bởi quen cho nên chỉ hợp với những thằng như tôi mà thôi. Rồi đến lúc tiền cũng chẳng còn, bạn bè chẳng bao mình mãi được. Mà bản tính tôi thì không thể trộm cắp, lừa đảo được. Cuối cùng lại quay trở về nhà. Ở nhà được vài tháng tôi lại xin vào học trường trung cấp công nghiệp. Học được năm tháng thì đến thời gian nghỉ tết âm lịch. Trong thời gian này tôi chơi cờ bạc và thắng được rất nhiều tiền, tôi cũng chẳng biết đó là niềm vui hay nỗi buồn nữa. Bởi vì có được nhiều tiền tôi lại lao vào những cuộc vui thâu đêm suốt sáng. Cuối cùng tôi lại phải bỏ học ở trường trung cấp công nghiệp. Tôi cũng biết bố mẹ rất buồn vì tôi nhưng biết làm sao được, trót ăn trót chơi rồi. Mà con người tôi lúc đấy vẫn chưa nghĩ sâu xa được. Cờ bạc thì cũng không đồ được mãi, rồi đến lúc tôi thua hết thì cũng là lúc bạn bè cũng xa dần tôi. Tôi lại trở về nhà, và lần này bố đã khuyên bảo tôi đi làm cũng bố, tôi bỏ hẳn cờ bạc, tôi không còn đi chơi đêm nữa. Bạn bè cũng ngạc nhiên vì sự thay đổi của tôi. Nhưng cuối cùng đối thủ lớn nhất của mình thì tôi lại không thể thắng được. Đó là chính bản thân mình. Bạn bè vẫn rủ tôi đi chơi thuốc lắc, tôi từ chối một lần, hai lần, lần thứ 3 thì không chối được. Tôi vẫn còn mãi chơi quá. Hôm đó, trời mưa, bạn tôi có rủ mấy người đi uống bia. Sau đó, Kiên lại rủ cả hội đi chơi thuốc lắc. Lúc đầu, tôi đã từ chối không đi. Nhưng mấy bạn tôi cứ bảo, trước anh em đi chơi toàn có nhau, bây giờ bạn không đi thì anh em buồn, anh em chẳng muốn đi nữa. Thế là cuối cùng tôi gật đầu đồng ý. Và tôi cũng là người đi mua thuốc để tất cả sử dụng. Hôm đó sang Bắc Ninh chơi. Bọn tôi có tất cả 9 người gồm 6 nam và 3 nữ. Đang trong lúc phê thuốc lắc thì chúng tôi bị Công an Từ Sơn kiểm tra lập biên bản chúng tôi về tội sử dụng ma túy. Sau khi hỏi cung tất cả mọi người. Thì nhóm của tôi 5 người được thả về còn 4 người thì bị khởi tố về tội “Tổ chức, sử dụng trái phép chất ma túy”. Thực chất đến lúc này tôi cũng chẳng biết lệnh khởi tố là gì nữa. Tôi chẳng bao giờ có thể nghĩ rằng như tôi lại có thể phải ngồi tù, bởi vì lúc trước ở ngoài, bạn bè tôi có người cũng bị bắt giống như tôi nhưng đâu có bị làm sao. Chỉ bị giam một ngày là lại được về. Tôi chẳng bao giờ có thể nghĩ bỏ tiền rủ bạn đi chơi thuốc lắc mà bị đi tù cả. Vì tôi nghĩ thuốc lắc cũng chỉ là loại ma túy tổng hợp không gây nghiện, không gây tác hại nhiều cho xã hội. Nhưng đến khi tôi nhận được cáo trạng khoản 2, cung hình phạt từ 7

– 15 năm thì tôi mới biết được tội của mình nặng như thế nào. Thời gian đầu vào trong trại giam tôi bị sốc nặng, tôi bị mất phương hướng. Chẳng biết đến bao giờ mới hết 7 năm. Tôi coi như cuộc đời mình chấm dứt tại đây. Có một thời gian tôi cảm thấy như mình bị rơi vào trạng thái trầm cảm nhẹ. Tôi tự cô lập mình, tôi không nói chuyện với ai, suốt ngày chỉ ngồi một mình để gặm nhấm nỗi đau. Tôi trách bản thân mình vì tôi mà gia đình tôi phải khổ, vì tôi mà bố mẹ tôi phải chịu nhiều lời đàm tiếu, vì tôi mà bố mẹ phải đi lạy, van xin người khác, trong khi người đó chỉ đáng tuổi con của bố mẹ tôi. Tôi cảm thấy mình gây ra tội lỗi rất lớn. Đã có lúc tôi còn tự hủy hoại bản thân mình. Cũng may ông trời vẫn còn thương tôi, Ông cho tôi những người anh, những người bạn và những người cán bộ quản giáo đã thương tôi, quan tâm đến tôi. Đã khuyên bảo tôi những điều hay lẽ phải, đã giúp tôi vượt qua ra khỏi những suy nghĩ tiêu cực, đã giúp tôi nhìn lại cuộc đời này đối với tôi không phải là đã mất tất cả. Đến lúc này tôi đã dần thay đổi và tôi thấy mình cần phải thay đổi. Đã có lúc tôi thầm nghĩ, tại sao tôi sinh ra trong một gia đình mà bố mẹ, chị tôi là người hiền lành, chất phác. Rất yêu thương tôi và cho tôi mọi thứ vậy mà tôi đã sai lầm, vì cá nhân tôi, vì quá mải chơi mà tôi đã gây ra tội lỗi lớn. Giờ đây, tôi cảm thấy mình thật sự hối hận. Tôi đã có suy nghĩ tích cực hơn. Đối với tôi đi tù không phải là mất tất cả. Nhất là nhà tù bây giờ rất bình đẳng, không còn tình trạng cướp bóc và cái tệ nạn khác nữa. Đã giúp tôi cần phải thay đổi mình. Tôi biết mình cần phải đứng dậy sau lần vấp ngã này. Môi trường này đã dạy cho tôi trưởng thành hơn. Biết đâu giờ này ở ngoài có khi tôi đã trở thành một người hư hỏng hơn, phá phách hơn. Thời gian qua tôi đã cố gắng cải tạo thật tốt, không vi phạm nội quy, quy chế trại giam, lao động cải tạo đủ mức khoán để nhận được sự khoan hồng của Nhà nước. Để tôi được giảm án và tha trước thời hạn. Giờ đây, khi tôi đã sắp chấp hành hết án phạt của mình và sắp được trở về cùng gia đình. Tôi thấy mình là một con người khác rất nhiều. Trưởng thành hơn, khôn ngoan hơn và cũng đã vạch ra được nhiều điều hơn trong cuộc sống sau này. Tôi thấy có một câu nói rất hay và tôi cũng thấy rất đúng, đó là: “Có khổ đau mới tìm ra được chân lý”.

18. Phỏng vấn trường hợp: Tr.Th.H (Giới tính: Nữ)

Thời gian: Tháng 10 năm 2012

Địa điểm: Trại giam Hoàng Tiến - Hải Dương

Người được phỏng vấn: Tr.Th.H

Người phỏng vấn: N.H.T

Họ và tên: Tr.Th.H (giới tính: Nữ), năm sinh 1990

Can tội: Mua bán trái phép chất ma túy

Ngày bị bắt: 13/6/2011. Sau đó được hoãn thi hành án vì có con còn quá nhỏ

Tóm tắt hành vi phạm tội theo bản án

Khoảng 19h ngày 13/6/2011, tại khu vực bờ đê phường Nghĩa Xá, quận Lê Chân, công an quận Lê Chân phát hiện và bắt quả tang Trương Thị Hằng đang bán ma túy cho một nam thanh niên 01 gói, giá 50.000đ. Công an thu giữ của Hằng 19 gói ma túy, trọng lượng qua giám định là 0,9701 gam.

Tóm tắt theo lịch sử cuộc đời

H sinh ra và lớn lên ở xã Nam Sơn, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương

Nhà H có 3 chị em, H là chị cả dưới H là 1 em trai và 1 em gái, 2 em của H vẫn còn đang đi học, một đứa học cấp 3 và một đứa học cấp 2. Gia đình nhà H cũng không khá giả gì. Khi đang học lớp 12 thì H gặp anh Phạm Trung Kiên, hai người quen nhau và yêu nhau. Đến khi H học hết lớp 12 thì cưới nhau. H cưới chồng vào năm 2008 khi đấy H vừa tròn 18 tuổi. Gia đình nhà H không có ai liên quan đến ma túy. Cưới nhau xong thì H về Hải Phòng sinh sống cùng chồng. Trước lúc yêu H cũng biết người yêu mình đã từng một thời gian nghiện nhưng lúc đấy đã cai được. H yêu được một thời gian khoảng 7 tháng thì cưới. Sau khi lấy chồng được 2 năm thì chồng của H nghiện lại vào năm 2010 cho đến năm 2011 thì chồng của H chết, chồng của H chết do nghiện lại và bị Asida giai đoạn cuối. Hiện tại H cũng bị lây nhiễm HIV do chồng lây sang. H có một đứa con trai năm nay lên 4 tuổi. Khi biết chồng

nghiện lại vì nhà chồng cũng không có tiền, sức khỏe của chồng H cũng yếu do bị Asida giai đoạn cuối nên H lấy ma túy về bán để cho chồng chơi và bán kiếm ít tiền để trang trải cuộc sống. Trong lúc đang bán ma túy thì H bị bắt quả tang.

H thừa nhận nguyên nhân dẫn tới hành vi phạm tội là do nguyên nhân khách quan (Vì không có tiền trang trải cuộc sống và vì chồng nghiện và sức khỏe quá yếu do bị bản thân bị HIV và nghiện ma túy nặng không có tiền để chơi nên H mới bán ma túy). H thừa nhận hậu quả của việc bán ma túy. H không đề cập đến việc bán ma túy gây mất an ninh trật tự và gây hậu quả nghiêm trọng đối với xã hội. Theo chúng tôi có thể do chồng H nghiện và đang ở trong giai đoạn cuối của Asida, và gia đình nhà chồng của H có nhiều người liên quan đến ma túy, nơi vợ chồng của H ở cũng là một điểm nóng về ma túy nên có nhiều người có hành vi vi phạm pháp luật. Chúng tôi cũng không thấy H nói về tác hại của việc mình bán ma túy và tác hại của người chồng nghiện ma túy đến sự mất mát về kinh tế của gia đình.

H thừa nhận bản thân mình phạm tội, tuy nhiên khi nghiên cứu hồ sơ phạm nhân chúng tôi thấy từ giai đoạn điều tra đến giai đoạn xét xử thì H cũng đã thừa nhận mình có bán ma túy. Khi đánh giá hành vi phạm tội của mình thì H cho rằng với hành vi mua bán ma túy thì trước sau cũng bị bắt. H có thái độ ăn năn và có lỗi với gia đình bên ngoại và đứa con còn nhỏ của mình (Con của H mới được 4 tuổi, nó còn quá nhỏ đã phải xa mẹ và mất bố) chứ không ân hận về hành vi mua bán trái phép ma túy của mình. Từ khi vào trại giam H được phân công về đội may, công việc này cũng không quá nặng đối với H. Hàng ngày tôi đều hoàn thành mức khoán lao động. Khi mới vào trại tôi được học nội quy kỷ luật của trại giam và luôn chấp hành đúng. Từ đó đến nay tôi chưa lần nào vi phạm nội quy quy chế của trại giam. Từ việc H thừa nhận bản thân là có tội, tự nhận thấy được hậu quả của hành vi phạm tội của mình dẫn tới H luôn chấp hành hình phạt tù của bản thân. Từ đó có hành vi luôn chấp hành nội quy và kỷ luật của trại giam.

Với gia đình mỗi lần ra thăm gặp gia đình H luôn vui vẻ nói chuyện và tâm sự cùng gia đình của mình về cuộc sống ở trong trại để gia đình được biết và yên tâm làm ăn. H luôn động viên gia đình cứ yên tâm vì ở trong trại H sẽ luôn cố gắng để cải tạo tốt để sớm trở về với gia đình. Ở trong trại khi mới vào trại thì H rất bối ngỡ và gặp rất nhiều thiếu sót về cách sống cũng như sinh hoạt ở môi trường mới này. Nhưng dần dần được các bạn tù và các cán bộ quản giáo chỉ bảo và động viên đã giúp H nhận thức hơn và dần quen được với môi trường trại giam. Ở trong trại giam H luôn luôn học hỏi các bạn tù đi trước và sống chan hòa, H luôn luôn lắng nghe và học hỏi những điều tốt và cùng tâm sự về cuộc sống hiện tại với các bạn tù.

Trong thời gian ở đây H đã nhận được rất nhiều sự quan tâm của trại cũng như của cô quản giáo, H thấy rất yên tâm để cải tạo. Về phần H, H luôn nỗ lực cố gắng phấn đấu. H đã biết tội lỗi của mình và H mong những gì H làm bây giờ để mong rằng sẽ chuộc lại 1 phần nào tội lỗi của mình đã gây ra cho xã hội và để sớm được về với gia đình và xã hội. H sẽ cố gắng trở thành một công dân tốt và luôn sống và làm việc theo hiến pháp và pháp luật, để không bao giờ lầm đường, lạc bước như thế này một lần nữa.

19. Phỏng vấn trường hợp: Ng.V.H (Giới tính: Nam)

Thời gian: Tháng 10 năm 2012

Địa điểm: Trại giam Hoàng Tiến - Hải Dương

Người được phỏng vấn: Ng.V.H

Người phỏng vấn: N.H.T

Họ và tên: Ng.V.H (giới tính: Nam), sinh năm: 1983

Can tội: Mua bán trái phép chất ma túy

Ngày bắt: 08/01/2012, án phạt 3 năm, đang chấp hành tại trại giam Hoàng Tiến

Tóm tắt hành vi phạm tội theo bản án

Sáng ngày 8/1/2012 H mang theo 350.000đ đi lên xã Tân Việt để mua ma túy về sử dụng và bán lại cho các đối tượng nghiện để kiếm lời. Sau khi mua được ma túy của một thanh niên không quen biết H mang về nhà nghỉ Hùng Hằng ở phố Địa, sau đó chia ra làm 8

gói nhỏ, H sử dụng một gói, bán cho anh Đức ở xã Hoàng Hoa Thám một gói. Khoảng 14h30 phút cùng ngày Công an huyện Ân Thi kiểm tra nhà nghỉ phát hiện bắt quả tang thu giữ trong người H 7 gói Heroin, trong đó có một gói có trong người từ hôm trước tổng trọng lượng 0,302g Heroin, một điện thoại di động hiệu AVIO và 2.060.000đ.

Tóm tắt theo lịch sử cuộc đời

H sinh ra và lớn lên tại huyện Ân Thi, Hưng Yên. Bố mẹ H làm công nhân cầu đường sau đó đều về nghỉ chế độ một cục. Sau khi nghỉ hưu bố H suốt ngày uống rượu say rồi đánh mẹ H và chửi cả nhà H. Bố mẹ H sinh được 4 chị em, trên H là một chị gái, dưới H là 2 em gái. Chị gái H sinh năm 1981 đã lấy chồng và ở nhà đi chợ bán hàng rau. Em gái thứ 3 sinh năm 1991, sau khi học xong thì em gái lấy chồng và làm ở một công ty gần nhà, em gái út thì sinh năm 1992 hiện giờ đang làm ở công ty giấy da ở Hưng Yên. H học hết lớp 12, nhưng do mải chơi và đua đòi nên H ở nhà không đi học tiếp, thi thoảng do bạn bè rủ rê H có thử ma túy vài lần. Năm 2006 H lấy vợ, năm 2007 thì H sinh đứa con đầu lòng. Sau khi lấy vợ xong thì H mua một chiếc máy trộn bê tông và đi trộn bê tông thuê cho người khác. Còn vợ H thì đi làm ở công ty giấy da. Tháng 4 năm 2007 sau khi đi chơi và uống rượu với mấy anh em nhân ngày 30/4 học cùng lớp cấp 3 về thì H bị tai nạn ngã xuống rãnh nước thải rồi bị nhiễm trùng. Sau đó được sơ cứu và đưa thẳng lên bệnh viện Việt Đức từ 16h chiều đến 8h sáng hôm sau mới mổ. Bác sĩ nói bị nhiễm trùng lên phải cắt bỏ một chân. Sau khi tai nạn mất một chân H sinh ra chán nản và do bạn bè rủ rê nên đã nhiều lần H chơi ma túy. Đến năm 2009 thì H sinh đứa con gái thứ 2. Lúc này H đã bán máy trộn bê tông và ở nhà đi làm những việc linh tinh, sau đó thì đi chạy xe ôm. Từ khi đi chạy xe ôm thì H càng chán nản và chơi ma túy nhiều hơn và sau đó thì nghiện nặng. Vợ H biết H nghiện nặng và đã nhiều lần khuyên H bỏ và cai ở nhà nhiều lần cho H nhưng H vẫn nghiện lại. Đến cuối năm 2009 thì hai vợ chồng H sống ly thân. Từ khi 2 vợ chồng ly thân nhau, H càng chán nản và lao vào chơi ma túy nhiều hơn và trở thành nghiện nặng. Chơi nhiều quá nên không có tiền chơi H đành mua ma túy về mua đi bán lại để có thuốc sử dụng. Vào sáng ngày 8/1/2013 trong lúc đang đi lên xã Tân Việt để mua ma túy về sử dụng và bán lại cho các đối tượng nghiện để kiếm lời. Sau khi mua được ma túy của một thanh niên không quen biết H mang về nhà nghỉ Hùng thắng ở phố Địa, sau đó chia ra làm 8 gói nhỏ, H sử dụng một gói, bán cho anh Đức ở xã Hoàng Hoa Thám một gói. Khoảng 14h30 phút cùng ngày công an huyện Ân thi kiểm tra nhà nghỉ phát hiện và bắt quả tang thu giữ trong người H có 7 gói nhỏ heroin, trong đó có 1 gói có trong người từ hôm trước tổng trọng lượng 0,302g heroin, một điện thoại hiệu AVIO và 2.060.000đ.

Trong quá trình chấp hành hình phạt tù, H luôn tỏ ra lì lợm và bất mẫn, không hoàn thành mức khoán lao động trong trại giam. H mất niềm tin vào tương lai, H nghĩ mình tàn tật và coi cuộc đời mình chẳng làm được gì cả. Trong quá trình chấp hành hình phạt tù H đã 2 lần vi phạm nội quy, kỷ luật trại giam. Lần thứ nhất do H chán nản nên đã dùng dao tem rạch cổ tay và tự hủy hoại bản thân. Lần thứ 2 do H đánh đồng phạm cùng buồng và chịu mức án kỷ luật trong nhà kỷ luật 7 ngày.

20. Phỏng vấn trường hợp: Ng.H.C (Giới tính: Nam)

Thời gian: Tháng 10 năm 2012

Địa điểm: Trại giam Hoàng Tiên - Hải Dương

Người được phỏng vấn: Ng.H.C

Người phỏng vấn: N.H.T

Họ và tên: Ng.H.C (giới tính: Nam), sinh năm: 1981

Can tội: Mua bán trái phép chất ma túy

Ngày bắt: 21/11/2011, án phạt 30 tháng, đang chấp hành hình phạt tù tại trại giam Hoàng Tiên - Hải Dương

Tóm tắt hành vi phạm tội theo bản án

C là đối tượng nghiện ma túy và thường mua ma về để bán lại cho các đối tượng nghiện khác để kiếm lời. Sáng ngày 21 tháng 11 năm 2011 trong lúc C đang bán ma túy cho một đối tượng nghiện thì bị công an Quảng Ninh bắt quả tang và bắt giữ.

Tóm tắt về lịch sử cuộc đời

C sinh ra tại tỉnh Yên Bái, năm C học lớp 4 thì gia đình chuyển về Quảng Ninh ở vào năm 2000. Khi đấy bố mẹ C đều đã nghỉ hưu, khi mới về Quảng Ninh ở vì từ trên miền núi chuyển về một thành phố sầm uất và nhộn nhịp. Cường rất ngỡ ngàng về sự thay đổi đó. Nhưng sống dần dần rồi C cũng quen với môi trường nơi đây. Bố mẹ C lúc đấy đều đã nghỉ hưu, gia đình C có 4 anh em trai. C là con thứ 3 trong gia đình. Anh trai cả sinh năm 1977, đã xây dựng gia đình vào năm 2004 và sống ở Hà Nội. Anh thứ 2 sinh năm 1979, đã xây dựng gia đình vào năm 2005 và ở cách nhà bố mẹ C 10 cây số. Em trai út sinh năm 1985 đã xây dựng gia đình vào năm 2009 và ở cùng nhà với bố mẹ. Vì cuộc sống mưu sinh lúc tuổi mới lớn anh em của C rất vất vả vì phải vừa đi học vừa đi làm giúp bố mẹ kiếm tiền. Đến năm 2000 C học xong hết lớp 12, bố mẹ và anh trai của Cường động viên và hướng cho C lên Hà Nội đi thi đại học. Năm đầu tiên C thi không đỗ đại học nên C rất xấu hổ với gia đình và bạn bè của C. Được anh trai động viên nên C ở lại Hà Nội và đi ôn thi để sang năm thi tiếp. Đến năm 2001 C tiếp tục đăng ký thi vào trường đại học Quốc Gia và trường đại học Thương Mại nhưng C vẫn không thi đỗ đại học. Lúc này C tỏ ra chán nản, sau đó C về Quảng Ninh ở với bố mẹ. Đến tháng 9 năm 2001 thì anh trai của C gọi điện về động viên C lên Hà Nội để đăng ký thi vào đại học Tại Chức trường Giao Thông Vận Tải. Sau đó C thi đỗ tại chức và học tại trường GTVT. Cùng thời điểm đó anh trai thứ 2 của C cũng lên Hà Nội và mở một quán cầm đồ tại phố Khương Hạ - Thanh Xuân - Hà Nội. C lúc đó vừa đi học vừa ở với anh trai thứ 2 để quản lý và trông quán cùng anh. Bắt đầu từ đây C quen biết nhiều đối tượng bắt hươu hay đến quán để cầm đồ. Từ đó C hay giao du và chảnh mảng việc học của mình. Đến năm 2003 lúc này C đang học gần hết năm thứ 2 do mãi chơi C đã bị mấy người bạn quê ở Nam Định thuê nhà ở gần quán Cầm Đồ của anh trai rủ chơi ma túy. Lần đầu tiên chơi ma túy vì sĩ diện nên C đã thử hút ma túy. Lúc đầu C hút thì không cảm thấy gì nên C hút rất nhiều, sau đó C thấy người nóng ran và nôn thốc nôn tháo sau đó C về nhà và ngủ li bì suốt 2 ngày liền. Sau lần đầu tiên hút thử ma túy C cảm thấy rất sợ vì cảm giác nôn mửa. Bẵng đi một thời gian C không đến khu nhà trọ của mấy người bạn Nam Định ở nữa. Vào cuối năm 2003 C gọi điện thoại về cho người yêu ở quê thì C và người yêu cãi nhau. Sau đó người yêu C nói lời chia tay với C. Vì thất tình nên C rất buồn và chán, tình cờ C gặp lại những người bạn quê ở Nam Định và họ lại rủ C chơi ma túy. Vì buồn nên C đã đồng ý chơi ma túy lần thứ 2 cùng họ. Sau đó thỉnh thoảng buồn chán C vẫn qua lại chơi ma túy. Đến năm 2004 khi học năm thứ 3 đại học thì cũng là lúc quán cầm đồ của anh trai C phải đóng cửa hàng vì anh em C mãi chơi, suốt ngày lơ đãng không chú ý làm ăn nên thua lỗ hết tiền phải đóng cả cửa hàng. Sau khi đóng cửa hàng thì anh trai thứ 2 của C về Quảng Ninh ở. Sau đó C lên ở với anh trai cả của C ở trên phố Trung Kính - Cầu Giấy. Anh trai cả của C có mở một quán phô tô, in và đánh máy vi tính tại phố Chùa Láng gần trường đại học Ngoại Thương và trường đại học Ngoại Giao. Hàng ngày C lên trên quán để giúp anh làm và đi học. Cũng từ đây C quen một người tên là Bảo là đối tượng nghiện ở phố Chùa Láng, thời gian ở đây Bảo hay rủ C đi chơi ma túy nhiều hơn. C chơi được 3 tháng đầu thì C lại bỏ không chơi nữa, thời gian không chơi này C cũng thấy có biểu hiện của sự mệt mỏi, vì sợ nghiện nên C không chơi nữa. Cuối năm 2004 qua bạn bè C quen một người tên là Thủy nhà ở phố Hào Nam - Hà Nội cũng là đối tượng nghiện và rồi C lại theo bạn bè rủ chơi và C bắt đầu lại chơi lại ma túy. Sau đó C gặp Thủy và yêu, thời gian C yêu Thủy thỉnh thoảng C vẫn chơi ma túy. Đến tháng 9 năm 2005 thì C lấy vợ. Lúc này C bỏ học đại học và về Quảng Ninh ở với vợ, về Quảng Ninh ở thì vợ C biết thỉnh thoảng C vẫn chơi ma túy và vợ C khuyên C bỏ và không chơi ma túy nữa. Nghe lời vợ C bỏ và không chơi ma túy nữa. Đến đầu năm 2006 thì vợ C sinh cho C một bé trai, lúc này vì cuộc sống mưu sinh C phải đi chạy xe ôm để nuôi sống cả gia đình. Cuối năm 2006 C đi học bằng lái xe ô tô.

Đến đầu năm 2007 thì C xin vào làm ở một hãng taxi và làm việc ở đó. Từ khi C đi chạy taxi, vợ C thì đi chợ bán hàng nên cuộc sống cũng đỡ vất vả hơn. Từ đó C sinh ra rượu chè và chơi cờ bạc, C liên tục đi làm nhưng không mang được đồng nào về nuôi vợ con nên 2 vợ chồng C luôn cãi vã nhau. Vì không chịu được cảnh cờ bạc rượu chè và tính lẳng nhăng bợ bệ của C, cuối năm 2008 vợ C bỏ về nhà ngoại ở Hà Nội. Đầu năm 2009 vợ C gọi điện nói thẳng với C là vợ C không về Quảng Ninh ở nữa. Lúc này vì buồn chán C bắt đầu thỉnh thoảng chơi lại ma túy, đến cuối năm 2009 C quen và yêu một người tên là Lan nhà ở Bắc Giang xuống Quảng Ninh bán cà phê. Đầu năm 2010 thì C thuê nhà ở cùng người yêu không về nhà ở nữa, cũng chính trong thời gian thuê nhà này C bắt đầu chơi ma túy nhiều hơn vì nơi thuê nhà của C có rất nhiều đối tượng nghiện ở, sau đó thì C chơi ma túy nhiều hơn và nghiện. Đã nhiều lần người yêu của C cho C về quê cai, C cũng quyết tâm cai và ý thức được rằng nghiện ma túy có rất nhiều tác hại về sức khỏe và thiệt hại về kinh tế cũng như gây ảnh hưởng nghiêm trọng cho xã hội. Nhưng cứ cai được một tuần ở quê xong ra Quảng Ninh C lại quay lại chơi ma túy nhiều hơn. Cứ 1 tháng hoặc 2 tháng khi biết C nghiện lại thì người yêu C lại cho C về quê cai, cai xong C lại nghiện lại. Càng ngày C càng chơi nhiều hơn, bản thân C biết rất rõ tác hại của ma túy và đã cố gắng tự nhủ bản thân là sẽ bỏ ma túy không chơi nữa. Nhiều lần ý thức được tác hại của ma túy C đã đi xa để cai như đi về Hải Dương, lúc thì đi lên Điện Biên, lúc thì về Phú Thọ. Nhưng tất cả những cố gắng của C là khi cắt cơn xong C quay về Quảng Ninh thì lại chơi và nghiện lại ngay. Đến đầu năm 2011 vì nhiều lần cai và vẫn nghiện lại C quyết định về nói cho bố mẹ C biết C đã nghiện. Bố mẹ C cũng đã nhiều lần mua thuốc cai và cai cho C tại nhà, nhiều lúc C nói với bố mẹ C nhót và xích chân C ở nhà để cai cho C nhưng cũng chỉ được một thời gian ngắn C lại nghiện lại. Bố mẹ đã cai cho C nhiều lần nhưng vẫn không cai được. Nhiều lần cai cho C không được rồi C lại nghiện lại, càng ngày C càng chơi nhiều hơn, thời gian sau đó vào tháng 5 năm 2011 vì chơi ngày càng nhiều nên C không còn tiền chơi đủ thuốc để thỏa mãn cơn nghiện mỗi lúc vật vã C đã sang hải phòng lấy ma túy về vừa chơi vừa bán, C bán ma túy được một thời gian thì đến ngày 21 tháng 11 năm 2011 khi C đang bán ma túy cho một đối tượng nghiện thì bị công an bắt. Khám trong người C có 2 tộp ma túy. Sau đó C bị xử 3 năm tù về hành vi: Buôn bán trái phép chất ma túy. Sau đó C được chuyển về trại giam Hoàng Tiến - Hải Dương. Thời gian đầu lên trại C cảm thấy ngỡ ngàng vì cuộc sống ở trong trại giam hoàn toàn khác so với cuộc sống ngoài xã hội. Mới đầu lên trại C cũng bị nhiều anh em cũ trong trại giam chèn ép gây khó khăn cho C như: họ bắt giặt quần áo, bắt tắm lưng tắm quắt, làm không đúng như ý họ thì bị chửi mắng vv.. Sau đó C được đi học nội quy, quy chế của trại rồi được phân về đội dân bạc. Những ngày đầu nên trại C cảm thấy hoang mang và thấy thời gian trôi rất lâu. Lên trại được 4 tháng thì C mới dần làm quen được môi trường trại giam. Lúc này ở trại vì cũng đã cách ly được với ma túy nên C dần hồi phục về sức khỏe cũng như về tinh thần. Những ngày ở trong trại giam C luôn suy nghĩ về hành vi phạm tội cũng như hành vi nghiện của bản thân mình. C cảm thấy ăn năn hối hận vì mãi chơi và đua đòi nên đã dẫn đến C nghiện, C thấy dần vật lạng tâm và thấy có lỗi với bố mẹ, gia đình và đứa con trai của C. Nhiều lần C ra thăm gặp, mỗi khi nhìn thấy bố mẹ anh em và đứa con trai của C, C luôn thấy có lỗi với họ nên ra thăm gặp lần nào hầu như C cũng khóc vì thấy có lỗi với mọi người. Ở trong trại C luôn hoàn thành mức khoán của trại giao cho. Được sự động viên của cán bộ trại giam cũng như sự động viên của gia đình C thấy lòng vui vẻ và yêu đời hơn. Nhiều lúc ở trong trại C cũng tự suy nghĩ về bản thân và đêm nào trước khi đi ngủ C cũng dành thời gian ít nhất là nửa tiếng để suy nghĩ và tự nhủ với mình là sẽ cố gắng cải tạo thật tốt và tìm cách tốt nhất để từ bỏ ma túy. Mỗi lần gần đến thăm gặp gia đình C luôn cảm thấy vui và mong ngóng gia đình lên. Ở trong trại C luôn sống hòa nhã với tất cả các bạn tù lên C có rất nhiều anh em bạn bè. C cũng thường xuyên tâm sự về gia đình cũng như tâm tư tình cảm và hướng phấn đấu của bản thân sau ngày ra trại cho các anh em bạn bè của C ở trong trại và anh em bạn bè của C cũng thường tâm sự lại với C. Ở trong trại thì đa số những anh em ở trong tù phần lớn đều nghiện và phạm tội về ma túy. Nhiều khi nghe những lời tâm

sự của anh em bạn bè liên quan đến vấn đề ma túy C được biết là họ vẫn không biết là sau khi trở về với xã hội họ có bỏ được ma túy không hay lại vẫn nghiện, bạn bè C nói: “đã nhiều lần đi tù về rồi lại vào tù cũng chỉ vì về xã hội họ sợ những ánh mắt khinh thường và sự dè bừ của xã hội và sự không tin tưởng của gia đình đã dẫn tới họ quay trở lại nghiện và dẫn tới phạm tội”. Về bản thân C thì khác, C luôn tin và tự nhủ với bản thân là sẽ quyết tâm không bao giờ chơi ma túy nữa. Vì C biết rất rõ tác hại của ma túy, vì dính đến ma túy thì trước sau gì cũng phạm tội, không tội buôn bán ma túy thì cũng là tội trộm cắp hay cướp giật để có tiền thỏa mãn cơn nghiện. Với C thời gian chấp hành án chỉ còn mấy tháng nữa là C được về với xã hội. Giờ đây trong C đầy lòng quyết tâm tin vào tương lai vì trong những ngày tháng ở trại C luôn ý thức được về hành vi cũng như việc làm sai trái của C. Vì vậy C luôn phấn đấu và hoàn thành tốt mức khoán lao động của mình. Nhiều lần C cũng được các cán bộ trại giúp đỡ về mặt tinh thần và C cũng luôn chia sẻ với các cán bộ trại cũng như cán bộ dẫn đội và C nhận được sự cảm thông từ phía cán bộ.

PHỤ LỤC 5: KẾT QUẢ PHÒNG VẤN SÂU

1. Phỏng vấn trường hợp: Phạm Tú A (Giới tính: Nữ)

Thời gian: Tháng 11 năm 2012

Địa điểm: Trại giam Phú Sơn 4 - Thái Nguyên

Người được phỏng vấn: Ph.T.A

Người phỏng vấn: N.H.T

Bị bắt ngày 5/4/2011

Can tội: Mua bán trái phép ma túy

Án phạt: 3 Năm

Hiện nay đang cải tạo tại trại giam Phú Sơn 4 - Thái Nguyên

Tiền sử: Nghiện ma túy

Nội dung cuộc phỏng vấn

Cán bộ (CB): Tôi là cán bộ làm công tác giảng dạy tại Học viện CSND, được sự đồng ý của các cán bộ trại giam cho gặp chị để mong chị cởi mở chia sẻ, trao đổi về cuộc đời, gia đình và bản thân chị. Câu chuyện về cuộc đời của chị giúp tôi có thêm hiểu biết về thực tiễn.

CB: Chị có thể chia sẻ về gia đình mình.

Phạm nhân (PN): Bố mẹ tôi bỏ nhau năm tôi học lớp 4, sau đó tôi ở với bố. Được một thời gian sau thì bố lấy vợ 2 năm 1999. Bố tôi hay chơi cờ bạc và suốt ngày uống rượu về say rồi lại chửi và đánh mẹ tôi. Mẹ tôi không chịu được nữa nên 2 người bỏ nhau. Sau khi bỏ nhau mẹ bỏ đi Trung Quốc buôn bán.

CB: Sao chị biết mẹ đi Trung Quốc.

PN: Mẹ đi khoảng 13 năm không tin tức gì, sau đó về Việt Nam thì tôi mới biết tin. Mẹ đi từ năm 1999 đến giờ và đã lấy chồng bên Trung Quốc và sinh được một người em gái, thời gian trước không thấy tin tức gì nhà tôi cứ tưởng mẹ tôi mất rồi.

CB: Mẹ chị đã lên thăm chị?

PN: Tháng 6 vừa rồi mẹ tôi có lên thăm và gửi quà cho tôi.

CB: Chị học hết lớp mấy thì nghỉ học.

PN: Tôi học đến lớp 9 thì bỏ học.

CB: Thế chị đang học vì sao chị lại bỏ học.

PN: Do tôi mãi chơi và chán gia đình.

CB: Thế mẹ kể có đối xử tốt với chị không.

PN: Mẹ kể đối xử rất tốt với tôi.

CB: Vì sao chị bị bố mắng.

PN: Vì tôi không nghe lời bố và mãi chơi bời, bố và mẹ kể cũng khuyên bảo tôi nhiều lần nhưng tôi không nghe lời.

CB: Thế bỏ học thì chị ở nhà hay đi làm gì.

PN: Sau khi bỏ học thì tôi trốn lên Thái Nguyên với bạn trai.

CB: Sau đó thì chị làm gì.

PN: Mới đầu thì tôi đi làm cắt tóc gội đầu, sau đó ở nhà bạn tôi nuôi.

CB: Thế bạn đây làm gì để nuôi chị.

PN: Bạn tôi đi học trường trung cấp Y, vừa đi học vừa đi làm thêm.

CB: Thế bây giờ người yêu lấy vợ chưa.

PN: Anh ấy đã lấy vợ rồi. Trước thời gian tôi bị bắt thì vẫn còn yêu nhau, sau này tôi bị bắt thì chia tay nhau rồi.

CB: Nghe thấy tin người yêu lấy vợ chị có buồn gì không.

PN: Tôi cảm thấy bình thường vì tôi cũng không yêu người yêu tôi nhiều lắm.

CB: Anh ấy là mối tình đầu của chị.

PN: Vâng, anh ấy là mối tình đầu tiên.

CB: Thế chị yêu anh ấy được bao nhiêu năm thì chia tay.

PN: Yêu nhau được gần 3 năm, yêu từ năm 2001 đến năm 2004 thì chia tay. Lúc yêu anh ấy có lần bố và cả nhà lên Thái Nguyên tìm và bắt tôi về nhà, về được một tháng thì tôi lại trốn lên Thái Nguyên với người yêu.

CB: Thế vì sao bố chỉ lại cấm chị yêu.

PN: Bố tôi nói yêu nhau thì cứ về nhà qua lại làm ăn tử tế, vì sao lại bỏ nhà đi biệt như vậy.

CB: Đến năm bao nhiêu thì chính thức chị chia tay với người yêu.

PN: Đến khoảng năm 2004 thì tôi về nhà, sau đó do chơi bời rồi nghiện ngập. Rồi tôi lại bỏ lên Thái Nguyên bán ma túy và bị bắt.

CB: Học hết lớp 9 thì chị cũng hiểu biết sao lại dùng ma túy.

PN: Do chán nản và bị bạn bè rủ rê nên mới thử một vài lần, sau đó thì nghiện.

CB: Chị thử nghĩ xem con đường nào dẫn đến mình chơi ma túy.

PN: Thời gian chia tay người yêu ở trên Thái Nguyên, sau đó về nhà và ngoan ngoãn được một thời gian thì bố và mẹ kể hỏi tôi thích làm nghề gì. Tôi bảo thích làm nghề cắt tóc gội đầu, thế là bố và mẹ kể mở cho tôi một cái quán làm cắt tóc gội đầu. Một thời gian sau thì tôi quen một người bạn trai ở gần nhà và yêu anh ấy. Anh ấy có vợ rồi, làm bằng lô đề cờ bạc, về sau có nhiều người nói anh ấy bị nhiễm HIV nên tôi nghi ngờ và đi thử. Lần đầu tiên đi vào chỗ thử HIV có kết quả nhanh, đến khi có kết quả người ta không cho xem kết quả và cứ hỏi nhiều, tôi sợ quá nên đi đến chỗ khác thử và người ta nói tôi bị nhiễm HIV và tư vấn cho tôi. Sau đó tôi sợ quá không dám về nhà và lại bỏ nhà lên Thái Nguyên vì trước đây yêu người yêu ở trên Thái Nguyên và có quen mấy người bạn gái trên đó. Sau đấy gặp người bạn gái cùng cảnh và bạn ấy rủ tôi vào trong miền Nam, do chán nản lên tôi đi. Lúc đấy tôi có quen một người bạn ở trong đấy vì ngày xưa quen do ngồi uống nước lên quen. Sau đó tôi và bạn tôi bị bán vào quán karaoke. Làm ở trong đấy 2 năm 6 tháng trong Vũng Tàu.

CB: Làm sao mà chị bỏ ra được khỏi cái quán karaoke đó.

PN: Tôi làm ở đấy đầu tiên là ký hợp đồng, người đưa tôi vào đấy tính tiền xe mỗi người là 3 triệu, làm ở quán karaoke Thúy Nga. Vào đấy làm từ 19h tối đến 24h đêm. Làm ở đấy gần một năm thì trả hết số tiền nợ 3 triệu tính vào tiền đưa tàu xe đi vào. Sau đó tôi nghĩ vì không còn tiền nên ở đấy làm luôn. Mới đầu tiên chưa trả hết tiền nợ thì tôi đi đâu đều có bảo kê đi cùng và không được dùng điện thoại. Gần một năm đầu mới vào làm thì vẫn còn tính trẻ con nên không biết gì. Sau này ở lại làm mới học được các mảnh khõe để kiếm tiền.

CB: Quán đấy phục vụ như thế nào.

PN: Quán đấy phục vụ là chỉ rót bia cho khách và hát cùng khách. Mỗi lần như vậy thì được bo khoảng 200 đến 300 nghìn. Đa số là khách du lịch và khách nước ngoài. Ở đấy là khu vui chơi giải trí.

CB: Thế ở đấy chị ăn uống có được thoải mái không.

PN: Tôi được ăn thoải mái.

CB: Quán đấy có mấy bảo kê.

PN: Có 4 bảo kê.

CB: Có bao nhiêu người phục vụ.

PN: Có 30 người phục vụ, đa số là người miền Bắc.

CB: Thế ở đông vậy có mâu thuẫn nhau không.

PN: Chỉ bị ghen ghét nhau thôi, vì đa số khách thích gái là người Hà Nội và lúc đấy tôi còn rất trẻ nên họ không ưa.

CB: Vì sao về sau chị được tự do chị lại không về.

PN: Vì làm ở đấy lâu quen rồi và xa nhà cũng lâu nên không cảm thấy nhớ. Thứ hai là tiền mình tiêu cũng quen rồi và cảm thấy thoải mái đi đâu cũng được và lại kiếm ra tiền. Nên cũng chẳng nghĩ gì đến gia đình hết. Chỉ muốn kiếm ra tiền để đi vui chơi cho quên hết tất cả.

CB: Thế thời gian ở trong Vũng Tàu chị có yêu ai không.

PN: Có yêu một người hơn tôi 2 tuổi.

CB: Chị yêu từ khi nào.

PN: Lúc mà trả nợ xong và thoải mái tự do đi lại ra ngoài thì yêu, lúc đấy là năm 2005.

CB: Thế yêu được bao lâu.

PN: Yêu được hơn một năm thì chia tay.

CB: Chị làm ở đấy được bao lâu thì chị quay về Hà Nội.

PN: Tôi làm được 2 năm 6 tháng.

CB: Nguyên nhân làm sao đang làm ăn được ở trong đấy mà lại quay ra Bắc.

PN: Vì yêu cái anh đấy xong chia tay và bỏ. Mới đầu tiên người đấy không biết tôi làm ở trong quán karaoke đấy, tôi chỉ nói là nhà ở gần đấy. Xong mãi sau rồi cứ 21h tối thì tôi phải đi làm, anh ấy gọi điện nhiều, có hôm tôi say rượu bia nên gọi điện nói thẳng là làm ở quán đấy. Anh ấy biết và khuyên tôi là bỏ làm cái nghề đấy. Tôi vẫn không bỏ và cãi nhau thì anh ấy dọa, vì anh ấy cũng là dân chơi ở đấy và cũng là người chuyên đi đòi nợ thuê nên 2 chị em sợ và rủ nhau về Bắc không làm ở trong đấy nữa.

CB: Thế lúc chị và bạn chị về thì có tiết kiệm được nhiều tiền không.

PN: Lúc đấy về thì tôi có 10 triệu, còn bạn tôi thì có mười mấy triệu, vì làm được đồng nào thì tiêu pha hết đồng đấy lên chỉ còn số tiền như vậy.

CB: Thế một tháng mà tiết kiệm thì kiếm được bao nhiêu tiền.

PN: Khoảng 50 đến 60 triệu.

CB: Thế một tối thì kiếm được bao nhiêu tiền.

PN: Khoảng từ 2 đến 3 triệu, hôm nào gặp khách xộp thì cũng được 5 đến 6 triệu.

CB: Đầu tiên về Bắc thì chị về đâu.

PN: Đầu tiên về thì đi về Hà Nội, đi chơi và thuê nhà nghỉ hai chị em ở với nhau. Sau đó đi sà, ở hai ngày ở nhà nghỉ sau đó mới về nhà.

CB: Trong 2 năm 6 tháng đấy chị có liên hệ với bố không.

PN: Một năm đầu thì không liên hệ được, sau đó thì cũng hay gọi điện về, lúc gọi về bố và gia đình cũng khuyên về nhà. Nhưng tôi nói là đi làm ở Hà Nội, làm cắt tóc gội đầu và nói tết con về, tôi cứ hẹn nhưng lại không về. Sau hai hôm đi sà và ở nhà nghỉ thì tôi về nhà mình, còn chị ấy về nhà chị ấy. Khi tôi về cũng mua được quà và mua được ít đồ đặc cho gia đình. Ở nhà được một tuần trong đầu tôi cứ nghĩ làm cái gì ra tiền bây giờ. Bố tôi cũng nói là bây giờ ở nhà và đi làm với cô em họ. Vì lúc đấy cũng chưa nghĩ được và tu tình thân thế là tôi lại bỏ đi lên Thái Nguyên và thuê một nhà trọ người ta tính tiền ngày và tìm chỗ bán thuốc phiện mua và chơi. Lúc đi có xin bố 300 nghìn để đi. Ở nhà trọ hết tiền và đi ra ngoài quán uống nước trà đá và gặp một người trước kia quen. Sau đó ngồi tâm sự thì người ta cho vay một triệu thì tôi đi lấy 2 phân ma túy về vừa bán vừa chơi. Sau đó thì nghiện và ở đấy cứ mua đi bán lại để có thuốc và có tiền tiêu hàng ngày. Bán được hơn một năm thì bị bắt, năm đấy là năm 2009.

CB: Chị bị bắt trong hoàn cảnh nào?

PN: Hôm đấy bị bắt ở ngoài bến xe, buổi sáng khi vừa mới đi ra bán, bán được cho một người thì một lúc sau người ta quay lại và người ta bắt. Khám trong người thì có một gói heroin và tôi bị đi tù 2 năm về tội mua bán. Đi tù 2 năm sau đó tôi được về và về nhà ở Đông Anh gần một tháng thì bị bố mắng, vì thời gian đó tôi về ở nhà thì có một người bạn cùng đi tù về và gọi điện cho tôi sang nhà chơi. Tôi xin phép bố cho tôi sang Hà Nội chơi với bạn một ngày thì bố tôi đồng ý. Đến hôm sau bố tôi gọi điện cho tôi hỏi thế bao giờ con về đến nhà, tôi nói sáng con về thì sáng tôi lại không về mà đến trưa mới về. Bố tôi cứ đợi, đợi cho đến lúc tôi về thì bố tôi mới cáu quá và mắng tôi. Khi mắng bố tôi lại động đến mẹ tôi nói là “mày lại chuẩn bị giống mẹ mày rồi đấy”. Thế là tôi tức quá bỏ đi luôn, bố thì không giữ nhưng mẹ kể có giữ lại nhưng tôi vẫn cứ đi. Thế là tôi lại đi lên Thái Nguyên luôn, tôi ra ngoài bán điện thoại lúc đấy là 22h đêm tôi cầm quần áo đi và bán điện thoại được 1.300.000đ, xong tôi bắt xe ôm lên Thái Nguyên mất 200.000đ. Lên đến Thái Nguyên tôi thuê nhà nghỉ ở đấy và lấy

ma túy chơi. Nghiện ma túy có nhiều người bỏ được và cũng có nhiều người không bỏ được, nghiện ma túy nó khó nói lắm. Tôi chán và buồn quá nên lại muốn chơi.

CB: Thế một chỉ ma túy chị chia ra như thế nào.

PN: Một chỉ chia ra được 10 phân hàng. Mỗi phân hàng bán được 300 nghìn cho người quen, nếu khách lạ là 400 nghìn. Nói chung là tiền bán hàng ma túy ra chỉ đủ lo cho bản thân mình dùng thôi chứ không để dư ra được.

CB: Thế bây giờ mình đi cải tạo sắp hết hạn tù trở về rồi thì chị nghĩ khi mình ra rồi mình buồn chán mình lại chơi ma túy?

PN: Không, bây giờ tôi nghĩ tôi cảm thấy sợ lắm rồi. Sợ những tháng ngày nghiện ngập và sợ cuộc sống ở trong tù quá rồi. Sau này về bằng mọi giá sẽ không quay lại nghiện nữa.

CB: Thế bây giờ mình nhìn lại thì nguyên nhân dẫn đến MBTPCMT là do nguyên nhân nào?.

PN: Vì chán nản, bố thì lấy vợ, mẹ thì bỏ đi không biết thông tin, bản thân thì bị HIV, do tôi chán nên cứ trượt dốc như thế. Bây giờ mẹ về rồi, gặp được mẹ, nói chuyện với mẹ và hiểu lý do vì sao mẹ bỏ đi. Có một chỗ dựa để sau này về mình phải như nào đó.

CB: Mẹ bảo vì sao mẹ bỏ đi.

PN: Mẹ nói vì ở với bố, bố suốt ngày cờ bạc rượu chè và chửi mắng và đánh mẹ. Sau đó mẹ bỏ sang Trung Quốc, thời gian đầu sang đến chợ Bắc Kinh Trung Quốc thì đi bán rau thuê cho người ta. Sau đó mẹ quen một ông người Trung Quốc có vợ rồi và đã bỏ vợ, xong rồi mẹ lấy ông ta và sinh được một em gái. Ông ta bán hàng điện tử, sau đó mẹ và ông ta đi sang Nga. Vì mẹ tôi không có giấy tờ tùy thân lên không đi lại về Việt Nam được. Vừa rồi mẹ về và vào thăm tôi mẹ có nói lần này mẹ về mẹ sẽ làm giấy tờ hợp lệ, mẹ lo mọi chuyện ổn thỏa rồi sẽ về Việt Nam gặp tôi. Mẹ về lên đây thăm tôi cùng với cậu em của mẹ.

CB: Thế bà ngoại và cậu có hay lên thăm chị không.

PN: Có, bà ngoại và cậu cũng thường xuyên lên quan tâm và động viên, cả bố cũng thế.

CB: Trong quá trình ở trong trại giam thì chị chấp hành cải tạo lao động như thế nào.

PN: Từ lúc lên trại giam đến giờ tôi ở ca này là ca thứ 3 rồi. Lúc đầu ở ca3, ca3 giải tán thì chuyển sang ca4, sau đó chuyển về ca này.

CB: Xếp loại chấp hành kỷ luật lao động của mình chị đạt loại gì?

PN: Loại kém.

CB: Vì sao, chị có thể kể cho tôi biết được không.

PN: Vì tôi bị đi kỷ luật 2 lần. Vi phạm lần đầu tiên là lỗi ma túy, hôm đấy tôi bị sốt và có uống viên thuốc sốt, cán bộ thử tét thì thấy dương tính với ma túy lên cán bộ nghĩ rằng tôi sử dụng nên bị đi kỷ luật. Thuốc đấy do một người bạn thăm gặp gia đình đưa và giấu được mang vào, chứ thuốc đấy y tế cấm dùng. Lúc đi kỷ luật tôi còn không biết vì sao mình bị đi kỷ luật, về sau các cán bộ nói tôi mới biết và tôi phải ở dưới nhà kỷ luật 10 ngày.

CB: Thế lần thứ 2 chị đi kỷ luật vì lỗi vi phạm gì.

PN: Lần thứ 2 là do va chạm đánh nhau ở trong trại với người ở đội khác.

CB: Do nguyên nhân gì.

PN: Do người ta đi sâu về đời tư của tôi quá, kể xấu tôi nên tôi đánh và sau đó bị đi kỷ luật. Lần thứ 2 đi kỷ luật vào mùa đông nên lạnh và khổ hơn nên tôi hao mất 4 cân.

CB: Thế bạn bè học cùng bây giờ như thế nào.

PN: Họ lấy chồng hết và khá giả lắm rồi.

CB: Các đồng phạm nhân khác ở trong này có làm ảnh hưởng đến tư tưởng của chị không.

PN: Có những lúc thì cũng làm ảnh hưởng nhưng mình cứ bơ đi.

CB: Thế gia đình họ hàng của chị đã biết chị bị nhiễm bệnh HIV chưa.

PN: Chưa biết, vì tôi cũng không biết nói như thế nào và bắt đầu từ đâu nữa. Bà ngoại thì rất quan tâm đến tôi, biết tôi hay bị cảm cúm nhiều lần nên bà mua rất nhiều thuốc gửi vào cho tôi. Bà cũng ở Đông Anh cách nhà tôi 3 cây số.

CB: Giờ đã đến thời gian chị đi ăn cơm trưa, tôi cảm ơn chị đã chia sẻ cởi mở về cuộc đời của mình. Chúc chị mạnh khỏe và cải tạo tốt để nhanh được trở về với gia đình và xã hội.

2. Phỏng vấn trường hợp: Nguyễn Quang H (Giới tính: Nam)

Thời gian: Tháng 11 năm 2012.

Địa điểm: Trại giam Phú Sơn 4 - Thái Nguyên.

Người được phỏng vấn: Ng.Q.H

Người phỏng vấn: N.H.T.

Họ và tên: Ng.Q.H (giới tính: Nam), năm sinh 1979.

Án phạt: 7 năm

Can tội: Tàng trữ trái phép chất ma túy

Vào trại giam năm 2010, tại trại giam Phú Sơn 4 - Thái Nguyên.

Nội dung cuộc phỏng vấn

CB: Tôi là cán bộ làm công tác giảng dạy tại Học viện CSND, được sự đồng ý của các cán bộ trại giam cho gặp chị để mong chị cởi mở chia sẻ, trao đổi về cuộc đời, gia đình và bản thân anh. Câu chuyện về cuộc đời của anh giúp tôi có thêm hiểu biết về thực tiễn.

CB: Anh có thể chia sẻ về gia đình mình.

PN: Nhà tôi có 4 người, cả 4 người đều dính vào pháp luật. Hiện tại bố tôi đang thi hành án ở trong Nghệ An, bị bắt vì tội mua bán trái phép chất ma túy. Bố bị bắt năm 2005 thì năm 2006 tôi được ra trại đến năm 2009 thì tôi lại bị bắt vì tội tàng trữ trái phép chất ma túy. Lúc tôi về tháng 1/2006 thì đến tháng 6/2006 thì anh trai tôi lại bị bắt vì tội buôn bán người qua biên giới vừa mới được hết án và về năm 2011.

CB: Anh trai sinh năm bao nhiêu.

PN: Anh trai tôi sinh năm 1977.

CB: Anh trai đã có vợ con gì chưa.

PN: Chưa có vợ con gì.

CB: Thế còn mẹ anh hiện nay làm gì?

PN: Mẹ tôi bị bắt năm 2011, bắt về tội tàng trữ trái phép chất ma túy, và bị tạm giam ở công an tỉnh cũng mới được về.

CB: Anh học hết lớp mấy thì nghỉ học.

PN: Tôi học hết lớp 7 thì nghỉ học.

CB: Thế án đầu tiên của anh là phạm tội gì.

PN: Án đầu tiên là chiếm đoạt chất ma túy.

CB: Thời gian đầy đi trại bao nhiêu lâu.

PN: Tôi đi 5 năm.

CB: Anh đi tù năm bao nhiêu.

PN: Tôi đi tù năm 1999 đến năm 2006 mới được về. Năm 2003 ở trong trại giam thì tôi có đánh nhau gây thương tích và bị xử phạt tù thêm 3 năm 6 tháng nữa nên đến năm 2006 mới được về.

CB: Về được bao lâu thì lại bị bắt lại.

PN: Về được 3 năm thì lại bị bắt. Về từ năm 2006 đến năm 2009 thì bị bắt.

CB: Bây giờ bản thân anh H nhìn nhận lại xem nguyên nhân nào dẫn tới mình phạm tội về ma túy.

PN: Do môi trường nơi tôi ở là điểm nóng về ma túy, thứ hai là do bạn bè rủ chơi một lần hai lần và dần dần tự tôi đi lấy ma túy về chơi rồi nghiện.

CB: Nguyên nhân dẫn tới mình phạm tội theo anh là do khách quan hay chủ quan.

PN: Tất cả là khách quan mà đưa đến. Một phần cũng do bản thân mình chưa nhận thức được thì mình chơi ma túy thôi, phần lớn cũng là do bạn bè rủ rê.

CB: Anh có thể kể tác hại của hành vi phạm tội của mình không.

PN: Tôi có thấy tác hại vì trước là bản thân tôi sau đây là nhiều nạn nhân khác cũng phải trả giá bằng mấy năm tù và mang bệnh vào người và làm cho gia đình tan nát.

CB: Anh thấy anh bị bệnh gì mà do ma túy đem lại cho anh.

PN: Nhiều bệnh lắm như bệnh: dạ dày, ruột, phổi vv...Chơi ma túy nó hủy hoại cơ thể của mình.

CB: Anh biết tác hại của ma túy như vậy rồi sao anh còn vẫn chơi.

PN: Vì mãi chơi và khi đã nghiện rồi thì mình lại cứ phải tiếp tục chơi, dần dần thì cứ quen và chơi thôi. Khi không có thuốc cơ thể đòi hỏi thì mình lại bắt buộc phải tìm ma túy để chơi để cho cơ thể cân bằng lại như lúc đầu.

CB: Lần đi chấp hành án lần này thì lượng ma túy anh bị bắt có nhiều không.

PN: Ít thôi, tôi mua về để sử dụng thì bị bắt. Mà đã chơi ma túy thì được một thời gian thì lượng ma túy chơi sẽ tăng lên.

CB: Anh mua về để sử dụng sao án anh lại cao thế.

PN: Vì tôi có nhiều tiền án rồi.

CB: Theo anh thì bản thân mình phạm tội là do vô ý hay cố ý

PN: Nghiện thì trước sau cũng phải vào tù hoặc bị bắt đi cai. Khi xác định mình chơi thì tôi cũng xác định trước sau thì mình cũng bị bắt tiếp. Cái ma túy này khi đã chơi ngày hôm nay rồi thì nhất quyết ngày mai mình phải có để chơi tiếp, cũng nghĩ sợ bị bắt thì cũng thấy thương gia đình, thương bố thương mẹ nhưng khi đã nghiện vào rồi cái ma túy này nó không như dao kéo đâm vào người. Ví dụ như dao kéo đâm vào người thì chỉ đau ngay lúc đấy thôi thì mình vẫn chịu được nhưng cái ma túy này khi mình đang chơi mà nghỉ thì nó đau triền miên làm cho mình mất đi ý chí thì mình sẽ lại lao đi tìm nó để chơi. Tôi cũng tự ý thức được là cứ tiếp tục chơi thì mình sẽ bị đi tù, nhưng tôi vẫn không thắng được cái sự mệt mỏi và sự thèm muốn của mình nó chiến thắng được ý chí nên mình mới tiếp tục phạm tội. Lúc chơi xong rồi thì lại ngồi nghĩ thôi mai mình lại cai nhưng mai lại mệt mỏi lại tiếp tục tìm đến với ma túy để chơi.

CB: Thế anh cứ tái nghiện đi tái nghiện lại như thế này thì anh có bao giờ nghĩ mình bỏ được không.

PN: Bây giờ vào đây cai được rồi thì nhiều khi cũng nghĩ lại và thương gia đình thì sau này về cũng cô bỏ thôi chứ khi về còn phụ thuộc vào nhiều yếu tố lắm chưa hứa chắc chắn được. Bây giờ cũng chỉ mong là mình bỏ được thôi.

CB: Thế anh có biết ở chỗ anh ở thì có ai nghiện và bán ma túy mà chưa lần nào bị bắt hoặc bị đi cai không.

PN: Điều bị bắt và đi hết rồi.

CB: Cái số lượng người cai được nghiện mà không chơi nữa thì anh có biết nhiều không.

PN: Bây giờ thì cai được nhiều, ở ngoài bây giờ có thuốc uống thay thế nên họ uống vào không thấy thèm và muốn chơi ma túy nữa. Bản thân tôi cũng thấy những người bạn của tôi đi cai về không thấy ai nghiện lại nữa.

CB: Lúc đầu anh vào trong trại thì anh ở đội nào.

PN: Lúc mới vào tôi vào đội 26 làm vàng mã cho đến bây giờ.

CB: Anh làm có đủ khoán không.

PN: Tôi làm cũng đủ khoán.

CB: Thế anh đã lần nào vi phạm nội quy quy chế của trại giam rồi.

PN: Tôi có vi phạm nội quy quy chế của trại giam có một lần.

CB: Anh bị lỗi vi phạm gì.

PN: Lỗi đánh nhau với phạm nhân khác và bị đi kỷ luật 10 ngày ở nhà kỷ luật vào năm ngoái.

CB: Nguyên nhân làm sao anh lại đánh nhau với đồng phạm khác.

PN: Tôi và bạn tù khác chỉ đùa nhau ở trong buồng và tôi có đẩy anh ấy thì anh ấy ngã vào mép cửa và bị chảy máu. Nhưng cán bộ xuống cứ tưởng là đánh nhau thì tôi bị đi kỷ luật.

CB: Anh thử ngẫm lại xem cái gì ảnh hưởng đến tư tưởng của bản thân anh nhất như về phía gia đình, anh em đồng phạm hay về phía cán bộ làm cho mình ảnh hưởng nhất. Theo anh thì ảnh hưởng nào là lớn nhất đối với anh.

PN: Mỗi bên có một phần, ví dụ như có người gia đình không lên, không gửi quà thì người ta chán đời rồi nhảy lầu, cắt vein, rồi bất mãn vv... Có thằng thì vợ bỏ, hay cặp bồ thì tỏ ra chán đời. Về phía cán bộ thì bây giờ khác ngày xưa rồi, cán bộ bây giờ thì không đánh đập như ngày trước nữa, ai sai hay vi phạm nặng thì cho đi nhà kỷ luật, nhiều người lỗi nhẹ thì nhắc nhở giáo dục bảo ban thôi. Cán bộ bây giờ thì rất thoải mái. Về phía các bạn tù thì thỉnh thoảng người ta vẫn kèn cựa nhau và thỉnh thoảng xảy ra đánh nhau. Đôi khi bè quấy vẫn thường xảy ra cãi nhau, chửi nhau nói chung là khó tránh lắm.

CB: Giờ nhìn lại bản thân cũng đi tù mấy lần rồi thì anh có thấy mình hối hận và ăn năn điều gì không.

PN: Tôi có ân hận và ăn năn vì mình đã phải mất quá nhiều thời gian và công sức ở trong trại và làm ảnh hưởng đến gia đình, bố mẹ và những người thân.

CB: Thế từ ngày lên trại, gia đình đã lên thăm anh chưa.

PN: Thỉnh thoảng mẹ tôi vẫn lên thăm tôi và động viên tôi cố gắng cải tạo tốt để về chứ đến lúc mẹ già mẹ không đi thăm con được đâu.

CB: Thế anh có ân hận gì với mẹ không.

PN: Tôi rất là ân hận với mẹ và cảm thấy có lỗi với mẹ rất nhiều vì luôn làm cho mẹ nghĩ nhiều và buồn phiền về tôi.

CB: Có lúc nào anh cảm thấy mình tuyệt vọng không.

PN: Nhiều lúc tôi cũng thấy tuyệt vọng và rất buồn vì nhiều anh em hết án được về mà tôi thì vẫn ở trong trại giam này.

CB: Thế anh đã có vợ và con chưa.

PN: Tôi có vợ và một đứa con gái rồi, nhưng vợ chồng tôi đã bỏ nhau và con gái tôi bị bệnh mất vào năm ngoái rồi.

CB: Anh nghĩ lại thì bản thân mình có dẫn vật gì không.

PN: Tôi cũng tự dẫn vật bản thân nhiều vì lúc nghĩ tôi phải là người ở nhà để chăm sóc cho bố mẹ già nhưng đến giờ tôi vẫn chưa làm được điều đấy. Thứ hai tôi là người đàn ông đáng nhẽ ra tôi phải ở nhà chăm sóc vợ con, nhưng khi con tôi ốm đau và mất mà tôi vẫn ở trong này, tôi quá hận bản thân mình.

CB: Đã hết thời gian được gặp anh, tôi cũng chúc anh cố gắng giữ gìn sức khỏe và cải tạo tốt để về với xã hội, về với gia đình. Hy vọng là chúng ta sẽ gặp nhau ở ngoài xã hội chứ không gặp nhau ở trong trại giam nữa. Cuối cùng tôi cảm ơn anh rất nhiều vì đã tâm sự và chia sẻ với tôi. Chào anh!

3. Phỏng vấn trường hợp: Doãn Thị L (Giới tính: Nữ)

Thời gian: Tháng 10 năm 2012

Địa điểm: Trại giam Phú Sơn 4 - Thái Nguyên

Người được phỏng vấn: D.Th.L, sinh năm: 1961

Người phỏng vấn: N.H.T

Bị bắt ngày 29/12/2002

Ngày lên trại: 8/1/2004

Can tội: Mua bán trái phép chất ma túy

Án phạt: 18 năm

Hiện nay đang cải tạo ở đội 8 tại trại giam Phú Sơn 4 - Thái Nguyên

Nội dung cuộc phỏng vấn

CB: Tôi về trại giam với mục đích tìm hiểu tâm lý của phạm nhân để biết thêm về tâm tư cũng như tư tưởng và nguyên nhân dẫn tới cái hành vi phạm tội về ma túy. Chị là một trong những phạm nhân án dài nên chắc có nhiều tâm sự muốn chia sẻ. Chị có sẵn sàng chia sẻ với cán bộ không.

PN: Tôi sẵn sàng. Tôi hiểu biết đến đâu thì tôi trả lời cán bộ như vậy.

CB: Thế chị đã có tiền án tiền sự gì chưa.

PN: Tiền sự thì không, tiền án thì xóa rồi.

CB: Thế tiền án lần trước của chị là về tội gì.

PN: Về tội môi giới mại dâm vào năm 1996.

CB: Thế chị được mấy cháu.

PN: Tôi được 2 cháu đều đã lớn hết rồi. Một đứa thì đang đi học trung cấp truyền hình, một đứa thì làm ở đài phát thanh tỉnh Thái Nguyên.

CB: Thế nhà chị thì có ai làm ở đài truyền hình không.

PN: Chồng tôi làm cán bộ công tác ở trong đài truyền hình.

CB: Chồng của chị hơn chị nhiều tuổi không.

PN: Chồng tôi hơn tôi 2 tuổi, năm nay 59 tuổi rồi.

CB: Thế ngày trước thì chị công tác ở đâu.

PN: Trước tôi làm công nhân ở công ty tơ tằm, làm được mười mấy năm thì công ty làm ăn không được thì sau đó giải thể thì tôi về một cục luôn.

CB: Chị có thể kể cho tôi nghe nguyên nhân gì mà năm 1996 chị lại liên quan đến cái án môi giới mại dâm.

PN: Nếu nói với người trong cuộc thì mới hiểu được, còn nói về lý thì tôi sai hoàn toàn. Nói thật tâm ra thì cái vụ án này tôi chẳng được cái gì mà nó xảy ra tại nhà tôi và pháp luật vẫn xử tôi mất 9 tháng tù giam. Lúc đấy nhà tôi ở gần mặt đường thì tôi có mở một cái quán bán hàng café và thuê nhân viên bán và trả lương theo sản phẩm mà nhân viên bán được và nuôi ăn tại gia đình. Trong khi bán hàng thì nhân viên có những cái thỏa thuận với khách hàng như nào thì tôi cũng không thể biết được, và họ lại làm những cái việc đấy ngay tại nhà tôi nên tôi cũng không thể nào thanh minh được nên đành phải chịu. Vì lúc đấy tôi cũng ít hiểu biết nên tôi không quản lý chặt thì nhân viên mới qua mặt tôi được. Vì thế mà tôi bị xử oan.

CB: Thế chị nghĩ chị bị oan thì theo chị người ta có cố tình hại chị không.

PN: Chắc chắn là người ta cố tình hại mình nên mới làm như vậy.

CB: Thế còn lần thụ án này thì chị có thể tâm sự về cái nguyên nhân của mình phạm tội được không.

PN: Do cuộc sống rất là khó khăn, sau khi ra tù lần đầu thì có theo anh trai và chị dâu lên bãi vàng ở trên bản Lán, ở bãi vàng thì có rất nhiều thành phần ô hợp nhiều tầng lớp mà đa số về mặt trái là nhiều. Từ đấy thì tôi cũng biết nhiều mối về ma túy và cứ trượt dài theo năm tháng và do sự hiểu biết của mình lúc đấy cũng kém và không lường trước được hậu quả nên mình cũng không biết án của mình dài như này.

CB: Thế chị được giảm mấy lần rồi.

PN: Tôi giảm lần này là lần thứ 5.

CB: Tổng số lần giảm của chị là được bao nhiêu thời gian.

PN: Được hơn 2 năm rồi. Hiện tại thì tôi còn chấp hành án hơn 4 năm nữa.

CB: Chị có thể chia sẻ nguyên nhân dẫn tới cái hành vi phạm tội của chị với tôi được không?.

PN: Là nguyên nhân chủ quan vì do chính bản thân mình không đấu tranh được giữa cái thiện và cái ác. Nếu mà tôi đấu tranh được thì chắc chắn tôi sẽ không bao giờ mua bán thứ ma túy này.

CB: Gia đình chị có ai liên quan đến ma túy không.

PN: Nhà tôi có một anh trai cũng liên quan đến mua bán ma túy.

CB: Thế anh ấy bây giờ ở nhà hay ở đâu.

PN: Anh ấy cũng đang ở trên ca 3 của trại giam này, chắc là đến 30/4 sang năm thì xét giảm xong thì anh ấy được về.

CB: Thế anh ấy bị xử bao nhiêu năm.

PN: Anh tôi bị xử án 17 năm.

CB: Anh ấy năm nay bao nhiêu tuổi rồi.

PN: Anh ấy sinh năm 1956.

CB: Bây giờ chị nhìn lại thì chị thấy hành vi mua bán trái phép chất ma túy đã gây hậu quả gì ?.

PN: Hậu quả của nó quá kinh khủng so với những gì tôi chưa nghĩ được, khi mình đi tù thế này cái lớn nhất là làm cho gia đình mình tan nát, con cái thì bơ vơ. Nếu không bị đi tù có thể con cái của tôi nó thành đạt hơn trong lĩnh vực công tác. May khi tôi bỏ chồng tôi thì chồng tôi không đi bước nữa chứ mà đi bước nữa thì không biết con cái tôi sẽ như thế nào. May mà con cái tôi lại không đi theo con đường của tôi vì tôi thấy đa số những trường hợp như của tôi ở trong trại giam này thì thường là con cái hư hỏng và liên quan đến ma túy.

CB: Thế chồng chị có hay lên thăm chị không.

PN: Thật ra đề mà nói thì kinh tế nhà tôi còn rất khó khăn, chồng tôi thì phải nuôi các con ăn học nên cũng chỉ 2 tháng thì mới lên thăm tôi một lần và động viên tinh thần thôi.

CB: Giờ nhìn lại hành vi phạm tội của mình, chị thấy là do mình vô ý hay cố ý.

PN: Không thể nói là vô ý được mà là do mình cố ý, vì bản thân mình không thắng nổi cái lợi nhuận của đồng tiền cám dỗ mình. Lúc đấy mỗi lần đi đưa hàng thì mình lãi được 5 trăm hoặc một triệu chẳng hạn thì mình về nhà có tiền mua gạo và trang trải cuộc sống. Có nghĩa là ngay lúc đấy mình có thể giải quyết được rất nhiều việc trước mắt. Mà mình không nghĩ được cái hậu quả mà mình phải trả giá ngày hôm nay. Nhiều khi là tôi cũng phải nhắm mắt làm liều để có tiền giải quyết những việc trước mắt đang khó khăn.

CB: Khi nào thì chị biết mình bị án dài, khi bị bắt hay đến khi tòa xử.

PN: Lúc trên tay tôi cầm sổ hàng đấy là tôi cũng biết là mình bị từng ấy năm rồi. Nếu đúng ra thì tôi chỉ phải đi 16 năm là đúng với cái tội trạng của mình.

CB: Sau khi chị bị bắt vào trong trại giam thì có lúc nào chị cảm thấy tuyệt vọng không.

PN: Có tuyệt vọng, ngay khi mà lúc tôi bị bắt thì đêm hôm đấy tôi đã muốn tự tử chết đi cho xong rồi. Lúc đấy tôi bị suy sụp hoàn toàn, lúc đấy nghĩ bản thân mình thì bị như này mà còn làm ảnh hưởng đến các con tôi về sau này. Lúc đấy con lớn của tôi đang học lớp 12 và nó có viết một bức thư gửi cho tôi mà đến bây giờ vẫn làm cho tôi phải suy nghĩ.

CB: Chị có thể nói tóm tắt qua nội dung bức thư mà con chị viết được không.

PN: Con tôi nó viết là: “Mẹ có biết không khi mà cả nhà đang đợi mẹ về ăn cơm, thì có nghe thấy công an ở cây số 7 điện về nói là mẹ bị bắt, con không thể tin đó là sự thật được, con chỉ mong rằng đấy chỉ là sự nhầm lẫn nào đó thôi. Khi mà con lên thăm mẹ con nhìn qua cách cửa sắt thì nhìn thấy đúng mẹ của con rồi. Con cảm thấy suy sụp hoàn toàn, khi con về nhà con định bỏ học thì bố con lúc bấy giờ là người chăm sóc và động viên chúng con học và

chăm nom chúng con từng miếng ăn giấc ngủ và con đã lấy lại được cân bằng và xác định sau này con sẽ cố gắng phấn đấu học hành tốt hơn để cho người đời người ta đỡ khinh”. Sau này thì mỗi lần lên thăm gặp tôi thì con gái tôi có nói với tôi là “con nghĩ việc làm của mẹ bị như ngày hôm nay cũng vì gia đình nên con cũng không thể trách mẹ được”.

CB: Thế bây giờ chị có cảm thấy ân hận điều gì không.

PN: Tôi cảm thấy rất ân hận vì đã làm ảnh hưởng đến chồng và con cái của mình. Hối hận vì đã không ở bên cạnh chăm sóc cho chồng và cho con.

CB: Thế chồng chị và chị thì có mâu thuẫn gì không.

PN: Không, chồng tôi là người dân tộc, anh ấy rất là tốt, thật thà và rất yêu thương vợ con nhưng không bao giờ bộc lộ ra bên ngoài.

CB: Bây giờ thì cán bộ cũng báo là sắp hết giờ rồi, mà tôi còn ở đây một tuần thì có thể xin vào một hôm khác, được ngồi với chị nói chuyện thì chị. Tôi thấy chị cũng là người chín chắn còn cái lỗi của chị với pháp luật thôi còn với tôi tôi không đánh giá về chuyện đó. Tôi cũng chúc chị chấp hành cải tạo tốt để nhanh được về với gia đình và xã hội.

4. Phỏng vấn trường hợp: Lương Thị D (Giới tính: Nữ)

Sinh năm 1984

Án 42 tháng, đang chấp hành án tại trại Phú Sơn 4, đội 16. Đội làm nông nghiệp.

Vào trại ngày 19/9/2012

Can tội: Mua bán trái phép chất ma túy

Không nghiện

ĐKHKT: Tổ 15 khu 2A Phường Cao Xanh

Tiền án đầu

Nội dung cuộc phỏng vấn

CB: Tôi về trại giam với mục đích tìm hiểu tâm lý của phạm nhân để biết thêm về tâm tư cũng như tư tưởng và nguyên nhân dẫn tới cái hành vi phạm tội về ma túy. Chị có sẵn sàng chia sẻ với cán bộ không.

PN: Tôi sinh ra ở Hà Tây, năm 8 tuổi khi bố mất thì cả nhà tôi về Tuần Giáo Điện Biên ở cùng ông bà ngoại. Lấy chồng năm 2001, lấy xong về Quảng Ninh.

CB: Chị có thể tâm sự về bản thân mình từ nhỏ đến giờ không?

PN: Từ nhỏ ở nhà làm ruộng giúp gia đình. Nhà có 3 anh chị em, trên tôi là anh cả, dưới là một em gái. Anh cả ở nhà làm ruộng, em gái thì đang đi học lớp 11 ở huyện Tuần Giáo Điện Biên. Quê bố tôi ở Hà Tây. Bố tôi mất khi tôi được 8 tuổi, thì 4 mẹ con về quê ngoại ở Tuần Giáo ở.

CB: Thế làm sao chị quen được chồng chị bây giờ.

PN: Vì quê ngoại chồng ở cùng quê với bố tôi cùng ở Hà Tây, ở cùng thôn. Sau lần cả nhà tôi về quê nội ở Hà Tây thì tôi gặp chồng tôi, sau đó yêu và lấy. Tôi lấy chồng năm tôi 17 tuổi, năm đấy là năm 2001. Lấy chồng xong tôi về Quảng Ninh cùng chồng, thời gian đầu thì thuê nhà ở. Bố chồng làm nhân viên bán xăng ở cột 5, mẹ chồng bán hàng ở bến tàu du lịch bãi cháy.

CB: Bên nhà chồng có đông anh em không?

PN: Nhà chồng có 2 anh em, em chồng học hết đại học Y vào năm 2011. Còn chồng học hết lớp 12 sau đó đi học sửa chữa ô tô và làm bên Cẩm Phả. Sau đó xưởng đóng cửa và nghỉ ở nhà khoảng 5 năm rồi. Chồng tôi ở nhà suốt ngày chơi bởi nghiện ngập ma túy đá, không chịu làm ăn gì.

CB: Chị có thể tâm sự nguyên nhân nào chị dẫn đến hành vi chị mua bán chất ma túy này không?

PN: Do chồng chơi bởi ma túy đá và có mua về để dùng, tôi không muốn cho chồng tôi chơi thì tôi có mang ma túy đưa cho thằng em xã hội, nó thuê nhà của nhà tôi, đến khi nó bị bắt thì nó khai ra tôi là đưa ma túy cho nó.

CB: Thằng em đấy đã đi tù lần nào chưa.

PN: Chưa a.

CB: Thế cái lượng ma túy mà chị khai ra là khoảng bao nhiêu.

PN: Nghe nói lượng ma túy đấy khoảng 1 triệu, tôi không làm nên tôi cũng không biết, lúc tôi đưa nó có bảo là em có chơi thì chơi ma bán thì bán.

CB: Thế chị có biết lúc mình đưa ma túy cho cậu em xã hội như vậy là mình cũng phạm tội không.

PN: Lúc đấy tôi chẳng nghĩ gì cả. Vì lúc đấy chồng tôi chơi ma túy đá thì tôi đưa chứ tôi không nghĩ gì.

CB: Thế lúc mình đưa thì mình có biết cái túi đá đấy giá trị bao nhiêu tiền không?

PN: Cái túi ma túy đá đấy khoảng một triệu, đưa xong nó nói mang đi đâu chơi ấy tôi cũng không nhớ rõ.

CB: Thế chị khai trước cơ quan điều tra như thế nào?

PN: Tôi đưa cho nó thì nó bảo là tôi đưa cho nó để đi bán.

CB: Thế ở nhà thì chị làm gì?

PN: Ở nhà tôi chỉ làm đậu thuê cho người ta thôi, làm từ 7h sáng cho đến 4h chiều người ta trả cho một triệu một tháng.

CB: Thế có đủ sống không?

PN: Tôi cũng làm thêm việc nọ việc kia để kiếm thêm nữa. Ai thuê việc gì thì làm việc đấy.

CB: Chồng chị nghĩ việc mấy năm nay rồi thì có đem về cho chị được đồng nào không?

PN: Chồng tôi không đưa được đồng nào, suốt ngày đi chơi lông ba lông bông thôi.

CB: Thế 2 mẹ con sống bằng cái gì.

PN: Có ông bà nội hỗ trợ thêm nữa, năm nay con tôi học lớp 4, sinh năm 2003.

CB: Thế chị có yêu chồng chị không?

PN: Có yêu chồng, nói chung cuộc sống thì tôi buồn nhiều, chồng thì không chịu làm ăn, suốt ngày chơi bời, con thì còn nhỏ và đang phải đi học, suốt ngày phải nhờ vả ông bà nội. Lắm lúc tôi nghĩ mình cũng rất buồn và chán.

CB: Thế từ ngày lấy nhau đến giờ có bao giờ chồng chị mang tiền về đưa chị không.

PN: Trước kia chồng tôi đi làm ở bên Cẩm Phả thì có mang tiền về đưa tôi, từ ngày nghỉ việc thì không có để đưa và cũng không đi làm gì để có tiền.

CB: Thế chồng chị có bị xử không?

PN: Không vì tôi nhận hết tội cho chồng rồi, lúc tôi bị bắt thì chồng tôi cũng không có ở nhà, tôi biết chỗ anh ấy để ma túy đá nên khi chồng tôi đi vắng thì tôi không muốn chồng tôi chơi nên tôi lấy đưa cho thằng em xã hội ở thuê nhà tôi ngay bên cạnh.

CB: Thế đi tù thế này chị có sợ sau này về chồng chị yêu và lấy người khác không.

PN: Tôi cũng không biết, vì bây giờ tôi chỉ mong mình cải tạo tốt để sớm về với con thôi.

CB: Bây giờ ở trong trại giam chị nghĩ HVPT của mình có tác hại như thế nào?

PN: Tác hại là đã làm khổ gia đình chồng và gia đình mình vì đã làm ảnh hưởng đến họ.

CB: Chị bị bắt trong hoàn cảnh thế nào?

PN: Lúc đấy tôi đang ôm nằm ở nhà thì thằng em xã hội cùng mấy cán bộ công an thành phố vào và yêu cầu tôi ra thành phố để làm việc, lúc đấy có khám người và nhà nhưng không có gì.

CB: Thế chị thấy việc làm của chị có gây hậu quả gì cho bản thân mình không.

PN: Có là mình phải đi tù.

CB: Theo chị thì HVPT của chị là do vô ý hay cố ý

PN: Do vô ý, vì lúc đấy tôi cũng không nghĩ gì chỉ nghĩ là bình thường thôi không gây ảnh hưởng gì.

CB: Chị có nghĩ mình bị oan không?

PN: Nói chung là tôi nhận cho chồng nên tôi nghĩ tôi không oan, vì tôi đưa ma túy đá cho nó tôi cũng không được cái gì cả mà chỉ thấy tự mình làm khổ mình thôi.

CB: Thế khi chị đưa gói ma túy đá cho cậu em xã hội chị có thấy là mình làm sai pháp luật không.

PN: Lúc chưa bị bắt thì tôi không nghĩ, lúc bắt rồi thì mới có nghĩ.

CB: Thế khi nào thì chị biết hành vi của mình là hành vi phạm tội?

PN: Lúc bị bắt và bị tạm giam, biết rõ nhất là lúc ra lấy cung, cán bộ bảo tôi có biết là tôi phạm tội không, tôi nói là có biết. Đến khi tòa xử thì mới biết rõ.

CB: Trong trại giam thì chị có hay tâm sự với các chị trong buồng giam về tội của mình không?.

PN: Tôi không tâm sự với ai, vì trong đội mỗi người một hoàn cảnh nên tôi không tâm sự cùng ai.

CB: Đến giờ chị có nghĩ mình oan ức gì không?

PN: Tôi nghĩ rằng chỉ tự mình làm khổ mình, làm khổ gia đình, làm khổ con thôi chứ không nghĩ mình oan ức gì cả.

CB: Thế có làm khổ chồng không.

PN: Không

CB: Thế từ ngày lên trại giam đến giờ chồng chị đã lên thăm lần nào chưa?

PN: Lên thăm 2 lần rồi, lần đầu tiên lên thăm cùng với mẹ chồng, lần thứ 2 lên thăm cùng với cháu gái.

CB: Đánh giá lại HVPT của mình, chị có suy nghĩ gì?

PN: Tôi chỉ nghĩ mình đã phạm tội thì tôi phải cố gắng cải tạo tốt để sớm được về thôi, từ khi vào đây thì tôi được phân về đội 16 làm đồng, làm chè, trồng ngô, chăn cá...việc gì tôi cũng làm.

CB: Chị có hoàn thành mức khoán không?.

PN: Đội của tôi thì không có mức khoán, mình làm theo ý thức của mình thôi.

CB: Công việc của cán bộ giao có phù hợp với sức lao động của chị không?.

PN: Chị em làm được thì tôi cũng làm được

CB: Vào đội nông nghiệp thì công việc cụ thể của chị làm những công việc gì?

PN: Làm cỏ chè, hái chè, trồng ngô, cắt cỏ cho cá.

CB: Máy tháng gần đây chị được xếp loại thì đua gì?

PN: Loại khá, nhưng vì thời gian xét giảm chưa đủ tháng nên chưa được xét giảm.

CB: Trong thời gian ở trong trại, yếu tố nào ảnh hưởng đến tư tưởng của chị nhiều nhất?

PN: Về phía chị em phạm nhân với nhau thì bình thường, với cán bộ thì không có gì, về phía gia đình thì vẫn lên thăm đều. Lúc nào nhà không lên thăm được thì ở Thái Nguyên này có cậu và mợ em của mẹ chồng ở gần nên vẫn vào thăm thường xuyên. Nói chung là ông bà nội cũng biết là tôi nhận tội cho chồng, vì chồng nên ông bà nội cũng thương.

CB: Bên bố mẹ đẻ nhà chị có ai đến thăm chị từ khi vào trại?

PN: Có anh trai xuống thăm được một lần, vì anh trai ở nhà chỉ làm ruộng và làm nương lên cũng không có điều kiện xuống thăm thường xuyên được.

CB: Trong đội các chị có hay va chạm với nhau không, thường thì là những chuyện gì?.

PN: Ví dụ như cuộc sống hàng ngày, ghen ăn tức ở, thấy người khác hơn mình một tí là khó chịu như là nhà không có người lên thăm, nhà thì có người lên thăm đều, chỉ vì những cái lật vạt cuộc sống hàng ngày thì sinh ra cạnh khóe nhau, nói xấu nhau. Còn tôi thì coi ai cũng như ai, nhiều khi tôi được các chị quý thì cũng có người nói xấu sau lưng nhưng tôi cứ mặc kệ.

CB: Theo chị thì họ nói những gì để cho mình nghĩ họ đang nói mình?

PN: Ví dụ như: Trục nhật hàng ngày các chị ấy khó chịu, cầm cờ hay quên thì tôi cầm hộ, hay làm hộ thì người ta lại nói đến lượt mình thì mình cầm, đến lượt mình thì mình làm, làm sao phải đi nịnh bợ thế này thế kia. Dẫn tới họ có những câu nói cạnh khóe với mình.

CB: Lúc mới lên trại giam thì chị có được học nội quy quy chế của trại giam hay không.
PN: Tôi có được học nhưng không nhiều
CB: Thế chị có nhắn nhủ gia đình nhà chồng gì không.
PN: Tôi chỉ nhắn là tôi ở trên này vẫn khỏe.
CB: Thế đã bao giờ chị thử dùng ma túy xem cảm giác nó như thế nào chưa.
PN: Tôi chưa.
CB: Tôi rất vui khi được chị chia sẻ về cuộc đời và gia đình của chị. Đã đến giờ ăn cơm trưa. Nếu chị sẵn sàng tôi sẽ đến gặp chị vào một hôm khác.

5. Phỏng vấn trường hợp: Ng.Th.H (Giới tính: Nữ)

Thời gian: Tháng 11 năm 2012

Địa điểm: Trại giam Phú Sơn 4 - Thái Nguyên

Người được phỏng vấn: Ng.Th.H

Người phỏng vấn: N.H.T

Họ và tên: Ng.Th.H (giới tính: Nữ), **sinh năm: 1980**

Bắt ngày 20/9/2010

Can tội: Tàng trữ trái phép chất ma túy

Án phạt: 3 năm, đang chấp hành hình phạt tù tại trại giam Phú Sơn 4 - Thái Nguyên.

Tiền sử: Nghiện ma túy

Nội dung cuộc phỏng vấn

Tôi là cán bộ về đây công tác, được các cán bộ ở đây cho gặp chị H để chia sẻ, trao đổi về cuộc đời, gia đình và bản thân chị. Chị hãy tâm sự với cán bộ về bản thân cũng như cuộc đời của chị.

CB: Chị có thể nói qua về bản thân chị.

PN: Tôi vào Sài Gòn năm 1997-1998 lúc đấy tôi mới 17 - 18 tuổi. Tôi bỏ học năm học lớp 8, sau đó ở nhà giúp bố mẹ làm ăn buôn bán. Thời gian sau thì đi học nghề. Nhà có 3 chị em, tôi là cả, sau đến em gái hiện giờ lấy chồng ở Thái Nguyên, em thứ 3 là em trai út hiện đang công tác trong Sài Gòn.

CB: Chị có thể tâm sự cụ thể hơn về cuộc đời chị?

PN: Do tư tưởng không làm chủ được bản thân, công ăn việc làm có, có gia đình chồng con ổn định. Do tôi đua đòi, chơi bời là chính, đồ do mâu thuẫn gia đình đây chỉ là lí do. Chồng tôi làm trong ngành công an đã về hưu, tôi là vợ thứ 2, vợ trước của chồng đã mất.

CB: Chồng chị với vợ cả được mấy cháu?

PN: Được 2 cháu, một đứa sinh năm 1988, một đứa sinh năm 1992. Mỗi quan hệ giữa tôi và con của chồng thì vẫn bình thường. Tôi lấy chồng năm 2007, yêu nhau từ năm 2003. Đến năm 2008 thì sinh em bé, đến năm 2009 thì có một số mâu thuẫn và ghen tuông nên tôi chán nản chơi bời, chồng thì bất mãn nên 2 vợ chồng xô xát nhau nhiều chuyện. Chồng tôi là người lớn tuổi nên cũng nhường nhịn tôi nhiều. Do tôi chơi bời cờ bạc thua tha nên tôi tự ý bỏ về Bắc chẳng nói gì. Lúc đầu tôi đổ lỗi do chồng trai gái bỏ bịch, nhưng đây chỉ là một phần.

Lúc đầu do một hai lần đi chơi sinh nhật bạn bè và họ rủ đi sàn chơi, sau đó họ rủ chơi ma túy. Đầu tiên họ bảo hút vào để quên đi buồn chán và ngủ được nên tôi đã sử dụng. Thời gian đầu chơi tôi còn giấu gia đình nhưng khoảng 3 tháng sau nhà tôi phát hiện ra và gọi chồng tôi ra ngoài Bắc để giải quyết chuyện gia đình. Nhưng tôi vẫn không thừa nhận là tôi có chơi bời gì mà chỉ là lời đồn đại thôi. Tôi có nói là đi chơi sàn thì có còn chơi ma túy thì tôi không chơi, bởi vì có quá nhiều gương như: cô, gi, chú, bác. Nói chung là trong họ hàng rất nhiều người nghiện như thế và chính bản thân tôi không có ưa gì và tôi đã từng đi báo cho công an bắt người thân của mình để cho đi cai nghiện, để chứng minh là tôi không chơi. Lúc đấy tôi không dám thú thật, nếu lúc đấy tôi dám thú thật thì chắc gì ngày hôm nay tôi ngồi ở đây.

Lúc tôi bị bắt con tôi mới được 2 tuổi, gia đình có nói cho tôi ra toại ngoại nhưng tôi nói tốt nhất tôi ở trong trại sau 6 tháng để tôi cai và chấm dứt không dùng ma túy nữa, nếu không thì vẫn không bỏ được. Nếu được toại ngoại ra ngoài mà mình không làm chủ được bản thân mà chơi lại thì án lại chồng lên. Thế là tôi đi trả án luôn, tôi đi tù lần này là lần thứ 2 rồi.

CB: Thế chị đi án đầu về tội gì?

PN: Án đầu đi về tội mua bán trái phép chất ma túy và bị xử 3 năm cải tạo ở trại giam Tây Ninh. Năm 2006 tôi về thì đến năm 2010 tôi lại bị bắt vào trại giam. Tôi quen và yêu chồng tôi từ năm 2003, đến cuối năm 2003 thì bị bắt. Đến năm 2006 về thì năm 2007 lấy nhau, năm 2007 mới cưới vì chồng tôi làm trong ngành công an lúc đấy đợi nghỉ hưu mới lấy nhau.

CB: Chị quen chồng chị trong hoàn cảnh nào?

PN: Quen vì ngày đấy tôi bị bắt xe máy, anh ấy làm bên công an giao thông, sau đấy tôi nhờ vả lấy hộ xe và quen nhau. Chồng tôi hơn tôi 22 tuổi, lấy từ năm 2007 nhưng đến năm 2009 mới đăng ký kết hôn.

CB: Vợ anh ấy mất năm bao nhiêu.

PN: Mất khi con gái thứ 2 của anh ấy mới được 3 tuổi. Thời gian đầu quen nhau thì anh ấy ngỏ lời yêu nhưng lúc đấy tôi cũng chưa đồng ý vì nghĩ mình còn trẻ làm sao mà yêu anh ấy được. Sau đấy tôi bị bắt mà con người tôi đang chơi bời. Tôi va chạm với ma túy không phải là mới đây mà tôi va chạm rất lâu rồi. Từ năm 1997 tôi có đi theo bố đi làm ăn thì có mua bán vận chuyển trái phép chất ma túy về bán kiếm lời. Sau một thời gian tôi quay lại bãi vàng Đầm Lá ở trên Thái Nguyên rồi vào Sài Gòn làm ăn. Nói chung khi mình có tiền thì sẽ dễ sinh ra nghịch ngợm chơi bời một chút. Sau khi quen anh ấy tôi cũng thành thật và nói với anh ấy biết hết tôi là con người như thế, chứ không phải là loại gái lăng lơ, cũng không phải nay anh này mai anh khác. Mục đích của tôi chỉ là kiếm tiền ngoài ra tôi không quan tâm đến vấn đề khác. Anh ấy cũng khuyên tôi dừng lại nếu xác định đi đến tương lai. Tôi nói làm nốt một lần nữa thì tôi bị bắt theo đường dây khai ra tôi có dính líu đến. Trong thời gian tôi bị bắt anh ấy rất tốt, anh ấy lo cho tôi hết từ A đến Z và trong thời gian 3 năm tôi ở tù. Mặc dù gia đình tôi có vào thăm nhưng anh ấy vẫn cứ nói để anh ấy có trách nhiệm lên thăm nuôi tôi. Sau khi tôi về anh ấy nói nếu yêu để xác định thì anh ấy yêu chứ cặp bồ thì không cặp, anh ấy nói tôi phải suy nghĩ kỹ nếu mà quay lại con đường cũ thì tốt nhất là mình không quen nhau nữa, coi như từ trước đến giờ anh ấy chỉ giúp đỡ tôi thôi. Nếu mà xác định thì anh sẽ lo cho quây quán và làm ăn. Từ một con người rất là ngỗ ngược như tôi để thuần hóa được tất cả là do anh ấy. Lúc đó tôi cảm thấy rất là ngại, ngại là vì tất cả quán xá là do một mình anh ấy xây dựng lên và anh ấy thử thách tôi không cho tôi quan hệ qua lại với bất kỳ ai, ai đến chơi cũng không muốn cho tôi tiếp xúc, sợ tôi tham tiền rồi lại đi theo. Lúc đấy anh ấy cũng nói quá khứ của tôi coi như anh không biết và bỏ qua. Trước đây mua bán làm ăn tôi không dính dáng gì đến nghiện ngập. Thời gian về sau tôi mới về ngoài Bắc này thì mới có loại ma túy tổng hợp và thử chơi, sau đó một thời gian mới dùng sang ma túy. Lúc bị bắt thì đang cầm hàng vừa đi mua về để bán thân dùng thì bị bắt. Thời gian này tôi đang buôn bán hàng hoa quả từ Lạng Sơn về Thái Nguyên. Công việc làm ăn cũng ổn định nhưng do tôi chơi bời chứ không phải là do không có công ăn việc làm.

CB: Chị thử nhìn lại nguyên nhân nào mà một hôm nào đó dẫn tới chị sử dụng ma túy?

PN: Do lập trường không vững thì mình mới chơi, do chính bản thân mình không làm chủ được mình chứ không phải mới lớn mà như này như kia mà lúc đấy tôi đã 30 tuổi rồi.

CB: Từ khi từ Sài Gòn ra Bắc được bao lâu thì chị bị bắt?

PN: Ra được gần một năm vào tháng 11 âm lịch năm 2009 tôi ra thì đến tháng 7 năm 2010 thì tôi bị bắt. Lúc ra có bé cả con trai ra ngoài này.

CB: Từ ngày vào trại ở Ngọc Lý thì chồng chị ra thăm chị lần nào chưa?

PN: Chồng tôi ra thăm tôi được 4 lần rồi, vừa rồi cũng mới ra đây thăm tôi. Chồng tôi cũng có động viên là ở trong này chấp hành tốt để sớm được về và vào trong Sài Gòn làm ăn,

tôi cũng chỉ còn mấy tháng nữa là được về vì vừa rồi tôi mới được giảm 3 tháng. Từ ngày vào trại thì em gái cũng vẫn lên thăm đều, còn em trai lên thăm được một lần vì công việc ở xa nên không vào thăm thường xuyên được. Còn mẹ tôi thì cứ 2 hoặc 3 tháng mới lên thăm tôi một lần. Mẹ tôi sinh năm 1960, bố thì mất rồi, lần nào mẹ tôi vào thăm cũng bế cháu lên thăm tôi.

CB: Chị đã đi tù một lần vì liên quan đến ma túy nhưng chị không thấy sợ phải đi tù?.

PN: Tôi không nghĩ phải đi lần nữa vì tôi nghĩ là tôi chơi thì tôi mua về để tôi hút thôi, cùng lắm là đi cai nghiện thôi chứ tôi không nghĩ sẽ phải đi tù. Lúc tôi mới chớm nghiện thì sợ gia đình biết thì tôi trốn về Hà Tây để cai và để con lại cho ông bà nói là đi chữa bệnh. Vào trong trại giam này tôi mới nghĩ được chứ ở ngoài đời thì tôi cho nó là đơn giản nhưng không phải như vậy mà đôi khi nhờ nhau đi lấy về chơi cũng là phạm tội.

CB: Theo chị thì những người mua ma túy về sử dụng mà bị phạt tù như thế là quá nặng không? Có nên bỏ đi hình phạt tù với người nghiện mà chỉ cho họ đi cai nghiện thôi.

PN: Cũng không được vì nếu bản thân là nghiện thật thì không sao nhưng cũng có người người ta mua bán nhưng cứ chối quanh co là mua về để sử dụng mà xử lý cho đi cai thì nhẹ nhàng quá. Lúc đi buôn bán hoa quả tôi nghiện nhưng không ai biết là tôi nghiện kể cả những người chủ hàng. Tôi chỉ gọi điện lấy hàng và nói đem đến địa điểm chỗ nào và lấy ma túy về chơi một mình chứ không tụ tập chơi.

CB: Khi chị nghiện chị có biết tác hại của ma túy không?.

PN: Biết rồi nhưng không rút chân ra được vì khi mình không sử dụng nữa thì người mình rất mệt mỏi, khó chịu, lúc đấy cơ thể mình đòi hỏi phải có nó để mình trở lại bình thường. Thứ hai là sợ gia đình biết khi mình không chơi thì gia đình sẽ hỏi và nói mình bị làm sao mà thế này thế kia. Ngày đầu tiên bị bắt tôi cảm thấy vật vờ không ăn được gì, đến ngày thứ hai trở đi thì thấy cơ thể hơi mệt mỏi chứ không còn vật vờ gì nhiều và mất ngủ 5 ngày liền.

CB: Từ khi bị bắt cho đến bây giờ chị đã bao giờ vi phạm nội quy quy chế của trại giam chưa.

PN: Ở dưới giam cứu thì tôi cũng có vi phạm vì cầm cái nhíp nhỏ chân mày cho vào túi áo. Hôm đấy ra tòa về tôi có bảo mẹ tôi mua cho một cái nhíp và cầm đút vào túi áo mang vào thì cán bộ khám ra thì thấy cái nhíp. Sau đó bị cảnh cáo lưu vào hồ sơ lên đây và bị hạnh kiểm kém mất mấy tháng.

CB: Chị có biết mang nhíp vào buồng giam là vi phạm không?.

PN: Tôi biết là đồ vi phạm nhưng tôi vẫn cầm vào. Lần thứ 2 vi phạm tôi bị đi nhà kỷ luật 5 ngày vì tự ý cắt sửa lại quần áo của trại. Khi đi kỷ luật ở dưới nhà kỷ luật 5 ngày tôi có cảm giác rất buồn vì chỉ có một mình mình ở trong phòng giam kỷ luật. Bản thân tôi khi làm sai trái và bị kỷ luật thì cảm thấy ngại.

CB: Lúc mới vào trại chị học việc có lâu không?.

PN: Ngày đầu vào học việc mất 15 ngày, từ đó đến nay tôi làm quen công việc này và luôn hoàn thành mức khoán. Nếu cán bộ mà chuyển đi đội khác và làm công việc khác như đi ra làm đồng thì thà tôi ở dưới nhà kỷ luật tôi vẫn chịu. Trừ khi bị vi phạm như đánh nhau giữa các phạm nhân thì mới nên chuyển đội, vì chuyển đội nó ảnh hưởng trực tiếp đến phạm nhân cũng như cán bộ dẫn đội. Nhất là những trường hợp như tôi còn vài tháng nữa người ta gọi là “chợ chiều phố đêm” có nghĩa là không còn được giảm thì không nên chuyển đội. Vì chuyển đội họ cũng không hoàn thành đủ mức khoán. Nếu như bản thân tôi làm ở đội dân bạc mà cán bộ có cho nghỉ một ngày tôi cũng không muốn nghỉ vì tôi đi làm quen việc rồi. Nếu chuyển sang đội khác chắc chắn tôi sẽ không làm đủ khoán vì bản thân tôi đang làm quen với công việc này rồi. Nhất là việc đồng áng thì tôi chịu chết. Chuyển đội với các phạm nhân thì không ai muốn chuyển đội cả vì chuyển đội phải chuẩn bị phải chuẩn bị đồ dùng, quần quần, áo áo và sống ở một đội khác không quen biết và không hiểu tính cách của cán bộ mới thế nào nên họ không muốn chuyển. Khi đã mâu thuẫn dẫn đến đánh nhau thì thường là cán bộ cho

chuyển đội. Tôi không muốn nghỉ làm vì nghỉ làm thì bị nhốt ở trong buồng rất là buồn chán, đi làm thì thấy thời gian trôi nhanh hơn.

6. Phỏng vấn trường hợp: Dương Quang Th

Sinh năm 1973.

ĐKHKT: Khe Mo - Đồng Hỷ - Thái Nguyên.

Cạn tội: Tàng trữ trái phép chất ma túy.

Bắt ngày: 31/5/2011.

Lên trại ngày 18/11/2011.

Nội dung cuộc phỏng vấn

CB: Tôi về công tác ở đây và được cán bộ quản giáo giới thiệu gặp anh. Thứ nhất ở đây anh cũng là một trong những phạm nhân cải tạo tích cực và cũng hay chia sẻ với cán bộ. Anh có vui lòng chia sẻ với cán bộ không?

PN: Tôi sẵn sàng chia sẻ những gì cán bộ hỏi

CB: Anh học hết lớp mấy thì nghỉ học.

PN: Tôi học hết lớp 2 thì nghỉ học.

CB: Anh có tiền án chưa.

PN: Năm 2001 có một tiền án.

CB: Tiền án vì tội gì.

PN: Tàng trữ trái phép chất ma túy.

CB: Án của anh mấy năm.

PN: Án tôi bị xử 30 tháng. Tôi đi tù từ năm 2001 thì đến năm 2004 tôi về.

CB: Tiền sử anh có nghiện ma túy không.

PN: Tôi có nghiện ma túy.

CB: Anh tự đánh giá mình là nghiện rất nặng hay nghiện bình thường.

PN: Tôi nghiện rất nặng.

CB: Vào đây anh cai được chưa?.

PN: Tôi cai được rồi.

CB: Anh có thể cho tôi biết sơ qua về hoàn cảnh và gia đình của anh không.

PN: Gia đình tôi rất khó khăn, vợ con thì bệnh tật. Tôi lấy vợ vào năm 2007. Vợ tôi sinh năm 1987. Tôi được một cháu gái và con tôi năm nay được 5 tuổi rồi.

CB: Thế bây giờ cháu đang ở với ai.

PN: Cháu đang ở với mẹ.

CB: Bây giờ 2 mẹ con ở với ông bà ngoại hay ở nhà nội?.

PN: Lúc chưa bị bắt thì 2 vợ chồng tôi ly thân thì vợ tôi về ngoại ở rồi.

CB: Từ ngày anh vào đây vợ anh đã lên thăm anh lần nào chưa?.

PN: Chưa lần nào. Từ ngày tôi vào đây không có tin tức gì của vợ và con cả.

CB: Nhà anh có đông anh chị em không.

PN: Nhà tôi có 8 anh chị em.

CB: Thế có tất cả mấy trai mấy gái.

PN: Nhà có 3 người con trai và 5 người con gái. Tôi là con trai út.

CB: Thế nhà có anh chị nào có tiền án và phải vào tù chưa.

PN: Không có, các anh chị của tôi đều đã xây dựng gia đình và ở xa.

CB: Thế bố mẹ anh năm nay nhiều tuổi chưa.

PN: Bố tôi mất rồi, còn mẹ tôi năm nay gần 80 tuổi rồi.

CB: Từ ngày vào trong trại giam, anh đã lần nào vi phạm nội quy của trại giam chưa?.

PN: Tôi chưa lần nào vi phạm nội quy quy chế của trại giam cả. Chỉ có đợt vừa rồi lý do tôi không làm đủ mức khoán thì cán bộ cho tôi đi nhà kỷ luật.

CB: Anh đang làm ở đội gì.

PN: Tôi làm ở đội gấp vàng mã.

CB: Theo anh thì nguyên nhân nào mà anh có hành vi phạm tội về ma túy?

PN: Trước đây do tôi đi bờ bãi làm vàng nhiều và nghiện ngập và mua ma túy về sử dụng thôi. Tôi bắt đầu nghiện từ năm 1993 và sau đó tôi vào miền Nam cai ở trong đấy 5 năm cho đến năm 1999 thì tôi mới lại ra ngoài Bắc này. Đến năm 2000 thì tôi lại nghiện lại cho đến năm 2001 thì bị bắt đi tù 30 tháng xong được về sau khi về thì tôi lại nghiện lại. Tiếp đó tôi lại đi vào Bình Phước tôi cai, cai được một năm xong lại ra, ra xong lại nghiện, xong lại bỏ, bỏ được một thời gian thì tôi lấy vợ. Lấy vợ về đến năm 2008 thì tôi lại nghiện, sau đó đi trung tâm cai bắt buộc một năm xong rồi về. Về được một thời gian ngắn tôi lại nghiện lại cho đến tháng 5/2011 thì bị bắt. Trước hôm bị bắt thì tôi cũng tự cai được 3 ngày rồi nên trong người tôi không có một tí thuốc phiện nào nhưng công an huyện đề người tôi ra và đút thuốc vào trong người tôi và lập biên bản và cho tôi đi tù lần này. Lúc ra tòa tôi cũng nói trước tòa là tôi không có ma túy mà là do công an đút thuốc vào trong túi quần tôi. Tôi cũng không nhận số ma túy đấy là của tôi. Sau đó tòa vẫn xử tôi 36 tháng.

CB: Anh nói rằng bản án 36 tháng lần này của anh bị oan phải không.

PN: Vâng ạ.

CB: Thế thời điểm bị bắt thì anh đã nghiện ma túy lại chưa.

PN: Tôi cũng nghiện lại rồi, nhưng trước khi bị bắt thì tôi cũng bỏ được mấy ngày rồi vì mẹ tôi nói nhiều quá nên tôi bỏ. Lúc tôi bị bắt thì công an đưa tôi xuống huyện thì tôi không nhận số ma túy đấy là của tôi và họ cho về thì 5 ngày sau họ đến nhà tôi đọc lệnh bắt khẩn cấp vì đi giám định số thuốc đó là heroin, sau đó tôi bị tòa xử 36 tháng tù.

CB: Anh đi án lần thứ nhất là từ năm 2001 đến năm 2004 vì tội tàng trữ trái phép chất ma túy thì lần đấy anh có bị oan không.

PN: Lần đấy tôi không bị oan vì trong người tôi có ma túy thật.

CB: Anh bị bắt ở tiền án đầu trong hoàn cảnh nào.

PN: Hôm đấy tôi đang nằm ngủ ở trong giường thì công an xã và công an viên mở cửa nhà tôi ra và sờ vào con gà mà nhà tôi để tắm và móc ở đấy được 3 tép heroin sau đó thì khóa tay tôi vào, tiếp đó thì sờ lên đèn típ thì tôi có để 6 tép heroin ở trên đấy nữa và công an họ lập biên bản và xin khám nhà khẩn cấp. Đến gần một giờ đêm thì họ khám nhà thì thấy tôi để 4 phân hàng nữa ở trong nhà nhưng lần đấy tôi vẫn thừa nhận số ma túy đấy là của tôi hết, sau đó thì xử tôi đi tù 30 tháng.

CB: Lần trước số lượng ma túy nhiều như vậy sao anh chỉ đi có 30 tháng.

PN: Vì tôi chỉ tàng trữ sử dụng trái phép thôi.

CB: Theo anh thì nghiện ma túy tại sao khó bỏ?

PN: Tôi cảm thấy bỏ ma túy thì cũng bình thường thôi nhưng nhiều lúc do môi trường đưa đẩy, do chán nản và buồn thì mình lại chơi. Còn nếu mà bỏ thì mình phải có một công việc ổn định để cho mình làm thì mình không nghĩ đến nữa thì mình sẽ bỏ được. Trước tôi cũng bỏ được mấy năm rồi nhưng sau này ra thì tôi lấy vợ và có con vào thì tôi thấy chán, gia đình thì nhiều lúc này nọ lên tôi chán, đi ra đường thì bạn bè rủ rê tôi lại chơi và nghiện lại. Như bọn tôi bây giờ bỏ được rồi nhưng đến khi ra ngoài xã hội chỉ cần chơi một vài lần là lại quen và nghiện lại ngay.

CB: Theo anh thì những nỗi niềm gì làm anh buồn chán?

PN: Chán vì không có công ăn việc làm, người thì mang bệnh tật nhiễm HIV.

CB: Anh phát hiện ra mình bị nhiễm HIV lâu chưa.

PN: Tôi phát hiện ra mình bị HIV từ năm 2008, sau đó tôi uống thuốc ARV cho đến năm 2011 thì bị bắt. Đến lúc bị bắt thì công an huyện Đồng Hỷ còn không cho gia đình tôi gửi thuốc vào cho tôi uống. Vào trong trại giam này thì có đi thử máu và đợi đến đợt uống thì mới được uống thuốc ARV.

CB: Anh bị lây HIV qua con đường nào.

PN: Tôi bị lây qua con đường tiêm chích. Vì lúc đấy vãi thuốc quá mà 2 người chơi ma túy chỉ có một chiếc xilanh vì vãi và mệt nên không nghĩ được gì nên mới chích chung.

CB: Thế giờ sức khỏe anh như thế nào.

PN: Sức khỏe của tôi bây giờ lúc thì khỏe lúc thì yếu và mệt, lúc thì hoa mắt chóng mặt. Tôi có đề xuất là bị bệnh tật và được cán bộ giảm mức khoán xuống còn 50%.

CB: Anh có thấy được sự quan tâm của cán bộ đối với anh không?.

PN: Tôi có thấy cán bộ ưu ái giảm xuống cho tôi mức khoán giảm 50% thì tôi có chấp hành đủ khoán.

CB: Thế tiền án trước anh bị bắt vì tàng trữ ma túy ở trong hộp tắm, trên bóng đèn típ và ở trong bếp thì anh có biết hành vi đó là vi phạm pháp luật và phải đi tù không?.

PN: Tôi biết.

CB: Anh biết như thế tại sao anh vẫn làm?.

PN: Vì lúc đấy tôi nghiện nên tôi không nghĩ được gì mà chỉ nghĩ sao mình có ma túy để thỏa mãn cơn vật vã của mình nên không còn sợ nữa.

CB: Anh có nghĩ nếu ở nhà anh còn nghiện thì trước sau gì anh cũng bị bắt đi tù không.

PN: Tôi nghĩ tôi không tàng trữ ma túy mà chỉ lên nhà người bán mua ma túy và chơi tại chỗ xong tôi về thì không bị bắt vì không có ma túy ở trong người. Một phần là tôi lúc đấy cũng xác định là tôi cai không chơi nữa. Lúc trước khi bị bắt thì một ngày tôi chỉ chơi 2 tép ma túy thôi. Nếu tôi có đi mua một tép ma túy mà bắt được tôi thì số ma túy đấy cũng không đủ để kết tội tôi và cho đi tù được.

CB: Tôi hỏi thật anh là khi anh đã nghiện rồi thì anh có bao giờ đi ăn trộm ăn cắp hay lừa đảo để có tiền sử dụng ma túy hay không?.

PN: Tôi chỉ lấy của gia đình thôi chứ không lấy cái gì của ai ở ngoài xã hội.

CB: Thế anh lấy những cái gì của gia đình.

PN: Tôi lấy ngô, đỗ và chè của gia đình và một số thứ khác nữa đi bán để có tiền sử dụng ma túy.

CB: Thế vợ anh có bị nhiễm HIV hay không.

PN: Vợ tôi cũng đi thử một lần thì người ta kết luận âm tính, cái đấy thì tôi cũng không biết được.

CB: Anh cũng đã nhiều lần đi cai, cai tự nguyện có, cai bắt buộc có và đã vào tù trước đó một lần rồi. Vậy bây giờ thì theo anh niềm tin của gia đình anh đối với anh có còn nữa hay không.

PN: Tôi bị mất hết niềm tin của gia đình rồi, vì nhiều lần gia đình cũng khuyên bảo nhưng tôi vẫn nghiện lại. Cứ cai xong lại nghiện lại nên gia đình cũng chán và không còn tin nữa.

CB: Các anh chị có hay lên thăm anh không?.

PN: Thì thoảng anh chị tôi vẫn lên thăm, vì anh chị tôi ở xa quá nên cũng không lên thăm thường xuyên được. Có 2 chị gái lấy chồng ở gần nhà thì một chị đi xuất khẩu ở Đài Loan, một người thì đi xuất khẩu ở Ma Cao nên cũng không về và vào thăm được.

CB: Anh đã đi cai nhiều lần và làm mất niềm tin vào mọi người trong gia đình nhiều lần. Mỗi lần cai xong ai cũng động viên cũng khuyên anh. Thế lý do nào mà anh lại không thẳng được bản thân mà lại lao vào nghiện ngập như vậy. Anh nghĩ lại xem đấy là do đâu.

PN: Lý do cũng chỉ vì buồn chán và bản thân thì bệnh tật nhiễm HIV.

CB: Thời gian trong trại giam thì cái gì ảnh hưởng nhất đến tư tưởng của anh?.

PN: Về phía gia đình thì mẹ tôi và anh chị tôi vào thăm thì cũng động viên tôi cố gắng cải tạo và cố sống trở về với mẹ và các anh chị. Bây giờ ở trong này thì có thương nhớ thì cũng chẳng làm gì được, từ ngày tôi vào trại giam tôi cũng chưa biết con tôi sống chết thế nào. Tôi có quan tâm, mỗi lần con tôi đi viện mất 5 đến 6 triệu là tôi đều lo hết. Tôi phải xoay sở và xin tiền anh chị tôi đều phải cho để con tôi đi viện. Lúc tôi ở nhà tôi cũng có đi làm quãng và để dư được chút ít để phòng khi con cái ốm đau. Trong này thì tôi nghĩ bỏ được nhưng sau này ra xã hội thì tôi sẽ cố gắng bỏ hẳn ma túy vì tôi cũng còn rất ít thời gian nên sẽ để dành lo cho con gái tôi.

CB: Khi về xã hội có rất nhiều nỗi buồn, vợ thì bỏ mình, công việc thì không có, tiền thì cũng không, liệu điều đấy anh có bỏ được hẳn ma túy không?.

PN: Điều đấy thì tôi cũng không dám nói chắc chắn được là có bỏ được hẳn ma túy hay không nữa. Vì tôi nói là bỏ được hẳn mà sau này về tôi lại nghiện và lại phải vào đây mà lại gặp cán bộ thì khó nói lắm.

CB: Cảm ơn anh đã tâm sự và chia sẻ, còn không biết là sự trung thực nó như thế nào đó thì cán bộ cũng sẽ tìm hiểu lại. Như thế là anh cũng cởi mở chia sẻ về gia đình có đông anh chị em đều tốt cả, và nguyên nhân vì sao bản thân mình dẫn đến nghiện ngập và dẫn tới con đường tù tội. Cảm ơn anh đã chia sẻ và bớt chút thời gian ngồi với cán bộ. Cuối cùng thì tôi cũng chúc cho anh nhanh được về với xã hội. Chào anh!

7. Nguyễn Tiến D

Sinh năm: 1964

ĐKHKT: Phường Tân Lập - Tp. Thái Nguyên

Án 15 năm

Can tội: Mua bán trái phép chất ma túy.

Không nghiện.

Nội dung cuộc phỏng vấn

CB: Nguyên nhân nào dẫn tới anh phạm tội về ma túy?

PN: Nhà tôi thì mất đường, kinh tế thì cũng chưa khá giả, mục đích bán ma túy để kiếm tiền, bản thân thì không nghiện.

CB: Theo anh nguyên nhân dẫn tới hành vi phạm tội của anh là do nguyên nhân khách quan hay nguyên nhân chủ quan?.

PN: Là nguyên nhân khách quan vì ở địa bàn của tôi ma túy lúc bấy giờ nó có sẵn, do mình tham, lúc đấy bán ma túy lại dễ kiếm tiền. Do mình muốn có tiền nhanh, do lãi suất cao nên mình làm thử.

CB: Ban đầu chưa biết về ma túy làm sao anh biết lãi suất của nó cao?.

Đ: Biết được vì nhiều người ở xung quanh người ta cũng bán nên nó đập vào mắt mình thì mình biết nó có lãi suất cao.

CB: Anh có biết trước lúc phạm tội án về ma túy này án rất là cao và nặng không?

Đ: Tôi nghĩ là bình thường và lúc mình làm thì mình không nghĩ là mình bị bắt, nghĩ là sẽ trốn tránh được.

CB: Anh có biết hành vi liên quan đến ma túy là phạm tội không?.

PN: Tôi biết nhưng vì mình làm mình nghĩ sẽ trốn tránh được pháp luật nên liều làm.

CB: Anh nhìn lại cái hành vi phạm tội của mình là do cố ý hay vô ý phạm tội.

PN: Là do cố ý phạm tội, biết là mình phạm tội nhưng vẫn bán.

CB: Theo anh thấy hành vi phạm tội của anh thì nó gây những hậu quả gì?

PN: Trước ở nhà và bán ma túy thì tôi không nghĩ được sâu xa cái hậu quả, nhưng khi vào trại giam thì ngồi ngẫm nghĩ mới thấy được hậu quả của nó là gây nhiều tác hại, gây cho nhiều người tan cửa nát nhà, có hại cho mọi người và cho cộng đồng, làm khổ gia đình, vợ con hàng tháng phải lên thăm nom tiếp tế.

CB: Từ khi nào thì anh thấy rõ được hậu quả của ma túy?

PN: Từ khi bắt thì mới thấy rõ được cái hậu quả và hành vi phạm tội của mình, trước đó thì chỉ nghĩ là trốn tránh được và làm ăn chớp nhoáng thời cơ thôi chứ tôi không xác định đây là cái nghề.

CB: Anh nghĩ hành vi của mình có làm khổ cho bản thân không?

PN: Có, vì đã bị bắt và vào trại giam thì mình bị mất hết quyền lợi, mất hết mọi quyền công dân. Cái đấy là cái quá thiệt thòi.

CB: Theo anh hành vi phạm tội ma túy của anh thì nó có trái với BLHS không?

PN: Có trái với BLHS

CB: Anh thấy rõ hành vi phạm tội của mình là trái với BLHS từ khi nào?

PN: Khi bị bắt và bị giam giữ là biết rõ nhất vì cũng được các điều tra viên phân tích cho biết.

CB: Các đồng phạm trong tạm giam thì sao?

PN: Qua các bạn cùng tạm giam thì người ta cũng có nói cho biết là đi tù khoảng hơn chục năm, sau thì biết thông qua điều tra viên rõ hơn.

CB: Trong khi tạm giam anh có biết mình phải đi trả án bao nhiêu năm không?

PN: Lúc đầu thì không biết rõ, nhưng khi có kết luận điều tra thì mình mới biết rõ hơn.

CB: Bây giờ nhìn lại bản án 15 năm của anh thì anh đánh giá nó như thế nào, nó quá dài, hay quá ngắn, hay anh cảm thấy bình thường?

PN: Với cảm nhận của tôi thì tôi thấy nó quá dài, nhưng qua ti vi báo chí thì thấy nó đúng với hành vi phạm tội của mình. Đầu tiên nghe mức án là từ 15 năm đến 20 năm thì thấy sợ.

CB: Lúc tòa tuyên án, anh có thấy bị hụt hẫng không?

PN: Lúc tòa tuyên thì tôi cảm thấy bình thường vì tôi nghĩ mình bị khoảng 16 hoặc 17 năm.

CB: Theo anh thì cái hành vi phạm tội của mình thì nên phạt cảnh cáo, phạt tiền, phạt không giam giữ, cải tạo có thời hạn, tù chung thân, tử hình và không bị xử lý bởi hình phạt nào?.

PN: Như bản thân tôi thì là nên cải tạo có giam giữ, nhưng khoảng 10 năm thì là đủ để trả giá cho hành vi phạm tội của mình. Với hành vi vi phạm pháp luật của tôi thì phạt bằng hình phạt tù là hợp lý chứ không thay bằng phạt tiền được.

CB: Giờ nhìn lại hành vi phạm tội của mình thì anh thấy thế nào?

PN: Tôi thấy mặc cảm với bản thân không biết sau này về mọi người sẽ nghĩ và nhìn mình như thế nào, ví dụ như: không may sau này con mình nó lớn lên mà nó cũng phạm tội như mình thì mình sẽ cảm thấy thế nào. Bây giờ bản thân tôi cảm thấy xấu hổ với gia đình vì cả gia đình mình không có ai phạm tội như mình cả. Lúc trước khi tôi bán ma túy thì tôi không nghĩ được cái hậu quả do mình gây nên. Tôi tự trách bản thân vì mình đã quá tham tiền mà phạm tội, quá coi thường pháp luật. Bây giờ thì tôi cảm thấy hối hận.

CB: Có bao giờ anh cảm thấy tuyệt vọng không?

PN: Tôi chưa bao giờ tuyệt vọng, chỉ có những lúc ở trong này ốm đau thì tôi cảm thấy hơi buồn chán và mặc cảm, sau đấy qua đi rồi lại thôi.

CB: Anh cảm thấy mặc cảm là từ khi nào?.

PN: Mặc cảm là khi gia đình lên thăm và đôi khi một số anh em bạn bè đến và hỏi thăm mình. Khi nghe tin mình bị bắt thì một số anh em bạn bè tốt gọi điện đến để hỏi thăm và quan tâm đến gia đình và động viên vợ con mình. Tôi thấy mình phạm tội như thế là đã sai, nhưng khi vào đây chấp hành án phạt tù để trả giá cho việc mình làm thì mình cũng thấy yên tâm hơn. Chứ ở ngoài mà cố bán thì trước sau gì mình cũng bị bắt. Khi tôi vào đây tôi mới biết là buôn bán ma túy thì trước sau gì cũng bị bắt. Mà lúc trước khi tôi bán ma túy thì có lúc tôi cũng nghĩ là có thể mình sẽ bị bắt, nhưng mình vẫn cố tình làm thôi.

CB: Anh có thể chia sẻ về quá trình chấp hành trong trại giam của mình?

PN: Tôi luôn luôn cố gắng chấp hành lao động, vì mức độ làm việc ở đội làm vàng mã như tôi thì chẳng có gì là nặng nhọc cả. Bản thân tôi thì vẫn chưa đạt được định mức khoán của ban giám thị đặt ra. Chỉ đạt được 70 - 80% thôi vì tôi cũng có tuổi rồi, chứ như thanh niên họ làm thì cũng có người vượt khoán. Tôi làm không đủ mức khoán nhưng cán bộ chắc cũng xem xét về độ tuổi của tôi và ý thức lao động mà vẫn chấp nhận cho tôi loại cải tạo khá. Bản thân từ khi vào trại thì không vi phạm gì, đi làm từ sáng cho đến tối về thì ở buồng giam xem ti vi và đọc báo vv..., nói về chấp hành nội quy quy chế của trại giam thì tôi chấp hành tốt, mỗi về mức khoán lao động thì tôi chưa làm đạt mức khoán của cán bộ trại đặt ra vì tuổi tác tôi cũng nhiều nên làm chậm hơn các anh em phạm nhân khác.

CB: Theo anh mức khoán lao động như hiện nay có quá nặng với anh không?

PN: So với lứa tuổi của tôi thì tôi thấy mức khoán lao động hơi nặng, nhiều khi nghĩ lại vì đây là một môi trường chung thì thấy cũng bình thường. Lúc đầu ở ngoài xã hội mình đang thoải mái, mới đầu vào đây làm một tí thì có cán bộ theo dõi, có cán bộ nhìn, muốn đi vệ sinh cũng phải cử một người theo dõi từng tí một. Như vậy thì mình cảm thấy rất khó chịu. Khoảng mất thời gian gần một tháng đầu vì mình chưa quen một trường và chưa quen công việc thì thấy thời gian nó hơi bị gò bó và mình không còn thời gian để làm những việc riêng của bản thân. Nhưng dần dần thì tôi thấy cũng quen.

CB: Anh có thể nhớ lại và kể về nội dung được học tập ở trại giam?

PN: Lúc mới lên trại giam thì được học nội quy quy chế của trại 4 hôm sau đó tôi được phân về đội vàng mã gần một năm thì trại giam có mở những lớp hướng nghiệp gò hàn về cơ khí và cho tôi đi học sơ qua về nghề gò hàn. Sau đó học xong thì được cấp giấy chứng chỉ về gò hàn.

CB: Anh học nội quy quy chế 4 hôm như vậy thì anh có hiểu và biết hết về nội quy không?

PN: Lúc mới học thì vẫn mơ hồ, nhưng sau quá trình cải tạo thì mình mới biết hết được.

CB: Tại sao anh lại thấy mơ hồ?

PN: Mình biết là nội quy như vậy nhưng mình vẫn tự hỏi vì sao nội quy này phải như thế này, nội quy kia phải như thế kia. Còn những cái quy định về giờ giấc, ăn mặc là mình lơ mơ không biết rõ mà phải hỏi những người đã ở lâu trong trại giam đi trước.

CB: Thế lần học nội quy quy chế của trại giam khi mới lên trại có giúp được gì nhiều cho bản thân anh không?

PN: Có vì khi mới lên trại giam ai cũng phải học để biết về nội quy thì mới chấp hành tốt được và để mình tránh vi phạm nội quy.

CB: Anh có tham gia các hoạt động thể dục thể thao gì ở trong trại giam không?

PN: Không tham gia vì bản thân tuổi đã nhiều và mắc thêm bệnh khớp kinh niên.

CB: Anh có thể tâm sự với cán bộ về niềm tin vào tương lai của mình không?

PN: Trước tiên thì tôi cũng cố gắng giữ gìn để không vi phạm nội quy quy chế của trại giam và cố gắng lao động cải tạo để sớm được xét giảm để sớm trở về với gia đình mình. Tương lai nghĩ mình cố gắng cải tạo tốt thì sẽ được giảm một phần mức án để trở về sớm hơn. Bản thân thì cũng nghĩ là mình sẽ được đặc xá vào một dịp nào đó.

CB: Nếu được đặc xá thì anh có dự định gì trong tương lai của anh?

PN: Nếu bây giờ bảo xác định thì tôi cũng chưa thể xác định được vì tôi nghĩ sau này tôi được về thì mình sẽ bị tụt hậu so với xã hội. Vì xã hội lúc đấy sẽ phát triển quá khác so với bây giờ. Lúc về thì bản thân có tuổi rồi thì cũng chưa biết làm một cái nghề gì hay làm như thế nào. Lúc đấy phải nhìn vào thực tế của xã hội thôi chứ bây giờ thì chẳng nghĩ được gì cả và rất khó xác định.

CB: Từ khi vào trại giam đến nay, anh thấy mình học được điều gì nhiều nhất?

PN: Tôi thấy bản thân từ khi vào trại giam thì được hiểu biết nhiều hơn và được nâng cao hơn về hiểu biết PLHS thông qua cán bộ giáo dục cũng có trao đổi và thông qua báo chí pháp luật và xem thời sự trên ti vi thì cũng biết, thông qua các anh em phạm nhân ở cùng thì tôi cũng được biết nhiều hơn về PLHS.

CB: Anh thấy gia đình có ảnh hưởng gì tới tư tưởng chấp hành án của anh?

PN: Gia đình thì vẫn động viên nói yên tâm, mọi người ở nhà vẫn khỏe và làm ăn tốt, cứ yên tâm không phải suy nghĩ mà cải tạo tốt. Mỗi lần lên thăm thì cũng kể về tình hình gia đình mọi người ở nhà thế nào vv...để mình biết được mình yên tâm.

CB: Phía cán bộ có ảnh hưởng gì đến tư tưởng của anh ?

PN: Cán bộ luôn luôn nhắc nhở và động viên, khuyên tôi hướng phấn đấu cải tạo tốt để được khoan hồng và giảm thời gian chấp hành án để được về sớm.

CB: Các phạm nhân khác thì có tác động gì không?

PN: Có nhiều phạm nhân thì nói cho mình hướng tiến bộ, nhưng có nhiều phạm nhân thì nói cho mình theo hướng tiêu cực vì họ đi tù nhiều lần rồi. Nhưng mình chỉ nghe để đấy thôi chứ mình không phản ứng gì và mình tự làm theo cách của mình. Có những người người ta đi tù nhiều lần rồi thì cảm giác của người ta không sợ vi phạm, không sợ đi kỷ luật, vì cảm giác của người ta đi nhiều lần nên nó bị chai lì rồi. Nói chung mình không có tư tưởng vững vàng thì sẽ bị lây nhiễm và ảnh hưởng nhiều đến chuyện tiêu cực hơn là tích cực. Nhiều người vào tù trở về thì học được nhiều mảnh khõe và hư hơn.

PHỤ LỤC 6: THỰC NGHIỆM TÁC ĐỘNG

1. Mục đích

Thực nghiệm một số biện pháp tác động tâm lý thông qua nhà tham vấn, mối quan hệ giữa PN và gia đình, mối quan hệ giữa PN và cán bộ trại giam nhằm hình thành và phát triển niềm tin của PN vào tương lai, từ đó nâng cao TNT, TĐG về HVPT và HVCHHPT của phạm nhân, nâng cao khả năng tự điều chỉnh HVCHHPT của họ. Đề xuất một số kiến nghị góp phần nâng cao công tác quản lý với nhóm PN CHHPT các tội về ma túy ở trại giam hiện nay.

2. Khách thể

Chúng tôi lựa chọn 01 PN trong trại giam Ngọc Lý - Bắc Giang.

3. Cơ sở xác định biện pháp tác động tâm lý

Từ kết quả nghiên cứu thực trạng TYT về HVPT và HVCHHPT của PN CHHPT các tội về ma túy chúng tôi nhận định rằng: Bị bắt và bị án phạt tù và đi CHHPT là một sự thay đổi tâm lý đột ngột của hầu hết mỗi cá nhân có HVPT về ma túy. Không những PN có những rối nhiễu hành vi nhất định mà họ còn mất niềm tin vào tương lai của mình. Sự phối hợp có chương trình, có kế hoạch giữa cán bộ trại giam, gia đình nhằm xây dựng và phát triển niềm tin của họ vào tương lai, niềm tin vào tính nhân đạo của pháp luật để từ đó họ TNT, TĐG rõ ràng về HVPT và HVCHHPT của bản thân, xác định bản thân tự điều chỉnh HVCHHPT theo hướng tự giác, tích cực không vi phạm nội quy, kỷ luật của trại giam... Qua sự tác động tâm lý hình thành niềm tin của PN vào biện pháp giáo dục tại trại giam, tin tưởng vào sự nhân đạo của pháp luật, tin vào sự công bằng của xã hội, niềm tin vào tương lai. Từ đó giúp họ yên tâm cải tạo tốt trong thời gian CHHPT và có niềm tin vào tương lai của bản thân.

4. Địa điểm thực hiện thực nghiệm tác động

Thực nghiệm tác động được thực hiện tại trại giam, hội trường, phòng làm việc riêng của cán bộ làm công tác giáo dục, cán bộ quản giáo, nhà thăm gặp dưới hình thức tiếp xúc riêng với từng cá nhân với sự cho phép của ban giám thị trại giam.

5. Phương pháp, biện pháp và tiến trình thực hiện thực nghiệm tác động

Để nâng cao TYT về HVPT và HVCHHPT của PN, chúng tôi sử dụng đan xen những biện pháp sau:

- Tham vấn tâm lý cho PN
- Thuyết phục, giáo dục PN
- Tổ chức cho PN thăm gặp người thân

** Tham vấn tâm lý cho PN*

Tham vấn tâm lý là một tiến trình trong đó diễn ra mối quan hệ giúp đỡ giữa hai người, khi một bên cảm thấy cần được giúp đỡ về mặt tinh thần khi họ gặp vấn đề về mặt tinh

thần và không có khả năng tự giải quyết. Thông qua các buổi tham vấn, nghiệm thể tìm được sự an toàn, thoải mái, từ đó chia sẻ, chấp nhận những trải nghiệm đã bị chối bỏ và hướng tới sự thay đổi. Mục đích nhằm giúp cho PN bộc lộ mọi mặt của bản thân (khó khăn, thuận lợi) và cách khắc phục khó khăn của họ.

Trong ba tháng đầu, cán bộ tham vấn gặp PN 6 lần:

Lần thứ nhất buổi tham vấn diễn ra sau khi nhà nghiên cứu tìm hiểu về lịch sử cuộc đời PN, nghiên cứu về đặc điểm HVPT và HVCHHPT của họ qua nghiên cứu hồ sơ. Qua cán bộ quản giáo (tư tưởng, kết quả xếp loại thi đua, chấp hành nội quy, kỷ luật trại giam từ khi vào trại). Mục đích lần tham vấn thứ nhất cùng nhà tham vấn tìm hiểu thực trạng tự nhận thức, tự đánh giá về HVPT và HVCHHPT, khả năng tự điều chỉnh HVCHHPT của PN. Buổi tham vấn thứ hai nhà tham vấn tìm hiểu về các yếu tố ảnh hưởng tới HVPT và HVCHHPT của PN, yếu tố nào có ảnh hưởng mạnh nhất tới TYT về HVPT và HVCHHPT của họ. Buổi tham vấn thứ tư diễn ra sau lần họp đội PN theo tháng của cán bộ quản giáo (có nhận xét, thi đua phân loại tháng) với mục đích nhà tham vấn cùng phạm nhân chia sẻ về thực trạng TYT về HVPT và HVCHHPT, khả năng tự điều chỉnh HVCHHPT của PN. Buổi tham vấn lần thứ 5 người làm công tác tham vấn xác định lại TNT, TĐG và tự điều chỉnh HVCHHPT của PN sau khi được cán bộ gặp gỡ giáo dục riêng và cho PN gặp gia đình, nhận bưu phẩm từ gia đình. Buổi thứ 6, PN là người tự đánh giá lại sự tiến bộ của bản thân về các nội dung của TYT về HVPT và HVCHHPT cũng như nói lại niềm tin của họ vào tương lai hiện nay.

Trong 9 tháng còn lại, lịch gặp PN 3 tháng/1 lần:

Theo định kỳ 3 tháng 1 lần nhà tham vấn trở lại gặp trực tiếp PN, trong quá trình đó, PN có thể viết thư hoặc qua cán bộ quản giáo để trao đổi thông tin và những vướng mắc của mình với nhà tham vấn. Sự kết hợp chặt chẽ và hài hòa giữa cán bộ tham vấn và cán bộ quản giáo là yếu tố quan trọng trong công tác tham vấn tâm lý thành công cho phạm nhân.

Kết quả sau mỗi buổi tham vấn, người làm công tác tham vấn đều chia sẻ lại với cán bộ quản giáo phụ trách đội phạm nhân.

** Thuyết phục, giáo dục phạm nhân*

Thuyết phục, giáo dục thông qua các hoạt động cụ thể (gặp riêng PN và tổ chức sinh hoạt chung cả đội) theo tháng, quý, sáu tháng đầu năm và cả năm. Mục đích tác động tâm lý PN giúp họ có cái nhìn tích cực về tương lai, tự tin vào bản thân sẽ có việc làm trong tương lai, có một gia đình hạnh phúc và lấy lại được niềm tin với gia đình, người thân.

** Tổ chức cho PN thăm gặp người thân*

Tổ chức cho gia đình thăm gặp PN và tác động tới PN theo định hướng của nhà nghiên cứu (cán bộ tổ chức thăm gặp và người nghiên cứu). Gia đình thăm gặp PN thông báo

cho PN thông tin về gia đình (không thông báo cho PN những thông tin tiêu cực bên ngoài xã hội), hỏi thăm PN những khó khăn mà PN mắc phải. Nói rõ quan điểm của gia đình sẽ cùng cán bộ trại giam tháo gỡ khó khăn trong phạm vi pháp luật và nội quy, quy chế trại giam cho phép và phù hợp với hoàn cảnh của gia đình.

6. *Quá trình tiến hành thực hiện thực nghiệm tác động*

Quá trình thực nghiệm tác động gồm 3 giai đoạn:

**** Bước 1: Thu thập thông tin xác định vấn đề khó khăn của PN***

- Qua nghiên cứu hồ sơ để tìm hiểu đặc điểm chung của PN sẽ tác động từ xuất thân, hoàn cảnh gia đình, tình trạng hôn nhân, nghề nghiệp, số lần tái phạm, tiền án, tiền sự, HVPT cụ thể, thời gian đã chấp hành hình phạt. Sau đó chúng tôi thông qua quản giáo trực tiếp PN ở từng thời điểm khác nhau để biết thêm các thông tin về PN cộng với kết quả điều tra nghiên cứu trước đây của mình. Từ đó chúng tôi xây dựng một bức chân dung tâm lý khái quát của PN.

- Xác định vấn đề PN gặp phải: Mục đích của việc xác định những HVPT, nguyên nhân của HVPT mà PN đã thực hiện, làm rõ mức độ TYT về HVPT của họ qua quá trình tự nhận thức, thái độ đối với HVPT của bản thân và HVCHHT của bản thân. Từ đó tìm hiểu diễn biến tư tưởng của PN, khó khăn tâm lý mà PN gặp phải trong quá trình chấp hành án phạt tù.

**** Bước 2: Thực hiện các biện pháp tác động tâm lý***

Sử dụng tác động tâm lý qua thuyết phục, giáo dục: Mục đích giai đoạn này giúp PN nhận thức được sâu sắc lỗi lầm của mình, giảm bớt sự mặc cảm, tự ti hoặc tự cao tự đại. Từ đó họ có thái độ đúng mực với HVPT và HVCHHT, yên tâm cải tạo và lao động tốt thời gian còn lại trong trại giam.

Quá trình thực hiện biện pháp tác động tâm lý chúng tôi:

- Lựa chọn biện pháp tác động tâm lý (hình thành và phát triển niềm tin của phạm nhân vào tương lai). Với từng buổi tham vấn, chúng tôi áp dụng cách thức, biện pháp cụ thể một cách linh hoạt và thời gian khác nhau.

- Xây dựng kế hoạch thực hiện: Chúng tôi lên kế hoạch cụ thể cho từng buổi tham vấn, tùy theo nghiên cứu bức chân dung tâm lý khái quát của đối tượng từ trước.

- Triển khai thực hiện: Tham vấn được tiến hành với mức độ từ từ nhằm tạo niềm tin, sự thoải mái, kỹ năng chia sẻ thông tin, tình cảm, nguyện vọng của PN. Từ đó giải tỏa được tâm lý căng thẳng, lo lắng của PN.

- Chúng tôi thực hiện nguyên tắc:

+ Tin tưởng và tôn trọng vào người được tham vấn

- + Tự người tham vấn tự nguyện bộc lộ tất cả đời sống tinh thần của mình
- + Tạo mọi điều kiện để người được tham vấn thoải mái, tự nhiên bày tỏ suy nghĩ, nguyện vọng.

- + Tất cả những tâm sự của người được tham vấn được giữ bí mật trừ khi theo yêu cầu của người được tham vấn mong muốn.

** Bước 3: Đánh giá kết quả thực nghiệm*

Nhà tham vấn đánh giá những thay đổi đã đạt được ở người được tham vấn là PN. Ở mỗi buổi tham vấn, người làm công tác tham vấn nhấn mạnh những tiến bộ mà người được tham vấn đạt được, từ đó củng cố lại niềm tin của họ vào tương lai, niềm tin vào sự khoan hồng của pháp luật. Sau đợt thực nghiệm chúng tôi cho nhóm thực nghiệm trả lời phiếu điều tra khi kết thúc thực nghiệm tác động và so sánh với kết quả nhóm đối chứng. Lấy ý kiến nhận xét của cán bộ giáo dục và cán bộ quản giáo phụ trách đội.

7. Đánh giá tự ý thức của phạm nhân H về hành vi phạm tội và hành vi chấp hành hình phạt tù sau tác động tâm lý

Sau 12 tháng (từ 30/4/2012 đến 30/4/2013) kết hợp giữa nhà nghiên cứu, cán bộ trại giam và gia đình phạm nhân kiên trì tác động tới tâm lý phạm nhân H theo trình tự phương pháp và các bước đã chỉ ra ở chương 2. Kết quả được tổng kết bằng số liệu sau:

Thực trạng TYT về HVPT và HVCHHPT trước và sau tác động tâm lý (Theo điểm trung bình)

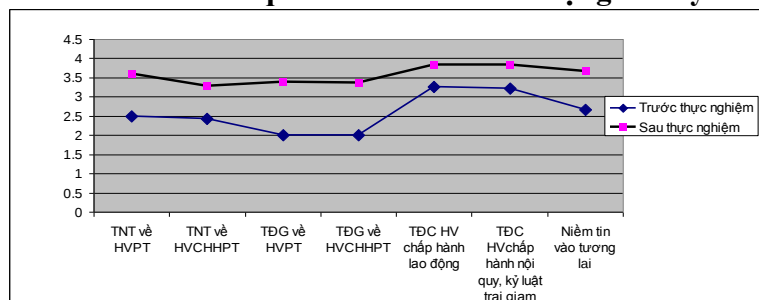
Tự ý thức của phạm nhân H về hành vi phạm tội và hành vi chấp hành hình phạt tù	Trước tác động (ĐTB)	Sau tác động (ĐTB)
Tự nhận thức về hành vi phạm tội	2,50	3,60
Tự nhận thức về hành vi chấp hành hình phạt tù	2,43	3,29
Tự đánh giá về hành vi phạm tội	2,00	3,40
Tự đánh giá về hành vi chấp hành hình phạt tù	2,00	3,38
Tự điều chỉnh hành vi chấp hành lao động	3,27	3,83
Tự điều chỉnh hành vi chấp hành nội quy, kỷ luật trại giam	3,21	3,83
Niềm tin vào tương lai	2,67	3,67
Trung bình	2,37	3,43

Kết quả bảng số liệu trên cho thấy, yếu tố niềm tin vào tương lai trước thực nghiệm tác động có mức điểm trong khoảng trung bình (ĐTB=2,67). PN N trước thực nghiệm tác động mất niềm tin vào bản thân và tương lai. N gần như không tin tưởng sẽ lấy lại niềm tin ở gia đình người thân và xã hội, không tin bản thân sẽ có việc làm ổn định khi ra trại và sẽ có gia đình hạnh phúc. Sau thực nghiệm tác động PN đã có niềm tin vào tương lai rõ rệt (ĐTB=3,67). Khi được hỏi N sẽ có dự định cụ thể tương lai của mình như thế nào N chia sẻ “*Trước đây tôi chỉ nói được mà làm chưa tốt, cán bộ thấy đấy, cả năm nay tháng nào tôi cũng được xếp loại khá và tốt. Công việc được cán bộ giao tôi đều hoàn thành. Giờ tôi thấy tương lai của mình đang ở phía trước. Trước hết tôi sẽ chấp hành tốt mọi nội quy, kỷ luật của trại*

giam, hoàn thành mức khoán cán bộ giao với tinh thần trách nhiệm tự giác để từ đó được xếp loại khá, tốt và được giảm án. Khi trở về với xã hội tôi sẽ đi xin đi làm nghề cửa sắt. Mặc dù có vất vả nhưng dù sao mình cũng đã được đào tạo và có thể làm tốt. Có việc làm và có đồng tiền từ công việc chân chính tôi sẽ lấy lại được niềm tin với người thân”.

Trên cả 3 nội dung TYT về HVPT và HVCHHPT của phạm nhân đang CHHPT các tội về ma túy (tự nhận thức, tự đánh giá và tự điều chỉnh hành vi CHHPT) trước tác động đều có điểm ở mức thấp. Sau tác thực nghiệm tác động thì cả 3 nội dung TNT, TĐG HVPT và HVCHHPT đều ở mức cao.

Biểu đồ. Kết quả trước và sau tác động tâm lý



Tuy nhiên, những khó khăn mà chúng tôi gặp phải:

- Thứ nhất phạm nhân CHHPT các tội về ma túy rất đa dạng (bao gồm nhiều hành vi phạm tội về ma túy khác nhau, nhóm không có tiền sử nghiện, nhóm có tiền sử nghiện, nhóm có tiền án đầu, nhóm có nhiều tiền án, ...).

- Thứ hai, phạm nhân CHHPT các tội về ma túy sinh hoạt và lao động cùng nhóm PN có hành vi phạm tội khác (trộm cắp, cướp giật, giết người....) nên rất dễ bị tác động những tiêu cực từ những phạm nhân trong cùng một tổ và cùng một buồng giam.

- Khó khăn thứ ba chúng tôi gặp phải là phạm nhân N có hoàn cảnh gia đình khó khăn, không có điều kiện thăm gặp. Vì vậy, sự kết hợp giữa gia đình với cán bộ tư vấn và cán bộ trại giam không phải lúc nào cũng diễn ra một cách thuận lợi. Một số phạm nhân CHHPT tội về ma túy có gia đình rất khá giả, gia đình chỉ có một mình phạm nhân là con trai, do đó có hành vi chiều con thái quá ngay cả khi con của họ đang CHHPT.

- Thứ tư, hiện nay theo tổng kết của Tổng cục thi hành án hình sự và Hỗ trợ tư pháp thì hành vi vi phạm phổ biến của phạm nhân là sử dụng điện thoại di động và ma túy có chiều hướng gia tăng. Do vậy, đây cũng là một khó khăn trong công tác tác động đến tâm lý phạm nhân nói chung và tự ý thức về hành vi phạm tội và hành vi chấp hành hình phạt tù của phạm nhân phạm các tội về ma túy nói riêng.

- Thứ năm, do điều kiện đầu tư kinh phí cho trại giam còn rất hạn chế nên chưa có phòng tham vấn và cán bộ tham vấn chuyên trách. Chúng tôi tham vấn tâm lý trong điều kiện không có phòng tham vấn chuyên biệt và cố định. Khi thì nhờ vào phòng của cán bộ giáo dục,

khi khác lại nhờ vào phòng của cán bộ trinh sát, có khi ngồi ngay tại gốc cây trong phân trại và có nhiều phạm nhân khác qua lại nên rất ảnh hưởng tới cuộc tham vấn tâm lý.